NGUYỄN THỊ HẠNH (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG - NGUYỄN LÊ HẰNG
ĐẶNG THỊ LANH - TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG - TRỊNH CAM LY

Tiếng Việt 1

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ HẠNH (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG - NGUYỄN LÊ HẰNG
ĐẶNG THỊ LANH - TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG - TRỊNH CAM LY

Tiếng Việt 1

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

Tên bài	Trang
PHẦN MỘT	
GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1	5
PHẦN HAI	
HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TRONG TỪNG BÀI	14
HỌC CHỮ CÁI VÀ VẦN	
Làm quen	14
Làm quen với học viết	18
1A: a b	20
1B: c o	22
1C: ô ơ	24
1D: d đ	26
1E: Ôn tập	28
Tập viết Tuần 1	30
2A: e ê	32
2B: h i	34
2C: g gh	36
2D: k kh	38
2E: Ôn tập	40
Tập viết Tuần 2	42
3A: l m	44
3B: n nh	46
3C: ng ngh	48
3D: u ư	50
3E: Ôn tập	52
Tập viết Tuần 3	54
4A: q – qu gi	56
4B: p – ph v	58
4C: r s	60
4D: t th	62
4E: Ôn tập	64
Tập viết Tuần 4	66
5A: ch tr	68
5B: x y	70
5C: ua ưa ia	72
5D: Chữ thường và chữ hoa	74
5E: Ôn tập	76
Tập viết Tuần 5	78
6A: â ai ay ây	80
6B: oi ôi ơi	82
6C: ui ưi	84
6D: uôi ươi	86
6E: Ôn tập	88
Tập viết Tuần 6	90
7A: ao eo	92
7B: au âu	94
7C: êu iu ưu	96
7D: iêu yêu ươu	98
7E: Ôn tập	100
Tập viết Tuần 7	102
8A: ă an ăn ân	104
8B: on ôn ơn	106
8C: en ên un	108
8D: in iên yên	110
8E: uôn ươn	112
Tập viết Tuần 8	114
9A: Ôn tập	116
9B: Ôn tập giữa Học kì I	118
Tập viết Tuần 9	121
10A: at ăt ât	122
10B: ot ôt ơt	124
10C: et êt it	126
10D: ut ưt iêt	128
10E: uôt ươt	130
Tập viết Tuần 10	132

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tên bài	Trang
11A: Ôn tập	134
11B: am ăm âm	136
11C: om ôm ơm	138
11D: em êm im	140
11E: um uôm	142
Tập viết Tuần 11	144
12A: ươm iêm yêm	146
12B: Ôn tập	148
12C: ap ăp âp	150
12D: op ôp ơp	152
12E: ep êp ip	154
Tập viết Tuần 12	156
13A: up ươp iêp	158
13B: Ôn tập	160
13C: ang ăng âng	162
13D: ong ông	164
13E: ung ưng	166
Tập viết Tuần 13	168
14A: iêng uông ương	170
14B: inh ênh anh	172
14C: Ôn tập:	174
14D: ac ăc âc	176
14E: oc ôc	178
Tập viết Tuần 14	180
15A: uc ưc	182
15B: ich êch ach	184
15C: iêc uôc ươc	186
15D: Ôn tập	188
15E: oa oe	190
Tập viết Tuần 15	192
16A: oai oay	194
16B: oan oăn	196
16C: oat oăt	198
16D: oang oăng oanh	200
16E: oac oăc oach	202
Tập viết Tuần 16	204

Tên bài	Trang
17A: Ôn tập	206
17B: uê uy ươ	208
17C: uân uât uây	210
17D: uyên uyêt uyt	212
17E: Vần ít dùng	214
Tập viết Tuần 17	215
18: Ôn tập cuối Học kì I	216
Phiếu kiểm tra cuối Học kì I	218
Tập viết Tuần 18	219
LUYỆN TẬP TIẾNG VIỆT	
19A: Tới trường	220
19B: Ở trường thật thú vị	222
19C: Đường đến trường	224
19D: Ngôi trường mới	226
20A: Bạn bè tuổi thơ	228
20B: Bạn thích đồ chơi gì?	230
20C: Em nói lời hay	232
20D: Giúp bạn vượt khó	234
21A: Những thanh âm diệu kì	236
21B: Nước có ở đâu?	238
21C: Trẻ thơ và trăng	240
21D: Những người bạn bé nhỏ	242
22A: Con yêu mẹ	244
22B: Tập làm đầu bếp	246
22C: Em yêu nhà em	248
22D: Bố dạy em thế	250
23A: Theo bước em đến trường	252
23B: Trường đẹp lắm bạn ơi!	254
23C: Chuyện ở trường ở lớp	256
23D: Đi học thôi, bạn ơi!	258
24A: Bạn trong nhà	260
24B: Những chuyến đi thú vị	262
24C: Niềm vui tuổi thơ	264
24D: Những bài học hay	266

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tên bài	Trang
25A: Những con vật đáng yêu	268
25B: Những bông hoa thơm	270
25C: Giúp ích cho đời	272
25D: Những con vật thông minh	274
26A: Con không còn bé nữa	276
26B: Bữa cơm gia đình	278
26C: Như những người bạn	280
26D: Cháu muốn ông bà vui	282
27: Ôn tập giữa Học kì II	284
28A: Bạn ở trường	288
28B: Học cách vui chơi	290
28C: Vui chơi ở trường	292
28D: Bài học bổ ích	294
29A: Nói dối hại thân	296
29B: Đi lại an toàn	298
29C: Cùng bạn vui chơi	300
29D: Điều em ghi nhớ	302
30A: Tình yêu thương	304
30B: Cuộc sống của các loài cây	306
30C: Lời của loài vật	308
30D: Điều em muốn biết	310

Tên bài	Trang
31A: Người thân một nhà	312
31B: Nhớ những ngày vui	314
31C: Con ngoan của mẹ	316
31D: Nhớ lời bố mẹ dặn	318
32A: Em lớn lên rồi	320
32B: Làm thế nào để khoẻ mạnh?	322
32C: Đồ chơi tuổi thơ	324
32D: Tình bạn	326
33A: Những điều giản dị	328
33B: Trẻ em là vốn quý	330
33C: Những con vật quanh em	332
33D: Quanh em có gì thú vị?	334
34A: Con xin lỗi	336
34B: Biết ơn cha mẹ	338
34C: Con yêu của cha mẹ	340
34D: Em được yêu thương	342
35: Ôn tập cuối Học kì II	344
Phiếu kiểm tra cuối Học kì II	346

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG SÁCH

Học sinh	HS
Giáo viên	GV
Sách học sinh	SHS
Sách giáo viên	SGV
Hoạt động	HĐ
Hướng dẫn	HD
Ví dụ	VD
Vở bài tập	VBT
Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một	VBT TV1/1
Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai	VBT TV1/2

PHẦN MỘT
GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1

I – QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH *TIẾNG VIỆT 1* TRONG BỘ SÁCH *CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC*

1. *Quan điểm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh*

Chương trình môn Tiếng Việt cấp Tiểu học được xây dựng theo quan điểm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Sách *Tiếng Việt 1 – Cùng học để phát triển năng lực* được biên soạn theo chương trình, tất yếu cũng hướng theo quan điểm này.

Các bài học trong sách *Tiếng Việt 1 – Cùng học để phát triển năng lực* bao gồm những văn bản có chủ đề nhằm hình thành và phát triển ở học sinh những phẩm chất tốt đẹp với các biểu hiện cụ thể như: tình yêu đối với thiên nhiên, gia đình, quê hương; ý thức đối với cội nguồn; lòng nhân ái; tình yêu cái đẹp, cái thiện, có cảm xúc lành mạnh; có hứng thú học tập, ham thích lao động; trung thực và có trách nhiệm.

Những nhiệm vụ học tập trong từng bài học góp phần phát triển các năng lực chung như: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; đồng thời phát triển các năng lực chuyên môn như: năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho học sinh. Biểu hiện của sự phát triển các năng lực nói trên trong sách là: đọc đúng, trôi chảy văn bản; hiểu được thông tin tường minh, căn bản của văn bản; liên hệ đơn giản văn bản với việc làm của bản thân; viết đúng chính tả, ngữ pháp; viết được một số câu biểu đạt suy nghĩ, cảm xúc, việc làm của bản thân; phát biểu ý kiến dựa trên gợi ý; nghe hiểu ý kiến đơn giản; phân biệt được thơ và truyện, bước đầu biết cách đọc thơ và truyện, cảm nhận được vẻ đẹp của câu chuyện, bài thơ, biết xúc động trước cái đẹp, cái thiện của con người và thế giới xung quanh được thể hiện trong các văn bản thơ, truyện được đọc.

2. *Quan điểm tích cực hoá hoạt động học tập của học sinh*

Để đạt mục tiêu phát triển năng lực cho học sinh, sách *Tiếng Việt 1 – Cùng học để phát triển năng lực* tập trung đưa ra các nhiệm vụ để học sinh làm việc nhằm giúp các em có thể làm được những gì trong đọc, viết, nói và nghe. Thông qua thực hiện các việc làm, hoạt động, mỗi học sinh đều được bộc lộ mình và được phát triển năng lực.

Hoạt động học trong sách *Tiếng Việt 1 – Cùng học để phát triển năng lực* được thiết kế đa dạng, phù hợp với từng nhiệm vụ phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Sự đa dạng đó được phát triển từ 4 loại hoạt động có trong phần lớn các bài học:

– *Hoạt động khởi động* nhằm giúp học sinh chia sẻ những hiểu biết, kinh nghiệm của các em đã có về vấn đề nêu trong bài học.

– *Hoạt động khám phá* nhằm giúp học sinh tìm và hiểu kiến thức, kĩ năng, thái độ, giá trị mới trong bài học.

– *Hoạt động luyện tập* nhằm giúp học sinh sử dụng từng phần của kiến thức, kĩ năng, thái độ, giá trị vào giải quyết những vấn đề trong tình huống đơn giản gần với tình huống thực.

– *Hoạt động vận dụng* nhằm giúp học sinh sử dụng tổng hợp những kiến thức, kĩ năng, thái độ, giá trị vào giải quyết tình huống có thực trong học tập và đời sống của chính các em.

Hình thức hoạt động học tập trong sách cũng đa dạng nhằm phát triển cho học sinh kĩ năng làm việc cá nhân, làm việc tương tác với bạn trong nhóm, làm việc tương tác với thầy và bạn trong lớp. Các hình thức hoạt động học tập trong mỗi bài học của sách gồm:

– Hình thức học cá nhân.

– Hình thức học theo nhóm (gồm cả học theo cặp đôi và học theo nhóm).

– Hình thức học theo lớp.

Không gian học tập của học sinh học theo sách *Tiếng Việt 1 – Cùng học để phát triển năng lực* được mở rộng từ lớp học ra trường, về nơi học sinh sống nhằm giúp học sinh không chỉ được học trên sách mà còn được học trong thực tế ở trường và ở cộng đồng (gia đình, địa phương).

3. *Quan điểm tích hợp*

Sách *Tiếng Việt 1 – Cùng học để phát triển năng lực* hỗ trợ giáo viên và học sinh thực hiện dạy – học tích hợp, một quan điểm chủ đạo trong giáo dục ở cấp Tiểu học. Quan điểm tích hợp trong sách được thể hiện cụ thể là:

– *Tích hợp trong nội bộ môn Tiếng Việt:* Đây là sự tích hợp học nói và nghe, học viết trong những nhiệm vụ học đọc. Tương tự như vậy, tích hợp học đọc, học nói trong những nhiệm vụ học viết; tích hợp học viết, học đọc trong những nhiệm vụ học nói và nghe. Sự tích hợp nội bộ môn không chỉ thể hiện ở bình diện nội dung như trên mà còn thể hiện cả trên bình diện phương pháp: nhiều hoạt động trong sách vừa có mục đích phát triển năng lực chuyên môn là năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học, vừa có mục đích phát triển một số năng lực chung như: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Chẳng hạn: Trong dạy học đọc hiểu có dùng phương pháp dạy học hợp tác như: đọc theo trong cặp, nhóm; đóng vai thể hiện hành động, lời nói của nhân vật. Trong nhiều bài, học sinh còn được giao nhiệm vụ giải quyết một tình huống có thực (đơn giản) trong đời sống tương tự với tình huống có trong bài đọc để học sinh học cách giải quyết vấn đề.

– *Tích hợp liên môn:* Đây là sự tích hợp những nội dung học tập có liên quan với môn Tiếng Việt ở các môn học khác vào những nhiệm vụ học của môn Tiếng Việt. Chẳng hạn: Tích hợp hiểu biết về môi trường tự nhiên, hành vi ứng xử theo chuẩn mực với người thân và bạn bè ở môn Tự nhiên và Xã hội, môn Đạo đức,… vào các bài học Tiếng Việt.

II – YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1

Những yêu cầu cần đạt dưới đây là những mô tả đầu ra về năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học đối với học sinh lớp 1 sau khi đã hoàn thành việc học theo chương trình Tiếng Việt lớp 1.

ĐỌC

KĨ THUẬT ĐỌC

– Ngồi (hoặc đứng) thẳng lưng; sách (vở) mở rộng trên mặt bàn (hoặc trên hai tay); giữ khoảng cách giữa mắt với sách (vở) khoảng 25cm.

– Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng).

– Đọc đúng và rõ ràng đoạn văn hoặc văn bản ngắn. Tốc độ đọc: 40 – 60 tiếng / 01 phút; biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu hoặc ở chỗ kết thúc dòng thơ.

– Bước đầu biết đọc thầm.

– Nhận biết được bìa sách và tên sách.

ĐỌC HIỂU

Văn bản văn học

– Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh.

– Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ.

– Nhận biết được hình dáng, hành động của nhân vật thể hiện qua một số từ ngữ trong câu chuyện dựa vào gợi ý của giáo viên.

– Nhận biết được lời nhân vật trong truyện dựa vào gợi ý của giáo viên.

– Liên hệ được tranh minh hoạ với các chi tiết trong văn bản.

– Nêu được nhân vật yêu thích nhất và bước đầu biết giải thích vì sao.

– Đọc mở rộng văn bản văn học tối thiểu 10 văn bản / 01 năm học, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

– Thuộc lòng được 4 – 5 đoạn thơ hoặc bài thơ đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ có độ dài khoảng 30 – 40 chữ.

Văn bản thông tin

– Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản về các chi tiết nổi bật trong văn bản.

– Trả lời được câu hỏi: *Văn bản này viết về điều gì?* với sự gợi ý, hỗ trợ.

– Nhận biết được trình tự của các sự việc trong văn bản.

– Hiểu nghĩa của một số tín hiệu đơn giản, gần gũi với học sinh.

– Đọc mở rộng văn bản thông tin tối thiểu 05 văn bản / 01 năm học, có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

VIẾT

KĨ THUẬT VIẾT

– Biết ngồi viết đúng tư thế: ngồi thẳng lưng; hai chân đặt vuông góc với mặt đất; một tay úp đặt lên góc vở, một tay cầm bút; không tì ngực vào mép bàn; khoảng cách giữa mắt và vở khoảng 25cm; cầm bút bằng ba ngón tay (ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa).

– Viết đúng chữ viết thường, chữ số (từ 0 đến 9); biết viết chữ hoa.

– Ghi dấu thanh vào âm chính theo mẫu. Viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ *c, k, q, g, gh, ng, ngh*.

– Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 – 35 chữ theo các hình thức nhìn – viết (tập chép), nghe – viết; tốc độ viết khoảng 30 – 35 chữ trong 15 phút.

VIẾT CÂU, ĐOẠN VĂN NGẮN

– Bước đầu trả lời được những câu hỏi như: *Viết về ai?, Viết về cái gì, việc gì?*.

– Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

– Điền được phần thông tin còn trống, viết câu nói về hình dáng hoặc hoạt động của nhân vật dưới tranh trong câu chuyện đã học dựa trên gợi ý.

– Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời hoặc viết lại câu đã nói để giới thiệu bản thân dựa trên gợi ý.

NÓI VÀ NGHE

– Nói rõ ràng, thành câu. Biết nhìn vào người nghe khi nói.

– Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi.

– Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.

– Biết giới thiệu ngắn về bản thân, gia đình, đồ vật yêu thích dựa trên gợi ý.

– Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe (dựa vào các tranh minh hoạ và lời gợi ý dưới tranh).

– Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt được một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ.

– Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

– Nghe một câu chuyện và trả lời được các câu hỏi: *Ai? Cái gì? Khi nào? Ở đâu?*.

– Biết giơ tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu.

– Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản.

III – NỘI DUNG MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1

KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT

1. *Ngữ âm và chữ viết*

1.1. *Âm, vần, thanh; chữ và dấu thanh*

1.2. *Quy tắc chính tả phân biệt: "c và k", "g và gh", "ng và ngh"*

1.3. *Quy tắc viết hoa: viết hoa chữ cái đầu câu, viết hoa tên riêng*

2. *Từ vựng*

Vốn từ theo chủ điểm: Từ chỉ sự vật, hoạt động đặc điểm gần gũi

3. *Ngữ pháp*

Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi; đánh dấu kết thúc câu

4. *Hoạt động giao tiếp*

4.1. *Từ xưng hô thông dụng khi giao tiếp ở nhà và ở trường*

4.2. *Một số nghi thức giao tiếp thông dụng ở nhà và ở trường: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép*

5. *Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể của ngôn ngữ*

Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ)

KIẾN THỨC VĂN HỌC

1. Câu chuyện, bài thơ

2. Nhân vật trong truyện

NGỮ LIỆU

1. *Kiểu loại văn bản*

1.1. *Văn bản văn học*

– Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn, truyện tranh, đoạn văn miêu tả.

– Đoạn thơ, bài thơ (gồm cả đồng dao).

Độ dài của văn bản: truyện và đoạn văn miêu tả khoảng 90 – 130 chữ, thơ khoảng 50 – 70 chữ.

1.2. *Văn bản thông tin: giới thiệu những sự vật, sự việc gần gũi với học sinh*

Độ dài của văn bản: khoảng 90 chữ.

2. *Gợi ý chọn văn bản*

Văn bản đưa vào sách *Tiếng Việt 1* được chọn theo các tiêu chí sau:

– Phục vụ trực tiếp cho việc phát triển các phẩm chất và năng lực theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình.

– Phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức, đặc điểm tâm – sinh lí của học sinh ở từng lớp học, cấp học. Từ ngữ dùng làm ngữ liệu dạy tiếng ở cấp Tiểu học được chọn lọc trong phạm vi vốn từ văn hoá, có ý nghĩa tích cực, bảo đảm mục tiêu giáo dục phẩm chất, giáo dục ngôn ngữ, giáo dục thẩm mĩ và phù hợp với tâm lí học sinh.

– Có giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, tiêu biểu về kiểu văn bản và thể loại, chuẩn mực và sáng tạo về ngôn ngữ.

– Phản ánh được thành tựu về tư tưởng, văn học, văn hoá dân tộc; thể hiện tinh thần yêu nước, độc lập dân tộc, ý thức về chủ quyền quốc gia; có tính nhân văn, giáo dục lòng nhân ái, khoan dung, tình yêu chân thiện mĩ, tình yêu thiên nhiên, tinh thần hội nhập quốc tế, hướng đến những giá trị phổ quát của nhân loại.

IV – CẤU TRÚC CỦA SÁCH *TIẾNG VIỆT 1 – CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC*

Sách *Tiếng Việt 1 – Cùng học để phát triển năng lực* gồm 2 tập:

– Tập một gồm 18 bài học lớn tương ứng với 18 tuần học của học kì I. Tập này bao gồm những loại bài học: Làm quen (học vào lúc học sinh chuẩn bị bước vào năm học), Học chữ cái ghi âm (tuần 1 – tuần 5), Học vần (tuần 6 – tuần 18). Mỗi bài học lớn được học trong 1 tuần, gồm có 5 bài học nhỏ (kí hiệu từ bài A đến bài E). Các bài từ A đến E thực hiện trong khoảng 2 tiết mỗi bài. Ngoài ra còn có 2 tiết dành cho hoạt động Tập viết theo vở *Tập viết 1*.

– Tập hai gồm 17 bài học lớn tương ứng với 17 tuần học của học kì II. Mỗi bài học lớn được học trong 1 tuần, gồm có 4 bài học nhỏ (kí hiệu từ bài A đến bài D). Mỗi bài học nhỏ học trong khoảng 3 tiết. Các bài học này có mục đích phát triển tổng hợp năng lực, bao gồm những năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) và những năng lực chuyên môn (năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học). Trong mỗi bài học, năng lực chuyên môn là trục chính; năng lực chung được tích hợp phát triển qua phát triển năng lực chuyên môn.

Sách ở Tập hai được thiết kế theo hai trục: trục chủ điểm giao tiếp và trục kĩ năng (đọc, viết, nói và nghe). Trục chủ điểm quy định chủ đề của các văn bản được dùng để học đọc, viết, nói và nghe. Trục kĩ năng quy định những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe trong từng bài học.

Chủ điểm giao tiếp trong Tập hai bao gồm:

- Trường em
- Em là búp măng non
- Cuộc sống quanh em
- Gia đình em

Mỗi tuần học theo 1 chủ điểm, sau khi hết một vòng 4 chủ điểm thì các tuần tiếp theo sẽ quay lại vòng 4 chủ điểm đó.

Nội dung mỗi bài học phát triển đủ các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe dựa trên những văn bản văn học (truyện, thơ) và những văn bản thông tin. Từng bài học nhỏ có những nội dung cụ thể là:

– Bài A (khoảng 3 tiết): Đọc (chính), Chính tả;

– Bài B (khoảng 3 tiết): Đọc (chính), Chính tả, Kể chuyện;

– Bài C (khoảng 3 tiết): Đọc (chính), Tập viết, Nói và nghe theo chủ điểm;

– Bài D (khoảng 3 tiết): Đọc (mở rộng), Chính tả, Viết câu theo gợi ý.

V – MỘT SỐ CHỈ DẪN VỀ DẠY HỌC, SỬ DỤNG SÁCH *TIẾNG VIỆT 1 – CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC*

1. *Một số giải pháp trong dạy học chữ cái và vần*

Sách *Tiếng Việt 1*, tập một có mục đích chính là dạy cho học sinh biết đọc. Do vậy, các tác giả sách đã chọn cách xử lí một số vấn đề phức tạp trong ngữ âm và chữ viết của tiếng Việt, làm cho vấn đề trở nên đơn giản, dễ tiếp nhận với học sinh hơn. Dưới đây là một số giải pháp đã xử lí:

1.1. *Dạy các chữ* q, qu, p, ph

Sách không dạy riêng chữ *q* và chữ *p* như những chữ cái khác do chữ *q* luôn đi với âm đệm viết là *u* còn chữ *p* tạo ra rất ít từ thuần Việt (chủ yếu tạo ra các tiếng có trong từ nước ngoài phiên âm ra tiếng Việt, VD: pa-tê). Giải pháp là: giới thiệu chữ *q* (đọc là "cu"), sau đó dạy luôn chữ *qu* (quờ); giới thiệu chữ *p* (đọc là "pờ"), tiếp theo dạy luôn chữ *ph* (phờ). Sở dĩ vẫn cần giới thiệu chữ *q*, *p* cho HS lớp 1 để khi lên lớp 2, các em đã biết đọc các chữ cái này trong bảng chữ cái tiếng Việt.

Dạy chữ *qu*, nghĩa là các tiếng có âm đệm đi kèm theo âm "cờ" viết là *q* sẽ được tách ra và ghép vào như sau:

– "quả" tách thành: âm đầu *qu*, vần *a*, thanh hỏi (quờ – a – qua – hỏi – quả).

– "quán" tách thành: âm đầu *qu*, vần *an*, thanh sắc (quờ – an – quan – sắc – quán).

– "quét" tách thành: âm đầu *qu*, vần *et*, thanh sắc (quờ – et – quét – sắc – quét).

1.2. *Dạy chữ* gi *là âm đầu trong các tiếng có vần chứa chữ* i

Chữ *gi* thực chất là tổ hợp chữ cái ghi âm đầu "dờ". Trong các trường hợp tiếng có vần sau chữ *gi* là những chữ khác như *a, ô, ơ, u,…* thì vẫn dạy học sinh đánh vần và viết theo đánh vần. VD: gi – a – gia – ngã – giã; gi – ông – giông – sắc – giống,… Riêng những trường hợp tiếng có vần sau chữ *gi* mở đầu bằng *i* (*iêt, iêu, iêng*), sách đề xuất cách dạy như sau:

- Tiếng "giếu" dạy học sinh đánh vần: gi – iêu – giêu – ngã – giếu; nhưng khi viết thì hướng dẫn học sinh bỏ đi một chữ *i* để không viết liền hai chữ *i* (*giếu*).

- Tiếng "giếng" dạy học sinh đánh vần : gi – iêng – giêng – sắc – giếng, nhưng khi viết cũng bỏ đi một chữ *i* (*giếng*).

1.3. *Dạy các chữ* ia, ua, ưa *ghi các nguyên âm đôi* iê, uô, ươ

Trong sách *Tiếng Việt 1*, tập một chưa dạy các khái niệm nguyên âm, phụ âm, nguyên âm đôi mà chỉ dạy các khái niệm âm đầu, vần, thanh, tiếng, từ ngữ,… Vậy nên để giúp học sinh dễ nhận biết, các tác giả đã chọn giải pháp coi *ia, ua, ưa* là những vần. VD:

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

- Tiếng "bìa" tách thành: âm đầu "bờ", vần "ia", thanh "huyền".
- Tiếng "múa" tách thành: âm đầu "mờ", vần "ua", thanh "sắc".
- Tiếng "thừa" tách thành: âm đầu "thờ", vần "ưa", thanh "huyền".

***1.4.** Dạy các vần ít dùng*

Các vần ít dùng là những vần tạo ra rất ít từ, và các từ tạo ra đó cũng rất ít dùng. Do vậy sách *Tiếng Việt 1*, tập một chỉ chọn dạy một số vần ít dùng mà các vần này tạo ra một số từ đôi khi dùng như : *eng – xẻng, kẻng; ec – téc, séc; uya – khuya; uyu – khuỷu; uynh – huynh, khuỳnh; uych – huỵch, huých; oeo – ngoèo, khoeo*.

Một số vần ít dùng khác như *yêng, yêt, oao, oam, oap, uênh, uêch*, học sinh sẽ được đọc và chép lại trong một bài tập chính tả. Sau này, khi học lớp 2, các em lại có dịp ôn lại các cách đọc và viết những tiếng có các vần ít dùng này.

2. *Phương pháp dạy các bài ở Tập một*

Mục đích của các bài học ở Tập một là để HS biết đọc các tiếng có cấu trúc từ đơn giản đến phức tạp. Để đọc được một tiếng, học sinh phải biết mô hình ghép các âm và thanh thành tiếng: âm đầu + vần + thanh được ghi bằng các chữ cái, tổ hợp chữ cái ghi âm đầu, tổ hợp chữ cái ghi vần và dấu ghi thanh. Trình tự của các hoạt động trong loại bài học ở Tập một như sau:

2.1. Học sinh chia sẻ những hiểu biết của mình về các sự vật, hoạt động, tính chất có tên được ghi bằng các âm đầu hoặc vần, dấu thanh sẽ học trong bài. Đây là hoạt động *Khởi động* để học sinh chú ý vào những từ có chứa âm hoặc vần trong bài.

Phương pháp, kĩ thuật dạy học thực hiện trong loại hoạt động này bao gồm: hỏi – đáp giữa giáo viên với học sinh hoặc hỏi – đáp giữa học sinh với nhau dựa trên hình ảnh trong sách, đóng vai người hoặc vật trong hình để nhắc lại lời của người hay vật mà trong lời đó có từ chứa âm, vần mới học trong bài.

Hình thức hoạt động có thể học theo nhóm hoặc học theo lớp.

2.2. Học sinh khám phá cách đọc chữ ghi âm hoặc tổ hợp chữ ghi vần mới, cách ghép âm hoặc vần mới với những âm đầu, dấu thanh đã biết để tạo tiếng và đọc trơn tiếng. Đây là hoạt động *Khám phá*. Phương pháp dạy học trong hoạt động này là:

- Rèn luyện theo mẫu bao gồm thao tác phân tích mẫu (tiếng mẫu) và thực hành theo mẫu (tách tiếng thành âm đầu, vần, thanh rồi ghép tiếng từ âm đầu, vần, thanh);
- Thi ghép tiếng mới, trò chơi ghép tiếng mới.

Hình thức hoạt động chủ yếu là học theo lớp, nhóm.

2.3. Học sinh luyện tập để ghi nhớ âm đầu hoặc vần, dấu thanh mới học, vận dụng âm vần mới học để đọc từ có chứa âm hoặc vần mới, để hiểu nghĩa của từ và mở rộng vốn từ; hoặc để đọc câu và hiểu ý của câu. Đây là hoạt động *Luyện tập*. Các hoạt động *Luyện tập* khá đa dạng: thực hành viết chữ ghi âm đầu hoặc vần mới; đọc hiểu từ, đọc hiểu câu. Phương pháp, kĩ thuật dạy học trong hoạt động thực hành gồm:

- Viết theo mẫu;
- Trò chơi truyền điện để ghép tiếng, tìm tiếng chứa vần mới, đọc từ ngữ, câu.

Hình thức chủ yếu của hoạt động *Luyện tập* gồm: học cá nhân, học theo nhóm, học theo lớp.

2.4. Học sinh vận dụng tổng hợp cách đọc tiếng có chứa âm hoặc vần mới với việc hiểu nghĩa của từ và câu để đọc một đoạn văn, bài ngắn. Đây là hoạt động *Vận dụng*. Các hoạt động *Vận dụng* có thể là:

- Xem hình ảnh có trong sách rồi nói điều mình biết có trong hình ảnh (VD: nói tên người, tên vật, tên hoạt động trong hình);
- Đọc từng câu, đọc cả đoạn, trả lời câu hỏi về nội dung đoạn.

Phương pháp dạy học hoạt động *Vận dụng* có thể là: học sinh hỏi – đáp theo tranh, đọc truyền điện, thảo luận để tìm câu trả lời cho câu hỏi,... Hình thức chủ yếu của hoạt động *Vận dụng* gồm: học cá nhân, học theo nhóm, theo lớp.

3. *Phương pháp dạy học các bài ở Tập hai*

Mỗi bài học ở Tập hai (gồm 4 kiểu bài A, B, C, D) bao gồm những nhiệm vụ chủ yếu về phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Dưới đây là một số chỉ dẫn về cách tổ chức hoạt động cho học sinh để phát triển những kĩ năng nói trên:

3.1. Tổ chức hoạt động đọc

Trong hoạt động đọc, học sinh có 2 loại hoạt động chính: hoạt động đọc trơn (đọc thành tiếng) và đọc hoạt động hiểu.

Để dạy đọc thành tiếng, giáo viên cần sử dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học như: rèn luyện theo mẫu, đọc theo cặp và theo nhóm, cuộc thi đọc truyền điện, trò chơi bắt thăm đọc câu hoặc đọc đoạn. Hình thức học bao gồm: học cá nhân, học theo nhóm, học theo lớp.

Để dạy đọc hiểu, giáo viên cần sử dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học như: Hỏi – đáp giữa giáo viên và học sinh, giữa học sinh và học sinh; thảo luận nhóm, đóng vai để nói hoặc diễn lại lời hoặc hành động của nhân vật; trình bày một phút để nêu ý kiến cá nhân về chi tiết hoặc nội dung tổng quát của bài đọc. Hình thức học chủ yếu là học theo nhóm và theo lớp.

3.2. Tổ chức hoạt động viết

Trong hoạt động học viết, học sinh có 3 loại hoạt động chính: hoạt động tập viết, hoạt động viết chính tả, hoạt động viết câu hoặc đoạn ngắn theo gợi ý.

Để dạy học sinh tập viết, giáo viên cần dùng các phương pháp và kĩ thuật dạy học sau: Rèn luyện theo mẫu, trò chơi bắt thăm đọc chữ cái hoặc tổ hợp chữ cái ghi âm, ghi vần, ghi tiếng trên thẻ chữ rồi viết chữ hoặc vần, tiếng đã đọc. Hình thức học chủ yếu: học cá nhân, học theo lớp.

Để dạy học sinh viết chính tả (bao gồm viết đúng các từ có hiện tượng chính tả cần học, viết đoạn văn theo nhìn – chép lại hoặc nghe – viết), giáo viên cần dùng các phương pháp, kĩ thuật dạy học sau:

– Tổ chức các cuộc thi, trò chơi để học sinh thực hiện viết đúng các từ có hiện tượng chính tả cần học, sau khi chơi hay thi, học sinh sẽ viết lại các từ đã xác định là viết đúng.

– Thực hiện phương pháp rèn luyện theo mẫu giúp học sinh viết đúng các đoạn văn do nhìn – chép hoặc nghe – viết và thực hiện phương pháp chia sẻ trong nhóm hoặc trong cặp đôi để hỗ trợ nhau soát và sửa lỗi của bài viết.

– Để dạy học sinh viết câu (1 − 2 câu), giáo viên có thể dùng những phương pháp sau:

  + Phương pháp thảo luận theo nhóm và theo lớp về yêu cầu và gợi ý viết câu hoặc đoạn;

  + Phương pháp quan sát hình ảnh gợi ý (tranh hoặc video clip) để phát biểu ý kiến về nội dung được yêu cầu viết.

– Khi học sinh viết xong, có thể dùng phương pháp học theo cặp, nhóm để học sinh chia sẻ bài viết và góp ý hoặc học hỏi lẫn nhau.

3.3. Tổ chức hoạt động nói và nghe

Hoạt động nói và hoạt động nghe luôn gắn với nhau như hai mặt của một tờ giấy. Do đó, học sinh học nói đồng thời với học nghe trong mối quan hệ tương tác, mỗi em vừa là người nói đồng thời vừa là người nghe. Trong học nói và nghe, học sinh có 2 hoạt động chủ yếu: nghe và kể lại một đoạn câu chuyện, nói và nghe trong trao đổi về một chủ điểm giao tiếp học trong bài, trong tuần.

Để dạy nghe và kể lại câu chuyện, giáo viên cần sử dụng:

– Phương pháp rèn luyện theo mẫu, quan sát hình ảnh (tranh, video clip) để học sinh nghe lời kể mẫu, quan sát tranh và ghi nhớ từng sự việc của câu chuyện được thể hiện qua một đoạn của câu chuyện kể và qua tranh minh hoạ cho đoạn đó;

– Phương pháp học theo nhóm, tổ chức cuộc thi để học sinh tập kể một đoạn câu chuyện trong nhóm và thi kể chuyện giữa các nhóm.

Giáo viên cũng có thể cho học sinh đóng vai nói lời của nhân vật trong đoạn và làm những động tác diễn tả hành động đơn giản của nhân vật trong từng đoạn câu chuyện.

4. *Sử dụng các phương tiện, đồ dùng trong dạy học*

Tổ chức hoạt động học tập cho học sinh là một đặc trưng của việc dạy học theo mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực. Để hoạt động, học sinh cần có những phương tiện và đồ dùng học tập phục vụ cho các loại hoạt động khác nhau. Vì vậy, để đạt hiệu quả cao trong dạy học theo sách *Tiếng Việt 1 – Cùng học để phát triển năng lực*, giáo viên cần chuẩn bị đủ đồ dùng dạy học cho mỗi bài học. Tuỳ vào mục tiêu và nội dung mỗi bài, GV cần lựa chọn những tranh ảnh hoặc đoạn video clip, làm các thẻ từ, chuẩn bị bảng cho nhóm làm việc, làm những dụng cụ để học sinh tham gia trò chơi, cuộc thi đọc hoặc thi viết, kể chuyện; sưu tầm các cuốn sách, truyện tranh để hướng dẫn học sinh đọc rộng và nuôi dưỡng hứng thú đọc sách cho các em.

Sách *Tiếng Việt 1 – Cùng học để phát triển năng lực* có sách mềm và bản trình chiếu (powerpoint) kèm theo sách in. Đây là những phương tiện dạy học mới có tính năng hỗ trợ giáo viên thực hiện các phương pháp dạy học rất tốt. Mỗi giáo viên dạy theo sách này cần học cách sử dụng và thường xuyên sử dụng những phương tiện nói trên để tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh đạt hiệu quả cao hơn.

5. *Đánh giá kết quả giáo dục*

***5.1** Mục tiêu đánh giá*

Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Tiếng Việt ở lớp 1 nhằm:

– Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của học sinh trong suốt quá trình học tập môn học;

– Hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, bảo đảm từng học sinh có sự tiến bộ và nâng cao chất lượng giáo dục.

***5.2** Căn cứ đánh giá*

Căn cứ đánh giá kết quả giáo dục trong môn Tiếng Việt lớp 1 là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực đối với học sinh lớp 1 đã quy định trong chương trình.

***5.3** Nội dung đánh giá*

Trong môn Tiếng Việt lớp 1, giáo viên đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực chuyên môn và sự tiến bộ của học sinh thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

– *Đánh giá hoạt động đọc:*

+ Tập trung vào yêu cầu kĩ thuật đọc (đọc đúng từ, câu, đoạn, tốc độ đọc);

+ Tập trung vào đọc hiểu (trả lời câu hỏi về chi tiết, nội dung của văn bản; nhận biết được lời nói, hành động, ngoại hình của nhân vật trong văn bản truyện, nhận biết được ý chính của bài thơ và hiểu thông tin biểu đạt bằng hình ảnh trong văn bản);

+ Tập trung vào việc đọc mở rộng nhiều văn bản, học thuộc một số đoạn thơ theo yêu cầu của chương trình.

– *Đánh giá hoạt động viết:* Tập trung vào yêu cầu viết đúng chữ cái, từ, câu, đoạn văn (do nhìn – chép hoặc nghe – viết), viết 1 – 2 câu thể hiện ý tưởng có sự hỗ trợ của hình ảnh, câu hỏi, lời gợi ý.

– *Đánh giá hoạt động nói và nghe:*

+ *Đối với kĩ năng nói:* Tập trung vào yêu cầu nói rõ ràng, thành câu. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe. Nói để giới thiệu ngắn về bản thân, gia đình, đồ vật yêu thích dựa trên gợi ý. Kể lại được một đoạn câu chuyện đơn giản đã đọc, xem (dựa vào các tranh minh hoạ và lời gợi ý dưới tranh).

+ *Đối với kĩ năng nghe:* Tập trung vào yêu cầu thái độ chú ý nghe người khác nói; đặt câu hỏi đơn giản; hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học; nghe kể câu chuyện và trả lời được các câu hỏi: *Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu?*

+ *Đối với hoạt động nói nghe tương tác:* Tập trung vào yêu cầu nói theo lượt lời trong đối thoại, biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản.

***5.4** Cách thức đánh giá*

Đánh giá trong môn Tiếng Việt lớp 1 thực hiện bằng hai cách: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

– *Đánh giá thường xuyên* được thực hiện liên tục trong các bài học, do giáo viên tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá học sinh, học sinh đánh giá lẫn nhau, học sinh tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, giáo viên dùng những cách sau:

+ Quan sát và ghi chép hằng ngày về kết quả đọc, viết, nói và nghe của học sinh, học sinh trả lời câu hỏi, học sinh làm bài tập, phát biểu ý kiến;

+ Tổ chức cho học sinh nhận xét kết quả học của bạn, tự nêu những điểm tốt và chưa tốt trong kết quả đọc, viết, nói và nghe của bản thân.

– *Đánh giá định kì* được thực hiện ở thời điểm gần cuối hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối học kì, cuối năm) do trường tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục. Đánh giá định kì thường thông qua các đề kiểm tra (kiểm tra miệng, kiểm tra viết). Trong việc đánh giá kết quả học tập cuối năm học, có đổi mới cách thức đánh giá (cấu trúc đề kiểm tra, cách nêu câu hỏi, phân giải độ khó,...); tránh dùng lại các văn bản ngữ liệu đã học trong đề kiểm tra để đánh giá được chính xác khả năng đọc.

Dù đánh giá theo hình thức nào cũng đều phải bảo đảm nguyên tắc học sinh được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực hiểu văn học, những suy nghĩ và tình cảm của chính học sinh.

6. Hướng dẫn sử dụng sách

Bộ sách *Tiếng Việt 1 – Cùng học để phát triển năng lực* gồm có những cuốn sách sau: sách học sinh *Tiếng Việt 1,* sách giáo viên *Tiếng Việt 1,* vở *Tập viết 1, Vở bài tập Tiếng Việt 1.* Khi dạy học, giáo viên cần sử dụng những cuốn sách này.

Cuốn sách giáo viên *Tiếng Việt 1 – Cùng học để phát triển năng lực* đã chứa đựng cả sách học sinh, do đó khi dùng sách, giáo viên đã có trong tay sách học sinh. Giáo viên không nhất thiết phải mang theo sách học sinh đến lớp. Những hướng dẫn dạy học từng bài học cụ thể trong sách giáo viên là những định hướng, gợi ý để giáo viên thực hiện nhằm đạt được mục tiêu của chương trình. Trong quá trình dùng sách, với tinh thần phát huy tính sáng tạo về phương pháp dạy học mỗi giáo viên bằng những kinh nghiệm dạy học của cá nhân, có thể thay đổi, điều chỉnh những hướng dẫn nêu trong sách nhằm làm cho các hoạt động dạy học trở nên phù hợp hơn với học sinh của lớp mình.

Sách học sinh *Tiếng Việt 1 – Cùng học để phát triển năng lực* là tài liệu dành cho học sinh. Để tài liệu này có thể dùng được nhiều lần, giáo viên cần hướng dẫn học sinh viết những điều cần ghi chép vào vở bài tập, vở ghi riêng của học sinh mà không viết vào sách giáo khoa. Riêng cuốn vở Tập viết là tài liệu dành cho học sinh luyện tập viết chữ cái, vần, từ, câu.

PHẦN HAI
HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TRONG TỪNG BÀI

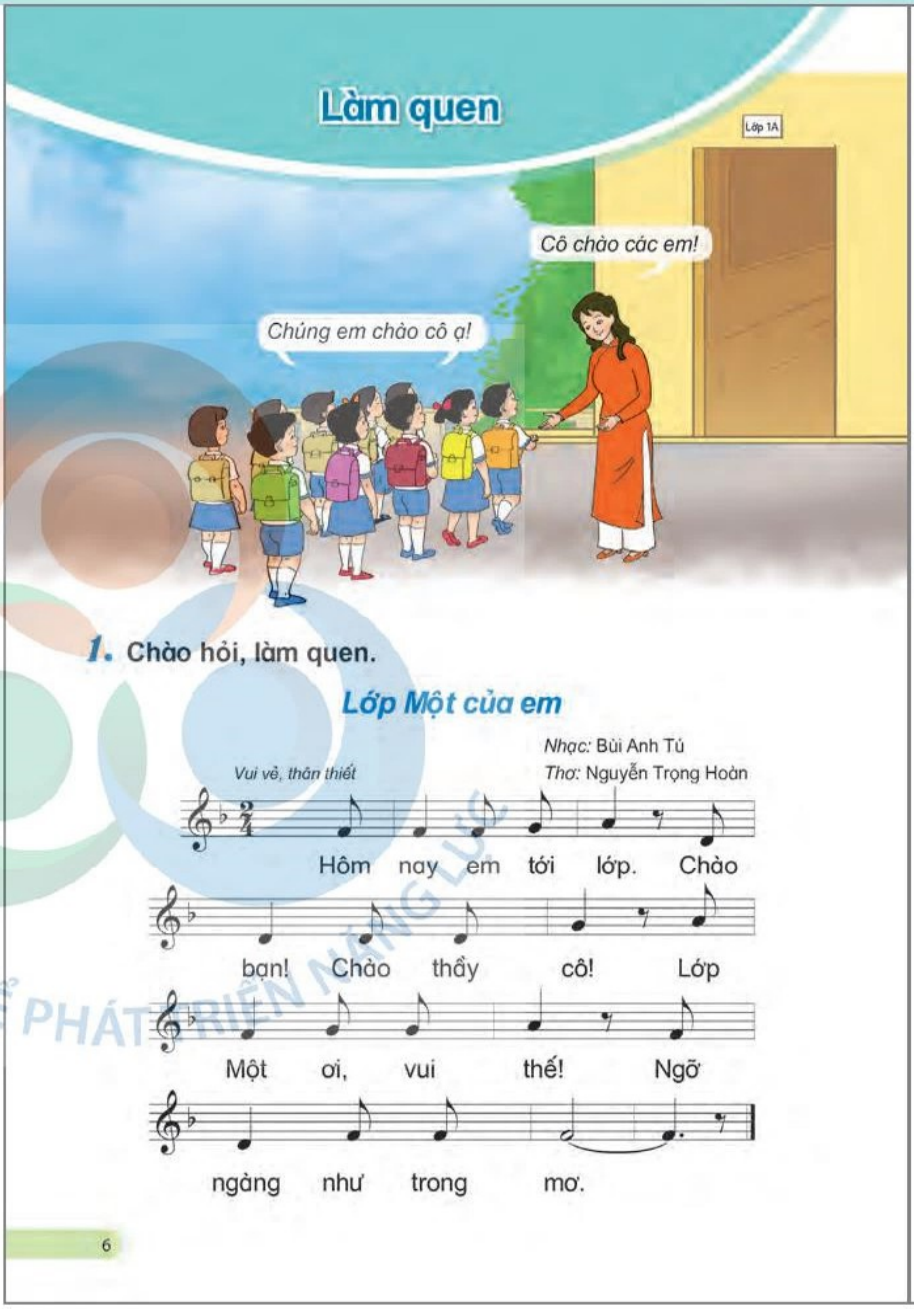
Làm quen

Mục tiêu

- HS nhận biết hình thức giao tiếp bằng chữ viết; làm quen với sách và các phần của cuốn sách; làm quen với thao tác đọc: ngồi đọc, cầm sách, mở sách, cách đọc chữ, hình; phân biệt được 6 thanh điệu về phát âm và ghi dấu thanh.
- Làm quen với thao tác viết: ngồi viết; tay, chân, khoảng cách mắt và bảng, vở; cầm bút; làm quen với việc tô chữ.
- Biết chào hỏi thầy cô và bạn bè; nghe hiểu lời tự giới thiệu của thầy cô, bạn; nói lời giới thiệu về bản thân; trả lời câu hỏi về câu chuyện *Ngày đầu tiên đến trường*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Đĩa ghi bài hát *Lớp Một của em*.
- 3 – 4 quả bóng nhỏ cho các nhóm chơi chuyền bóng để HS tự giới thiệu về mình.
- 3 tranh phóng to minh hoạ câu chuyện *Ngày đầu tiên đến trường*.
- 6 thẻ ghi dấu thanh: không dấu, huyền, hỏi, ngã, sắc, nặng.
- *Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Chào hỏi, làm quen.

– *Cả lớp:*

+ Đứng nghe cô giáo hoặc thầy giáo chào HS và tự giới thiệu VD: *Cô chào các em. Cô tên là Hoa. Cô là cô giáo của lớp chúng ta.*

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

2. Làm quen với sách, tư thế và cách đọc sách.





3. Nghe kể câu chuyện *Ngày đầu tiên đến trường.*







7

+ Cùng đồng thanh chào thầy hoặc cô.

VD: *Chúng em chào cô ạ!*

– *Nhóm:*

+ HS nhóm đứng thành vòng tròn. Mỗi HS chuyền bóng cho bạn để tự giới thiệu và làm quen. VD: Hạnh chuyền bóng cho bạn đối diện và nói: *Tôi là Hạnh. Bạn tên gì?*

– *Cả lớp:* Cùng hát bài *Em đi học*.

2. Làm quen với sách, tư thế và cách đọc sách.

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu quyển sách *Tiếng Việt 1*: tên sách, bìa sách, trang sách, chữ và hình trong mỗi trang sách.

– *Nhóm:* Mỗi HS lấy sách *Tiếng Việt 1* ra nói tên sách, bìa sách, trang sách, chữ và hình trong trang sách theo mẫu GV đã làm.

– *Cả lớp:* Nhìn GV làm mẫu tư thế ngồi đọc sách và cách đọc sách: ngồi thẳng lưng, sách để trên bàn cách mắt khoảng 25 cm, mở sách, đọc từng trang sách theo chiều từ trên xuống, từ trái sang phải ở mỗi dòng.

– *Cá nhân:* Thực hiện cách ngồi đọc sách theo mẫu GV đã làm để GV kiểm tra và hướng dẫn lại (nếu cần).

***3. Nghe kể câu chuyện* Ngày đầu tiên đến trường.**

Cả lớp:

a) – Nghe kể câu chuyện theo từng tranh:

- Tranh 1: Bố đưa Hà đến lớp. Hà không rời bố vì chưa quen với các bạn.
- Tranh 2: Cô giáo và các bạn vui vẻ đón Hà vào lớp.
- Tranh 3: Hà thấy vui vui. Hà cười và vẫy tay chào bố.

– 2 – 3 HS nhắc lại các nhân vật trong câu chuyện. (Hà, cô giáo, các bạn)

b) Trả lời câu hỏi:

– *Ngày đầu tiên đi học, ai đưa Hà đến lớp?*

– *Khi vào lớp, Hà có thấy vui không?*

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

4. Tô, viết một số nét chữ (trong vở tập viết).





5. Vỗ tay và hát.

là lá la là lá la là lá la ...



8

4. Tô, viết một số nét chữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn và nhìn GV làm mẫu tư thế ngồi viết, thao tác tay cầm bút, tay giữ vở, giữ khoảng cách mắt đến vở.

– *Cá nhân:* Thực hiện tư thế vào thao tác ngồi viết theo mẫu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn và nhìn GV làm mẫu tô các nét chữ và viết các nét chữ trên bảng lớp: độ cao của từng nét, độ rộng của từng nét, điểm đặt bút và điểm dừng bút, cách đưa nét bút để viết.

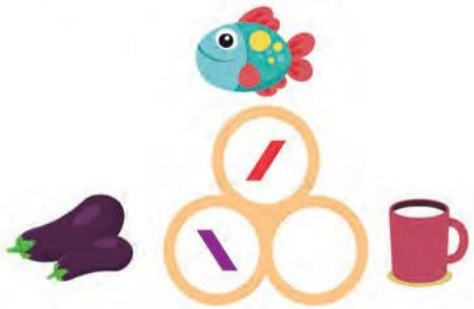
– *Cá nhân:* Thực hiện tô và viết từng nét chữ trong vở tập viết: nét sổ thẳng, nét ngang, nét xiên trái, nét xiên phải.

5. Vỗ tay và hát (để nhận biết âm thanh của các thanh điệu *ngang, huyền, sắc*).

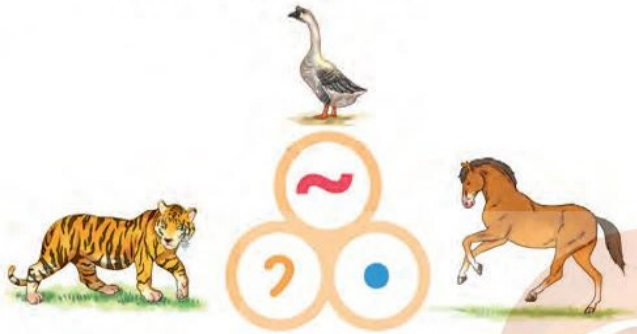
Cả lớp cùng hát: là lá la (2 – 3 lần).

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

6. Nói tên vật, con vật. Nói tên dấu thanh.



7. Nói tên con vật. Nói tên dấu thanh.



8. Tô nét chữ (trong vở tập viết).



6. Nói tên vật, con vật. Nói tên dấu thanh.

– *Cá nhân:*

+ 3 HS chỉ vào từng vật, con vật trong tranh và nói tên vật, con vật đó.

+ 2 – 3 HS nói liền tên 3 vật *cà, cá, ca*. Các HS khác vỗ tay hát theo bạn đọc: *cà cá ca*.

+ HS chỉ vào dấu ở 3 vòng tròn và đọc: *sắc, huyền, không*.

7. Nói tên con vật. Nói tên dấu thanh.

– *Cá nhân:*

+ Từng HS chỉ vào 3 con vật trong SHS và nói *ngỗng, hổ, ngựa*.

+ Từng HS chỉ vào dấu ghi thanh được đặt trong 3 vòng tròn và đọc *dấu hỏi, dấu ngã, dấu nặng*.

+ Chơi đố: chỉ dấu thanh, nói tên *dấu hỏi, ngã, nặng*.

8. Tô nét chữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn và nhìn GV làm mẫu tô các nét chữ và viết các nét chữ trên bảng lớp: độ cao của từng nét, độ rộng của từng nét, điểm đặt bút và điểm dừng bút, cách đưa nét bút để viết.

– *Cá nhân:* Thực hiện tô từng nét chữ trong vở tập viết: huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng, móc xuôi, móc ngược, móc hai đầu, cong kín, cong phải, cong trái, nét thắt, nét nút, khuyết trên, khuyết dưới.

– Xem triển lãm bài làm của các bạn trong lớp.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Làm quen với học viết

Mục tiêu

- Cùng với việc làm quen với chữ cái dựa trên nhìn và đọc, HS làm quen với chữ cái qua hoạt động viết.
- Biết cầm bút bằng 3 ngón tay.
- Biết ngồi viết đúng tư thế: Thẳng lưng, chân đặt thoải mái xuống đất hoặc thanh ngang dưới bàn, mắt cách vở 25 – 30 cm, hai tay tì lên bàn, tay trái giữ vở, tay phải cầm bút.
- Biết viết các nét chữ cơ bản: nét thẳng đứng, nét ngang, nét xiên phải, nét xiên trái, nét móc xuôi và nét móc ngược, nét móc hai đầu, nét cong trái và nét cong phải, nét cong kín, nét nút, nét thắt, nét khuyết trên và nét khuyết dưới, 5 dấu thanh (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng).
- Biết tô một số chữ cái, từ và tên người: *i, t, a, o, ô, ơ, b, h, đa, hổ*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường.
- Bộ thẻ các nét chữ cơ bản.
- Tranh hoặc clip về tư thế ngồi viết đúng, cách cầm bút bằng 3 ngón tay.
- *Tập viết 1*, tập một; bút chì cho HS.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Thực hành theo mẫu ngồi viết, cầm bút.

– *Cả lớp:*

+ Quan sát tư thế ngồi viết của GV: ngồi thẳng lưng, tay giữ vở, tay cầm bút, mắt cách vở khoảng 25 – 30 cm.

+ Quan sát cách cầm bút của GV: cầm bút bằng 3 ngón tay, không cầm sát ngòi bút hoặc đầu bút chì.

– *Cá nhân:*

+ Thực hành tư thế ngồi viết, cách cầm bút theo mẫu GV đã làm.

+ Nhận xét tư thế ngồi viết và cách cầm bút của bạn bên cạnh.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ2. Viết các nét chữ theo mẫu (viết mỗi nét 2 lần).

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu từng nét chữ.

– *Cá nhân:* Viết từng nét chữ theo mẫu.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét 5 bài viết đúng nhất

HĐ3. Tô chữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn tô từng chữ *i, t, a, o, ô, ơ, b, h* (mỗi chữ tô 2 lần, điểm đặt bút ở từng chữ).

– *Cá nhân:* Thực hiện tô từng chữ.

* Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn.

HĐ4. Tô từ.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ *đa, hổ*. Nghe GV hướng dẫn điểm đặt bút để tô từng từ.

– *Cá nhân:* Thực hiện tô từng từ.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét 5 bài viết của bạn trong lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ5. Viết tên của em.

– *Cá nhân:*

+ Nhìn và đọc tên của mình trong vở do GV viết mẫu (bằng bút chì).

+ Tô lại tên GV đã viết mẫu.

+ Tô tên em theo mẫu GV đã viết.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 1A a b

Mục tiêu

- Đọc đúng âm *a*, *b*; đọc trơn các tiếng, từ ngữ của bài học. Hiểu nghĩa từ ngữ qua tranh.
- Viết đúng: *a*, *b*, *bà*.
- Nói được các tiếng, từ hoặc tên các vật chứa *a*, *b*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1, HĐ4.
- Bảng phụ thể hiện HĐ tạo tiếng mới và các thẻ chữ *ba, bá, bả, bã*.
- Mẫu chữ *a*, *b* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm hướng dẫn HS viết chữ *a*, *b*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu HĐ1: *Các em quan sát tranh, từng cặp tìm nhanh các con vật được vẽ trong tranh.*

– *Cặp:* Quan sát tranh HĐ1 trong SHS, chỉ vào chi tiết trong tranh và nói các tiếng: *cá, ba ba* (các con vật ở dưới nước), *gà, bò, bê* (các con vật ở trên bờ).

– *Cả lớp:*

+ Một số cặp cử đại diện lên bảng, chỉ vào tranh và nói tên các con vật.

+ Nghe GV nhận xét: *Các em đã nói đúng, nói nhanh các tiếng chỉ tên các con vật chứa* a, b. *Trong các tiếng này, tiếng chứa* a *là* cá, gà*; tiếng chứa* b *là* bò, bê*; tiếng chứa cả* a, b *là ba ba. Ngoài ra, trong tranh, các em có thấy người bà ngồi trên cầu ao không? Tiếng bà có âm* b, *vần* a*; tiếng bà có* a, b *là nội dung bài học hôm nay.* GV viết tên bài trên bảng.

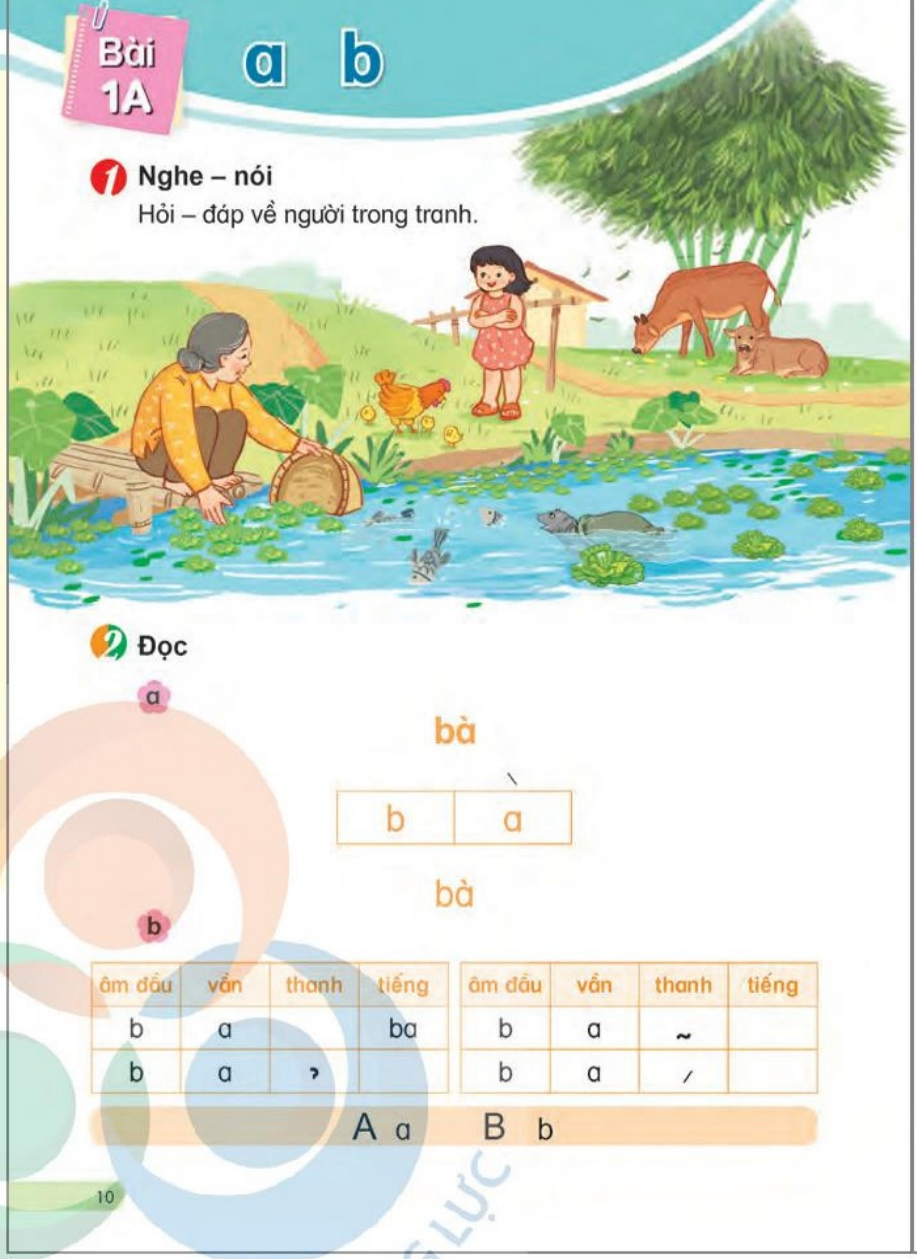
Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

– *Cả lớp:*

+ Quan sát GV viết chữ *bà* trên bảng; nghe GV đánh vần, đọc trơn tiếng *bà*. Đánh vần: *bờ – a – ba – huyền – bà*; đọc trơn: *bà*.



+ Đánh vần, đọc trơn tiếng *bà*.

– *Cá nhân và cặp:* Đánh vần, đọc trơn tiếng *bà*.

– *Cả lớp:*

+ Một số cặp đánh vần, đọc trơn tiếng *bà*.

+ Cả lớp đọc trơn tiếng *bà*.

+ Một số cá nhân đọc trơn tiếng *bà*.

* Nghe GV giới thiệu chữ *a, b* in thường và in hoa trong sách.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:* Nhìn bảng phụ đã viết nội dung tạo tiếng mới, nghe GV nêu yêu cầu: *Theo cách ghép tiếng* ba, *các nhóm ghép các tiếng khác trong bảng.*

b	a		ba

– *Cá nhân:* Ghép tiếng theo thứ tự các dòng, đọc trơn tiếng ghép được: *ba, bả, bã, bá*.

– *Nhóm*: Cùng đọc trơn các tiếng ghép được 2 – 3 lần.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



ba ba



ba bà

3 **Viết**

a b bà 0

4 **Nghe – nói**

Nói tiếng chứa **a**, tiếng chứa **b**.









11

– *Cả lớp*:

+ Nghe GV nêu yêu cầu: đính thẻ chữ *ba, bà, bã, bá* vào bảng phụ; 4 HS nhận thẻ, đính vào bảng.

+ Đọc cả bảng đã đính chữ.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:*

+ Quan sát tranh và chữ phóng to được GV đính hoặc chiếu trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu: *Nhìn hình, đọc từ ngữ phù hợp với mỗi hình.*

+ Nghe câu hỏi của GV, một vài HS trả lời: *Các em thấy con gì ở hình 1? (… thấy con ba ba). Các em thấy ai ở hình 2? (… thấy ba bà)*

– *Cặp:* Đọc trơn *ba ba, ba bà* cho nhau nghe và sửa lỗi.

– *Cả lớp:*

+ Theo thước chỉ của GV đọc *ba ba, ba bà* 2 – 3 lần.

+ Một HS thực hiện yêu cầu đính đúng từ ngữ dưới hình.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp*:

+ Nghe GV nêu cách viết chữ *a*, chữ *b*; cách nối ở chữ *ba* và cách đặt dấu huyền trên chữ *a*.

+ Nghe GV nêu cách viết số 0.

+ Nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng (hoặc phần mềm viết chữ *a, b, bà, 0*).

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa những lỗi viết sai cho một số HS (không nhận xét viết xấu, đẹp).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Nói tiếng chứa a, tiếng chứa b.

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu yêu cầu: *Từng cặp thay nhau hỏi – đáp về các bức hình trong HĐ4* (ví dụ: *Đây là cái gì? – Đây là cái lá…*). Sau đó, từng cặp tìm và nói các tiếng có âm đầu *b*, vần *a* (*bưởi, bí, cà*).

– *Cặp:* Làm việc theo yêu cầu của GV. Cặp nào hoàn thành nhiệm vụ trước, được khen và được trình bày trước lớp.

– *Cả lớp:*

+ Một vài cặp HS hỏi – đáp về các bức hình và nói các tiếng chứa *a, b*.

+ Chơi trò chơi: Thi nói nối tiếp tiếng có vần *a*, tiếng có âm đầu *b* sau khi nghe GV giải thích cách chơi (Thi theo dãy bàn, 2 dãy nói nối tiếp tiếng có vần *a*, 2 dãy nói nối tiếp tiếng có âm đầu *b*; dãy bàn nào có bạn ngắc ngứ thì dừng lại, dãy bàn nào nói được nhiều tiếng sẽ được khen).

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 1B c o

Mục tiêu

- Đọc đúng âm *c, o*; đọc trơn các tiếng, từ ngữ, câu. Hiểu nghĩa từ ngữ và nội dung câu đọc qua tranh.
- Viết đúng: *c, o, cò*.
- Biết hỏi – đáp với bạn bè và người thân về những con vật tên có chữ *c, o*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1, HĐ4.
- Bảng phụ thể hiện HĐ tạo tiếng mới và các thẻ chữ *cà, ca, bò, bỏ*.
- Mẫu chữ *c, o* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm hướng dẫn HS viết chữ *c, o*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu yêu cầu: *Các em quan sát tranh của HĐ1, hỏi – đáp về tên các con vật và hoạt động của chúng được vẽ trong tranh.*

– *Cá nhân và cặp:* Quan sát tranh phóng to, để hỏi – đáp. Ví dụ:

HS A: *Con vật nào đang bay trên bờ ruộng?*

HS B: *Con cò.*

HS A: *Mỏ cò cặp con gì?*

HS B: *Mỏ cò cặp con cá.*

– *Cả lớp:*

+ Một số cặp (2 – 3 cặp) hỏi – đáp trước lớp; nghe GV nhận xét về từng cặp và dẫn dắt vào bài mới:

Khi hỏi – đáp, các em có nhắc tới tiếng cò, cá, đó là những tiếng chứa các âm c, o của bài mới hôm nay.

+ HS nhìn GV viết tên bài trên bảng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

– *Cả lớp:* Quan sát GV viết chữ *cá* và chữ *cò*; nghe GV đánh vần, đọc trơn. Đánh vần: *cờ – a – ca – sắc – cá*, đọc trơn: *cá*.

– *Cá nhân, dãy bàn (hoặc nhóm):* Đánh vần, đọc trơn: *cờ – a – ca – sắc – cá → cá.*

– *Cả lớp:* Nghe GV đánh vần: *cờ – o – co – huyền – cò*; đọc trơn: *cò*. Các em hãy đọc trơn theo cô (thầy): *cò* (HS cũng có thể đánh vần trước khi đọc trơn).

– *Cá nhân, dãy bàn (hoặc nhóm):* Đọc trơn: *cá, cò.*

– *Cả lớp:* Đọc trơn theo thước chỉ của GV: *cò, cá; cá, cò; cò, cá.*

* Nghe GV giới thiệu chữ *c, o* in thường và in hoa trong sách.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:* Nhìn bảng phụ đã được GV viết nội dung tạo tiếng mới, nghe GV nêu yêu cầu: Từ tiếng mẫu *cà*, các nhóm (nên là nhóm 4) tạo các tiếng khác trong bảng.

c	a	ˋ	cà

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



cỏ cọ bò

3 Viết

c o cò 1

4 Đọc

Bà có cà. Bà có cá.



13

– *Nhóm*:
  + Tìm tiếng theo thứ tự các dòng, đọc trơn tiếng tìm được.
  + Sửa lỗi, đọc tiếng tạo được cho nhau nghe.
  + Cùng đọc trơn các tiếng tìm được 2 – 3 lần.
– *Cả lớp:*
  + Thi đính nhanh các thẻ chữ trên bảng phụ (2 nhóm: nhóm 1 đính: *cà, ca*; nhóm 2 đính: *bò, bỏ*.).
  + Đọc các tiếng đã đính 2 – 3 lần.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:*
  + Một HS trả lời câu hỏi của GV: *Em thấy gì ở hình 1? (… thấy cỏ)*.
  + Một HS khác thực hiện yêu cầu của GV: *Đọc từ dưới hình (cỏ)*.
– *Nhóm:*
  + Trao đổi để nêu được nhận xét: hình 2 vẽ cây cọ, hình 3 vẽ con bò; đọc từ dưới các hình (cọ, bò).
– *Cả lớp:* Thi chọn từ phù hợp với hình.
  + Theo dõi GV đính tiếp 2 bộ tranh – chữ trên bảng để 2 nhóm thi.
  + Nghe GV nêu yêu cầu chọn từ ngữ phù hợp với hình theo cách mới, là: đính từ ngữ phù hợp dưới mỗi bức hình.
  + Đại diện 2 nhóm lên bảng đính từ ngữ phù hợp với hình. Nhóm nào đính nhanh được khen.
  + Đọc các từ ngữ theo thước chỉ của GV.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp*:
  + Nghe GV nêu cách viết chữ *c, o*; cách nối chữ *co* và cách đặt dấu huyền trên chữ *o*.
  + Nghe GV nêu cách viết số 1.
  + Nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.
– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

– *Cả lớp:*
  + Quan sát tranh – chữ của HĐ4 được GV đính trên bảng, nghe và trả lời câu hỏi: *Đoán xem trong tranh người bà đi đâu về?* (Bà đi chợ về); *Vì sao em biết điều đó?* (… vì em thấy các thứ bà đã mua về).
  + Nhìn GV chỉ từng chữ và nghe GV đọc chậm 2 câu, nghỉ hơi sau mỗi câu.
  + Đọc trơn 2 câu theo GV (đọc 2 – 3 lần).
  + Thi đọc truyền điện từng câu.
– *Nhóm:*
  + Cùng đọc trơn 2 câu (2 – 3 lần).
  + Cá nhân HS đọc, bạn sửa lỗi.
– *Cả lớp:*
  + Từng nhóm đọc 2 câu.
  + Nghe GV nhận xét mỗi nhóm.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

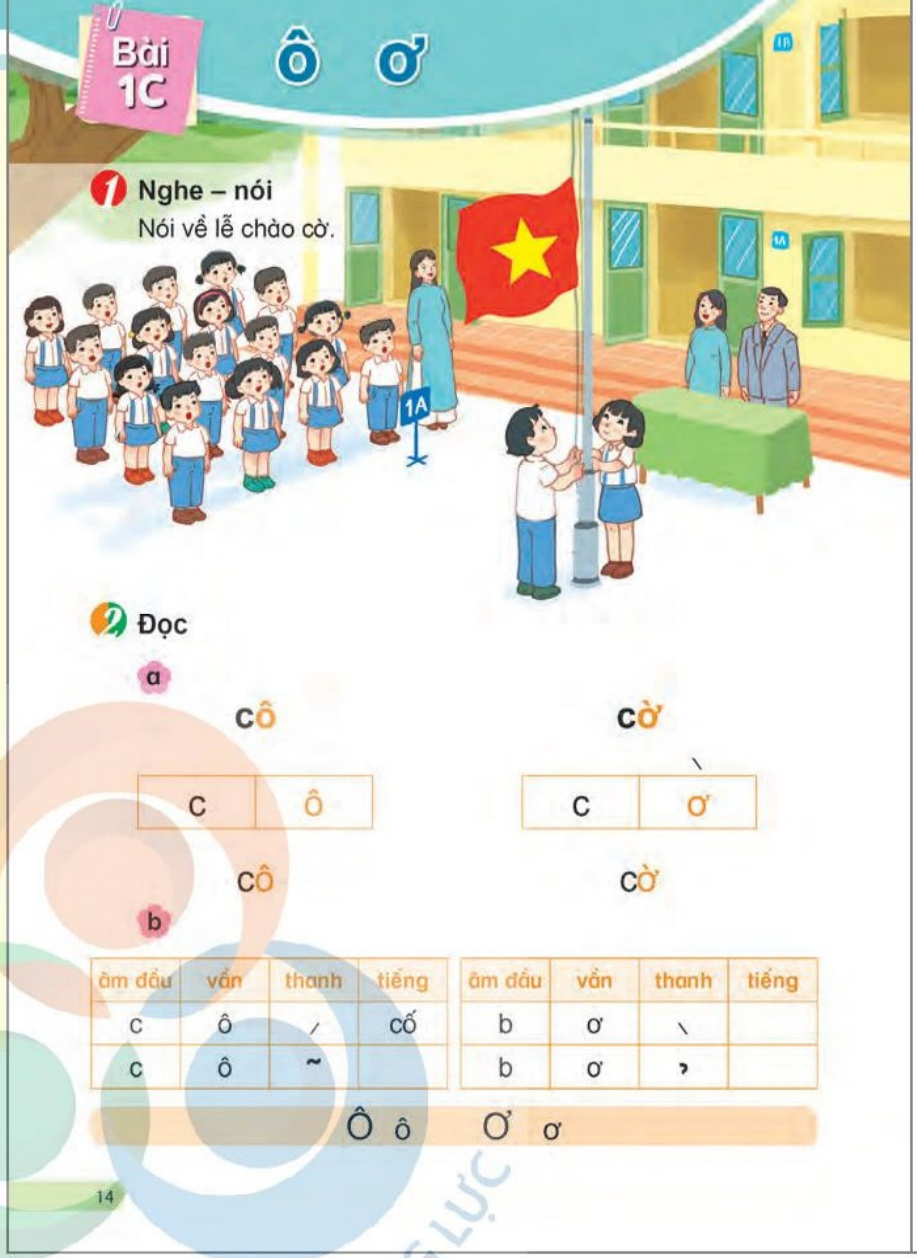
Bài 1C ô ơ

Mục tiêu

- Đọc đúng âm *ô, ơ*; đọc trơn các tiếng, từ ngữ. Hiểu nghĩa từ ngữ và nội dung câu đọc qua tranh.
- Viết đúng: *ô, ơ, cô*.
- Biết hỏi – đáp với bạn về lễ chào cờ; hỏi người thân về tên vật, tên hoạt động có chứa *ô, ơ*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1, HĐ2, HĐ4.
- Bảng phụ thể hiện HĐ tạo tiếng mới; 4 thẻ chữ *cố, cỗ, bở, bờ*.
- Mẫu chữ *ô, ơ* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm hướng dẫn HS viết chữ *ô, ơ*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV hỏi khi chỉ vào tranh phóng to HĐ1: *Các em thấy bức tranh này vẽ cảnh gì?* (Bức tranh vẽ lễ chào cờ.) *Các em hãy quan sát kĩ từng chi tiết của bức tranh và nói về từng chi tiết đó.*

– *Cá nhân và cặp:*

+ Cá nhân quan sát chi tiết tranh (lá cờ, thầy cô và HS, cửa lớp).

+ Cặp HS thay nhau nói trước lớp khi chỉ vào từng chi tiết:

• *Đây là lá cờ đỏ sao vàng – quốc kì. Hai bạn đang kéo cờ lên cao.*

• *Trên sân trường có thầy cô và HS các lớp.*

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nhận xét về các ý kiến; GV nhắc HS chú ý tiếng *cờ, cô* – là những tiếng chứa âm mới của bài học hôm nay.

+ HS nhìn GV viết tên bài trên bảng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

– *Cả lớp:* Quan sát tranh GV đánh vần, đọc trơn và đánh vần, đọc trơn theo GV:

+ Tiếng *cô* đánh vần: *cờ – ô – cô*; đọc trơn: *cô*.

+ Tiếng *cờ* đánh vần: *cờ – ơ – cơ* – huyền – *cờ*; đọc trơn: *cờ*.

– *Cá nhân, dãy bàn hoặc nhóm*: Đánh vần, đọc trơn *cờ – ô – cô*, đọc trơn: *cô*; *cờ – ơ – cơ* – huyền – *cờ*, đọc trơn: *cờ*.

– *Cả lớp*:

+ Đọc trơn *cô, cờ* theo thước chỉ của GV: *cô, cờ; cờ, cô...*

+ Một vài HS đọc trơn: *cô, cờ*.

* Nghe GV giới thiệu chữ *ô, ơ* in thường và in hoa trong sách.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:* Nhìn bảng phụ, nghe GV nêu yêu cầu: *Từ tiếng mẫu cố tạo được, các em làm việc nhóm để tạo các tiếng khác trong bảng.*

c	ô	´	cố

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c







cỗ | cổ cò | cá cờ

3 Viết

ô ơ cô 2

4 Đọc

Bố có ba ba.



15

– *Nhóm:*
  + Ghép tiếng theo thứ tự các dòng, đọc trơn tiếng tìm được và đọc cho nhau nghe: *cố, cỗ, bờ, bở.*
  + Sửa lỗi đọc tiếng cho nhau và cùng đọc trơn các tiếng một số lần.
– *Cả lớp*:
  + 4 HS nhận thẻ chữ (mỗi HS nhận một thẻ): *cố, cỗ, bờ, bở.*
  + Nghe GV nêu yêu cầu: Cô (thầy) đọc tiếng, bạn có thẻ chữ thể hiện tiếng đó chạy nhanh đính vào bảng.
  + Đọc 2 – 3 lần các tiếng đã đính.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu yêu cầu của HĐ: Hỏi đáp về 3 hình, đọc từ ngữ dưới hình.
– *Nhóm:* Đọc từ ngữ dưới hình.
– *Cả lớp:* Thi *Ai nhanh hơn?*
  + HS nhìn GV đính bộ hình và chữ lên bảng, nghe GV nêu cách chơi: Cô (thầy) có 2 bộ hình đã đính trên bảng. Đại diện 2 nhóm nhận chữ và đính dưới hình phù hợp. Ai đính nhanh hơn thì thắng.
  + HS đọc 2 – 3 lần từ ngữ đã đính.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu cách viết chữ *ô, ơ*; cách nối nét ở chữ *cô*; cách viết số 2.
– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những bạn viết sai (cách viết nét cong). Lưu ý GV: Không nhận xét HS viết đẹp, xấu.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

– *Cả lớp*:
  + Quan sát tranh HĐ4 GV đính trên bảng, nghe và trả lời câu hỏi của GV: *Các em thấy ai ở trong bức tranh?* (Người đàn ông xách ba ba.)
  + HS nhìn GV chỉ từng chữ và nghe GV đọc chậm: *Bố có ba ba.*
  + HS đọc trơn theo GV (đọc 2 – 3 lần).
  + Thi đọc nối tiếp câu theo dãy bàn; dãy nào không có bạn đọc ngắc ngứ thì được khen.
– *Nhóm:*
  + Từng cá nhân đọc câu và nghe các bạn trong nhóm sửa lỗi.
  + Cùng đọc trơn câu.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 1D d đ

Mục tiêu

- Đọc đúng âm *d, đ*, đọc trơn các tiếng, từ ngữ. Hiểu nghĩa từ ngữ và nội dung câu đọc qua tranh.
- Viết đúng: *d, đ, đá*.
- Đóng vai, nói được lời người mua, người bán hàng; biết kể và hỏi người thân tên các vật, các hoạt động chứa *d, đ*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1, HĐ4.
- Bảng phụ thể hiện HĐ tạo tiếng mới.
- Mẫu chữ *d, đ* phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm hướng dẫn HS viết chữ *d, đ*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Quan sát tranh phóng to HĐ1, trả lời câu hỏi của GV: *Các em thấy những gì ở bức tranh cô (thầy) treo trên bảng?* (… thấy các thứ đồ da, trang sức và người bán, người mua hàng)

– *Cặp:* Thực hiện yêu cầu của GV: Từng cặp thay nhau đóng vai người bán, người mua các thứ đồ da (túi da, cặp da, trang sức đính đá đỏ). Ví dụ:

+ Người mua: *Chị cho tôi xem vòng đá đỏ được không?*
+ Người bán: *Được ạ, chị xem đi, chiếc vòng này đẹp lắm đấy!*

– *Cả lớp:*

+ Một vài cặp HS đóng vai người mua, người bán trước lớp.
+ Nghe GV nhận xét: Trong khi đóng vai người mua, người bán hàng, các em có nhắc đến các đồ vật mà tên gọi có tiếng *da, đá*. Hai tiếng này chứa âm mới *d, đ* các em sẽ học hôm nay.
+ HS nhìn GV viết tên bài trên bảng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

– *Cả lớp*: Quan sát GV viết chữ *da, đá*; nghe GV đánh vần, đọc trơn và đánh vần, đọc trơn theo GV:

+ Tiếng *da* đánh vần: *dờ – a – da*; đọc trơn: *da*. HS đánh vần, đọc trơn theo GV.
+ Tiếng *đá* đánh vần: *đờ – a – đa – sắc – đá*. HS đọc trơn *đá* theo GV.

– *Cá nhân và cặp:* Đánh vần, đọc trơn: *da, đá*.

– *Cả lớp:*

+ Một số cặp HS đọc trơn: *da, đá*.
+ Cả lớp đọc trơn: *da, đá*.
+ Một số HS đọc trơn *da, đá* theo thước chỉ của GV (*da, đá; đá, da*…).

* Nghe GV giới thiệu chữ *d, đ* in thường và in hoa trong sách.

b) Tạo tiếng mới.

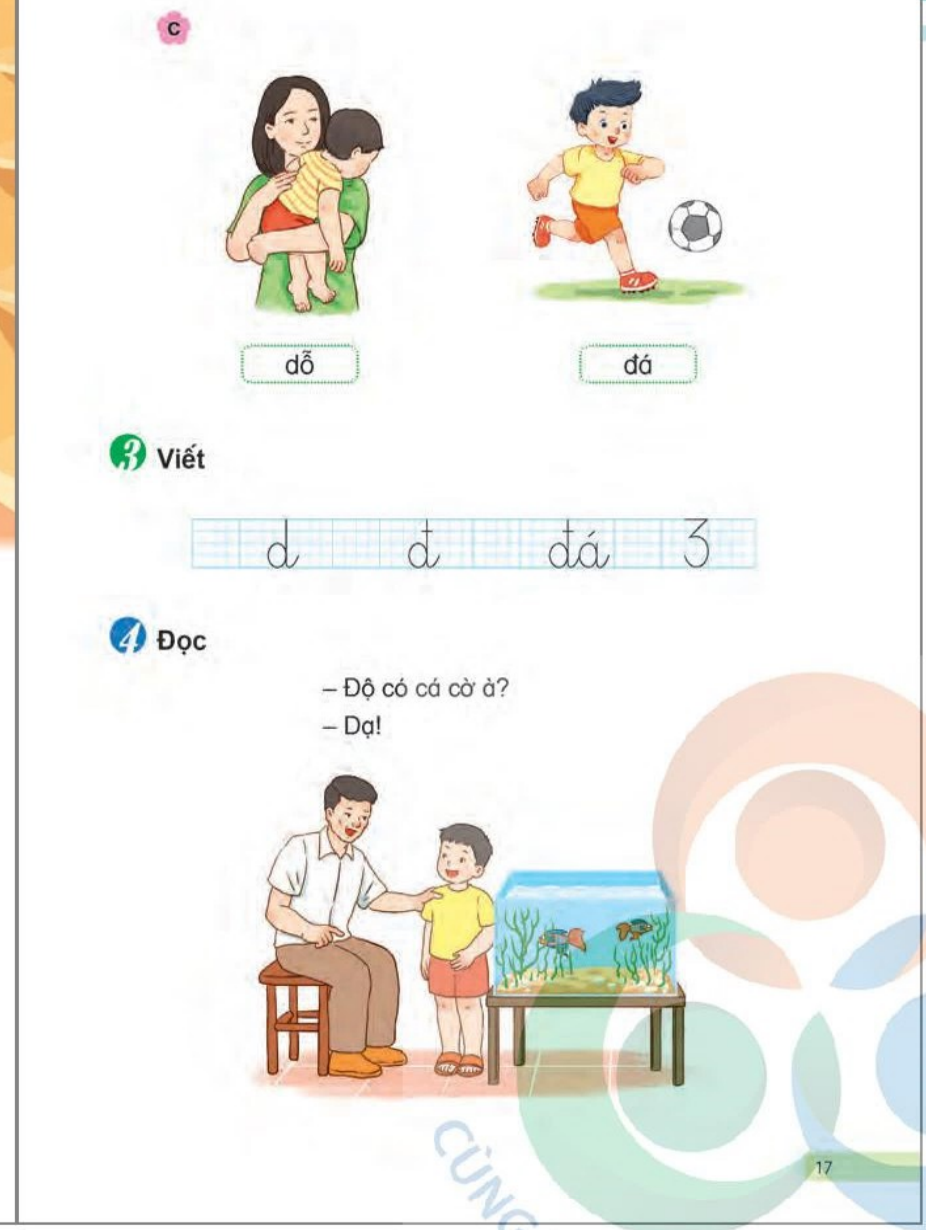
– *Cả lớp:* Nhìn bảng phụ, nghe GV nêu yêu cầu: *Theo cách tạo tiếng mẫu* dạ, *hãy làm việc nhóm để tạo các tiếng khác nhau trong bảng*.

d	a	·	dạ

– *Nhóm:*

+ Cả nhóm cùng ghép các tiếng theo thứ tự các dòng, đọc trơn 2 – 3 lần các tiếng: *dạ, dỗ, đỏ, đò*.
+ Mỗi cá nhân đọc các tiếng ghép được cho nhóm nghe.

TÀI LIỆU ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC


c

dỗ

đá

3 Viết

d đ đá 3

4 Đọc

– Độ có cá cờ à?
– Dạ!

17

– *Cả lớp:*
  + Các nhóm đọc trơn các tiếng đã ghép.
  + HS nhìn GV viết các tiếng vào bảng, nghe GV nêu yêu cầu: *Các em đã ghép đúng các tiếng và đã đọc các tiếng ghép được theo thứ tự từ trên xuống dưới bảng. Cô (thầy) muốn các nhóm thi đọc đúng các tiếng không theo thứ tự từ trên xuống dưới.*
  + Các nhóm thi đọc các tiếng trong bảng theo thước chỉ của GV. Nhóm nào đọc không ngập ngừng thì được khen.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Quan sát 2 hình phóng to GV đính trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu:
  + *Các em nhìn thấy gì ở mỗi hình vẽ?* (… thấy mẹ bế em bé, thấy cậu bé đang đá bóng)
  + Các nhóm đọc các từ, xem từ nào phù hợp với mỗi hình (xếp thẻ hình với thẻ chữ phù hợp).
– *Nhóm:* Đọc từ dưới hình.
  + Nhắc lại nội dung các hình.
  + Đọc các từ dưới mỗi hình một số lần.
– *Cả lớp:* Hai nhóm thi đính nhanh từ phù hợp dưới mỗi hình. Nhóm nào đính đúng và nhanh hơn thì thắng cuộc.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp*: Nghe GV nêu cách viết chữ *d, đ*; cách nối với chữ *a* và cách đặt dấu sắc trên chữ *a* của từ *đá*; cách viết số 3.
– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp*:
  + Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết sai (chiều cao của chữ *d, đ*; cách nối chữ *đ* với *a*…).
  + Nêu nhận xét theo gợi ý của GV: *Chữ d và đ khác nhau ở điểm nào?* (chữ *đ* có thêm nét ngang) *Chữ d, đ và chữ a khác nhau ở điểm nào?* (khác nhau ở chiều cao của nét móc.)

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

– *Cả lớp:*
  + Quan sát tranh HĐ4 GV đính trên bảng, nghe và trả lời câu hỏi của GV: *Trong tranh vẽ gì?* (Bố và bạn nhỏ đang nói chuyện. / Tranh vẽ 2 bố con đang nói chuyện với nhau.)
  + Nghe GV nêu nhận xét các câu trả lời và đọc các câu để hiểu rõ hơn nội dung tranh thể hiện.
  + Nhìn GV chỉ từng chữ và nghe GV đọc chậm, chú ý chỗ ngắt sau mỗi câu.
  + Đọc trơn 2 câu theo GV (đọc 2 – 3 lần).
  + Nghe GV nêu yêu cầu làm việc nhóm.
– *Nhóm:*
  + Cá nhân đọc trơn lời nói của 2 bố con và sửa lỗi theo góp ý của bạn.
  + Cùng đọc trơn câu.
– *Cả lớp:*
  + Một vài nhóm đọc trơn câu.
  + Một vài nhóm khác thi đọc câu. Nhóm nào không có HS đọc ngắc ngứ, nhóm đó được khen.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 1E

Ôn tập

a b c o ô ơ d đ

Mục tiêu

- Đọc trơn các tiếng, từ, câu và các tiếng khác được tạo bởi các âm đã học. Hiểu lời hội thoại của bà – cháu ở đoạn đọc.
- Với sự giúp đỡ của người thân, viết được tên của bản thân.
- Nghe kể chuyện và trả lời câu hỏi.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 8 thẻ chữ ghi tên của HĐ1.
- Bảng phụ thể hiện HĐ tạo tiếng (1b).
- Tranh và chữ phóng to HĐ2 (hoặc dùng máy trình chiếu HĐ1, HĐ2).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Đọc

a) Tìm bạn có tên mang âm đầu như tôi.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn chơi:

+ 4 HS cầm 4 thẻ chữ ghi tên có âm đầu B, C, D, Đ.

+ Các nhóm nhận các thẻ chữ còn lại, cùng đọc các chữ cái mở đầu của mỗi tên ghi trong thẻ.

+ Trên bảng có 4 bạn cầm thẻ chữ ghi tên 4 người mở đầu bằng B – C – D – Đ. Bây giờ bạn nào được phát thẻ ghi tên có chữ mở đầu giống bạn trên bảng thì đứng sau bạn đó.

– *Nhóm:* Thực hiện yêu cầu. GV nhận xét.

* GV đọc tên của HS được ghi trong các thẻ chữ: *Ban, Cúc, Dũng, Đan, Bình, Cường, Dân, Đông.*

b) Tạo tiếng.

– *Cả lớp:*

+ Nhìn GV quay bảng phụ, nghe GV gợi ý: *Trong trò chơi mà các em vừa tham gia, qua tên 4 bạn Ban, Cúc, Dũng, Đan, các em có thể nhớ lại các âm đã học là b, c, d, đ; a, o, ô, ơ và một số tiếng được tạo ra từ âm đầu b, c, d, đ và vần a, o, ô, ơ. Với bảng ôn này, các em có thể tạo ra được nhiều tiếng từ các âm đầu, các vần và các thanh khác nhau.*

+ HS tạo tiếng trong bảng ôn theo thước chỉ của GV.

– *Cá nhân:* Tạo tiếng và đọc trơn bảng ôn.

– *Nhóm hoặc cặp:* Cùng đọc trơn bảng ôn.

c) Đọc tiếng.

Đọc các tiếng khác nhau theo bảng ôn (đọc cá nhân, nhóm).

d) Đọc đoạn.

– *Cả lớp:*

+ Quan sát tranh trên bảng, nghe GV hỏi: *Nhìn tranh, các em thấy bạn nhỏ đi đâu về?* (… đi học về.) *Bạn nhỏ nói gì với người bà* (… chào bà: Bà ạ!). *Hãy nghe cô (thầy) đọc đoạn hội thoại để biết rõ hơn nội dung nhé.*

+ Nghe GV đọc mẫu, GV nhắc HS chú ý cách đọc các từ *ạ, à*; chú ý ngắt hơi sau dấu câu.

+ Đọc chậm theo GV.

+ Một vài cặp đọc trơn lời hội thoại theo vai bà – cháu.

– *Cặp:* Đổi vai, đọc trơn lời hội thoại.

Bài 1E

Ôn tập

a b c o ô ơ d đ

1 Đọc

a) Tìm bạn có tên mang âm đầu như tôi.



Ban	Cúc	Dũng	Đan
Bình	Cường	Dân	Đông

b) Tạo tiếng.

	a	o	ô	ơ
c	ca			
d	da			

c) Đọc tiếng.

	ˋ	ˀ	˜	ˊ	.
ba	bà	bả	bã	bá	bạ
đô	đồ	đổ	đỗ	đố	độ

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

d) Đọc đoạn.

– Bà ạ!
– Độ đó à?
– Dạ!



2 Viết

bơ đỗ 4

3 Nghe – nói

Kể chuyện.

Thư của bố

1. Hai anh em nhận được thư của ai?



2. Trong thư, bố viết gì?



19

2. Viết

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu yêu cầu (viết chữ *bơ*, *đỗ* và cách viết chữ *bơ*, *đỗ* trên dòng kẻ ô li) và hướng dẫn cách viết số 4.

– Cá nhân: Viết bảng con (hoặc viết vở).

– Cả lớp: Nghe GV nhận xét viết vở (hoặc viết bảng con).

3. Nghe – nói

Nghe kể chuyện và trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:*

+ Quan sát 2 bức tranh câu chuyện *Thư của bố* trên bảng, nghe GV hỏi: *Các em có thích nghe cô (thầy) kể chuyện không? Câu chuyện mà cô (thầy) kể hôm nay có liên quan đến bức thư của một chiến sĩ ở đảo xa gửi cho hai con nhân ngày khai giảng.*

+ Theo dõi tranh thứ nhất và nghe GV kể vắn tắt nội dung đoạn 1: *Hai anh em Hải và Hà rất vui sướng khi nhận được bức thư của bố gửi từ đảo Trường Sa.*

– *Cặp:* Thay nhau trả lời câu hỏi 1.

+ *Hai anh em nhận thư của ai?* (… nhận thư của bố.)

+ GV hỏi thêm: *Nhìn tranh, các em thấy hai anh em thế nào khi nhận thư bố?* (… rất vui sướng. Cảm xúc đó thể hiện qua nét mặt của hai anh em; qua lời reo mừng: "A! Thư của bố!" của người anh.)

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giải thích: *Trường Sa là huyện đảo, gồm hàng trăm đảo ở Nam Trung bộ nước ta.*

+ Tiếp tục theo dõi các chi tiết của nội dung bức thư trong tranh thứ hai qua lời kể của GV:

- *Trong thư, bố kể đã đi dự lễ khai giảng năm học mới của một trường tiểu học tại Cột mốc chủ quyền trên đảo.*
- *Bố khen anh Hải đã là học sinh chăm ngoan và mong cô con gái Hà vào học lớp Một cũng chăm ngoan như anh.*
- *Bố muốn lá thư này như một vật kỉ niệm để mai sau khôn lớn, các con tự hào vì đã có bố là chiến sĩ bảo vệ quần đảo Trường Sa thân yêu của Tổ quốc.*

+ HS theo dõi các chi tiết nội dung bức thư trong tranh thứ hai qua lời kể của GV:

– *Cặp:* Thay nhau trả lời câu hỏi 2.

Trong thư, bố viết gì? (… bố kể về việc đi dự lễ khai giảng năm học mới ở một trường tiểu học trên đảo, … bố khen hai anh em chăm ngoan, học giỏi, … bố muốn lá thư này như một vật kỉ niệm để mai sau khôn lớn, các con sẽ tự hào về bố mình là chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc.)

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tuần 1

Tập viết

Mục tiêu

- HS được luyện cầm bút và ngồi viết đúng tư thế.
- Biết viết chữ: *a, b, c, o, ô, ơ, d, đ*.
- Biết viết từ: *bà, cò, cá, cô, da, đá, bơ, đỗ*.
- Biết viết số: *0, 1, 2, 3, 4*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường; mẫu chữ số: *0, 1, 2, 3, 4*.
- Bộ thẻ các chữ in thường và chữ viết thường, thẻ từ: *a, b, c, o, ô, ơ, d, đ, bà, cò, cá, cô, da, đá, bơ, đỗ*.
- VD:



- Tranh ảnh: *bà, cò, cá, cô, da, đá, bơ, đỗ*.
- *Tập viết 1*, tập một; bút chì cho HS.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Chơi trò* Bỏ thẻ. *(Cả lớp)

– Nghe GV hướng dẫn cách chơi: HS ngồi thành vòng tròn. Một bạn cầm thẻ từ và thẻ chữ cái đi sau vòng tròn và bỏ thẻ sau lưng các bạn cho đến hết thẻ. Mỗi bạn đưa tay ra sau, nếu nhặt được thẻ thì đứng lên đọc chữ cái hoặc từ trên thẻ, sau đó dán thẻ lên bảng lớp.

– HS thực hiện trò chơi. GV sắp xếp các thẻ chữ theo đúng trình tự của bài.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Nhận diện các chữ cái. (Cả lớp)

Nghe GV đọc từng chữ và nhìn vào thẻ chữ GV chỉ rồi đọc theo: *a, b, c, o, ô, ơ, d, đ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết chữ cái.

– *Cả lớp:* Nghe GV làm mẫu, hướng dẫn viết từng chữ *a, b, c, o, ô, ơ, d, đ* (mỗi chữ viết 2 – 3 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng chữ. Nghe GV nhận xét bài của mình hoặc của bạn.

* *Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Viết từ.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ và làm mẫu, hướng dẫn viết từng từ *bà, cò, cá, cô, da, đá, bơ, đỗ* (mỗi từ viết 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ. Nghe GV nhận xét bài viết.

– *Cả lớp:* Xem bài viết của các bạn trong triển lãm bài viết của lớp.

***HĐ5. Viết số* 0, 1, 2, 3, 4.**

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng số và đọc theo GV: không, một, hai, ba, bốn (tay chỉ vào số).

– *Cá nhân:* Nhìn mẫu chữ số trong vở và nhìn GV viết mẫu trên bảng rồi viết lần lượt từng dòng từ số 0 đến số 4 (mỗi dòng viết 2 chữ số cỡ 4 dòng kẻ li và 2 chữ số cỡ 2 dòng kẻ li).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài của một số bạn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

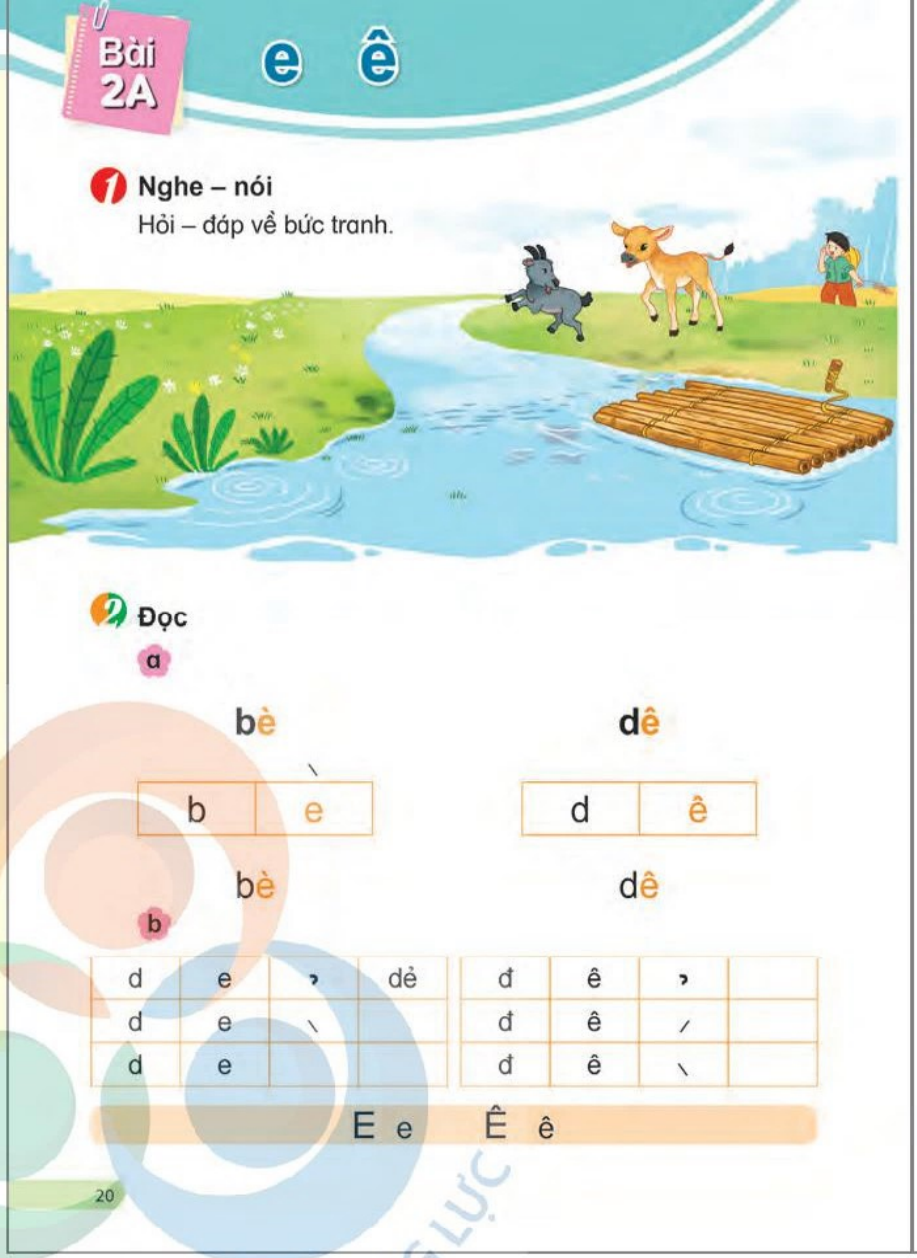
Bài 2A e ê

Mục tiêu

- Đọc đúng âm *e, ê;* đọc trơn các tiếng, từ ngữ chứa *e, ê*. Đọc hiểu từ ngữ, câu qua tranh.
- Viết đúng: *e, ê, dê*.
- Nói, viết được tên con vật, tên hoạt động chứa *e, ê*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1, thẻ chữ *bè, dê*.
- Bảng phụ thể hiện HĐ tạo tiếng mới và các thẻ chữ *(dẻ, dè, de, để, đế, đề)*.
- Tranh và chữ phóng to HĐ đọc hiểu từ ngữ.
- 2 phiếu, mỗi phiếu ghi nội dung: *Dế ở bờ đê, dế có cỏ. Cò ở bè cá, cò có cá.*
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Quan sát tranh HĐ1 GV treo trên bảng; nghe GV hỏi và trả lời, hoặc GV gợi ý để HS hỏi – đáp về bức tranh.

– *Cặp:* Hỏi – đáp theo nội dung tranh:

+ Đây là gì? (Đây là chiếc bè.)

+ *Những con vật nào chạy nhảy trên bãi cỏ?* (Dê và bê)

– *Cả lớp:*

+ Một vài cặp hỏi – đáp về bức tranh.

+ Cả lớp nghe GV gợi ý: *Qua hỏi – đáp về bức tranh, các em có nhắc đến các từ ngữ* chiếc bè, con dê, con bê. *Các tiếng* bè, dê, bê *của các từ ngữ này có âm nào đã học?* (*âm* b, d)

Âm e *trong tiếng* bè *và âm* ê *trong tiếng* dê, bê *là nội dung bài học mới hôm nay.*

+ Nhìn GV viết tên bài trên bảng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

– *Cả lớp:*

+ Mở SHS, quan sát hình *bè, dê*; nhìn GV viết *bè, dê* trên bảng, nghe GV đánh vần: *bờ – e – be* – huyền – *bè*: đọc trơn: bè / *dờ – ê – dê*; đọc trơn: *dê*. HS đánh vần, đọc trơn theo một số lần.

– *Cá nhân:* Đọc trơn: *bè, dê* một số lần.

– *Cả lớp:*

+ Một số HS đọc trơn: *bè, dê.*

+ Cả lớp đọc trơn: *bè, dê.*

* Nghe GV giới thiệu chữ *e, ê* in thường và in hoa trong sách.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:* Nhìn bảng phụ, nghe GV giải thích: *Nhìn bảng này, các em nhận ra các âm đầu và thanh đã học. Vần* e, ê *của bài hôm nay khi kết hợp với các âm đầu và thanh đã học sẽ tạo ra các tiếng mới, VD: các tiếng* dẻ, để.

d	e	ˀ	dẻ

– *Nhóm hoặc dãy bàn:*

+ Đánh vần và đọc trơn tiếng mới (*dẻ, dè, de, để, đế, đề*).

+ Đọc trơn bảng tiếng theo thước chỉ xuôi – ngược của GV.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c







bé | dế | bể cá

3 Viết



4 Đọc

Dế ở bờ đê, dế có cỏ. Cò ở bè cá, cò có cá.



?

Cò có:

a. *bè cá*

b. *cỏ*

c. *cá*

21

– *Cả lớp:*

+ Một số HS đọc trơn bảng tiếng.

+ Cả lớp thi đính nhanh thẻ ghi tiếng vào bảng (mỗi lần 2 HS nhận thẻ, ai đính nhanh nhất sẽ được khen).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp*:

+ Quan sát GV đính hình và chữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu đọc từ ngữ dưới hình:

+ *Các em thấy gì ở mỗi bức hình? (Ở hình 1, các em thấy ai? Ở hình 2, các em thấy con gì? Ở hình 3, các em thấy vật gì?)*

+ *Các em đọc từ ngữ dưới mỗi bức hình.*

– *Nhóm:*

+ *Thấy ai ở hình 1* (bé gái); *thấy con gì ở hình 2* (con dế); *thấy vật gì ở hình 3?* (bể cá)

+ Đọc các từ ngữ *bé, dế, bể cá*.

– *Cả lớp*:

+ Cả lớp theo thước chỉ của GV, đọc từ ngữ phù hợp với hình.

+ Thi đính đúng từ ngữ: (*dế, bé, bể cá*) dưới hình.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* Nhìn GV viết mẫu chữ *e, ê, dê, số 5*; nghe GV hướng dẫn cách viết chữ *d*, viết mới *e, ê*; cách nối chữ ở *dê*; cách viết dấu mũ của chữ *ê*; cách viết số 5.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp*: Nghe GV nhắc nhở các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

– *Cả lớp*:

+ Quan sát tranh HĐ4, nghe GV hỏi: *Các em thấy những gì trong bức tranh này?*

+ Một vài HS trả lời. GV chốt ý: *Trong tranh có bờ đê, con dế, bè cá, con cò. Những hình ảnh này giúp các em hiểu rõ hơn nội dung các câu mà chúng ta sẽ đọc.*

+ Cả lớp nghe GV đọc chậm 2 câu và đọc theo GV; GV nhắc HS chú ý chỗ ngắt (sau dấu phẩy) và chỗ nghỉ (sau dấu chấm câu).

+ Một vài HS đọc trơn 2 câu.

– *Nhóm*:

+ Cá nhân luyện đọc trơn.

+ Nhóm đọc trơn và thảo luận để chọn ý trả lời đúng.

– *Cả lớp*:

+ Từng nhóm đọc trơn 2 câu và đại diện nhóm trả lời câu hỏi (ý c).

+ Nghe GV nhận xét từng nhóm.

+ Cả lớp đọc lại các câu.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 2B h i

Mục tiêu

- Đọc đúng âm *h, i*; đọc trơn các tiếng, từ ngữ chứa *h, i*. Đọc hiểu từ ngữ, câu qua tranh.
- Viết đúng: *h, i, hè*.
- Nói, viết được tên cây, tên con vật chứa *h, i*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh và thẻ chữ phóng to HĐ1.
- Bảng phụ thể hiện HĐ tạo tiếng mới và 2 bộ thẻ chữ *hồ, hố, hổ, bi, bí, bị*.
- Tranh và thẻ chữ phóng to đọc hiểu từ ngữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:*
  + Quan sát tranh HĐ1 GV theo trên bảng; nghe GV hỏi và trả lời, hoặc GV gợi ý để HS hỏi – đáp về bức tranh:
  + *Bạn đã đi qua đoạn đường có đèn chỉ báo giao thông như trong tranh này chưa?*
  + *Vì sao người đi ô tô phải dừng trước vạch trắng?* (… vì đèn chỉ báo giao thông phát sáng màu đỏ)
  + *Vì sao người đi bộ được đi qua đường?* (… vì đèn chỉ báo giao thông phát sáng màu xanh cho phép người đi bộ sang đường)
  + *Một số người đi bộ khác đang đi ở đâu?* (… đang đi trên hè đường)
– *Cặp*: Hỏi – đáp về bức tranh.
– *Cả lớp*:
  + Nghe GV dặn dò: *Khi tham gia giao thông, phải thực hiện đúng quy định: đi bộ trên hè, đèn đỏ phải dừng, đèn xanh được đi.*

  (Nếu trường ở những địa phương không có đèn giao thông, GV chỉ vào các chi tiết trong tranh và giải thích, sau đó cho HS trả lời các câu hỏi.)
  + Nghe GV gợi ý: *Các tiếng hè, đi* (GV nói và đính thẻ chữ) *có âm, vần nào các em đã học?* (âm đ, vần e); *âm h và vần i các em sẽ học trong bài mới hôm nay.*
  + Nhìn GV viết tên bài trên bảng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

– *Cả lớp:*
  + Nhìn GV viết *hè, đi* trên bảng.
  + Nghe GV đánh vần và đọc trơn *hờ – e – he* – huyền – *hè*, đọc trơn: *hè*; nghe GV đánh vần và đọc trơn: *đờ – i – đi*, đọc trơn: *đi*.
– *Cặp*: Đánh vần, đọc trơn: *hè, đi*.
– *Cả lớp*:
  + Một số cặp HS đọc trơn: *hè, đi*.
  + HS đọc trơn: *hè, đi*.
  + Một số HS đọc trơn: *hè, đi*.

* Nghe GV giới thiệu chữ *h, i* in thường và in hoa trong sách.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c







bi | hề | bờ hồ

3 Viết

h i hè 6

4 Đọc

Bố có hồ cá. Bé Bi có bể cá.



?

Bố có:
a. *hồ cá*
b. *bể cá*

23

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp*: Nhìn bảng phụ, nghe GV giải thích: *Trong bảng, âm đầu* b, *vần* ô *đã học; âm đầu* h *và vần* i *vừa học. Từ các âm đầu, vần và thanh đã học, chúng ta sẽ tạo được các tiếng mới, VD:* hồ.

h	ô	ˋ	hồ

– *Nhóm*: Đánh vần, đọc trơn các tiếng mới khác (*hố, hổ; bi, bí, bị*).
– *Cả lớp*:
+ 2 nhóm thi đính nhanh thẻ chữ vào bảng.
+ Đọc trơn bảng tiếng theo thước chỉ xuôi – ngược của GV.
+ Một số HS đọc trơn bảng tiếng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp*:
+ Quan sát GV đính hình và chữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu đọc từ ngữ dưới với hình:
• *Các em thấy gì ở mỗi bức hình? (Trong hình 1, các em thấy cái gì? Trong hình 2, các em thấy ai? Trong hình 3, các em thấy gì?)*
• *Các em đọc các từ ngữ dưới mỗi bức hình.*

– *Nhóm:*
+ Trao đổi để nêu vật ở hình 1 (mấy viên bi), người ở hình 2 (chú hề), cảnh ở hình 3 (cảnh bờ hồ).
+ Đọc các từ ngữ.
– *Cả lớp*:
+ Đại diện nhóm HS nêu kết quả làm việc; đính chữ dưới hình phù hợp.
+ Cả lớp theo thước chỉ của GV, đọc từ ngữ.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp*: Nhìn GV viết mẫu chữ *h, i, hè, 6;* nghe GV nhắc cách viết chữ *h*, chữ *i*; cách nối chữ *h* với *e* và cách đặt dấu huyền trên *e*, cách viết số 6.
– *Cá nhân*: Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp*: Nghe GV nhắc nhở các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

– *Cả lớp:*
+ Quan sát tranh HĐ4, nghe GV hỏi (và chỉ thước vào tranh): *Các em thấy những gì trong bức tranh?*
+ Một vài HS trả lời, GV chốt ý: *Trong tranh có bò, bê, hồ cá, người đàn ông, bé, bể cá. Những hình ảnh này giúp các em hiểu rõ nội dung các câu mà chúng ta đọc dưới đây.*
+ Cả lớp nghe GV đọc chậm 2 câu và đọc theo GV; GV nhắc HS chỗ ngắt sau dấu phẩy và chỗ nghỉ sau dấu chấm câu.
+ Đọc trơn 2 câu.
+ Một vài HS đọc trơn 2 câu.
– *Nhóm*: Đọc trơn và thảo luận để chọn ý trả lời đúng (ý a).
– *Cả lớp*:
+ Một vài nhóm (cặp) đọc trơn và đại diện nhóm (cặp) trả lời câu hỏi.
+ Cả lớp nghe GV nhận xét từng nhóm hoặc từng cặp.
+ Đọc lại các câu.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 2C g gh

Mục tiêu

- Đọc đúng âm "gờ" – viết là *g* và *gh*; đọc trơn các tiếng, từ ngữ, câu.
- Đọc hiểu từ ngữ, câu qua tranh.
- Viết đúng: *g, gh, gà, ghẹ*.
- Nói, viết tên các đồ vật chứa *g, gh*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1 và các thẻ chữ: *gà, ghẹ*.
- Bảng phụ thể hiện HĐ tạo tiếng mới và các thẻ chữ ghi tiếng (*gô, gồ, gõ, ghế, ghè, ghì*).
- Tranh và thẻ chữ phóng to HĐ đọc hiểu từ ngữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.

Bài 2C g gh

1 Nghe – nói

Hỏi – đáp về con vật trong tranh.





2 Đọc

a

gà		ghẹ	
g	a	gh	e
gà		ghẹ	

b

g	ô		gô
g	ô	\	
g	o	~	

gh	ê	/	
gh	e	\	
gh	i		

G g Gh gh

24

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Quan sát tranh HĐ1 GV treo trên bảng, nghe GV gợi ý: *Hai bức tranh này thể hiện cảnh ở hai nơi khác nhau. Từng cặp HS hỏi – đáp xem đó là cảnh ở đâu? Ở đó có những con vật nào? Các con vật đang làm gì?*

– *Cặp:* Hỏi – đáp về nội dung tranh theo gợi ý của GV. Sau đó, một số cặp hỏi – đáp trước lớp.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nhận xét (khen các cặp hỏi – đáp đúng nội dung tranh); nhìn GV đính các thẻ chữ dưới 2 tranh (*gà, ghẹ*) và hỏi: *Trong các tiếng gà, ghẹ, có vần là âm a, e; các vần này các em đã học; còn âm đầu* g (*gờ đơn*) *và* gh (*gờ kép*) *các em sẽ học ở bài học hôm nay.*

+ Nhìn GV viết tên bài.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

– *Cả lớp:*

+ Quan sát 2 hình trong SHS, nghe GV đánh vần: *gờ (g) – a – ga* – huyền – *gà*; đọc trơn: *gà*. HS đánh vần và đọc trơn theo.

+ Nghe GV đánh vần: gờ *(gh) – e – ghe* – nặng – *ghẹ*; đọc trơn: *ghẹ*. HS đánh vần và đọc trơn theo.

– *Cá nhân*: Đánh vần, đọc trơn: *gà, ghẹ*.

– *Cả lớp:*

+ Đọc trơn: *gà, ghẹ*.

+ Một số HS đọc trơn: *gà, ghẹ*.

* Nghe GV giới thiệu chữ *g, gh* in thường và in hoa trong sách.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:* Nhìn bảng phụ, nghe GV giải thích: *Từ tiếng mẫu* gô, *các em hãy tạo các tiếng mới bằng các âm và các thanh đã học ở các bài cũ và âm* g, gh *của bài học hôm nay.*

g	ô		gô

TÙNG BƯỚC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



gõ



ghế gỗ

3 Viết

g gh gà ghẹ 7

4 Đọc

Cô Hà đi bộ ở bờ hồ. Bờ hồ có ghế đá.



? *Bờ hồ có:*
a. *ghế đá*
b. *ghế gỗ*

25

– *Nhóm hoặc bàn*: Đánh vần, đọc trơn tiếng mới tạo được trong bảng (*gồ, gõ, ghế, ghẹ, ghi*).
– *Cả lớp*:
  + Đọc trơn bảng tiếng theo thước chỉ xuôi – ngược của GV;
  + Nhóm 2 HS nhận thẻ, thi đính chữ nhanh vào bảng theo hiệu lệnh của GV.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Quan sát GV đính hình và chữ phóng to trên bảng, nghe GV hỏi:
  + *Các em thấy gì ở mỗi bức hình (Trong hình 1, cậu bé đang làm gì? Trong hình 2 có cái gì?).*
  + Các em cùng cô (thầy) đọc các từ ngữ: *gõ, ghế gỗ.*
– *Nhóm:*
  + HS thấy gì ở mỗi bức hình. (Cậu bé đang gõ trống; Chiếc ghế gỗ.)
  + Đọc trơn từ ngữ.
– *Cả lớp*:
  + 3 nhóm thi đính lại chữ dưới hình phù hợp (mỗi nhóm đính 1 thẻ chữ).
  + HS đọc từ ngữ theo thước chỉ của GV.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp*: Nhìn GV viết mẫu chữ *g, gh, gà, ghẹ, 7*; nghe GV nhắc cách viết chữ *g*, cách nối chữ *g* với chữ *a*, chữ *g* với chữ *h*, chữ *h* với chữ *e* và cách đặt dấu huyền trên chữ *a*, dấu nặng dưới chữ *e*; cách viết số 7.
– *Cá nhân*: Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp*: Nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

– *Cả lớp*: Quan sát tranh HĐ4, nghe GV nêu yêu cầu: *Các em hãy hỏi – đáp về các chi tiết trong bức tranh.* (Tranh vẽ cảnh bờ hồ, 2 mẹ con đi ở bờ hồ)
– *Cặp*: Hỏi – đáp nhanh về các chi tiết trong tranh theo gợi ý ở trên; nghe GV nhắc lại nội dung tranh và nói tiếp: *Bức tranh giúp chúng ta hiểu rõ hơn nội dung các câu đọc.*
– *Cả lớp*:
  + Nghe GV đọc chậm các câu, HS đọc theo GV; GV nhắc HS chỗ ngắt, nghỉ trong câu và từ ngữ chứa tiếng có *gh (ghế đá)*.
  + Cả lớp đọc trơn các câu.
  + Một vài HS đọc trơn các câu.
– *Nhóm hoặc cặp:* Quan sát tranh, đọc trơn câu hỏi, chọn từ ngữ ở mục a hoặc b, nói tiếp để có câu trả lời đúng.
– *Cả lớp:*
  + Nhóm hoặc cặp đọc trơn các câu, đại diện nhóm (cặp) nêu ý trả lời đúng.
  + HS nghe GV nhận xét và đọc lại các câu.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 2D k kh

Mục tiêu

- Đọc đúng âm *k, kh*; đọc trơn các tiếng, từ ngữ chứa *k, kh*. Đọc hiểu từ ngữ, câu qua tranh.
- Viết đúng: *k, kh, kê, khế*.
- Nói, viết được tên vật chứa *k, kh*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1, thẻ chữ và *kê, khế*.
- Bảng phụ thể hiện HĐ tạo tiếng mới và các thẻ chữ *kế, kè, kí, khỉ, khẽ, khổ* (2 bộ).
- Tranh và thẻ chữ phóng to HĐ đọc hiểu từ ngữ, HĐ4.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Quan sát tranh HĐ1 GV treo trên bảng, nghe GV gợi ý: *Các em hãy hỏi – đáp trong nhóm về bức tranh (Trong tranh có những con vật nào? Các con vật đang làm gì?)*

– *Nhóm:* Hỏi – đáp:

+ *Trong tranh có những con vật nào?* (… có mấy con gà và mấy con chim)

+ *Các con vật đang làm gì?*

• *Mấy con gà đang nhặt hạt kê để ăn.*

• *Mấy con chim đang đậu trên cây mổ khế để ăn.*

– *Cả lớp*:

+ Nghe GV nhận xét (khen các em hỏi – đáp đúng nội dung bức tranh) và nhìn GV đính 2 thẻ chữ *kê, khế* ở dưới hình ảnh thể hiện trong tranh (vừa đính vừa hỏi: *Các tiếng này có âm nào đã học?(âm ê)*. GV nói tiếp: *Còn âm đầu k, kh các em sẽ được học trong bài hôm nay*.

+ Nhìn GV viết tên bài trên bảng.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

– *Cả lớp:*

+ Quan sát 2 hình *kê, khế*; nhìn GV viết *kê, khế* và đính tranh trên bảng; nghe GV giải thích:

• Tiếng *kê* có âm đầu *k*, vần *ê* (âm đầu *k* có tên gọi và phát âm: ca).

• Tiếng *khế* có âm đầu *kh* (khờ), vần *ê* và thanh sắc.

(Lưu ý GV: Âm "cờ" được thể hiện bởi *c* và *k*. Khi dạy, để giúp HS không lẫn, âm *k* sẽ được gọi tên và phát âm là *ca*.)

+ Cả lớp nghe GV đánh vần: *ca – ê – kê*, đọc trơn: *kê*. HS đánh vần, đọc trơn theo.

+ Nghe GV đánh vần: *khờ – ê – khê – sắc – khế*, đọc trơn: *khế*. HS đánh vần, đọc trơn theo.

– *Nhóm:* Đánh vần, đọc trơn: *kê, khế*.

Một số HS đọc trơn *kê, khế*.

* Nghe GV giới thiệu chữ *k, kh* in thường và in hoa trong sách.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c







kẻ | kể | khỉ

3 Viết

k kh kê khế 8

4 Đọc

Bà có cá. Cô có khế để bà kho cá.



? *Bà có:*
a. *cá*
b. *khế*

27

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:* Nhìn bảng phụ, nghe GV giải thích: *Trong bảng, vần* ê, i *đã học*; *âm đầu* k *và* kh *của bài hôm nay khi kết hợp với vần* ê, e, i, ô *và thanh điệu sẽ tạo ra các tiếng mới, VD:* kế,...

k	ê	´	kế

– *Nhóm (hoặc bàn)*: đánh vần, đọc trơn tiếng mới khác (*kè, kí, khỉ, khế, khổ*).

– *Cả lớp*:
+ Hai nhóm thi đính nhanh các tiếng tìm được vào bảng tiếng.
+ HS đọc trơn bảng tiếng theo thước chỉ xuôi – ngược của GV.
+ Một số HS đọc trơn bảng tiếng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp*:
+ Quan sát GV đính hình và chữ phóng to trên bảng, nghe GV hỏi:
+ *Các em thấy gì ở mỗi bức hình? (Trong hình 1, cậu bé đang làm gì? Trong hình 2, bà đang làm gì? Trong hình 3, đó là con gì?)*
+ *Các em cùng cô (thầy) đọc các từ ngữ dưới mỗi bức hình.*

– *Nhóm*:
+ HS thấy gì ở hình 1 (cậu bé kẻ vở), thấy gì ở hình 2 (bà đang kể chuyện), thấy gì ở hình 3 (con khỉ).
+ Đọc trơn từ ngữ.

– *Cả lớp*:
+ Một số nhóm HS nêu kết quả làm việc, đính chữ dưới hình phù hợp.
+ HS đọc từ ngữ theo thước chỉ của GV.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp*: Nhìn GV viết mẫu chữ *k, kh, kê, khế, 8*; nghe GV nhắc cách viết chữ *k, h, ê*; cách nối chữ *k* với *ê*; cách nối chữ *k* với *h*, với *ê* và cách đặt dấu sắc trên *ê*; cách viết số 8.

– *Cá nhân*:
+ Viết bảng con (hoặc viết vở).
+ Nghe GV nhắc nhở các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

– *Cả lớp*:
+ Quan sát tranh HĐ4, nghe GV hỏi: *Các em thấy những gì ở bức tranh này?*
+ Một vài HS trả lời, GV nêu yêu cầu: *Các em hãy hỏi – đáp về các chi tiết trong tranh.*

– *Cặp (hoặc nhóm)*: Hỏi – đáp các chi tiết trong tranh bà cầm xâu cá; cô gái đang đưa khế cho bà

– *Cả lớp:*
+ Một cặp HS hỏi – đáp trước lớp.
+ Nghe GV đọc chậm các câu, HS đọc theo GV; GV nhắc HS chỗ ngắt, nghỉ trong câu; các từ ngữ chứa tiếng có âm mới (*khế, kho*).
+ Đọc trơn các câu.
+ Một vài HS đọc trơn các câu.
+ Chọn a hoặc b để trả lời câu hỏi.
+ Một vài nhóm hoặc cặp đọc trơn các câu và trả lời câu hỏi (ý a).
+ Nghe GV nhận xét, đọc lại các câu.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 2E

Ôn tập

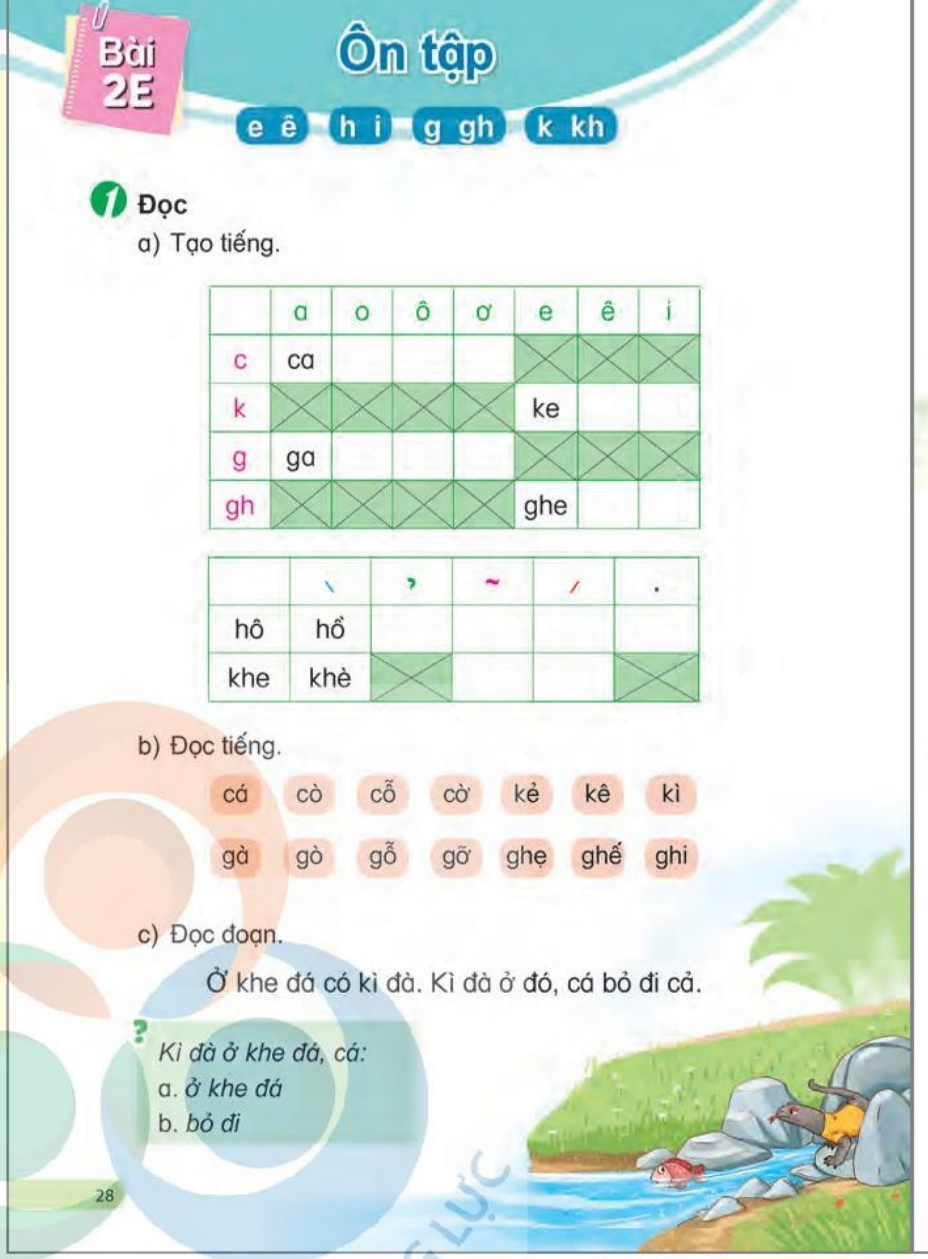
e ê h i g gh k kh

Mục tiêu

- Đọc trơn các tiếng, từ ngữ, câu.
- Hiểu từ ngữ, câu qua tranh.
- Kể được về một người bạn cho người thân nghe.
- Viết được: *kì đà, ghế gỗ.*

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ thể hiện HĐ1.
- Tranh phóng to HĐ3.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.



Bài 2E Ôn tập

e ê h i g gh k kh

1 Đọc

a) Tạo tiếng.

	a	o	ô	ơ	e	ê	i
c	ca						
k					ke		
g	ga						
gh					ghe		

	ˋ	ˀ	˜	ˊ	.
hô	hồ				
khe	khè				

b) Đọc tiếng.

cá cò cỗ cờ kẻ kê kì

gà gò gỗ gỡ ghẹ ghế ghi

c) Đọc đoạn.

Ở khe đá có kì đà. Kì đà ở đó, cá bỏ đi cả.

? *Kì đà ở khe đá, cá:*
a. *ở khe đá*
b. *bỏ đi*

28

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Đọc

a) Tạo tiếng.

Cả lớp:

– Nhìn GV quay bảng phụ.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện (Cô (thầy) chỉ vào ô nào thì đọc nhanh theo mẫu).

+ Bảng trên:

- c, k, g, gh
- a, o, ô, ơ, e, ê, i
- *ca, co, cô, cơ; ke, kê, ki*
- *ga, go, gô, gơ; ghe, ghê, ghi*

+ Bảng dưới:

- *hô, hồ, hổ, hỗ, hố, hộ*
- *khe, khè, khẽ, khé*

b) Đọc tiếng.

HS đọc theo thước chỉ của GV (*cá, cò, cỗ, cờ, kẻ, kê, kì, gà, gò, gỗ, gỡ, ghẹ, ghế, ghi*).

c) Đọc đoạn.

– *Cả lớp:*

+ Quan sát tranh, nghe GV hỏi: *Các em thấy những gì trong tranh?* (… thấy con cá, con kì đà).

+ Nghe GV nhận xét: *Các em trả lời đúng. Chúng ta cùng đọc các câu.*

+ Nghe GV đọc mẫu.

+ Đọc trơn theo GV.

– *Cả lớp:*

+ Một số HS đọc trơn và chọn a hoặc b để có câu trả lời đúng.

+ Nghe GV nhận xét câu trả lời.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

2 Viết



3 Nghe – nói

Kể chuyện. ***Gấu và khỉ***



a) Gấu đang làm gì?



b) Khỉ làm gì?



c) Gấu nói gì khi đưa chuối cho khỉ?

29

2. Viết

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu nhiệm vụ (viết chữ *kì đà, ghế gỗ*) và cách viết chữ, cách nối chữ, cách đặt dấu thanh.

+ Nghe GV hướng dẫn viết số 9.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét viết vở (hoặc viết bảng con).

3. Nghe – nói

Nghe kể câu chuyện *Gấu và khỉ* và trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn:

+ Quan sát tranh và đoán nội dung câu chuyện.

+ Nói tên con vật / nhân vật trong mỗi tranh.

+ Đọc tên câu chuyện và đoán nội dung câu chuyện.

+ Nghe GV kể chuyện, kết hợp nhìn tranh.

– *Cá nhân:* Trả lời câu hỏi ở mỗi tranh.

Văn bản kể chuyện

Gấu và khỉ

1. Ở một khu rừng nọ, có những cây hạt dẻ đã đến lúc cho quả chín bùi. Một chú gấu thích ăn hạt dẻ lắm nhưng vì thân hình nặng nề nên không trèo được lên cây, đành cặm cụi nhặt những hạt dẻ rụng. Bỗng có tiếng động trên cành cao, gấu ngửa mặt nhìn lên.

2. Gấu thấy một bạn khỉ đang cười khoái chí. Gấu vội làm quen: "Chào anh khỉ! Anh hái được nhiều hạt dẻ chưa?". Khỉ hãnh diện trả lời: "Giá mà anh gấu lên được trên này, thì sẽ biết ở đây mát mẻ ra sao và tha hồ mà chọn những hạt dẻ ngon… Nhưng, anh đừng buồn, tôi sẽ rung cành cho anh nhặt hạt nhé!". Gấu cảm ơn khỉ, rồi cúi xuống nhặt những hạt dẻ rơi xuống đất.

3. Gấu tặng khỉ mấy quả chuối. Gấu biết khỉ thích chuối nên đã xin mẹ đem cho khỉ. Nhận chuối, khỉ cười và rối rít cảm ơn gấu. Sau đó, thỉnh thoảng gấu và khỉ lại rủ nhau đi chơi, đi kiếm ăn.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tuần 2

Tập viết

Mục tiêu

- Luyện cầm bút và ngồi viết đúng tư thế.
- Biết viết chữ: *e, ê, i, h, g, gh, k, kh.*
- Biết viết từ: *dê, hè, kê, khế, gà, ghẹ, kì đà, ghế gỗ.*
- Biết viết số: *5, 6, 7, 8, 9.*

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường; mẫu chữ số: *5, 6, 7, 8, 9.*
- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường, thẻ từ: *e, ê, i, h, g, gh, k, kh, dê, hè, kê, khế, gà, ghẹ, kì đà, ghế gỗ.*
- VD:



- Tranh ảnh: dê, hè, kê, khế, gà, ghẹ, kì đà, ghế gỗ
- Những mảnh giấy nhỏ làm phiếu bầu bài viết tốt.
- *Tập viết 1*, tập một; bút chì cho HS.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. *Chơi trò Ai nhanh? để tìm từ đã học.*

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi. Mỗi nhóm có bộ thẻ chữ cái ghi âm và thẻ từ. Khi nghe GV đọc âm nào thì từng nhóm chọn thẻ chữ ghi âm đó giơ lên và đọc chữ trên thẻ.

– *Cá nhân:* Từng HS thực hiện trò chơi.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. *Nhận biết các chữ cái.* (Cả lớp)

– Nghe GV đọc từng chữ cái và nhìn vào thẻ chữ GV chỉ rồi đọc theo: *e, ê, i, h, g, gh, k, kh*. GV nhấn mạnh: âm "gờ" ghi bằng 2 chữ *g, gh*. Khi liền sau âm "gờ" là các chữ *e, ê, i* thì viết âm này là *gh*. Khi liền sau âm "gờ" là các chữ *a, ă, â, o, ô, ơ, u, ư* thì viết âm này là *g*. Khi liền sau chữ *k* thì viết *e, ê, i*.

– Thực hiện trò chơi. GV sắp xếp các thẻ chữ theo đúng trình tự của bài.

– Nghe GV đọc từng chữ và nhìn vào thẻ chữ GV chỉ rồi đọc theo: *e, ê, i, h, g, gh, k, kh*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. *Viết chữ.*

– *Cả lớp:* Nghe GV làm mẫu, hướng dẫn viết từng chữ *e, ê, i, h, g, gh, k, kh* (mỗi chữ viết 2 – 3 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ);

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng chữ. Nghe GV nhận xét bài của mình hoặc của bạn.

* *Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. *Viết từ.*

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ và làm mẫu, hướng dẫn viết từng từ: *dê, hè, kê, khế, gà, ghẹ, kì đà, ghế gỗ* (mỗi từ viết 1 – 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ. Đặt bài viết để tham gia triển lãm.

– *Cả lớp:* Xem bài viết của các bạn trong triển lãm bài viết. Bầu chọn một bài viết tốt nhất (viết tên bạn có bài viết tốt vào phiếu bầu rồi bỏ phiếu). Nghe GV nhận xét bài viết đã bầu chọn.

HĐ5. *Viết chữ số* 5, 6, 7, 8, 9.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng số và đọc theo GV: năm, sáu, bảy, tám, chín (tay chỉ vào số).

– *Cá nhân:* Nhìn mẫu chữ số trong vở và nhìn GV viết mẫu trên bảng rồi viết lần lượt từng dòng từ số 5 đến số 9 (mỗi dòng viết 2 chữ số cỡ 4 dòng kẻ li, 2 chữ số cỡ 2 dòng kẻ li).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 3A l m

Mục tiêu

- Đọc đúng các âm *l, m*; các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn. Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong đoạn; trả lời được câu hỏi về đoạn đọc.
- Viết đúng: *l, m, lá, mẹ*.
- Nêu được câu hỏi và trả lời câu hỏi về người, vật, sự việc trong tranh. Nói được tên một số đồ vật, cây cối có tiếng mở đầu bằng *l* hoặc *m*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh ở HĐ1 phóng to.
- Bảng phụ thể hiện HĐ tạo tiếng mới và các thẻ chữ *lê, là, lí, mạ, mỏ, mỡ*.
- 3 bộ tranh và thẻ chữ phóng to của HĐ đọc hiểu từ (2c).
- Mẫu chữ *l, m* phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp hoặc phần mềm hướng dẫn HS viết chữ *l, m*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh của HĐ1, đoán mối quan hệ của các nhân vật trong tranh; thay nhau hỏi – đáp về hoạt động, lời nói… của các nhân vật.

– *Cá nhân và cặp:* Quan sát tranh phóng to, chú ý các chi tiết. Sau đó cặp HS hỏi – đáp về nội dung tranh. VD, có thể nêu các câu hỏi:

+ *Tranh vẽ những ai?* (2 mẹ con / mẹ và bé)

+ *Hai người (mẹ và bé) đang làm gì?*

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu tên người, sự vật trong bức tranh của HĐ1 là các tiếng mới của Bài 3A; quan sát các chữ *lá, mẹ* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng/chiếu trên màn hình.

+ Nghe GV đọc: *l, m*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

■ Đọc tiếng ***lá***:

– *Cả lớp*: Quan sát GV viết chữ *lá, mẹ*; nghe GV đánh vần, đọc trơn; HS đánh vần, đọc trơn theo GV: *lờ – a – la* – sắc – *lá*; đọc trơn: *lá*.

– *Cá nhân, dãy bàn/ nhóm*: Đánh vần, đọc trơn: *lờ – a – la* – sắc – *lá*; → *lá*.

■ Đọc tiếng ***mẹ***:

– *Cả lớp*: Nghe GV đánh vần: *mờ – e – me* – nặng – *mẹ*, đọc trơn: *mẹ*.

– *Cá nhân, dãy bàn /nhóm:* đọc trơn: *mẹ*.

– *Cả lớp*: Đọc trơn theo thước chỉ của GV (chống đọc vẹt): *lá, mẹ; mẹ, lá; lá, mẹ*.

* Nghe GV giới thiệu chữ *l, m* in thường và in hoa trong sách.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp*: Nhìn bảng phụ đã viết nội dung tạo tiếng mới, nghe GV nêu yêu cầu: *Từ tiếng mẫu* ***lê*** *tạo được, các nhóm cùng nhau tạo các tiếng khác trong bảng.*

l	ê		lê

– *Nhóm*: Mỗi HS trong nhóm ghép tiếng theo thứ tự các dòng. Từng HS đọc trơn các tiếng tìm được: *là, lí, mạ, mỏ, mỡ*.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT HUY NĂNG LỰC

c



lá me



lọ mơ



bộ li

3 Viết

l m lá mẹ

4 Đọc



Mẹ dỗ bé

Bé Hà bị ho. Mẹ lo, mẹ bế bé.
Có mẹ bế, mẹ dỗ, bé Hà đỡ ho.

?

Có mẹ bế, mẹ dỗ, bé Hà:
a. *đỡ ho*
b. *đỡ lo*

31

+ Nhóm sửa lỗi đọc tiếng cho nhau.
+ Nhóm cùng đọc trơn các tiếng tìm được một số lần.

– *Cả lớp*: Thi đính nhanh các thẻ chữ trên bảng phụ (2 nhóm). Đọc các tiếng đã đính.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Quan sát 3 hình và các thẻ chữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu nói tên sự vật và đọc từ ngữ dưới mỗi hình.
– *Nhóm:*
+ Trao đổi để nêu tên sự vật trong hình: *lá me/cành me, lọ mơ, bộ li.*
+ Các cá nhân trong nhóm đọc từ ngữ.
+ Một số nhóm đọc trước lớp.
– *Cả lớp:* Đại diện 1 – 2 nhóm đọc từ ngữ trước lớp. Nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong sách phóng to: thi ghép từ ngữ với tranh thích hợp.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp*: Quan sát mẫu chữ và nghe GV nêu cách viết chữ *l, m*; cách nối ở các chữ *lá, mẹ* và cách đặt dấu sắc trên chữ *a*, dấu nặng dưới chữ *e*. HS nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.
– Cá nhân: Viết bảng con (hoặc viết vở).
– Cả lớp: HS nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Mẹ dỗ bé**.*

a) Quan sát tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh, nêu nội dung tranh, đoán nội dung đoạn.
– *Nhóm/cặp:* Từng HS nêu nội dung tranh hoặc trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?* (Vẽ mẹ và bé; mẹ đang nói chuyện với bé)

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả đoạn. HS đọc trơn theo GV (nhìn GV chỉ từng chữ và nghe GV đọc chậm từng câu và đọc theo; đọc 2 – 3 lần).
– *Nhóm/cặp:* Cùng đọc trơn từng câu và cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn thực hiện yêu cầu đọc hiểu: dựa vào đoạn đọc, chọn từ ngữ ở mục a hoặc b, hoàn thành câu trả lời. (*Có mẹ bế, mẹ dỗ, bé Hà đỡ ho.*)
– *Cá nhân/cặp:* Tự thực hiện yêu cầu cuối bài đọc.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

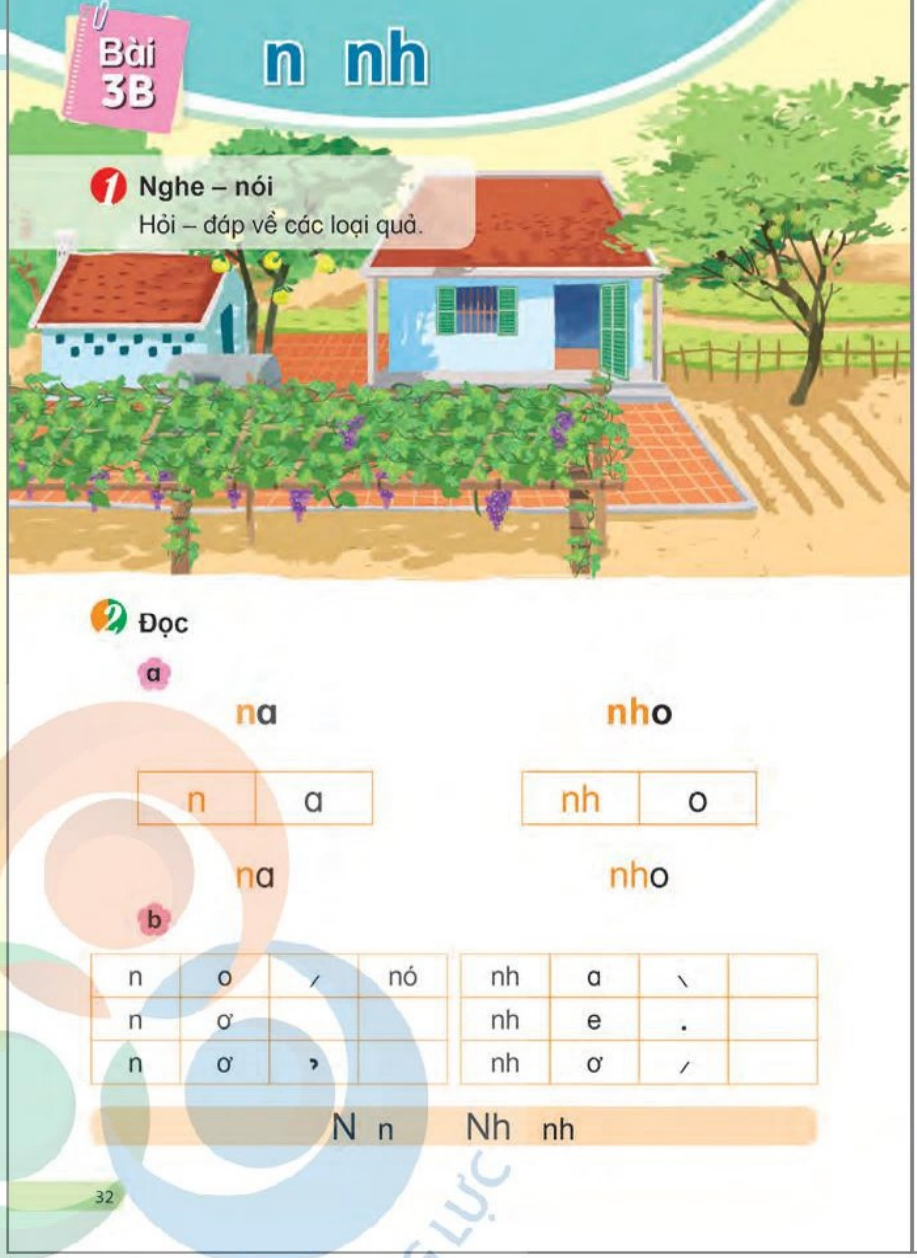
Bài 3B n nh

Mục tiêu

- Đọc đúng các âm *n, nh*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn. Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong đoạn; trả lời được câu hỏi về đoạn đọc.
- Viết đúng: *n, nh, na, nho*.
- Nêu được câu hỏi và trả lời câu hỏi về các loại hoa quả, cây cối, con vật, hoạt động trong tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1 và tranh, ảnh, mô hình, băng hình… về các hoa quả, đồ vật hoặc hoạt động có tên gọi chứa tiếng có âm đầu *n, nh*.
- Bảng phụ thể hiện HĐ tạo tiếng (2b).
- 3 bộ tranh và thẻ chữ phóng to HĐ đọc hiểu từ ngữ (2c).
- Mẫu chữ *n, nh* phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm hướng dẫn HS viết chữ *n, nh*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh của HĐ1, đoán tên cây/quả được vẽ trong tranh.

– *Cá nhân và cặp:* Quan sát tranh phóng to, chú ý các chi tiết. Sau đó cặp HS hỏi – đáp về các loại cây, quả. VD, có thể nêu các câu hỏi:

+ *Tranh vẽ những cây gì, quả gì?*
+ *Các quả đó có vị như thế nào?*

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu các tiếng mới được học ở Bài 3B (GV gắn thẻ từ lên bảng hoặc chiếu trên màn hình hoặc nói – viết – đọc các tiếng *na, nho*).
+ Nghe GV đọc: *n, nh*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

■ Đọc tiếng ***na***:

– *Cả lớp:* Quan sát chữ ở HĐ2 trên bảng (hoặc quan sát GV viết chữ *na, nho*); nghe GV đánh vần, đọc trơn; HS đánh vần, đọc trơn theo: *nờ – a – na*, đọc trơn: *na*.

– *Cá nhân, dãy bàn/nhóm* đánh vần: *nờ – a – na*, đọc trơn: *na*.

– *Cả lớp:* Nghe GV đánh vần: *nhờ – o – nho*, đọc trơn: *nho*. HS đọc trơn theo GV: *nho*. (HS cũng có thể đánh vần trước khi đọc trơn.)

■ Đọc tiếng ***nho***:

– *Cá nhân, dãy bàn/nhóm:*

+ Đánh vần: *nhờ – o – nho*.
+ Đọc trơn: *nho*.

– *Cả lớp:* Đọc trơn theo thước chỉ của GV (chống đọc vẹt): *na, nho; nho, na; na, nho*.

* Nghe GV giới thiệu chữ *n, nh* in thường và in hoa trong sách.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp*: Nhìn bảng phụ đã viết nội dung tạo tiếng mới, nghe GV nêu yêu cầu: Từ tiếng mẫu *nó* đã tạo, các nhóm cùng nhau tạo các tiếng khác trong bảng (hoặc nghe và quan sát GV nói kết hợp viết các âm/vần và thanh vào các ô trong bảng; đọc tiếng tạo được theo yêu cầu của GV).

n	o	´	nó

– *Nhóm*: Mỗi HS trong nhóm ghép tiếng theo thứ tự các dòng. Từng HS đọc trơn các tiếng tìm được.

c



ca nô



nhổ cỏ



nhà lá

3 Viết

n nh na nho

4 Đọc



Bé ở nhà bà

Bé Hà đỡ ho. Mẹ để bé ở nhà bà.
Bà có na, có nho để dỗ bé.

?

Mẹ để bé ở:
a. *nhà bé*
b. *nhà bà*

33

+ Nhóm sửa lỗi đọc tiếng cho nhau.
+ Nhóm cùng đọc trơn các tiếng tìm được một số lần.
+ Nghe GV hướng dẫn hiểu nghĩa của từ khó trong bảng (có thể dùng tranh ảnh, động tác để giúp HS hiểu nghĩa của các từ ngữ chỉ hoạt động trong bảng, hoặc hướng dẫn HS nói câu chứa tiếng/từ trong bảng vừa đọc).

– *Cả lớp*: Thi đính nhanh các thẻ chữ trên bảng phụ (2 nhóm). Đọc các tiếng đã đính.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp*:
+ Quan sát 3 tranh và các thẻ chữ (*ca nô, nhổ cỏ, nhà lá*) phóng to trên bảng.
+ Một HS trả lời câu hỏi của GV: *Em thấy gì ở hình 1*?
+ Một HS khác thực hiện yêu cầu của GV: *Đọc từ ngữ dưới hình.*

– *Nhóm*:
+ Nói tên vật, hoạt động ở hình 2, hình 3 và đọc từ ngữ dưới hình.
+ Một số nhóm đọc trước lớp.

– *Cả lớp*: Đại diện một số nhóm chữa bài trước lớp (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong sách phóng to): ghép thẻ chữ với tranh thích hợp.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp*:
+ Nghe GV nêu cách viết chữ *n, nh*, cách nối nét ở các chữ *na, nho.*
+ Nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.

– *Cá nhân*: Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Bé ở nhà bà**.*

a) Quan sát tranh.

– *Cả lớp*: Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh, nêu nội dung tranh.

– *Nhóm/cặp*: Từng HS nêu nội dung tranh hoặc trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?* (Vẽ bà bế bé, dỗ bé, chơi với bé...)

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp*:
+ Nghe GV đọc cả đoạn.
+ Đọc trơn theo GV (nhìn GV chỉ từng chữ và nghe GV đọc chậm từng câu và đọc theo; đọc 2 – 3 lần).

– *Nhóm/cặp:* Cùng đọc trơn từng câu và cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn thực hiện yêu cầu đọc hiểu: dựa vào bài đọc, chọn từ ngữ ở mục a hoặc b để hoàn thành câu:

Mẹ để bé ở …

(Mẹ để bé ở *nhà bà*.)

– *Cá nhân/cặp*: Tự thực hiện yêu cầu cuối bài đọc.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

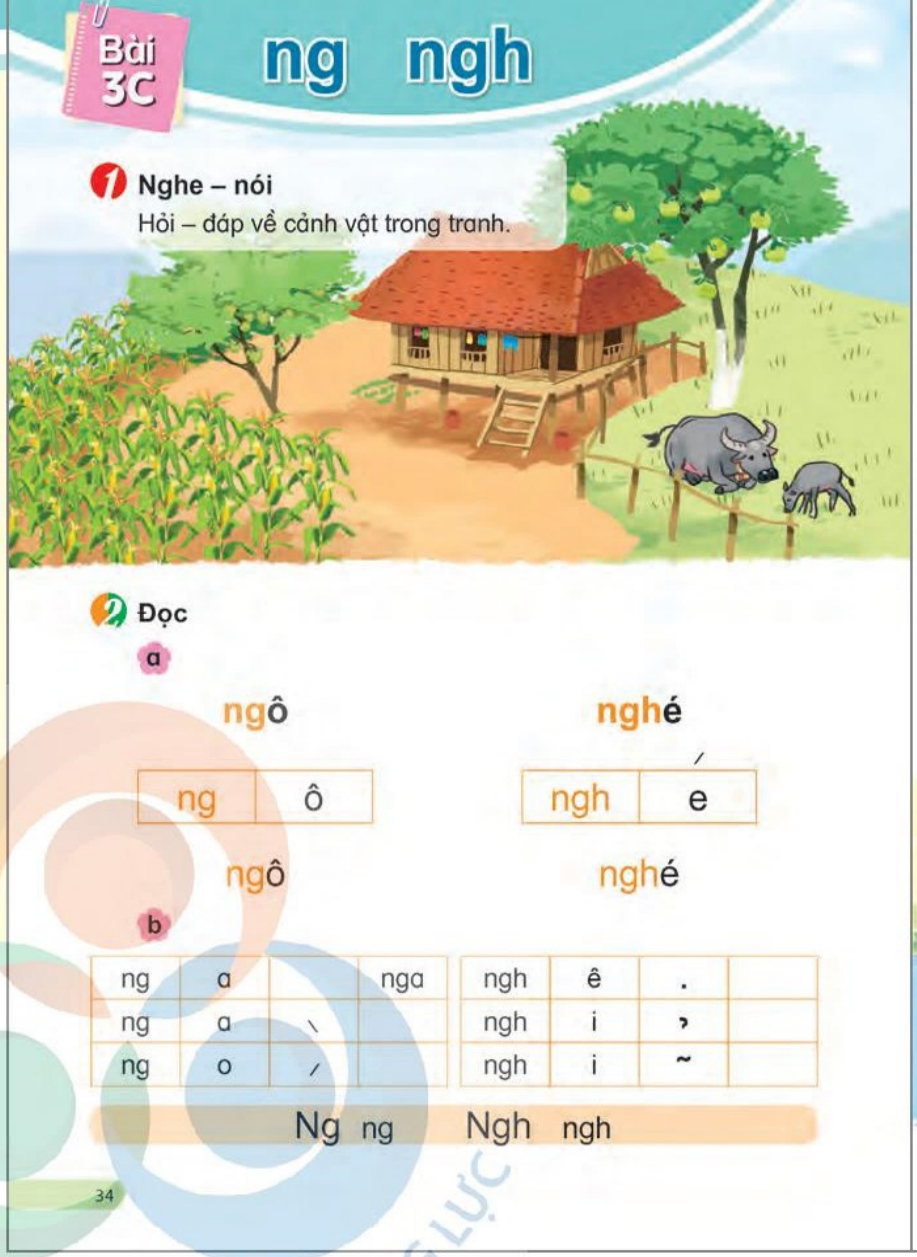
Bài 3C ng ngh

Mục tiêu

- Đọc đúng các âm *ng, ngh*; các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn. Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu, trả lời được câu hỏi đọc hiểu đoạn văn.
- Viết đúng: *ng, ngh, ngô, nghé*.
- Nêu được tên con vật hoặc hoạt động được nói đến trong tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh trong SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình, vật thật… cần thiết để giải nghĩa từ ngữ có trong đoạn đọc.
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu câu.
- Mẫu chữ *ng, ngh* phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm hướng dẫn HS viết chữ *ng, ngh*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh của HĐ1, tìm tên cây/con vật được vẽ trong tranh.

– *Cá nhân và Cặp:* Quan sát tranh phóng to, chú ý các chi tiết. Sau đó cặp HS hỏi – đáp về các cây/con vật trong tranh. VD, có thể nêu các câu hỏi:

+ *Tranh vẽ những cây gì, quả gì?*
+ *Trong tranh có những con vật nào?*
+ Thống nhất đáp án, quan sát GV ghi tên cây, con vật (*na, ngô, nghé*).
+ Nghe GV giới thiệu *ng, ngh* có trong các tiếng *ngô, nghé*.

– Quan sát các chữ *ng, ngh* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng/chiếu trên màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

■ Đọc tiếng ***ngô***:

– *Cả lớp:* Quan sát GV viết chữ *ngô, nghé*; nghe GV đánh vần, đọc trơn; HS đánh vần, đọc trơn theo GV: *ngờ – ô – ngô*; đọc trơn: *ngô*.

– *Cá nhân, dãy bàn/nhóm*: Đánh vần, đọc trơn: *ngờ – ô – ngô → ngô*.

■ Đọc tiếng ***nghé***:

– *Cả lớp*: Nghe GV đánh vần: *ngờ – e – nghe – sắc – nghé*, đọc trơn: *nghé*.

– *Cá nhân, dãy bàn /nhóm*:

+ Đánh vần: *ngờ – e – nghe – sắc – nghé*.
+ Đọc trơn: *nghé*.

– *Cả lớp*: HS đọc trơn theo thước chỉ của GV (chống đọc vẹt): *ngô, nghé; nghé, ngô,…*

* Nghe GV giới thiệu chữ *ng, ngh* in thường và in hoa trong sách.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp*: Nhìn bảng phụ đã viết nội dung tạo tiếng mới, nghe GV nêu yêu cầu: Từ tiếng mẫu *nga* đã tạo, các nhóm cùng nhau tạo các tiếng khác trong bảng. (hoặc nghe và quan sát GV nói kết hợp viết các âm/vần và thanh vào các ô trong bảng; đọc tiếng tạo được theo yêu cầu của GV).

ng	a		nga

CÔNG CỤ ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Nhà bà có bê, có nghé.



Bố Hà bẻ ngô.

3 Viết

ng ngh ngô nghé

4 Đọc



Ở bờ đê

Bê, nghé nhà Nga ở bờ đê.
Ở đó có cỏ. Bê, nghé no cỏ.

?

Nhà Nga có:
a. *bê, nghé*
b. *cỏ*

35

– *Nhóm*: Mỗi HS trong nhóm ghép tiếng theo thứ tự các dòng. Từng HS đọc trơn các tiếng tìm được.
  + Nhóm sửa lỗi đọc tiếng cho nhau.
  + Nhóm đọc trơn các tiếng tìm được 1 – 2 lần.
– *Cả lớp:* Thi đính nhanh các thẻ chữ trên bảng phụ (2 nhóm). Đọc các tiếng đã đính.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp*:
  + Quan sát 2 tranh và các thẻ chữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu: đọc câu ghi trong thẻ chữ dưới hình (*Nhà bà có bê, có nghé. / Bố Hà bẻ ngô.)*
  + Một HS trả lời câu hỏi của GV: *Em thấy hình 1 vẽ gì? rồi thực hiện yêu cầu tiếp theo của* GV: *Đọc câu dưới hình 1*
  + Cách làm tương tự với hình và câu 2.
– *Nhóm*:
  + Các cá nhân trong nhóm quan sát 2 hình và đọc 2 câu.
– *Cả lớp*: Đại diện một số nhóm chữa bài trước lớp (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong sách phóng to): ghép thẻ chữ với tranh thích hợp.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp*:
  + Nghe GV nêu cách viết chữ *ng, ngh*, cách nối nét ở *ngô, nghé*.
  + Nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.
– *Cá nhân*: Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp*: Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Ở bờ đê**.*

a) Quan sát tranh.

– *Cả lớp*: Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh, nêu nội dung tranh, đoán nội dung đoạn.
– *Nhóm/cặp*: Từng HS nêu nội dung tranh hoặc trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?* (Vẽ cảnh vật ở bờ đê, nhiều con vật đang ăn cỏ, chạy nhảy,...).

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp*: Nghe GV đọc cả đoạn, HS đọc trơn theo GV (nhìn GV chỉ từng chữ và nghe GV đọc chậm từng câu và đọc theo; đọc 2 – 3 lần).
– *Nhóm/cặp*: Cùng đọc trơn từng câu và cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp*: Nghe GV hướng dẫn thực hiện yêu cầu đọc hiểu: dựa vào đoạn đọc, chọn từ ngữ ở mục a hoặc b, nói tiếp để hoàn thành câu.
Nhà Nga có ...
– *Cá nhân/cặp*: Hoàn thành câu.
(*Nhà Nga có bê, nghé*)

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

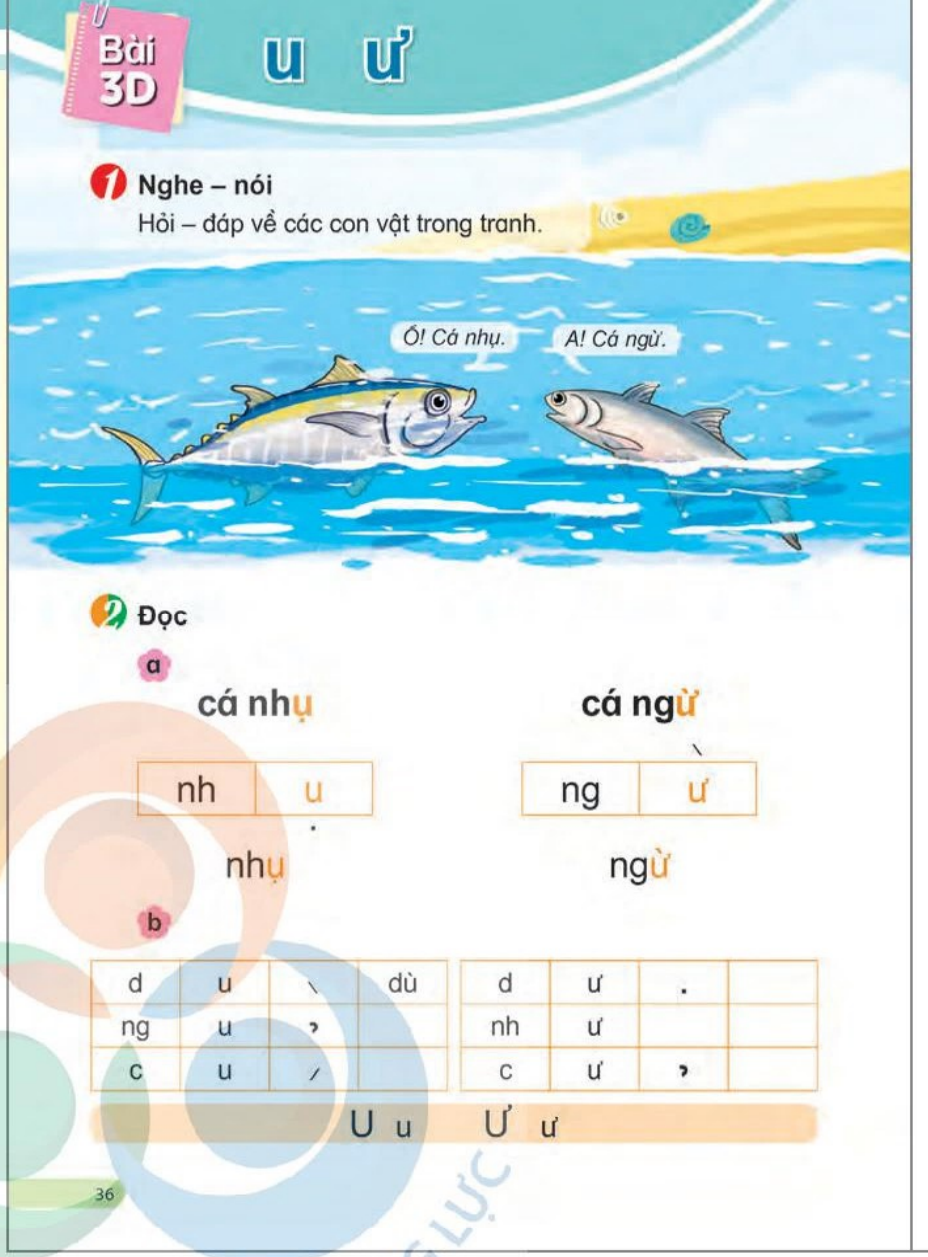
Bài 3D u ư

Mục tiêu

- Đọc đúng các âm *u, ư*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn. Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong đoạn; trả lời được câu hỏi đọc hiểu đoạn.
- Viết đúng: *u, ư, nhụ, ngừ*.
- Nói, viết tên các con vật, mà tên gọi có vần là *u* hoặc *ư*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh trong SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình, vật thật... cần thiết để giải nghĩa từ ngữ có trong bài học.
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu câu.
- Mẫu chữ *u, ư* phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm hướng dẫn HS viết chữ *u, ư*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh của HĐ1, hỏi – đáp theo hướng dẫn.

– *Cặp:* Quan sát tranh phóng to, chú ý các chi tiết. Sau đó, cặp HS hỏi – đáp theo hướng dẫn của GV. VD:

+ *Tranh vẽ gì? Cảnh vật đó ở đâu?*
+ *Hai con cá nói gì với nhau?*

– *Cả lớp*:

+ Nghe GV giới thiệu về đặc điểm của cá nhụ, cá ngừ và giới thiệu các tiếng mới được học ở Bài 3D (GV gắn tranh và thẻ từ lên bảng hoặc chiếu trên màn hình hay nói – viết – đọc các tiếng *ngừ, nhụ*).
+ Quan sát chữ *u* và chữ *ư* được GV gắn thẻ chữ trên bảng/chiếu trên màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

■ Đọc tiếng ***nhụ***:

– *Cả lớp:* HS quan sát chữ trên bảng (hoặc quan sát GV viết chữ) *nhụ, ngừ*; nghe GV đánh vần, đọc trơn; HS đánh vần, đọc trơn theo GV: *nhờ – u – nhu – nặng – nhụ*.

– *Cá nhân, dãy bàn/ nhóm*: Đánh vần, đọc trơn: *nhờ – u – nhụ – nặng – nhụ → nhụ*.

■ Đọc tiếng ***ngừ***:

– *Cả lớp*: Nghe GV đánh vần: *ngờ – ư – ngư – huyền – ngừ*, đọc trơn: *ngừ*.

– *Cá nhân, dãy bàn /nhóm*: đánh vần, đọc trơn: *ngừ*.

– *Cả lớp*: HS đọc trơn theo thước chỉ của GV (chống đọc vẹt): ngừ, nhụ; nhụ, ngừ,...

* Nghe GV giới thiệu chữ *u, ư* in thường và in hoa trong sách.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:* Nhìn bảng phụ đã viết nội dung tạo tiếng mới, nghe GV nêu yêu cầu: *Từ tiếng mẫu **dù** đã tạo, các nhóm cùng nhau tạo các tiếng khác trong bảng.* (hoặc nghe và quan sát GV nói kết hợp viết các âm/vần và thanh vào các ô trong bảng; đọc tiếng tạo được theo yêu cầu của GV).

d	u	ˋ	dù

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



dữ như hổ



đu đủ nhà bà

3 Viết

u ư nhụ ngừ

4 Đọc



Cá kho

Mẹ kho cá nhụ, cá ngừ.
Cá kho nhừ, có cả nghệ.

?

Mẹ kho ■, ■.

37

– *Nhóm:*
  + Mỗi HS trong nhóm ghép tiếng theo thứ tự các dòng. Từng HS đọc trơn các tiếng tìm được.
    • *Nhóm sửa lỗi đọc tiếng cho nhau.*
    • *Nhóm đọc trơn các tiếng tìm được 1 – 2 lần.*
– *Cả lớp:* Thi đính nhanh các thẻ chữ trên bảng phụ (2 nhóm). Đọc các tiếng đã đính.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:*
  + Quan sát 2 tranh và từ ngữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu câu hỏi.
  + Một HS trả lời câu hỏi của GV: *Em thấy hình vẽ gì?* (vẽ bà hái đu đủ, vẽ con hổ dữ) và thực hiện yêu cầu tiếp theo của GV: Đọc các từ ngữ dưới hình (*dữ như hổ, đu đủ nhà bà*)
– *Nhóm:*
  + Các cá nhân trong nhóm đọc.
  + Một số nhóm đọc trước lớp.
– *Cả lớp*: Đại diện một số nhóm chữa bài trước lớp (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong sách phóng to): ghép thẻ chữ với tranh thích hợp.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*
  + Nghe GV nêu cách viết chữ *u, ư* cách nối nét ở *nhụ, ngừ*.
  + Nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.
– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Cá kho**.*

a) Quan sát tranh.
– *Cả lớp*: Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh, nêu nội dung tranh, đoán nội dung đoạn.
– *Nhóm/cặp*: Từng HS nêu nội dung tranh hoặc trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?*.
b) Luyện đọc trơn.
– *Cả lớp*:
  + Nghe GV đọc cả đoạn.
  + HS đọc trơn theo GV (nhìn GV chỉ từng chữ và nghe GV đọc chậm từng câu và đọc theo; đọc 2 – 3 lần).
– *Nhóm/cặp*: Cùng đọc trơn từng câu và cả đoạn.
c) Đọc hiểu.
– *Cả lớp*: Nghe GV hướng dẫn thực hiện yêu cầu đọc hiểu: dựa vào đoạn đọc, nói tiếp để hoàn thành các câu.
  Mẹ kho…
– *Cá nhân/cặp:* Tự thực hiện yêu cầu. VD: *Mẹ kho cá nhụ, cá ngừ.*

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 3E

Ôn tập
l m n nh ng ngh u ư

Mục tiêu

- Đọc đúng các âm *l, m, n, nh, ng, ngh, u, ư* và các tiếng, từ ngữ chứa các âm, vần đã học. Đọc lưu loát các câu, đoạn đã đọc; hiểu nghĩa của từ ngữ trong đoạn đọc và trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.
- Viết đúng các chữ cái, các tiếng chứa âm, vần đã học (*củ nghệ, bẹ ngô*).
- Hỏi và trả lời câu hỏi về các hoạt động thường ngày của mọi người; nghe kể chuyện *Gà mẹ và gà con*, trả lời câu hỏi.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh trong SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình, vật thật... cần thiết để giải nghĩa từ ngữ có trong bài học; con rối để sử dụng khi kể câu chuyện *Gà mẹ và gà con*.
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ, câu.
- Mẫu chữ phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm hướng dẫn HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Nghe – nói

– *Cặp:* Các cặp HS quan sát tranh ở HĐ1, nêu những cảnh vật trong tranh hoặc có thể viết ra các từ ngữ nói tên các vật trong tranh, xác định các chữ không biết viết để được GV trợ giúp.

– *Cả lớp:*

+ Đại diện 1 – 2 cặp lên bảng giới thiệu tranh.

+ Nghe GV nhận xét lời giới thiệu nội dung tranh của các cặp/nhóm.

2. Đọc

a) Đọc từ ngữ.

– *Cá nhân:*

+ Quan sát tranh trong SHS, nói tên các vật được vẽ trong tranh.

+ Đọc các từ ngữ dưới tranh.

– *Cặp:* Cùng đọc các từ ngữ và chỉ tranh phù hợp với từ ngữ.

b) Đọc câu.

– *Cả lớp:*

Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ Việc 1: Nói về các hoạt động của mọi người trong tranh vẽ. (*Họ là ai trong gia đình, họ đang làm gì?*)

– *Nhóm/cặp:* Quan sát 2 tranh, nói nội dung từng tranh.

Gợi ý: HS đặt và trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ ai?; Người đó đang làm gì?*.

+ Đọc câu dưới mỗi hình.

– *Cả lớp:* HS làm việc theo nhóm/cả lớp:

+ 1 – 2 em giới thiệu nhân vật và hoạt động của nhân vật trong tranh. Đọc câu (*Bé Như ngủ khì. / Bố nghỉ ở nhà.*).

+ Nghe GV nhận xét chung cả lớp.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

3 Viết



4 Nghe – nói

Kể chuyện.

Gà mẹ và gà con



1. Gà mẹ cho gà con ăn gì?



2. Gà con nói gì với bác mèo?



3. Chú chó mời gà con ăn gì?



4. Gà con nói gì về món ăn của mẹ?

+ Nghe GV kể câu chuyện (Lần 1), kết hợp nhìn tranh.
+ Tập nói lời đối thoại của các con vật / nhân vật theo hướng dẫn của GV.
+ Tập kể theo/kể cùng GV khi nghe GV kể chuyện (Lần 2).

– *Cá nhân:* Trả lời câu hỏi ở mỗi tranh.

Văn bản kể chuyện

Gà mẹ và gà con

1. Vừa mới ngủ dậy, gà con đã kêu đói. Gà mẹ lấy thóc cho gà con. Nhưng gà con lắc đầu, nói: "Con muốn ăn thứ khác cơ".

2. Gà con chạy tới bác mèo, nói: "Cháu đói bụng quá!". Bác mèo lấy cá cho gà con. Nhưng gà con không thích ăn cá. Gà con nói: "Cảm ơn bác, cháu muốn ăn thứ khác cơ".

3. Gà con chạy đến bên chú chó và nói: "Cháu đói bụng quá!". Chú chó liền lấy xương hầm cho gà con. Nhưng gà con không ăn được xương. Gà con chào và cảm ơn chú chó rồi trở về nhà.

4. Gà con vừa mệt vừa đói, gà mẹ lấy thóc cho gà con. Gà con ăn ngon lành. Gà con nói với mẹ: "Mẹ ơi, sao mà thóc ngon thế hả mẹ?".

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

3. Viết

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu nhiệm vụ viết từ ngữ (*củ nghệ, bẹ ngô*) đúng kiểu và cỡ chữ theo yêu cầu. HS nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

4. Nghe – nói

Nghe kể câu chuyện *Gà mẹ và gà con* và trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:*

Nghe GV hướng dẫn thực hiện các việc:

+ Quan sát tranh và đoán nội dung câu chuyện.
+ Nói tên con vật/nhân vật trong mỗi tranh.
+ Mô tả hoạt động của mỗi con vật/nhân vật trong từng tranh.
+ Đọc tên câu chuyện và đoán nội dung câu chuyện.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tuần 3

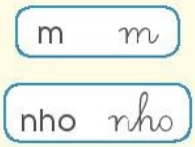
Tập viết

Mục tiêu

- Biết viết chữ: *l, m, n, nh, ng, ngh, u, ư*.
- Biết viết từ: *lá, mẹ, na, nho, ngô, nghé, cá nhụ, cá ngừ, củ nghệ, bẹ ngô*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường.
- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường, thẻ từ: *l, m, n, nh, ng, ngh, u, ư, lá, mẹ, na, nho, ngô, cá nhụ, cá ngừ, nghé, củ nghệ, bẹ ngô*.
- VD:



- Tranh ảnh: *lá, mẹ, na, nho, ngô, nghé, cá ngừ, cá nhụ, củ nghệ, bẹ ngô*.
- *Tập viết 1*, tập một; bút chì cho HS.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. *Chơi trò* Cùng thử sức.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi: Mỗi HS nhặt một thẻ (thẻ chữ cái hoặc thẻ từ) trên bàn GV, giơ lên và đọc chữ cái hoặc từ trên thẻ. GV nhấn mạnh: âm "ngờ" ghi bằng 2 chữ *ng, ngh*. Khi liền sau âm "ngờ" là các chữ *e, ê, i* thì viết âm này là *ngh*. Khi liền sau âm "ngờ" là các chữ *a, ă, â, o, ô, ơ, u, ư* thì viết âm này là *ng*.

– *Cá nhân:* Từng HS thực hiện chơi theo hướng dẫn. GV sắp xếp các thẻ chữ cái và thẻ từ theo trật tự trong bài viết.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. *Nhận diện các chữ cái.*

Cả lớp: Nghe GV đọc từng chữ cái và nhìn vào thẻ chữ GV chỉ rồi đọc theo: *l, m, n, nh, ng, ngh, u, ư*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. *Viết chữ.*

– *Cả lớp:* Nghe GV làm mẫu, hướng dẫn viết từng chữ *l, m, n, nh, ng, ngh, u, ư*. (mỗi chữ viết 2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ);

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng chữ. Nghe GV nhận xét bài của mình hoặc của bạn.

* *Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. *Viết từ.*

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ và làm mẫu, hướng dẫn viết: *lá, mẹ, na, nho, ngô, nghé, cá ngừ, cá nhụ, củ nghệ, bẹ ngô* (mỗi từ viết 1 – 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ. Nghe GV nhận xét bài viết.

– *Cả lớp:* Xem bài viết của một số bạn trong lớp do GV chọn. Nghe GV nhận xét bài viết đã chọn.

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 4A q – qu gi

Mục tiêu

- Đọc đúng các âm *q – qu gi*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn. Hiểu nghĩa các từ ngữ, câu; trả lời được câu hỏi đọc hiểu đoạn văn.
- Viết đúng: *q, qu, gi, quả, giá*.
- Biết đóng vai người bán hoặc người mua hàng nói tên các thức ăn thường được bày bán ở chợ và được vẽ trong tranh ở HĐ1.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh trong SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình,... về các hoa quả, thức ăn (trong tranh ở HĐ1) và về các sự vật có tên gọi được mở đầu bằng *qu, gi*.
- Thẻ chữ, thẻ tranh (nếu có) để đọc hiểu từ ngữ trong bài.
- Mẫu chữ *q, qu, gi*, phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp / phần mềm hướng dẫn HS viết chữ *q, qu, gi* (nếu có).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn chuẩn bị (VD: tạo các quầy hàng như tranh HĐ1, làm một số tờ giấy nhỏ ghi tên các mặt hàng).

– *Nhóm/cặp:* Phân công người bán hàng, người mua hàng. Người bán hàng mời khách mua các mặt hàng của quầy hàng. Người mua hàng hỏi giá, trả giá, đưa tiền (tự làm) và nhận hàng.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu câu hỏi (kết hợp chỉ tranh *giá đỗ, quả bí*): *Đây là cái gì? Quả gì?*

+ Nghe GV giới thiệu tiếng mới trong bức tranh của HĐ1; quan sát các chữ *q, qu, gi*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

■ Đọc tiếng ***quả***:

– *Cả lớp:* Quan sát GV viết *quả bí* (hoặc chiếu chữ trên màn hình), nghe GV đánh vần: *quờ – a – qua – hỏi – quả;* đọc trơn: *quả*.

– *Cá nhân/nhóm:* Đánh vần, đọc trơn theo hướng dẫn của GV.

■ Đọc tiếng ***giá***: (Cách làm tương tự) HS được luyện đánh vần và đọc trơn: *gi – a – gia – sắc – giá → giá*.

* Nghe GV giới thiệu chữ *qu, gi* in thường và in hoa trong sách.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:* Nhìn bảng phụ đã viết nội dung tạo tiếng mới, nghe GV nêu yêu cầu: *Từ tiếng mẫu* qua *đã có, hãy tạo các tiếng khác trong bảng* (hoặc nghe và quan sát GV nói kết hợp viết các âm/vần và thanh vào các ô trong bảng; đọc tiếng tạo được theo yêu cầu của GV).

qu	a		qua

– *Nhóm*: Mỗi HS trong nhóm ghép tiếng theo thứ tự các dòng. Từng HS đọc trơn các tiếng tìm được.

+ Nhóm sửa lỗi đọc tiếng cho nhau.

+ Nhóm cùng đọc trơn các tiếng tìm được một số lần.

– *Cả lớp*:

+ Thi đính nhanh các thẻ chữ trên bảng phụ (2 nhóm). Đọc các tiếng đã đính.

+ Tìm thêm các từ chứa tiếng có âm đầu *qu, gi*.

c



quả me



giỏ cá



cụ già

3 Viết

q qu gi quả giá

4 Đọc



Hồ cá nhà Kha

Nhà Kha có hồ cá. Hồ có cá mè, cá cờ, giờ có cả cá quả. Cá quả dữ ghê. Nó cứ lừ lừ ngó cá mè, cá cờ.

? *Hồ cá nhà Kha có gì?*

41

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:*
  + Quan sát 3 hình và các thẻ chữ phóng to trên bảng (nếu có), nghe GV yêu cầu đọc từ ngữ dưới hình.
  + Thực hành mẫu.
  + Một HS trả lời câu hỏi của GV: *Em thấy gì ở hình 1?* (*quả me/ cành me/chùm me*…) và đọc từ ngữ dưới hình.
– *Nhóm:*
  + Nói về hình 2 và 3 (vẽ giỏ cá, cụ già) và đọc từ ngữ phù hợp dưới hình.
  + Một số nhóm đọc trước lớp.
– *Cả lớp*: Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài trước lớp (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong sách phóng to): ghép từ ngữ với tranh thích hợp.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp*:
  + Nghe GV nêu cách viết chữ *q – qu – gi*; cách nối các nét ở chữ *quả, giá* và cách đặt dấu hỏi trên chữ *a*, dấu sắc trên chữ *a*.
  + Nhìn chữ mẫu GV viết trên bảng.
– *Cá nhân*: Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp*: Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Hồ cá nhà Kha**.*

a) Quan sát tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh, nêu nội dung tranh, đoán nội dung đoạn đọc.
– *Nhóm/cặp:* Từng HS nêu nội dung tranh hoặc trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?* (Vẽ hồ cá/ao cá có nhiều loại cá đang bơi.)

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:*
  + Nghe GV đọc cả đoạn.
  + Đọc trơn theo GV (nhìn GV chỉ từng chữ và nghe GV đọc chậm từng câu và đọc theo; đọc 2 – 3 lần).
  + Đọc truyền điện từng câu (GV hướng dẫn HS cách đọc).
– *Nhóm/cặp:* Cùng đọc trơn từng câu và cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn thực hiện yêu cầu đọc hiểu: dựa vào đoạn đọc, trả lời câu hỏi.

Hồ cá nhà Kha có gì?

– *Cá nhân/cặp:* Tự thực hiện yêu cầu cuối đoạn đọc. VD:

Hồ cá nhà Kha có cá mè, cá cờ, cá quả.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 4B p – ph v

Mục tiêu

- Đọc đúng các âm *p, ph, v*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn. Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong đoạn; trả lời được câu hỏi đọc hiểu đoạn *Về quê*.
- Viết đúng: *p, ph, v, phố, vẽ*.
- Nêu được câu hỏi và trả lời câu hỏi về cảnh vật thường thấy ở phố dựa vào tranh ở HĐ1 hoặc vốn hiểu biết của bản thân.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh trong SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình… về cảnh, vật hoặc hoạt động đặc trưng ở phố.
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ và câu.
- Mẫu chữ *p, ph, v* phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm hướng dẫn HS viết chữ *p, ph, v* (nếu có).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh của HĐ1, hỏi – đáp theo cặp/nhóm để nêu tên các cảnh vật ở phố (trả lời câu hỏi *Ở phố có gì nhỉ?*).

– *Cặp/nhóm:* Quan sát tranh, nêu nội dung tranh và nêu câu hỏi để biết ở phố có những cảnh vật gì (1 em hỏi – 1 em trả lời). VD:

+ *Tranh vẽ những cảnh gì, vật gì có ở phố?* (ô tô, nhà tầng,…)

+ *Bạn nhỏ trong tranh đang làm gì? (vẽ cảnh phố trên giá vẽ,...)*

– *Cả lớp :*

+ Nghe GV đọc và giới thiệu các chữ: *p* (pờ), *ph* (phờ), *v* (vờ).

+ Nghe GV giới thiệu các tiếng mới có trong từ khoá (GV nói – viết – đọc: *hè phố, giá vẽ*); quan sát các chữ *phố, vẽ* để nhận biết âm *p, ph, v* sẽ được học.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

■ Đọc tiếng ***phố***:

– *Cả lớp:*

+ Quan sát tranh và chữ trên bảng (hoặc nhìn tranh và quan sát GV viết chữ *phố, vẽ*.)



+ Nghe GV đánh vần, đọc trơn; HS đánh vần, đọc trơn theo GV: *phờ – ô – phô – sắc – phố*; đọc trơn: *phố*.

– *Cá nhân dãy bàn/nhóm:* Đánh vần, đọc trơn: *phờ – ô – phô – sắc phố → phố*.

■ Đọc tiếng ***vẽ***:

– *Cả lớp:* Nghe GV đánh vần và đọc trơn theo GV: *vờ – e – ve – ngã – vẽ → vẽ*.

– *Cá nhân/dãy bàn/nhóm:* Đánh vần, đọc trơn.

– *Cả lớp:* Đọc trơn theo thước chỉ của GV (chống đọc vẹt): *vẽ, phố; phố, vẽ; vẽ, phố*.

* Nghe GV giới thiệu chữ *ph, v* in thường và in hoa trong sách.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:* Nhìn bảng phụ đã viết nội dung tạo tiếng mới, nghe GV nêu yêu cầu: *Từ tiếng mẫu* pha *đã có, hãy tạo các tiếng khác trong bảng* (hoặc nghe và quan sát GV nói kết hợp viết các âm/vần và thanh vào các ô trong bảng; đọc tiếng tạo được theo yêu cầu của GV).

ph	a		pha

– *Nhóm:*

+ Mỗi HS ghép tiếng theo thứ tự các dòng. Từng HS đọc trơn các tiếng tìm được.

+ Nhóm sửa lỗi đọc tiếng cho nhau.

c



Vũ và mẹ đi phà.



Nhà Vũ ở phố.

3 Viết

p ph v phố vẽ

4 Đọc



Về quê

Nhà Vũ ở phố. Nghỉ lễ, Vũ và mẹ về quê.

Khi qua phà, mẹ kể về bà, về dì ở quê.

? *Khi qua phà, mẹ kể gì?*

43

+ Nhóm cùng đọc trơn các tiếng tìm được một số lần.
+ Nghe GV hướng dẫn hiểu nghĩa các từ khó trong bảng.

– *Cả lớp:*
+ Thi đính nhanh các thẻ chữ trên bảng phụ (2 nhóm). Đọc các tiếng đã đính.
+ Tìm thêm các từ chứa tiếng có âm đầu *p, ph, v.*

(GV có thể giới thiệu để HS đọc: pí pà pí pô.)

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:*
+ Quan sát 2 tranh và các thẻ chữ phóng to trên bảng (nếu có), nghe GV giải thích yêu cầu đọc câu ghi trong thẻ chữ dưới mỗi tranh.
+ Thực hành mẫu: Đọc câu.
+ Một HS trả lời câu hỏi của GV: *Tranh 1 vẽ gì?* (*Cảnh mẹ và Vũ đi phà qua sông*) và đọc câu dưới tranh: *Vũ và mẹ đi phà.*

– *Nhóm:* Trao đổi để nêu được nhận xét: tranh 2 vẽ dãy nhà ở phố; đọc câu dưới tranh 2: *Nhà Vũ ở phố.*
+ Một số nhóm đọc trước lớp.

– *Cả lớp:* Đại diện một số nhóm chữa bài trước lớp (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong sách phóng to): ghép thẻ chữ với tranh thích hợp.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*
+ Nghe GV nêu cách viết chữ *p, ph, v,* cách nối nét ở chữ *phố, vẽ.*
+ Nhìn chữ mẫu GV viết trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu đoạn ***Về quê***.

a) Quan sát tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV giao nhiệm vụ: quan sát tranh, nêu nội dung tranh, đoán nội dung đoạn đọc.

– *Nhóm/cặp:* Từng HS nêu nội dung tranh hoặc trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?* (Phà chở khách qua sông/Vũ và mẹ đi phà về quê…).

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả đoạn.
+ HS đọc trơn theo GV (nhìn GV chỉ từng chữ và nghe GV đọc chậm từng câu và đọc theo; đọc 2 – 3 lần).

– *Nhóm/cặp:* Cùng đọc trơn từng câu và cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn thực hiện yêu cầu đọc hiểu: dựa vào đoạn đọc, trả lời câu hỏi

Khi qua phà, mẹ kể gì?

– *Cá nhân/cặp:* Tự thực hiện yêu cầu cuối đoạn đọc.

VD: Khi qua phà, mẹ kể cho Vũ nghe về bà, về dì ở quê.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 4C r s

Mục tiêu

- Đọc đúng các âm *r, s*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn. Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong đoạn; trả lời được câu hỏi đọc hiểu đoạn đọc *Su su*.
- Viết đúng: *r, s, rổ, su su*.
- Nêu được câu hỏi và trả lời câu hỏi về người và vật trong tranh ở HĐ1. Nêu được tên một số loại rau, củ, quả.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh trong SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình, vật thật,... về các đồ vật và các loại rau, củ, quả được nói đến trong bài học (VD: *su su, rổ rá*,...).
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ ngữ, câu.
- Mẫu chữ *r, s* phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm hướng dẫn HS viết chữ *r, s* (nếu có).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh, hỏi – đáp theo cặp/nhóm để nêu tên về đồ vật, cây cối, con vật, hoạt động của người, của vật trong tranh.

– *Cặp/nhóm:*

+ 1 em hỏi – 1 em trả lời, sau đó đổi vai.

+ Nói thêm những điều mình biết về người và vật được thể hiện trong tranh vẽ. (*rổ, rá, su su*,...) để nhận biết âm *r, s* (hoặc nghe GV giới thiệu thêm tranh quả *su su, con sẻ, con sò, con sứa, con sóc*,... để nhận biết âm *s* ; tranh *con rùa, con rồng con rắn, con rết*,... để nhận biết âm *r*).

+ Nghe GV giới thiệu tiếng mới: *rổ, su* và âm *r, s* sẽ học.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

■ Đọc tiếng ***rổ***:

– *Cả lớp:*

+ HS nhìn GV viết chữ *rổ, su su*.

+ Nghe GV đánh vần, đọc trơn; HS đánh vần, đọc trơn theo GV: *rờ – ô – rô – hỏi – rổ*; đọc trơn: *rổ*.

– Cá nhân/dãy bàn/nhóm:

+ Đánh vần: *rờ – ô – rô – hỏi – rổ*. Đọc trơn: *rổ*.

■ Đọc tiếng ***su***:

– *Cả lớp:* Nghe GV đánh vần: *sờ – u – su*, đọc trơn: *su*; đọc theo GV.

– *Cá nhân/dãy bàn/nhóm:* Đánh vần, đọc trơn: *su*.

– *Cả lớp:* HS đọc trơn theo thước chỉ của GV (chống đọc vẹt): *rổ, su su*.

* Nghe GV giới thiệu chữ *r, s* in thường và in hoa trong sách.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:* Nhìn bảng phụ đã viết nội dung tạo tiếng mới nghe GV nêu yêu cầu (có thể hướng dẫn làm mẫu): Từ tiếng mẫu *ru* đã có, hãy tạo các tiếng khác trong bảng. (hoặc nghe và quan sát GV nói kết hợp viết các âm/vần và thanh vào các ô trong bảng; đọc tiếng tạo được theo yêu cầu của GV).

r	u		ru

– *Nhóm:*

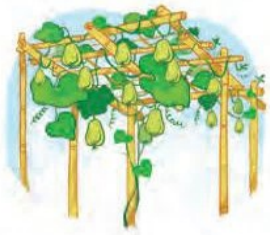
+ Mỗi HS ghép tiếng theo thứ tự các dòng. Từng HS đọc trơn các tiếng tìm được.

Cả lớp học để phát triển năng lực

c



Mẹ ru bé ngủ.



Su su ra quả.

3 Viết

r s rổ su su

4 Đọc



Su su

Khi su su ra quả, lá và rễ già đi. Quả su su nghĩ là nhờ rễ, nhờ lá mà có nó.

? *Quả su su nghĩ gì?*

45

+ Nhóm sửa lỗi đọc tiếng cho nhau.
+ Nhóm cùng đọc trơn các tiếng tìm được một số lần.

– *Cả lớp:*
+ Thi đính nhanh các thẻ chữ trên bảng phụ (2 nhóm). Đọc các tiếng đã đính.
+ Tìm thêm các từ chứa tiếng có âm đầu *r, s*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu câu.

– *Cả lớp:*
+ Quan sát 2 tranh và thẻ chữ phóng to trên bảng (nếu có), nghe GV giải thích yêu cầu đọc câu dưới tranh.
+ Thực hành mẫu (Đọc câu 1): Một HS trả lời câu hỏi của GV: *Em thấy gì ở tranh 1?* (Mẹ và em bé) và đọc câu 1: *Mẹ ru bé ngủ.*

– *Cả lớp:* Đọc *Mẹ ru bé ngủ.*

– *Nhóm:*
+ Trao đổi để nêu được nhận xét, VD: Tranh 2 vẽ giàn su su.
+ Cá nhân trong nhóm đọc câu dưới hình: *Su su ra quả.*
+ Một số nhóm đọc trước lớp (từng em đọc).

– *Cả lớp:* Đại diện một số nhóm chữa bài trước lớp (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong sách phóng to): ghép thẻ chữ với tranh thích hợp.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*
+ Nghe GV nêu cách viết chữ *r, s*; cách nối nét ở chữ *su, rổ*.
+ Nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Su su**.*

a) Quan sát tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh, nêu nội dung tranh, đoán nội dung đoạn đọc.

– *Nhóm/cặp:* Từng HS nêu nội dung tranh hoặc trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?* (Tranh vẽ lá và quả su su giống như mặt người: có gương mặt người già, có gương mặt trẻ con,...)

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:*
+ Nghe GV đọc cả đoạn.
+ Đọc trơn theo GV (nhìn GV chỉ từng chữ và nghe GV đọc chậm từng câu và đọc theo; đọc 2 – 3 lần).

– *Nhóm/cặp:* Cùng đọc trơn từng câu và cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn thực hiện yêu cầu đọc hiểu: dựa vào đoạn đọc, trả lời câu hỏi:
Quả su su nghĩ gì?

– *Cá nhân/cặp:* Trả lời câu hỏi.
VD: *Quả su su nghĩ nhờ rễ, nhờ lá mà có nó.*

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

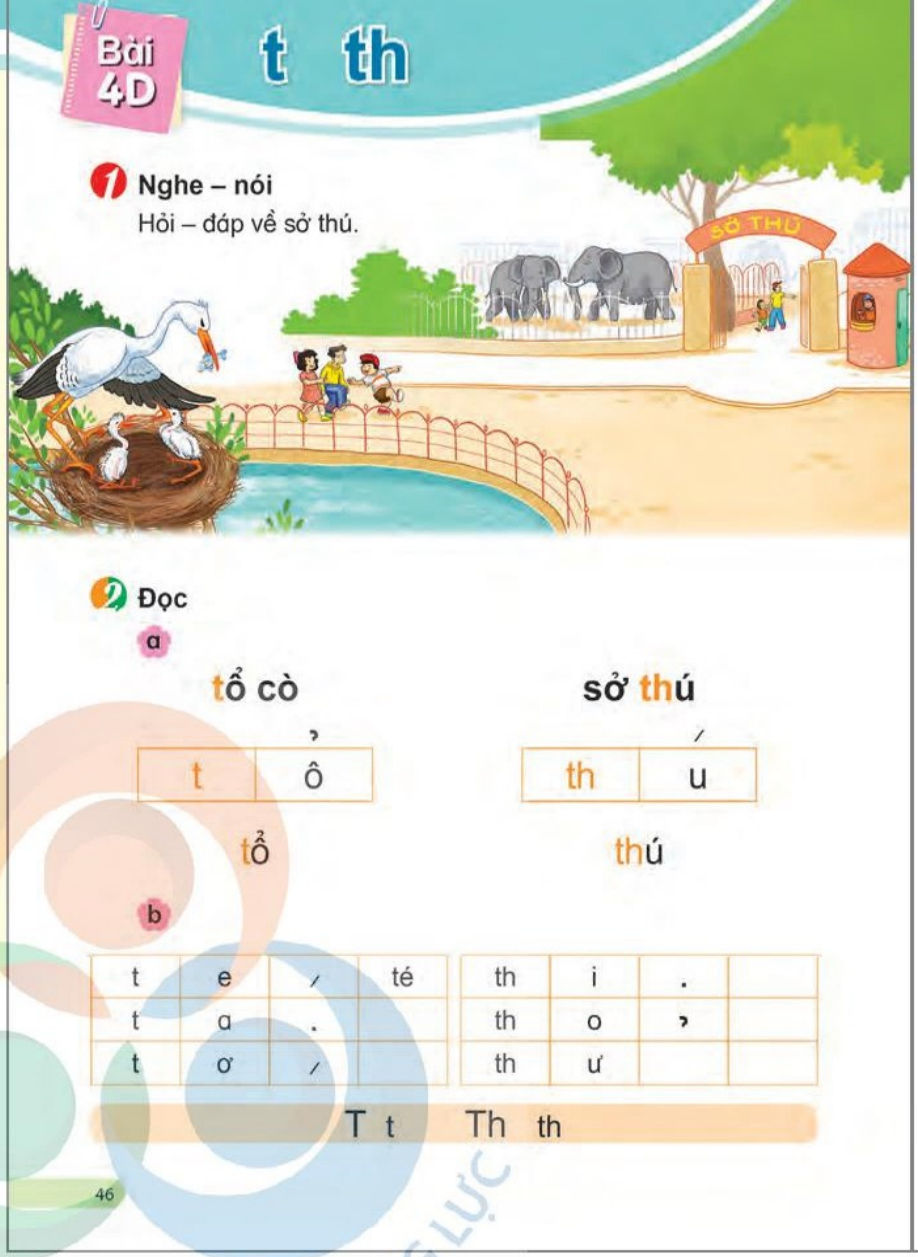
Bài 4D t th

Mục tiêu

- Đọc đúng các âm *t, th*; các tiếng, từ ngữ, các câu, đoạn. Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong đoạn; trả lời được câu hỏi đọc hiểu đoạn *Thỏ và gà*.
- Viết đúng: *t, th, tổ, thú*.
- Nêu được câu hỏi và trả lời câu hỏi về cảnh vật trong sở thú/vườn bách thú theo tranh ở HĐ1. Nêu được tên một số thức ăn của gà, của thỏ.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh SHS phóng to ; tranh, ảnh, mô hình, băng hình, vật thật,… cần thiết để giải nghĩa từ ngữ có trong bài học.
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu câu.
- Mẫu chữ *t, th* phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp /phần mềm hướng dẫn HS viết chữ *t, th* (nếu có).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp*:
+ Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh của HĐ1, hỏi – đáp theo cặp/nhóm, VD:
+ *Tranh vẽ gì? Cảnh vật đó ở đâu?*
+ *Những con vật nào có ở sở thú?*
+ *Các bạn nhỏ có thích đi sở thú không? Vì sao?*

– *Cặp/nhóm:*
+ 1 em hỏi – 1 em trả lời, sau đó đổi vai.
+ Nói thêm những điều mình biết về sở thú, về con vật,… được thể hiện trong tranh vẽ.
+ Nghe GV giới thiệu các tiếng mới có trong từ khoá (GV nói – viết – đọc: *tổ cò, sở thú*).

– Quan sát và nhận xét điểm giống và khác nhau của chữ *t* và chữ *th* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng/chiếu trên màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

■ Đọc tiếng ***tổ***:

– *Cả lớp:*
+ Quan sát chữ ở HĐ2 (hoặc quan sát GV viết chữ *tổ, thú*).
+ Nghe GV đánh vần, đọc trơn; HS đánh vần, đọc trơn theo GV: *tờ – ô – tô – hỏi – tổ*; đọc trơn: *tổ*.

– *Cá nhân dãy bàn/nhóm:* Đánh vần, đọc trơn: *tờ – ô – tô – hỏi – tổ → tổ; tổ, cò.*

■ Đọc tiếng ***thú***:

– *Cả lớp:* Nghe GV đánh vần: *thờ – u – thu – sắc – thú;* đọc trơn: *thú*; đọc theo GV.
– *Cá nhân, dãy bàn/nhóm*: đánh vần và đọc trơn.
– *Cả lớp*: Đọc trơn theo thước chỉ của GV (chống đọc vẹt): *tổ cò, sở thú; sở thú, tổ cò...*
* Nghe GV giới thiệu chữ *t, th* in thường và in hoa trong sách.

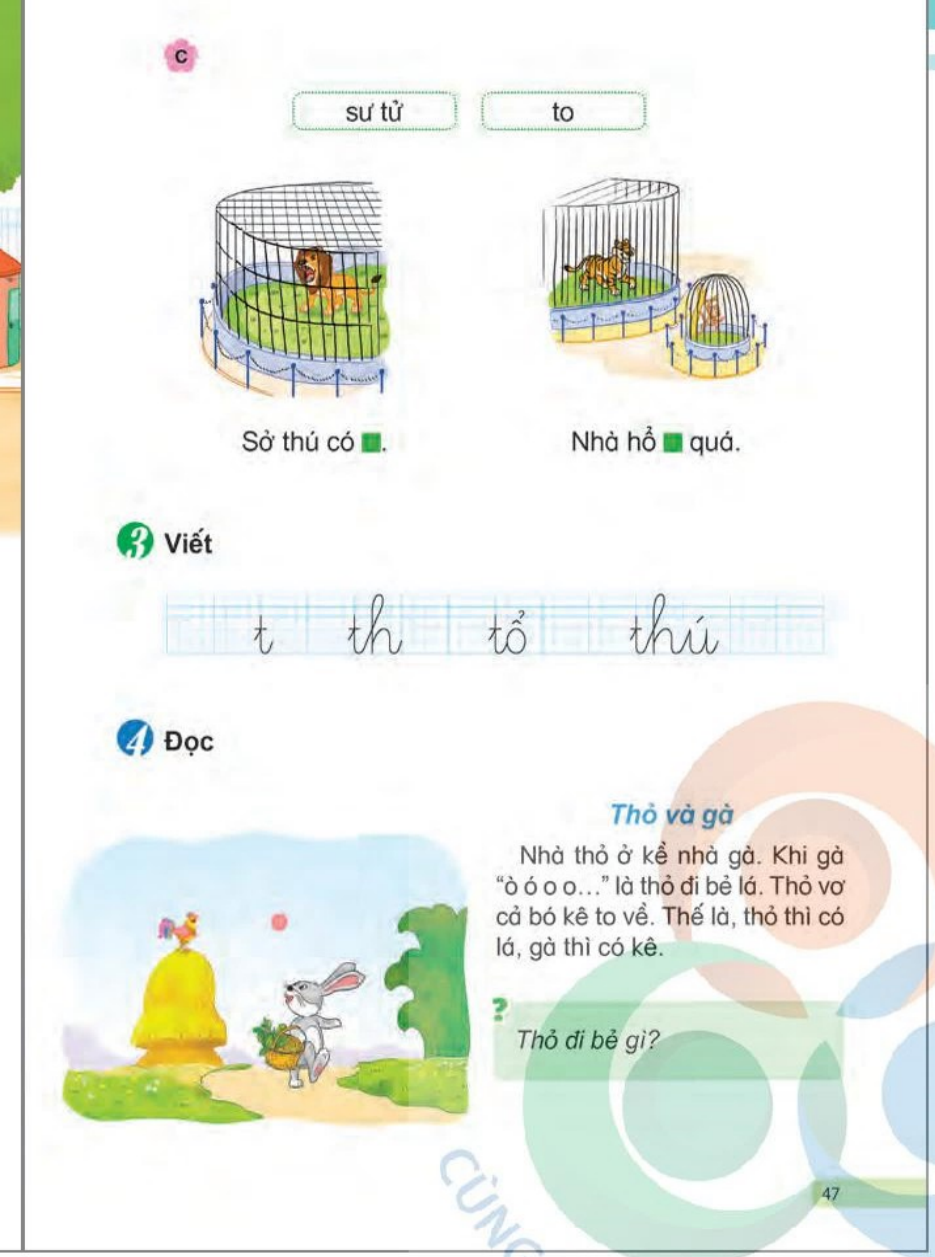
b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp*: Nhìn bảng phụ đã viết nội dung tạo tiếng mới nghe GV nêu yêu cầu (có thể hướng dẫn làm mẫu): Từ tiếng mẫu *té* đã có, hãy tạo các tiếng khác trong bảng. (hoặc nghe và quan sát GV nói kết hợp viết các âm/vần và thanh vào các ô trong bảng; đọc tiếng tạo được theo yêu cầu của GV).

t	e	´	té

– *Nhóm*:
+ Mỗi HS ghép tiếng theo thứ tự các dòng. Từng HS đọc trơn các tiếng tìm được.
+ Nhóm sửa lỗi đọc tiếng cho nhau.
+ Nhóm cùng đọc trơn các tiếng tìm được một số lần.

ĐỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC


c

sư tử | to

Sở thú có ■.

Nhà hổ ■ quá.

3 Viết

t th tổ thú

4 Đọc

Thỏ và gà

Nhà thỏ ở kề nhà gà. Khi gà "ò ó o o..." là thỏ đi bẻ lá. Thỏ vơ cả bó kê to về. Thế là, thỏ thì có lá, gà thì có kê.

? *Thỏ đi bẻ gì?*

47

– *Cả lớp:*
  + Thi đính nhanh các thẻ chữ trên bảng phụ (2 nhóm). Đọc các tiếng đã đính.
  + Tìm thêm các từ chứa tiếng có âm đầu *t, th*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:*
  + Quan sát 2 tranh và các thẻ chữ phóng to trên bảng (nếu có), nghe GV nêu yêu cầu: Đọc 2 câu dưới tranh.
  + Thực hành mẫu: Nêu nội dung tranh, sau đó đọc câu ở dưới tranh.
  (VD: Tranh 1 vẽ sư tử ở sở thú, chọn từ *sư tử* điền vào chỗ trống để có câu: *Sở thú có sư tử.*)
  + Nhiều em đọc câu.
– *Nhóm:*
  + Trao đổi để nêu nội dung tranh 2, chọn từ ngữ điền vào chỗ trống trong câu. (VD: Hình 2 vẽ chuồng hổ và thỏ/nhà của hổ và nhà của thỏ ở sở thú; chọn từ *to* điền vào chỗ trống để có câu: *Nhà hổ to quá.*)
  + Các cá nhân trong nhóm đọc 2 câu.
  + Một số nhóm đọc trước lớp.
– *Cả lớp:* Đại diện một số nhóm chữa bài trước lớp (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong sách phóng to).

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*
  + Nghe GV nêu cách viết chữ *t*; cách nối chữ *t* với *h* để tạo thành chữ *th* và hướng dẫn cách viết chữ *tổ, thú*.
  + Nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.
– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Thỏ và gà**.*

a) Quan sát tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh, nêu nội dung tranh, đoán nội dung đoạn.
– *Nhóm/cặp:* Từng HS nêu nội dung tranh hoặc trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?* (VD: Tranh vẽ gà đứng trên đống rơm đang gáy; Thỏ xách làn đựng mấy cành lá và bó kê mang về nhà...)

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp*:
  + Nghe GV đọc cả đoạn.
  + Đọc trơn theo GV (nhìn GV chỉ từng chữ và nghe GV đọc chậm từng câu và đọc theo; đọc 2 – 3 lần).
– *Nhóm/cặp:* Cùng đọc trơn từng câu và cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp*: Nghe GV hướng dẫn thực hiện yêu cầu đọc hiểu: dựa vào đoạn đọc, trả lời câu hỏi:
Thỏ đi bẻ gì?
– *Cá nhân/cặp:* Tự thực hiện yêu cầu. VD: *Thỏ đi bẻ lá.*

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 4E

Ôn tập
qu gi ph v r s t th

Mục tiêu

- Đọc đúng các âm *qu, gi, ph, v, r, s, t, th* và các tiếng, từ ngữ chứa các âm, đã học. Đọc lưu loát các câu, đoạn; hiểu nghĩa từ ngữ và trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.
- Viết đúng các chữ cái, các tiếng chứa âm, vần đã học. Viết được từ ngữ hoặc câu ngắn theo hướng dẫn.
- Nói được tên các vật có câu vần đã học

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình, vật thật,...thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ ngữ ở HĐ2.
- Mẫu chữ phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm hướng dẫn HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Nghe – nói

Kể tên hàng hoá được chở trong siêu thị.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn cách chơi:

• *Cách 1: Từng nhóm nhìn tranh (ở HĐ1), viết tên các sản phẩm trên xe chở hàng đến siêu thị. Nhóm nào viết đúng và viết được nhiều tên sản phẩm trong cùng thời gian, nhóm đó thắng cuộc.*

• *Cách 2: Chuẩn bị các khay hàng/ các thẻ tranh về các sản phẩm; từng nhóm phân công: một người giao hàng nói tên mặt hàng, một người nhận hàng xếp vào nhóm (thức ăn và đồ dùng), những người khác viết tên các mặt hàng.*

+ Thống nhất tên các mặt hàng giữa các nhóm.

– *Nhóm:* Các thành viên trong nhóm tổ chức chơi theo hướng dẫn.

– *Cả lớp:* Xác định nhóm thắng cuộc.

2. Đọc

a) Tạo tiếng.

– *Cả lớp:*

+ Nghe và quan sát GV nói kết hợp viết các âm đầu và vần vào các ô trong bảng (VD: *Âm đầu qu ghép với vần có âm a, thêm dấu sắc, sẽ tạo thành tiếng gì?).*

qu	a	ˊ	quá

+ Đánh vần, đọc trơn các tiếng trong bảng theo hướng dẫn của GV.

– *Cá nhân:* Tự điền các tiếng vào ô trống trong bảng/phiếu học tập và đọc các tiếng đó.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

b) Đọc từ ngữ.



rổ su su



qua phà



lá thư



gió to

c) Đọc câu.



Bé về nhà.



Bé ghi vở.

Viết

qua phà gió to

49

– *Cặp/nhóm:* Đọc theo cặp hoặc theo nhóm các tiếng đã tạo được ở trong bảng. (Nghe GV hướng dẫn hiểu nghĩa của các từ khó trong bảng.)

b) Đọc từ ngữ.

– *Cá nhân:* Quan sát các tranh trong SHS, nói tên các sự vật được vẽ trong tranh. Đọc các từ ngữ dưới tranh.

– *Nhóm/cả lớp:* (Nếu GV chuẩn bị được thẻ chữ, thẻ tranh thì cho HS ghép chữ với tranh.)

+ Cùng đọc các từ ngữ.

c) Đọc câu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ Việc 1: Nói về các hoạt động của người trong tranh vẽ (họ là ai, họ đang làm gì ?).

+ Việc 2: Đọc câu dưới tranh.

– *Cặp/nhóm:*

+ Quan sát tranh, nói nội dung từng tranh.

Gợi ý: HS có thể nói theo cách hiểu nội dung tranh của mình.

+ Lần lượt từng em đọc các câu dưới tranh.

– *Cả lớp:*

+ 1 – 2 em giới thiệu nội dung tranh và đọc câu.

+ Nghe GV nhận xét chung cả lớp.

3. Viết

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu nhiệm vụ viết các từ ngữ đúng kiểu và cỡ chữ theo yêu cầu.

+ Nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tuần 4

Tập viết

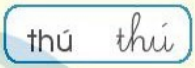
Mục tiêu

- Biết viết chữ: *q, qu, gi, p, ph, v, r, s, t, th.*
- Biết viết từ: *quả, giá, phố, vẽ, rổ, su su, tổ, thú, qua phà, gió to.*

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường.
- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường, thẻ từ: *q, qu, gi, p, ph, v, r, s, t, th, quả bí, giá đỗ, phố, vẽ, rổ, su su, tổ, thỏ, thú, qua phà, gió to.*
- VD:





- Tranh ảnh: *giá đỗ, quả bí, phố, vẽ, rổ, su su, tổ, thú, thỏ, qua phà, gió to.*
- Những mảnh giấy nhỏ làm phiếu bầu bài viết tốt.
- *Tập viết 1*, tập một; bút chì cho HS.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Chơi trò Ai nhanh hơn?

– *Cả lớp*: Nghe GV hướng dẫn cách chơi. Mỗi nhóm có bộ thẻ chữ và thẻ từ. Khi nghe GV đọc âm nào thì từng nhóm chọn thẻ chữ ghi âm đó giơ lên và đọc chữ trên thẻ. Khi GV đọc đến thẻ từ nào thì từng nhóm chọn thẻ từ đó lên dán vào dưới các hình GV đã dán trên bảng (nếu GV chuẩn bị đủ tranh ảnh).

– *Cá nhân*: Từng HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn.

GV sắp xếp các thẻ chữ và thẻ từ theo trật tự trong bài viết.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Nhận biết các chữ cái.

Cả lớp: Nghe GV đọc từng chữ và nhìn vào thẻ chữ GV chỉ rồi đọc theo: *q, qu, gi, p, ph, v, r, s, t, th.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết chữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV làm mẫu, hướng dẫn viết từng chữ *q, qu, gi, p, ph, v, r, s, t, th.* (mỗi chữ viết 2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ);

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng chữ. Nghe GV nhận xét bài của mình hoặc của bạn.

* *Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Viết từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ ngữ và làm mẫu, hướng dẫn viết từng từ ngữ: *giá đỗ, quả bí, phố, vẽ, rổ, su su, tổ, thỏ, thú, qua phà, gió to* (mỗi từ ngữ viết 1– 2 lần).

– *Cá nhân*: Thực hiện viết từng từ ngữ. Đặt bài viết để tham gia triển lãm.

– *Cả lớp:* Xem bài viết của các bạn trong lớp trong triển lãm bài viết. Bầu chọn một bài viết tốt nhất (viết tên bạn có bài viết tốt vào phiếu bầu rồi bỏ phiếu). Nghe GV nhận xét bài viết đã bầu chọn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 5A ch tr

Mục tiêu

- Đọc đúng các âm đầu *ch, tr*; các tiếng, từ ngữ, các câu trong đoạn. Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong đoạn; trả lời được câu hỏi đọc hiểu đoạn thơ *Thu về*.
- Viết đúng: *ch, tr, chợ, trê*.
- Biết hỏi và trả lời câu hỏi về các vật bày bán ở chợ.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh trong SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình,... sự vật, hoạt động có tên gọi được mở đầu bằng *ch, tr*.
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ ngữ.
- Mẫu chữ *ch, tr* phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm hướng dẫn HS viết chữ *ch, tr* (nếu có).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp*: Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh của HĐ1, hỏi – đáp theo cặp/nhóm để nêu tên các vật bày bán ở chợ được vẽ trong tranh. VD:
  + *Tranh vẽ gì?*
  + *Kể tên những đồ vật, con vật nào được vẽ trong tranh.*
  + *Nếu muốn mua thứ gì ở những nơi đó, em sẽ nói gì với người bán hàng?...*

– *Cặp (hoặc nhóm)*: Cùng nhau thực hiện theo hướng dẫn của GV.

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu các tiếng mới trong bức tranh của HĐ1, bài 5A; quan sát các chữ *ch, tr* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng/chiếu trên màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

■ Đọc tiếng ***chợ***:

– *Cả lớp:* Quan sát GV viết *chợ, trê;* nghe GV đánh vần, đọc trơn; HS đánh vần, đọc trơn theo GV: *chờ – ơ – chơ – nặng – chợ*; đọc trơn: *chợ, chợ quê*.

– *Cá nhân dãy bàn/nhóm:* Đánh vần: *chờ – ơ – chơ – nặng – chợ*; đọc trơn: *chợ, chợ quê*.

■ Đọc tiếng ***trê***:

– *Cả lớp:* Nghe GV đánh vần: *trờ – ê – trê*; đọc trơn: *trê, cá trê*. Đọc theo GV.

– *Cá nhân, dãy bàn/nhóm:* Đánh vần, đọc trơn.

– *Cả lớp*: Đọc trơn theo thước chỉ của GV (chống đọc vẹt): chợ, trê; trê, chợ...

* Nghe GV giới thiệu chữ *ch, tr* in thường và in hoa trong sách.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:*
  + Nghe và quan sát GV nói kết hợp viết các âm đầu và vần (chứa âm chính) trong bảng.

ch	i	.	chị

  + Đánh vần, đọc trơn một số tiếng trong bảng theo hướng dẫn của GV.

– *Cá nhân:* Điền các tiếng (tạo được) vào ô trống trong bảng và đánh vần, đọc trơn các tiếng đó (trong phiếu học tập, nếu có).

– *Nhóm:* Từng HS trong nhóm đọc các tiếng đã tạo được. Cả nhóm nhận xét.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Mẹ che ô cho bé.



Bà có bộ ghế tre.

3 Viết

ch tr chợ trê

4 Đọc



Ở chợ có quả gì?

Thu về

Hè qua thu về
Chú ve đã ngủ
Chị gió la đà
Bờ tre, lá cọ.
Quả na, quả thị
Quả bí, quả cà
Mẹ bé đi chợ
Chở thu về nhà.

(Huệ Triệu)

51

– *Cả lớp:*
  + Thi đính nhanh các thẻ chữ trên bảng phụ (2 nhóm). Đọc các tiếng đã đính.
  + Tìm thêm các từ chứa tiếng có âm đầu *ch, tr* (theo tranh ảnh gợi ý của GV).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Quan sát 2 tranh và các thẻ chữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu (nếu có).
– *Nhóm/cặp:*
  + Quan sát 2 tranh, trao đổi về nội dung từng tranh (trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì? Người trong tranh đang làm gì?...*).
  + Đọc 2 câu trong SHS (hoặc 2 thẻ câu).
– *Cả lớp:*
  + Đại diện 1 – 2 nhóm đọc bài trước lớp, (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong sách phóng to): ghép câu với tranh thích hợp.
  + Tìm tiếng chứa âm đầu *ch, tr*.
  + Phân tích cấu tạo và đọc trơn các tiếng có âm đầu *ch, tr*.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*
  + Nghe GV giao nhiệm vụ: viết chữ *ch, tr* và các tiếng *chợ, trê* đúng kiểu và cỡ chữ theo yêu cầu.
  + Quan sát chữ mẫu trên bảng lớp (chiều cao con chữ, cỡ chữ, điểm đặt bút, điểm dừng bút).
  + Nghe GV hướng dẫn cách viết chữ *ch, tr*; cách nối *ch* với *ơ* và đặt dấu nặng dưới *ơ*; cách viết chữ *tr* và cách nối *tr* với *ê*.
  + Nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.
– *Cá nhân*: Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Thu về**.*

a) Quan sát tranh.

– *Nhóm/cặp*: Quan sát tranh và nêu nội dung tranh (Cùng nhau hỏi – đáp theo các câu hỏi: *Tranh vẽ gì?*).

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp*:
  + Nghe GV đọc cả đoạn.
  + Đọc trơn theo GV (nhìn GV chỉ từng chữ và nghe GV đọc chậm từng câu và đọc theo; đọc 2 – 3 lần).
  + Đọc truyền điện từng câu thơ (dòng thơ).
– *Nhóm/cặp*: Cùng đọc trơn từng câu và cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn thực hiện yêu cầu đọc hiểu: dựa vào đoạn đọc, trả lời câu hỏi.

  Ở chợ có quả gì? ...
– *Cá nhân/cặp*: Tự trả lời. VD:

  Ở chợ có quả na, quả thị, quả bí, quả cà.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 5B x y

Mục tiêu

- Đọc đúng các âm đầu *x, y*; các tiếng, từ ngữ, các câu trong đoạn. Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong đoạn; trả lời được câu hỏi đọc hiểu đoạn *Quê Thơ*.
- Viết đúng: *x, y, xe lu, y bạ*.
- Biết hỏi và trả lời câu hỏi về cảnh vật trong tranh vẽ công trường xây dựng.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình,... (về cảnh công trường với nhiều loại xe chở vật liệu xây dựng, lá cờ biểu tượng của nghề y).
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ ngữ.
- Mẫu chữ *x, y* phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm hướng dẫn HS viết chữ *x, y*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh của HĐ1, làm việc theo cặp/nhóm để hỏi – đáp và nói những điều mình biết về cảnh vật, hoạt động, công việc của mọi người trong tranh.

– *Cặp (hoặc nhóm):* Cùng nhau thực hiện theo hướng dẫn của GV. VD:

+ Tranh vẽ cảnh công trường xây dựng, có nhiều loại xe: xe ủi, xe cần cẩu,...

+ Ở công trường có y, bác sĩ chăm lo sức khoẻ cho mọi người.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu các tiếng mới được học ở bài 5B (GV nói – viết – đọc các tiếng: *xe lu, nghề y*).

+ Quan sát các chữ *x, y* được GV viết hoặc gắn thẻ chữ trên bảng/chiếu trên màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

■ Đọc tiếng ***xe***:

– *Cả lớp:* Quan sát GV viết *xe lu, nghề y*; nghe GV đánh vần: *xờ – e – xe*; đọc trơn: *xe; xe lu.*

– *Cá nhân, dãy bàn/nhóm:* đánh vần: *xờ – e – xe*; đọc trơn: *xe, xe lu.*

■ Đọc tiếng ***y***:

– *Cả lớp*: Nghe GV giải thích tiếng *y* trong *nghề y* chỉ có âm *y*. Đọc trơn theo GV: *nghề y.*

– *Cá nhân, dãy bàn/nhóm*: đọc trơn : *nghề y.*

– *Cả lớp*: Đọc trơn theo thước chỉ của GV (chống đọc vẹt): *xe lu, nghề y; nghề y, xe lu; ...*

* Nghe GV giới thiệu chữ *x, y* in thường và in hoa trong sách.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp*: Nghe và quan sát GV nói kết hợp viết các tiếng có âm *x, y* vào các ô trong bảng.

x	a		xa

– *Cá nhân:* Đánh vần, đọc trơn các tiếng trong bảng theo hướng dẫn của GV.

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Đò đã xa bờ.



Bé có sổ y bạ.

3 Viết

x y xe lu y bạ

4 Đọc



Quê Thơ

Quê Thơ ở Phú Thọ. Bố kể nhà bà có chè, có cọ. Lá cọ to y như là ô che.

?

Nhà bà có gì?

53

– *Nhóm*: Điền các tiếng vào ô trống trong bảng và đánh vần, đọc trơn các tiếng đó (trong phiếu học tập, nếu có).
  + Từng HS trong nhóm đọc cá nhân các tiếng đã tạo được.
  + Nhóm trưởng chỉ vào bất kì ô nào trong bảng và mời 1 bạn đọc.
– *Cả lớp:* Tìm thêm các từ chứa tiếng có âm *x, y*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện (quan sát 2 tranh, nêu nội dung tranh và đọc câu dưới tranh).
– *Nhóm/cặp:*
  + Quan sát 2 tranh, nói nội dung từng tranh (trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ cảnh gì? Người trong tranh đang làm gì?...*).
  + Đọc 2 câu dưới tranh.
  + Đại diện 1 – 2 nhóm đọc bài trước lớp.

  (Nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong SHS phóng to, có thể tổ chức cho HS thi ghép thẻ chữ với thẻ tranh.)
  + Đọc 2 câu nêu nội dung tranh (đã ghép).
  + Tìm tiếng chứa âm đầu *x, y*.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*
  + Nghe GV giao nhiệm vụ: viết chữ *x, y* và các tiếng *xe lu, y bạ* đúng kiểu và cỡ chữ.
  + Xác định thời gian thực hiện nhiệm vụ.
  + Quan sát chữ mẫu trên bảng lớp.
  + Nghe GV hướng dẫn cách viết và quan sát GV viết.
– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Quê Thơ**.*

a) Quan sát tranh.

– *Nhóm/cặp:* Quan sát tranh và nêu nội dung tranh (Cùng nhau hỏi – đáp theo các câu hỏi: *Tranh vẽ gì? Trong tranh có cây gì?*).

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc đoạn.
– *Nhóm/cặp:* Từng thành viên đọc, các bạn khác đọc thầm theo để nhận xét, góp ý.

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện: đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi dựa vào đoạn đọc.
– *Cá nhân:* Tự thực hiện theo hướng dẫn của GV.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 5C ua ưa ia

Mục tiêu

- Đọc đúng các vần (nguyên âm đôi) *ua, ưa, ia*; các tiếng, từ ngữ, các câu trong đoạn. Hiểu nghĩa các từ ngữ, nội dung các câu trong đoạn; trả lời được câu hỏi đọc hiểu đoạn *Chờ mưa*.
- Viết đúng: *ua, ưa, ia, rùa*.
- Nêu được câu hỏi và trả lời câu hỏi về cảnh vật trong tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình, vật thật… về các con vật, đồ vật và hoạt động.
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu câu.
- Mẫu chữ *ua, ưa, ia* phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm hướng dẫn viết *ua, ưa, ia*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh của HĐ1, làm việc theo cặp/nhóm để hỏi – đáp và nói những điều mình biết về cảnh vật trong tranh.

– *Cặp/Nhóm:* Cùng nhau thực hiện theo hướng dẫn của GV. VD:

+ *Tranh vẽ cảnh gì? Trong tranh có những con vật nào? Cây gì được vẽ trong tranh?*

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu tranh và các từ: *rùa, ngựa, mía*,… để nhận biết vần *ua, ưa, ia*.

Tổ chức HO�ạT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

■ Đọc tiếng ***rùa***:

– *Cả lớp*:

+ Quan sát tranh trên bảng; nhìn GV viết chữ *rùa, ngựa, mía*.

+ Nghe GV phân tích đặc điểm các âm *ua, ưa, ia* (gồm 2 chữ cái, gọi là âm đôi)

+ Nghe GV đánh vần, đọc trơn tiếng *rùa*; HS đánh vần, đọc trơn theo (có thể giải thích cấu tạo của âm *ua*): *rờ – ua – rua – huyền – rùa → rùa*.

– *Cá nhân, dãy bàn/ nhóm*: Đánh vần, đọc trơn theo.



■ Đọc tiếng ***ngựa***:

– *Cả lớp:* Nghe GV giải thích tiếng *ngựa* có âm đầu *ng* (chú ý phân biệt *ng/ngh*), vần có âm *ưa* (có thể nhắc lại cấu tạo của âm *ưa*), đánh vần: *ngờ – ưa – ngưa – nặng – ngựa*, đọc trơn: *ngựa*. HS đọc trơn theo GV: *ngựa* (HS cũng có thể đánh vần trước khi đọc trơn).

– *Cá nhân, dãy bàn /nhóm*: Đọc trơn: *ngựa*.

■ Đọc tiếng ***mía***:

(GV dạy âm *ia* tương tự như trên hoặc theo cách khác, tạo sự hứng thú và chủ động hơn ở HS.)

– *Cả lớp*: Đọc trơn theo thước chỉ của GV (chống đọc vẹt): *rùa, ngựa, mía/ngựa, rùa, mía/*…

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:* Nghe và quan sát GV nói kết hợp viết các âm đầu và vần (*ua, ưa, ia*) vào các ô trong bảng.

v	ua		vua

– Đánh vần, đọc trơn một số tiếng trong bảng theo hướng dẫn của GV.

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC


c

mua | cưa | chia

Bà ■ quả. Mẹ ■ dừa. Bố ■ gỗ.

3 Viết

ưa ưa ia rùa

4 Đọc

Chờ mưa

Trưa mùa hạ như lò lửa. Bò, ngựa chờ mưa. Cá ở hồ chờ mưa. Mía, dừa, đu đủ úa lá chờ mưa.

Mưa đi! Mưa đi!

? *Trưa mùa hạ, bò và ngựa chờ gì?*

55

– *Cá nhân:* Tự điền các tiếng vào ô trống trong bảng và đánh vần, đọc trơn các tiếng đó (trong phiếu học tập, nếu có).

– *Nhóm/cặp:* Một HS chỉ vào các chữ bất kì trong bảng để HS khác đánh vần, đọc trơn các chữ (động viên HS đọc trơn, hạn chế đánh vần).

– Tìm thêm các từ chứa tiếng có *ua, ưa, ia*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện HĐ (Quan sát 3 tranh và các thẻ chữ phóng to trên bảng) (nếu có). Chọn từ phù hợp với chỗ trống trong câu.

– *Nhóm/cặp:* HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp:

+ Quan sát 3 tranh, nói nội dung từng tranh (trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì*?).

+ Đọc 3 câu (có chỗ trống), chọn từ ngữ trong khung phù hợp với chỗ trống trong mỗi câu.

+ Thống nhất cách lựa chọn.

+ HS chữa bài chung cả lớp theo hướng dẫn của GV:

– *Cả lớp:* Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài trước lớp (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong SHS phóng to), điền từ vào chỗ trống trong mỗi câu.

HĐ3. Viết.

– *Cả lớp:* Nhận biết nhiệm vụ (viết *ua, ưa, ia* và tiếng *rùa* đúng kiểu và cỡ chữ theo yêu cầu; xác định thời gian thực hiện nhiệm vụ).

+ Quan sát chữ mẫu trên bảng lớp.

+ Nghe GV hướng dẫn cách viết và quan sát GV viết.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những bạn viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Chờ mưa**.*

a) Phát huy trải nghiệm.

– *Cả lớp:*

+ Chia sẻ những gì mình biết về những ngày nắng nóng.

+ Quan sát tranh và đoán nội dung đoạn đọc.

– *Cặp/nhóm:* Từng HS nêu nội dung tranh (Trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?*). Đọc tên đoạn.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cá nhân:* Đọc thầm đoạn đọc.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc đoạn văn.

c) Đọc hiểu.

– *Nhóm:* Nghe GV hướng dẫn cách tổ chức HĐ (đọc đoạn *Chờ mưa*, đọc câu hỏi dựa vào đoạn đọc, trả lời câu hỏi.

– *Cá nhân:* Tự thực hiện yêu cầu. (GV yêu cầu HS đọc thầm câu hỏi, tự trả lời.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 5D Chữ thường và chữ hoa

Mục tiêu

- Phân biệt được chữ in thường và chữ in hoa.
- Đọc được bảng chữ cái in thường và in hoa, các tên địa lí; đọc hiểu đoạn *Hồ Ba Bể*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bộ chữ cái in thường, in hoa.
- Tranh ảnh phóng to trong SHS.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Đâu là chữ hoa?

– *Cặp/Nhóm:* Cùng nhau xác định chữ hoa (âm đầu), chữ thường.

– *Cả lớp:*

+ 2 – 3 cặp lên chỉ chữ hoa, chữ thường; cả lớp nhận xét.

+ Nghe GV nêu thêm ví dụ về các chữ hoa: chữ đứng đầu câu, chữ đứng đầu tên bài, tên riêng của người,...

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc chữ in thường, in hoa.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu bảng chữ cái chữ in thường và chữ in hoa.

+ Từng HS đọc nối tiếp bảng chữ cái (chữ in thường); sau đó đọc nối tiếp chữ in hoa (lần I).

+ Từng HS đọc nối tiếp bảng chữ in hoa (đã che chữ in thường) – (lần 2).

– *Cá nhân:* Đọc thầm bảng chữ cái in thường và in hoa.

– *Nhóm:* Sử dụng thẻ chữ để chơi đố nhận biết chữ in hoa (theo nhóm hoặc chung cả lớp).

Bài 5D Chữ thường và chữ hoa

1 Đâu là chữ hoa?



Bê – bê

B b



Dê – dê

D d



Gà – gà

G g

2 Đọc chữ in thường, in hoa.

a	A
ă	Ă
â	Â
b	B
c	C
d	D
đ	Đ
e	E
ê	Ê
g	G

h	H
i	I
k	K
l	L
m	M
n	N
o	O
ô	Ô
ơ	Ơ
p	P

q	Q
r	R
s	S
t	T
u	U
ư	Ư
v	V
x	X
y	Y

VD:

+ HS rút 1 thẻ chữ in hoa bất kì và nói tên chữ đó.

+ Các bạn/tổ trọng tài (hoặc cô giáo) xác nhận bạn đó nói đúng hay sai.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Tìm chữ in thường, chữ in hoa.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách làm (Xác định các chữ in thường và in hoa tương ứng, VD: Chữ *a* in thường nối với chữ *a* in hoa).

– *Cá nhân:* Từng HS làm BT trong VBT hoặc làm ra phiếu học tập, nếu có.

– *Cặp/nhóm*: Đối chiếu kết quả, nhận xét, đánh giá lẫn nhau.

– *Cả lớp*: Chữa BT trên bảng lớp theo hình thức nối chữ in thường với chữ in hoa.

HĐ4. Đọc các tên địa lí.

– *Cả lớp*: Nghe GV giới thiệu hình ảnh đẹp ở các điểm du lịch nổi tiếng.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

3 Tìm chữ in thường, chữ in hoa.



M: Đ – đ

4 Đọc các tên dưới đây.



Hồ Kẻ Gỗ



Bà Nà



Ba Vì

5 Đọc đoạn văn.



Hồ Ba Bể

Hồ Ba Bể có từ xưa. Giữa hồ có gò nhỏ. Gió hồ vi vu. Quả là thú vị!

? *Giữa hồ Ba Bể có gì?*

– *Cả lớp/cá nhân:* Đọc các tên địa lí dưới hình theo HĐ của GV, chỉ các chữ được viết hoa.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ5. Đọc

Đọc hiểu đoạn ***Hồ Ba Bể.***

a) Quan sát tranh và đoán nội dung đoạn đọc.

– *Cặp/nhóm*:

+ Từng HS nêu nội dung tranh (Trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì? Cảnh vật như thế nào*?)

+ Đọc tên đoạn, chỉ và nói tên các chữ in hoa.

– *Cả lớp:* Nghe GV giải thích lí do các chữ được in hoa (chữ đầu mỗi câu và tên địa lí).

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp*: Nghe GV đọc cả đoạn văn.

– *Cặp/nhóm:* Luyện đọc nối tiếp câu.

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách tổ chức HĐ:

+ Đọc thầm đoạn *Hồ Ba Bể*.

+ Dựa vào đoạn đọc, trả lời câu hỏi.

– *Cặp/nhóm:* Từng em trả lời câu hỏi, nghe bạn nhận xét, sửa theo góp ý (nếu có).

– *Cả lớp:*

+ Một số HS đọc đoạn *Hồ Ba Bể* trước lớp theo hướng dẫn của GV.

+ Nghe GV giới thiệu lại nội dung đoạn, nghe câu hỏi của GV để trả lời.

+ Trả lời câu hỏi hoặc nghe câu trả lời của bạn, nhận xét, góp ý.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 5E

Ôn tập
ch tr x y ua ưa ia

Mục tiêu

- Đọc đúng các âm *ch, tr, x, y;* các vần *ua, ưa, ia* và các tiếng, từ ngữ chứa các âm, vần đã học. Đọc lưu loát các câu, đoạn; hiểu nghĩa từ ngữ; trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.
- Viết đúng: *ca múa, sửa xe, tỉa lá*.
- Nói và nghe về công việc của mọi người trong tranh; nghe kể câu chuyện *Kiến con đi học* và trả lời câu hỏi.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình, vật thật,... để giải nghĩa từ ngữ có trong bài học; con rối để sử dụng khi kể chuyện *Kiến con đi học*.
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ, câu.
- Mẫu chữ phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm hướng dẫn HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Nghe – nói

HS làm việc theo cặp, theo nhóm hoặc cả lớp, trả lời các câu hỏi về hoạt động trong tranh, VD:

– *Tranh vẽ cảnh gì? Ở đâu? Mọi người đang làm gì?*

– Tìm trong các câu trả lời/ hoặc câu giới thiệu nội dung tranh, các tiếng / từ nào có chứa: *ch, tr, x, y, ua, ưa, ia*.

2. Đọc

a) Đọc từ ngữ.

Cá nhân, cặp/nhóm/cả lớp: Đọc các từ ngữ: *tre ngà, chia quà, tỉa lá, đi xe*.

b) Đọc câu.

– *Cá nhân:* Quan sát 3 tranh, đọc các câu dưới tranh.

– *Cả lớp:* Quan sát và nghe GV hướng dẫn nhận biết các chữ được viết hoa và giải thích lí do các chữ đó viết hoa.

– *Cá nhân/cặp/nhóm:* Tìm tiếng chứa *ua* hoặc *ưa, ia* trong 3 câu.

3. Viết

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ:

+ Viết các từ ngữ (*ca múa, sửa xe, tỉa lá*) đúng kiểu và cỡ chữ theo yêu cầu.

+ Viết trên bảng con (hoặc vở viết): *ca múa, sửa xe, tỉa lá*.

– *Cá nhân:* Thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét chung cả lớp.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

3 **Viết**

ca múa sửa xe tỉa lá

4 **Nghe – nói**

Kể chuyện.

Kiến con đi học



1. Kiến con đi đâu?



2. Vì sao kiến con buồn?



3. Kiến con kể với mẹ chuyện gì?



4. Kiến mẹ đã nói gì với kiến con?

Văn bản kể chuyện:

Kiến con đi học

1. Hôm nay là ngày khai trường. Kiến con chuẩn bị đi học. Kiến mẹ đã chuẩn bị cho kiến con đầy đủ cặp, sách vở, bút chì, thước kẻ,... Kiến con tung tăng cắp sách đến trường.

2. Tan học, kiến con về nhà với nét mặt buồn rầu. Thấy vậy, kiến mẹ hỏi:

– Hôm nay là ngày khai trường, sao con lại không vui?

– Con không muốn đi học đâu!

– Có chuyện gì thế, con?

3. Kiến con vừa khóc, vừa kể với kiến mẹ:

– Thầy giáo không chấm điểm cho con. Thầy bảo con viết chữ bé quá, thầy không đọc được.

4. Kiến mẹ lại hỏi:

– Thầy giáo con là ai vậy?

– Thầy là bác voi Bùng đấy mẹ ạ!

– Ồ, con đừng lo. Ngày mai thầy mang kính lúp đến lớp, thầy sẽ đọc được chữ của con.

(Theo *Chuyện của mùa thu*)

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

4. Nghe – nói

Nghe kể câu chuyện *Kiến con đi học*.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn thực hiện các việc:

+ Quan sát tranh và đoán nội dung câu chuyện.

+ Nói tên con vật/nhân vật trong mỗi tranh.

+ Đọc tên câu chuyện và đoán nội dung câu chuyện.

+ Nghe GV kể câu chuyện (Lần 1), kết hợp nhìn tranh.

+ Tập nói lời đối thoại của các con vật/nhân vật theo hướng dẫn của GV.

+ Tập kể theo/kể cùng GV khi nghe GV kể chuyện Lần 2.

– *Cá nhân:* Trả lời câu hỏi về nội dung câu chuyện.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tuần 5

Tập viết

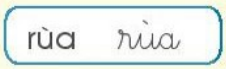
Mục tiêu

- Biết viết chữ: *ch, tr, x, y, ia, ua, ưa*
- Biết viết từ, từ ngữ: *chợ, mía, cá trê, xe lu, y bạ, rùa đá, ca múa, sửa xe, tỉa lá*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường
- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường, thẻ từ: *ch, tr, x, y, ia, ua, ưa, chợ, mía, cá trê, xe lu, y bạ, rùa đá, ca múa, sửa xe, tỉa lá.*
- VD:





- Tranh ảnh: *chợ, cá trê, y bạ, rùa đá, xe lu, mía, ca múa, sửa xe, tỉa lá*
- Những mảnh giấy nhỏ làm phiếu bầu bài viết tốt.
- *Tập viết 1*, tập một; bút chì cho HS.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Chơi trò Bỏ thẻ.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi: HS ngồi thành vòng tròn. Một bạn cầm thẻ chữ đi sau vòng tròn; bỏ thẻ sau lưng một số bạn cho đến hết thẻ. Mỗi bạn đưa tay ra sau, nếu nhặt được thẻ thì đứng lên đọc chữ trên thẻ, sau đó dán thẻ lên bảng lớp. Chú ý dán thẻ chữ đúng dưới hình vẽ GV đã dán trên bảng (nếu GV đã chuẩn bị đủ hình vẽ).

– *Cá nhân:* Từng HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn.

GV sắp xếp các thẻ chữ theo trật tự trong bài viết.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Nhận biết các chữ cái.

Cả lớp: Nghe GV đọc từng chữ và nhìn vào thẻ chữ GV chỉ rồi đọc theo: *ch, tr, x, y, ia, ua, ưa*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết chữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV làm mẫu, hướng dẫn viết từng chữ *ch, tr, x, y, ia, ua, ưa* (mỗi chữ viết 2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ).

– *Cả nhân:* Thực hiện viết từng chữ. Nghe GV nhận xét bài của mình hoặc của bạn.

* *Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Viết từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ, từ ngữ và làm mẫu, hướng dẫn viết từng từ, từ ngữ: *chợ, mía, cá trê, xe lu, y bạ, rùa đá, ca múa, sửa xe, tỉa lá* (mỗi từ, từ ngữ viết 1 – 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ, từ ngữ. Đặt bài viết để tham gia triển lãm.

– *Cả lớp:* Xem bài viết của các bạn trong lớp trong triển lãm bài viết. Bầu chọn một bài viết tốt nhất (viết tên bạn có bài viết tốt vào phiếu bầu rồi bỏ phiếu). Nghe GV nhận xét bài viết đã bầu chọn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 6A â ai ay ây

Mục tiêu

- Đọc đúng âm *â* và các vần *ai, ay, ây*, những từ chứa vần *ai, ay, ây*. Đọc trơn đoạn ngắn có tiếng, từ chứa vần mới học. Hiểu các từ ngữ, câu đoạn; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn *Nai nhỏ*.
- Viết đúng: *â, ai, ay, ây, gà gáy*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình,... về sự vật, hoạt động có tên gọi chứa vần *ai, ay, ây*; con rối/mặt nạ nai, gà (nếu có).
- Tranh và thẻ chữ luyện đọc hiểu câu.
- Mẫu chữ phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm HD HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp* (1 em hỏi – 1 em trả lời rồi đổi vai): *Tranh vẽ những con vật nào?* (Nói tên các con vật trong tranh.) *Chúng đang làm gì?*

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc âm, vần mới của bài 6A: *â* (đọc là ớ), *ai, ay, ây*.

+ Nghe GV giới thiệu từ mới của bài: *nai, gáy, cây* được GV viết hoặc gắn thẻ từ trên bảng/chiếu trên màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:* Quan sát các từ ngữ theo hướng dẫn của GV.

■ Học vần *ai* và tiếng có vần *ai*:

+ Đọc tiếng *nai* (đồng thanh/nhóm/cá nhân).

+ Phân tích cấu tạo của tiếng *nai* gồm âm đầu *n* và vần *ai*.

+ Phân tích cấu tạo vần *ai*; đánh vần: *a – i – ai*; đọc trơn: *ai*.

+ Đánh vần: *nờ – ai – nai*; đọc trơn: *nai*.

■ Học vần *ay* và tiếng có vần *ay*:

+ Phân tích cấu tạo vần *ay* và đọc: *a – y – ay*; đọc trơn: *ay*.

+ Đánh vần: *gờ – ay – gay – sắc – gáy*; đọc trơn: *gáy*.

Luyện đọc cá nhân, nhóm: Đánh vần và đọc trơn vần và tiếng.

■ Học vần *ây* và tiếng chứa vần *ây* theo cách phát huy khả năng vận dụng của HS sau khi đã học vần *ay* (GV chú ý giúp HS đọc, nhớ được âm mới: *â*) .

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:* Nghe và quan sát GV nói kết hợp viết các âm đầu và vần mới học vào các ô trong bảng.

h	ai	´	hái

– Đánh vần, đọc trơn 1 – 2 tiếng trong bảng theo HD của GV.

– *Cá nhân/cặp:*

+ Tự điền các tiếng vào ô trống trong bảng và đánh vần, đọc trơn các tiếng đó.

+ Từng HS đọc các tiếng đã tạo được.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Bé nhảy dây.



Mây bay.



Bà hái na.

3 Viết



4 Đọc



Nai nhỏ

Nhà nai ở chỗ có cây cổ thụ. Ngày ngày, khi gà vừa gáy, nai đã dậy để chạy nhảy.

Trưa nay, thấy gió ù ù, lá cây bay lả tả, nai sợ. Nó chạy ngay về nhà.

? *Nai nghe thấy gì?*

61

– *Cả lớp:*

+ Một số HS lên bảng đánh vần, đọc trơn các chữ đã tạo trong bảng.

+ Đọc đồng thanh các tiếng trong bảng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện nhiệm vụ. (GV có thể tổ chức HĐ đọc hiểu theo các cách khác nhau để tạo hứng thú học tập và phát huy tính tích cực của HS. Cách làm dưới đây là một gợi ý.)

– *Nhóm:* Thi đọc giữa các nhóm: đọc đúng và ghép nhanh câu với tranh:

+ 2 đội, mỗi đội có 3 thẻ chữ ghi 3 câu.

+ GV gọi từng tranh theo số (1 hoặc 2, 3), từng nhóm cử HS cầm thẻ ghi câu lên gắn vào tranh.

+ Nhóm gắn câu đúng và nhanh là nhóm thắng cuộc.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu cách viết âm *â, vần, ai, ay, ây; gà gáy*; cách nối các con chữ.

+ Nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Nai nhỏ**.*

a) Quan sát tranh và đoán nội dung đoạn đọc.

– *Cặp/nhóm:*

+ Nói tên con vật và cảnh vật trong tranh.

+ Tả hoạt động, vẻ mặt của con vật.

+ Đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn đọc..

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc đoạn văn.

– *Cặp/cá nhân:* Luyện đọc thành tiếng.

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn thực hiện yêu cầu đọc hiểu: dựa vào đoạn đọc, trả lời câu hỏi. *Nai nghe thấy gì?*

– *Cặp/nhóm:* 1 em đọc câu hỏi – 1 em trả lời; cùng nhận xét câu trả lời của bạn. VD:

Nai nghe thấy gió ù ù.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

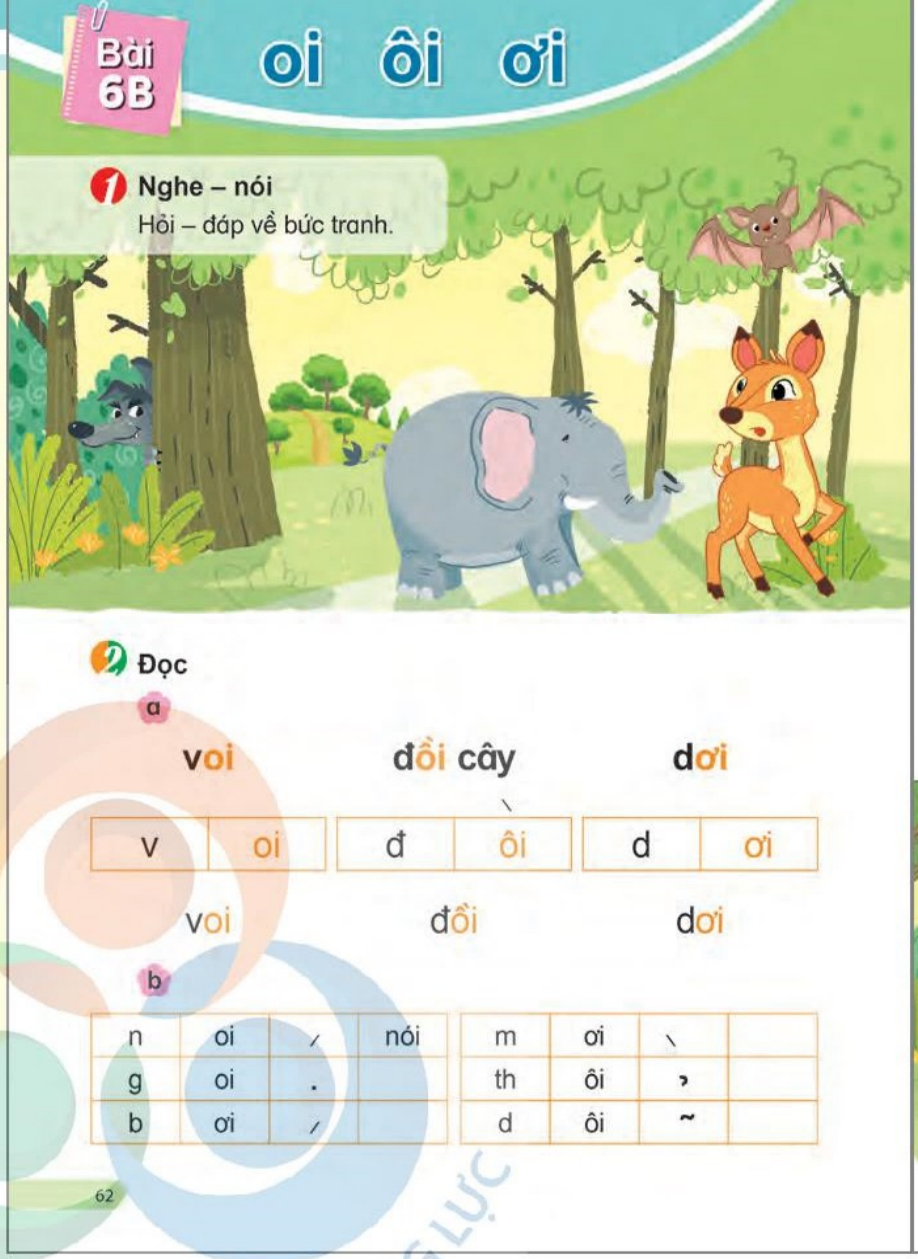
Bài 6B oi ôi ơi

Mục tiêu

- Đọc đúng những từ chứa vần *oi, ôi, ơi*. Đọc trơn đoạn có tiếng, từ chứa vần mới học. Hiểu từ ngữ, câu trong bài; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn đọc *Nai và voi*.
- Viết đúng: *oi, ôi, ơi, đồi cây*.
- Nói được tên vật, con vật chứa vần *oi, ôi, ơi*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình,... về con vật, đồ vật,... có tên gọi chứa vần *oi, ôi, ơi*; con rối/mặt nạ nai và voi để đóng vai.
- Tranh và thẻ chữ luyện đọc hiểu câu ở HĐ 2.
- Mẫu chữ phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm HD HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp/nhóm:* Hỏi – đáp về tên các con vật trong tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu các vần mới của bài 6B; quan sát các vần *oi, ôi, ơi* được GV viết hoặc gắn thẻ từ trên bảng / chiếu trên màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

– *Cả lớp:* Học vần, tiếng mới theo HD của GV:

+ *Đọc tiếng voi (đồng thanh/nhóm/cá nhân).*

+ *Phân tích cấu tạo của tiếng voi: gồm âm đầu v và vần oi.*

+ *Phân tích cấu tạo vần oi và đánh vần: o – i – oi; đọc trơn: oi.*

+ *Đánh vần: vờ – oi – voi; đọc trơn: voi.*

+ Luyện đọc cá nhân, nhóm: đánh vần và đọc trơn vần, tiếng.

– *Cặp/nhóm:* Tự tìm hiểu vần và tiếng chứa vần *ôi, ơi* dựa theo cách học vần *oi*. (GV hỗ trợ một số HS hoặc các nhóm có HS học yếu học các vần và tiếng có vần *ôi, ơi*.)

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:* Nghe và quan sát GV nói kết hợp viết các âm đầu và vần mới học vào các ô trong bảng.

n	oi	´	nói

– Đánh vần, đọc trơn 1 – 2 tiếng trong bảng theo HD của GV.

– *Cá nhân/cặp*:

+ Tự điền các tiếng vào ô trống trong bảng và đánh vần, đọc trơn các tiếng đó.

+ Từng HS đọc các tiếng đã tạo được.

– *Cả lớp:*

+ Một số HS lên bảng đánh vần, đọc trơn các chữ đã tạo trong bảng.

+ Đọc các tiếng trong bảng (cá nhân, nhóm, cả lớp).

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Bé vẽ ngôi nhà.



Bé bơi ở bể bơi.



Bé có gói quà.

3 Viết



4 Đọc



Nai và voi

Nai chơi với voi từ bé. Cả hai mê lá cây. Voi hay rủ nai đi hái lá cây ở đồi xa. Voi lấy vòi hái cho nai. Voi tài quá!

? *Voi có tài gì?*

63

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân/cặp:*

+ Quan sát 3 tranh, nói nội dung từng tranh (trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?*).

+ Đọc 3 câu.

– *Cả lớp:* Chữa bài chung cả lớp theo HD của GV:

+ Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài trước lớp (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong SHS phóng to): ghép câu với tranh thích hợp.

+ Tìm tiếng chứa vần mới học trong mỗi câu.

+ Phân tích cấu tạo và đọc trơn các tiếng chứa vần mới học (*oi, ôi, ơi*).

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu cách viết *oi, ôi, ơi, đồi cây;* cách nối các con chữ.

+ Nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Nai và voi**.*

a) Quan sát tranh và đoán nội dung đoạn đọc.

– *Cặp/nhóm:*

+ Nói tên các con vật trong tranh.

+ Tả hoạt động của mỗi con vật.

+ Đọc tên đoạn.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả đoạn.

– *Cặp:* Luyện đọc nối tiếp câu.

c) Đọc hiểu.

– *Cặp/nhóm:* 1 em đọc câu hỏi – 1 em trả lời; cùng nhận xét câu trả lời của bạn.

VD: *Voi có tài gì? (Voi có tài hái lá cây.)*

– *Cả lớp:* Một số HS đọc đoạn *Nai và voi* trước lớp theo hướng dẫn của GV.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

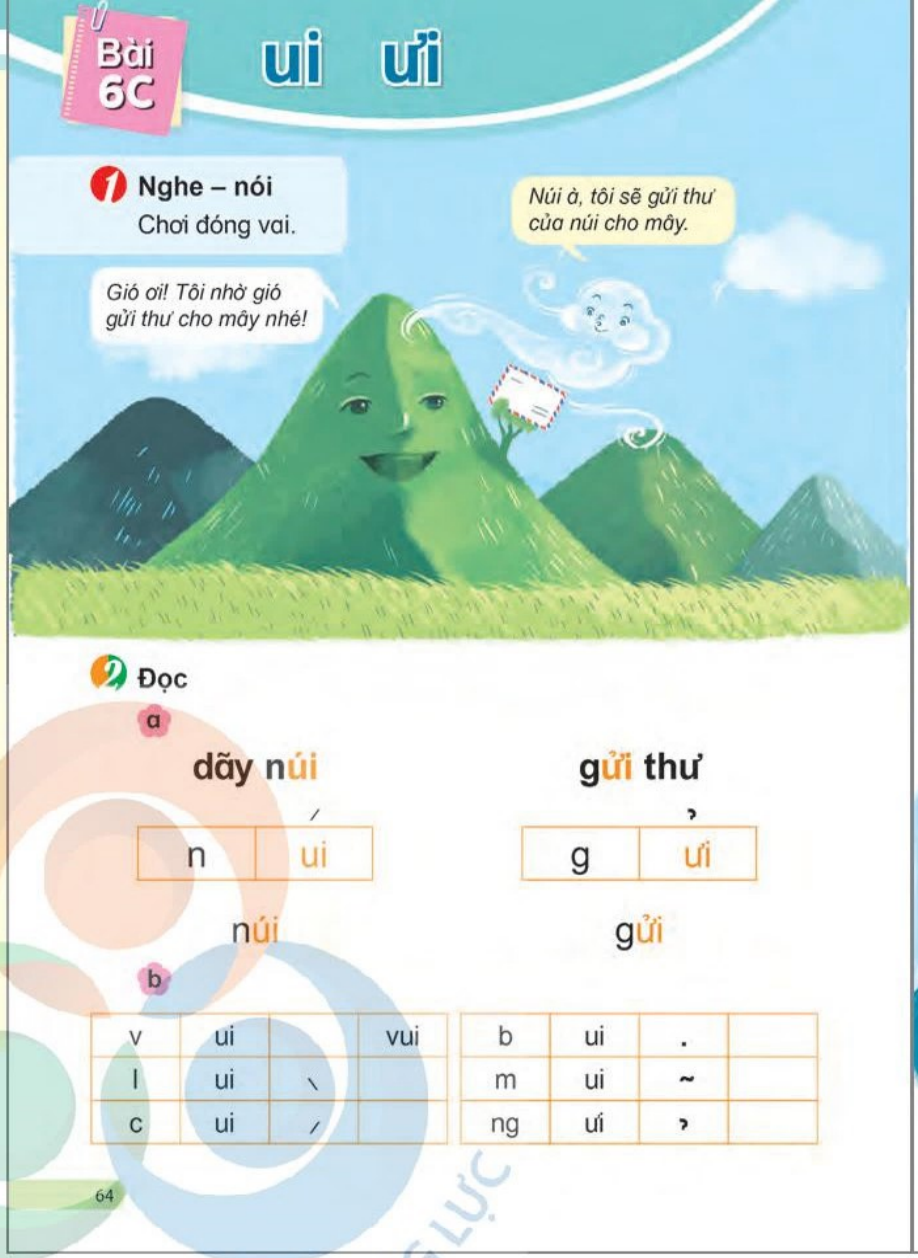
Bài 6C ui ưi

Mục tiêu

- Đọc đúng những từ chứa vần *ui, ưi*. Đọc trơn đoạn ngắn có tiếng, từ chứa vần mới học. Hiểu các từ ngữ, câu trong bài; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn đọc *Núi, gió* và *mây*.
- Viết đúng: *ui, ưi, núi, gửi*.
- Biết trao đổi về bức tranh ở HĐ1, nói theo vai lời đối thoại của núi và gió.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình,... về hình ảnh núi, mây và gió; con rối/mặt nạ thể hiện nhân vật *Núi, mây* và *gió* để đóng vai.
- Tranh và thẻ chữ luyện đọc hiểu câu.
- Mẫu chữ phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm HD HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp/nhóm:* Nói tên các sự vật được vẽ trong tranh (núi, gió); tập đọc/đoán lời đối thoại của *núi* và *gió* (tự xác định các chữ đọc được và các chữ chưa đọc được để GV trợ giúp); trao đổi để xác định thứ tự các lượt lời của *núi* và *gió*; chơi đóng vai.

– 2 HS đóng vai nói lời thoại (GV có thể đưa thêm lời dẫn chuyện để tạo thành hoạt cảnh ngắn tạo hứng thú học bài mới cho HS).

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu các vần mới của bài 6C; quan sát các vần *ui, ưi* trên bảng lớp/ màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách giải thích để phân biệt *núi – dãy núi*.

+ Đọc từ ngữ mới theo hướng dẫn của GV.

+ Học vần mới theo HD của GV:

• *Đọc tiếng* núi *(đồng thanh/nhóm/cá nhân).*

• *Phân tích cấu tạo của tiếng núi: gồm âm đầu n, vần ui và thanh sắc.*

• *Phân tích cấu tạo vần ui và đánh vần:* u – i – ui; *đọc trơn:* ui.

• *Đánh vần tiếng:* nờ – ui – nui – sắc – núi; *đọc trơn tiếng:* núi.

+ Luyện đọc (cá nhân/nhóm) đánh vần, đọc trơn vần và tiếng.

– *Nhóm/cá nhân:* Tự tìm hiểu vần và tiếng chứa vần *ưi* dựa theo cách học vần *ui*. (GV hỗ trợ các HS hoặc các nhóm có HS học yếu học các vần và tiếng có vần *ưi*.)

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:*

+ Nghe và quan sát GV nói kết hợp viết các âm đầu và vần mới học vào các ô trong bảng (làm mẫu).

v	ui		vui

+ Đánh vần, đọc trơn 1 – 2 tiếng trong bảng theo HD của GV.

– *Cá nhân/cặp:* Điền các tiếng vào ô trống trong bảng và đánh vần, đọc trơn các tiếng đó. Đọc các tiếng đã tạo được.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c

túi thị | bụi tre | gửi thư


Bé ■ cho bà.


Bà cho bé ■.


Nhà bà có ■.

3 Viết

ui ưi núi gửi

4 Đọc



Núi, gió và mây

Khi bay đi chơi, gió và mây hay ghé nhà núi. Đã mấy ngày rồi chả thấy mây ghé qua. Núi gọi:

– Gió ơi, gió rủ mây tới nhà tôi chơi.

– Để tôi gọi mây nhé!

Thế là gió bay đi.

? *Núi nói gì với gió?*

65

– *Cả lớp:*

+ Một số HS lên bảng đánh vần, đọc trơn các chữ đã tạo trong bảng.

+ Đọc đồng thanh nhóm/lớp các tiếng trong bảng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn thực hiện.

– *Cá nhân/cặp:*

+ Quan sát 3 tranh, nói nội dung từng tranh (trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?*).

+ Đọc 3 câu còn khuyết (thiếu) từ ngữ; đọc các từ ngữ đã cho sẵn; dựa vào tranh để chọn từ ngữ phù hợp với chỗ trống trong mỗi câu.

+ Thống nhất cách lựa chọn với các bạn.

– *Cả lớp:* Chữa bài theo HD của GV:

+ Đại diện 1 – 2 nhóm sửa bài trước lớp (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong SHS phóng to): ghép câu với tranh thích hợp.

+ Tìm tiếng chứa vần mới học trong mỗi câu.

+ Phân tích cấu tạo và đọc trơn các tiếng chứa vần mới học (*ui, ưi*).

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu cách viết *ui, ưi, núi, gửi*; cách nối các con chữ.

+ Nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu đoạn ***Núi, gió và mây***.

a) Quan sát tranh và đoán nội dung đoạn đọc.

– *Nhóm:*

+ Nói tên các sự vật trong tranh (núi, mây, gió).

+ Tả hoạt động của mỗi sự vật.

+ Đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn đọc.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:*

+ Đọc thầm đoạn đọc và các câu hỏi.

+ Nghe GV đọc cả đoạn.

– *Cặp:* Luyện đọc nối tiếp câu.

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân:* Tự trả lời câu hỏi cuối đoạn đọc.

– Làm việc theo cặp hoặc theo nhóm: 1 em đọc câu hỏi – 1 em trả lời; nhận xét câu trả lời của bạn.

VD: *Núi nói gì với gió? → Gió ơi, gió rủ mây tới nhà tôi chơi.*

– *Cả lớp:* Một số HS đọc cả đoạn trước lớp theo chỉ định của GV.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

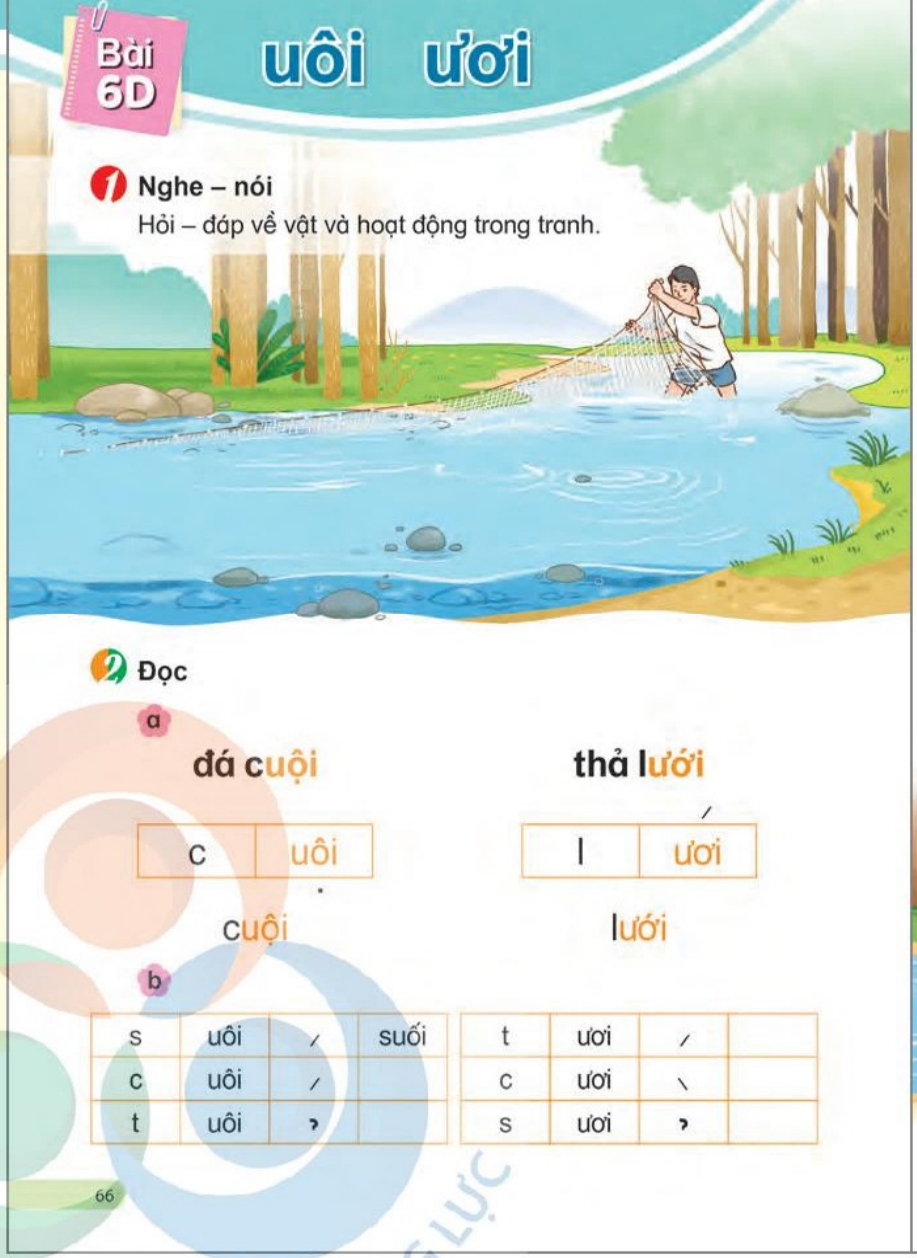
Bài 6D uôi ươi

Mục tiêu

- Đọc đúng những từ chứa vần *uôi, ươi*. Đọc trơn đoạn ngắn có tiếng, từ chứa vần mới học. Hiểu các từ ngữ, câu trong bài; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn *Suối và đá cuội*.
- Viết đúng: *uôi, ươi, cuội, lưới*.
- Biết trao đổi, thảo luận về bức tranh ở HĐ1.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình,... về hình ảnh dòng suối, thả lưới, đá cuội để HS đóng vai.
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ, câu.
- Mẫu chữ phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm HD HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp/nhóm:* Cùng nhau nói tên các sự vật, con vật, hoạt động được vẽ trong tranh (dòng suối, thả lưới, đá cuội...).

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu các vần mới của bài 6D; quan sát các vần *uôi, ươi* trên bảng lớp/màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– Đọc từ ngữ mới theo hướng dẫn của GV: *đá cuội, thả lưới*.

Học vần *uôi* theo HD của GV:

+ Đọc tiếng *cuội* (đồng thanh/nhóm/cá nhân).
+ Phân tích cấu tạo của tiếng *cuội*: gồm âm đầu *c* và vần *uôi*, thanh nặng.
+ Phân tích cấu tạo vần *uôi* và đánh vần: *uô – i – uôi*; đọc trơn vần: *uôi*.
+ Đánh vần tiếng: *cờ – uôi – cuôi – nặng – cuội*; đọc trơn tiếng: *cuội*.
+ Luyện đọc cá nhân, nhóm: đánh vần, đọc trơn vần và tiếng.

– Học vần *ươi*: Nghe GV hướng dẫn học vần và tiếng chứa vần *ươi* dựa theo cách học vần *uôi*. (GV hỗ trợ HS yếu học vần *ươi* và tiếng có vần *ươi*.)

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:*

+ Nghe và quan sát GV nói kết hợp viết các âm đầu và vần mới học vào các ô trong bảng:

s	uôi	/	suối

+ Đánh vần, đọc trơn 1 – 2 tiếng trong bảng theo hướng dẫn của GV.

– *Nhóm:*

+ Điền các tiếng vào ô trống trong bảng và đánh vần, đọc trơn các tiếng đó.
+ Từng HS đọc cá nhân các tiếng đã tạo được.

– *Cả lớp:* Một số HS lên bảng đánh vần, đọc trơn các chữ đã tạo trong bảng.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c

uôi ươi







Cây b_ này sai quả.

Bà và bé t_ cây.

Mẹ mua nải ch_.

3 Viết

uôi ươi cuội lưới

4 Đọc



Suối và đá cuội

Suối chảy từ khe núi ra. Nó rủ lá cây trôi về xuôi. Đá cuội dưới suối thấy vậy, nói:

– Suối ơi, cho tôi về xuôi với!

– Ồ! Đá cuội cứ ở đó đi. Có đá cuội, bầy cá suối mới thấy vui.

?

Đá cuội nói gì với suối?

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân/cặp:*

+ Quan sát 3 tranh, nói nội dung từng tranh (trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?*).

+ Đọc 3 câu còn khuyết (thiếu) từ ngữ. Dựa vào tranh để tìm vần còn thiếu trong mỗi câu.

+ Thống nhất cách lựa chọn vần với các bạn.

– *Cả lớp:*

+ Sửa bài chung cả lớp theo HD của GV:

+ Đại diện 1 – 2 nhóm sửa bài trước lớp (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ vần và tranh trong SHS phóng to). HS điền vần thích hợp vào chỗ trống trong mỗi câu:

(Cây bưởi này sai quả; Mẹ mua nải chuối; Bà và bé tưới cây)

+ Tìm tiếng chứa vần mới học trong mỗi câu.

+ Phân tích cấu tạo và đọc trơn các tiếng chứa vần mới học (*uôi, ươi*).

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu cách viết *uôi, ươi, cuội, lưới*; cách nối các con chữ.

+ Nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Suối và đá cuội**.*

a) Quan sát tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV giao nhiệm vụ quan sát tranh, nêu nội dung tranh, đoán nội dung đoạn.

– *Nhóm/cặp:* Từng HS nêu nội dung tranh hoặc trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?* (VD: Tranh vẽ dòng suối trong, dưới suối có những hòn đá cuội/viên sỏi...)

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc cả đoạn.

+ Đọc trơn theo GV (nhìn GV chỉ từng chữ và nghe GV đọc chậm từng câu và đọc theo; đọc 2 – 3 lần).

+ Đọc truyền điện từng câu.

– *Nhóm/cặp:* Cùng đọc trơn từng câu và cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn thực hiện yêu cầu đọc hiểu: dựa vào đoạn đọc, nói tiếp để trả lời các câu:

Đá cuội nói gì với suối?

– *Cá nhân/cặp:* Tự thực hiện theo yêu cầu. VD: *Đá cuội nói: "Suối ơi, cho tôi về xuôi với!".*

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 6E

Ôn tập

ai ay ây oi ôi ơi ui ưi uôi ươi

Mục tiêu

- Đọc đúng các vần *ai, ay, ây, oi, ôi, ơi, ui, ưi uôi, ươi* và các tiếng, từ ngữ chứa vần đã học. Đọc lưu loát các câu, đoạn đọc ngắn đã học; hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài học và trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.
- Viết đúng các vần, các tiếng chứa vần đã học (*múi bưởi, cây chuối*).
- Nói và nghe về các loại trái cây.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh trong SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình… về các loại hoa quả và cây cối; tranh ảnh.
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ, câu.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.

Bài 6E

Ôn tập

ai ay ây oi ôi ơi ui ưi uôi ươi

1 Đọc

a) Chơi dán nhãn sản phẩm.



ổi | bưởi | vải | chuối

b) Tạo tiếng.

Vần	ai	ay	ây	oi	ôi	ơi	ui	ưi	uôi	ươi
Tiếng	bài				đồi			cửi		

c) Đọc câu.



Hai bé gái nhảy dây.



Hai bé trai thi chạy.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Đọc

a) Chơi dán nhãn sản phẩm.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chuẩn bị các khay hoa quả thật hoặc bằng nhựa hoặc bằng tranh vẽ (như tranh vẽ ở HĐ1) và các nhãn dán tên các loại quả (để tổ chức chơi theo nhóm).

– *Nhóm*:

+ Dán nhãn đúng vào các khay hoa quả: mỗi em cầm 1 nhãn dán và tìm khay hoa quả thích hợp để dán nhãn lên. (Nhóm nào hoàn thành sớm nhất và dán đúng nhãn cho các khay hoa quả là nhóm thắng cuộc.)

+ Đại diện 1 – 2 nhóm đọc tên các sản phẩm đã dán nhãn đúng.

b) Tạo tiếng.

Cá nhân:

– Quan sát bảng chứa các vần.

– Tìm tiếng chứa vần trong bảng.

– Đối chiếu kết quả với các bạn.

c) Đọc câu.

Cá nhân/cặp:

– Quan sát 2 tranh, nói nội dung từng tranh (trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?*). HS có thể nói theo cách hiểu nội dung tranh của mình (có thể có nhiều cách hiểu khác nhau). VD: Tranh 1: *Hai bé gái nhảy dây.*

– Đọc các câu dưới tranh.

2. Viết

– *Cả lớp:* Nghe GV HD thực hiện nhiệm vụ: viết từ ngữ (*múi bưởi, cây chuối*) đúng kiểu và cỡ chữ theo yêu cầu.

– *Cá nhân:* Viết trên bảng con (hoặc viết vở): *múi bưởi, cây chuối.*

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét chung cả lớp.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

2 Viết



3 Nghe – nói

Kể chuyện.

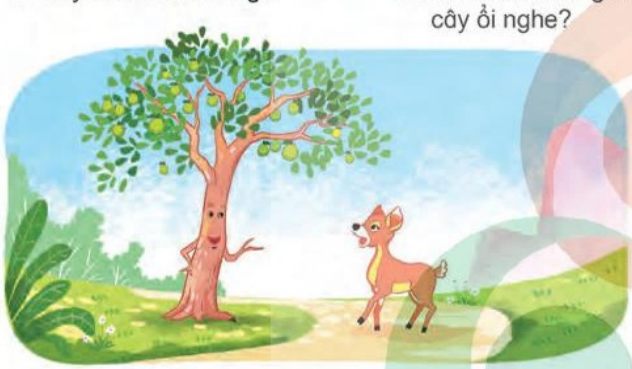
Cây ổi và nai nhỏ



1. Cây ổi ủ rũ vì lí do gì?



2. Nai nhỏ đã kể gì cho cây ổi nghe?



3. Nghe nai nhỏ kể, cây ổi đã nói gì?

69

3. Nghe – nói

Nghe kể câu chuyện *Cây ổi và nai nhỏ* và trả lời câu hỏi.

a) Quan sát tranh và đoán nội dung câu chuyện.

– *Nhóm:*

+ Nói tên con vật và cây cối trong mỗi tranh.

+ Tả HĐ của mỗi vật trong từng tranh.

+ Đọc tên câu chuyện và đoán nội dung câu chuyện.

b) Nghe kể chuyện và trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV kể câu chuyện lần thứ nhất, kết hợp nhìn tranh.

+ Tập kể theo, kể cùng với GV khi nghe GV kể chuyện lần 2.

+ Trả lời câu hỏi về nội dung câu chuyện

Văn bản kể chuyện:

Cây ổi và nai nhỏ

1. Trên một con đường vắng, có một cây ổi héo rũ vì buồn chán.

2. Một ngày kia, có chú nai nhỏ đi qua con đường vắng đó. Cây ổi trông thấy nai nhỏ bèn than thở:

– Nai nhỏ ơi, con đường này vắng vẻ quá, chả có ai chơi với tôi. Tôi buồn quá!

3. Nai nhỏ bèn ngồi bên cây ổi, kể cho cây ổi nghe nhiều điều thú vị ở những nơi mình đã đi qua. Cây ổi thấy vui hẳn lên. Cây ổi cảm động nói với nai nhỏ:

– Cảm ơn nai nhỏ. Tôi thấy trong người khoẻ hơn nhiều.

Đến mùa ổi chín, cây ổi mời nai nhỏ đến thưởng thức những trái ổi thơm ngon.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tuần 6

Tập viết

Mục tiêu

- Biết viết âm *â*, tổ hợp chữ ghi vần: *ai, ay, ây, oi, ôi, ơi, ui, ưi, uôi, ươi*.
- Biết viết từ, từ ngữ: *nai, cây, gà gáy, voi, đồi cây, doi, núi, gửi, đá cuội, thả lưới, múi bưởi, cây chuối*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường.
- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường, thẻ từ:
  â, ai, ay, ây, oi, ôi, ơi, ui, ưi, uôi, ươi.
  nai, cây, gà gáy, voi, đồi cây, doi, núi, gửi, đá cuội, thả lưới, múi bưởi, cây chuối.
- VD:





- Tranh ảnh: *nai, cây, gà gáy, voi, đồi cây, doi, núi, gửi, đá cuội, thả lưới, múi bưởi, cây chuối*
- *Tập viết 1*, tập một; bút chì cho HS.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

***HĐ1. Chơi trò* Gọi thuyền.**

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi: Một bạn cầm thẻ từ và thẻ chữ đi phân phát cho một số bạn cho đến hết thẻ (mỗi bạn được phát 1 thẻ). Mỗi bạn có thẻ, đặt thẻ lên trước mặt. Một bạn làm chủ trò đứng trên bảng gọi từng bạn theo mẫu:

+ (Chủ trò) *Gọi thuyền, gọi thuyền!*
+ (Cả lớp) *Thuyền ai, thuyền ai?*
+ (Chủ trò) *Thuyền* … (tên một bạn có thẻ), *thuyền* …
+ (Cả lớp) *Thuyền … chở gì?*
+ (Bạn có thẻ) *Thuyền … chở …* (đọc chữ ghi vần hoặc đọc từ ngữ có trong thẻ của mình)

– *Cá nhân:* Từng HS thực hiện trò chơi theo HD của chủ trò và GV.

GV sắp xếp các thẻ chữ theo trật tự trong bài viết.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Nhận diện các tổ hợp chữ cái ghi vần.

Cả lớp: Nghe GV đọc từng chữ và nhìn vào thẻ chữ GV chỉ rồi đọc theo: *â, ai, ay, ây, oi, ôi, ơi, ui, ưi, uôi, ươi.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết chữ ghi vần.

– *Cả lớp*: Nghe GV làm mẫu, hướng dẫn viết từng chữ ghi vần: *â, ai, ay, ây, oi, ôi, ơi, ui, ưi, uôi, ươi,* (mỗi âm, vần viết 2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ).

– *Cá nhân*: Thực hiện viết từng âm, vần. Nghe GV nhận xét bài của mình hoặc của bạn.

* *Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Viết từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ ngữ và làm mẫu, HD viết từng từ ngữ: *nai, cây, gà gáy, voi, đồi cây, dơi, núi, gửi, đá cuội, thả lưới, múi bưởi, cây chuối* (mỗi từ ngữ viết 1 – 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ ngữ.

– *Cả lớp:* Xem bài viết của các bạn do GV chọn. Nghe GV nhận xét bài viết đã chọn.

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 7A ao eo

Mục tiêu

- Đọc đúng vần *ao, eo;* tiếng, từ ngữ chứa vần *ao, eo*. Đọc hiểu từ ngữ trong bài; trả lời được các câu hỏi về nội dung bài *Chú mèo nhà Mai*.
- Viết đúng: *ao, eo, phao, chèo*.
- Nói về hoạt động trong tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh ảnh hoặc video minh hoạ hoạt động chèo thuyền hỗ trợ HS đặt câu hỏi khi học HĐ1.
- Mỗi HS 1 bộ thẻ chữ ghi âm, vần, thanh ở HĐ 2b.
- Tranh phóng to hoặc vật thật (*gói kẹo, tờ báo*), thẻ chữ để học HĐ2c.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Bài 7A ao eo

1 Nghe – nói

Hỏi – đáp về vật và hoạt động trong tranh.

2 Đọc

a

áo phao

ph	ao

phao

mái chèo

ch	eo

chèo

b

c	ao	´	cáo
đ	ao	ˀ	
b	ao	~	

k	eo	´	
b	eo	`	
th	eo		

70

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cá nhân:* Nhìn tranh SHS hoặc tranh ảnh, video về hoạt động chèo thuyền do GV chuẩn bị.

– *Cặp:* Hỏi – đáp về đồ vật và hoạt động trong tranh.

VD: *Người ngồi trên thuyền mặc gì? (... mặc áo phao), họ làm gì? (chèo thuyền),...*

– *Cả lớp:*

+ Nhìn chữ *phao, chèo* GV viết trên bảng.

+ Nghe GV giới thiệu vần mới: *ao, eo*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu tiếng mới: *phao/ chèo*.

+ 2 – 3 HS nhận xét các phần của tiếng *phao/chèo* (âm đầu *ph*, vần *ao*, âm đầu *ch*, vần *eo*, thanh huyền).

+ Nghe GV giới thiệu các âm trong mỗi vần: *ao* gồm *a* và *o*, *eo* gồm *e* và *o*. 3 – 5 HS nhắc lại.

■ Đọc tiếng ***phao, chèo***:

– *Cả lớp*:

+ Đọc vần: *ao*

+ Đánh vần: *phờ – ao – phao*

+ Đọc trơn: *phao*

– Đọc tiếng *chèo* tương tự như đọc tiếng *phao*

– *Cá nhân:* 3 – 5 HS đọc trơn tiếng: *phao/chèo*.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cá nhân*: HS ghép tiếng *áo* (theo mẫu). Đọc trơn tiếng.

c	ao	´	cáo

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



ngôi sao



thổi sáo



gói kẹo

3 Viết

ao eo phao chèo

4 Đọc



Chú mèo nhà Mai

Mẹ mua cho Mai chú mèo nhỏ. Về nhà mới, chú mải mê leo trèo, chạy nhảy. Khi trèo cây cao bị ngã, chú chạy tới dụi dụi vào tay Mai. Có chú mèo, Mai thấy vui.

? *Có chú mèo, Mai thấy thế nào?*

71

– *Cả lớp:* 3 – 5 HS ghép tiếng *cáo* và đọc trơn trước lớp.

– *Nhóm*: HS ghép nối tiếp các tiếng còn lại. Đọc trơn các tiếng ghép được trong nhóm.

– *Cả lớp*: Đọc trơn (cá nhân, đồng thanh) các tiếng ở cột cuối theo yêu cầu của GV (đọc không theo thứ tự để chống đọc vẹt).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân:*

+ Đọc từng từ đã cho.

+ Nhìn hình minh hoạ trong SHS.

+ Đọc tên đúng với từng hình minh hoạ trong SHS.

– *Cả lớp:* Nhìn một số vật thật (*gói kẹo, tờ báo*) và nghe GV giới thiệu thêm về các vật đó.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp*:

+ Nghe GV nêu cách viết *ao, eo*; độ cao của vần, của các chữ *h, p* cách nối các nét ở chữ *phao, chèo*; cách đặt dấu huyền trên chữ *e*.

+ Nhìn GV viết mẫu trên bảng.

– *Cá nhân*: Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp*: Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét chữ viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu đoạn ***Chú mèo nhà Mai***.

a) Quan sát tranh.

Cả lớp:

– Nghe GV đọc tên đoạn văn.

– Nói trước lớp về những điều em thấy trong tranh. VD: *Tranh vẽ ngôi nhà có sân rộng. Có một bạn gái đang nhìn chú mèo. Bạn gái cười tươi. Ngoài sân, chú mèo đang trèo cây.*

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp*:

+ Nghe GV đọc cả đoạn.

+ HS đọc trơn theo GV.

+ HS đọc nối tiếp từng câu.

– *Nhóm/cặp:* HS đọc từng câu, cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

Cả lớp:

– Nghe GV nêu câu hỏi: *Có chú mèo, Mai thấy thế nào?*

– Một vài HS hoặc nhóm trả lời câu hỏi trước lớp.

– Nghe bạn và GV nhận xét câu trả lời.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 7B au âu

Mục tiêu

- Đọc các vần *au, âu*; tiếng, từ chứa vần *au, âu*; đọc hiểu đoạn *Thỏ nâu và cá rô phi*.
- Viết các vần *au, âu*; các từ *rau, cầu*.
- Biết hỏi – đáp về các vật và hoạt động trong tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh ảnh có bóng nói hoặc video minh hoạ đoạn hội thoại ngắn giữa thỏ nâu và cá rô phi để hỗ trợ HS ở HĐ1.
- Tranh bè rau muống và một số cây cầu giúp HS hiểu nghĩa từ ngữ mới ở HĐ2a.
- Mỗi HS 1 bộ thẻ chữ ghi âm, vần, thanh ở HĐ2b.
- 4 tranh phóng to và 4 thẻ từ để học HĐ2c.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:*
  + Nhìn tranh SHS hoặc tranh ảnh, video do GV chuẩn bị.
  + Hỏi – đáp theo cặp về vật, con vật trong tranh (VD: *Ao có gì?* (rau). *Thỏ ở đâu?* (cầu ao).
  + Nghe GV đọc lời thoại của thỏ nâu và cá rô phi.

– *Cặp:* Một HS đóng vai thỏ nâu. Một HS đóng vai cá rô phi nói theo nội dung tranh.

– *Cả lớp:*
  + 2 – 3 cặp nói theo vai trước lớp (nếu có điều kiện).
  + Nhìn chữ *rau, cầu* GV viết trên bảng.
  + Nghe GV giới thiệu vần mới: *au, âu*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*
  + Nghe GV giới thiệu tiếng mới: *rau/cầu*.



  + 3 – 5 HS nhận xét các phần của tiếng *rau/ cầu* (âm đầu *r*, vần *au*; âm đầu *c*, vần *âu*, thanh huyền).
  + Nghe GV giới thiệu các âm trong mỗi vần: *au* gồm *a* và *u*, *âu* gồm *â* và *u*.
  ■ Đọc tiếng ***rau, cầu***.

– *Cả lớp*:
  + Đọc vần: *au*.
  + Đánh vần: *rờ – au – rau*.
  + Đọc trơn: *rau*.

– Đọc tiếng *cầu* tương tự như đọc tiếng *rau*.

– *Nhóm/cặp:* Đọc trơn tiếng *rau/cầu*.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:*
  + Từng HS ghép tiếng *lau* (theo mẫu). Đọc trơn tiếng.

l	au		lau

  + 3 – 5 HS ghép tiếng *lau* và đọc trơn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



quả dâu



chì màu



xe cẩu



thứ sáu

Viết

au âu rau cầu

Đọc

Thỏ nâu và cá rô phi

Thỏ nâu ra cầu ao lấy rau.
Nó thấy bè rau ở xa quá.
Nó nhờ cá rô phi:
– Cá ơi, cậu lấy rau cho tớ với!
Cá rô phi nói:
– Đợi tớ nhé!



Ai lấy rau cho thỏ nâu?

73

– *Cặp:* HS ghép nối tiếp các tiếng còn lại. Đọc trơn các tiếng ghép được trong nhóm đôi.
– *Cả lớp:*
  + 2 nhóm thi tiếp sức ghép nhanh nối tiếp các tiếng trước lớp.
  + Đọc trơn (cá nhân, đồng thanh) các tiếng ở cột cuối không theo thứ tự để chống đọc vẹt).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Quan sát 4 hình và đọc 4 thẻ từ. Nói tên từng vật trong hình rồi đọc từ ngữ dưới mỗi hình.
– *Nhóm:*
  + Nói tên vật trong mỗi hình.
  + Từng HS đọc các thẻ từ.
– *Cả lớp:*
  + Đại diện 1 – 2 nhóm đọc thẻ từ.
  + Thi ghép thẻ từ dưới tranh.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*
  + Nghe GV nêu cách viết *au, âu*; cách nối các nét ở chữ *rau, cầu*; cách đặt dấu huyền trên chữ *â* độ cao của vần.
  + Nhìn GV viết mẫu trên bảng.
– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Thỏ nâu và cá rô phi**.*

a) Quan sát tranh.

Cả lớp:
– Nghe GV đọc trên đoạn văn
– Xem tranh minh hoạ và nói trước lớp về những điều em thấy trong tranh. VD: *Tranh vẽ thỏ ngồi trên cầu và cá bơi dưới ao.*

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp*:
  + Nghe GV đọc cả đoạn 1 lần.
  + HS đọc trơn theo GV.
  + HS đọc nối tiếp từng câu.
– *Cặp/nhóm*: HS đọc nối tiếp câu và đoạn.

c) Đọc hiểu.

Cả lớp:
– Nghe GV nêu câu hỏi *Ai lấy rau cho thỏ nâu?*
– Một vài nhóm trả lời câu hỏi trước lớp.
– Nghe bạn và thầy cô nhận xét câu trả lời.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 7C êu iu ưu

Mục tiêu

- Đọc các vần *êu, iu, ưu;* tiếng, từ chứa vần *êu, iu, ưu*; đọc hiểu đoạn *Đi trại hè*.
- Viết các vần: *êu, iu, ưu*; từ *lều*. Viết một từ chỉ hoạt động có chứa vần *êu* hoặc *iu, ưu* theo tranh gợi ý.
- Nói về một hoạt động tên có chứa vần *êu* hoặc *iu, ưu*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to hỗ trợ HS hỏi – đáp cùng bạn ở HĐ1.
- Bộ tranh và thẻ ghi từ để tổ chức cho HS chơi trò chơi ở HĐ2c.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:*
  + Nghe GV giới thiệu về trại hè.
  + Một vài HS hỏi – đáp.
– *Cặp:* Trò chuyện/hỏi – đáp về những hình ảnh trong tranh.
– *Cả lớp:*
  + Nhìn GV viết: *lều, líu, lựu.*
  + Nghe GV giới thiệu vần mới: *êu, iu, ưu.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*
  + Nghe GV giới thiệu tiếng mới: *lều, líu, lựu*.
  + 3 – 5 HS nhận xét các phần của tiếng *lều, líu, lựu* (âm đầu, vần, thanh).
  + Nghe GV giới thiệu các âm trong mỗi vần: *êu* gồm *ê* và *u*, *iu* gồm *i* và *u*, *ưu* gồm *ư* và *u*.
  ■ Đọc tiếng ***lều, líu, lựu***.
– *Cả lớp*:
  + Đọc vần: *êu.*
  + Đánh vần: *lờ – êu – lêu – huyền – lều.*
  + Đọc trơn: *lều.*
  + Đọc tiếng *líu, lựu* tương tự như đọc tiếng *lều.*
– *Nhóm/cặp:* Đọc trơn tiếng *lều, líu, lựu.*

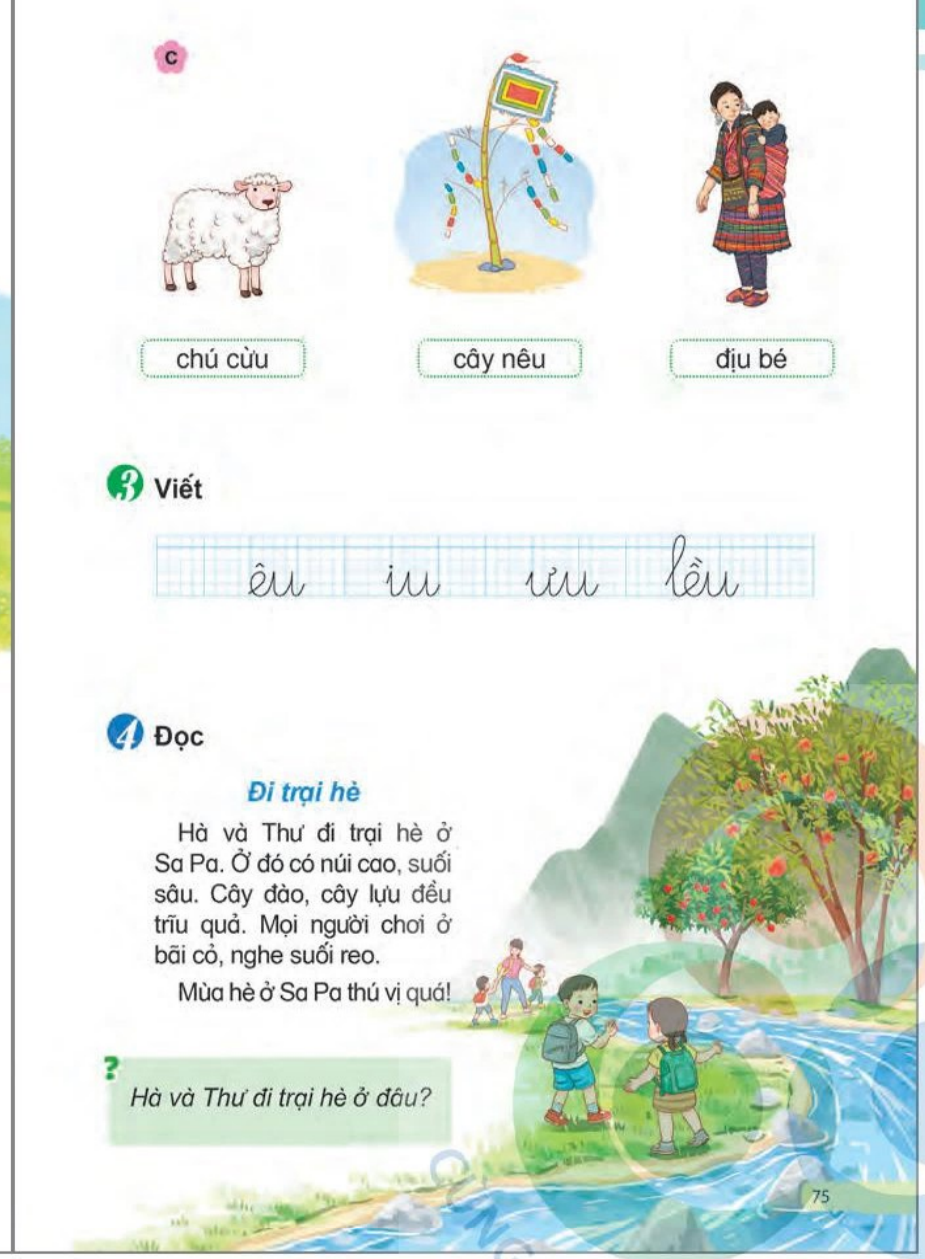
b) Tạo tiếng mới.

– *Cá nhân*:
  + HS ghép tiếng *rêu* (theo mẫu). Đọc trơn tiếng.

r	êu		rêu

  + Ghép các tiếng còn lại.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC



– *Cả lớp*:

+ 2 nhóm 5: HS thi tiếp sức *Ai nhanh hơn?*, ghép 5 tiếng còn lại trước lớp.

+ Nghe bạn và thầy cô nhận xét.

+ Đọc (cá nhân, đồng thanh) các tiếng ghép được (kết hợp chống đọc vẹt).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Quan sát 3 tranh và đọc 3 thẻ từ phóng to. Nghe GV giải thích thẻ từ viết tên của từng vật (con cừu, cây nêu), hoạt động (địu con) trong tranh.

– *Nhóm:*

+ Từng HS nói tên vật, hoạt động trong mỗi tranh.

+ Từng HS đọc 3 thẻ từ.

– *Cả lớp:* Thi ghép thẻ từ dưới tranh, 2 – 3 HS đọc các thẻ từ.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu cách viết *êu, iu, ưu*; từ *lều*; cách nối các nét ở chữ *lều*, cách đặt dấu huyền trên chữ *ê*.

+ Nhìn GV viết mẫu trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu đoạn ***Đi trại hè***.

a) Quan sát tranh.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc tên đoạn văn.

+ 2 – 3 HS nói trước lớp về những điều em thấy trong tranh. VD: *Tranh vẽ các bạn đi trại hè ở miền núi ai cũng vui.*

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc cả đoạn 1 lần.

+ HS đọc trơn theo GV.

+ HS đọc nối tiếp câu.

– *Nhóm:* HS đọc nối tiếp câu cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Trả lời câu hỏi đọc hiểu: *Hà và Thư đi trại hè ở đâu?*

– *Nhóm:*

+ Trao đổi và thống nhất câu trả lời.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời.

+ Nghe bạn và thầy cô chốt câu trả lời đúng.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 7D iêu yêu ươu

Mục tiêu

- Đọc vần *iêu, yêu, ươu* các tiếng, từ chứa vần *iêu, yêu, ươu*; đọc hiểu bài *Sở thú*.
- Viết các vần *iêu, yêu, ươu*; từ *diều*.
- Nói về sự vật, hoạt động có vần *iêu, yêu, ươu*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bộ tranh và thẻ ghi vần phóng to để học HĐ2c.
- Tranh ảnh hoặc video sở thú có các loài thú và một số trò chơi hỗ trợ HS đọc hiểu ở HĐ4.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc lời của hươu và diều.

– *Cặp:* Từng cặp HS đóng vai diều và hươu trò chuyện.

– *Cả lớp:*

+ Nhìn GV thay hình bằng chữ viết: *diều, yêu, hươu* trên bảng.

+ Nghe GV giới thiệu vần mới: *iêu, yêu, ươu*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu tiếng mới: *diều/yêu/hươu*.

+ 3 – 5 HS nhận xét các phần của tiếng *diều/yêu/hươu* (âm đầu *d*, vần *iêu*, thanh huyền; vần *yêu*; âm đầu *h*, vần *ươu*).

+ Nghe GV giới thiệu các âm trong mỗi vần: *iêu* gồm *iê* và *u*, *yêu* gồm *yê* và *u*, *ươu* gồm *ươ* và *u*.

■ Đọc tiếng ***diều, yêu, hươu***.

– *Cả lớp*:

+ Đọc vần: *iêu*.

+ Đánh vần: *dờ – iêu – diêu – huyền – diều*.

+ Đọc trơn: *diều*.

– Đọc tiếng *yêu, hươu* tương tự như đọc tiếng *diều*.

– *Nhóm/cặp:* Đọc trơn tiếng *diều, yêu, hươu*.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cá nhân:* HS ghép tiếng *hiểu* (theo mẫu). Đọc trơn tiếng.

h	iêu	?	hiểu

– *Cặp/nhóm:* HS ghép từng tiếng còn lại (làm miệng hoặc dùng bộ thẻ chữ). Đọc trơn các tiếng ghép được.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC


c

iêu | yêu | ươu

Mẹ mua ch□ cói.

Bố mẹ □ bé.

Bé ngã b□ đầu.

3 Viết

iêu yêu ươu diều

4 Đọc

Sở thú

Thứ bảy, bố mẹ đưa Hiếu đi sở thú. Ở đó có hổ, báo, hươu, nai, voi, khỉ, gà lôi,... Hổ, báo thì đi đi lại lại. Khỉ thì leo trèo. Buổi chiều, Hiếu chơi đu quay rồi cả nhà ra về.

? Ở sở thú có gì?

77

– *Cả lớp:* Đọc trơn cá nhân, đồng thanh các tiếng ở cột cuối (kết hợp chống đọc vẹt).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp*: Quan sát 3 tranh và đọc 3 thẻ ghi vần. Đọc từng câu dưới tranh, tìm tiếng thiếu vần. Chọn vần cho chỗ trống ở mỗi câu.

– *Nhóm:*

+ Mỗi HS chọn vần cho 1 câu.

+ Đọc 3 câu sau khi đã điền vần trên bảng nhóm.

– *Cả lớp:* Thi đọc 3 câu đã điền vần giữa các nhóm.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu cách viết *iêu, yêu, ươu*; cách nối các nét ở chữ *diều*, cách đặt dấu huyền trên chữ *ê*.

+ Nhìn GV viết mẫu trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Sở thú**.*

a) Quan sát tranh.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc tên đoạn văn.

+ Xem tranh hoặc video minh hoạ và nói trước lớp về những điều em thấy trong tranh hoặc video. VD: *Tranh (video) nói về sở thú. Ở sở thú có nhiều thú: hổ, báo, hươu, nai,... Sở thú còn có nhiều trò chơi.*

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc cả đoạn 1 lần.

+ HS đọc trơn theo GV.

+ HS đọc nối tiếp câu.

– *Nhóm:* HS đọc nối tiếp câu, cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

Cả lớp:

– Trả lời câu hỏi đọc hiểu: Cá nhân trả lời. Có thể kể thêm một số con vật ở sở thú.

– Nói câu trả lời của em trước lớp hoặc nghe câu trả lời của bạn.

– Nghe bạn và thầy cô nhận xét, chốt câu trả lời đúng.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 7E

Ôn tập
ao eo au âu êu iu ưu iêu yêu ươu

Mục tiêu

- Nói tên thức ăn, nơi ở của một số con vật.
- Đọc các tiếng, từ chứa vần ôn tập; đọc hiểu bài *Buổi tối ở nhà Na*.
- Viết được tên 2 người trong gia đình có chứa vần ôn tập.
- Nghe kể chuyện và kể lại câu chuyện *Bó hoa tặng bà*. Kể ngắn về gia đình.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bộ thẻ tranh (ảnh) hỗ trợ HS chơi trò chơi ở HĐ1.
- Bản ghi âm kết hợp tranh ảnh (tĩnh hoặc động) hoặc video câu chuyện *Bó hoa tặng bà* hoạt hình hỗ trợ HS kể chuyện ở HĐ3.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Nghe – nói

– *Cả lớp:*

+ Nhìn tranh trong SHS hoặc bộ thẻ tranh (ảnh) do GV chuẩn bị.

+ Nghe GV giới thiệu để làm quen với nhóm các con vật, các loại thức ăn, nơi ở và hiểu cách chơi.

– *Nhóm*: HS tìm thức ăn, nơi ở cho mỗi con vật: HS1 nêu tên con vật, HS2 chọn loại thức ăn và HS3 chọn nơi ở phù hợp với con vật đó.

– *Cả lớp:*

+ Nghe bạn và thầy cô nhận xét.

+ Nhìn thầy cô hoặc bạn viết tên 3 con vật trong trò chơi: *mèo, hươu, bồ câu*.

+ Nghe GV giới thiệu vần ôn tập: *ao eo au âu êu iu ưu iêu yêu ươu*.

2. Đọc

a) Tạo tiếng.

– *Cá nhân:* HS ghép tiếng (theo mẫu) và các tiếng còn lại. Đọc trơn các tiếng ghép được.

– *Nhóm:* 2 nhóm 7: HS chơi trò chơi *Ai nhanh, ai đúng?* tìm âm đầu và tranh ghép với từng vần thành các tiếng.

– *Cả lớp:* Nghe bạn và thầy cô nhận xét. HS đọc (cá nhân, đồng thanh) các tiếng ghép được. (VD: đảo, kéo, màu, trâu, thêu, dịu, điệu,...)

b) Đọc câu.

– *Cá nhân*: Nhìn hình minh hoạ trong SHS.

– *Nhóm*:

+ Đọc từng câu đã cho dưới mỗi hình.

+ Đọc truyền điện từng câu.

c) Đọc đoạn văn *Buổi tối ở nhà Na*.

* Quan sát tranh

Cả lớp:

– Nghe GV đọc tên đoạn văn.

– Xem tranh minh hoạ và nói trước lớp về những điều em

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c) Đọc đoạn.

Buổi tối ở nhà Na

Sau bữa tối, bà ngồi khâu áo, bố pha trà. Chị Na và bé Hải chơi trò đố chữ. Na thua bé Hải. Bé Hải cười vui quá. Cả nhà ai nấy đều cười vui theo Hải.



? *Chị Na và bé Hải chơi trò gì?*

Nghe – nói

Kể chuyện.

Bó hoa tặng bà



79

thấy trong tranh. VD: *Tranh vẽ buổi tối ở nhà Na hai chị em Na chơi với nhau,…*

* Luyện đọc trơn

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc cả đoạn 1 lần.

+ HS đọc trơn theo GV.

+ HS đọc nối tiếp câu.

– *Cặp:* Đọc nối tiếp câu và cả đoạn.

* Đọc hiểu

Cả lớp:

– Nghe GV nêu câu hỏi: *Buổi tối, Na với bé Hải chơi trò gì?*

– Cùng trao đổi nhóm và đưa ra câu trả lời.

– Nghe thầy cô nhận xét và chốt đáp án đúng.

3. Nghe – nói

Nghe kể câu chuyện *Bó hoa tặng bà* và trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp*:

+ Xem tranh minh hoạ và nói trước lớp về những điều em thấy trong tranh.

+ Nghe GV kể chuyện lần 1 (có thể dùng bản ghi âm hoặc video kể chuyện dạng hoạt hình hoặc tranh ảnh động kết hợp bóng nói).

+ Nghe GV kể chuyện lần 2 kết hợp với tranh minh hoạ trong SHS.

Văn bản kể chuyện

Bó hoa tặng bà

1. Trên đường đi thăm bà ngoại ốm, gấu thấy mèo kéo một túi cá nặng. Gấu nói với mèo:

– Anh mèo ơi! Để tôi giúp anh.

Gấu xách túi cá một cách nhẹ nhàng đưa về tận nhà mèo.

2. Khi đi qua vườn hoa, gấu nhìn thấy cừu đang cắt cỏ. Cừu cắt được một bó cỏ to nhưng chẳng thể nào vác nổi. Gấu vác bó cỏ lớn một cách dễ dàng giúp cừu mang về nhà. Cừu hái một bó hoa đỏ thắm tặng gấu.

3. Gấu mang bó hoa tới nhà bà, kể lại chuyện cho bà nghe và nói:

– Cháu tặng bà.

Bà khen:

– Cháu bà giỏi lắm! Cháu biết giúp đỡ người khác như thế là tốt.

– *Cả lớp:* Nghe và trả lời câu hỏi dưới tranh.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tuần 7

Tập viết

Mục tiêu

- HS biết viết tổ hợp chữ ghi vần: *ao, eo, au, âu, êu, iu, ưu, iêu, yêu, ươu.*
- Biết viết từ ngữ: *áo phao, mái chèo, cầu treo, bè rau, lều trại, líu lo, quả lựu, yêu quý, diều, hươu.*

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường.
- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường, thẻ từ: *ao, eo, au, âu, êu, iu, ưu, ươu, iêu, yêu, áo phao, mái chèo, bè rau, cầu treo, lều trại, líu lo, quả lựu, yêu quý, diều, hươu.*
- VD:

au au lựu lựu

- Tranh ảnh: *áo phao, mái chèo, cầu treo, bè rau, lều trại, líu lo, quả lựu, diều, hươu.*
- Vở *Tập viết 1*, tập một, bút mực cho HS.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Chơi trò Ai nhanh hơn? để tìm âm, từ.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi (tương tự như ở các bài trước).

– *Cá nhân:* Từng HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của GV.

GV sắp xếp các thẻ chữ theo trật tự trong bài viết và dán các thẻ từ vào dưới hình trên bảng lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ2. Nhận biết các tổ hợp chữ cái ghi vần.

Cả lớp: Nghe GV đọc từng chữ và nhìn vào thẻ chữ GV chỉ rồi đọc theo: *ao, eo, au, âu, êu, iu, ưu, ươu, iêu, yêu.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết chữ ghi vần.

– *Cả lớp:* Nghe GV làm mẫu, hướng dẫn viết từng chữ ghi vần *ao, eo, au, âu, êu, iu, ưu, ươu, iêu, yêu* (mỗi vần viết 2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng vần. Nghe GV nhận xét bài của mình hoặc của bạn

** Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Viết từ ngữ, câu.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ ngữ và làm mẫu, hướng dẫn viết từng từ ngữ: *áo phao, mái chèo, bè rau, cầu treo, lều trại, quả lựu, líu lo, yêu quý, diều, hươu* (mỗi từ ngữ viết 1 – 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ Xem bài viết của các bạn do GV chọn.

+ Nghe GV nhận xét bài viết đã chọn.

CÔNG ĐỒNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 8A ă an ăn ân

Mục tiêu

- Đọc đúng chữ *ă*, các vần *an, ăn, ân;* các tiếng, từ ngữ chứa vần *an* hoặc *ăn, ân*. Đọc hiểu từ ngữ, câu trong bài; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn *Nặn tò he*.
- Viết đúng chữ *ă*, vần *an, ăn, ân* và từ *bàn*.
- Nói đồ vật có tên chứa vần *an* hoặc *ăn, ân* theo tranh gợi ý.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 2 đến 4 tranh trong SHS phóng to và một số vật thật hỗ trợ HS thực hiện HĐ1: *cái cân, cái chăn, cái bàn,…*
- Một số con tò he, tranh ảnh hoặc video giới thiệu nghệ nhân nặn tò he hỗ trợ HS đọc hiểu ở HĐ4.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Bài 8A ă an ăn ân

1 Nghe – nói

Kể tên các đồ vật trong tranh.

2 Đọc

a

bàn gỗ		cái chăn		cái cân	
b	an	ch	ăn	c	ân
bàn		chăn		cân	

b

c	an	´	cán	l	ăn	.	
b	an	`		kh	ân	?	
m	ăn	.		d	ân		

80

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp: Tham gia trò chơi *Ai tinh mắt?*:

– 2 đến 4 HS đại diện các đội tham gia chơi tiếp sức. Lần lượt từng HS trong mỗi đội nói đúng các vật có trong bức tranh.

– Nghe bạn nhận xét và GV tổng kết trò chơi.

– Nghe, nói về công dụng của đồ vật (kết hợp giới thiệu vật thật).

– Nhìn chữ *ă*, từ *bàn, chăn, cân* GV viết trên bảng.

– Nghe GV giới thiệu vần mới: *an, ăn, ân*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu chữ *ă*, đọc theo GV: *á*

+ Nghe GV giới thiệu tiếng chứa vần mới: *bàn/ chăn/ cân*.

+ Nghe GV phân tích các phần của tiếng *bàn/ chăn/ cân* (âm đầu *b*, vần *an*, thanh huyền; âm đầu *ch*, vần *ăn*; âm đầu *c*, vần *ân*) và giới thiệu các âm trong mỗi vần: *an* gồm *a* và *n*; *ăn* gồm *ă* và *n*; *ân* gồm *â* và *n*.

■ Đọc tiếng ***bàn, chăn, cân***:

– *Cả lớp*:

+ Đọc vần: *an*.

+ Đánh vần: *bờ – an – ban – huyền – bàn*.

+ Đọc trơn: *bàn*.

+ Đọc tiếng *chăn, cân* tương tự như đọc tiếng *bàn*.

– *Nhóm/cặp:* Đọc trơn tiếng *bàn, chăn, cân*.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cá nhân:* Ghép tiếng *cán* (theo mẫu). Đọc trơn tiếng.

c	an	´	cán

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Bé ăn nhãn.



Hải và Văn đá cầu ở sân.

3 Viết

ă an ăn ân bàn

4 Đọc



Nặn tò he

Bố Tân có nghề nặn đồ chơi tò he. Đôi bàn tay khéo léo của bố nặn ra rắn, gà, cá,... Tân và bạn bè nhờ bố dạy nặn vài thứ đồ chơi. Khi ra về, mỗi bạn đều có đồ chơi tò he.

?

Bố Tân có nghề gì?

81

– *Cả lớp:* 3 – 5 HS ghép tiếng *cán* và đọc trơn trước lớp.
– *Nhóm:* Ghép từng tiếng còn lại. Đọc trơn các tiếng ghép được trong nhóm.
– *Cả lớp:* Đọc trơn (cá nhân, đồng thanh) các tiếng ở cột cuối theo yêu cầu của GV (đọc không theo thứ tự để chống đọc vẹt).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.
– *Cả lớp:*
+ Nhìn hình minh hoạ.
+ Đọc câu dưới mỗi tranh.
– *Cặp/nhóm:* Đọc nối tiếp câu

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*
+ Nghe GV nêu cách viết: *ă, an, ăn, ân, bàn*; độ cao của vần, chữ *b*: cách nối các nét ở chữ *bàn*, cách đặt dấu huyền trên chữ *a*.
+ Nhìn GV viết mẫu trên bảng.
– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Nặn tò he**.*

a) Quan sát tranh.

Cả lớp:
– Nghe GV đọc tên đoạn văn.
– Xem tranh hoặc video minh hoạ và nói trước lớp về những điều em thấy trong tranh hoặc video (chú và các bạn làm đồ chơi).

b) Luyện đọc trơn.
– *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả đoạn.
– *Nhóm:*
+ HS đọc nối tiếp câu trong nhóm.
+ HS đọc cả đoạn trong nhóm.

c) Đọc hiểu.
– *Cặp:* Trả lời câu hỏi đọc hiểu:
Bố Tân có nghề gì? (nghề nặn tò he đồ chơi)
– *Cả lớp:*
+ 2 – 3 HS trả lời.
+ Nghe bạn và GV chia sẻ, nhận xét câu trả lời.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 8B on ôn ơn

Mục tiêu

- Đọc đúng các vần *on, ôn, ơn;* các tiếng, từ ngữ chứa vần *on* hoặc *ôn, ơn*. Đọc hiểu từ ngữ, câu trong bài; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn đọc *Chào mào và sơn ca*.
- Viết đúng vần *on, ôn, ơn,* từ *con*.
- Nói về bức tranh dùng từ chứa vần *on* hoặc *ôn, ơn*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Mỗi HS 1 bộ chữ ghi âm, vần, thanh để tạo tiếng mới ở HĐ2b.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một.
- *Tập viết 1,* tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:*
+ Nhìn tranh trong SHS hoặc tranh ảnh, slides do GV chuẩn bị.
+ Nghe GV giới thiệu để làm quen với hai nhân vật chào mào, sơn ca.
+ Nghe GV nói lời của chào mào, sơn ca.

– *Cặp:* Đóng vai chào mào và sơn ca hỏi – đáp theo nội dung tranh.

– *Cả lớp:*
+ Quan sát GV viết các từ: *con, số bốn, sơn ca*.
+ Nghe GV giới thiệu 3 vần mới: *on, ôn, ơn*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*
+ Nghe GV giới thiệu tiếng mới: *con/ bốn/ sơn*.
+ Nghe GV phân tích các phần của tiếng *con/ bốn/ sơn* (âm đầu *c*, vần *on*; âm đầu *b*, vần *ôn*, thanh sắc; âm đầu *s*, vần *ơn*) và giới thiệu các âm trong mỗi vần: *on* gồm *o* và *n*; *ôn* gồm *ô* và *n*; *ơn* gồm *ơ* và *n*.

■ Đọc tiếng ***con, bốn, sơn***:

– *Cả lớp*:
+ Đọc vần: *on*.
+ Đánh vần: *cờ – on – con*.
+ Đọc trơn: *con*.
+ Đọc tiếng *bốn, sơn* tương tự như đọc tiếng *con*.

– *Nhóm/cặp:* Đọc trơn tiếng *con, bốn, sơn*.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cá nhân:*
+ Ghép tiếng *chọn* (theo mẫu). Đọc trơn tiếng.

ch	on	.	chọn

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



mẹ con



mái tôn



bó lay ơn

3 Viết

on ôn ơn con

4 Đọc



Chào mào và sơn ca

Chào mào bay đến tổ sơn ca và gọi:

– Sơn ca ơi, đi chơi đi!

Sơn ca chỉ bốn con và nói:

– Tôi còn bận sửa tổ cho con.

Nghe vậy, chào mào vội tha mấy cái lá khô để sơn ca sửa tổ.

?

Sơn ca bận gì?

83

– *Cả lớp:* 3 – 5 HS ghép tiếng *chọn* và đọc trơn trước lớp.

– *Nhóm:* Ghép từng tiếng còn lại bằng bộ chữ. Đọc trơn các tiếng ghép được trong nhóm.

– *Cả lớp:* Đọc trơn (cá nhân, đồng thanh) các tiếng ở cột cuối theo yêu cầu của GV (đọc không theo thứ tự để chống đọc vẹt).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:*

+ Nhìn hình minh hoạ trong SHS.

+ Đọc từng từ ngữ đã cho.

+ Nghe GV giới thiệu và nhìn tranh (*mẹ và con, nhà mái tôn*), vật thật (*hoa lay ơn*) để hiểu thêm nghĩa một số từ.

– *Nhóm:*

+ HS chỉ vào từng hình vẽ.

+ Đọc từ ngữ dưới hình.

+ Đọc nối tiếp 3 từ ngữ.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu cách viết *on, ôn, ơn, con*; độ cao của vần, từ; cách nối các nét ở chữ *con*.

+ Nhìn GV viết mẫu trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Chào mào và sơn ca**.*

a) Quan sát tranh.

Cả lớp:

– Nghe GV đọc tên đoạn.

– Nhìn tranh minh họa.

– 2 – 3 HS nói trước lớp về những điều em thấy trong tranh. HS có thể nhớ lại nội dung khởi động để nói. (chim sơn ca có 4 con, chim chào mào)

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả đoạn 1 lần.

– *Cặp:* Đọc nối tiếp câu, đọc cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

Cả lớp:

– Nghe GV nêu câu hỏi đọc hiểu.

– 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Sơn ca bận sửa tổ.*

– Nghe bạn và GV nhận xét.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 8C en ên un

Mục tiêu

- Đọc đúng các vần *en, ên, un;* các tiếng, từ ngữ chứa vần *en* hoặc *ên, un*. Đọc hiểu từ ngữ, câu trong bài; trả lời được các câu hỏi về đoạn đọc *Nhà bạn ở đâu?*.
- Viết đúng vần *en, ên, un*, từ *sên*.
- Nói lời một con vật tên có chứa vần *en* hoặc *ên, un*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bản ghi âm đoạn hội thoại giữa dế mèn, sên và giun hỗ trợ HS hỏi – đáp cùng bạn ở HĐ1.
- Bảng phụ hoặc giấy khổ to ghi sẵn nội dung HĐ tạo tiếng mới hỗ trợ HS chơi trò chơi.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cá nhân:* Nhìn tranh trong SHS.

– *Cả lớp:*

+ Nói tên các con vật trong tranh.

+ Đoán xem nhà mỗi con vật ở đâu?

+ Nghe bản ghi âm đoạn hội thoại giữa dế mèn, sên và giun.

– *Nhóm:* 2 – 3 nhóm 3 HS đóng vai dế mèn, sên và giun hỏi – đáp theo nội dung tranh.

– *Cả lớp:*

+ Nhìn chữ: *mèn, sên, giun* GV viết trên bảng.

+ Nghe GV giới thiệu vần mới.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu tiếng mới: *mèn, sên, giun.*

+ Nghe GV phân tích các phần của tiếng *mèn, sên, giun* (âm đầu *m* vần *en, thanh huyền*; âm đầu *s*, vần *ên*; âm đầu *gi*, vần *un*) và giới thiệu các âm trong mỗi vần: *en* gồm *e* và *n*; *ên* gồm *ê* và *n*; *un* gồm *u* và *n*.

■ Đọc tiếng ***mèn, sên, giun***:

– *Cả lớp*:

+ Đọc vần: *en.*

+ Đánh vần: *mờ – en – men – huyền – mèn.*

+ Đọc trơn: *mèn.*

+ Đọc tiếng *sên, giun* tương tự như đọc tiếng *mèn.*

– *Nhóm/cặp:* Đọc trơn tiếng *mèn, sên, giun.*

b) Tạo tiếng mới.

– *Cá nhân:*

+ Ghép tiếng *kèn* (theo mẫu). Đọc trơn tiếng.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Mẹ đan áo len.



Bà nấu bún riêu.

3 Viết

en ên un sên

4 Đọc



Nhà bạn ở đâu?

Sau cơn mưa, sên thấy dế mèn và giun đi dạo. Sên giới thiệu với dế mèn nhà nó ở ngay trên bẹ lá. Dế mèn kể nhà dế ở gần nhà giun, phía sau bãi cỏ non. Ba bạn hẹn sẽ đến chơi nhà nhau.

? *Nhà dế mèn và nhà giun ở đâu?*

85

k	en		kèn

+ Ghép từng tiếng còn lại. Đọc trơn các tiếng ghép được.

– *Cả lớp:*

+ 2 – 3 nhóm 5 HS chơi tiếp sức: Lần lượt viết các tiếng ghép được vào cột cuối bảng HĐ2b.
+ Nhận xét kết quả ghép của các nhóm.
+ Nghe GV tổng kết trò chơi.
+ Đọc trơn cá nhân, đồng thanh các tiếng ở cột cuối (kết hợp chống đọc vẹt).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân:*

+ Nhìn hình minh hoạ trong SHS. Nghe GV nói việc làm trong tranh.
+ Đọc các câu dưới tranh.

– *Nhóm:* Đọc nối tiếp các câu (đọc truyền điện).

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu cách viết *en, ên, un, sên*; độ cao của vần, từ; cách nối các nét ở chữ *sên*.
+ Nhìn GV viết mẫu trên bảng.

– *Cá nhân*: Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu đoạn ***Nhà bạn ở đâu?***

a) Quan sát tranh.

Cả lớp:

– Nghe GV đọc tên đoạn.
– Xem tranh và nói những điều em nhìn thấy trong tranh. Đoán xem dế mèn, sên, giun hỏi thăm nhà nhau để làm gì.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cặp:* HS đọc nối tiếp câu và đọc cả đoạn.
– *Cá nhân:* HS đọc thầm cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

Cả lớp:

– Nghe GV nêu câu hỏi.
– 2 – 3 HS trả lời câu hỏi đọc hiểu: *Nhà dế mèn và nhà giun ở sau bãi cỏ non.*
– Nghe bạn và GV nhận xét câu trả lời.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 8D in iên yên

Mục tiêu

- Đọc đúng các vần *in, iên, yên;* các tiếng, từ ngữ chứa vần *in* hoặc *iên, yên*. Đọc hiểu từ ngữ, câu trong bài; trả lời được các câu hỏi về đoạn đọc *Kiến đen và kiến lửa*.
- Viết đúng vần *in, iên, yên*, từ *nhìn*.
- Biết hỏi – đáp theo tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1 hỗ trợ HS hỏi – đáp cùng bạn.
- Bộ chữ cái và dấu thanh hỗ trợ HS phân tích tiếng ở HĐ2b tạo tiếng mới. (nếu có)
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:*

+ Nhìn tranh trong SHS.

+ Nghe GV giới thiệu nội dung tranh: Hai bố con hỏi đáp về tổ yến trên vách đá. GV đọc lời hỏi – đáp.

– *Cặp:* 2 – 3 cặp hỏi đáp theo tranh.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu tiếng mới: *nhìn, biển, yến*.

+ Nghe GV phân tích phần của tiếng: *nh, biển, yến* (âm đầu *nh* vần *in, thanh huyền*; âm đầu *b*, vần *iên*, thanh hỏi; vần *yên*, thanh sắc) và giới thiệu các âm trong mỗi vần: *in* gồm *i* và *n*; *iên* gồm *iê* và *n*; *yên* gồm *yê* và *n*.

■ Đọc tiếng ***nhìn, biển, yến***:

– *Cả lớp*:

+ Đọc vần: *in.*

+ Đánh vần: *nhờ – in – nhin – huyền – nhìn.*

+ Đọc trơn: *nhìn.*

+ Đọc tiếng *biển, yến* tương tự như đọc tiếng *nhìn.*

b) Tạo tiếng mới.

– *Cá nhân:* Ghép tiếng *chín* (theo mẫu). Đọc trơn tiếng.

ch	in	´	chín

– *Nhóm*: Ghép nối tiếp các tiếng còn lại. Đọc trơn các tiếng ghép được.

– *Cả lớp*: Đọc cá nhân, đồng thanh các tiếng ở cột cuối.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c

in iên yên







số ch■ ■ ngựa đèn đ■

3 Viết

in iên biển yến

4 Đọc



Kiến đen và kiến lửa

Buổi tối sau cơn bão, kiến đen xây lại tổ. Kiến lửa đi qua nhà kiến đen. Do vô ý nên nó va vào kiến đen. Kiến đen kêu to vì bị đau. Kiến lửa vội xin lỗi bạn. Kiến đen nói: "Lần sau chú ý hơn nhé!".

? *Vì sao kiến lửa xin lỗi kiến đen?*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:*

+ Nhìn hình minh hoạ trong SHS, nói tên các hình.

+ Đọc vần đã cho.

– *Nhóm*: Thống nhất phương án chọn vần phù hợp với mỗi chỗ trống để hoàn thành từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ Một vài nhóm gắn thẻ chữ lên bảng chia sẻ kết quả.

+ Nghe nhóm bạn và GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

– *Cá nhân:* Viết kết quả đúng vào vở: *số chín, yên ngựa, đèn điện.*

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu cách viết *in, iên*; độ cao của vần, chữ b, y; cách nối các nét ở chữ *biển, yến.*

+ Nhìn GV viết mẫu trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Kiến đen và kiến lửa**.*

a) Quan sát tranh.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc tên đoạn.

+ Xem tranh và nói những con vật, cảnh vật trong tranh.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc cả đoạn 1 lần.

+ Đọc nối tiếp câu trước lớp 2 lượt.

– *Cặp:* Đọc nối tiếp câu, cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu câu hỏi: *Vì sao kiến lửa xin lỗi kiến đen?*

– *Cá nhân:* 2 – 3 HS trả lời câu hỏi đọc hiểu (vì kiến lửa va vào kiến đen).

– *Cả lớp:* Nghe bạn và GV nhận xét các câu trả lời.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 8E uôn ươn

Mục tiêu

- Đọc đúng các vần *uôn, ươn;* các tiếng, từ ngữ chứa vần *uôn* hoặc *ươn*. Đọc hiểu từ ngữ, câu trong bài; trả lời được các câu hỏi về đoạn đọc *Chơi với chuồn chuồn*.
- Viết đúng vần *uôn, ươn*; các từ *chuồn, vượn*.
- Nói tên các con vật có vần *uôn, ươn*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Một vài bộ thẻ có hình các con vật hỗ trợ HS đặt câu hỏi khi chơi đố bạn ở HĐ1.
- Bản ghi âm đoạn đọc *Chơi với chuồn chuồn* hỗ trợ GV đọc mẫu ở HĐ4 (nếu có).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cá nhân:* Nhìn tranh trong SHS.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi.

– *Nhóm:* 1 HS chỉ vào hình và đố HS khác nói tên con vật trong hình để giải đố.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu tên con vật có chứa vần mới.

+ Nhìn tên con vật GV viết trên bảng.

+ Nghe GV giới thiệu vần mới.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu tiếng mới: *chuồn/ vượn*.

+ Nghe GV phân tích các phần của tiếng *chuồn, vượn* (âm đầu *ch*, vần *uôn*, thanh huyền; âm đầu *v*, vần *ươn*, thanh nặng) giới thiệu các âm trong mỗi vần: *uôn* gồm *uô* và *n*, *ươn* gồm *ươ* và *n*.

■ Đọc tiếng ***chuồn, vượn***:

– *Cả lớp*:

+ Đọc vần: *uôn*.

+ Đánh vần: *chờ – uôn – chuôn – huyền – chuồn*.

+ Đọc trơn: *chuồn*.

+ Đọc tiếng *vượn* tương tự như đọc tiếng *chuồn*.

b) Tạo tiếng mới.

– *Cả lớp:*

+ 2 – 3 HS ghép tiếng *muộn* (theo mẫu). Đọc trơn tiếng.

m	uôn	.	muộn

Bài 8E uôn ươn

1 Nghe – nói

Đố bạn: Đây là con gì?







2 Đọc

a

chuồn chuồn

ch	uôn

chuồn

con vượn

v	ươn

vượn

b

m	uôn	.	muộn
b	uôn	\	
l	uôn		

l	ươn	.	
m	ươn	.	
v	ươn	\	

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Cậu bé vươn vai.



Gió cuốn lá khô.

3 Viết

uôn ươn chuồn vượn

4 Đọc



Chơi với chuồn chuồn

Bãi cỏ sau nhà bà có nhiều chuồn chuồn bay lượn. Con màu đỏ bay trên cao. Con màu nâu bay đi bay lại rồi đậu ở bờ rào. Bé Thảo và bạn đuổi theo lũ chuồn chuồn, vui ơi là vui.

? *Khi đuổi theo chuồn chuồn, bé Thảo thấy thế nào?*

89

+ 2 – 3 lượt 5 HS ghép nối tiếp trước lớp các tiếng còn lại. Đọc trơn các tiếng ghép được.

+ Đọc đồng thanh.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân:*

+ Nhìn hình minh hoạ trong SHS. Nghe GV nói việc làm trong hình.

+ Đọc các câu dưới hình.

– *Cặp/nhóm*: Đọc nối tiếp (truyền điện) các câu.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu cách viết *uôn, ươn*; độ cao của vần, chữ *h*, cách nối các nét ở chữ *chuồn, vượn*; cách đặt dấu huyền trên chữ *ô* và dấu nặng dưới chữ *ơ*.

+ Nhìn GV viết mẫu trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những HS viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Chơi với chuồn chuồn**.*

a) Quan sát tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc tên đoạn.

– *Cá nhân:* Nói trước lớp những điều em thấy trong tranh.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:* Nghe bản ghi âm giọng đọc cả đoạn 1 lần (nếu có).

– *Nhóm:* Đọc nối tiếp câu.

– *Cá nhân:* 2 – 3 HS đọc cả đoạn trước lớp.

b) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu câu hỏi: *Khi đuổi theo chuồn chuồn, bé Thảo thấy thế nào?*

– *Cá nhân:* 2 – 3 HS trả lời câu hỏi đọc hiểu (bé Thảo thấy vui).

– *Cả lớp:* Nghe bạn và GV nhận xét các câu trả lời.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tuần 8 Tập viết

Mục tiêu

- Biết viết tổ hợp chữ ghi vần: *ă, an, ăn, ân, on, ôn, ơn, en, ên, un, in, iên, yên, uôn, ươn.*
- Biết viết từ ngữ: *bàn, cái chăn, cái cân, con sên, bốn, sơn ca, dế mèn, đèn pin, con giun, biển, yến, chuồn, vượn.*

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt, kiểu chữ viết thường.
- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường, thẻ từ: *ă, an, ăn, ân, on, ôn, ơn, en, ên, un, in, iên, yên, uôn, ươn, bàn, cái chăn, cái cân, con sên, bốn, sơn ca, dế mèn, đèn pin, con giun, biển, yến, chuồn, vượn.* Ví dụ:



- Tranh ảnh: *chăn, cân, giun, yến, số 4, sơn ca, đèn pin, con vượn, chuồn chuồn.*
- *Tập viết 1*, tập một; bút mực cho HS.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Chơi trò Ai nhanh hơn?

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách chơi (tương tự như ở các bài trước).

– *Cá nhân:* Từng HS thực hiện trò chơi theo HD của GV.

GV sắp xếp các thẻ chữ theo trật tự trong bài học và dán các thẻ từ vào dưới hình trên bảng lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Nhận diện các tổ hợp chữ cái ghi vần.

Cả lớp: Nghe GV đọc từng chữ và nhìn vào thẻ chữ GV chỉ rồi đọc theo: *ă, an, ăn, ân, on, ôn, ơn, en, ên, un, in, iên, yên, uôn, ươn.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết chữ ghi vần.

– *Cả lớp:* Nghe GV làm mẫu, HD viết từng chữ ghi vần *ă, an, ăn, ân, on, ôn, ơn, en, ên, un, in, iên, yên, uôn, ươn* (mỗi vần viết 1 – 2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng vần.

* *Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Viết từ, từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ, từ ngữ và làm mẫu; theo dõi GV hướng dẫn viết từng từ, từ ngữ: *bàn, cái chăn, cái cân, con sên, bốn, sơn ca, dế mèn, đèn pin, con giun, biển, yến, chuồn, vượn.* (mỗi từ ngữ viết 1 – 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ ngữ.

– *Cả lớp*:

+ Xem bài viết của các bạn do GV chọn. Nghe GV nhận xét bài viết đã chọn.

+ Nghe GV HD viết ở phần tự chọn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 9A

Ôn tập

an ăn ân on ôn ơn
en ên un in iên yên uôn ươn

Mục tiêu

- Đọc đúng các vần *an, ăn, ân, on, ôn, ơn, en, ên, un, in iên, yên, uôn, ươn* và các tiếng, từ ngữ chứa vần đã học.
- Viết đúng: *con suối, uốn lượn*.
- Biết nói về cảnh vật trong "Khu vườn thân thiện"; nghe kể chuyện *Khỉ và rùa* và trả lời câu hỏi.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình… về các con vật, cây cối, đồ vật và về các HĐ để giúp HS hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài ôn tập.
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ, ở HĐ2.
- Mẫu chữ phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm HD HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



2 Đọc

Đọc vần, tiếng, từ ngữ.

Vần	an	ăn	ân	on	ôn	ơn	un
Tiếng	bàn	lăn	bận	tròn	trộn	sơn	phun

Vần	en	ên	in	iên	yên	uôn	ươn
Tiếng	kèn	trên	chín	chiên	yến	uốn	lượn

Vần	iên	uôn	ươn
Tiếng	biển	cuộn	vượn
Từ ngữ	biển cả	cuộn dây	con vượn

90

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Nghe – nói

Nói về khu vườn trong tranh.

– *Cả lớp:* Quan sát tranh và cho biết các con vật được vẽ trong tranh.

– *Cặp:* Đọc các từ ngữ có trong bức tranh.

– *Nhóm:*

+ Nêu/giới thiệu nội dung tranh trước nhóm/ trước lớp.

+ Tìm tiếng chứa các vần có âm cuối *n*.

2. Đọc

Đọc vần, tiếng, từ ngữ.

– *Cá nhân:*

Đọc vần, tiếng theo yêu cầu trong bảng 1 và bảng 2; vần, tiếng, từ ngữ trong bảng 3.

VD: *on – bòn,...; en – kèn,...; iên – biển – biển cả,...*

– *Nhóm/cả lớp:*

+ Từng em đọc vần, tiếng, từ ngữ trong 3 bảng.

+ Các bạn (hoặc GV) nhận xét/góp ý đọc đã đúng hay chưa.

(Có thể cho các nhóm tổ chức trò chơi tìm tiếng chứa vần có âm cuối n theo hình thức "tiếp sức".)

3. Viết

– *Cả lớp:* Nghe GV HD thực hiện nhiệm vụ: viết từ ngữ (*con suối, uốn lượn*) đúng kiểu và cỡ chữ theo yêu cầu.

– *Cá nhân:* HS viết trên bảng con (hoặc viết vở): *con suối, uốn lượn*.

– *Cả lớp*:

+ Nghe GV HD nhận xét bài viết của các bạn viết trên bảng con.

+ Nghe GV nhận xét chung.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

3 **Viết**

con suối uốn lượn

4 **Nghe – nói**

Kể chuyện.

Vì sao mai rùa có nhiều vết rạn?



1. Khỉ mời rùa đi đâu?



2. Khỉ nghĩ ra cách gì để đưa rùa lên nhà chơi?



3. Chuyện gì xảy ra khi rùa mở miệng chào vợ khỉ?

91

4. Nghe – nói

Nghe kể câu chuyện *Vì sao mai rùa có nhiều vết rạn?* và trả lời câu hỏi.

a) Quan sát tranh và đoán nội dung câu chuyện.

– *Nhóm:* Hỏi – đáp về các bức tranh.

+ *Mỗi bức tranh vẽ gì?*

+ *Đoán sự việc trong mỗi tranh.*

+ *Đọc tên câu chuyện và đoán nội dung câu chuyện.*

b) Nghe kể chuyện và trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV kể câu chuyện (lần 1), kết hợp nhìn tranh.

+ Tập kể theo/kể cùng GV khi nghe GV kể chuyện (lần 2).

+ Trả lời từng câu hỏi về nội dung câu chuyện.

Văn bản kể chuyện

Vì sao mai rùa có nhiều vết rạn?

1. Rùa và khỉ chơi thân với nhau. Một hôm, khỉ mời rùa lên nhà mình chơi. Rùa vui vẻ nhận lời.

2. Nhà khỉ ở trên cây cao, khỉ bảo rùa: "Bác cứ ngậm chặt đuôi tôi. Tôi lên đến đâu, bác lên đến đó.

3. Rùa làm theo lời khỉ, Thoắt một cái, khỉ đã trèo gần đến nhà. Vợ khỉ trông thấy rùa liền đon đả chào. Rùa liền đáp lại. Vừa mở miệng ra để nói thì rùa rơi bịch xuống đất. Cái mai rùa bị rạn nứt. Ngày nay trên mai rùa vẫn còn những vết rạn nứt ngày ấy.

(*Theo* Các-men và Pha-bi-ô Pi-e-ri-ni)

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 9B Ôn tập giữa Học kì I

Mục tiêu

- Đọc trơn từ, câu, đoạn ngắn chứa các chữ cái, tổ hợp chữ cái ghi âm, chứa các vần kết thúc là *i* hoặc *y*, *o* hoặc *u*, *n*. Củng cố cách ghép tiếng và đọc tiếng.
- Đọc và hiểu nghĩa của từ, câu, hiểu bài đọc dựa trên câu hỏi gợi ý.
- Nghe kể câu chuyện *Ai đáng khen?* và trả lời câu hỏi.

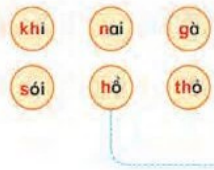
Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bàn cờ cho HS chơi cờ ở HĐ1a.
- Bảng ôn các vần ở HĐ1.b, HĐ1.c.
- Tranh phóng to câu chuyện *Ai đáng khen*? ở HĐ3.
- 10 thẻ từ để học ở HĐ1.g.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một.*

Bài 9B Ôn tập giữa Học kì I

1 Đọc

a) Nhìn chữ đầu của quân cờ. Đặt quân cờ vào ô có chữ đó trên bàn cờ.



h	th	kh
n	s	g

b) Tạo tiếng.

	a	u	ư	o	ô	ơ	i	e	ê
g	gà	gụ	gừ						
gh							ghi		
ng	ngã	ngủ	ngừ						
ngh							nghĩ		

c) Đọc vần, tiếng.

A

Vần	ao	eo	au	âu	iu	iêu
Tiếng	cáo	mèo	rau	trâu	xíu	chiều

B

Vần	an	ăn	on	ôn	en	un
Tiếng	lan	chăn	nón	tôn	kèn	bún

92

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Đọc

a) Luyện đọc các từ chứa âm đầu đã học.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi: Đọc từ trên quân cờ, đọc chữ trên bàn cờ, nhặt từng quân cờ, chọn ô bàn cờ có chữ màu đỏ giống chữ màu đỏ trên quân cờ và đặt quân cờ vào ô đó.

– *Nhóm:* HS chơi trong nhóm.

– *Cả lớp:* HS xem kết quả chơi của nhóm khác. Nghe GV xác nhận kết quả chơi của từng nhóm.

b) Tạo tiếng.

Cả lớp:

– Nghe GV làm mẫu: Ghép chữ ở từng dòng ngang với từng chữ ở cột dọc để tạo tiếp. VD: *gà, gu,...*

– Từng HS ghép mỗi tiếng ở trong các ô trống.

c) Đọc vần, tiếng.

– *Nhóm:*

+ Mỗi HS đọc 3 vần và 3 tiếng theo hàng dọc trong bảng, tự sửa lỗi (nếu có). VD: ao – cáo, eo – mèo, au – rau,...

+ Thi đọc vần, tiếng giữa các nhóm (mỗi nhóm 1 HS thi) và chọn nhóm thắng cuộc.

d) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu nội dung của 3 tranh, 3 câu: *Bố pha trà./ Bà đưa mía cho bé./ Mẹ có đĩa cá kho.*

– *Nhóm:*

+ Mỗi HS đọc 1 câu.

+ Thi đọc 3 câu giữa các nhóm.

e) Đọc câu chuyện.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc mẫu và nhìn vào tranh trong SHS câu chuyện *Gà lôi và sói.*

+ Nghe GV hướng dẫn cách đọc: đọc rõ từ, ngắt hơi ở dấu phẩy, nghỉ hơi ở dấu chấm kết thúc câu.

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

d) Đọc câu.



Mẹ có đĩa cá kho.



Bố pha trà.



Bà đưa mía cho bé.

e) Đọc câu chuyện.

Gà lôi và sói



Mẹ mới dạy gà lôi bay. Bữa nay, gà lôi bay đi chơi. Thấy thế, sói dụ dỗ:

– Gà lôi đi với tôi. Tôi chỉ chỗ có mồi cho.

– Thế à! Sói cho gà lôi đi với!

Thấy sói cười, gà lôi sợ. Nó nhớ lời mẹ: "Sói là kẻ thù của họ nhà gà". Nó vội bay về với mẹ.

? *Mẹ đã nói gì với gà lôi?*

93

g) Đưa hàng vào đúng toa tàu.



đá xẻ	mía	bưởi	da bò	nứa
củi	lúa	khế	quả tươi	sữa

h) Chọn từ cho ô trống trong câu.

hái | xẻ | cưỡi



Thợ ■ gỗ.



Cô Ba ■ bưởi.



Chú hề ■ ngựa.

i) Đọc từ: Hà Nội, Lai Châu, Gia Lai.

94

+ Mỗi HS đọc một câu cho đến hết bài rồi quay vòng cho tất cả HS đều đọc câu.

– *Cá nhân:*

+ Đọc từng câu trong SHS.

+ Thi đọc đúng giữa các cá nhân tham dự cuộc thi *Bắt thăm* để đọc câu.

+ Nghe GV nêu câu hỏi, từng HS đọc lại câu chuyện và trả lời câu hỏi.

+ Nghe GV nhận xét bài đọc và câu trả lời của từng HS.

+ 1 HS khá đọc cả câu chuyện.

g) Chơi trò chơi để ôn các chữ cái và tổ hợp chữ cái ghi âm.

Cả lớp:

– Nghe GV hướng dẫn cách chơi: *Mỗi HS cầm thẻ từ và đọc từ, chỉ vào chữ cái mở đầu từ và đọc chữ cái, chọn toa tàu có ghi chữ cái giống chữ cái mở đầu từ trong thẻ để đặt thẻ vào toa đó.*

– HS thi làm trên bảng lớp.

h) Đọc hiểu câu.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu nội dung của 3 tranh: thợ xẻ gỗ, cô hái bưởi, chú hề cưỡi ngựa.

+ Nghe GV nêu cách làm: Đọc các từ đã cho, chọn từ cho mỗi chỗ trống ở từng câu rồi đọc câu đã đủ từ.

– *Nhóm:*

+ Cùng đọc từng từ, từng câu còn trống từ. Chơi chọn từ cho từng câu (*Thợ xẻ gỗ / Cô Ba hái bưởi / Chú hề cưỡi ngựa.*)

+ Mỗi HS đọc 1 câu.

+ Thi đọc 3 câu giữa các nhóm.

i) Đọc các tên riêng viết hoa.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc mẫu các tên riêng.

+ Nghe GV giới thiệu: *Đây là tên của các tỉnh, thành phố ở nước ta.*

– *Cá nhân:*

+ Tự đọc 3 tên riêng: *Hà Nội, Lai Châu, Gia Lai.*

+ Thi đọc 3 tên riêng trước lớp.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

2. Viết

a) Viết một số vần, từ ngữ ở vở *Tập viết 1* tuần 9

b) Viết một câu đã hoàn thành ở hoạt động 1.h.

– *Cả lớp:*

Nghe GV nêu cách làm: Đọc lại 3 câu ở HĐ1.h. Chọn một câu tuỳ ý. Viết câu đã chọn vào vở. Chữ cái đầu câu viết hoa theo mẫu GV viết trên bảng. Ghi dấu chấm cuối câu. (*Lưu ý:* HS có thể chưa viết hoa.)

– *Cá nhân:*

+ Đọc lại 3 câu ở HĐ1.h và chọn 1 câu.

+ Viết câu đã chọn vào vở ghi: Đọc nhẩm từng tiếng rồi chép lại. Có thể viết hoa chữ cái đầu câu theo mẫu. Ghi dấu chấm cuối câu. Đọc lại câu đã viết để soát lỗi (*Lưu ý:* HS không viết hoa cũng được.)

+ Đổi bài cho bạn để soát và sửa lỗi.

+ Nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Nghe – nói

Nghe kể chuyện và trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV kể câu chuyện qua từng tranh.

Ai đáng khen?

1. *Cuối tuần, cô giáo dặn: "Mỗi bạn trong lớp 1B sẽ làm một việc tốt ở nơi mình đang sống".*
2. *Đầu tuần sau, bạn Du kể lại việc mình đã xách túi giúp một cụ già ra bến xe.*
3. *Đến lượt Độ, bạn ngập ngừng kể lại việc mình đã trông em và gấp quần áo giúp bố mẹ khi bố mẹ bận việc. Cô giáo nói với Độ: "Em ngoan lắm. Em trông em giúp bố mẹ là em đã làm việc tốt rồi.". Cô hỏi cả lớp: "Ai đáng khen?".*

– 3 – 4 HS chỉ vào tranh nói tên nhân vật.

– Một số HS trả lời câu hỏi GV nêu để kể theo từng tranh:

+ Chỉ vào tranh 1 và trả lời câu hỏi: *Cô giáo dặn các bạn lớp 1B làm việc gì?*

+ Chỉ vào tranh 2 và trả lời câu hỏi: *Bạn Du làm việc gì tốt?*

+ Chỉ vào tranh 3 và trả lời câu hỏi: *Vì sao bạn Độ được thưởng?*

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.



CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tuần 9

Tập viết

Mục tiêu

- Ôn cách viết tổ hợp chữ ghi vần: *ay, ây, ôi, ơi, ao, eo, iu, ui, ưi, un, uôn, ươn, uôi.*
- Biết viết từ ngữ: *vở, tủ, nôi, quả dừa, cây tre, nhảy dây, đuổi muỗi, vườn rau, con suối, uốn lượn.*

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường.
- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường, thẻ từ ngữ: *ay, ây, ôi, ơi, ao, eo, iu, ưi, ui, un, uôn, ươn, uôi, vở, tủ, nôi, quả dừa, cây tre, nhảy dây, vườn rau, con suối, uốn lượn, đuổi muỗi.*
- VD:

uôn *uôn*

- Tranh ảnh: *vở, tủ, nôi, quả dừa, cây tre, nhảy dây, đuổi muỗi, con suối, uốn lượn.*
- Những mảnh giấy nhỏ làm phiếu bầu bài viết tốt.
- *Tập viết 1*, tập một; bút chì cho HS.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Chơi trò Gọi thuyền.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi: Một bạn cầm thẻ từ và thẻ chữ đi phân phát cho một số bạn cho đến hết thẻ (mỗi bạn được phát 1 thẻ). Mỗi bạn có thẻ, đặt thẻ lên trước mặt. Một bạn làm chủ trò đứng trên bảng gọi từng bạn theo mẫu:

+ *(Chủ trò) Gọi thuyền, gọi thuyền!*

+ *(Cả lớp) Thuyền ai, thuyền ai?*

+ *(Chủ trò) Thuyền … (tên một bạn có thẻ), thuyền …*

+ *(Cả lớp) Thuyền … chở gì?*

+ *(Bạn có thẻ) Thuyền … chở …* (đọc chữ ghi vần hoặc đọc từ ngữ có trong thẻ của mình).

– *Cá nhân:* Từng HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của chủ trò và GV.

GV sắp xếp các thẻ chữ theo trật tự trong bài viết và dán các thẻ từ vào dưới hình trên bảng lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ2. Viết các tổ hợp chữ cái ghi vần.

– *Cả lớp:* Nghe GV làm mẫu, hướng dẫn viết từng chữ ghi vần: *ay, ây, ôi, ơi, ao, eo, ui, ưi, un, iu, uôn, ươn, uôi* (mỗi vần viết 2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ);

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng vần. Nghe GV nhận xét bài của mình hoặc của bạn.

* *Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3. Viết từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ, từ ngữ và làm mẫu, hướng dẫn viết từng từ, từ ngữ: *vở, tủ, nôi, quả dừa, cây tre, nhảy dây, đuổi muỗi, vườn rau, con suối, uốn lượn* (mỗi từ ngữ viết 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ, từ ngữ.

– *Cả lớp:* Xem bài viết của các bạn trong lớp ở triển lãm bài viết. Bầu chọn một bài viết tốt nhất (viết tên bạn có bài viết tốt vào phiếu bầu rồi bỏ phiếu). Nghe GV nhận xét bài viết đã bầu chọn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

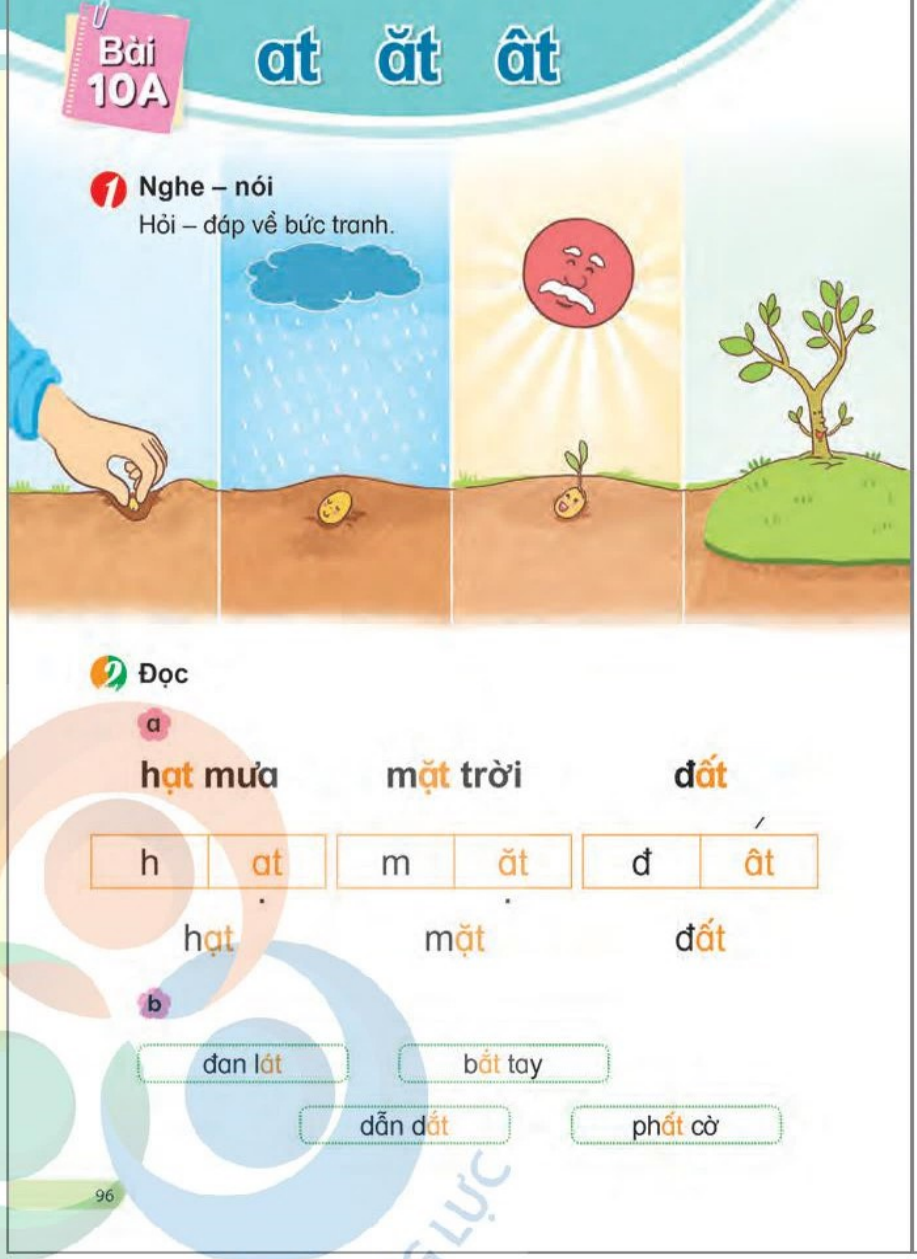
Bài 10A at ăt ât

Mục tiêu

- Đọc vần *at, ăt, ât* và tiếng hoặc từ chứa vần *at* hoặc *ăt, ât*. Bước đầu đọc trơn được đoạn đọc có tiếng, từ chứa vần đã học và mới học. Đọc hiểu từ ngữ, câu; trả lời được các câu hỏi đọc hiểu đoạn *Hạt đỗ*.
- Viết đúng vần *at, ăt, ât* và tiếng/từ chứa vần *at* hoặc *ăt, ât* trên bảng con và vở ô li.
- Biết trao đổi, thảo luận về quá trình phát triển của cây cối (theo tranh ở HĐ1).

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh trong SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình... về quá trình sinh trưởng, phát triển của cây cối; con rối/mặt nạ để đóng vai trong đoạn đọc *Hạt đỗ*.
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ, câu.
- Mẫu chữ phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm HD HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp/ nhóm:* Tự đặt câu hỏi và trả lời. VD: *Tranh vẽ những gì?/Bức tranh muốn nói điều gì?* (Gợi ý để HS nói được: Tranh vẽ muốn nói rằng: Muốn có cây cối, phải gieo **hạt** xuống **đất** – hạt sẽ nảy mầm, tắm mưa, đón ánh nắng **mặt** trời và lớn lên, ra hoa, đậu quả,...)

– *Cả lớp*: Nghe GV giới thiệu các vần mới của bài 10A; quan sát các vần *at, ăt, ât* được GV viết hoặc gắn thẻ từ trên bảng/ chiếu trên màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

– *Cả lớp:* Chỉ *hạt mưa, mặt trời, đất* trong tranh ở HĐ1. Đọc tên 3 sự vật theo HD của GV.

■ Học vần ***at***:

+ Đọc từ ngữ *hạt mưa* (đồng thanh/ nhóm/cá nhân). Nghe GV phân tích cấu tạo của tiếng *hạt*: gồm âm đầu *h* và vần *at* thanh nặng; phân tích cấu tạo vần *at*; đánh vần: *a – tờ – át*; đọc trơn: *at*.

+ Đánh vần tiếng: *hờ – at – hát – nặng – hạt*; đọc trơn tiếng: *hạt*.

+ Luyện đọc cá nhân, nhóm: đánh vần đọc trơn, vần và tiếng.

■ Học vần ***ăt, ât***:

– *Nhóm:* Tự tìm hiểu vần và tiếng chứa vần *ăt* hoặc *ât* dựa theo cách học vần *at*, hoặc theo cách HD phát huy sự suy đoán của HS. (GV hỗ trợ các HS hoặc các nhóm có HS học yếu học các vần có tiếng chứa vần *ăt* hoặc *ât*.)

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giao nhiệm vụ: đọc tiếng, từ ngữ trong từng ô chữ, tìm tiếng chứa vần *at, ắt, ất*.

+ Quan sát GV làm mẫu: đọc từ *đan lát*, tìm tiếng chứa vần *at*: *lát*.

– *Nhóm/cặp:*

+ Từng cá nhân đọc 3 từ ngữ còn lại.

+ Tìm tiếng chứa vần *ăt, ât* trong các tiếng đã đọc (*bắt, dắt, phất*).

– *Cả lớp:*

+ Đại diện 1 – 2 nhóm/cặp đọc 3 từ ngữ trước lớp.

+ Thi gắn nhanh vần *ăt, ât dưới 3 tiếng*.

c

at | ăt | ât





ca h[á] đấu v[ật] t[ắt] ti vi

3 Viết

at ăt ât đất

4 Đọc

Hạt đỗ

Hạt dỗ ngủ dưới đất, thấy ai vỗ nhẹ, liền hỏi:

– Ai đấy?

– Cô mưa đây! Cháu thấy mát chứ ?

– Dạ, rất mát ạ.

Nghe thấy "rì rào", hạt dỗ lại hỏi:

– Ai đó?

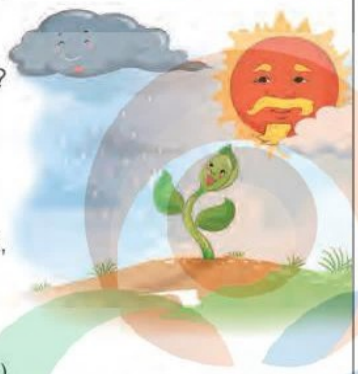
– Chị gió đây! Dậy đi!

Hạt dỗ vươn vai... Nó thấy chói mắt, liền kêu:

– Ôi! Mặt trời!

Nó đã là cây đỗ non.

(*Theo* Nhật Linh)



? *Hạt dỗ đã là cây đỗ non khi nhìn thấy ai?*

a. *cô mưa* b. *chị gió* c. *mặt trời*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Nhóm:*

+ Quan sát 3 tranh, nói nội dung từng tranh (trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?*).

+ Đọc yêu cầu của HĐ, dựa vào tranh để tìm vần *at* hoặc *ăt, ât* phù hợp với mỗi chỗ trống ở từ ngữ chưa hoàn thành.

+ Thống nhất cách lựa chọn.

– *Cả lớp:* Thi chọn vần thích hợp với chỗ trống.

+ Đại diện 1 – 2 nhóm sửa bài trước lớp (nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong SHS phóng to): điền vần thích hợp vào chỗ trống để tạo thành từ ngữ nêu nội dung tranh). Tranh 1: *ca hát*, tranh 2: *đấu vật*, tranh 3: *tắt ti vi*.

+ Cả lớp nhận xét, đối chiếu kết quả.

+ Tìm tiếng chứa vần mới học trong mỗi từ ngữ.

+ Phân tích cấu tạo và đọc trơn các tiếng chứa vần mới học (*at, ăt, ât*).

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* Nghe và quan sát GV HD viết các vần: *at, ăt, ât*; từ *đất*.

– *Cá nhân:*

+ Quan sát chữ mẫu trên bảng lớp.

+ Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho các bạn viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu đoạn ***Hạt đỗ****.*

a) Quan sát tranh và đoán nội dung đoạn.

– *Cả lớp:*

+ Nói tên, tả HĐ của các nhân vật trong tranh.

+ Đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc đoạn trước lớp và đọc theo HD của GV.

+ *Cặp/nhóm:* Luyện đọc nối tiếp từng câu và cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân:* Đọc và trả lời câu hỏi cuối đoạn.

– *Cặp/nhóm:*

+ Một em đọc câu hỏi; một em trả lời sau đó đổi vai.

+ Nhận xét câu trả lời của nhau và thống nhất câu trả lời đúng.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 10B ot ôt ơt

Mục tiêu

- Đọc vần *ot, ôt, ơt*; tiếng hoặc từ chứa vần *ot* hoặc *ôt, ơt*. Bước đầu đọc trơn được đoạn đọc ngắn có tiếng/từ chứa vần đã học và mới học. Hiểu từ ngữ, câu; trả lời được các câu hỏi đọc hiểu đoạn *Hai cây táo*.
- Viết được vần *ot, ôt, ơt* và tiếng/từ chứa các vần đó trên bảng con và vở ô li.
- Biết trao đổi, thảo luận để tìm lời giải cho 3 câu đố ở HĐ1.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh trong SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình… về hình ảnh *cây táo, chim gõ kiến, chim sơn ca*.
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ, câu.
- Mẫu chữ phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm HD HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Chơi đố vui

Cả lớp:

– Quan sát tranh, nói tên các vật trong tranh.

– Nghe GV đọc các câu đố, đoán sự vật được nói đến trong câu đố:

(1) *Quả gì nho nhỏ*
Chín đỏ như hoa
Tươi đẹp vườn nhà
Mà cay xé lưỡi.

(2) *Sừng sững mà*
đứng giữa nhà
Ai vào không hỏi
ai ra không chào.

(3) *Mình vàng lại thắt đai vàng*
Một mình làm sạch sửa sang cửa nhà.

– Khen các bạn đoán đúng và nhanh nhất. Thống nhất đáp án. Quan sát GV ghi tên các vật được nói đến trong câu đố (*quả ớt, cột nhà, chổi đót*).

– Nghe GV giới thiệu các tiếng có vần mới của bài 10B (*đót, cột, ớt*); quan sát các vần *ot, ôt, ơt* trên bảng lớp/màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV giải thích về chiếc chổi đót. Đọc các từ ngữ mới theo HD của GV.

■ Học vần ***ot***:

+ Đọc tiếng *đót* (đồng thanh/nhóm/cá nhân).

+ Nghe GV phân tích cấu tạo của tiếng *đót*: gồm âm đầu *đ*, vần *ot* và thanh sắc.

+ Phân tích cấu tạo vần *ot* và đánh vần: *o – tờ – ót*, đọc trơn: *ot*.

+ Đánh vần tiếng: *đờ – ót – đót – sắc – đót*; đọc trơn tiếng: *đót*; đọc trơn từ: *chổi đót*.

+ Luyện đọc cá nhân, nhóm: Đánh vần và đọc trơn vần, tiếng.

■ Học vần ***ôt, ơt***:

– *Nhóm:* Tìm hiểu vần *ôt, ơt* và tiếng chứa vần *ôt* hoặc *ơt* dựa theo cách học vần *ot* hoặc theo HD của GV. GV trực tiếp hỗ trợ HS học yếu học các vần và tiếng có vần *ôt* hoặc *ot*.

b) Đọc tiếng từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giao nhiệm vụ: Đọc tiếng, từ ngữ trong từng ô chữ chứa vần *ot, ôt, ơt*.

+ Quan sát GV làm mẫu: đọc từ ngữ *rau ngót*, tìm từ, tiếng chứa vần *ót* → *ngót*.

– *Nhóm/cặp:*

+ Từng cá nhân đọc 3 từ ngữ còn lại.

+ Tìm tiếng chứa vần *ot, ót* trong những tiếng *bốt, rốt, vợt*.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c ot ôt





Sơn ca hí líu lo.

Bé bị sổ.

3 Viết

ot ôt ơt quả ớt

4 Đọc



Hai cây táo

Cây táo già bị héo lá. Cây táo non nhờ sơn ca đi mời gõ kiến đến cứu. Sơn ca thôi hót, hót hải bay đi.

Gõ kiến nghe sơn ca kể, liền đến ngay. Nó lấy mỏ nhọn gõ vào thân cây táo già, lôi ra mấy con sâu béo ú. Thế là cây táo già tươi tốt trở lại.

? *Nhờ đâu cây táo già tươi tốt trở lại?*

99

– *Cả lớp*:
  + Đại diện 1 – 2 nhóm/cặp đọc các từ ngữ trước lớp.
  + Thi gắn nhanh vần *ót, ốt, ơt.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân/cặp:*
  + Quan sát 2 tranh, nêu nội dung từng tranh (trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?*).
  + Đọc 2 câu còn khuyết (thiếu) vần. Dựa vào tranh để chọn vần phù hợp với chỗ trống trong mỗi câu.
  + Thống nhất cách lựa chọn với các bạn.
– *Cả lớp:* HS chữa bài chung cả lớp theo HD của GV:
  + Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài trước lớp. (Nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong SHS phóng to: điền vần vào chỗ trống trong mỗi câu, ghép câu với tranh thích hợp.)
  + Tìm tiếng chứa vần mới học trong mỗi câu.
  + Phân tích cấu tạo và đọc trơn các tiếng chứa vần mới học (*ot, ôt*).

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* Nghe và quan sát GV HD viết các vần *ot, ôt, ơt* và từ *quả ớt*.
– *Cá nhân:*
  + Quan sát chữ mẫu trên bảng lớp.
  + Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho các bạn viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Hai cây táo**.*

a) Quan sát tranh và đoán nội dung đoạn.

– *Cả lớp:*
  + Nói tên các vật trong tranh (VD: cây táo già, cây táo non, chim gõ kiến,...).
  + Tả đặc điểm/hoạt động của cây cối, con vật.
  + Đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:*
  + Nghe GV đọc đoạn trước lớp và đọc theo HD của GV.
  + *Cặp/nhóm:* Luyện đọc nối tiếp từng câu và cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

– *Cặp/nhóm:*
  + Một em đọc câu hỏi cuối đoạn, một em trả lời, sau đó đổi vai.
  + Nhận xét câu trả lời của nhau và thống nhất câu trả lời đúng.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 10C et êt it

Mục tiêu

- Đọc vần *et, êt, it*; tiếng hoặc từ chứa vần *et* hoặc *êt, it*. Bước đầu đọc trơn được đoạn ngắn có tiếng, từ chứa vần đã học và mới học. Hiểu từ ngữ, câu; trả lời được các câu hỏi đọc hiểu đoạn *Món thịt kho*.
- Viết đúng vần *et, êt, it* và tiếng/từ chứa vần *et* hoặc *êt, it*.
- Biết đóng vai các con vật trong tranh để trò chuyện (HĐ1).

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh trong SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình... về các nhân vật/sự vật trong tranh ảnh, đoạn.
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ, câu trong đoạn.
- Mẫu chữ phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm HD HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu yêu cầu hỏi – đáp về các con vật trong tranh.

– *Nhóm:*

+ Hỏi – đáp trong nhóm để tìm ra tên các con vật;

+ Đại diện nhóm trả lời đáp án.

– *Cả lớp:* Nghe GV chốt đáp án và giới thiệu các vần mới của bài 10C; quan sát các chữ *vẹt, rết, vịt* trên bảng lớp/màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

Cả lớp: Đọc tiếng mới theo HD của GV: *vẹt, rết, vịt.*

■ Học vần ***et***:

– Đọc tiếng *vẹt* (đồng thanh/nhóm/cá nhân).

– Nghe GV phân tích cấu tạo của tiếng *vẹt*: gồm âm đầu *v* và vần *et*, thanh nặng.

– Phân tích cấu tạo vần et, đánh vần: e – tờ – ét; đọc trơn: et.

– Đánh vần tiếng: vờ – ét – vét – nặng – vẹt; đọc trơn: vẹt.

– Luyện đọc cá nhân, cặp: đánh vần, đọc trơn vần và tiếng.

■ Học vần ***êt, it***:

Nhóm: Tìm hiểu vần *êt, it* và tiếng chứa vần *êt, it* dựa theo cách học vần *et* hoặc theo HD của GV. GV trực tiếp hỗ trợ HS học yếu học các vần và tiếng có vần *êt* hoặc *it*.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giao nhiệm vụ và quan sát GV hướng dẫn cách thực hiện.

+ Đọc các từ ngữ trong 4 ô chữ.

+ Tìm các tiếng chứa vần *et, êt, it.*

– *Nhóm/cá nhân:* Đọc từ ngữ, tìm tiếng chứa vần.

– *Cả lớp:* Một số HS lên bảng đọc trơn các từ ngữ trong ô chữ.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c

vịt trời | quà Tết



Đây là túi ■.



Đây là con ■.

3 Viết

et êt it vẹt

4 Đọc

Món thịt kho

Gần đến Tết, mẹ dạy Nga nấu món thịt kho. Mẹ bảo:

– Món này dễ nấu, con chịu khó để ý thì sẽ nấu ngon.

Lần đầu tiên, Nga để lửa to, thịt bị cháy khét. Mấy lần sau, món thịt kho của Nga dần ngon hơn. Mẹ khen Nga nấu ăn giỏi.



? *Lần đầu tiên, món thịt kho của Nga thế nào?*

101

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân/cặp:*

+ Quan sát 2 tranh, nói nội dung từng tranh (trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?*).

+ Đọc 2 câu còn khuyết (thiếu) từ ngữ. Dựa vào tranh để chọn từ ngữ trong khung phù hợp với chỗ trống trong mỗi câu.

+ Thống nhất cách lựa chọn từ ngữ với các bạn.

– *Cả lớp:* Chữa bài theo HD của GV:

+ Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài trước lớp (Nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong SHS phóng to: HS điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống trong mỗi câu, ghép câu với tranh thích hợp).

+ Tìm tiếng chứa vần mới học trong mỗi câu.

+ Phân tích cấu tạo và đọc trơn các tiếng chứa vần mới học (*êt, it*).

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* Nghe và quan sát GV HD viết các vần: *et, êt, it* và từ *vẹt*.

– *Cá nhân:*

+ Quan sát chữ mẫu trên bảng lớp.

+ Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp*: Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho các bạn viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu đoạn ***Món thịt kho***.

a) Quan sát tranh, đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn.

– *Cả lớp:* Quan sát tranh, đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp*:

+ Nghe GV đọc đoạn trước lớp và đọc theo HD của GV.

+ *Cặp/nhóm:* Luyện đọc nối tiếp từng câu và cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân:* Đọc câu hỏi và trả lời câu hỏi.

– *Cặp/nhóm:*

+ Một em đọc câu hỏi cuối đoạn, một em trả lời sau đó đổi vai.

+ Nhận xét câu trả lời của nhau và thống nhất câu trả lời đúng.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT

Bài 10D ut ưt iêt

Mục tiêu

- Đọc vần *ut* hoặc *ưt, iêt;* tiếng hoặc từ chứa vần *ut* hoặc *ưt, iêt*. Bước đầu đọc trơn được đoạn ngắn có tiếng, từ chứa vần đã học và mới học. Đọc hiểu từ ngữ, câu; trả lời được các câu hỏi đọc hiểu đoạn *Thả diều*.
- Viết đúng: *ut, ưt, iêt, viết*.
- Nói được các HĐ trong ngày Tết.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh trong SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình... về các HĐ, cảnh vật trong ngày Tết cổ truyền Việt Nam.
- Thẻ chữ (nếu có) để luyện đọc hiểu từ, câu.
- Mẫu chữ phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp/phần mềm HD HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Nhóm/cặp:* Tự đặt câu hỏi và trả lời. VD:

+ *Tranh vẽ những gì? Những cảnh vật đó thường thấy vào thời gian nào trong năm?*

+ Kể thêm những HĐ em biết trong ngày Tết ở gia đình hoặc địa phương. (HS cần nói được: Tranh vẽ các HĐ trong ngày Tết, có người cầm **bút** lông **viết** câu đối, có cửa hàng bán bánh, **mứt**, kẹo,...)

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu các vần *ut, ưt, iêt* của bài 10D được GV viết hoặc gắn thẻ từ trên bảng/chiếu trên màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:* Đọc tên 3 sự vật theo HD của GV (*cái bút, mứt Tết, viết chữ*).

■ Học vần ***ut***:

+ Nghe GV đọc tiếng *bút* và đọc theo (đồng thanh/nhóm/cá nhân).

+ Nghe GV phân tích cấu tạo của tiếng *bút*: gồm âm đầu *b*, vần *ut* và thanh sắc.

+ Phân tích cấu tạo vần *ut*, đánh vần: *u – tờ – út*; đọc trơn: *ut*.

+ Đánh vần tiếng: *bờ – ut – bút – sắc – bút*; đọc trơn: *bút*.

+ Luyện đọc cặp/nhóm: đánh vần, đọc trơn vần *út* và tiếng *bút*.

■ Học vần ***ưt***:

Nhóm: Tìm hiểu vần và tiếng chứa vần *ưt* theo HD của nhóm trưởng.

■ Học vần ***iêt***:

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV phân tích cấu tạo vần *iết*, cách ghép tiếng *viết*. GV hỗ trợ các HS hoặc các nhóm có HS học yếu học các vần và tiếng có vần *iêt*.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện..

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Suối chảy xiết.



Mưa như trút.

3 Viết

ut ưt iêt viết

4 Đọc



Thả diều

Hải và Việt chơi thả diều ở bờ đê. Diều no gió, bay cao vút... Hai bạn ngửa mặt nhìn diều, cười tít mắt. Tự nhiên, gió thổi ào ào, dây diều bị đứt. Diều rơi vào bụi cỏ. Bấy giờ, Hải và Việt mới biết: muốn diều bay lâu, dây diều phải bền.

? *Vì sao diều bị rơi?*

103

+ Đọc các từ ngữ trong 4 ô chữ.
+ Tìm tiếng chứa vần: *ut, ưt, iêt.*

– *Nhóm/cặp/cá nhân:* Đọc từ ngữ và tìm vần (*ut, ưt, iêt*).
– *Cả lớp:*
+ Một số em lên bảng đọc trơn các từ ngữ.
+ Một số em ghép tiếng chứa vần *ut, ưt, iêt.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách làm.
– *Cá nhân/cặp:*
+ Quan sát 2 tranh, nói nội dung từng tranh (trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?*).
+ Đọc các câu dưới tranh: *Suối chảy siết./ Mưa như trút.*
– *Cả lớp*:
+ Đại diện 1 – 2 nhóm đọc các câu trước lớp. (Nếu GV chuẩn bị được các bộ thẻ chữ và tranh trong SHS phóng to: HS ghép câu thích hợp với nội dung tranh.)
+ Tìm tiếng chứa vần mới học trong mỗi câu.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp*: Nghe và quan sát GV HD viết các vần *ut, ưt, iêt* và từ *viết.*
– *Cá nhân:*
+ Quan sát chữ mẫu trên bảng lớp.
+ Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp*: Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho các bạn viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu đoạn ***Thả diều.***

– *Cả lớp:*
+ Nói tên người trong tranh (VD: Hải và Việt).
+ Nói về hoạt động của hai bạn.
+ Đọc tên đoạn.
+ Nghe GV đọc đoạn và đọc theo HD của GV.
– *Cặp/nhóm:*
+ Luyện đọc nối tiếp từng câu và cả đoạn.
+ Một em đọc câu hỏi cuối đoạn, một em trả lời, sau đó đổi vai. VD:
Vì sao diều bị rơi? (vì dây diều bị đứt)
+ Thống nhất câu trả lời đúng.
– *Cả lớp:*
+ 1 HS đọc cả đoạn trước lớp.
+ Nghe GV hỏi lại câu hỏi cuối đoạn hoặc câu hỏi bổ sung (VD: *Trong câu chuyện có những nhân vật nào? Tên các nhân vật đó được viết thế nào?*...). Trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV.
+ Tìm các từ chứa vần *ut* hoặc *ưt, iêt* có trong đoạn.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

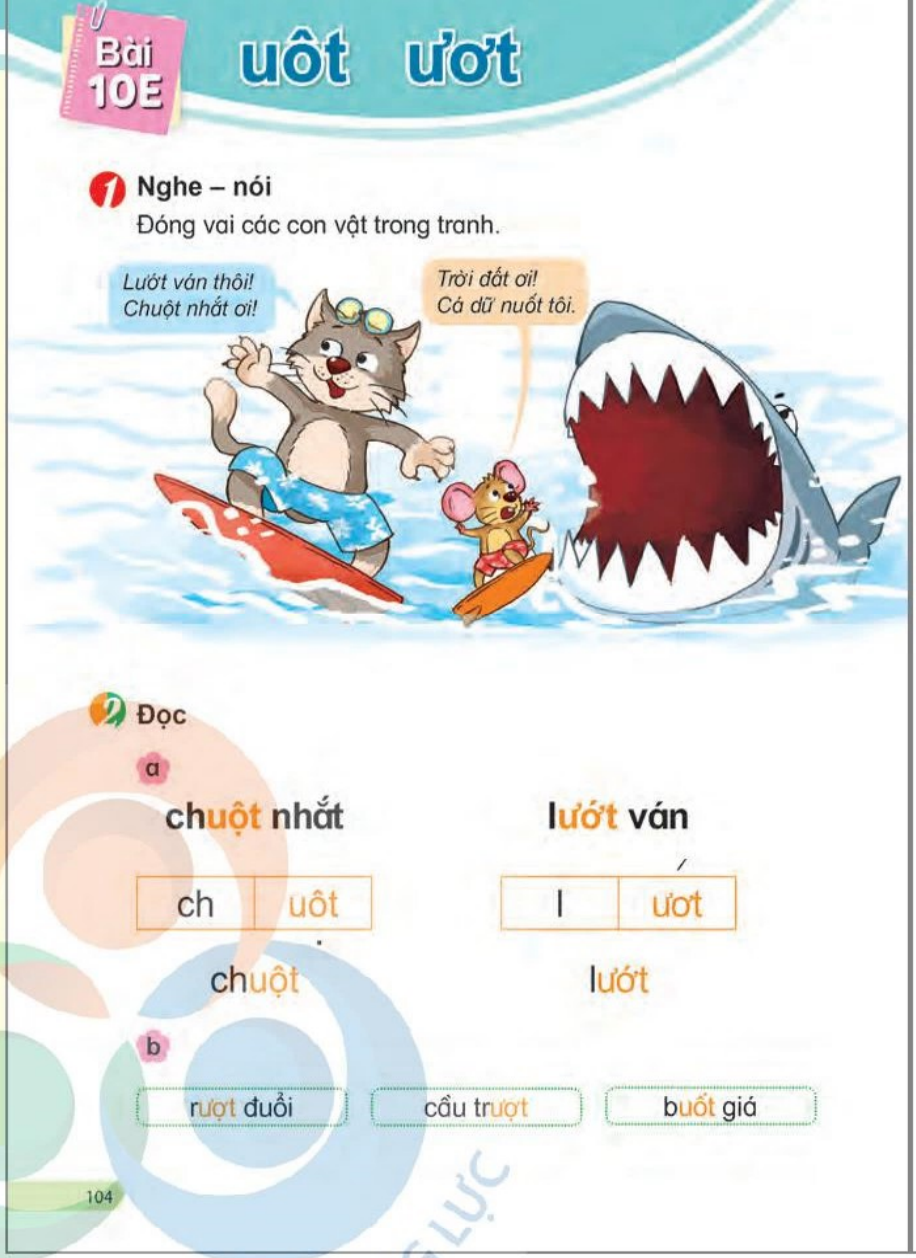
Bài 10E uôt ươt

Mục tiêu

- Đọc đúng vần *uôt, ươt;* các tiếng/từ chứa vần *uôt* hoặc *ươt*. Đọc trơn đoạn ngắn có tiếng/từ chứa vần mới học. Đọc hiểu từ ngữ, câu; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn *Lướt ván*.
- Viết đúng: *uôt, ươt, chuột, lướt*.
- Nói tên các sự vật, HĐ chứa vần *uôt* hoặc *ươt*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Thẻ chữ ghi âm/vần *uôt* hoặc *ươt* và các âm, tiếng chứa vần mới học; bảng nhóm.
- Đoạn video quay cảnh chuột và mèo đang lướt ván (khởi động); máy tuốt lúa đang HĐ; nhóm vận động viên thi chạy; một người chạy vượt lên; một số em nhỏ chơi trò chơi cầu trượt,... (hoặc tranh ảnh minh hoạ nếu không có video).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Cho HS xem đoạn phim hoạt hình (hoặc tranh vẽ) có lời đối thoại như SHS. Hỏi để HS kể tên và các HĐ của nhân vật trong đoạn phim vừa xem: *Trong phim có những nhân vật nào? (Mèo và chuột đang làm gì? Nói gì với nhau?)*

– *Nhóm:* HS đóng vai theo nhóm bàn (nói câu có tiếng: *nuốt, lướt, trượt,...* → từ khoá có vần *uôt, ươt*).
GV viết hoặc gắn thẻ từ trên bảng: *chuột, lướt*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

■ Học vần ***uôt***:
GV: Trong tiếng *chuột* có vần mới *uôt*: (GV gắn bảng thẻ từ có vần *uôt*) gồm *uô* và *t*; đánh vần: *uô – tờ – uốt*; đọc trơn: *uôt*.

– *Nhóm/cá nhân:* Đánh vần, đọc trơn: *uôt, chuột*.

■ Học vần ***ươt***:
GV: Trong tiếng *lướt* có vần *ươt* (GV gắn bảng thẻ từ có vần *ươt*). GV hỏi để HS so sánh 2 vần *uôt – ươt* có điểm gì giống nhau? (có âm *t* đứng cuối), khác nhau? (*uôt* có *uô* đứng trước, *ươt* có *ươ* đứng trước), *ươt* đánh vần: *ươ – tờ – ướt*, đọc trơn: *ươt*.

– *Nhóm/cá nhân:* Đọc trơn vần và tiếng.

– *Cả lớp:* GV cho HS đọc từ *chuột nhắt, lướt ván*, kết hợp giảng từ.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cá nhân:* Đọc 3 từ ngữ trong các ô chữ. Tìm tiếng chứa vần *uôt, ươt*.

– *Nhóm:* Tổ chức trò chơi *Thi ghép nhanh*.
+ Từng HS sử dụng các thẻ ghi âm đầu, vần, dấu thanh để ghép tiếng *rượt, trượt, buốt*. Bạn nào nhanh nhất là người thắng cuộc.

– *Cả lớp:* Đọc trơn các từ ngữ trong 3 ô chữ.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



tuốt lúa



vượt lên



suốt chỉ

3 Viết

uôt ươt chuột lướt

4 Đọc

Lướt ván

Chuột nhắt mê lướt ván. Nó đi ra bãi biển, mượn một cái ván trượt. Nó nhảy lên ván trượt và lao vút đi. Ván lướt như bay. Chuột nhắt cười tít mắt. Khi mở mắt ra, nó thấy một con cá dữ tợn lao tới. Sợ quá, nó lướt ván ra xa con cá dữ.

Thật hú vía!



? *Chuột nhắt sợ gì khi lướt ván?*

105

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Nhóm:*

+ Thi đọc từ ngữ phù hợp với tranh.

+ HS quan sát tranh và từ ngữ.

+ GV gọi 3 đội, mỗi đội có 1 thẻ chữ.

+ GV hỏi từng tranh, từng nhóm cử HS đọc từ ngữ đúng với tranh.

+ Nhóm đọc đúng và nhanh là nhóm thắng cuộc.

– *Cá nhân:* Đọc từng từ ngữ. GV có thể hỏi để HS nói hiểu biết của mình về máy tuốt lúa, thi chạy, suốt chỉ,... (nhìn tranh, xem video: máy tuốt lúa đang HĐ, nhóm vận động viên thi chạy, một người chạy vượt lên).

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu cách viết vần *uôt, ươt;* cách nối nét ở chữ *chuột, lướt.*

+ HS nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* HS nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những bạn viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét về viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu đoạn ***Lướt ván****.*

a) Quan sát tranh và đoán nội dung đoạn.

Cặp/nhóm: Xem tranh minh hoạ và nói về điều em thấy trong tranh. Đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cá nhân:*

+ Nghe GV đọc cả đoạn 1 lần, nhìn GV chỉ vào chữ.

+ Từng HS đọc từng câu.

– *Cặp:* Luyện đọc theo cặp: Đọc nối tiếp: Chia đoạn thành 2 phần, mỗi HS đọc một phần – phần 1: Từ đầu đến *tít mắt*; phần 2: còn lại (những HS khá, giỏi đọc cả 2 phần, những HS yếu chỉ cần đọc phần1).

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân:* Tự đọc câu hỏi (*Chuột nhắt sợ gì khi lướt ván?*) và trả lời câu hỏi cuối đoạn.

– *Nhóm/cặp:* 1 em đọc câu hỏi – 1 em trả lời, cùng nhận xét câu trả lời của bạn (GV hướng dẫn HS dựa vào nội dung đoạn và tranh vẽ gợi ý ở SHS để trả lời).

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tuần 10

Tập viết

Mục tiêu

- Biết viết tổ hợp chữ ghi vần: *at, ăt, ât, ot, ôt, ot, et, êt, it, ut, ưt, iêt, uôt, ươt*.
- Biết viết từ ngữ: *hạt mưa, trái đất, cái bút, con rết, mứt tết, chổi đót, cột nhà, quả ót, con vẹt, con vịt, viết chữ, chuột nhắt, lướt ván*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường.
- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường, thẻ từ: *at, ăt, ât, ot, ôt, ot, et, êt, it, ut, ưt, iêt, uôt, ươt, hạt mưa, trái đất, cái bút, con rết, mứt tết, chổi đót, cột nhà, quả ót, con vẹt, con vịt, viết chữ, chuột nhắt, lướt ván*.
- VD:

ăt ăt

cột nhà cột nhà

- Tranh ảnh: *trái đất, con rết, chổi đót, cột nhà, quả ót, con vẹt, con vịt, cái bút, viết chữ, chuột nhắt, lướt ván*.
- *Tập viết 1*, tập một; bút chì cho HS.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Chơi trò Bỏ thẻ.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách chơi (tương tự như ở các bài trước).

– *Cá nhân:* Từng HS thực hiện trò chơi theo HD của GV.

GV sắp xếp các thẻ chữ theo trật tự trong bài viết và dán các thẻ từ vào dưới hình trên bảng lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Nhận biết các tổ hợp chữ cái ghi vần.

Cả lớp: Nghe GV đọc từng chữ và nhìn vào thẻ chữ GV chỉ rồi đọc theo: *at, ăt, ât, ot, ôt, ơt, et, êt, it, ut, ưt, iêt, uôt, ươt.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết chữ ghi vần.

– *Cả lớp:* Nghe GV làm mẫu, HD viết từng chữ ghi vần: *at, ăt, ât, ot, ôt, ơt, et, êt, it, ut, ưt, iêt, uôt, ươt* (mỗi vần viết 1 – 2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ).

– Cá nhân: Thực hiện viết từng vần.

* *Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Viết từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ ngữ và làm mẫu, HD viết từng từ ngữ: *hạt mưa, trái đất, cái bút, con rết, mứt tết, chổi đót, cột nhà, quả ớt, con vẹt, con vịt, viết chữ, chuột nhắt, lướt ván,* (mỗi từ ngữ viết 1 – 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ ngữ.

– *Cả lớp:* Xem bài viết của các bạn do GV chọn. Nghe GV nhận xét bài viết đã chọn.

CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 11A

Ôn tập

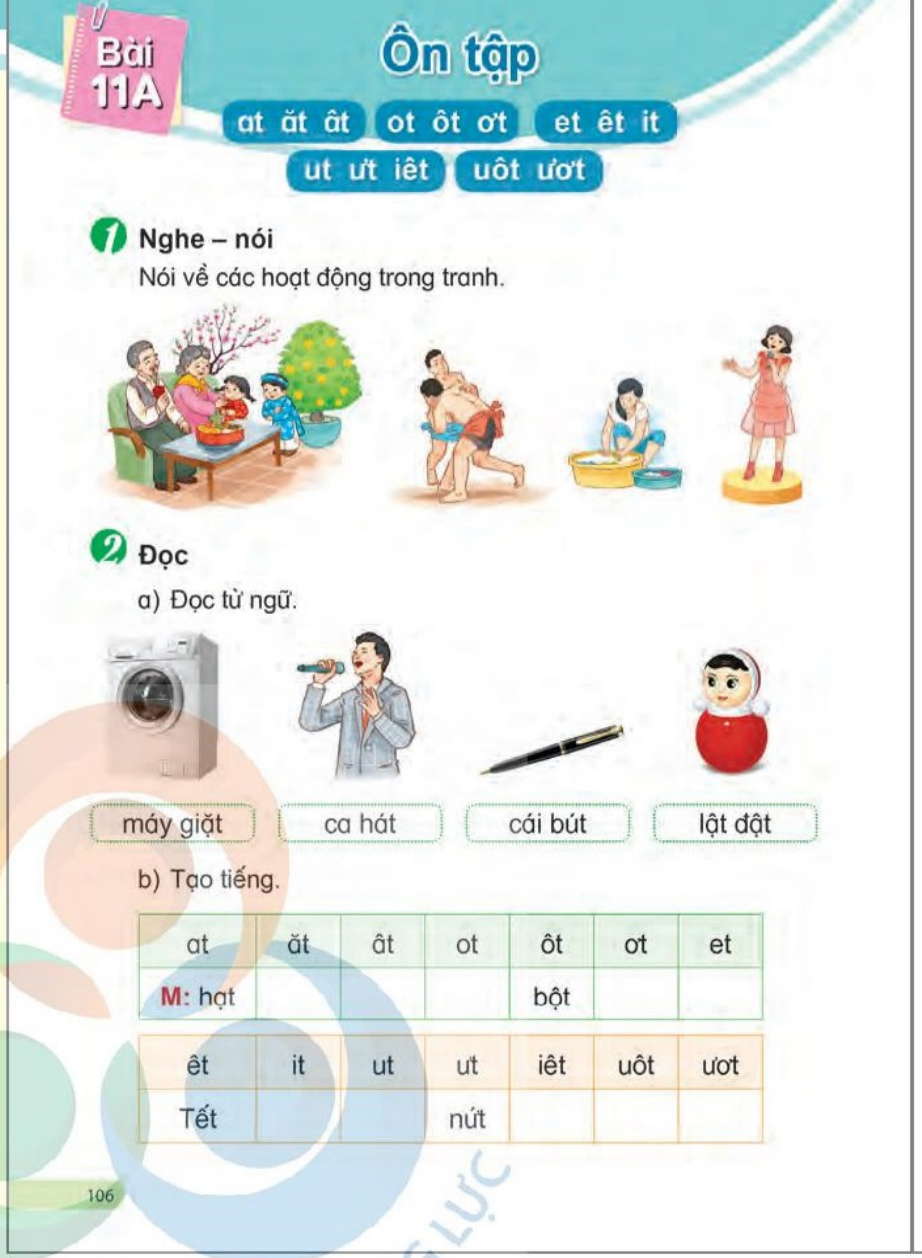
at ăt ât ot ôt ơt
et êt it ut ưt iêt
uôt ươt

Mục tiêu

- Đọc đúng các từ chứa vần *at, ăt, ât, ot, ôt, ơt, et, êt, it, ut, ưt, iêt, uôt, ươt*.
- Tạo được tiếng từ các vần đã học; viết được một từ ngữ hoặc một câu nói về mặt trời.
- Nói được các HĐ trong 4 tranh ở HĐ1: *chúc Tết, giặt quần áo, đấu vật, hát*.
- Trả lời được câu hỏi về câu chuyện *Mặt trời muốn kết bạn*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Thẻ chữ ghi âm/vần ôn/tiếng chứa vần/ từ; bảng nhóm.
- Đoạn video: phim quay HĐ của người như nội dung tranh ở HĐ2c; phim quay một số cảnh mặt trời ở HĐ3 (hoặc tranh ảnh minh hoạ nếu không có video).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.


Bài 11A

Ôn tập

at ăt ât ot ôt ơt et êt it ut ưt iêt uôt ươt

1 Nghe – nói

Nói về các hoạt động trong tranh.

2 Đọc

a) Đọc từ ngữ.

máy giặt | ca hát | cái bút | lật đật

b) Tạo tiếng.

at	ăt	ât	ot	ôt	ơt	et
M: hạt				bột		

êt	it	ut	ưt	iêt	uôt	ươt
Tết			nứt			

106

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Nghe – nói

Nói về các hoạt động trong tranh.

– *Cá nhân:* Quan sát tranh trong SHS: *chúc Tết, giặt quần áo, đấu vật, hát.*

– *Cặp/nhóm:* HS hỏi – đáp về HĐ của các nhân vật trong tranh. VD: Tranh 3: *Tranh vẽ cảnh gì? (Một cô đang giặt quần áo)/Tiếng nào chứa vần hôm nay ôn?* (Tiếng *giặt* chứa vần *ăt* hôm nay ôn). Tương tự HS hỏi – đáp trong nhóm để tìm được vần ôn tập khác.

2. Đọc

a) Đọc từ ngữ.

– *Cả lớp:* Đọc từ ngữ mới/nêu tiếng chứa vần hôm nay ôn.

– *Cá nhân:* Chọn từ ngữ thích hợp với hình/Cho HS nhận xét, giải thích vì sao.

– *Cả lớp:* GV hỏi để HS nói hiểu biết của mình. VD: *Máy giặt dùng để làm gì?* (GV có thể liên hệ với tranh 1 ở HĐ1 để nói thêm về máy giặt...).

b) Tạo tiếng.

– *Cả lớp:* GV cho HS đọc lại các vần trong bảng.

– *Cá nhân:* Đọc vần và tạo tiếng.

– *Nhóm:* Thi tạo tiếng nhanh.

+ Nhóm thảo luận và tạo tiếng mới từ các vần trong bảng.

c) Chọn từ cho ô trống trong câu.

nhặt | bát | quét





Hai bạn ■ lá. Bạn Lan rửa ■. Bạn Thơ ■ nhà.

Nghe – nói

Kể chuyện.

Mặt trời muốn kết bạn




1. Mặt trời buồn vì điều gì?

2. Mặt trời nghe thấy, nhìn thấy gì ở dưới mặt đất?



3. Mặt trời đã kết bạn với ai?

107

+ Cử đại diện tham gia thi tạo tiếng với các nhóm khác.

– *Cả lớp:* Nghe GV chốt kết quả nhóm thắng cuộc là nhóm tạo được nhiều tiếng và nhanh nhất.

c) Chọn từ cho ô trống trong câu.

Nhóm:

– GV cho HS xem đoạn video quay một số việc làm như nội dung tranh ở HĐ2c: *nhặt lá, quét nhà, rửa bát*. Cho HS thảo luận trong nhóm: nêu các việc làm và điền từ vào chỗ trống để hoàn thành câu.

– Các nhóm nêu ý kiến. GV nhận xét và chốt đáp án đúng.

3. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV kể hoặc nghe băng kể câu chuyện *Mặt trời muốn kết bạn*. GV kết hợp chỉ tranh theo lời kể.

– *Nhóm 3:* HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi dưới tranh.

Văn bản kể chuyện

Mặt trời muốn kết bạn

1. Mặt trời rất buồn vì phải ở một mình trên bầu trời suốt cả ngày. Mặt trời muốn kết bạn với trăng, sao nhưng trăng, sao bận ngủ để đêm còn thức chiếu sáng cho mặt đất.

2. Hôm nay, mặt trời dậy rất sớm vì không ngủ được. Bỗng mặt trời nghe thấy tiếng "ò ó o o..." ngân nga, rộn ràng... Mặt trời vui hẳn lên. Mặt trời nhìn xuống mặt đất thì thấy gà trống với bộ lông óng ánh và chiếc mào đỏ chót đang ngẩng cao đầu gáy vang. Thế là mặt trời liền kết bạn với gà trống.

3. Từ đó, đôi bạn luôn cùng nhau thức dậy sớm gọi mọi người chào đón ngày mới.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 11B am ăm âm

Mục tiêu

- Đọc đúng các vần *am, ăm, âm;* các tiếng/ từ chứa vần *am* hoặc *ăm, âm*. Đọc hiểu các từ ngữ, câu trong đoạn; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn *Tấm Cám*.
- Viết đúng: *am, ăm, âm, cam*.
- Nói tên các sự vật, HĐ chứa vần *am* hoặc *ăm, âm*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Thẻ chữ ghi âm/vần *am, ăm, âm*/tiếng chứa vần/từ; bảng nhóm.
- Đoạn video: quay cảnh nuôi tằm, kén tơ tằm vàng óng, tranh ảnh minh hoạ các HĐ.
- 1 bộ thẻ từ và tranh hỗ trợ HS học HĐ2c.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp:

– GV cho HS quan sát tranh trong SHS. HS hỏi – đáp theo nhóm: *Tranh vẽ cây gì?* (cây cam, cây dâu (lá dâu), nấm dại,…) *Quả cam màu gì? Có con gì trong tranh?* (con tằm ăn lá dâu,…); nói câu có tiếng: *cam, tằm, nấm.*

– GV viết trên bảng: *cam, tằm, nấm.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu tiếng chứa vần mới: *cam, tằm, nấm.*

■ Học vần ***am***.

– Cả lớp:

+ Nghe GV phân tích cấu tạo tiếng *cam* (âm đầu *c*, vần *am*).

+ Đọc vần: *am.*

+ Đánh vần: *cờ – am – cam.*

+ Đọc trơn: *cam.*

■ Học vần ***ăm, âm*** tương tự như học vần ***am***.

– Cặp/nhóm: Đọc trơn *cam, tằm, nấm.*

– *Cả lớp:* Đọc từ *quả cam, con tằm, cây nấm*. GV có thể kết hợp giảng thêm về từ.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* Quan sát GV làm mẫu đọc từ *can đảm*, tìm tiếng chứa vần *am*: *đảm.*

– *Cá nhân:*

+ Đọc thầm, phát hiện tiếng chứa vần vừa học.

+ Đánh vần tiếng chứa vần mới, đọc trơn từ.

– Nhóm/cặp: Từng HS nối tiếp nhau đọc 3 từ ngữ còn lại, chơi giơ thẻ từ, đọc từ trên thẻ, tìm tiếng chứa vần mới trên thẻ từ vừa đọc.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Nhóm:*

+ Thi đọc nhanh từ ngữ đúng với tranh.

+ HS quan sát tranh và từ ngữ.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



gặm cỏ



số năm



thảm len



cái mâm

3 Viết

am ăm âm cam

4 Đọc

Tấm Cám

Tấm mồ côi mẹ, phải ở với mẹ kế là mẹ của Cám.

Tấm rất chăm chỉ. Ngày ngày, Tấm mò cua, bắt cá, chăn trâu, cắt cỏ,... Còn Cám ham chơi, chả chịu làm gì. Có lần, cả hai đi bắt cá. Cám nghĩ kế lấy hết cá ở giỏ của Tấm để mẹ khen.

(Theo *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*)



? *Ngày ngày, Tấm làm gì?*

109

+ GV gọi 2 nhóm, mỗi nhóm có 2 thẻ chữ ghi 2 từ ngữ.
+ GV hỏi từng tranh, từng nhóm cử HS đọc chữ đúng với tranh.
+ Nhóm đọc đúng và nhanh là nhóm thắng cuộc.

– *Cá nhân:* Đọc từng từ ngữ vừa gắn./GV có thể hỏi để HS nói hiểu biết của mình về (con trâu) *gặm cỏ, thảm len, cái mâm, số năm* (nhìn tranh, ảnh).

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*
+ Nghe GV nêu cách viết vần: *am, ăm, âm;* cách nối nét ở chữ *cam.*
+ HS nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* HS nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những bạn viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Tấm Cám.***

a) Quan sát tranh và đoán nội dung đoạn.

Cặp/nhóm: Xem tranh minh hoạ và nói về điều em thấy trong tranh. Đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cá nhân:*
+ Nghe GV đọc cả đoạn 1 lần, nhìn GV chỉ vào chữ.
+ Từng HS đọc từng câu.

– *Cặp:* Luyện đọc theo cặp – Đọc nối tiếp: Chia đoạn thành 2 phần, mỗi HS đọc 1 phần – phần 1: Từ đầu đến *cắt cỏ*; phần 2: còn lại (những HS khá, giỏi đọc cả 2 phần, những HS yếu chỉ cần đọc phần 1).

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân:* Tự đọc câu hỏi và trả lời câu hỏi.

– *Nhóm/cặp:* 1 em đọc câu hỏi – 1 em trả lời, cùng nhận xét câu trả lời của bạn (GV hướng dẫn HS dựa vào nội dung đoạn và tranh vẽ gợi ý ở SHS để trả lời).

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

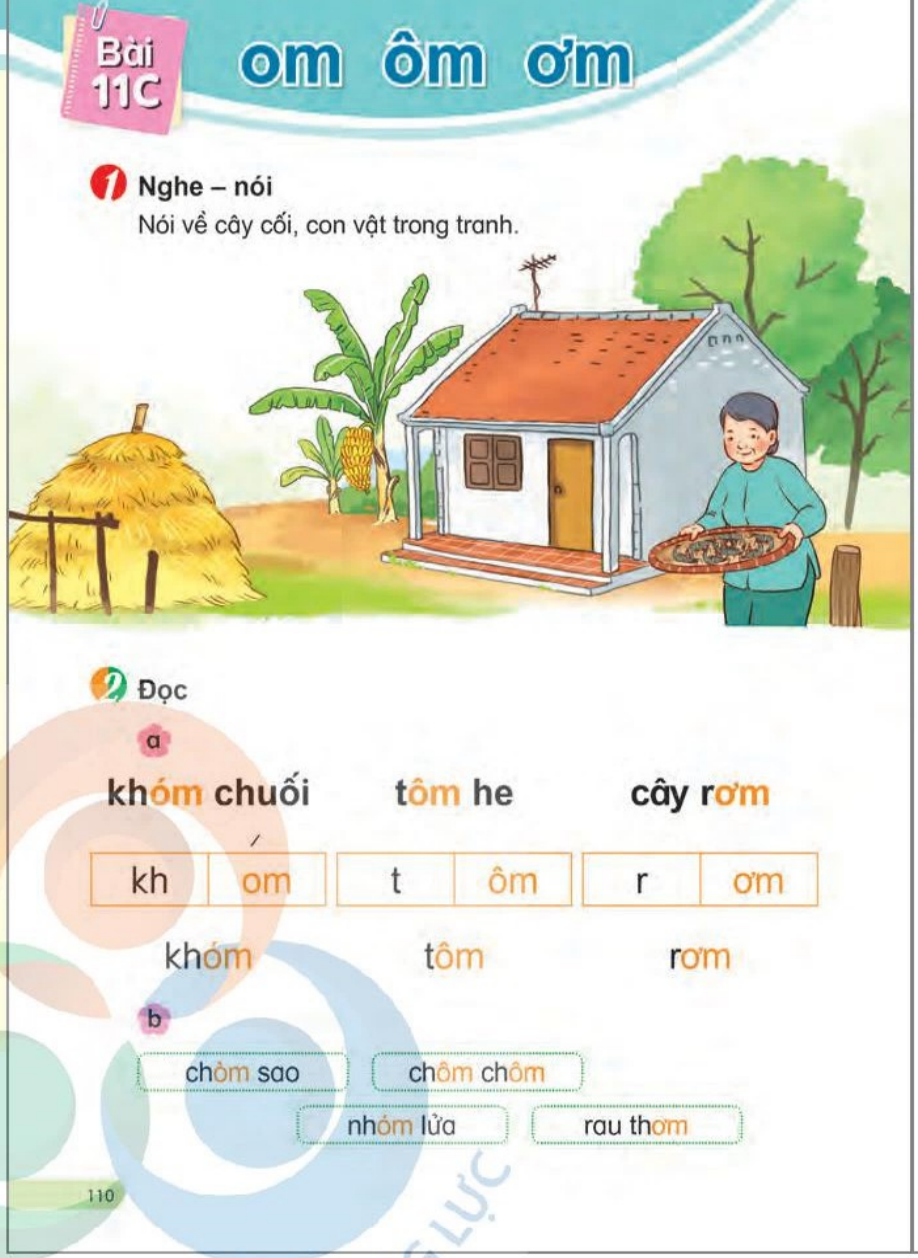
Bài 11C om ôm ơm

Mục tiêu

- Đọc đúng các vần *on, ôn, ơn;* các tiếng/ từ chứa vần *om* hoặc *ôm, ơm*. Đọc hiểu các từ ngữ, câu trong đoạn; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn *Gà mẹ chăm con*.
- Viết đúng vần *om, ôm, ơm, tôm*.
- Nói tên các sự vật, HĐ có tiếng chứa vần *om* hoặc *ôm, ơm*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Thẻ chữ ghi âm/vần *om, ôm, ơm*, tiếng chứa vần/từ; bảng nhóm.
- Đoạn video: quay cảnh làng quê có khóm chuối, ngôi nhà mái ngói hoặc mái tranh, có cây rơm,... (HĐ1) hoặc tranh ảnh minh hoạ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS quan sát tranh trong SHS hoặc xem đoạn video quay cảnh làng quê.

– *Nhóm:* HS hỏi – đáp theo nhóm: *Cảnh trong tranh ở đâu? Trong tranh có những sự vật nào? (khóm chuối, đống rơm, cây rơm,...)*. HS nói câu có tiếng: *khóm, rơm, tôm*. GV viết hoặc gắn thẻ từ trên bảng: *khóm, tôm, rơm*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu tiếng chứa vần mới: *khóm, tôm, rơm*.

■ Học vần ***om***.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV phân tích cấu tạo tiếng *khóm* (âm đầu *kh*, vần *om, thanh sắc*).

+ Đọc vần: *om*.

+ Đánh vần: *khờ – om – khom – khóm*.

+ Đọc trơn: *khóm*.

■ Học vần ***ôm, ơm*** tương tự như học vần ***om***.

– *Cặp/nhóm:* Đọc trơn *khóm, tôm, rơm*.

– *Cả lớp:* Đọc từ khóm *chuối, tôm he, cây rơm*. GV có thể kết hợp giảng thêm về từ.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* Quan sát GV làm mẫu đọc từ *chòm sao*, tìm tiếng chứa vần om: *chòm*.

– *Cá nhân:*

+ Đọc thầm, phát hiện tiếng chứa vần vừa học.

+ Đánh vần tiếng chứa vần mới, đọc trơn từ

– *Nhóm/cặp:* Từng HS nối tiếp nhau đọc 3 từ ngữ còn lại, chơi giơ thẻ từ, đọc từ trên thẻ, tìm tiếng chứa vần mới trên thẻ từ vừa đọc.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c

máy	cơm	gầy	xóm
nồi	bơm	thôn	đóm
chè	cốm	đom	còm

M: chè cốm M: thôn xóm

3 Viết

om ôm ơm tôm

4 Đọc

Gà mẹ chăm con

Buổi sớm, khi mặt trời vừa lên, gà mẹ dẫn đàn con ra cây rơm. Ở đó có nhiều hạt lúa còn sót lại.

Khi hết lúa, gà mẹ gọi con ra khóm chuối ở cuối vườn. Gà mẹ muốn dạy con bới giun.

Từ sớm đến tối, gà mẹ luôn ở bên đàn con.



?

Gà mẹ muốn dạy con làm gì?

111

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

Cá nhân: Đọc từng tiếng trong bài./Ghép tiếng thành từ ngữ./ Đọc lại các từ ngữ. /GV có thể đưa tranh và hỏi để HS nói hiểu biết về *máy bơm, chè cốm, con đom đóm*,…

***HĐ3.* Viết**

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu cách viết vần: *om, ôm, ơm*; độ cao của vần. chữ t; cách nối nét ở chữ *tôm*.

+ HS nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* HS nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những bạn viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Gà mẹ chăm con**.*

a) Quan sát tranh và đoán nội dung đoạn.

Cặp/nhóm: Xem tranh minh hoạ và nói về điều em thấy trong tranh (Có thể cho HS xem một đoạn phim quay cảnh đàn gà có gà mẹ và đàn gà con đang đào bới, kiếm ăn). Đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp*: Nghe GV đọc cả đoạn 1 lần, nhìn GV chỉ vào chữ.

– *Cá nhân:* Từng HS đọc từng câu.

– *Cặp:* Luyện đọc theo cặp: Đọc nối tiếp: Chia đoạn thành 2 phần, mỗi HS đọc 1 phần – phần 1: Từ đầu đến *còn sót lại*; phần 2: phần còn lại (những HS khá, giỏi đọc cả 2 phần, những HS yếu chỉ cần đọc phần 1).

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân:* Tự đọc câu hỏi và trả lời câu hỏi.

– *Cặp/nhóm:* 1 em đọc câu hỏi – 1 em trả lời, cùng nhận xét câu trả lời của bạn (GV HD HS dựa vào nội dung đoạn và tranh vẽ gợi ý ở SHS để trả lời).

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

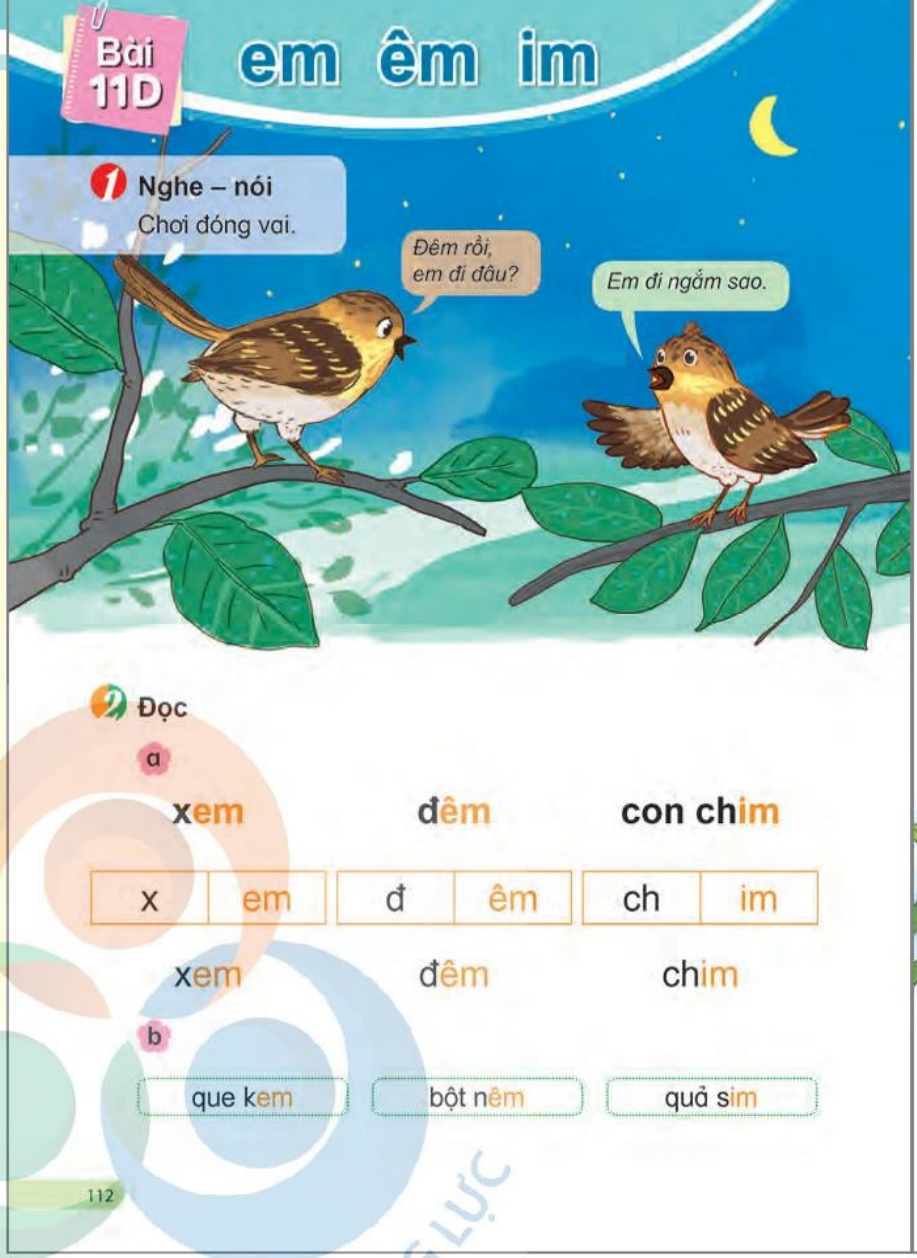
Bài 11D em êm im

Mục tiêu

- Đọc đúng các vần *em, êm, im;* các tiếng/từ chứa vần *em* hoặc *êm, im*. Đọc hiểu các từ ngữ, câu trong đoạn; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn *Chim sâu chăm chỉ.*
- Viết đúng *em, êm, im, đêm*.
- Nói tên các loại quả món ăn chứa vần *em* hoặc *êm, im*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Thẻ chữ ghi âm/vần *em* hoặc *êm, im*/tiếng chứa vần/từ; bảng nhóm.
- Đoạn video quay cảnh chim sâu đang nhảy nhót bắt sâu ở HĐ4 (nếu không có video thì sử dụng tranh ảnh), tranh ảnh minh hoạ và thẻ chữ HĐ đọc hiểu từ ngữ.
- Bộ thẻ chữ và tranh hỗ trợ HS học HĐ2c.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp:* Chơi đóng vai: GV cho HS quan sát tranh trong SHS. Từng cặp HS hỏi – đáp theo nhóm (như hai nhân vật trong tranh).

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu tiếng chứa vần mới và quan sát GV viết hoặc gắn thẻ từ trên bảng: *em, đêm, chim.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu tiếng chứa vần mới: *xem, đêm, chim.*

■ Học vần ***em***:

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV phân tích cấu tạo tiếng *xem* (âm đầu *x*, vần *em*).

+ Đọc vần: *em.*

+ Đánh vần: *xờ – em – xem.*

+ Đọc trơn: *xem.*

■ Học vần ***êm, im*** tương tự như học vần ***em***.

– *Cặp/nhóm*: Đọc trơn *xem, đêm, chim.*

– *Cả lớp*: Đọc từ *xem, đêm, con chim*. GV có thể kết hợp giảng thêm về từ.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* quan sát GV làm mẫu đọc từ *que kem*, tìm tiếng chứa vần *em: kem.*

– *Cá nhân:*

+ Đọc thầm, phát hiện tiếng chứa vần vừa học.

+ Đánh vần tiếng chứa vần mới, đọc trơn từ.

– *Nhóm/cặp:* từng HS nối tiếp nhau đọc 3 từ ngữ còn lại, chơi giơ thẻ từ, đọc từ trên thẻ, tìm tiếng chứa vần mới trên thẻ từ vừa đọc.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Nhóm:*

+ Thi đọc từ ngữ phù hợp với tranh.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC



+ HS quan sát tranh và từ ngữ.
+ GV gọi 3 nhóm, mỗi nhóm có 3 thẻ chữ ghi 3 từ.
+ GV hỏi từng tranh, từng nhóm cử HS đọc từ ngữ đúng với tranh.
+ Nhóm đọc đúng và nhanh là nhóm thắng cuộc.

– *Cá nhân:* Đọc từng từ ngữ. GV có thể hỏi để HS nói hiểu biết của mình về *tấm đệm, gỗ lim, rèm cửa*,... (nhìn tranh, ảnh).

HĐ3. Viết

– *Cả lớp*:
+ Nghe GV nêu cách viết vần: *em, êm, im*; độ cao của vần, chữ *đ*; cách nối nét ở chữ *đêm*.
+ HS nhìn mẫu chữ GV viết trên bảng.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* HS nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho những bạn viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Chim sâu chăm chỉ**.*

a) Quan sát tranh và đoán nội dung đoạn.

Cặp/nhóm: Xem tranh minh hoạ và nói về điều em thấy trong tranh. Đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cá nhân:*
+ Nghe GV đọc cả đoạn 1 lần, nhìn GV chỉ vào chữ.
+ Từng HS đọc từng câu.

– *Cặp:* Đọc nối tiếp đoạn. Chia đoạn thành 2 phần. Mỗi HS đọc 1 phần – phần 1: Từ đầu đến *cho con*; phần 2: phần còn lại (những HS khá, giỏi đọc cả 2 phần, những HS yếu chỉ cần đọc phần 1).

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân:* Tự đọc câu hỏi và trả lời câu hỏi.

– *Cặp/nhóm:* 1 em đọc câu hỏi – 1 em trả lời, cùng nhận xét câu trả lời của bạn (GV HD HS dựa vào nội dung đoạn và tranh vẽ gợi ý ở SHS để trả lời).

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 11E um uôm

Mục tiêu

- Đọc đúng vần *um, uôm*; đọc trơn các tiếng/ từ ngữ, đoạn văn.
- Hiểu từ ngữ qua tranh, hiểu ý chính của đoạn đọc (trả lời được câu hỏi đọc hiểu).
- Viết đúng: *um, uôm, chùm, muỗm*.
- Nói được tên một số sự vật, hoạt động chứa vần *um, uôm*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1, HĐ4.
- Các thẻ chữ, thẻ tranh ở HĐ2c đọc hiểu câu.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS quan sát tranh HĐ1 được GV treo trên bảng; nghe GV nêu yêu cầu: *Trong bức tranh có cây gì, quả gì?*

– *Nhóm*: Thi nói nhanh tên cây, quả.

– *Cả lớp:*

+ HS nghe GV kết luận: *Các em nói đúng tên các cây, quả trong tranh vẽ là chùm nhãn, quả muỗm. Trong các từ ngữ này có tiếng chùm, muỗm là tiếng chứa các vần chúng ta sẽ học hôm nay.*

+ HS nhìn GV viết tên bài trên bảng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu tiếng chứa vần mới: *chùm, muỗm*.

■ Học vần ***um***.

– Cả lớp:

+ Nghe GV phân tích cấu tạo tiếng *chùm* (âm đầu *ch*, vần *um*, thanh *huyền*).

+ Đọc vần: *um*.

+ Đánh vần: *chờ – um – chum – huyền – chùm*.

+ Đọc trơn: *chùm*

■ Học vần ***uôm*** tương tự như học vần ***um***.

– *Cặp/nhóm:* Đọc trơn *chùm, muỗm*.

– *Cả lớp:* Đọc từ *chùm nhãn, quả muỗm*. GV có thể kết hợp giảng thêm về từ.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* quan sát GV làm mẫu đọc từ *cảm cúm*, tìm tiếng chứa vần *um*: *cúm*.

– *Cá nhân:*

+ Đọc thầm, phát hiện tiếng chứa vần vừa học.

+ Đánh vần tiếng chứa vần mới, đọc trơn từ.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Cô Sa nhuộm vải.



Ba bé chụm đầu ôn bài.

3 Viết

um uôm chùm muỗm

4 Đọc

Mùa quả chín

Nghe ve kêu râm ran, Nga nhớ mùa quả chín ở quê nhà. Nga nhớ mùi vị thơm ngon của mít chín, vị ngọt lịm của chùm vải thiều. Nga nhớ cả vị chua chua, ngọt ngọt của quả muỗm đầu mùa.

Nỗi nhớ quê của Nga gắn liền với vườn quả nhà bà.



? *Nga nhớ mùi vị thơm ngon của quả gì?*

115

– *Nhóm/cặp:* từng HS nối tiếp nhau đọc 3 từ ngữ còn lại, chơi giơ thẻ từ, đọc từ trên thẻ, tìm tiếng chứa vần mới trên thẻ từ vừa đọc.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* HS quan sát GV đính tranh và chữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu:

+ *Các em thấy gì ở mỗi bức tranh?* (người phụ nữ nhuộm vải; ba bé gái chụm đầu).

+ Các em đọc câu dưới mỗi tranh.

– *Nhóm:* Đọc các câu dưới mỗi tranh.

– *Cả lớp:* Thi chọn câu đúng với tranh.

+ Đại diện nhóm HS (2 nhóm) thi đính đúng, đính nhanh câu dưới mỗi tranh (mỗi nhóm đính 1 câu), đọc trơn câu đã đính.

+ HS theo thước chỉ của GV, đọc câu phù hợp.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* HS nhìn GV viết mẫu chữ: *um, chùm, uôm, muỗm*; nghe GV nhắc cách viết chữ, nối chữ, cách đặt dấu thanh trên các chữ, chú ý dấu thanh ở các tiếng có âm đôi (*muỗm* – đặt trên ô).

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* HS nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Mùa quả chín**.*

a) Quan sát tranh.

– *Cả lớp:*

+ HS quan sát tranh HĐ4 trong SHS, nghe GV hỏi: *Các em thấy những gì trong bức tranh này? (Trong tranh có những cây nào? Các quả chín trên cây có màu sắc gì?)*

+ Một vài HS trả lời. GV chốt ý: *Trong tranh có cây mít sai quả, cây vải thiều quả chín đỏ, cây muỗm quả chín vàng nhạt. Những hình ảnh này giúp các em hiểu rõ hơn nội dung đoạn đọc.*

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:*

+ HS nghe GV đọc trơn đoạn; GV nhắc HS chú ý chỗ ngắt, nghỉ.

+ HS đọc trơn đoạn theo GV.

– *Nhóm*: Luyện đọc trơn đoạn.

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc câu hỏi.

– *Nhóm:* Đại diện nhóm trả lời câu hỏi: *Nga nhớ mùi vị thơm ngon của mít chín.*

– *Cả lớp:* HS nghe GV nhận xét từng nhóm và hỏi: *Trong đoạn đọc, có tiếng nào chứa vần vừa học? (chùm, muỗm)*

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tuần 11

Tập viết

Mục tiêu

- Biết viết tổ hợp chữ ghi vần: *am, ăm, âm, om, ôm, ơm, em, êm, um, im, uôm*.
- Biết viết từ, từ ngữ: *ban đêm, chùm muỗm, quả cam, con tằm, khóm chuối, tôm he, cây rơm, cây nấm, xem, con chim*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường
- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường, thẻ từ: *am, ăm, âm, om, ôm, ơm, em, êm, um, im, uôm, ban đêm, chùm muỗm, quả cam, con tằm, khóm chuối, tôm he, cây rơm, cây nấm, xem, con chim*.
- VD:





- Tranh ảnh: *quả cam, con tằm, khóm chuối, tôm he, cây rơm, cây nấm, con chim, ban đêm, chùm muỗm*.
- *Tập viết 1*, tập một; bút chì cho HS.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

***HĐ1. Chơi trò* Gọi thuyền.**

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách chơi (tương tự như ở các bài trước).

– *Cá nhân:* Từng HS thực hiện trò chơi theo HD của GV.

GV sắp xếp các thẻ chữ theo trật tự trong bài viết và dán các thẻ từ vào dưới hình trên bảng lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Nhận diện các tổ hợp chữ cái ghi vần.

Cả lớp: Nghe GV đọc từng chữ và nhìn vào thẻ chữ GV chỉ rồi đọc theo: *am, ăm, âm, om, ôm, ơm, em, êm, im, um, uôm.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết chữ ghi vần.

– *Cả lớp:* Nghe GV làm mẫu, HD viết từng chữ ghi vần: *am, ăm, âm, om, ôm, ơm, em, êm, im, um, uôm* (mỗi vần viết 1 – 2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ);

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng vần.

* *Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Viết từ, từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ ngữ và làm mẫu, HD viết từng từ ngữ: *ban đêm, chùm muỗm, quả cam, con tằm, khóm chuối, tôm he, cây nấm, cây rơm, xem, con chim* (mỗi từ ngữ viết 1 – 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ ngữ.

– *Cả lớp:* Xem bài viết của các bạn do GV chọn. Nghe GV nhận xét bài viết đã chọn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 12A ươm iêm yêm

Mục tiêu

- Đọc đúng vần *ươm, iêm, yêm*; đọc trơn các tiếng, từ ngữ, đoạn đọc. Hiểu nghĩa từ ngữ qua tranh, hiểu ý chính của đoạn đọc (trả lời được câu hỏi đọc hiểu).
- Viết đúng: *ươm. iêm, yêm, bướm*.
- Biết nói về cảnh vật trong tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1, HĐ4.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Quan sát tranh HĐ1 GV treo trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu: *Các em hãy quan sát và hỏi – đáp về những gì đã thấy trong tranh.*

– *Cặp:* Thay nhau hỏi – đáp (VD: *Bạn thấy cây gì ở bên phải tranh? – ... thấy cây dừa xiêm trĩu quả, thấy em bé đeo yếm,... thấy đàn bướm bay lượn...*)

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV kết luận: *Khi các em hỏi – đáp về bức tranh, cô (thầy) nghe được những từ ngữ* đàn bướm, dừa xiêm, cái yếm. *Trong các từ ngữ này có các tiếng*: bướm, xiêm, yếm chứa vần ươm. iêm, yêm *các em sẽ học hôm nay.*

+ Nhìn GV viết tên bài: *ươm, iêm, yêm* trên bảng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV giải thích:

+ Tiếng *bướm* có âm đầu *b*, vần *ươm* và thanh sắc.

+ Tiếng *xiêm* có âm đầu *x*, vần *iêm* và thanh không dấu.

+ Tiếng *yếm* là tiếng không có âm đầu, vần *yêm* và thanh sắc.

+ HS nghe GV đánh vần, đọc trơn: *bờ – ươm – bươm – sắc – bướm → bướm.*

+ HS đọc trơn theo GV: *ươm, bướm; iêm, xiêm; yêm, yếm.*

+ HS nghe GV đọc trơn *đàn bướm, dừa xiêm, cái yếm* và đọc trơn theo GV.

– *Nhóm:*

+ Cá nhân đọc trơn: *ươm, bướm, đàn bướm; iêm, xiêm, dừa xiêm; yêm, yếm, cái yếm.*

+ Nhóm đọc trơn: *xiêm, dừa xiêm; yếm, cái yếm.*

– *Cả lớp:*

+ HS đọc trơn: *ươm, bướm, đàn bướm; iêm, xiêm, dừa xiêm; yêm, yếm, cái yếm.*

+ Một số HS đọc trơn vần, tiếng, từ ngữ vừa đọc.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* HS nhìn bảng phụ, nghe GV nêu yêu cầu: Đọc từ ngữ chứa vần *ươm, iêm;* tìm tiếng chứa vần *ươm, iêm.*

– *Nhóm/dãy bàn:*

+ Đọc trơn các từ mới (*Hồ Gươm, lúa chiêm, hạt cườm*).

+ Cá nhân trong nhóm đọc trơn các từ; tìm tiếng chứa *ươm, iêm.*

GIÁO HỒ ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



âu yếm



túi chườm



múa kiếm

3 Viết

ươm iêm yêm bướm

4 Đọc

Biết trời sẽ mưa

Chuồn chuồn, bươm bướm bay lượn trên giàn thiên lí. Bướm nâu hỏi chuồn chuồn ớt:

– Hôm qua, vì sao cả đàn chuồn chuồn bay đi thế?

Chuồn chuồn ớt trả lời:

– Bạn chả thấy sau đó trời mưa à! Bọn tôi biết trời sẽ mưa nên bay đi.

– Ra thế đấy! Mấy bạn giỏi quá! – Bướm nâu nói.



? *Vì sao cả đàn chuồn chuồn bay đi?*

a. *Vì trời mưa*

b. *Vì biết trời sẽ mưa*

c. *Vì muốn bay đến nơi mới*

+ Đại diện một số nhóm đọc trơn 3 từ; nêu tiếng chứa vần *ươm, iêm.*

– *Cả lớp:* HS đọc trơn 3 từ ngữ.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Quan sát GV đính hình và chữ phóng to trên bảng; nghe GV nêu yêu cầu đọc từ ngữ dưới hình.

– *Nhóm:*

+ Nêu 3 hình vẽ (mẹ bế bé, túi chườm, múa kiếm).

+ Đọc các từ ngữ: *âu yếm, túi chườm, múa kiếm.*

– *Cả lớp:* Chọn từ ngữ phù hợp với mỗi hình.

+ Đại diện nhóm thi đính đúng, đính nhanh từ ngữ dưới mỗi hình (thi 2 lần, 4 nhóm).

+ HS theo thước chỉ của GV đọc từ ngữ.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* HS nhìn GV viết mẫu các chữ: *ươm, iêm, yêm, bướm*; nghe GV nhắc cách viết chữ, cách đặt dấu thanh trên chữ (dấu sắc đặt trên chữ *ơ* trong *bướm*).

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét, sửa lỗi cho các bạn viết còn hạn chế (chỉ sửa lỗi viết sai, không nhận xét viết đẹp, xấu).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Biết trời sẽ mưa**.*

– *Cả lớp:*

+ HS quan sát tranh HĐ4 được GV treo trên bảng, nghe GV gợi ý: *Trong bức tranh này, các em thấy trên giàn thiên lí, chuồn chuồn, bươm bướm đang bay lượn, phải không? Chúng đang nói chuyện với nhau. Chi tiết nào cho chúng ta biết điều ấy?*

+ Một vài HS trả lời (chi tiết bóng nói của bướm nâu: "Chuồn chuồn ớt ơi!...").

+ HS nghe GV nói tiếp: *Để biết bướm nâu và chuồn chuồn ớt nói gì với nhau, chúng ta sẽ đọc đoạn sau nhé!*

+ HS nghe GV đọc trơn đoạn văn. GV lưu ý HS ngắt, nghỉ hơi sau các dấu câu; đọc nhấn mạnh ở các từ ngữ *bay đi thế, thế đấy, giỏi quá.*

+ HS đọc trơn theo GV; 3 HS đọc đoạn văn (có thể 1 HS đọc câu dẫn lời, 1 HS đọc lời bướm nâu, 1 HS đọc lời chuồn chuồn).

– *Nhóm:*

+ Cá nhân đọc trơn trong nhóm.

+ 3 bạn đọc nối tiếp bài.

+ Thảo luận tìm ý trả lời đúng.

– *Cả lớp:*

+ Các nhóm đọc, đại diện nhóm trả lời câu hỏi (*Vì sao cả đàn chuồn chuồn bay đi?* Trả lời: ý 2.).

+ HS đọc trơn cả đoạn.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 12B

Ôn tập

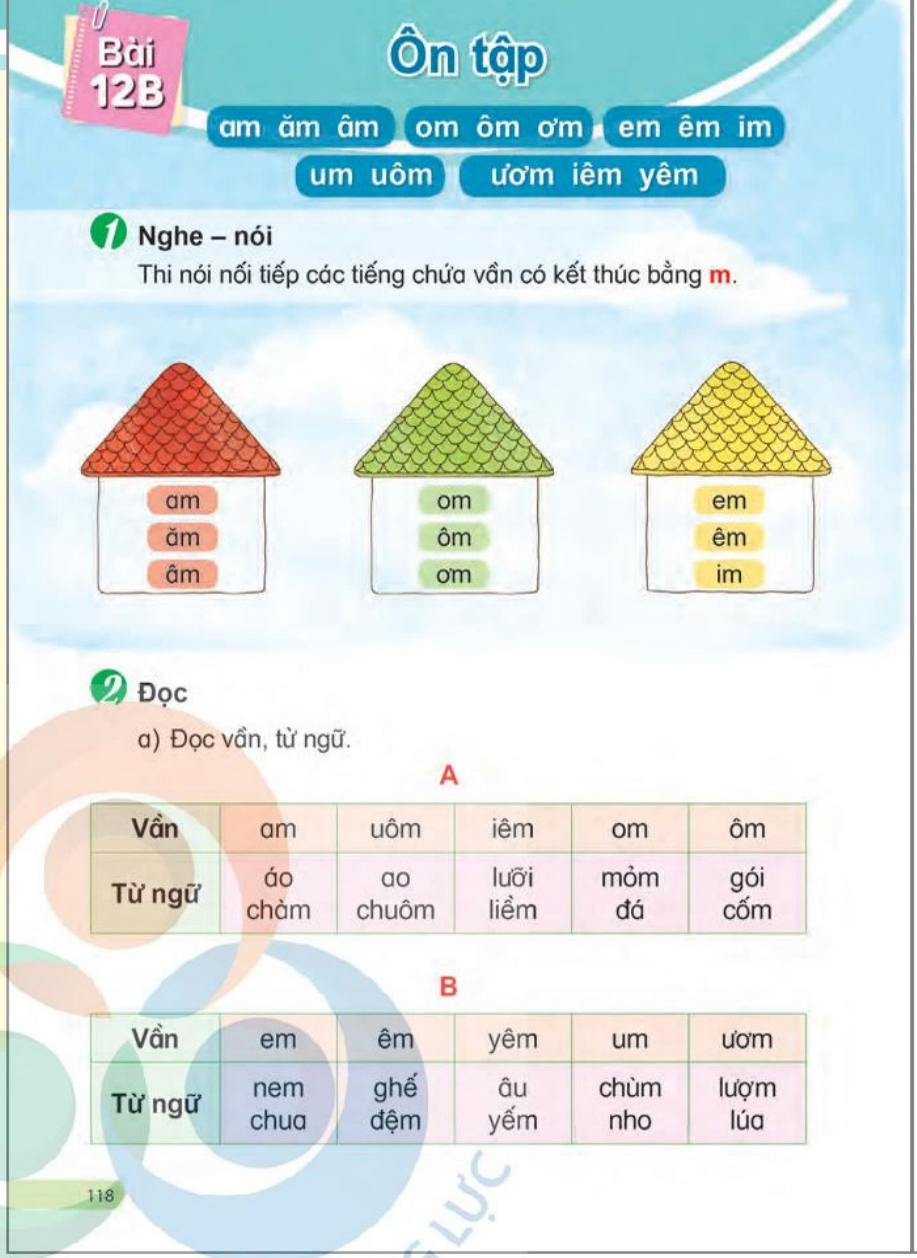
am ăm âm om ôm ơm
em êm im
um uôm ươm iêm yêm

Mục tiêu

- Đọc trơn các tiếng chứa vần có âm cuối *m*, các từ ngữ có tiếng chứa vần có âm cuối *m*. Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài.
- Nghe kể câu chuyện *Ước mơ của Sim* và trả lời câu hỏi.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ thể hiện nội dung HĐ2a.
- Tranh và thẻ chữ phóng to HĐ2b.
- Tranh phóng to HĐ3.
- 9 thẻ chữ: *am, ăm, âm, om, ôm, ơm, em, êm, im*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Nghe – nói

Thi nói nối tiếp các tiếng chứa vần có kết thúc bằng *m*.

– *Cả lớp*: Nghe GV nêu cách chơi: Cô (thầy) có 9 thẻ chữ ghi các vần chứa âm cuối *m*. Cả lớp cùng tham gia chơi theo phân công như sau:

+ 3 nhóm, mỗi nhóm nhận 3 thẻ chữ (*am, ăm, âm; om, ôm, ơm; em, êm, im*).

+ HS trong nhóm đọc các thẻ chữ và thi nói nối tiếp các tiếng có vần chứa âm cuối *m* theo thẻ đã nhận.

– *Nhóm:* Nhận phiếu và giao cho các cá nhân chuẩn bị.

– *Cả lớp:* Các nhóm thi; nhóm nào nói được nhiều tiếng thì được khen.

2. Đọc

a) Đọc vần, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ Nhìn GV quay bảng phụ đã ghi 2 bảng A, B; nghe GV hỏi khi chỉ vào các dòng ngang: *Mỗi dòng ở 2 bảng A, B thể hiện những gì?*

+ Một số HS trả lời:

• *Dòng thứ nhất thể hiện các vần có âm cuối m.*

• *Dòng thứ hai thể hiện các từ ngữ có tiếng chứa vần có âm cuối m.*

+ HS đọc trơn các vần, tiếng, từ ngữ trong bảng.

– *Cá nhân:* đọc trơn từng vần, từ ngữ (*am – áo chàm; uôm – ao chuôm,...*).

– *Cả lớp:*

+ Dãy bàn HS đọc trơn bảng ôn.

+ Một vài cá nhân đọc trơn bảng ôn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

b) Đọc câu.



Đầm sen thơm ngát.



Ba bạn xem phim.



Đêm rằm, trời đầy sao.

Nghe – nói

Kể chuyện.

Ước mơ của Sim



1. Vì sao Sim thích nhìn đoàn tàu chạy?



2. Sim thường chơi đồ chơi nào?



3. Ngồi trên tàu hoả, Sim nghĩ đến điều gì?

b) Đọc câu.

– *Cả lớp:* Quan sát GV đính tranh và chữ phóng to HĐ2b trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu đọc 3 câu dưới tranh.

– *Nhóm:* Xác định thấy gì ở mỗi bức tranh.

– *Cả lớp:* HS đọc câu theo thước chỉ của GV.

3. Nghe – nói

Nghe kể câu chuyện *Ước mơ của Sim* và trả lời câu hỏi.

Cả lớp:

– HS quan sát 3 bức tranh được GV treo trên bảng, nghe GV giới thiệu: *3 bức tranh thể hiện câu chuyện Ước mơ của Sim. Các em có thích nghe kể về ước mơ của bạn ấy không? Cô (thầy) sẽ kể cho các em nghe.*

– HS nghe GV kể câu chuyện khi chỉ vào từng bức tranh:

1. *Quê Sim gần nơi có tàu hoả chạy qua. Sim thấy đoàn tàu chạy lượn theo sườn núi rất đẹp.*

2. *Sim được bố tặng đồ chơi đoàn tàu. Khi chơi đồ chơi, Sim mơ ước sau này trở thành người lái tàu để được đi khắp mọi miền của đất nước.*

3. *Sim kể với bố ước mơ của mình và được bố động viên là phải cố gắng học tập và rèn luyện thân thể tốt. Nghỉ hè, bố Sim thưởng cho bạn ấy một chuyến đi tàu hoả về Thủ đô. Ngồi trên tàu, cô bé mong sớm đến ngày được ngồi lái tàu.*

– HS nhìn GV chỉ vào từng bức tranh và nói lại nội dung tóm tắt của câu chuyện (mỗi em nói 1 đoạn).

– HS trả lời từng câu hỏi dưới tranh. GV chốt đáp án.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

Bài 12C ap ăp âp

Mục tiêu

- Đọc đúng vần *ap, ăp, âp*; đọc trơn các tiếng, từ ngữ, đoạn đọc. Hiểu nghĩa từ ngữ qua tranh, hiểu nội dung chính của đoạn văn.
- Viết đúng: *ap, ăp, âp, sạp*. Nói được tên sự vật, hoạt động chứa vần *ap, ăp, âp*.
- Biết nói về cảnh vật trong tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1, HĐ2c.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS quan sát tranh HĐ1 được GV treo trên bảng, nghe GV gợi ý: Các em hãy hỏi – đáp trong nhóm về cảnh vật trong bức tranh: *Bạn thấy gì ở người và vật trong tranh?* (… thấy các bạn nhỏ đang tập võ bên vườn cải bắp, đang múa sạp).

– *Nhóm*: Hỏi – đáp về bức tranh.

– *Cả lớp:*

+ Một vài nhóm hỏi – đáp trước lớp.

+ HS nghe GV nhận xét (khen các em hỏi – đáp đúng nội dung bức tranh) và nói: Trong nội dung hỏi – đáp, các em có nhắc đến các từ ngữ *múa sạp, cải bắp, tập võ*. Trong tiếng *sạp* có vần *ap*, trong tiếng *bắp* có vần *ăp*, trong tiếng *tập* có vần *âp* là những vần các em chưa học, phải không? Bài học hôm nay chúng ta sẽ học 3 vần này.

+ HS nhìn GV viết tên bài lên bảng.

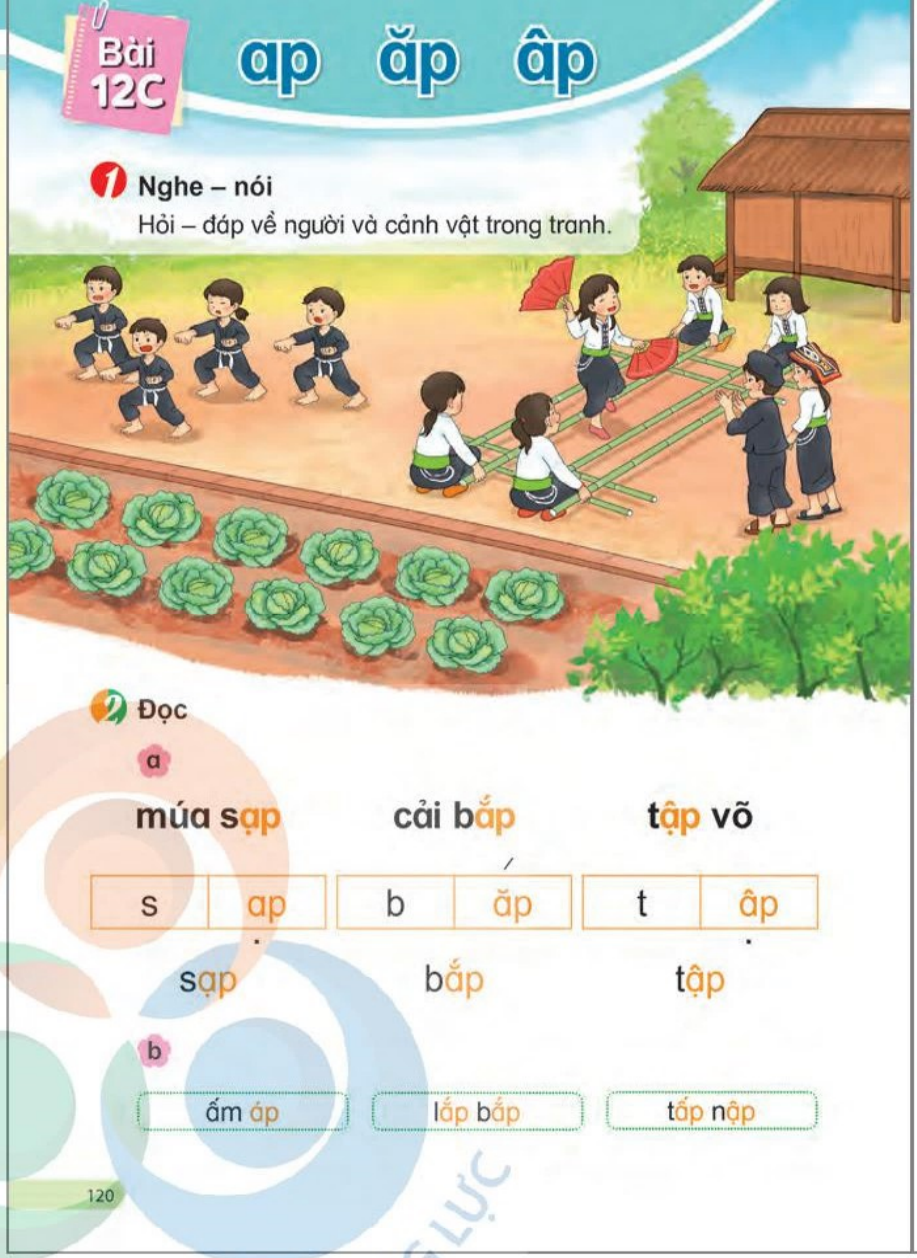
Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ HS mở SHS, nhìn GV viết tiếng/từ khoá trên bảng, nghe GV giải thích:



• *Tiếng sạp có âm đầu s, vần ap và thanh nặng.*

• *Tiếng bắp có âm đầu b, vần ăp và thanh sắc.*

• *Tiếng tập có âm đầu t, vần âp và thanh nặng.*

+ HS nghe GV đánh vần, đọc trơn: *sờ – ap – sap – nặng – sạp → sạp.*

+ HS đánh vần, đọc trơn theo GV.

+ HS nghe GV đọc trơn *múa sạp* và đọc trơn theo GV.

+ HS nghe GV đọc trơn *ăp, bắp, cải bắp; âp, tập, tập võ* và đọc trơn theo GV.

– *Cá nhân:* Đọc trơn: *ăp, bắp, cải bắp; âp, tập, tập võ.*

– *Cả lớp:*

+ HS đọc trơn: *ap, sạp, múa sạp; ăp, bắp, cải bắp; âp, tập, tập võ.*

+ Một số HS đọc trơn các vần, tiếng, từ ngữ vừa học.

b) Đọc tiếng, từ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* HS nhìn bảng phụ, nghe GV nêu yêu cầu: Đọc các từ chứa vần mới; tìm tiếng chứa vần *ap, ăp, âp*.

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC



– *Nhóm/dãy bàn:* Đọc các từ mới, đọc tiếng chứa vần *ap, ăp, âp*.

– *Cả lớp:*

+ Một số HS đọc trơn cả 3 từ, tiếng chứa vần *ap, ăp, âp*.

+ Một số HS tìm từ, tiếng ngoài bài chứa vần mới.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* HS quan sát GV đính tranh và chữ phóng to HĐ2c trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu nói về những bức tranh.

+ *Các em thấy gì ở mỗi bức tranh?* (bé trai gấp quần áo; cáp treo; hai bạn gặp nhau).

+ Các em đọc các từ ngữ đặt dưới các tranh: *gấp quần áo, gặp bạn, cáp treo*.

+ HS theo thước chỉ của GV, đọc từ ngữ dưới tranh.

– *Cá nhân:* Nhìn sách đọc.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* HS nhìn GV viết mẫu chữ: *ap, ăp, âp, sạp*; nghe GV nhắc cách viết chữ, nối chữ, cách đặt dấu nặng trên chữ *sạp*.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* HS nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc đoạn **Rùa chạy thi với thỏ**.*

– *Cả lớp:*

+ HS quan sát tranh HĐ4 trong SHS, nghe GV hỏi: *Các em thấy gì trong tranh?. (Trong tranh, có những con vật nào? Chúng đang làm gì?)*

+ Một vài HS trả lời: *Trong tranh, rùa đang về đến đích, thỏ xấu hổ nấp sau bụi rậm.*

+ HS nghe GV đọc trơn đoạn; GV nhắc HS chú ý chỗ ngắt, nghỉ.

+ HS đọc trơn cả đoạn theo GV.

+ 2 HS đọc trơn phần 1 của đoạn; 1 HS đọc phần còn lại.

– *Nhóm:*

+ Cá nhân luyện đọc trơn cả đoạn.

+ Nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi của đoạn đọc *(Khi thi với thỏ, rùa chạy như thế nào?)*

– Cả lớp: Từng nhóm đọc trơn. Đại diện nhóm trả lời câu hỏi: (*Rùa mải miết chạy*).

– HS nghe GV nhận xét từng nhóm và trả lời câu hỏi của GV: *Trong bài, có tiếng nào chứa vần vừa học?* (*sắp, nấp...*)

– HS đọc lại cả đoạn.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

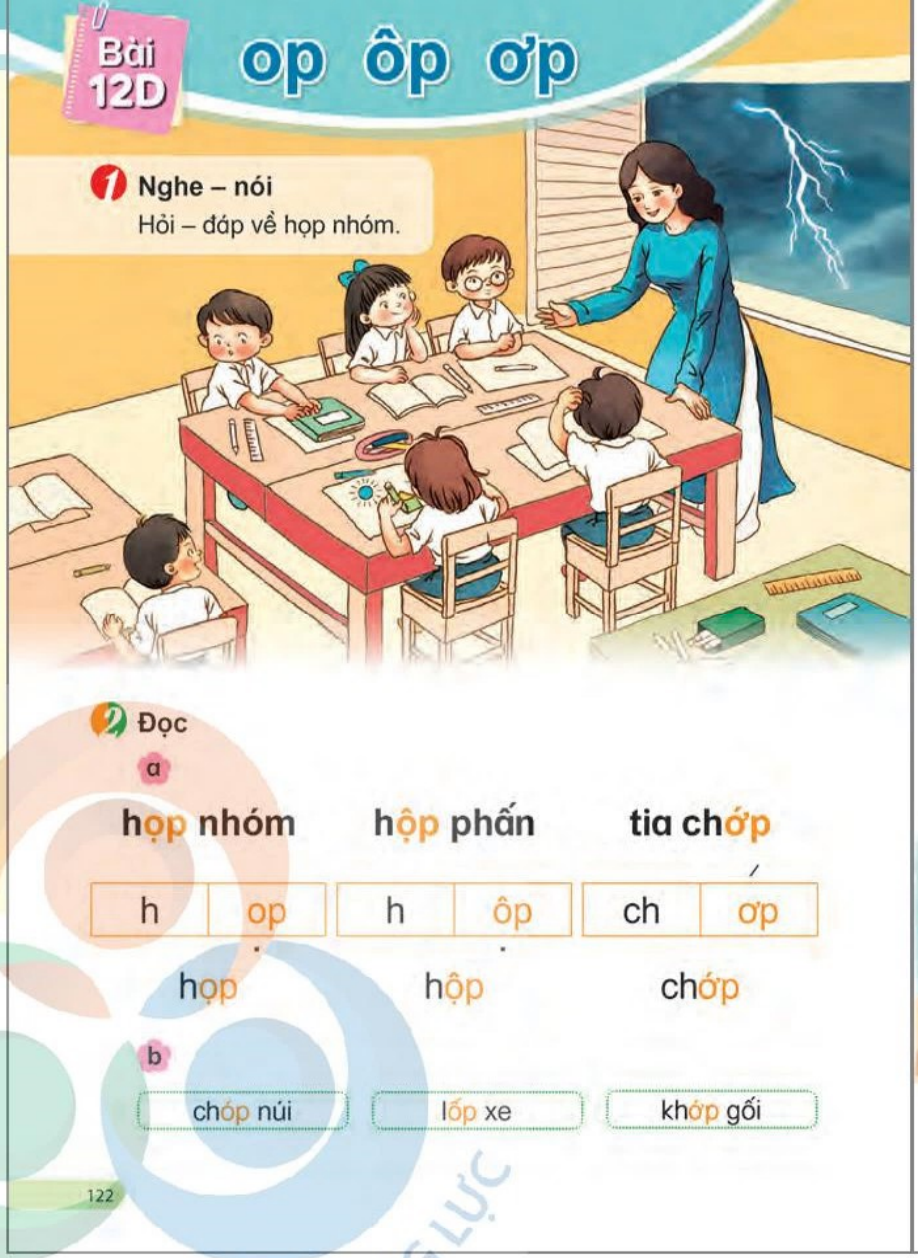
Bài 12D op ôp ơp

Mục tiêu

- Đọc đúng vần: *op, ôp, ơp*; đọc trơn các tiếng/từ ngữ, đoạn đọc. Hiểu nghĩa từ ngữ qua tranh; hiểu nội dung của đoạn đọc.
- Viết đúng: *op, ôp, ơp, họp*.
- Biết nói về các hoạt động ở lớp.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1.
- Tranh và từ ngữ phóng to của HĐ2c.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS quan sát tranh HĐ1 được GV treo trên bảng, nghe GV gợi ý: *Các em hãy hỏi – đáp trong nhóm về bức tranh. (Trong tranh, các bạn HS đang làm gì? Trên bàn GV có gì? Ngoài trời thế nào?...)*

– *Nhóm:* Hỏi – đáp về bức tranh:

+ Một vài nhóm hỏi – đáp trước lớp.

+ HS nghe GV nhận xét (Các em hỏi – đáp đúng nội dung bức tranh) và nói: Trong nội dung hỏi – đáp, các em có nói đến các từ ngữ *họp nhóm, hộp phấn, tia chớp*. 3 từ ngữ này chứa tiếng có vần các em chưa học: *op, ôp, ơp*. Bài học hôm nay, chúng ta sẽ học các vần này.

+ HS nhìn GV viết tên bài trên bảng: *op, ôp, ơp*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ HS mở SHS, nhìn GV viết tiếng/từ khoá trên bảng, nghe GV giải thích:

• *Tiếng họp có âm đầu h, vần op và thanh nặng.*

• *Tiếng hộp có âm đầu h, vần ôp và thanh nặng.*

• *Tiếng chớp có âm đầu ch, vần ơp và thanh sắc.*

+ HS nghe GV đánh vần, đọc trơn và đánh vần, đọc trơn theo GV: *hờ – op – hop – nặng – họp → họp.*

+ HS nghe GV đọc trơn *họp nhóm* và đọc theo GV.

+ HS đọc trơn: *họp nhóm.*

+ HS nghe GV đọc trơn *ôp, hộp, hộp phấn; ơp, chớp, tia chớp* và đọc trơn theo GV.

– *Cá nhân:*

+ Đọc trơn: *op, họp, họp nhóm; ôp, hộp, hộp phấn; ơp, chơp, tia chớp.*

+ Một số HS đọc trơn: *họp nhóm, hộp phấn, tia chớp.*

+ HS đọc trơn vần, tiếng, từ ngữ vừa đọc.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* HS nhìn bảng phụ, nghe GV nêu yêu cầu: Đọc từ ngữ chứa vần mới, tìm tiếng chứa vần mới.

– *Nhóm/dãy bàn:* Đọc các tiếng chứa vần mới, đọc trơn tiếng chứa vần mới.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Lớp 1A họp lớp.



Mưa rơi lộp độp.

3 Viết

op ôp ơp họp

4 Đọc

Tập văn nghệ

Sắp đến Ngày Nhà giáo Việt Nam, lớp 1A tập văn nghệ. Bạn Lan biết nhiều bài hát. Bạn góp ý cho tốp ca nam nữ của lớp chọn hát bài "Tìm bạn thân". Chỉ sau mấy buổi tập, tốp ca đã hát rất đều, rất hay.



? *Sau khi tập, tốp ca lớp 1A hát thế nào?*

123

– *Cả lớp:* Một số HS đọc trơn cả 3 từ ngữ, nêu tiếng chứa vần mới học.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp*: HS quan sát GV đính tranh và chữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu câu hỏi:

+ *Các em thấy gì ở mỗi bức tranh?* (*Học sinh đang họp lớp với cô giáo./ Trời mưa.*)

+ Các em đọc các câu (đặt dưới các tranh): *Lớp 1A họp lớp./ Mưa rơi lộp độp.*

– *Nhóm*: Đọc các câu.

– *Cá nhân:* Nhìn sách đọc.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* HS nhìn GV viết mẫu chữ: *op, ôp, ơp, họp*; nghe GV nhắc cách viết chữ, nối chữ, cách đặt dấu nặng dưới chữ *họp*.

– *Cá nhân*: Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp*:Nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Tập văn nghệ**.*

– Cả lớp:

+ HS quan sát tranh ở HĐ4, nghe GV hỏi: *Các em thấy ai trong bức tranh? (Trong tranh, một bạn gái đang bắt nhịp cho lớp hát.)*

+ Một vài HS trả lời; GV nhận xét: *Những hình ảnh trong tranh các em vừa nhắc đến giúp chúng ta hiểu rõ hơn nội dung đoạn đọc.*

+ HS nghe GV đọc trơn đoạn; nhắc HS chú ý chỗ ngắt, nghỉ.

+ HS đọc nối tiếp câu.

+ 2 HS đọc trơn cả đoạn.

– *Nhóm:*

+ Cá nhân luyện đọc trơn đoạn.

+ Nhóm đọc trơn đoạn và thảo luận để trả lời câu hỏi: *Sau khi tập, tốp ca lớp 1A hát thế nào?*

+ Từng nhóm đọc trơn và đại diện nhóm trả lời câu hỏi: *Tốp ca lớp 1A hát rất đều, rất hay.*

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nhận xét từng nhóm và hỏi: Trong đoạn đọc, có tiếng nào chứa vần vừa học? (*lớp, tốp*)

+ HS đọc lại cả đoạn.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 12E ep êp ip

Mục tiêu

- HS đọc đúng vần: *ep, êp, ip*; tiếng, từ ngữ chứa vần *ep* hoặc *êp, ip*. Đọc trơn đoạn đọc ngắn có tiếng, từ ngữ chứa vần đã học và mới học. Đọc hiểu các từ ngữ qua tranh, các câu trong đoạn đọc; trả lời được các câu hỏi đọc hiểu đoạn *Nhớ lời mẹ dặn*.
- Viết đúng: *ep, êp, ip, dép* trên bảng con hoặc vở.
- Biết nói lời xin phép.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1.
- Tranh và thẻ từ phóng to của HĐ2c.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS quan sát tranh HĐ1 được GV treo trên bảng, nghe GV gợi ý: *Các nhóm hãy chơi đóng vai người bán, người mua các thứ hàng ở quầy bán mà tranh thể hiện.*

– *Nhóm:*

+ Chơi mua bán hàng (Người mua: *– Chào cô, cháu muốn thử đôi dép kia ạ!*; Người bán: *– Dép đây, cháu thử đi!*...)

+ Một vài nhóm thực hiện chơi mua bán hàng trước lớp.

+ HS nghe GV nhận xét (khen các em đóng vai người mua, người bán sinh động) và nói: Trong lời đối đáp khi mua – bán, các em có nhắc đến từ ngữ: *đôi dép, bếp điện, líp xe*. Các vần *ep, êp, ip* trong các tiếng *dép, bếp, líp* là các vần chúng ta sẽ học trong bài hôm nay.

+ HS nhìn GV viết tên bài trên bảng: *ep, êp, ip*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ HS mở SHS, nhìn GV viết tiếng/ từ khoá trên bảng; nghe GV giải thích:
  - *Tiếng dép có âm đầu d, vần ep và thanh sắc.*
  - *Tiếng bếp có âm đầu b, vần êp và thanh sắc.*
  - *Tiếng líp có âm đầu l, vần ip và thanh sắc.*

+ HS nghe và đánh vần, đọc trơn theo GV:
  - ***ep**: dờ – ep – dep – sắc – dép → dép.*
  - ***êp**: bờ – êp – bêp – sắc – bếp → bếp.*
  - ***ip**: lờ – ip – lip – sắc – líp → líp.*

+ HS nghe GV đọc trơn: *đôi dép, bếp điện, líp xe.*

– *Nhóm:*

+ Cá nhân đọc trơn: *dép, bếp, líp.*

+ Nhóm luyện đọc trơn: *dép, đôi dép; bếp, bếp điện; líp, líp xe.*

– *Cả lớp:*

+ HS đọc trơn: *ep, dép, đôi dép; êp, bếp, bếp điện; ip, líp, líp xe.*

CÙNG EM HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



khép cửa



bắt nhịp



đèn xếp



ép mía

3 Viết

ep êp ip dép

4 Đọc

Nhớ lời mẹ dặn



Vào dịp nghỉ lễ, Hiền đến nhà Thơ, rủ bạn đi chơi. Thơ từ chối vì chưa xin phép mẹ. Hiền ra về. Vừa ra đến ngõ thì gặp mẹ Thơ, Hiền nói: "Cô ơi! Thơ chả dám đi chơi với cháu vì chưa xin phép cô".

Vào nhà, mẹ khen Thơ biết nhớ lời mẹ dặn.

?

Mẹ khen Thơ điều gì?

125

+ Một số HS đọc trơn: *ep, dép, đôi dép; êp, bếp, bếp điện; ip, líp, líp xe.*

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* HS nhìn bảng phụ, nghe GV nêu yêu cầu: Đọc 3 từ ngữ chứa vần mới, đọc vần mới.
– *Nhóm/dãy bàn:* Đọc từ ngữ, tiếng chứa vần mới. Đánh vần, đọc trơn các tiếng chứa vần mới.
– *Cả lớp:* Một số HS đọc trơn các từ ngữ, các tiếng chứa vần mới.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* HS quan sát GV đính tranh và chữ phóng to trên bảng, nghe GV hỏi:
  + *Các em thấy gì ở mỗi bức tranh?* (tranh 1: *Người phụ nữ khép cửa*; tranh 2: *Đèn xếp*; tranh 3: *Bạn HS bắt nhịp cho lớp*; tranh 4: *Người phụ nữ ép mía*.)
  + *Các em đọc các từ ngữ: khép cửa, đèn xếp, bắt nhịp, ép mía.*
– *Cả lớp:*
  + Thi tìm từ ngữ đúng tranh.
  + Đại diện nhóm HS nêu kết quả đã chọn và lên bảng đính đúng từ ngữ dưới mỗi tranh (mỗi nhóm đính 1 từ ngữ), đọc trơn từ ngữ đã đính.
  + HS theo thước chỉ của GV, đọc từ ngữ phù hợp.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* HS nhìn GV viết mẫu: *ep, êp, ip, dép.*
– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp:* GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Nhớ lời mẹ dặn**.*

– *Cả lớp:*
  + HS quan sát tranh HĐ4 trong SHS, nghe GV hỏi: *Các em thấy gì trong tranh?*
  + Một vài HS trả lời.
  + HS nghe GV đọc trơn đoạn; GV nhắc HS chú ý chỗ ngắt, nghỉ.
  + HS đọc trơn đoạn theo GV.
  + 2 HS đọc trơn phần đầu của đoạn (từ đầu đến *Hiền ra về*); 1 HS đọc phần cuối (từ *Vừa ra đến ngõ* đến hết).
– *Nhóm:*
  + Luyện đọc trơn đoạn và thảo luận để trả lời câu hỏi (*Mẹ khen Thơ điều gì?*)
  + Từng nhóm đọc trơn và đại diện nhóm trả lời câu hỏi (*Khen Thơ biết nhớ lời mẹ dặn*).
– *Cả lớp:*
  + HS nghe GV nhận xét từng nhóm và hỏi thêm: *Trong đoạn này có tiếng nào chứa vần vừa học?*
  + Một vài HS trả lời (*phép*).
  + HS đọc lại cả đoạn.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tuần 12

Tập viết

Mục tiêu

- Biết viết tổ hợp chữ ghi vần: *ươm, iêm, yêm, ap, ăp, âp, op, ôp, ơp, ep, êp, ip*.
- Biết viết từ ngữ: *đôi dép, cái yếm, dừa xiêm, đàn bướm, bếp điện, tập võ, múa sạp, cải bắp, họp lớp, hộp phấn, líp xe*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường.
- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường, thẻ từ: *ươm, iêm, yêm, ap, ăp, âp, op, ôp, ơp, ep, êp, ip, đôi dép, cái yếm, dừa xiêm, đàn bướm, bếp điện, tập võ, múa sạp, cải bắp, họp lớp, hộp phấn, líp xe*.
- VD:





- Tranh ảnh: *đàn bướm, cái yếm, dừa xiêm, múa sạp, cải bắp, tập võ, họp lớp, hộp phấn, đôi dép, bếp điện, líp xe*.
- *Tập viết 1*, tập một; bút chì cho HS.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

***HĐ1. Chơi trò* Ai nhanh hơn?**

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi (tương tự như ở các bài trước).

– *Cá nhân:* Từng HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của GV.

GV sắp xếp các thẻ chữ theo trật tự trong bài và dán các thẻ từ vào dưới hình trên bảng lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Nhận diện các tổ hợp chữ cái ghi vần.

Cả lớp: Nghe GV đọc từng chữ và nhìn vào thẻ chữ GV chỉ rồi đọc theo: *ươm, iêm, yêm, ap, ăp, âp, op, ôp, ơp, ep, êp, ip.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết chữ ghi vần.

– *Cả lớp:* Nghe GV làm mẫu, hướng dẫn viết từng chữ ghi vần: *ươm, iêm, yêm, ap, ăp, âp, op, ôp, ơp, ep, êp, ip.* (mỗi vần viết 1 – 2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng vần.

* *Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Viết từ ngữ.

– *Cả lớp*: Nghe GV đọc từng từ ngữ và làm mẫu, hướng dẫn viết từng từ ngữ: *đôi dép, cái yếm, dừa xiêm, đàn bướm, bếp điện, tập võ, múa sạp, cải bắp, họp lớp, hộp phấn, líp xe* (mỗi từ ngữ viết 1 – 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ Xem bài viết của các bạn do GV chọn. Nghe GV nhận xét bài viết đã chọn.

– *Cá nhân:*

+ Thực hiện viết từng cụm từ: em tập / viết chữ.

+ Nghe GV nhận xét một số bài viết.

CHỦ ĐỘNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 13A up ươp iêp

Mục tiêu

- HS đọc đúng vần *up, ươp, iêp*; các tiếng, từ ngữ chứa vần mới học. Đọc trơn đoạn ngắn. Hiểu nghĩa từ ngữ và ý chính của đoạn *Giờ ra chơi*.
- Viết đúng: *up, ươp, iêp, búp*.
- Nói tên sự vật và các hoạt động chứa vần *up, ươp, iêp*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1.
- Tranh và thẻ chữ phóng to HĐ đọc hiểu câu.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS quan sát tranh HĐ1 được GV treo trên bảng; nghe GV nêu yêu cầu: *Các em hãy hỏi – đáp về nội dung bức tranh (Dưới ao có gì? Bờ ao có gì?...)*.

– *Cặp:* Thực hành hỏi – đáp, chú ý đổi vai.

– *Cả lớp:*

+ Một vài cặp HS hỏi – đáp trước lớp về nội dung tranh.

+ HS nghe GV nhận xét: Các em đã hỏi – đáp đúng về nội dung tranh. Qua hỏi – đáp, các em có nói tới các từ ngữ: *búp sen, giàn mướp, rau diếp*. Trong các từ ngữ này, có tiếng *búp, mướp, diếp* là tiếng chứa các vần chưa học. Các vần đó, các em sẽ được học trong bài hôm nay.

+ HS nhìn GV viết tên bài trên bảng: *up, ươp, iêp*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ HS mở SHS, nhìn GV viết tiếng, từ khoá trên bảng, nghe GV giải thích:

• *Tiếng búp có âm đầu b, vần up và thanh sắc.*

• *Tiếng mướp có âm đầu m, vần ươp và thanh sắc.*

• *Tiếng diếp có âm đầu d, vần iêp và thanh sắc.*

+ HS nghe và đánh vần, đọc trơn theo GV:

• ***up**: bờ – up – bup – sắc – búp → búp.*

• ***ươp**: mờ – ươp – mươp – sắc – mướp → mướp. (chú ý đọc liền âm ươ)*

• ***iêp**: dờ – iêp – diêp – sắc – diếp → diếp. (đọc liền âm iê)*

+ HS đánh vần, đọc trơn: *up, ươp, iêp; búp, mướp, diếp.*

+ HS nghe GV đọc trơn: *búp sen, giàn mướp, rau diếp.*

+ HS đọc trơn: *búp sen, giàn mướp, rau diếp.*

– *Nhóm:*

+ Cá nhân đọc trơn: *up, ươp, iêp, búp, mướp, diếp, búp sen, giàn mướp, rau diếp.*

+ Cả nhóm đọc trơn: *búp, mướp, diếp; búp sen, giàn mướp, rau diếp.*

– *Cả lớp:*

+ HS đọc trơn: *up, búp, búp sen; ươp, mướp, giàn mướp; iêp, diếp, rau diếp.*

+ Một số HS đọc trơn theo thước chỉ của GV.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Bé giúp đỡ bà.



Ngà viết thiệp mời.



Cá ướp muối.

3 Viết

up ươn iêp búp

4 Đọc



Giờ ra chơi

Giờ ra chơi đã đến rồi. Trên sân, mấy bạn nữ chơi ô ăn quan, nhảy dây. Mấy bạn nam chơi cướp cờ, đá cầu, trốn tìm. Tốp kéo co có cả nam và nữ.

Giờ ra chơi thật là vui!

? *Giờ ra chơi thế nào?*

127

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* HS nhìn bảng phụ, nghe GV nêu yêu cầu: Đọc các từ ngữ viết trong 4 ô chữ (đọc đánh vần hoặc đọc trơn tuỳ khả năng); tìm tiếng chứa vần mới.
– *Nhóm/dãy bàn:*
  + Đọc 4 từ ngữ mới, đánh vần, đọc trơn các tiếng chứa vần mới.
  + Một số HS đọc trơn các từ ngữ chứa vần mới.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* HS quan sát GV đính hình và chữ phóng to trên bảng.
  + *Các em thấy gì ở mỗi bức hình?* (hình 1: *Cô bé giúp cụ già qua đường*; hình 2: *Bạn nhỏ đang viết thiệp mời*; hình 3: *Đĩa cá ướp muối*)
  + HS đọc các câu.
– *Nhóm:* Thi chọn câu phù hợp với hình.
– *Cả lớp:*
  + Đại diện nhóm HS nêu kết quả đã chọn và lên bảng đính đúng câu dưới mỗi hình (mỗi nhóm đính 1 câu), đọc trơn câu đã đính.
  + HS theo thước chỉ của GV, đọc câu phù hợp với hình.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* HS nhìn GV viết mẫu: *up, ươp, iếp, búp.*
– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp:* Nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Giờ ra chơi**.*

– *Cả lớp:*
  + HS quan sát tranh HĐ4 trong SHS hoặc tranh phóng to HĐ4 được GV treo trên bảng, nghe GV hỏi: *Bức tranh vẽ cảnh gì ở trường?/Trên sân trường, HS đang chơi những trò chơi gì?*
  + Một vài HS trả lời. GV chốt ý: *Tranh vẽ cảnh sân trường giờ ra chơi. Trên sân trường, các tốp HS chơi cướp cờ, nhảy dây, đá cầu, ô ăn quan, kéo co. Bức tranh sẽ giúp các em hiểu rõ hơn nội dung đoạn đọc.*
  + HS nghe GV đọc trơn đoạn; GV nhắc HS chú ý chỗ ngắt, nghỉ.
  + HS đọc trơn cả đoạn.
  + 3 HS đọc trơn đoạn (1 HS đọc phần đầu, 2 HS đọc phần sau).
– *Nhóm:* Luyện đọc trơn đoạn và thảo luận để trả lời đúng câu hỏi.
– *Cả lớp:*
  + Các nhóm HS đọc trơn và đại diện nhóm trả lời câu hỏi (*Giờ ra chơi rất là vui*).
  + HS nghe GV nhận xét từng nhóm và hỏi: *Trong đoạn, có tiếng nào chứa vần của bài học hôm nay?* (*tiếp, cướp*)
  + HS đọc lại các câu có chứa các vần mới học.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 13B

Ôn tập

ap ăp âp op ôp ơp
ep êp ip up ươp iêp

Mục tiêu

- HS đọc trơn các tiếng, từ ngữ chứa vần có âm cuối *p*. Hiểu nghĩa các từ ngữ.
- Nghe kể câu chuyện *Tập chơi chuyền* và trả lời câu hỏi.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ thể hiện nội dung của HĐ1b.
- Tranh phóng to HĐ2.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Đọc

a) Thi ghép tiếng thành từ ngữ.

Cả lớp:

– HS nghe GV nêu nội dung thi: Cô (thầy) có 8 thẻ chữ, 8 thẻ chữ này cần ghép đôi để thành từ ngữ.

– 8 HS nhận thẻ chữ, chọn bạn để ghép thành cặp.

– Các cặp thi trước lớp.

– Cặp nào ghép nhanh thì được khen (*đạp xe, cướp cờ, họp lớp, tiếp bạn*).

b) Đọc vần, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ HS nhìn GV quay bảng phụ, nghe GV hỏi khi chỉ vào các dòng ngang: *Mỗi dòng ngang có gì?*

+ Một số HS trả lời:

• *Dòng thứ nhất có các vần có âm cuối p.*

• *Dòng thứ hai có các từ ngữ có tiếng chứa vần có âm cuối p.*

+ HS nghe GV đọc trơn các vần, tiếng, từ ngữ trong bảng và đọc theo.

– *Nhóm:*

+ Đọc trơn nối tiếp từng vần, tiếng, từ ngữ (*ap, dây cáp; ăp, khắp nơi,*...).

+ Cá nhân HS đọc trơn bảng ôn trong nhóm.

– *Cả lớp:*

+ Một vài nhóm đọc bảng ôn nối tiếp từng vần, tiếng, từ ngữ.

+ Một số HS đọc trơn dòng tiếng, dòng từ ngữ.

+ HS đọc trơn dòng từ ngữ.

c) Đọc đoạn thơ.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc đoạn thơ.

+ 4 HS đọc nối tiếp 4 dòng thơ.

+ 1 HS đọc cả đoạn thơ.

Bài 13B

Ôn tập

ap ăp âp op ôp ơp
ep êp ip up ươp iêp

1 **Đọc**

a) Thi ghép tiếng thành từ ngữ.

đạp	lớp
cướp	bạn
tiếp	cờ
họp	xe

b) Đọc vần, từ ngữ.

A

Vần	ap	ăp	âp	op	ôp
Từ ngữ	dây cáp	khắp nơi	tập võ	góp ý	cốp xe

B

Vần	ep	êp	ip	up	iêp
Từ ngữ	lễ phép	gạo nếp	kịp thời	búp đa	tiếp theo

c) Đọc đoạn thơ.

Ầm ầm sấm chớp
Gió cuốn mây về
Mưa rơi lộp độp
Mưa trườn qua đê...

(Nguyễn Lãm Thắng)



CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

2 Nghe – nói

Kể chuyện.

Tập chơi chuyền



1. Người mẹ cho bạn nhỏ quả gì?



2. Bạn nhỏ đang tập chơi chuyền cùng ai?



3. Nhìn các bạn nữ chơi chuyền, các bạn nam nói gì?

– *Nhóm:*
  + Nói về các hình ảnh trong tranh.
  + Đọc nối tiếp 2 dòng thơ.
  + Đọc cả đoạn thơ.
– *Cả lớp:*
  + Mỗi nhóm cử đại diện đọc đoạn thơ.
  + Đọc đồng thanh đoạn thơ.

2. Nghe – nói

Nghe kể câu chuyện *Tập chơi chuyền* và trả lời câu hỏi.

Cả lớp:

– HS quan sát 3 bức tranh GV treo trên bảng, nghe GV giới thiệu: 3 bức tranh cô (thầy) treo thể hiện nội dung câu chuyện *Tập chơi chuyền*. Cô (thầy) sẽ kể cho các em nghe.

1. Khi đi xem xiếc, Lan chăm chú theo dõi tiết mục tung hứng. Về nhà, Lan nói với bố mẹ: "Con muốn chơi tung hứng như nghệ sĩ trong rạp xiếc". Nghe Lan nói, mẹ bảo: "Muốn chơi tung hứng, phải tập rất kiên trì. Bước đầu, con có thể luyện tập từ việc chơi chuyền". Mẹ cho Lan một quả bóng và bộ que chuyền.

2. Mẹ ngồi chơi chuyền cho Lan xem. Nhìn mẹ chơi, Lan hỏi: "Tung bóng thế nào thì bắt cho dễ hả mẹ?". Mẹ chỉ cho Lan cách chơi và dạy Lan hát bài đồng dao: "Cái mốt, cái mai, con trai, con hến, con nhện vương tơ, quả mơ, quả mít, chuột chít lên bàn,…

3. Khi đã chơi giỏi, Lan rủ mấy bạn gái ra gốc đa đầu làng ngồi chơi chuyền. Mấy bạn nam đi qua vỗ tay hoan hô. Được khen, Lan nghĩ: "Chắc là sau này mình có thể biểu diễn được trò tung hứng".

– HS nhìn GV chỉ vào từng bức tranh và trả lời câu hỏi.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 13C ang ăng âng

Mục tiêu

- HS đọc đúng vần *ang, ăng, âng*; các tiếng, từ ngữ chứa vần mới học, đọc trơn đoạn. Hiểu nghĩa từ ngữ qua tranh và hiểu ý chính của đoạn đọc *Mặt trăng*.
- Viết đúng: *ang, ăng, âng, bàng*.
- Biết hỏi – đáp về cảnh vật trong tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1.
- Tranh và từ ngữ phóng to của HĐ2c.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS quan sát tranh HĐ1 được GV treo trên bảng, nghe GV gợi ý: *Các em hãy hỏi – đáp trong nhóm về bức tranh (Đây là cảnh ở đâu, vào thời điểm nào? Em thấy những gì ở cảnh đó?).*

– *Cặp:* Hỏi – đáp về bức tranh theo gợi ý của GV.

– *Cả lớp:*

+ Một số cặp hỏi – đáp trước lớp.

+ HS nghe GV nhận xét (khen các em hỏi – đáp đúng nội dung bức tranh) và nói: Trong nội dung hỏi – đáp, các em có nhắc tới các từ ngữ *nhà tầng, buổi sáng, măng tre, cây bàng, cây phượng*. Trong các từ ngữ đó, từ ngữ *nhà tầng, cây bàng, măng tre* chứa tiếng có vần *ang, ăng, âng*. Ba vần này là nội dung bài học hôm nay.

+ HS nhìn GV viết tên bài trên bảng: *ang, ăng, âng*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ HS nhìn GV viết tiếng/ từ khoá trên bảng, nghe GV giải thích:

• *Tiếng bàng có âm đầu b, vần ang và thanh huyền.*

• *Tiếng măng có âm đầu m, vần ăng và thanh không dấu.*

• *Tiếng tầng có âm đầu t, vần âng và thanh huyền.*

+ HS nghe và đánh vần, đọc trơn theo GV:

• ***ang**: bờ – ang – bang – huyền – bàng → bàng.*

• ***ăng**: mờ – ăng – măng → măng.*

• ***âng**: tờ – âng – tâng – huyền – tầng → tầng.*

+ HS đọc trơn: *bàng, măng, tầng* theo GV.

+ HS nghe GV đọc trơn: *cây bàng, măng tre, nhà tầng.*

+ HS đọc trơn: *cây bàng, măng tre, nhà tầng.*

– *Nhóm:*

+ HS đọc trơn: *ang, bàng, cây bàng; ăng, măng, măng tre; âng, tầng, nhà tầng.*

+ HS đọc trơn: *bàng, cây bàng; măng, măng tre; tầng, nhà tầng.*

– *Cả lớp:*

+ HS đọc trơn theo thước chỉ của GV.

+ Một số HS đọc trơn (Mỗi HS đọc 1 vần/ tiếng/ từ ngữ).

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Chị ngã em nâng.



Con cua tám cẳng hai càng
Chẳng đi mà lại bò ngang cả ngày.

3 Viết

ang ăng âng bàng

4 Đọc

Mặt trăng



Mặt trăng có tuổi gần bằng tuổi của trái đất. Một ngày ở mặt trăng dài gần bằng ba mươi ngày ở trái đất.

Hai người đầu tiên lên mặt trăng là người Mĩ.

Sau này đã có thêm nhiều người lên mặt trăng.

? *Bài này cho em biết gì về tuổi của mặt trăng?*

131

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* HS nhìn bảng phụ, nghe GV nêu yêu cầu: Đọc từ ngữ trong 4 ô chữ; tìm tiếng chứa vần *ang, ăng, âng*; đọc các vần *ang, ăng, âng*.
– *Nhóm/dãy bàn:* Đọc các từ ngữ chứa tiếng mới, đánh vần, đọc trơn các tiếng có vần mới.
– *Cả lớp:* Một số HS đọc trơn 4 từ ngữ có tiếng chứa vần mới, đọc vần mới; đọc 3 vần mới.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:*
  + HS quan sát hình và chữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu: đọc câu phù hợp với tranh (*Các em thấy gì ở mỗi bức tranh?*)
  + HS đọc các câu, chọn câu phù hợp với tranh.
– *Nhóm:* Trao đổi, chọn câu phù hợp với tranh.
– *Cá nhân:* Đọc bài ở mục 2c trong SHS.
– *Cả lớp*:
  + Đọc câu theo thước chỉ của GV.
  + Một số HS đọc câu theo thước chỉ của GV.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*
  + HS nhìn GV viết mẫu chữ *ang, ăng, âng, bàng*.
  + HS nghe GV nhắc cách viết chữ, nối chữ, cách đặt dấu thanh trên các chữ.
– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp:* Nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Mặt trăng**.*

– *Cả lớp:*
  + HS quan sát tranh HĐ4 trong SHS, nghe GV hỏi: *Các em thấy trong tranh có những cảnh vật gì?*
  + Một vài HS trả lời. GV chốt ý: *Trong tranh, các em thấy mặt trăng chiếu sáng cả một vùng. Để biết thêm về hành tinh này, các em cùng cô (thầy) đọc đoạn Mặt trăng.*
  + HS nghe GV đọc đoạn; GV nhắc HS chú ý chỗ ngắt, nghỉ.
  + HS đọc cả đoạn theo GV.
  + 2 HS đọc phần đầu của đoạn; 1 HS đọc phần cuối.
– *Nhóm:* Luyện đọc đoạn và trao đổi để trả lời câu hỏi dưới tranh (*Bài này cho em biết gì về tuổi của mặt trăng?*).
– *Cả lớp:*
  + Từng nhóm đọc trơn và đại diện nhóm trả lời câu hỏi. (*Tuổi của mặt trăng gần bằng tuổi của trái đất.*)
– HS đọc lại cả đoạn.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

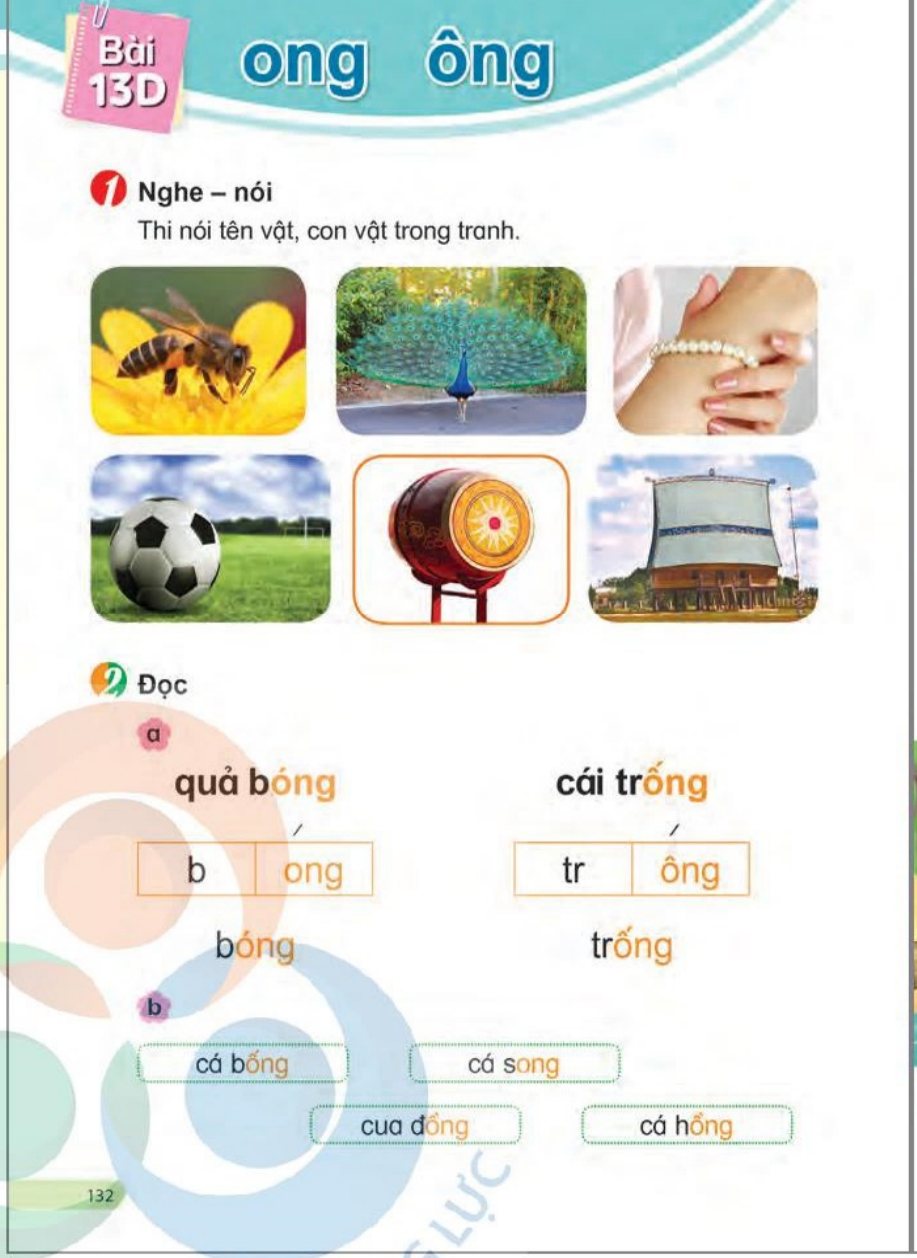
Bài 13D ong ông

Mục tiêu

- HS đọc đúng vần *ong*, *ông*; các tiếng, từ ngữ chứa vần mới học. Hiểu nghĩa từ ngữ và trả lời được câu hỏi của đoạn đọc *Chim công muốn gì?*
- Viết đúng: *ong*, *ông*, *bóng*, *trống*.
- Nói đúng tên vật, con vật có vần *ong*, *ông*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 6 thẻ chữ có tiếng chứa các vần *ong*, *ông*:
  + *con ong*, *quả bóng*, *vòng tay*
  + *con công*, *cái trống*, *nhà rông*
- Tranh và từ ngữ phóng to của HĐ2c.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp:

– HS nghe GV giới thiệu: Cô (thầy) có 6 thẻ hình phát cho 6 em (lên đứng trước lớp và để hình trước ngực). Các em nhận thẻ, tìm về đúng nhóm từ ngữ có tiếng chứa vần giống nhau. HS cầm thẻ đứng vào 2 nhóm (nhóm có tiếng chứa vần *ong*, nhóm có tiếng chứa vần *ông*).

– HS nhìn GV chỉ vào từng thẻ hình và nói đúng, nói nhanh các từ ngữ thể hiện nội dung thẻ hình đó (*con ong, quả bóng, vòng tay, con công, cái trống, nhà rông*).

– HS nghe GV nhận xét: *Nhìn thẻ hình, các em đã nói đúng các nhóm có tiếng cùng vần* (ong, ông). *Các vần đó sẽ là nội dung bài học hôm nay.*

– HS nhìn GV viết tên bài trên bảng: *ong, ông*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ HS mở SHS, nhìn GV viết tiếng/từ khoá trên bảng, nghe GV giải thích:

• *Tiếng bóng có âm đầu b, vần ong và thanh sắc.*

• *Tiếng trống có âm đầu tr, vần ông và thanh sắc.*

+ HS nghe và đánh vần, đọc trơn theo GV:

• ***ong**: bờ – ong – bong – sắc – bóng → bóng.*

• ***ông**: trờ – ông – trông – sắc – trống → trống.*

+ HS đọc trơn: *bóng, trống.*

+ HS nghe GV đọc trơn: *quả bóng, cái trống.*

+ HS đọc trơn: *quả bóng, cái trống.*

– *Nhóm*: Luyện đọc trơn: *ong, bóng, quả bóng; ông, trống, cái trống.*

– *Cả lớp:*

+ Một số nhóm đọc trơn: *ong, bóng, quả bóng; ông, trống, cái trống.*

+ HS đọc trơn vần, tiếng, từ ngữ các nhóm vừa đọc.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* HS nhìn bảng phụ, nghe GV nêu yêu cầu (tương tự như các bài trước).

– *Nhóm/dãy bàn:* Luyện đọc trơn.

+ Đọc 4 từ ngữ trong 4 ô chữ.

+ Đọc tiếng chứa vần *ong, ông.*

+ Đọc vần *ong, ông.*

SỬ DỤNG ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Chị cõng em.



Cụ già chống gậy.



Mẹ đóng cổng.

3 Viết

ong ông bóng trống

4 Đọc



Chim công muốn gì?

Chào mào hỏi:

– Công ơi! Sao bạn lại làm tổ trong bụi cây? Nếu bạn ở trên này, bộ lông của bạn sẽ đẹp hơn dưới tia nắng mặt trời.

Công đáp:

– Tôi ở đây vì mấy bạn nhỏ yêu mến tôi. Còn ở trên đó, chẳng có bạn nhỏ nào vuốt ve tôi cả.

? *Vì sao công làm tổ ở bụi cây?*

– *Cả lớp:* Một số HS đọc trơn các từ ngữ trong khung theo GV chỉ; đọc tiếng chứa vần *ong, ông*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* HS quan sát GV đính tranh và chữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu đọc câu phù hợp với tranh:
  + *Các em thấy gì ở mỗi bức tranh?* (tranh 1: *Người chị đang làm gì?*; tranh 2: *Cụ già đi như thế nào?*; tranh 3: *Người phụ nữ đang làm gì?*).
  + HS đọc các câu.

– *Nhóm:*
  + *Thi chọn câu phù hợp với tranh.*
  + Trao đổi về nội dung các tranh và chọn câu phù hợp với mỗi tranh.

– *Cả lớp:*
  + Đại diện nhóm HS nêu kết quả đã chọn và lên bảng đính đúng câu dưới mỗi tranh (mỗi nhóm đính 1 câu), đọc trơn câu đã đính.
  + HS đọc từ ngữ theo thước chỉ của GV.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*
  + HS nhìn GV viết mẫu chữ *ong, ông, bóng, trống*.
  + HS nghe GV nhắc cách viết chữ, nối chữ, cách đặt dấu thanh trên các chữ.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp*: HS nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu đoạn ***Chim công muốn gì?***

– *Cả lớp:*
  + HS quan sát tranh HĐ4 trong SHS, nghe GV hỏi: *Các em thấy những gì trong bức tranh?*
  + Một vài HS trả lời (*... thấy chim chào mào đứng trong tổ trên cây; ... thấy chim công đứng bên bụi cây*).
  + HS nghe GV đọc trơn đoạn. Nhắc HS chú ý chỗ ngắt, nghỉ.
  + HS đọc trơn đoạn theo GV.
  + 3 HS đọc trơn đoạn (2 HS đọc phần đầu; 1 HS đọc phần cuối).

– *Nhóm:*
  + Luyện đọc trơn đoạn và trao đổi để trả lời câu hỏi:
    Vì sao công làm tổ ở bụi cây? (Vì ở đó công được mấy bạn nhỏ yêu mến)
  + Các nhóm đọc trơn đoạn.

– *Cả lớp:*
  + Đại diện nhóm trả lời câu hỏi.
  + HS nghe GV nhận xét từng nhóm và hỏi: *Trong đoạn, có tiếng nào chứa vần vừa học? (trong, lông, công)*
  + HS đọc lại cả đoạn.
  + Một số HS đọc nối tiếp đoạn.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 13E ung ưng

Mục tiêu

- HS đọc đúng vần: *ung, ưng*; đọc đúng tiếng, từ ngữ, đoạn. Hiểu nghĩa từ ngữ qua tranh; hiểu và trả lời câu hỏi của đoạn đọc *Tết Trung thu*.
- Viết đúng: *ung, ưng, súng, gừng*.
- Nói được tên các sự vật trong tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to thẻ tranh ở HĐ1.
- Tranh và chữ phóng to HĐ đọc hiểu từ ngữ (HĐ2c).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp:

– HS nghe GV giới thiệu: *Cô (thầy) có 5 thẻ tranh. Cô (thầy) mời 5 em chia làm 2 nhóm lên nhận thẻ tranh và đứng trước lớp. (Có 2 nhóm thẻ tranh: a/* chùm sung, bông súng, cái thúng; *b/* củ gừng, quả trứng). *Bây giờ, ai biết tên các vật khớp với thẻ tranh, cho cô (thầy) biết (GV vừa hỏi vừa chỉ vào từng thẻ tranh:* Đây là gì? – Đây là chùm sung./ Đây là bông súng./ Đây là cái thúng./ Đây là củ gừng…).

– GV chỉ vào 2 tranh *bông súng* và *củ gừng* để HS nói được từ *bông (hoa) súng* và *củ gừng*. GV chốt lại: *Hai từ bông súng và củ gừng có 2 vần ung và ưng là tên bài học mới hôm nay.*

– GV ghi tên bài lên bảng: *ung, ưng*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ HS mở SHS, nhìn GV viết tiếng, từ khoá trên bảng; nghe GV giải thích:

• *Tiếng súng có âm đầu s, vần ung và thanh sắc.*

• *Tiếng gừng có âm đầu g, vần ưng và thanh huyền.*

+ HS nghe và đánh vần, đọc trơn theo GV:

• ***ung**: sờ – ung – sung – sắc – súng → súng.*

• ***ưng**: gờ – ưng – gưng – huyền – gừng → gừng.*

+ HS đọc trơn: *ung – súng; ưng – gừng.*

+ HS nghe GV đọc trơn và đọc theo: *bông súng, củ gừng.*

– *Nhóm:*

+ Cá nhân đọc trơn: *ung, súng, bông súng; ưng, gừng, củ gừng.*

+ Nhóm đọc trơn: *súng, bông súng; gừng, củ gừng.*

– *Cả lớp:*

+ Đọc trơn: *bông súng, củ gừng.*

+ Một vài HS đọc trơn: *bông súng, củ gừng.*

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* HS nhìn bảng phụ, nghe GV nêu yêu cầu (cách làm tương tự như bài trước hoặc theo sáng tạo của GV).

GIÁO ÁN ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



đứng nghiêm



dừng xe



tung lưới

3 Viết

ung ưng súng gừng

4 Đọc

Tết Trung thu

Đón tết Trung thu, nhà nào cũng lo sắm đồ chơi và quả bày cỗ. Đồ chơi Trung thu có đèn ông sao, đèn kéo quân, mặt nạ,... Mâm cỗ Trung thu có nhiều thứ quả như ổi, hồng, chuối, bưởi,...

Khắp bản làng, ngõ phố, trẻ em vui mừng xem múa sư tử và phá cỗ.





? *Đồ chơi Trung thu có gì?*

135

– *Nhóm/dãy bàn:*

+ Đọc từ ngữ trong 4 ô chữ.

+ Đọc tiếng chứa vần *ung, ưng*.

+ Đọc vần: *ung, ưng*.

– *Cả lớp:* Một số HS đọc trơn các từ ngữ theo GV chỉ trên bảng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* HS quan sát GV đính tranh và chữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu đọc từ ngữ phù hợp với tranh:

+ *Các em thấy gì ở mỗi bức tranh?* (tranh 1: *Hai chú bộ đội đứng nghiêm*; tranh 2: *Ô tô dừng lại trước đèn đỏ*; tranh 3: *Cầu thủ sút bóng tung lưới*)

+ HS đọc các từ ngữ *đứng nghiêm, dừng xe, tung lưới;* chọn từ ngữ phù hợp với hình.

+ HS theo thước chỉ của GV đọc các từ ngữ phù hợp.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* HS nhìn GV viết mẫu chữ *ung, ưng, súng, gừng*; nghe GV nhắc cách viết chữ, nối chữ, cách đặt dấu thanh.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* HS nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Tết Trung thu**.*

– *Cả lớp:*

+ HS quan sát tranh HĐ4 được GV treo trên bảng, nghe GV hỏi: *Các em thấy những gì trong 2 tranh này?*

+ Một vài HS trả lời, GV nhận xét và nêu lại một số ý các em đã nói: *Trong tranh, chúng ta thấy có nhiều đồ chơi Trung thu và mâm cỗ Trung thu. Những hình ảnh này sẽ giúp các em hiểu rõ hơn nội dung đoạn đọc* Tết Trung thu.

+ HS nghe GV đọc trơn đoạn; GV nhắc HS chú ý chỗ ngắt, nghỉ hơi khi đọc.

+ 3 HS đọc trơn đoạn (2 HS đọc phần đầu, 1 HS đọc phần cuối).

– *Nhóm:* Luyện đọc trơn cả đoạn và thảo luận để chọn ý trả lời đúng cho các câu hỏi cuối đoạn.

– *Cả lớp:*

+ Từng nhóm đọc trơn đoạn và đại diện nhóm trả lời câu hỏi (*... đèn ông sao, đèn kéo quân, mặt nạ,...*).

+ HS nghe GV nhận xét từng nhóm và hỏi: *Trong đoạn đọc, có tiếng nào chứa vần vừa học? (Trung)*.

+ HS đọc lại cả đoạn.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tuần 13

Tập viết

Mục tiêu

- HS biết viết tổ hợp chữ ghi vần: *up, ươp, iêp, ang, ăng, âng, ong, ông, ung, ưng*.
- Biết viết từ ngữ: *búp sen, rau diếp, giàn mướp, cây bàng, măng tre, nhà tầng, quả bóng, cái trống, bông súng, củ gừng*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường.
- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường, thẻ từ: *up, ươp, iêp, ang, ăng, âng, ong, ông, ung, ưng, búp sen, rau diếp, giàn mướp, cây bàng, măng tre, nhà tầng, quả bóng, cái trống, bông súng, củ gừng*.
- VD:

ông *ông*

quả bóng *quả bóng*

- Tranh ảnh: *búp sen, rau diếp, giàn mướp, cây bàng, măng tre, nhà tầng, quả bóng, cái trống, bông súng, củ gừng*.
- *Tập viết 1*, tập một; bút chì cho HS.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Chơi trò Bỏ thẻ.

– *Cả lớp*: Nghe GV hướng dẫn cách chơi (tương tự như ở các bài trước).

– *Cá nhân*: Từng HS thực hiện trò chơi theo HD của GV.

GV sắp xếp các thẻ chữ theo trật tự trong bài và dán các thẻ từ vào dưới hình trên bảng lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Nhận diện các tổ hợp chữ cái ghi vần.

Cả lớp: Nghe GV đọc từng chữ và nhìn vào thẻ chữ GV chỉ rồi đọc theo: *up, ươp, iêp, ang, ăng, âng, ong, ông, ung, ưng.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết chữ ghi vần.

– *Cả lớp*: Nghe GV làm mẫu, HD viết chữ ghi vần: *up, ươp, iêp, ang, ăng, âng, ong, ông, ung, ưng* (mỗi vần viết 1 – 2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ).

– Cá nhân: Thực hiện viết từng vần.

* *Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Viết từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ ngữ và làm mẫu, HD viết từng từ ngữ: *búp sen, rau diếp, giàn mướp, cây bàng, măng tre, nhà tầng, quả bóng, cái trống, bông súng, củ gừng* (mỗi từ ngữ viết 1 – 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ ngữ. Đặt bài vào triển lãm bài viết.

– *Cả lớp:* Xem triển lãm các bài viết. Bỏ phiếu chọn bài viết đúng và đẹp nhất. Nghe GV nhận xét một số bài viết được bầu chọn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 14A iêng uông ương

Mục tiêu

- HS đọc đúng vần *iêng, uông, ương*; đọc trơn các tiếng, từ ngữ, đoạn đọc. Hiểu nghĩa từ ngữ qua tranh, ý chính của bài thơ *Kể về quả* và trả lời câu hỏi.
- Viết đúng: *iêng, uông, ương, riêng*.
- Nói được tên những đồ ăn, đồ uống.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1.
- Tranh và từ ngữ phóng to của HĐ đọc hiểu câu (HĐ2c).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS quan sát tranh HĐ1 được GV treo trên bảng, nghe GV gợi ý: *Các em hãy hỏi – đáp trong nhóm về những đồ ăn, đồ uống mà mình thích.* VD:
  + Tranh vẽ những đồ ăn? (*rau muống, thịt nướng, sầu riêng*)
  + Tranh vẽ những đồ uống nào (*nước lọc, nước cam, nước dừa*)

– *Nhóm:*
  + Hỏi – đáp về đồ ăn, đồ uống.
  + Một vài nhóm cử đại diện hỏi – đáp trước lớp.
  + HS nghe GV nhận xét (khen các em hỏi – đáp đúng nội dung) và nói: *Trong lời hỏi – đáp, các em có nhắc đến* thịt nướng, rau muống *và các món tráng miệng như* sầu riêng,... *Các từ ngữ* sầu riêng, rau muống, thịt nướng *chứa tiếng có vần hôm nay chúng ta sẽ học: vần* iêng, uông, ương.
  + HS nhìn GV viết tên bài trên bảng: *iêng, uông, ương.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*
  + HS nhìn GV viết tiếng, từ khoá trên bảng, nghe GV giải thích:
    • *Tiếng riêng có âm đầu r, vần iêng và thanh không dấu.*
    • *Tiếng muống có âm đầu m, vần uông và thanh sắc.*
    • *Tiếng nướng có âm đầu n, vần ương và thanh sắc.*
  + HS nghe và đánh vần, đọc trơn theo GV:
    • ***iêng:*** *rờ – iêng – riêng → riêng.*
    • ***uông:*** *mờ – uông – muông – sắc – muống → muống.*
    • ***ương:*** *nờ – ương – nương – sắc – nướng → nướng.*
  + HS đọc trơn: *iêng, riêng; uông, muống; ương, nướng.*
  + HS nghe GV đọc trơn: *sầu riêng, rau muống, thịt nướng.*
  + HS đọc trơn: *sầu riêng, rau muống, thịt nướng.*

– *Nhóm:* Đọc trơn: *iêng, riêng, sầu siêng; uông, muống, rau muống; ương, nướng, thịt nướng.*

– *Cả lớp:*
  + Đọc trơn: *riêng, sầu riêng; muống, rau muống; nướng, thịt nướng.*
  + Một vài HS đọc trơn: *sầu riêng, rau muống, thịt nướng.*

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* HS nhìn bảng phụ, nghe GV nêu yêu cầu (cách làm tương tự như các bài trước).

ĐỂ HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Chị đang soi gương.



Đàn chim bay liệng.



Mẹ chèo xuồng.

3 Viết

iêng uông ương riêng

4 Đọc

Kể về quả

Quả me có vị chua
Làm ô mai ngon quá
Quả sầu riêng rất lạ
Người chê, người bảo thơm…

Quả vải thơm là bạn
Của tu hú tháng ba
Sao lại gọi chuối ta
Là chuối tây hả bạn?

(*Theo* Xuân Quỳnh)



? *Nói về mùi vị của một thứ quả.*

137

– *Nhóm/dãy bàn:*
  + Đọc từ ngữ trong 4 ô chữ.
  + Tìm và đọc tiếng chứa vần mới.
– *Cả lớp:*
  + HS thi đọc trơn các tiếng, từ ngữ trên bảng theo thước chỉ của GV (Từng lượt nhóm 4 HS, mỗi HS đọc 1 tiếng, không theo thứ tự).
  + Một số HS đọc trơn các tiếng chứa vần mới, đọc trơn vần mới.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* HS quan sát GV đính tranh và chữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu đọc câu phù hợp với tranh:
  + *Các em thấy gì ở mỗi bức tranh?* (tranh 1: *Cô gái đang soi gương*; tranh 2: *Đàn chim đang bay liệng;* tranh 3: *Người phụ nữ đang chèo xuồng*)
  + HS đọc các câu.
– *Nhóm:* Thi chọn câu phù hợp tranh. Làm việc theo yêu cầu của GV.
– *Cả lớp:*
  + Đại diện nhóm nêu kết quả đã chọn và lên bảng đính đúng từ ngữ dưới mỗi tranh (mỗi nhóm đính 1 câu), đọc trơn câu đã đính.
  + HS theo thước chỉ của GV, đọc câu phù hợp với tranh.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*
  + HS nhìn GV viết mẫu: *iêng, uông, ương, riêng*.
  + HS nghe GV nhắc cách viết chữ, cách nối nét giữa các chữ cái.
– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp:* HS nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Kể về quả**.*

– *Cả lớp:*
  + HS quan sát tranh HĐ4 trong SHS, nghe GV hỏi: *Trong tranh có những quả gì?*
  + Một vài HS trả lời.
  + HS nghe GV đọc trơn đoạn; GV nhắc HS chú ý chỗ ngắt, nghỉ.
  + HS đọc trơn đoạn theo GV.
– *Nhóm:* Luyện đọc trơn đoạn và trao đổi để trả lời câu hỏi: *Nói về mùi vị của một thứ quả.*
– *Cả lớp:*
  + Từng nhóm đọc trơn và đại diện nhóm trả lời câu hỏi.
  + HS nghe GV nhận xét từng nhóm và GV hỏi thêm: *Trong đoạn đọc này có tiếng nào chứa vần vừa học?*
  + Một vài HS trả lời.
  + HS đọc lại cả đoạn.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 14B inh ênh anh

Mục tiêu

- Đọc đúng vần *inh, ênh, anh*; đọc trơn các tiếng, từ ngữ và đoạn. Hiểu nghĩa từ ngữ và nội dung chính của đoạn đọc.
- Viết đúng: *inh, ênh, anh, kính.*
- Biết nói về các đồ dùng trong nhà.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1.
- Tranh và chữ phóng to HĐ đọc hiểu câu (2c).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS quan sát tranh HĐ1 được GV treo trên bảng; nghe GV nêu yêu cầu: *Các em hãy hỏi – đáp trong nhóm về các vật trong phòng khách. Chú ý các chi tiết: cửa kính, trên tường có tranh lụa vẽ cảnh dòng kênh chảy giữa cánh đồng lúa chín.*

– *Nhóm:* Hỏi – đáp về các vật trong phòng khách.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV kết luận: Trong nội dung hỏi – đáp, các em đã nhắc tới các từ ngữ: *cửa kính, dòng kênh, tranh lụa*. Các từ ngữ này chứa các tiếng có vần *inh, ênh, anh* mà các em sẽ học hôm nay.

+ HS nhìn GV viết tên bài trên bảng: *inh, ênh, anh.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ HS mở SHS, nhìn GV viết tiếng/từ khoá trên bảng, nghe GV giải thích:
  - *Tiếng kính có âm đầu k, vần inh và thanh sắc.*
  - *Tiếng kênh có âm đầu k, vần ênh và thanh không dấu.*
  - *Tiếng tranh có âm đầu tr, vần anh và thanh không dấu.*

+ HS nghe và đánh vần, đọc trơn theo GV:
  - ***inh**: ka – inh – kinh – sắc – kính → **kính**.*
  - ***ênh**: ka – ênh – kênh → **kênh**.*
  - ***anh**: trờ – anh – tranh → **tranh**.*

+ HS đọc trơn: *inh, ênh, anh; kính, kênh, tranh.*

+ HS nghe GV đọc trơn và đọc theo: *cửa kính, dòng kênh, tranh lụa.*

– *Nhóm:* Đọc trơn: *inh, kính, cửa kính; ênh, kênh, dòng kênh; anh, tranh, tranh lụa.*

– *Cả lớp:*

+ HS đọc trơn: *kính, cửa kính, kênh, dòng kênh, tranh, tranh lụa.*

+ Một vài HS đọc trơn tiếng, từ ngữ.

b) Đọc tiếng, từ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* HS nhìn bảng phụ, nghe GV nêu yêu cầu (cách làm tương tự các bài học trước).

– *Nhóm/dãy bàn:*

+ Đọc 4 từ trong 4 ô chữ.

+ Đọc tiếng chứa vần mới, đọc vần mới.

– *Cả lớp:* Một số HS đọc trơn các tiếng, từ trong 4 ô chữ theo GV chỉ; đọc tiếng có vần mới; đọc vần mới.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Bé chơi xếp hình.



Thầy giáo đánh trống.



Hai bạn chơi bập bênh.

3 Viết

inh ênh anh kính

4 Đọc

a *Cái gì cao lớn lênh khênh*
Đứng mà không tựa ngã kềnh ngay ra.
Là cái gì?





b *Tròn vành vạnh, trắng phau phau*
Ăn no tắm mát rủ nhau đi nằm.
Là cái gì?

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:*

+ Quan sát GV đính hình và chữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu đọc từ ngữ phù hợp với hình:
  • *Các em thấy gì ở mỗi bức hình? (Cô bé chơi xếp hình; Trẻ em chơi bập bênh; Thầy giáo đánh trống).*
  • *HS đọc câu và nghe GV nêu yêu cầu chọn câu phù hợp với hình.*

– *Nhóm:* Thi chọn câu phù hợp với hình. Trao đổi, chọn câu phù hợp cho mỗi hình.

– *Cả lớp:*

+ Đại diện nhóm nêu kết quả đã chọn và lên bảng đính đúng câu dưới mỗi hình (mỗi nhóm đính 1 câu), đọc trơn câu đã đính.
+ HS theo thước chỉ của GV, đọc câu phù hợp với hình.
+ Chơi: *Tôi đang làm gì?*
  • *6 HS tham gia trò chơi (3 HS cầm thẻ hình, 3 HS cầm thẻ chữ).*
  • *Sau khi nhận thẻ, HS nghe GV phát lệnh, 3 HS cầm thẻ chữ chạy nhanh đến cạnh bạn HS cầm thẻ tranh phù hợp. Ai nhanh là thắng cuộc*

– *Cá nhân:* Luyện đọc trơn trong SHS.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* HS nhìn GV viết mẫu chữ *inh, ênh, anh, kính*; nghe GV nhắc cách viết chữ, nối chữ, cách đặt dấu thanh trên các chữ.

– *Cá nhân:*

+ Viết bảng con (hoặc viết vở).
+ HS nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc và trả lời câu đố.

– *Cả lớp:*

+ Quan sát tranh HĐ4 trong SHS; nghe GV hỏi: *Các em thấy gì ở các tranh? Cái gì đang tựa vào tường? Cái gì đang úp trong giá?*
+ Nghe GV nói tiếp: *Từ những gợi ý trong tranh, các nhóm hãy trao đổi để giải các câu đố mà chúng ta sẽ đọc sau đây.*
+ Nghe GV đọc các câu đố; GV nhắc HS chú ý ngắt hơi ở dấu phẩy trong câu đố.
+ Cả lớp đọc 2 câu đố.
+ 2 HS đọc 2 câu đố (Mỗi HS đọc 1 câu đố).

– *Nhóm:* Đọc các câu đố và trao đổi để giải đố.

– *Cả lớp:*

+ Từng nhóm đọc câu đố và đại diện nhóm trả lời câu hỏi: a) *cái thang*; b) *chồng bát* (úp trong giá để bát).
+ HS nghe GV nhận xét từng nhóm và hỏi: *Trong các câu đố này có tiếng nào chứa vần mới học? (cánh, vành, vạnh)*

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 14C

Ôn tập

ang ăng âng ong ông ung ưng iêng uông ương inh ênh anh

Mục tiêu

- Đọc trơn các tiếng, từ ngữ chứa vần có âm cuối *ng* hoặc *nh*. Đọc câu chuyện *Ai đánh răng cho cá sấu?*
- Nghe kể câu chuyện *Món quà mẹ tặng* và trả lời câu hỏi.
- Nói về món quà em được tặng.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ thể hiện nội dung của HĐ2a.
- Tranh và thẻ chữ phóng to của HĐ4.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Nghe – nói

Nói nhanh tiếng chứa vần có kết thúc bằng *ng* hoặc *nh*.

Cả lớp:

– HS nghe GV nêu nội dung chơi: Cô (thầy) có 4 thẻ tranh – chữ có tiếng chứa các vần đã học (*cái thang, mặt trăng, chong chóng, bánh mì*). Cô (thầy) mời 4 em lên cầm những thẻ tranh – chữ này. Khi cô (thầy) chỉ vào thẻ tranh – chữ nào rồi chỉ vào bàn HS nào thì HS bàn ấy đọc nhanh tiếng chứa vần của thẻ và nói thêm một tiếng cùng vần với tiếng vừa đọc (VD: *thang*, *bảng/hàng/sáng*,...) Tiếp tục như thế với các thẻ tranh – chữ khác. Bàn HS nào nói ngắc ngứ sẽ phải nói tiếng của vần tiếp theo.

– 4 HS nhận thẻ chữ, đứng trước lớp; các bàn HS ngồi dưới theo dõi thước chỉ của GV và nói nhanh tiếng chứa vần có âm cuối *ng*, *nh*.



Bài 14C

Ôn tập

ang ăng âng ong ông ung ưng iêng uông ương inh ênh anh

1 Nghe – nói

Nói nhanh tiếng chứa vần có kết thúc bằng **ng** hoặc **nh**.

2 Đọc

a) Đọc vần, từ ngữ.

A

Vần	ang	âng	ong	ông	ung	ưng
Từ ngữ	buổi sáng	nâng đỡ	chong chóng	dòng sông	anh hùng	khu rừng

B

Vần	iêng	uông	ương	inh	ênh	anh
Từ ngữ	cồng chiêng	buồng chuối	trường lớp	ngôi đình	ra lệnh	cành cây

b) Đọc câu chuyện.

Ai đánh răng cho cá sấu?

Chẳng ai dám nhận đánh răng cho cá sấu. Cá sấu tìm mãi mới có con choi choi nhận lời.

Hằng ngày, sau bữa tối, cá sấu há miệng chờ choi choi tới. Choi choi chui vào miệng cá, nhặt đồ ăn sót lại ở hai hàm răng lởm chởm.

Choi choi giúp cá sấu nên nó không sợ cá sấu ăn thịt.

? *Vì sao cá sấu không ăn thịt choi choi?*

140

2. Đọc

a) Đọc vần, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ HS nhìn GV đính bảng phụ ghi 2 bảng ôn A, B; nghe GV hỏi khi chỉ vào các dòng ngang của mỗi bảng: *Các dòng ngang ở mỗi bảng ghi những gì?*

+ Một số HS trả lời:

• *Ở bảng, dòng ngang thứ nhất ghi các vần có âm cuối ng.*

• *Dòng ngang thứ hai ghi các từ ngữ có tiếng chứa vần mang âm cuối ng.*

(Tương tự như thế, đối với các vần, tiếng, từ ngữ có âm cuối *nh* ở bảng B)

+ HS nghe GV đọc trơn các vần, tiếng, từ ngữ trong bảng A và đọc theo.

– *Nhóm:* Đọc trơn nối tiếp trong nhóm từng vần, tiếng, từ ngữ (HS 1: *ang – buổi sáng*; HS 1: *âng – nâng đỡ*,...).

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Nghe – nói

a) Kể chuyện.

Món quà mẹ tặng



1. Khi xem phim, cậu bé nghĩ tới điều gì?



2. Mẹ tặng quà gì cho cậu bé trong dịp sinh nhật?



3. Nhìn đĩa bay bay cao, cậu bé muốn sau này làm gì?

b) Kể về món quà em được tặng.

141

– *Cả lớp:*

+ Đọc trơn bảng ôn.

+ Một số HS đọc trơn bảng ôn.

b) Đọc câu chuyện *Ai đánh răng cho cá sấu?*

– *Cả lớp:*

+ HS quan sát tranh HĐ2a trong SHS, nghe GV hỏi: *Tranh vẽ cảnh gì?*

+ Một vài HS trả lời. GV chốt ý: *Tranh vẽ cảnh cá sấu há miệng cho con choi choi đánh răng. Hình ảnh trong tranh này giúp các em hiểu rõ hơn nội dung đoạn đọc.*

+ HS nghe GV đọc trơn đoạn; GV nhắc HS chú ý chỗ ngắt, nghỉ hơi và đọc theo GV.

+ 2 HS đọc trơn đoạn (1 HS đọc phần đầu, 1 HS đọc phần còn lại).

– *Nhóm:* Luyện đọc trơn đoạn và trao đổi để trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:*

+ Từng nhóm HS đọc trơn và đại diện nhóm trả lời câu hỏi.

+ *HS nghe GV nhận xét từng nhóm và hỏi: Trong đoạn, có tiếng nào chứa vần có âm cuối ng hoặc nh? (chẳng, đánh, răng, hằng, miệng)*

+ HS đọc lại cả đoạn.

3. Nghe – nói

a) Nghe kể câu chuyện *Món quà mẹ tặng* và trả lời câu hỏi.

Cả lớp:

– HS quan sát 3 bức tranh thể hiện nội dung của câu chuyện *Món quà mẹ tặng* và nghe GV kể tóm tắt câu chuyện. GV vừa kể vừa chỉ vào từng bức tranh.

+ Tranh 1: *Xem phim* Chiến tranh giữa các vì sao, *bé Bo nghĩ tới các hành tinh ngoài trái đất. Cậu kể ý nghĩ đó với mẹ của mình.*

+ Tranh 2: *Cậu được mẹ tặng quà trong ngày sinh nhật. Đó là một món đồ chơi đĩa bay.*

+ Tranh 3: *Bo tập chơi đĩa bay và chơi thành thạo. Bo rủ các bạn thi xem đĩa bay của ai bay cao. Một lần, đĩa bay của Bo bay cao hơn đĩa bay của các bạn. Bo hãnh diện nói: Lớn lên, tớ sẽ thành một phi công.*

– GV cho HS trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh.

b) Nói về món quà em được tặng.

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu yêu cầu nói về món quà em được tặng.

– *Cặp/nhóm:* Trao đổi về món quà mình được tặng.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS nói trước lớp. Nghe GV nhận xét.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

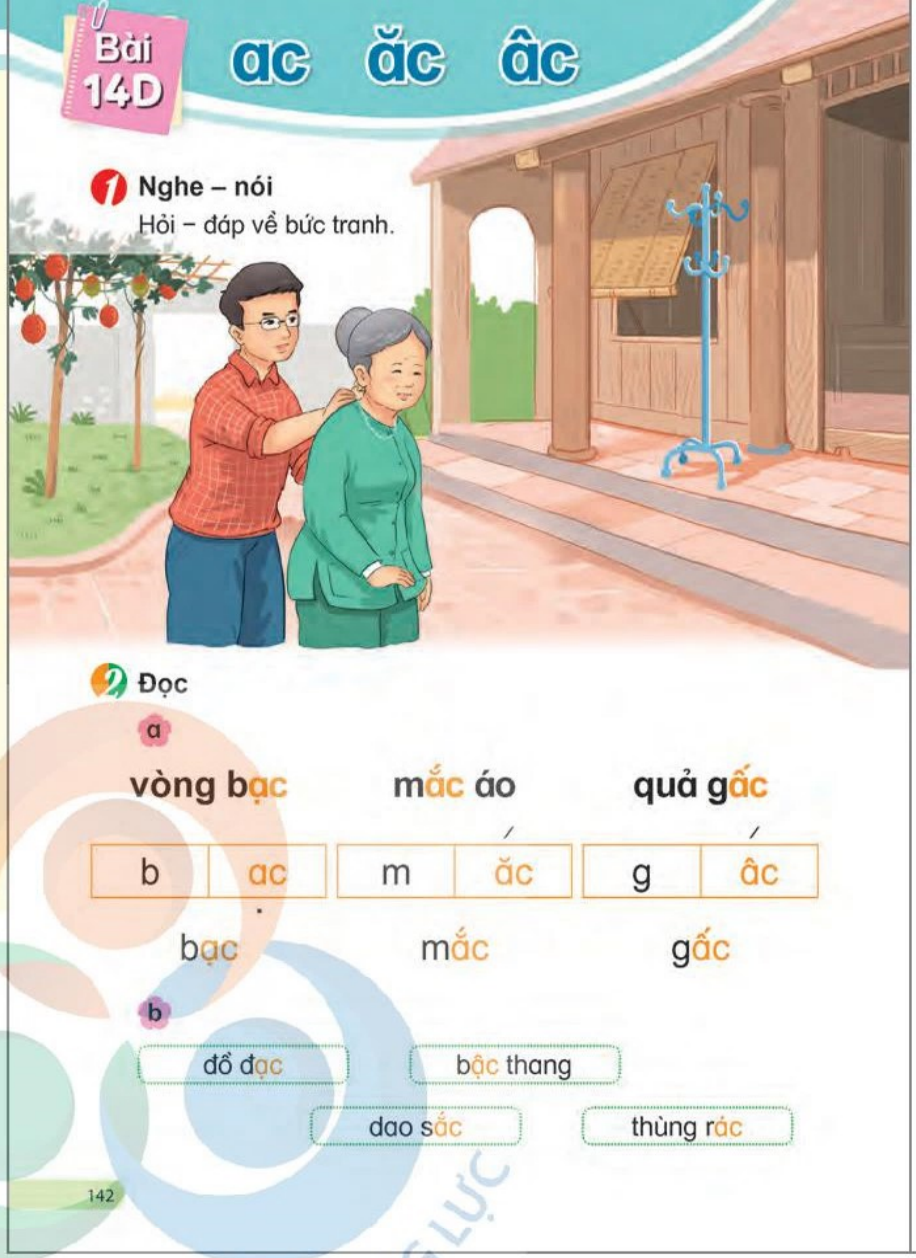
Bài 14D ac ăc âc

Mục tiêu

- Đọc đúng vần *ac, ăc, âc*; đọc trơn các tiếng, từ ngữ, các phần của đoạn đọc. Hiểu nghĩa từ ngữ và ý chính của đoạn đọc.
- Viết đúng: *ac, ăc, âc, bạc*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1, HĐ tạo tiếng mới.
- Tranh và từ ngữ phóng to của HĐ đọc hiểu từ ngữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS quan sát tranh HĐ1 được GV treo trên bảng, nghe GV gợi ý: *Trong tranh, các em thấy người bố đang đeo vòng bạc cho bà. Trên thềm nhà có mắc áo. Trước sân nhà, giàn gấc có mấy quả chín đỏ. Từng cặp hãy hỏi – đáp về các chi tiết mà cô (thầy) gợi ý: Người bố đeo cho bà cái gì? (… vòng bạc); Trên thềm nhà có đồ vật gì?; Trước sân nhà có giàn quả gì?*

– *Cặp:* Hỏi – đáp về bức tranh.

– *Cả lớp:*

+ Một, hai cặp hỏi – đáp trước lớp.

+ HS nghe GV nhận xét: Các cặp đã hỏi – đáp về các chi tiết của bức tranh. *Qua hỏi – đáp, các em có nhắc đến các từ ngữ* vòng bạc, mắc áo, quả gấc. *Các từ ngữ này chứa tiếng có vần hôm nay chúng ta sẽ học*: ac, ăc, âc.

+ HS nhìn GV viết tên bài lên bảng: *ac, ăc, âc*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ HS nhìn GV viết tiếng, từ khoá trên bảng, nghe GV giải thích:
  - *Tiếng bạc có âm đầu b, vần ac và thanh nặng.*
  - *Tiếng mắc có âm đầu m, vần ăc và thanh sắc.*
  - *Tiếng gấc có âm đầu g, vần âc và thanh sắc.*
+ HS nghe GV đánh vần, đọc trơn và đánh vần, đọc trơn theo:
  - ***ac**: bờ – ac – bac – nặng – bạc → bạc.*
  - ***ăc**: mờ – ăc – măc – sắc – mắc → mắc.*
  - ***âc**: gờ – âc – gâc – sắc – gấc → gấc.*
+ HS đọc trơn: *ac, ăc, âc, bạc, mắc, gấc.*
+ HS nghe GV đọc trơn: *vòng bạc, mắc áo, quả gấc.*
+ HS đọc trơn: *vòng bạc, mắc áo, quả gấc.*

– *Nhóm*: Đọc trơn: *ac, bạc, vòng bạc; ăc, mắc, mắc áo; âc, gấc, quả gấc.*

SÁCH HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC



– *Cả lớp:*
  + HS đọc trơn: *ac, bạc, vòng bạc; ăc, mắc, mắc áo; âc, gấc, quả gấc.*
  + Một số HS đọc trơn vần, tiếng, từ ngữ theo thước chỉ của GV.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

(Cách làm tương tự các bài học trước.)

– *Nhóm/dãy bàn:* (Thực hiện như các bài học trước.)
– *Cả lớp:* Một số HS đọc trơn các từ ngữ trong 4 ô chữ, đọc tiếng chứa vần *ac, ăc, âc.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* HS quan sát GV đính tranh và chữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu đọc từ ngữ phù hợp với tranh:
  + *Các em thấy gì ở mỗi bức tranh?* (*Chị đang lắc vòng*; *Bé mặc áo*; *Cậu bé đứng nhấc chân*; *Người đàn ông vác bao gạo*)
  + HS đọc các từ ngữ: *mặc áo, nhấc chân, lắc vòng, vác bao gạo.*
– *Nhóm:* Thi chọn từ ngữ phù hợp với tranh.
– *Cả lớp:*
  + Đại diện nhóm HS nêu kết quả đã chọn và lên bảng đính đúng từ ngữ dưới mỗi tranh (mỗi nhóm đính 1 từ ngữ), đọc trơn từ ngữ đã đính.
  + HS theo thước chỉ của GV, đọc từ ngữ phù hợp.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* HS nhìn GV viết mẫu: *ac, ăc, âc, bạc*; nghe GV nhắc cách viết chữ, nối chữ, cách đặt dấu thanh ở chữ cái.
– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp*: HS nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu đoạn ***Cô giáo cũ****.*

– *Cả lớp:*
  + HS quan sát tranh HĐ4 trong SHS, nghe GV hỏi: *Nhìn hàng ghế ở chiếc ô tô trong tranh, em đoán là ô tô gì? Trong xe, người phụ nữ quay xuống hàng ghế sau nói chuyện với ai?*
  + Một vài HS trả lời. GV chốt ý: *Chiếc xe trong tranh là xe chở khách. Trên xe, người phụ nữ là cô giáo quay xuống nói chuyện với mẹ con cậu học sinh cũ. Bức tranh giúp các em hiểu rõ hơn nội dung đoạn đọc.*
  + HS nghe GV đọc trơn đoạn và đọc trơn theo GV; GV nhắc HS chú ý chỗ ngắt, nghỉ hơi trong đoạn đọc.
  + 2 HS đọc trơn đoạn đọc (mỗi HS đọc một phần).
– *Nhóm:* Luyện đọc trơn đoạn và trao đổi để chọn câu trả lời.
– *Cả lớp:*
  + Từng nhóm đọc trơn và đại diện nhóm trả lời câu hỏi: *Bắc nhớ những gì về cô giáo cũ?* (… giọng nói ấm áp và ánh mắt hiền từ)
  + HS nghe GV nhận xét từng nhóm và hỏi: Trong đoạn đọc có tiếng nào chứa vần của bài học hôm nay? (Bắc, khác, khắc)

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN TỪNG NGÀY

Bài 14E oc ôc

Mục tiêu

- Đọc đúng vần *oc, ôc*; đọc trơn các tiếng, từ ngữ của bài. Hiểu nghĩa từ ngữ qua tranh và hiểu ý chính của bài thơ *Hạt sương*. Trả lời được câu hỏi về bài thơ *Hạt sương*.
- Viết đúng *oc, ôc, sóc, ốc*.
- Biết nhận xét về đặc điểm một số con vật

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1.
- Tranh và từ ngữ phóng to của HĐ đọc hiểu câu (HĐ2c).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp:

– HS nghe GV nêu yêu cầu: *Các em hãy hỏi – đáp nội dung bức tranh. (Bạn thấy những con vật nào trong tranh? Chúng đang làm gì? Con ốc nói gì?)*

– Một vài cặp HS hỏi – đáp trước lớp về nội dung tranh.

+ HS nghe GV nhận xét: *Các cặp đã hỏi – đáp đúng về nội dung tranh. Qua hỏi – đáp, các em có nhắc tới các từ ngữ: con sóc, con ốc. Trong các từ ngữ này có tiếng sóc, ốc là tiếng chứa vần chưa học. Hai vần này các em sẽ được học trong bài hôm nay.*

+ HS nhìn GV viết tên bài trên bảng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

– *Cả lớp:*

+ HS mở SHS, nhìn GV viết tiếng, từ khoá trên bảng, nghe GV giải thích:

• *Tiếng sóc có âm đầu s, vần oc và thanh sắc.*

• *Tiếng ốc chỉ có vần ôc và thanh sắc.*

+ HS nghe GV đánh vần và đọc trơn:

• *sờ – oc – soc – sắc – sóc → sóc.*

• *ôc – sắc – ốc → ốc.*

+ HS đọc trơn: *oc, ôc; sóc, ốc.*

+ HS nghe GV đọc trơn: *con sóc, con ốc.*

+ HS đọc trơn: *con sóc, con ốc.*

– *Cá nhân*: Đọc trơn: *oc, sóc, con sóc; ôc, ốc, con ốc.*

– *Cả lớp*:

+ HS đọc trơn các tiếng, từ ngữ (*sóc, con sóc; ôc, con ốc*).

+ Một số HS đọc trơn: *sóc, con sóc; ốc, con ốc.*

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* HS nhìn bảng phụ, nghe GV nêu yêu cầu (Cách làm tương tự như các bài trước).

– *Nhóm/dãy bàn:*

+ Đọc từ ngữ trong 4 ô chữ.

+ Đọc tiếng chứa vần mới, đọc các vần mới.

– *Cả lớp*: Một số HS đọc trơn 4 từ ngữ trong ô chữ (theo GV chỉ).

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Bạn Ngọc học bài.



Chú An làm nghề bốc vác.

3 Viết

oc ôc sóc ốc

4 Đọc

Hạt sương

Hạt sương bé tí teo
Đựng cả ông mặt trời
Ai treo trên ngọn cỏ
Lung linh mà không rơi.

Con nghé con theo mẹ
Cứ lăng xa lăng xăng
Làm hạt sương rụng mất
Cỏ thương khóc ướt đầm.

(Phương Thảo)



? *Ai làm hạt sương rụng?*
a. *ông mặt trời*
b. *mẹ nghé*
c. *nghé con*

145

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* HS quan sát GV đính tranh và chữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu đọc câu phù hợp với tranh:

+ *Các em thấy gì ở mỗi tranh?* (*Cô bé đang làm gì?*; *Mấy người đàn ông đang làm gì?*)

+ HS đọc các câu dưới tranh.

– *Nhóm:* Thi chọn câu phù hợp với tranh.

Chọn câu phù hợp với tranh.

– *Cả lớp:*

+ Đại diện nhóm HS nêu kết quả đã chọn và lên bảng đính đúng câu dưới mỗi tranh (mỗi nhóm đính 1 câu), đọc trơn câu đã đính.

+ HS theo thước chỉ của GV, đọc từ ngữ phù hợp.

+ Chơi: *Nói nhanh: Tôi đang làm gì?*

• Thầy/cô đóng vai người trong tranh khi cầm các tranh rời của HĐ đọc hiểu câu.

• Thầy cô sẽ hỏi: *"Tôi đang làm gì?"*, HS nói nhanh việc làm của người trong tranh.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp*: HS nhìn GV viết mẫu chữ: *oc, ôc, sóc, ốc*; nghe GV nhắc cách viết chữ, nối chữ, cách đặt dấu thanh trên các chữ.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* HS nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu bài thơ ***Hạt sương***.

– *Cả lớp:*

+ HS quan sát tranh HĐ4 trong SHS, nghe GV hỏi: "Các em thấy gì trong tranh?".

+ Một vài HS trả lời. GV chốt ý: *Trong tranh có con nghé đang chạy theo trâu mẹ trên bãi cỏ đọng sương. Các chi tiết trong tranh sẽ giúp các em hiểu rõ hơn nội dung bài thơ.*

+ HS nghe GV đọc trơn bài thơ và đọc trơn theo GV; GV nhắc HS chú ý chỗ ngắt (ở mỗi dòng thơ) và chỗ nghỉ (ở cuối đoạn).

+ 2 HS đọc trơn bài thơ (mỗi HS đọc 1 đoạn).

– *Nhóm:* Luyện đọc trơn bài thơ và thảo luận để chọn câu trả lời đúng.

+ Từng nhóm HS đọc trơn và đại diện nhóm trả lời câu hỏi: *Ai làm hạt sương rụng?* (ý c)

+ HS nghe GV nhận xét từng nhóm và hỏi: *Trong bài thơ, có tiếng nào chứa vần của bài học mới?* (*khóc*)

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tuần 14

Tập viết

Mục tiêu

- Biết viết tổ hợp chữ ghi vần: *iêng, uông, ương, inh, ênh, anh, ac, ăc, âc, oc, ôc*
- Biết viết từ ngữ: *sầu riêng, rau muống, thịt nướng, cửa kính, dòng kênh, tranh lụa, vòng bạc, mắc áo, quả gấc, con sóc, ốc sên.*

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường.
- Bộ thẻ các chữ in thường và chữ viết thường, thẻ từ: *iêng, uông, ương, inh, ênh, anh, ac, ăc, âc, oc, ôc, sầu riêng, rau muống, thịt nướng, cửa kính, dòng kênh, tranh lụa, vòng bạc, mắc áo, quả gấc, con sóc, ốc sên.*
- VD:



- Tranh ảnh: *sầu riêng, rau muống, thịt nướng, cửa kính, dòng kênh, tranh lụa, vòng bạc, mắc áo, quả gấc, con sóc, ốc sên.*
- *Tập viết 1*, tập một; bút chì cho HS.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ 1. Chơi trò *Ai nhanh hơn?*

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi (tương tự như ở các bài trước).

– *Cá nhân:* Từng HS thực hiện trò chơi theo HD của GV.

GV sắp xếp các thẻ chữ theo trật tự trong bài viết và dán các thẻ từ vào dưới hình trên bảng lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. *Nhận diện các tổ hợp chữ cái ghi vần.*

Cả lớp: Nghe GV đọc từng chữ và nhìn vào thẻ chữ GV chỉ rồi đọc theo: *iêng, uông, ương, inh, ênh, anh, ac, ăc, âc, oc, ôc.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. *Viết chữ ghi vần.*

– *Cả lớp:* Nghe GV làm mẫu, HD viết từng chữ ghi: *iêng, uông, ương, inh, ênh, anh, ac, ăc, âc, oc, ôc.* (mỗi vần viết 1 – 2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng vần.

* *Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. *Viết từ ngữ.*

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ ngữ và làm mẫu, HD viết từng từ ngữ: *sầu riêng, rau muống, thịt nướng, cửa kính, dòng kênh, tranh lụa, vòng bạc, mắc áo, quả gấc, con sóc, ốc sên* (mỗi từ ngữ viết 1 – 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ ngữ.

Nghe GV nhận xét một số bài viết.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

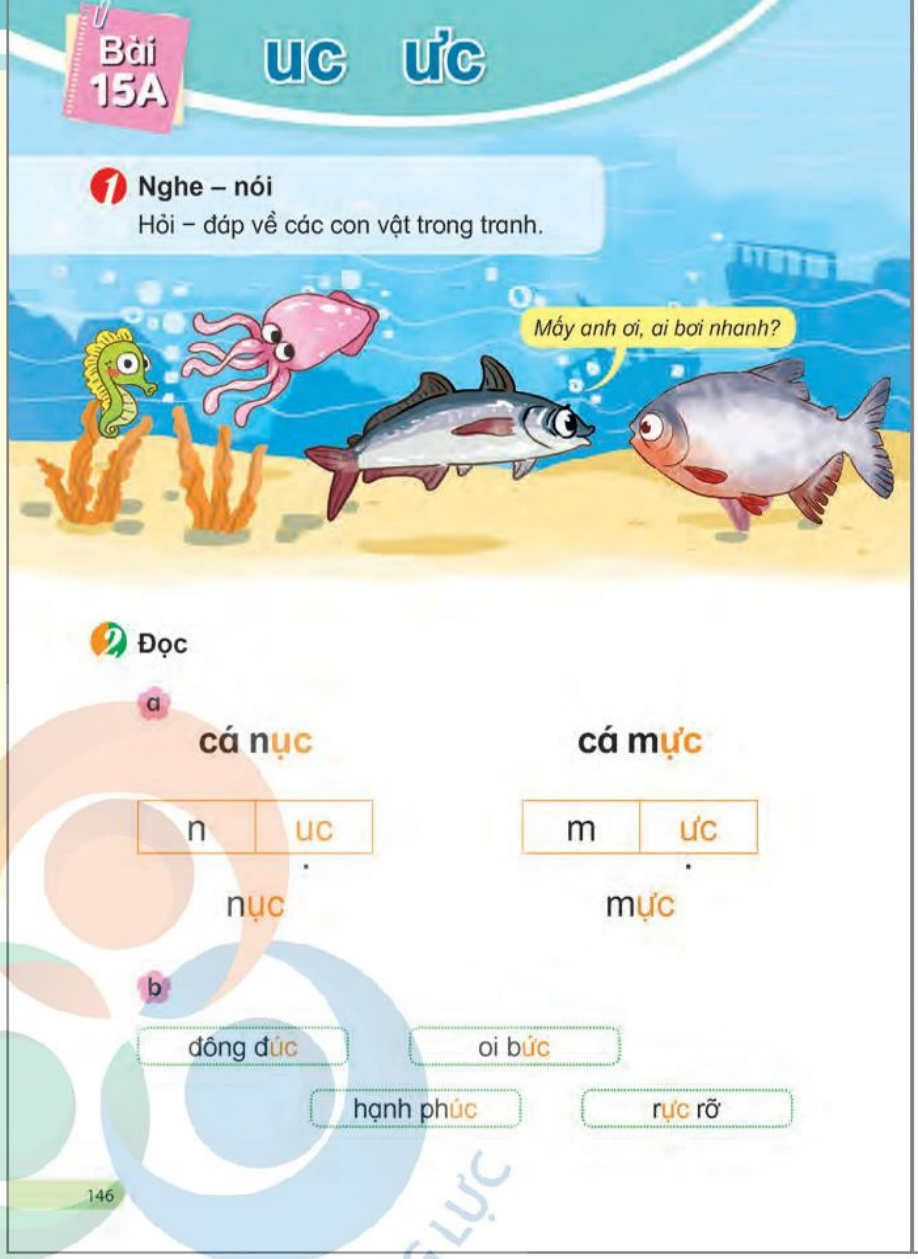
Bài 15A uc ưc

Mục tiêu

- Đọc đúng vần *uc, ưc*; đọc trơn các tiếng, từ ngữ, có chứa vần mới học.
- Hiểu nghĩa từ ngữ qua tranh và trả lời câu hỏi của đoạn thơ *Gà đẻ*.
- Viết đúng: *uc, ưc, nục, mực*.
- Nói về con vật trong tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1.
- Các thẻ từ để học ở HĐ2b.
- Tranh và từ ngữ phóng to ở HĐ2c.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS quan sát tranh HĐ1 được GV treo trên bảng, nghe GV hỏi và trả lời: *Đây là cảnh ở đâu?* (... cảnh ở biển); *Các em thấy những con vật nào? Chúng đang làm gì?* (... thấy cá hồng, cá ngựa, cá mực đang bơi, cá nục đang nói). Nghe GV nói lời cá nục.

– *Cặp:* Hỏi – đáp về bức tranh theo gợi ý của GV.

– *Cả lớp*:

+ HS nghe GV nhận xét: Trong lời hỏi – đáp, các em có nhắc đến từ *cá nục, cá mực*. Trong các từ này có tiếng chứa vần *uc, ưc* là các vần mới của bài học hôm nay.

+ HS nhìn GV viết tên bài trên bảng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ.

– *Cả lớp:*

+ HS mở SHS, nhìn GV viết tiếng, từ khoá trên bảng, nghe GV giải thích:

• *Tiếng nục có âm đầu n, vần uc và thanh nặng.*

• *Tiếng mực có âm đầu m, vần ưc và thanh nặng.*

■ Đọc tiếng ***nục, mực***:

+ Đọc vần: *uc*

+ Đánh vần: *nờ – uc – nuc – nặng – nục.*

+ Đọc trơn: *nục*

+ Đọc tiếng *mực* tương tự như đọc tiếng *nục*.

– *Cả lớp:* HS đọc trơn: *nục, cá nục; mực, cá mực.*

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giao nhiệm vụ đọc từ ngữ trong từng thẻ từ, tìm tiếng chứa vần *uc, ưc*.

+ Quan sát GV làm mẫu: đọc từ *đông đúc*. Tìm tiếng chứa vần *uc*: *đúc*.

– *Nhóm/cặp:*

+ Từng HS đọc 3 từ còn lại.

TÀI LIỆU ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



chúc mừng



tập thể dục



trực nhật

3 Viết

uc ưc mục mực

4 Đọc



Gà đẻ

1. Gà ta siêng năng
Đi cùng đi khắp
Cái chân bới nhanh
Cái mỏ nhặt gấp.

2. Dẫu chưa ngày mùa
Diều không để lép
Sáng nắng, chiều mưa
Kể chi khó nhọc.

3. Đêm nằm ngủ ngon
Sáng ra: cục tác!
Một quả trứng hồng
Ổ rơm sáng rực.

(*Theo* Phạm Hổ)

? *Gà cục tác vào lúc nào?*

147

+ Chơi: Giơ thẻ từ, đọc từ và tìm tiếng chứa vần *uc* hoặc *ưc* trong từ.

– *Cả lớp:*

+ Đại diện 1 – 2 nhóm đọc 3 từ.

+ Thi gắn vần *uc*, *ưc* dưới 3 từ *oi bức, hạnh phúc, rực rỡ*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu từ.

– *Cả lớp:* HS quan sát GV đính tranh và chữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu đọc từ ngữ phù hợp với tranh:

+ *Các em thấy gì ở mỗi bức tranh?* (tranh 1: *Cô bé đang làm gì?*; tranh 2: *Các bạn đang làm gì?*; tranh 3: *Các bạn đang làm gì?*).

+ HS đọc các từ ngữ đặt dưới mỗi bức tranh: *tập thể dục, trực nhật, chúc mừng*.

– *Nhóm:* Đọc truyền điện 3 từ ngữ.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*

+ HS nhìn GV viết mẫu chữ: *uc, ưc, nục, mực*.

+ HS nghe GV nhắc độ cao, cách viết chữ, nối chữ, cách đặt dấu thanh dưới chữ *u, ư*.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* HS nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu bài thơ ***Gà đẻ***.

a) Quan sát tranh.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc tên bài.

+ HS quan sát tranh HĐ4 trong SHS, nghe GV hỏi: *Các em thấy gì trong bức tranh?* (*Gà mái đứng ở đâu? Trong ổ có gì?*)

+ Một vài HS trả lời. GV chốt ý: *Trong tranh, có con gà mái đang đứng cạnh ổ trứng. Trong ổ trứng có một quả trứng. Hình ảnh con gà mái và ổ trứng giúp các em hiểu rõ hơn nội dung bài học.*

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:*

+ HS nghe GV đọc trơn bài thơ và đọc trơn theo; GV nhắc HS chú ý chỗ ngắt (ở cuối dòng thơ), nghỉ (ở cuối khổ thơ).

+ 3 HS đọc trơn bài thơ, mỗi học sinh đọc 1 khổ khơ.

– *Nhóm:* Luyện đọc trơn bài thơ.

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu câu hỏi: *Gà cục tác vào lúc nào?*

– *Nhóm/cặp:* trao đổi tìm câu trả lời.

– *Cả lớp:* 1 – 2 đại diện nhóm trả lời (gà cục tác vào lúc nó đẻ trứng xong). Nghe GV nhận xét.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN MỖI NGƯỜI

Bài 15B ich êch ach

Mục tiêu

- Đọc đúng các vần *ich, êch, ach;* các từ chứa vần *ich, êch, ach*. Đọc trơn bài *Ếch con đi học.*
- Đọc hiểu các từ ngữ, câu trong bài; trả lời được câu hỏi về nội dung bài *Ếch con đi học.*
- Viết đúng: *ich, êch, ach, ếch.*
- Nói về con vật, đồ vật chứa vần *ich, êch, ach.*

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bộ thẻ chữ hỗ trợ HS học HĐ2b.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:*

– Nhìn tranh SHS hoặc tranh ảnh, video do GV chuẩn bị, làm việc theo nhóm 3 để trả lời các câu hỏi:

+ *Tranh vẽ những con vật gì?*

+ *Các con vật đó đang làm gì?*

Lớp học được trang trí những gì? (lịch)

– Nghe GV giới thiệu từ mới của bài 15B: *tờ lịch, con ếch, cuốn sách* được GV viết hoặc gắn thẻ từ trên bảng/ chiếu trên màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

– Quan sát tranh ảnh và đọc các từ ngữ phía dưới theo hướng dẫn của GV.

■ Học vần ***ich*** và tiếng có vần *ich* theo hướng dẫn của GV:

+ Đọc vần: *ich*

+ Đánh vần: *lờ – ich – lich – nặng – lịch.*

+ Đọc trơn: *lịch.*

■ Học vần ***êch, ach*** và tiếng *ếch, sách* theo cách phát huy khả năng vận dụng của HS sau khi đã học vần ***ich***.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* quan sát GV làm mẫu đọc từ *chim chích*, tìm tiếng chứa vần *ich: chích.*

– *Nhóm/cặp:* từng HS nối tiếp nhau đọc 3 từ ngữ còn lại, chơi giơ thẻ từ, đọc từ trên thẻ, tìm tiếng chứa vần mới trên thẻ vừa đọc.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu câu.

– *Cá nhân:* HS nhìn tranh, đọc câu phù hợp với từng hình minh hoạ.

– *Nhóm:* HS đọc truyền điện 2 câu.

HĐ3. Viết

– Cả lớp:

+ HS nhìn GV viết mẫu: *ich, êch, ach, ếch.*

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Nhà sạch thì mát,
bát sạch ngon cơm.



Bạn Minh thích xem kịch.

3 Viết

ich êch ach ếch

4 Đọc

Ếch con tính nhẩm

Ngồi trên lá trang
Ếch làm tính nhẩm
Thấy cua bò ngang
Ếch giơ tay chộp.

Mắt ếch chớp chớp
A! Tính ra rồi
Hai càng tám cẳng
Vừa tròn số mười.

(*Theo* Trần Thị Nhật Tân)



? *Ếch con tính những gì để thành số mười?*

149

+ HS nghe GV nhắc cách viết chữ, độ cao của các chữ *i, ê, a, h* nối chữ, cách đặt dấu thanh ở chữ *ếch*.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* HS nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

– *Cá nhân:*

+ HS viết vào vở: *ich, êch, ach, ếch*.

+ Sửa chữ viết theo nhận xét của GV (nếu có).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Ếch con tính nhẩm**.*

a) Quan sát tranh và đoán nội dung bài thơ.

Cặp:

– Nói tên con vật và cảnh vật trong tranh (con ếch, con cua).

– Đọc tên bài thơ.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng đoạn và nhìn GV chỉ vào chữ.

– *Nhóm/cặp:* 2 nhóm mỗi nhóm 4 HS đọc nối tiếp các dòng thơ trước lớp.

– *Cặp:* mỗi HS đọc 1 đoạn thơ.

– *Cả lớp:* HS khá đọc nối tiếp đoạn trước lớp.

c) Đọc hiểu.

– *Cặp:* 1 HS đọc câu hỏi – 1 HS trả lời, nhận xét câu trả lời của bạn.

– *Cả lớp:*

+ Một vài HS hoặc cặp trả lời câu hỏi trước lớp (Ếch con tính hai càng và tám cẳng của cua).

+ Nghe bạn và GV nhận xét câu trả lời.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

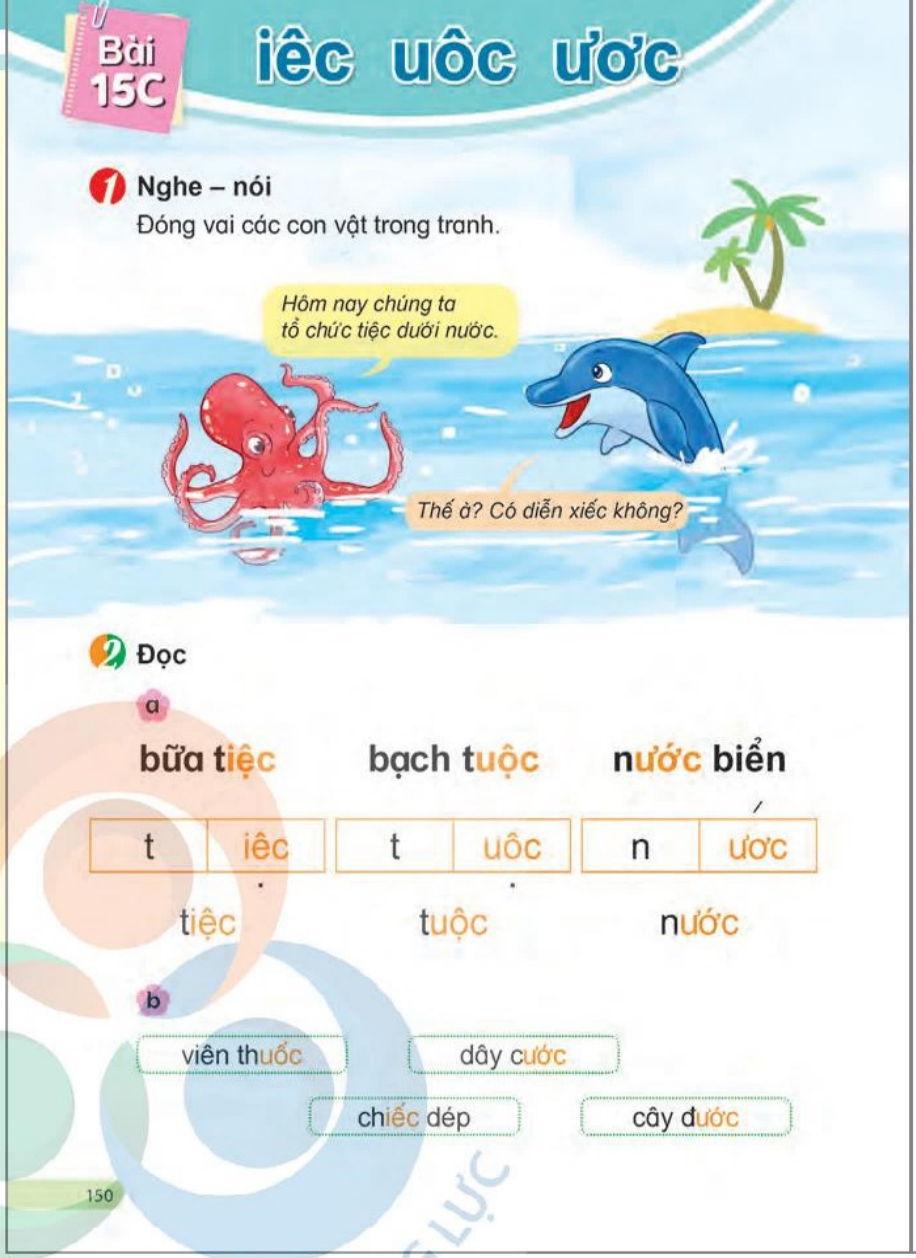
Bài 15C iêc uôc ươc

Mục tiêu

- Đọc đúng các vần *iêc, uôc, ươc;* các từ chứa vần *iêc, uôc, ươc*. Đọc trơn đoạn *Bữa tiệc dưới nước*.
- Đọc hiểu các từ ngữ, câu trong bài; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn *Bữa tiệc dưới nước*.
- Viết đúng: *iêc, uôc, ươc, tiệc*.
- Nói được lời của các con vật trong tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Video hoặc tranh ảnh một vài tiết mục xiếc hỗ trợ HS đọc hiểu ở câu, bài thơ.
- Thẻ từ để học HĐ2b.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:*

+ Nhìn tranh SHS hoặc tranh ảnh do GV chuẩn bị.

+ Nghe GV giới thiệu ảnh hoặc video về con bạch tuộc.

+ Nghe GV đọc lời thoại của hai nhân vật.

+ HS nói theo nội dung tranh.

– *Nhóm:* Nhóm HS nói trước lớp lời 2 con vật.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu từ mới của bài 15C: *bữa tiệc, bạch tuộc, nước biển*. Trong các từ này có tiếng chứa vần *iêc, uôc, ươc* là các vần mới của bài học hôm nay.

+ HS nhìn GV viết tên bài trên bảng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

– Quan sát 3 tranh và đọc các từ ngữ dưới tranh theo hướng dẫn của GV.

■ Học vần ***iêc*** và tiếng có vần *iêc* theo hướng dẫn của GV:

+ Đọc vần: *iêc*.

+ Đánh vần: *tờ – iêc – tiêc – nặng – tiệc*.

+ Đọc trơn: *tiệc*.

■ Học vần ***uôc, ươc*** và tiếng *tuộc, nước* theo cách phát huy khả năng vận dụng của HS sau khi đã học vần ***iêc***.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* quan sát GV làm mẫu đọc từ *viên thuốc*, tìm tiếng chứa vần *uôc: thuốc*.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



rạp xiếc



cái lược



thước kẻ



cái cuốc

3 Viết

iêc uôc ươc tiệc

4 Đọc

Bữa tiệc dưới nước

Hôm nay, dưới làn nước trong xanh, bạch tuộc tổ chức một bữa tiệc. Đến dự có cá heo, cá nục, cá mực, cá chuồn,... Cá heo biểu diễn tiết mục tung bóng, nhảy vòng. Cá mực phun mực chơi trốn tìm. Cá nục mang đến đĩa bánh rong biển mời các bạn.

Thật là một bữa tiệc đáng nhớ!



? *Bạch tuộc tổ chức tiệc ở đâu?*

151

– *Nhóm/cặp:* Từng HS nối tiếp nhau đọc 3 từ ngữ còn lại, chơi giơ thẻ từ, đọc từ trên thẻ, tìm tiếng chứa vần mới trên thẻ vừa đọc.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu từ ngữ.

– *Cả lớp:* Xem tranh, nghe GV giải thích: cuốc là dụng cụ để làm đất phục vụ cho trồng rau; rạp xiếc là nơi diễn xiếc.

– *Cá nhân:* HS nhìn tranh, đọc từ ngữ dưới từng tranh minh hoạ.

– *Nhóm:* Đọc truyền điện 4 từ ngữ.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*

+ Quan sát chữ mẫu trên bảng lớp hoặc máy chiếu.

+ Nghe GV hướng dẫn cách viết: độ cao các chữ, cách nối nét và quan sát GV viết (phần mềm viết chữ).

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* HS nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Bữa tiệc dưới nước**.*

a) Quan sát tranh và đoán nội dung bài đọc.

Nhóm:

– Nói tên các con vật và cảnh vật trong tranh.

– Đọc tên bài và đoán nội dung bài đọc.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc bài và nhìn GV chỉ vào chữ.

+ HS đọc nối tiếp từng câu.

– *Nhóm:*

+ Mỗi HS đọc nối tiếp 2 câu.

+ 2 nhóm đọc trước lớp.

c) Đọc hiểu.

– *Nhóm*: Nhóm trưởng đọc câu hỏi – các bạn trong nhóm trả lời – nhận xét câu trả lời của bạn.

– Một vài nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

– Nghe bạn và GV nhận xét câu trả lời.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 15D

Ôn tập

ac ăc âc oc ôc
uc ưc ich êch ach
iêc uôc ươc

Mục tiêu

- Đọc đúng những từ chứa vần ôn tập. Đọc trơn đoạn *Giàn gấc*.
- Đọc hiểu các từ ngữ, câu trong đoạn; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn *Giàn gấc*.
- Nói về nơi ở của một số con vật.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ hoặc tranh trong SHS phóng to, bút 4 màu hỗ trợ HS chơi trò chơi ở HĐ1.
- Bảng phụ thể hiện HĐ2a.
- Tranh và thẻ chữ HĐ2b.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Nghe – nói

Chơi để nhận biết từ có chứa vần ôn tập.

– *Cả lớp:*

+ Nhìn tranh SHS hoặc tranh phóng to do GV chuẩn bị.

+ Nghe GV hướng dẫn cách chơi trò *Ai tinh mắt?*

– *Nhóm 4:* HS chơi tiếp sức, mỗi HS tìm đường về nhà cho một con vật (có thể cho HS dùng bút nối trên tranh phóng to).

– 2 – 3 nhóm tham gia chơi trên bảng (dùng bảng nhóm hoặc tranh phóng to). Mỗi HS dùng bút 1 màu vẽ đường về nhà cho 1 con vật.

– *Cả lớp:*

+ Nghe bạn và GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

+ Nhắc lại tên 4 con vật trong trò chơi.

+ Viết và chỉ vần đã học có trong tên 4 con vật: *con mực, con sóc, con ốc sên, con ếch.*

+ Nghe GV giới thiệu các vần ôn tập của bài 15D.

2. Đọc

a) Đọc vần, từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ HS nhìn GV quay bảng phụ, nghe GV hỏi khi chỉ vào các dòng ngang: *Mỗi dòng ngang có gì?*

+ Một số HS trả lời:

- *Dòng thứ nhất có các vần cần ôn tập.*
- *Dòng thứ hai có các từ ngữ có tiếng chứa vần.*

+ HS nghe GV đọc trơn các vần, từ ngữ trong bảng và đọc theo.

– *Nhóm:*

+ Đọc trơn nối tiếp từng vần, từ ngữ (*ac, con vạc, ăc, bắc cầu...*)

+ Cá nhân HS đọc trơn bảng ôn trong nhóm.
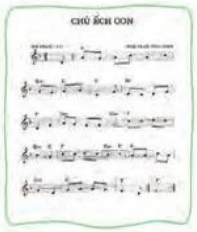
CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

b) Chọn vần cho ô trống.

ac oc







con v□ con c□ bản nh□

c) Đọc bài thơ.

Giàn gấc

Giàn gấc đan lá
Xanh một góc trời
Gió về gió quạt
Mát chỗ em ngồi.

Trái gấc xinh xinh
Nắng vàng chín đỏ
Bao nhiêu mặt trời
Ngủ say trong đó.

(*Theo* Đặng Vương Hưng)



? *Trái gấc chín có màu gì?*

153

– *Cả lớp:*

+ Một vài nhóm đọc bảng ôn nối tiếp từng vần, từ.

+ Một số HS đọc trơn dòng từ ngữ.

b) Đọc hiểu.

– *Cặp:* Từng cặp HS nhìn tranh, đọc từ, chọn vần phù hợp ô trống để tạo từ ngữ, thống nhất với bạn.

– *Nhóm:* Thi nối tiếp sức:

+ 2 đội, mỗi đội 4 HS.

+ Từng HS nối vần vào ô trống.

+ Đội nối đúng và nhanh là đội chiến thắng.

– *Cả lớp:* Nghe thầy cô giới thiệu thêm về *con vạc, con cóc* qua hình ảnh.

– *Cá nhân/nhóm/cả lớp:* đọc lại các từ.

c) Đọc bài thơ *Giàn gấc*.

* Quan sát tranh và đoán nội dung bài đọc.

Cặp:

– Nói về cây và quả trong tranh.

– Đọc tên bài thơ và đoán nội dung bài.

* Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc bài thơ và nhìn GV chỉ vào chữ.

– *Cặp:* Đọc nối tiếp 2 dòng thơ và 2 khổ thơ theo cặp.

+ 2 cặp đọc nối tiếp 2 khổ thơ trước lớp.

+ 2 HS khá thi đọc cả bài trước lớp.

* Đọc hiểu.

– *Cặp:* 1 bạn đọc câu hỏi – bạn còn lại trả lời – nhận xét câu trả lời của bạn (trái gấc chín màu đỏ).

– *Cả lớp:*

+ Một vài cá nhân/cặp nêu câu trả lời trước lớp.

+ Nghe bạn và GV nhận xét câu trả lời.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN TẦNG LỚP

Bài 15E oa oe

Mục tiêu

- Đọc đúng các vần *oa, oe;* những từ chứa vần *oa, oe*. Đọc trơn bài thơ *Hoa khoe sắc*.
- Đọc hiểu các từ ngữ, câu trong bài thơ; trả lời được các câu hỏi về nội dung bài thơ *Hoa khoe sắc*.
- Viết đúng: *oa, oe, hoa, xoè*.
- Nói được câu về hoa, về điệu múa.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bộ thẻ từ để học HĐ2b.
- Tranh và chữ phóng to HĐ2c.
- Bài thơ *Hoa khoe sắc* có kênh hình hỗ trợ HS đọc hiểu ở HĐ4.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Nhóm:* Trao đổi trong nhóm về điệu múa và loài hoa trong tranh. Đại diện nhóm trả lời.

– *Cả lớp:* GV chốt câu trả lời đúng: *hoa đào, múa xoè*. Đây cũng chính là từ chứa vần mới của bài học.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp/cá nhân/cặp:* Đọc các từ ngữ theo HD của GV.

■ Học vần ***oa*** và tiếng có vần *oa* theo HD của GV:

– *Cả lớp:*

+ Đọc tiếng *hoa* (đồng thanh/nhóm/cá nhân).

+ Đọc vần: *o – a – oa*; *oa*.

+ Đánh vần: *hờ – oa – hoa*.

+ Đọc trơn: *hoa*.

■ Học vần ***oe*** và tiếng *xoè* theo cách phát huy khả năng vận dụng của HS sau khi đã học vần ***oa***.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* quan sát GV làm mẫu đọc từ *chìa khoá*, tìm tiếng chứa vần *oa: khoá*.

– *Nhóm/cặp:* từng HS nối tiếp nhau đọc 3 từ ngữ còn lại, chơi giơ thẻ từ, đọc từ trên thẻ, tìm tiếng chứa vần mới trên thẻ vừa đọc.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* HS quan sát câu và hình trong SHS (hoặc tranh GV đính trên bảng), nghe GV nêu yêu cầu đọc câu phù hợp với hình:

+ Các em thấy gì ở mỗi bức hình? (Con chim đang hót, tàu hoả chạy).

+ HS đọc câu đặt dưới mỗi tranh.

– *Nhóm:* Đọc nối tiếp câu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc từng câu.

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c





Chim chích choè hót rất hay.

Tàu hoả chạy xình xịch.

3 Viết

oa oe hoa xoè

4 Đọc

Hoa khoe sắc

Hoa cà tim tím
Hoa mướp vàng vàng
Hoa lựu chói chang
Đỏ như đốm lửa.

Hoa vừng nho nhỏ
Hoa đỗ xinh xinh
Hoa mận trắng tinh
Rung rinh trước gió.

Này các bạn nhỏ
Đừng hái hoa tươi
Hoa yêu mọi người
Nên hoa khoe sắc.

(*Theo* Thu Hà)



? *Kể tên một số hoa có trong bài.*

155

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* Nhận biết nhiệm vụ: viết các vần *oa, oe* và các tiếng *hoa, xoè*.
– Quan sát chữ mẫu trên bảng lớp hoặc máy chiếu.
– Nghe GV HD cách viết độ cao chữ *h* và các chữ, cách nối nét và quan sát GV viết (hoặc phần mềm).
– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp:* HS nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu bài thơ ***Hoa khoe sắc****.*

a) Quan sát tranh và đoán nội dung bài thơ.

Cả lớp:

– Nói tên các loài hoa trong tranh.
– Đọc tên bài thơ và đoán nội dung bài thơ (bài thơ nói về các loài hoa).

b) Luyện đọc trơn.

Nhóm:

– Nghe GV đọc bài thơ và nhìn GV chỉ vào chữ.
– Luyện đọc theo cặp: 2 HS đọc nối tiếp, mỗi lượt đọc 2 dòng thơ.
– HS luyện đọc nối tiếp 3 khổ thơ trong nhóm 3.
– 3 nhóm đọc trước lớp, mỗi nhóm đọc 1 khổ thơ.

c) Đọc hiểu.

Nhóm:

– 1 HS đọc câu hỏi, 1 HS trả lời (mỗi HS cần kể từ 2 loài hoa trở lên).
– Một vài nhóm HS trả lời câu hỏi trước lớp.
– Nghe bạn và GV nhận xét câu trả lời.
– 2 nhóm mỗi nhóm 3 HS tham gia chơi trò chơi tiếp sức thay chữ bằng hình: GV chuẩn bị hình các hoa được nhắc đến trong bài thơ: *hoa cà, hoa mướp, hoa lựu, hoa vừng, hoa đỗ, hoa mận.*

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tuần 15

Tập viết

Mục tiêu

- Biết viết tổ hợp chữ ghi vần: *uc, ưc, ich, êch, ach, iêc, uôc, ươc, oa, oe*.
- Biết viết từ ngữ: *cá nục, cá mực, tờ lịch, con ếch, cuốn sách, bữa tiệc, bạch tuộc, nước biển, hoa đào, múa xoè*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường.
- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường, thẻ từ: *uc, ưc, ich, êch, ach, iêc, uôc, ươc, oa, oe; cá nục, cá mực, tờ lịch, con ếch, cuốn sách, bữa tiệc, bạch tuộc, nước biển, hoa đào, múa xoè*.
- VD:

iêc *iêc*

cuốn sách *cuốn sách*

- Tranh ảnh *cá nục, cá mực, tờ lịch, con ếch, cuốn sách, bữa tiệc, bạch tuộc, nước biển, hoa đào, múa xoè*.
- *Tập viết 1*, tập một; bút mực cho HS

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

***HĐ1. Chơi trò* Đọc tiếp sức.**

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi: Mỗi HS sẽ lên bàn GV nhặt một thẻ rồi đọc vần hoặc từ trên thẻ đó. Sau đó gắn thẻ từ lên bảng lớp cho đúng ô (ô đặt thẻ vần, ô đặt thẻ từ GV ghi sẵn trên bảng).

– *Cá nhân:* Từng HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của GV.

GV sắp xếp các thẻ chữ theo trật tự trong bài viết và dán các thẻ từ vào dưới hình trên bảng lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Nhận diện các tổ hợp chữ cái ghi vần.

Cả lớp: Nghe GV đọc từng chữ và nhìn vào thẻ chữ GV chỉ rồi đọc theo: *uc, ưc, ich, êch, ach, iêc, uôc, ươc, oa, oe.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết chữ ghi vần.

– *Cả lớp*: Nghe GV làm mẫu, hướng dẫn viết từng chữ: *uc, ưc, ich, êch, ach, iêc, uôc, ươc, oa, oe* (mỗi vần viết 1 – 2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng vần.

* *Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Viết từ ngữ.

– *Cả lớp*: Nghe GV đọc từng từ ngữ và làm mẫu, hướng dẫn viết từng từ ngữ: *cá nục, cá mực, tờ lịch, con ếch, cuốn sách, bữa tiệc, bạch tuộc, nước biển, hoa đào, múa xoè.* (mỗi từ ngữ viết 1 – 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ ngữ.

+ Nghe GV nhận xét một số bài viết.

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 16A oai oay

Mục tiêu

- Đọc đúng những từ chứa vần *oai, oay*. Đọc trơn đoạn *Chiếc điện thoại*.
- Đọc hiểu các từ ngữ, câu trong bài; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn *Chiếc điện thoại*.
- Viết đúng vần *oai, oay, thoại, xoáy*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Điện thoại đồ chơi hỗ trợ HS nói theo vai ở HĐ1, điện thoại có ghi âm tiếng chuông là tiếng nói của Bin.
- Video hoặc ảnh gió xoáy để giải nghĩa từ ở HĐ2c.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Làm việc theo cặp:
  + Nhìn tranh SHS.
  + Đọc lời các nhân vật trong tranh (có thể dựa vào tranh đoán các chữ chưa đọc được hoặc nhờ GV trợ giúp).
  + Đóng vai bà và Bin nói lời thoại.

– *Cặp:* 2 cặp dùng điện thoại đóng vai trước lớp (GV có thể đưa thêm lời dẫn chuyện tạo thành hoạt cảnh ngắn tạo hứng thú cho HS).

– Trả lời câu hỏi của GV để xuất hiện từ khoá:
  + *Mẹ mua tặng bà cái gì?*
  + *Bà bảo mẹ đừng về nhà vì sao?*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– Quan sát 2 tranh và đọc các từ ngữ dưới tranh theo HD của GV.

■ Học vần ***oai*** và tiếng có vần *oai* theo HD của GV:
  + Đọc tiếng *thoại* (đồng thanh/nhóm/cá nhân).
  + Nghe GV phân tích cấu tạo của tiếng *thoại* gồm âm đầu *th*, vần *oai* và *thanh nặng*; cấu tạo vần *oai* và đọc: *o – a – i – oai*; đọc trơn vần: *oai*.
  + Đánh vần tiếng: *thờ – oai – thoai – nặng – thoại*; đọc trơn tiếng: *thoại*.

■ Học vần ***oay*** và tiếng *xoáy* theo cách phát huy khả năng vận dụng của HS sau khi đã học vần ***oai***.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:*
  + Nghe GV giao nhiệm vụ, đọc tiếng, từ ngữ trong từng ô chữ tìm tiếng chứa vần *oai, oay*.
  + Quan sát GV làm mẫu: đọc từ *khoái chí*. Tìm tiếng chứa vần *oai: khoái*.

– *Nhóm/cặp:* Từng cá nhân đọc 2 từ ngữ còn lại. Tìm tiếng chứa *oai, oay* trong những tiếng đã học (*loay, hoay, thoải*).

– *Cả lớp:* Đại diện 1 – 2 nhóm/cặp đọc 2 từ ngữ kế tiếp.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c

ngoại | xoay



Bin thích ngồi ghế ■.



Nhà Mai ở ■ ô.

3 Viết

oai oay thoại xoáy

4 Đọc

Chiếc điện thoại

Mẹ biếu bà chiếc điện thoại dành cho người già. Bà loay hoay suốt buổi sáng mà chưa biết dùng. Thấy thế, Bin hướng dẫn bà cách đặt chuông có tiếng nói của Bin. Bà bảo:

– Khi Bin bé, bà dạy cháu học. Bây giờ, Bin biết dạy bà rồi.



? *Bin đã dạy bà làm gì?*

157

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* HS nhìn tranh, đọc từ, chọn từ phù hợp với tranh để điền vào chỗ chấm trong câu.

– *Cá nhân/nhóm/cả lớp:* đọc lại các câu.

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu ghế xoay, ngoại ô để hiểu thêm nghĩa của từ.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:*

+ Nhận biết nhiệm vụ: viết các vần *oai, oay* và các tiếng *thoại, xoáy*. Xác định thời gian thực hiện nhiệm vụ.

+ Quan sát chữ mẫu trên bảng lớp hoặc máy chiếu.

+ Nghe GV HD cách viết và quan sát GV viết (hoặc phần mềm).

– *Cá nhân:*

+ HS viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Chiếc điện thoại**.*

a) Quan sát tranh và đoán nội dung đoạn.

Cặp:

– Nói tên người và cảnh vật trong tranh.

– Đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc đoạn và nhìn GV chỉ vào chữ.

– *Nhóm 6:* HS đọc nối tiếp, mỗi HS đọc 1 câu.

– *Cặp:*

+ 2 HS, mỗi HS đọc nối tiếp 3 câu.

+ 2 cặp đọc trước lớp.

c) Đọc hiểu.

– *Cặp:*

+ 1 HS đọc câu hỏi – 1 HS trả lời, nhận xét câu trả lời của bạn. (Khuyến khích HS nói thành câu.)

+ Một vài cặp HS trả lời câu hỏi trước lớp.

– *Cả lớp:*

+ Nghe bạn và GV nhận xét câu trả lời.

+ 1 – 2 HS đọc lại cả đoạn trước lớp.

+ Trả lời thêm câu hỏi do GV đưa ra. VD: *Em thường giúp ông bà việc gì? Vì sao?*

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

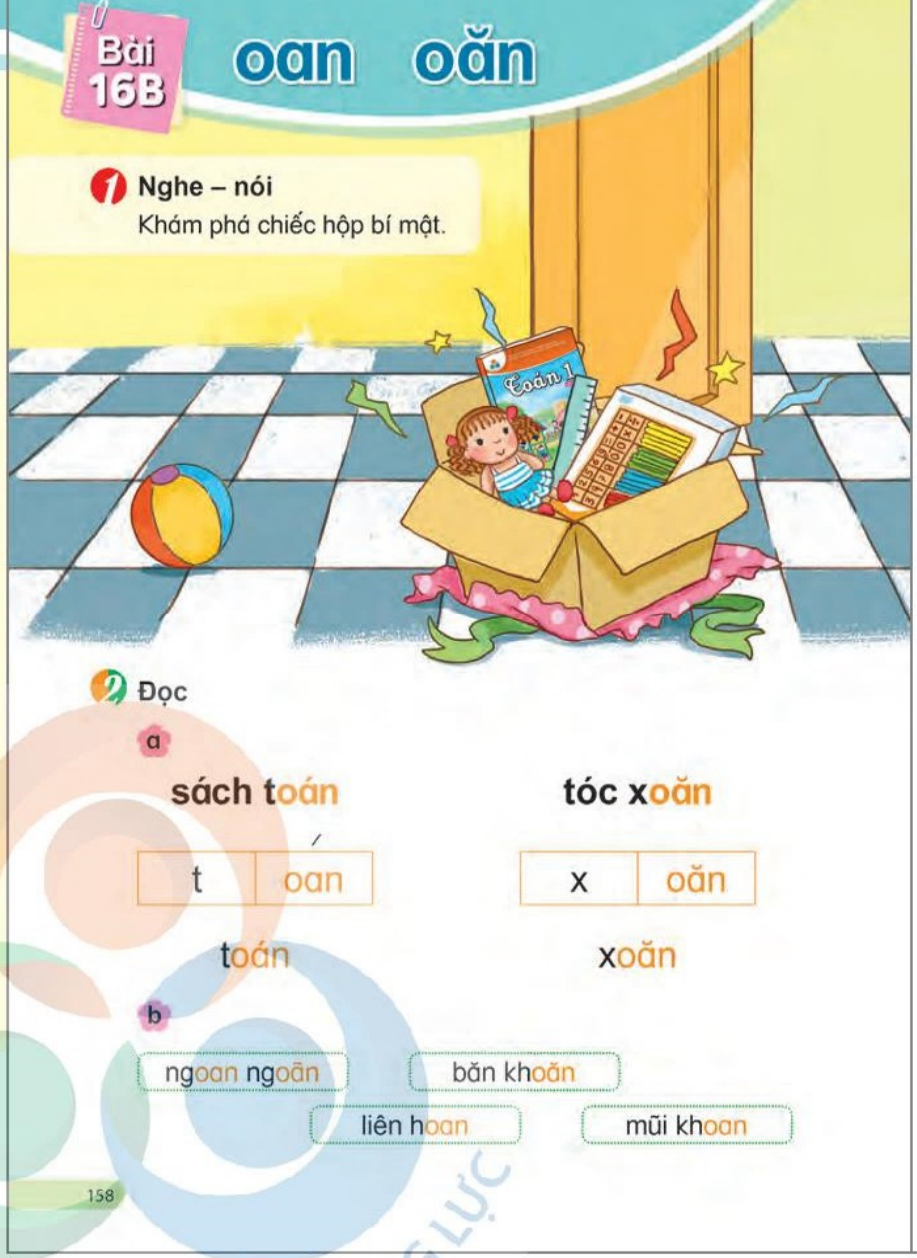
Bài 16B oan oăn

Mục tiêu

- HS đọc đúng vần *oan, oăn*; đọc đúng tiếng, từ ngữ, đoạn.
- Viết đúng: *oan, oăn, toán, xoăn.*
- Hiểu nghĩa từ ngữ qua tranh và hiểu ý chính của đoạn đọc *Kiến và ve sầu*. Trả lời được câu hỏi về đoạn đọc.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Một chiếc hộp cho HĐ 1, một búp bê có tóc xoăn, một bộ que tính, một thước kẻ.
- Tranh và thẻ chữ phóng to đọc hiểu từ.
- Mẫu chữ phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp /phần mềm HD HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp:

– Quan sát chiếc hộp được GV chuẩn bị (trong hộp có thước kẻ, que tính, búp bê tóc xoăn).

– 3 HS lần lượt nhắm mắt, đưa tay vào hộp, đoán tên vật tìm thấy trong hộp, nêu đặc điểm của vật đó (mỗi HS chỉ đoán tên một vật).

– Nghe GV gợi ý để nêu các đặc điểm, công dụng của vật: que tính và thước kẻ là đồ dùng để học môn Toán; búp bê có tóc xoăn.

– Nghe GV giới thiệu từ mới của bài 16B: *toán, xoăn* được GV viết hoặc gắn thẻ từ trên bảng/chiếu trên màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:* HS quan sát tranh ở HĐ1, nghe GV đọc trơn *toán*, HS đọc trơn theo GV

■ Học vần ***oan:***

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV phân tích cấu tạo tiếng *toán* (âm đầu *t*, vần *oan, thanh sắc*).

+ Đọc vần: *oan.*

+ Đánh vần: *tờ – oan – toan – sắc – toán.*

+ Đọc trơn: *toán.*

■ Học vần ***oăn*** tương tự như học vần ***oan***.

– *Cặp/nhóm:* Đọc trơn *toán, xoăn.*

– *Cả lớp:* Đọc từ *sách toán, tóc xoăn.* GV có thể kết hợp giảng thêm về từ.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giao nhiệm vụ: đọc tiếng, từ ngữ trong từng ô chữ, tìm tiếng chứa vần *oan, oăn.*

+ Quan sát GV làm mẫu: đọc từ *ngoan ngoãn.* Tìm tiếng chứa vần *oan: ngoan, ngoãn.*

– *Nhóm/cặp:*

+ Từng cá nhân đọc 3 từ ngữ còn lại.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c





phiếu bé ngoan



khoẻ khoắn



hoa xoan

xoắn thừng

3 Viết

oan oăn toán xoăn

4 Đọc

Kiến và ve sầu

Trên cây xoan, ve sầu ca hát. Dưới đất, kiến tha hạt thóc.

Ve sầu bảo kiến:

– Sao cậu làm nhiều thế? Nghỉ một lúc đi!

– Tôi cần kiếm thức ăn.

– Cậu có nhiều thức ăn mà! – Ve sầu nói.

Kiến vẫn tiếp tục làm việc.

Mùa đông đến, ve sầu bị đói. Bấy giờ ve sầu hiểu phải chăm chỉ như kiến.

(Theo *Truyện ngụ ngôn La Phông-ten*)



? *Vì sao ve sầu bị đói khi mùa đông đến?*

159

+ Tìm tiếng chứa vần *oan, oăn* trong những tiếng đã đọc *(khoăn, hoan, khoan)*.

– *Cả lớp:*

+ Đại diện 1 – 2 nhóm/cặp đọc từ ngữ trước lớp.

+ Thi gắn nhanh vần *oan*, oăn dưới 4 từ ngữ.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:* HS quan sát GV đính tranh và chữ phóng to trên bảng, nghe GV nêu yêu cầu đọc từ ngữ phù hợp với tranh:

+ *Các em thấy gì ở mỗi bức tranh?* (tranh 1: *Phiếu bé ngoan*; tranh 2: *hoa xoan*; tranh 3: *Cậu bé đang tập thể dục*, tranh 4: *dây thừng xoắn*.)

+ Các em đọc các từ ngữ *hoa xoan, khoẻ khoắn, phiếu bé ngoan, xoắn thừng*. Xác định từ ngữ nào phù hợp với mỗi tranh.

– *Nhóm:* Thi chọn từ ngữ phù hợp với tranh. Thảo luận nội dung hình và chọn từ ngữ phù hợp với mỗi tranh.

– *Cả lớp:*

+ Đại diện nhóm HS thi đính đúng, đính nhanh từ ngữ dưới mỗi hình (mỗi nhóm đính 1 từ ngữ) và đọc trơn từ ngữ đã đính.

+ HS theo thước chỉ của GV đọc các từ ngữ phù hợp.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* HS nhìn GV viết mẫu chữ: *oan, oăn, toán, xoăn* nghe GV nhắc cách viết chữ, nối chữ, điền dấu thanh.

– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cặp/ nhóm:* Sửa lỗi cho nhau.

– *Cả lớp:* HS nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Kiến và ve sầu**.*

a) Quan sát tranh trong SHS và đoán nội dung đoạn.

Cặp/nhóm:

– Nói tên con vật và cảnh vật trong tranh.

– Đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc đoạn và nhìn GV chỉ vào chữ. Từng HS đọc từng câu.

– *Cặp:* Mỗi HS đọc một phần của đoạn (sau dấu chấm xuống dòng).

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân:* Tự đọc câu hỏi và trả lời câu hỏi cuối đoạn.

– *Cặp / nhóm*: 1 em đọc câu hỏi, 1 em trả lời, cùng nhận xét câu trả lời của bạn.

– *Nhóm*: Đại diện nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. HS và GV nhận xét câu trả lời.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 16C oat oăt

Mục tiêu

- HS đọc đúng những từ chứa vần *oat* hoặc *oăt*. Đọc đúng tiếng, từ ngữ, đoạn.
- Đọc hiểu các từ ngữ, câu trong bài; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn *Sóc nâu và thỏ trắng*.
- Viết đúng: *oat, oăt, đoạt, ngoặt*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Một số bộ thẻ có hình hạt thóc cho HĐ 1, ghi tiếng chứa vần *oan* hoặc *oat, oăt, oai, oay*.
- 2 bộ tranh và thẻ chữ phóng to đọc hiểu câu.
- Bảng phụ ghi nội dung đoạn đọc HĐ4.
- Mẫu chữ phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp /phần mềm HD HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Nhóm

– Nghe GV HD cách chơi.

– Mỗi nhóm HS cử một em làm chim sẻ, các HS khác cổ vũ.

– Các HS trong vai chim sẻ nhanh chóng nhặt thóc (từ chứa vần đã học: oan, oai, oay) (GV có thể đưa thêm từ để trò chơi thú vị hơn), chim sẻ nào nhặt thóc nhanh thì thắng cuộc.

– Nghe GV giới thiệu về 2 hạt thóc chứa tiếng có vần mới: *đoạt, ngoặt*.

– Nhìn GV gắn thẻ từ / viết *đoạt, ngoặt* trên bảng / chiếu trên màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:* HS quan sát tranh ở HĐ1, nghe GV đọc trơn *đoạt*, HS đọc trơn theo GV.

■ Học vần ***oat***:

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV phân tích cấu tạo tiếng đoạt (âm đầu đ, vần oat, thanh nặng).

+ Đọc vần: *oat*.

+ Đánh vần: *đờ – oat – đoat – nặng – đoạt*.

+ Đọc trơn: *đoạt*.

■ Học vần ***oăt*** tương tự như học vần ***oat***.

– *Cặp/nhóm:* Đọc trơn *đoạt, ngoặt*.

– *Cả lớp:* Đọc từ *đoạt giải, chỗ ngoặt*. GV có thể kết hợp giảng thêm về từ.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giao nhiệm vụ: đọc tiếng, từ ngữ trong từng ô chữ, tìm tiếng chứa vần *oat, oăt*.

+ Quan sát GV làm mẫu: đọc từ *hoạt bát*. Tìm tiếng chứa vần *oat: hoạt*.

– *Nhóm/cặp:*

+ Từng cá nhân đọc 3 từ ngữ còn lại.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c

thoăn thoắt | sinh hoạt



Các bạn đang ■ Sao Nhi đồng.



Khỉ leo cây nhanh ■.

3 Viết

oat oăt đoạt ngoặt

4 Đọc

Sóc nâu và thỏ trắng

Sóc nâu và thỏ trắng là đôi bạn thân. Thỏ trắng hiền lành còn sóc nâu hoạt bát. Một hôm, sóc nâu vào rừng chơi. Tới chỗ ngoặt, sóc nâu nhìn thấy rất nhiều cà rốt. Nó nhổ vài củ mang về chia cho thỏ trắng. Thỏ trắng cảm động nói:

– Cảm ơn sóc nâu nhé!



? *Sóc nâu mang gì về cho thỏ trắng?*

161

+ Tìm tiếng chứa vần *oat, oăt* trong những tiếng đã đọc (*khoát, loắt, choắt, hoắt*).

– *Cả lớp:*

+ Đại diện 1 – 2 nhóm/cặp đọc từ ngữ trước lớp.

+ Thi gắn nhanh vần *oat, oăt* dưới 4 từ ngữ.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu từ.

– *Cá nhân*: HS nhìn tranh vẽ được phóng to từ SHS treo trên bảng, xác định nội dung tranh.

– *Nhóm:*

+ Trong nhóm HS thảo luận, chọn từ đúng để hoàn thành câu.

+ Thi gắn từ đúng: Đại diện 2 nhóm lên bảng gắn thẻ từ (*sinh hoạt, thoăn thoắt*) để hoàn thành câu. Nhóm nào gắn đúng và nhanh là nhóm thắng.

– *Cá nhân*:

+ HS đọc lại từ đã chọn.

+ Viết kết quả vào vở.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* HS nhìn GV viết mẫu *oat, oăt, đoạt, ngoặt*; nghe GV nhắc cách viết chữ, nối chữ, điền dấu thanh.

– *Cá nhân*: Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cặp/ nhóm:* Sửa lỗi cho nhau.

– *Cả lớp:* HS nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Sóc nâu và thỏ trắng**.*

a) Quan sát tranh trong SHS và đoán nội dung đoạn.

Cá nhân:

– Nói tên con vật và cảnh vật trong tranh.

– Đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cá nhân*: Nghe GV đọc đoạn và nhìn GV chỉ vào chữ. Từng HS đọc từng câu.

– *Cặp:* Mỗi HS đọc một phần ngắn (khoảng 20 chữ).

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân*: Tự đọc câu hỏi và trả lời câu hỏi cuối đoạn.

– *Cặp / nhóm:* 1 em đọc câu hỏi, 1 em trả lời, cùng nhận xét câu trả lời của bạn.

– *Nhóm:* Đại diện nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. HS và GV nhận xét câu trả lời.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

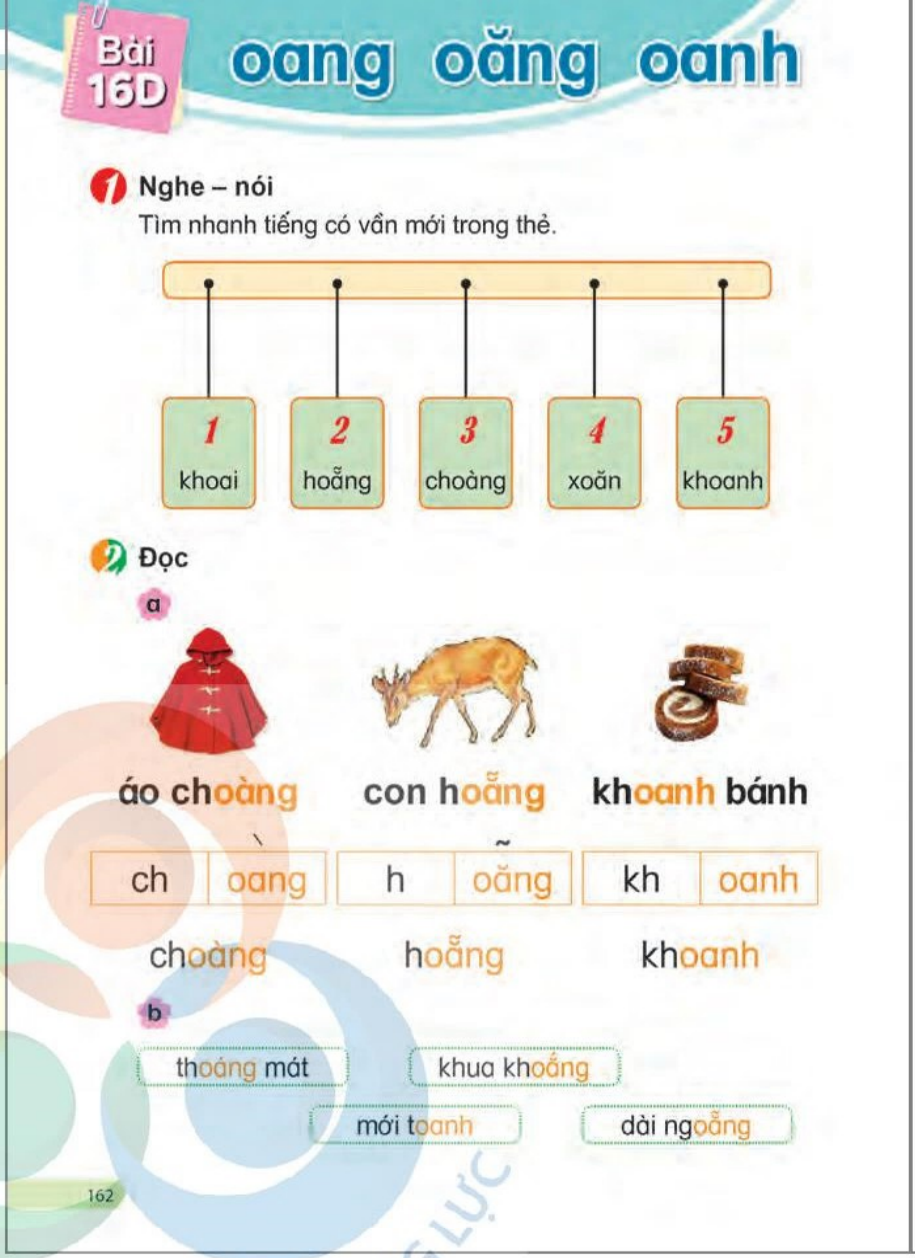
Bài 16D oang oăng oanh

Mục tiêu

- HS đọc đúng vần *oang, oăng, oanh* đọc đúng tiếng, từ ngữ, đoạn.
- Viết đúng: *oang, oăng, oanh, choàng*.
- Đọc hiểu các từ ngữ, câu trong đoạn; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn *Chị em hoẵng*.
- Nói, nghe về các con vật.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Một dây dài có 5 móc treo mỗi móc treo một thẻ in 2 mặt: một mặt in số 1, 2... mặt kia là các tiếng *khoai, hoẵng, choàng, xoăn, khoanh*.
- Tranh và thẻ chữ phóng to đọc hiểu từ.
- Bảng phụ ghi nội dung đoạn đọc HĐ4.
- Mẫu chữ phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp /phần mềm HD HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp:

– HS chia 5 nhóm ứng với các số ghi ở mặt trước các thẻ treo:1, 2, 3, 4, 5.

– Mỗi nhóm cử một bạn lật thẻ, tìm nhanh tiếng chứa vần mới. Nhóm nào tìm được tiếng có chứa vần mới nhanh là nhóm thắng.

– Nghe GV giới thiệu từ mới của bài 16D: *choàng, hoẵng, khoanh* được GV viết hoặc gắn thẻ từ trên bảng/chiếu trên màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

Cả lớp: HS quan sát tranh ở HĐ1, nghe GV đọc trơn *choàng*, HS đọc trơn theo GV.

■ Học vần ***oang***:

Cả lớp:

– Nghe GV phân tích cấu tạo tiếng *choàng* (âm đầu *ch*, vần *oang, thanh huyền*).

– Đọc vần: *oang*.

– Đánh vần: *chờ – oang – choang – huyền – choàng*.

– Đọc trơn: *choàng*.

■ Học vần ***oăng, oanh*** tương tự như học vần ***oang***.

– *Cặp/nhóm:* Đọc trơn *choàng, hoẵng, khoanh*.

– *Cả lớp:* Đọc từ *áo choàng, con hoẵng, khoanh bánh*. GV có thể kết hợp giảng thêm về từ.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giao nhiệm vụ: đọc tiếng, từ ngữ trong từng ô chữ, tìm tiếng chứa vần *oang, oăng, oanh*.

+ Quan sát GV làm mẫu: đọc từ *thoáng mát*. Tìm tiếng chứa vần *oang: thoáng*.

– *Nhóm/cặp:*

+ Từng cá nhân đọc 3 từ ngữ còn lại.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC



c

oang | oanh

kh■ tay | quạ kh■ | suối nước kh■

3 Viết

oang oăng oanh choàng

4 Đọc

Chị em hoẵng

Trong khu rừng nọ, có hai chị em nhà hoẵng. Nhà của hai chị em ở trên một khoảnh đất rộng. Một hôm, thấy hoẵng chị hoảng hốt, hoẵng em hỏi:

– Có việc gì vậy chị?

Hoẵng chị mếu máo:

– Cháy rừng rồi, ngôi nhà của chúng ta đỏ rồi.

Hoẵng em an ủi hoẵng chị. Rồi hai chị em chạy khỏi cánh rừng.

?

Hoẵng chị và hoẵng em sống ở đâu?

163

+ Tìm tiếng chứa vần *oang, oăng, oanh* trong những tiếng đã đọc (*khoẵng, toanh, ngoẵng*).

– *Cả lớp:*

+ Đại diện 1 – 2 nhóm/cặp đọc từ ngữ trước lớp.

+ Thi gắn nhanh vần *oang, oăng, oanh* dưới 4 từ ngữ.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn thi *Ai nhanh nhất?* để chọn đúng vần.

+ HS được chia 2 nhóm, nhóm 1 đại diện cho vần *oang*, nhóm 2 đại diện cho vần *oanh*, thi chọn vần đúng.

– *Nhóm:*

+ Nhìn GV gắn 3 thẻ tranh lên bảng, dùng thước chỉ vào tranh để các nhóm thi giơ tay điền vần phù hợp. VD: Cô giáo chỉ vào tranh *3* (*suối nước kh....*), thì nhóm 1 giơ tay là đúng, nhóm 2 giơ tay là sai.

+ Hết 3 lần chỉ, nhóm nào có ít bạn sai (hoặc không có) là nhóm thắng cuộc.

– *Cá nhân:*

+ HS đọc lại từ đã hoàn thiện.

+ Viết kết quả vào vở.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* HS nhìn GV viết mẫu chữ *oang, oăng, oanh, choàng*; nghe GV nhắc cách viết chữ, nối chữ, điền dấu thanh.

– *Cá nhân*: Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cặp/ nhóm:* Sửa lỗi cho nhau.

– *Cả lớp*: HS nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Chị em hoẵng**.*

a) Quan sát tranh trong SHS và đoán nội dung đoạn đọc.

Cá nhân:

– Nói tên con vật và cảnh vật trong tranh.

– Đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc đoạn và nhìn GV chỉ vào từng chữ. Từng HS đọc từng câu.

– *Cặp:* Mỗi HS đọc một phần ngắn (khoảng 20 chữ).

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân:* Tự đọc câu hỏi và trả lời câu hỏi cuối đoạn.

– *Cặp/nhóm:* 1 em đọc câu hỏi, 1 em trả lời, cùng nhận xét câu trả lời của bạn.

– *Nhóm:* Đại diện nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. HS và GV nhận xét câu trả lời.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 16E oac oăc oach

Mục tiêu

- HS đọc đúng những từ chứa vần *oac* hoặc *oăc*, *oach*. Đọc đúng tiếng, từ ngữ, đoạn.
- Đọc hiểu các từ ngữ, câu trong bài; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn *Quạ và công*.
- Viết đúng: *oac, oăc, oach, khoác*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1.
- Thẻ từ và tranh phóng to đọc hiểu từ.
- Bảng phụ ghi nội dung đoạn HĐ4.
- Mẫu chữ phóng to / mẫu chữ viết trên bảng lớp /phần mềm HD HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Nhóm:*
  + Nhìn tranh SHS.
  + 3 nhóm đại diện lớp hỏi – đáp về hoạt động trong tranh.
– *Cả lớp:*
  + Nghe GV chốt đáp án đúng.
  + Nhìn từ *khoác áo, thu hoạch, ngoắc tay* GV viết trên bảng và nghe GV giới thiệu từ mới bài 16E.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:* HS quan sát tranh ở HĐ1, nghe GV đọc trơn *khoác*, HS đọc trơn theo GV.

■ Học vần ***oac***:

– *Cả lớp:*
  + Nghe GV phân tích cấu tạo tiếng khoác (âm đầu *kh*, vần *oac*, thanh sắc).
  + Đọc vần: *oac*.
  + Đánh vần: *khờ – oac – khoac – sắc – khoác*.
  + Đọc trơn: *khoác*.

■ Học vần ***oăc, oach*** tương tự như học vần ***oac***.

– *Cặp/nhóm:* Đọc trơn *khoác, ngoắc, hoạch*.

– *Cả lớp:* Đọc từ *khoác áo, ngoắc tay, thu hoạch*. GV có thể kết hợp giảng thêm về từ.

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:*
  + Nghe GV giao nhiệm vụ: đọc tiếng, từ ngữ trong từng ô chữ, tìm tiếng chứa vần *oac, oăc, oach*.
  + Quan sát GV làm mẫu: đọc từ *khoác lác*. Tìm tiếng chứa vần *oac: khoác*

– *Nhóm/cặp:*
  + Từng cá nhân đọc 2 từ ngữ còn lại.
  + Tìm tiếng chứa vần *oac, oăc, oach* trong những tiếng đã đọc (*hoắc, oạch*).

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



( )

xoạc chân

dấu ngoặc

3 Viết

oac oăc oach khoác

4 Đọc

Quạ và công

Một hôm, quạ rủ công lấy màu vẽ áo khoác cho đẹp. Quạ vẽ cho công chiếc áo rực rỡ. Đến lúc công vẽ cho quạ thì nghe tiếng chim lợn báo có mồi ngon. Quạ vội giục công đổ cả chậu phẩm đen lên người, rồi bay đi.

Thế là từ đó quạ phải mang chiếc áo đen như mực.

(*Theo* Lép Tôn-xtôi)



? *Công hay quạ có áo khoác đẹp?*

165

– *Cả lớp:*
  + Đại diện 1 – 2 nhóm/cặp đọc từ ngữ trước lớp.
  + Thi gắn nhanh vần *oac, oăc, oach* dưới 4 từ ngữ.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân:* HS nhìn tranh vẽ được phóng to từ SHS treo trên bảng, xác định nội dung tranh.
– *Nhóm:*
  + Trong nhóm HS thảo luận, chọn từ đúng với hình.
  + Thi gắn từ đúng: Đại diện 2 nhóm lên bảng gắn thẻ từ (*dấu ngoặc, xoạc chân*) đúng với tranh. Nhóm nào gắn đúng và nhanh là nhóm thắng.
– *Cá nhân:*
  + HS đọc lại từ đã chọn.
  + Viết kết quả vào vở.

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* HS nhìn GV viết mẫu chữ: *oac, oăc, oach, khoác*; nghe GV nhắc cách viết chữ, nối chữ, điền dấu thanh.
– *Cá nhân:* Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cặp/ nhóm:* Sửa lỗi cho nhau.
– *Cả lớp:* HS nghe GV nhắc các lỗi khi viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu đoạn ***Quạ và công***.

a) Quan sát tranh trong SHS và đoán nội dung đoạn.

Cá nhân:
  – Nói tên con vật và cảnh vật trong tranh.
  – Đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc đoạn và nhìn GV chỉ vào chữ. Từng HS đọc từng câu.
– *Cặp:* Mỗi HS đọc một phần ngắn.

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân:* Tự đọc câu hỏi và trả lời câu hỏi cuối đoạn.
– *Cặp/nhóm:* 1 em đọc câu hỏi, 1 em trả lời, cùng nhận xét câu trả lời của bạn.
– *Nhóm:* Đại diện nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. HS và GV nhận xét câu trả lời.
– *Cả lớp:* Thi đọc tiếp nối từng phần giữa các nhóm.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tuần 16

Tập viết

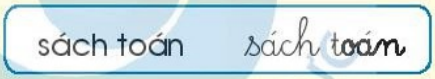
Mục tiêu

- Biết viết tổ hợp chữ ghi vần: *oai, oay, oan, oăn, oat, oăt, oang, oăng oanh, oac, oăc, oach.*
- Biết viết từ ngữ: *điện thoại, gió xoáy, ngoắc tay, khoác áo, sách toán, tóc xoăn, đoạt giải, chỗ ngoặt, áo choàng, con hoẵng, khoanh bánh, thu hoạch.*

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường.
- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường, thẻ từ : *oai, oay, oan, oăn, oat, oăt, oang, oăng oanh, oac, oăc, oach, điện thoại, gió xoáy, ngoắc tay, khoác áo, sách toán, tóc xoăn, đoạt giải, chỗ ngoặt, áo choàng, con hoẵng, khoanh bánh, thu hoạch.*
- VD:





- Tranh ảnh *điện thoại, gió xoáy, ngoắc tay, khoác áo, sách toán, tóc xoăn, đoạt giải, chỗ ngoặt, áo choàng, con hoẵng, khoanh bánh, thu hoạch.*
- *Tập viết 1*, tập một; bút mực cho HS

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Chơi trò Đọc truyền điện các vần.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi (tương tự như ở các bài trước).

– *Nhóm:* Từng nhóm HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của GV bằng các thẻ ghi vần.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Nhận diện các tổ hợp chữ cái ghi vần.

Cả lớp: Nghe GV đọc từng vần và nhìn vào thẻ chữ ghi vần do GV chỉ rồi đọc theo : *oai, oay, oan, oăn, oat, oăt, oang, oăng, oanh, oac, oăc, oach.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết chữ ghi vần.

– *Cả lớp:* Nghe GV làm mẫu, hướng dẫn viết từng chữ ghi vần: *oai, oay, oan, oăn, oat, oăt, oang, oăng, oanh, oac, oăc, oach* (mỗi vần viết 1–2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng vần.

** Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Viết từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ ngữ và làm mẫu, hướng dẫn viết từng từ ngữ: *điện thoại, gió xoáy, ngoắc tay, khoác áo, sách toán, tóc xoăn, đoạt giải, chỗ ngoặt, áo choàng, con hoẵng, khoanh bánh, thu hoạch* (mỗi từ ngữ viết 1 – 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ ngữ.

– *Cả lớp:* Xem bài viết của các bạn do GV chọn. Nghe GV nhận xét bài viết đã chọn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 17A

Ôn tập

oa oe oai oay oan oăn oat oăt oang oăng oanh oac oăc oach

Mục tiêu

- HS đọc đúng những từ chứa vần được ôn tập. Đọc trơn đoạn ngắn có tiếng chứa vần đã học.
- Đọc hiểu các từ ngữ, câu trong bài; nghe kể chuyện *Không nghe lời mẹ*.
- Viết câu về con vật yêu thích.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ ghi từ ngữ, đoạn văn.
- Tranh phóng to kể chuyện.
- Một số tranh ảnh về các con vật.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.



Bài 17A

Ôn tập

oa oe oai oay oan oăn oat oăt oang oăng oanh oac oăc oach

1 Đọc

a) Đọc từ ngữ.

áo choàng | khoai lang | chim oanh | máy khoan

b) Đọc vần, từ ngữ.

Vần	oa	oe / oăn	oat	oay	oăng	oac	oach
Từ ngữ	hoa cúc	khoẻ khoắn	lưu loát	ghế xoay	khua khoắng	nói khoác	kế hoạch

c) Đọc câu chuyện.

Chuột sợ gì?

Đi chơi về, chuột con nói với mẹ là nó nhìn thấy hai con vật lạ. Chuột mẹ hỏi:

– Chúng thế nào?

– Một con mào đỏ chót, mũi nhọn hoắt. – Chuột con kể.

– Đấy là con gà trống. Đừng sợ! Thế còn con kia?

– Con kia cổ khoang trắng, lông mượt, nằm sưởi nắng. – Chuột con kể.

– Mèo đấy! Phải tránh xa! – Chuột mẹ dặn.

(Theo *Truyện ngụ ngôn Ê-đốp*)

? *Chuột con nhìn thấy con gì?*

166

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Đọc

a) Đọc từ ngữ.

Cá nhân:

– Nhìn tranh nêu nội dung tranh.

– Đọc từ ngữ dưới tranh (*áo choàng, khoai lang, chim oanh, máy khoan*).

– Nhìn GV viết tiếng có chứa vần: *oai, oan, oang, oanh* trên bảng.

– Đọc các vần: *oai, oan, oang, oanh*.

b) Đọc vần, từ ngữ.

– *Cả lớp:* GV hướng dẫn cách thi: *Lớp chia làm 7 nhóm ứng với 7 cột vần cần ôn. Mỗi nhóm đọc vần và từ ngữ trong cột được phân công.*

– *Nhóm:*

+ HS làm việc nhóm chọn bạn đọc nhanh nhất.

+ Đại diện các nhóm thi đọc. Nhóm nào đọc đúng và nhanh nhất thì thắng.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét.

c) Đọc câu chuyện *Chuột sợ gì?*

– *Cá nhân:*

+ Nói tên con vật và cảnh vật trong tranh.

+ Đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn.

+ Nghe GV đọc đoạn và nhìn GV chỉ vào chữ. Từng HS đọc từng câu.

– *Cặp:* Mỗi HS đọc 1/2 câu chuyện.

– *Nhóm:*

+ Đọc câu hỏi và trả lời các câu hỏi cuối đoạn.

+ 1 em đọc câu hỏi, 1 em trả lời, cả nhóm nhận xét câu trả lời của bạn.

+ Đại diện nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. HS và GV nhận xét câu trả lời.

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

2 Nghe – nói

Kể chuyện.

Không nghe lời mẹ



1. Nai con xin mẹ điều gì?



2. Nai con đi đâu? Nó gặp nguy hiểm gì?



3. Ai đã giúp nai con thoát nguy hiểm? Nai con biết lỗi và nói gì?

3 Viết

Viết một câu về con vật em yêu thích.



167

2. Nghe – nói

Nghe kể chuyện và trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV kể chuyện lần 1.
+ Nhìn tranh vẽ trên bảng và xác định nội dung tranh dưới sự HD của GV.
+ Nghe GV kể chuyện lần 2.
+ HS trả lời 3 câu hỏi dưới sự HD của GV:

VD: *Nai con xin mẹ điều gì?* (... xin mẹ đi chơi loanh quanh gần nhà.)

Nai con đi đâu? Nó gặp nguy hiểm gì? (... mải đi chơi, lạc trong rừng, không biết lối về nhà.)

Ai đã giúp nai con thoát nguy hiểm? Nai con biết lỗi và nói gì? (Nai mẹ đã đến giúp nai con, dắt nai con về nhà. Nai con xin lỗi mẹ.)

– *Nhóm:*

+ 1 bạn đóng vai nai mẹ, 1 bạn đóng vai nai con, 1 bạn khác đóng vai người dẫn chuyện. Tập kể chuyện trong nhóm.
+ Thi kể chuyện trước lớp.
+ Nghe HS và GV nhận xét.

Văn bản kể chuyện

Không nghe lời mẹ

1. Nai mẹ và nai con sống trên một khoảnh đồi. Một hôm, nai con nói:

– Mẹ cho con đi chơi loanh quanh nhé!

Nai con vội chạy đi ngay.

2. Nai con mải chơi, không nghĩ đến đường về. Trời tối dần. Nó lạc trong rừng, không tìm được lối về.

3. Bỗng nai con nghe thấy nai mẹ gọi:

– Nai con về thôi!

Nai con chạy đến chỗ mẹ. Nai mẹ dắt con về nhà. Nai con ân hận nói:

– Con xin lỗi mẹ. Từ nay con không đi chơi xa nữa!

3. Viết

Viết về con vật em thích.

– *Nhóm:* Thảo luận với các bạn trong nhóm về con vật mình thích:

+ Đó là con vật gì?
+ Vì sao em thích con vật đó?

– *Cá nhân:*

+ 3 – 4 bạn nói trước lớp. Nghe GV nhận xét.
+ Viết câu nói của mình vào vở.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

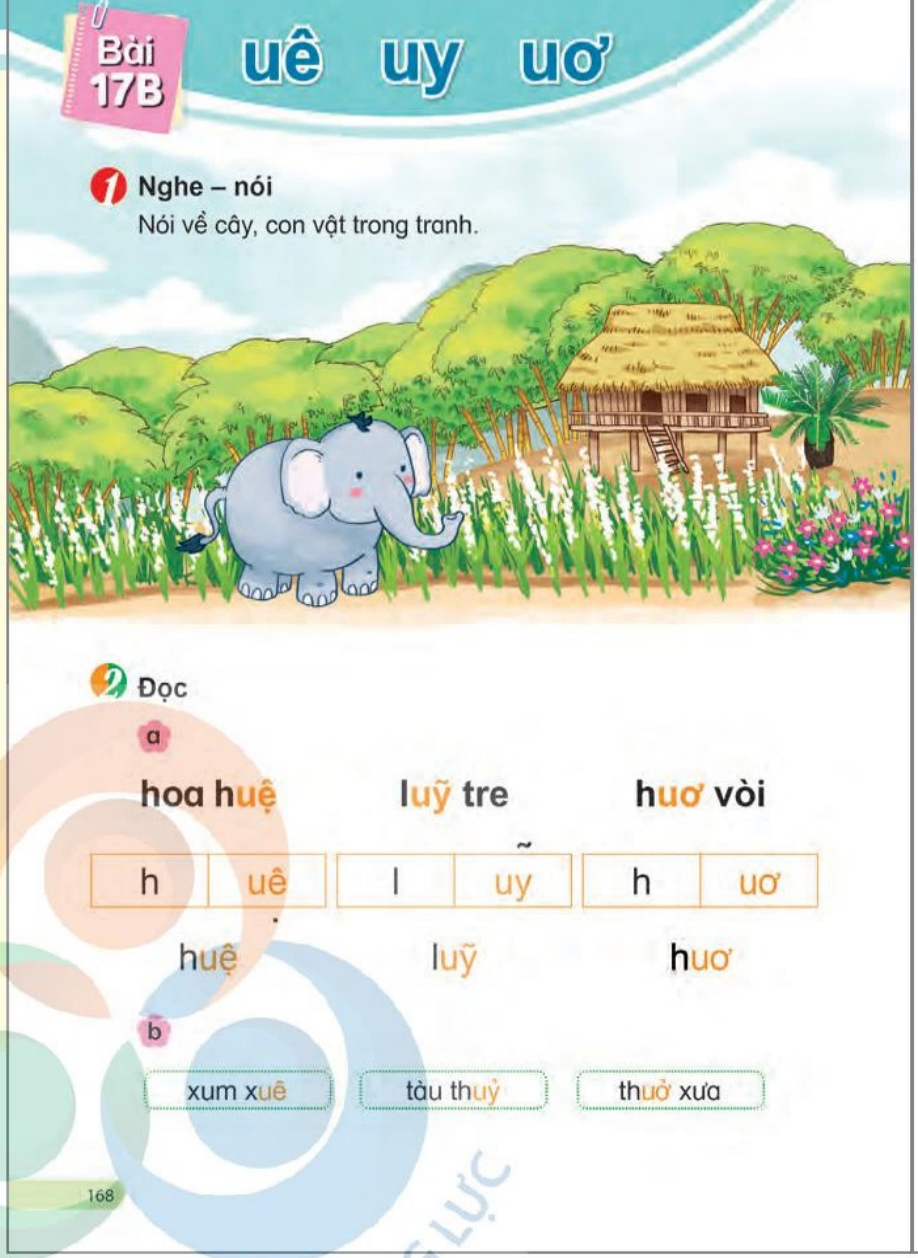
Bài 17B uê uy uơ

Mục tiêu

- HS đọc đúng vần *uê, uy, uơ*; đọc đúng tiếng, từ ngữ, đoạn. Hiểu nghĩa từ ngữ qua tranh đọc hiểu của đoạn trả lời được câu hỏi *Cá hồi*.
- Viết đúng: *uê, uy, uơ; luỹ tre*.
- Nói tên và những điều đã biết về một số loài cây và con vật.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1.
- Tranh và thẻ chữ phóng to HĐ đọc hiểu câu.
- Mẫu chữ phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp /phần mềm HD HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Nhóm:* Cùng nhau hỏi và trả lời câu hỏi về các loại cây và hành động của con vật. VD:

+ *Tranh vẽ có những cây gì?* (Nói tên các loại cây được vẽ trong tranh, cố gắng nêu và nhớ được tên các loại cây).
+ *Nói về hành động của con vật trong tranh.*
+ *Thử viết tên các loại cây và hành động của con vật* (tiếng nào chưa biết viết, hãy đoán cách viết rồi hỏi GV).

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu các vần mới của bài; quan sát các vần *uê, uy, uơ* được GV viết hoặc gắn thẻ từ trên bảng/ chiếu trên màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn:

■ Học vần ***uê***:

+ Đọc *hoa huệ* (đồng thanh/nhóm/cá nhân).
+ Phân tích cấu tạo của tiếng *huệ* gồm âm đầu *h* và vần *uê*.
+ Phân tích cấu tạo vần *uê* và đọc: *u – ê – uê*; đọc trơn vần: *uê*.
+ Đọc đánh vần tiếng *huệ*: *hờ – uê – huê – nặng – huệ*; đọc trơn tiếng: *huệ*.

■ Học vần ***uy, uơ***:

– *Cả lớp/ nhóm*: Học các vần và tiếng chứa vần *uy, uơ* tương tự như trên hoặc theo cách khác do GV tự tổ chức. (GV hỗ trợ các HS hoặc các nhóm có HS học yếu học các vần và tiếng có vần *uy, uơ*).

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cá nhân:* Đọc các từ ngữ trong 3 ô chữ.

– *Cặp:* Cùng tìm tiếng chứa vần mới trong 3 từ ngữ vừa đọc.

– *Cả lớp:* Một số em đọc trơn từ ngữ và chỉ vào vần mới vừa học.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



huy hiệu măng non



cây vạn tuế

3 Viết

uê uy uơ luỹ tre

4 Đọc

Cá hồi

Thuở bé, cá hồi sống ở sông. Lớn lên, cá hồi bơi ra cửa sông để quen dần với nước mặn. Rồi nó bơi ra biển, gặp các con sóng dữ. Tuy đôi lúc cảm thấy nguy hiểm, nhưng nó vẫn bơi tiếp để thoả trí tò mò. Từ biển, cá hồi lại quay trở về với dòng sông thuở trước, nơi nó sinh ra.



? *Thuở bé, cá hồi sống ở đâu?*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân / cặp:*
  + Quan sát 2 hình đính trên bảng, nói nội dung từng hình (trả lời câu hỏi: *Hình vẽ gì?*). (huy hiệu Đội, cây vạn tuế).
  + Đọc các câu dưới hình.
– *Cả lớp:* Thi chọn từ phù hợp với hình:
  + Đại diện 1 – 2 cặp lên bảng đính thẻ chữ đã chọn vào tranh.
  + GV chốt lại đáp án đúng.
  + Tìm tiếng chứa vần mới học trong mỗi câu.
  + Phân tích cấu tạo và đọc trơn các tiếng chứa vần mới học (*uê, uy, uơ*).

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* Quan sát GV viết các vần *uê, uy, uơ*, từ *luỹ tre*; nghe GV nhắc cách viết chữ, nối chữ, điền dấu thanh.
– *Cá nhân:*
  + Quan sát chữ mẫu trên bảng lớp.
  + Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

*Đọc hiểu đoạn **Cá hồi**.*

a) Quan sát tranh và đoán nội dung đoạn.

Cả lớp:
  – Nói tên con vật trong tranh (cá hồi).
  – Nói về nơi sinh sống của cá hồi.
  – Đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:* Nghe 1 – 2 HS đọc cả đoạn trước lớp; nghe GV đọc lại đoạn và đọc theo HD của GV.
– *Cặp/nhóm:* Luyện đọc nối tiếp từng câu và cả đoạn.

c) Đọc hiểu.

– *Cặp/nhóm:*
  + Một em đọc câu hỏi cuối đoạn, một em trả lời sau đó đổi vai. VD:
  Thuở bé, cá hồi sống ở đâu?
  (... sống ở sông.)
  + Nhận xét câu trả lời của nhau và thống nhất câu trả lời đúng.
– *Cả lớp:*
  + 1 HS đọc cả đoạn trước lớp (có thể cho HS đọc nối tiếp câu).
  + Nghe GV hỏi lại các câu hỏi cuối đoạn hoặc câu hỏi bổ sung (VD: *Khi gặp sóng dữ ở biển, cá hồi thấy thế nào? Việc ra biển có ích gì đối với cá hồi?*). Trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV.
  + Tìm các từ chứa vần *uê, uy, uơ* có trong đoạn.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 17C uân uât uây

Mục tiêu

- HS đọc đúng vần *uân, uât, uây*; đọc đúng tiếng, từ ngữ, đoạn văn. Hiểu nghĩa của từ ngữ qua tranh ảnh. Trả lời được câu hỏi đọc hiểu đoạn thơ *Hoa cúc vàng*.
- Viết đúng: *uân, uât, uây, sản xuất*.
- Nói được tên sự vật, hoạt động trong tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1.
- Tranh và thẻ chữ phóng to HĐ đọc hiểu câu.
- Mẫu chữ phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp /phần mềm HD HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp:

– HS quan sát tranh, nói về người và vật trong tranh ảnh. GV chốt lại đáp án đúng (*chuẩn bị, sản xuất, ngoeo nguẩy*).

– Nhìn GV giới thiệu các vần *uân, uât, uây* được GV viết hoặc gắn thẻ từ trên bảng/ chiếu trên màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:* Quan sát 3 tranh và đọc các từ ngữ (*chuẩn bị, sản xuất, ngoe nguẩy*) theo hướng dẫn của GV.

■ Học vần ***uân***:

+ Đọc tiếng *chuẩn* (đồng thanh/nhóm/cá nhân).

+ Phân tích cấu tạo của tiếng *chuẩn*: gồm âm đầu *ch*, vần *uân* và *thanh hỏi*.

+ Phân tích cấu tạo vần *uân* và đọc: *u – â – nờ – uân*; đọc trơn vần: *uân*.

+ Đọc đánh vần tiếng: *chờ – uân – chuân – hỏi – chuẩn*; đọc trơn tiếng: *chuẩn*.

■ Học vần ***uât, uây***:

– *Cả lớp/nhóm:* Học các vần và tiếng chứa vần *uât, uây* tương tự như trên hoặc theo cách khác do GV tự tổ chức.

(GV hỗ trợ các HS hoặc các nhóm có HS học yếu học các vần và tiếng có vần uât, uây).

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn đọc từ ngữ trong ô chữ thứ nhất, chỉ tiếng chứa vần mới, đọc trơn vần mới.

– *Cá nhân:* Đọc từ ngữ trong 3 ô chữ còn lại, tìm tiếng chứa vần mới trong các từ ngữ.

– *Cặp/nhóm:* Đối chiếu kết quả; đọc trơn các tiếng chứa vần mới, đọc từ ngữ trong 4 ô chữ.

– *Cả lớp:* Một số HS đọc trơn 4 ô chữ.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c





Mẹ khuấy bột cho bé.





Bạn nhận suất cơm trưa.

Chúng em chào cờ vào ngày đầu tuần.

Viết

uân uât uây sản xuất

Đọc

Hoa cúc vàng

Suốt cả mùa đông
Nắng đi đâu hết
Trời đắp chăn bông
Còn cây chịu rét.

Sớm nay nở hết
Đầy sân cúc vàng
Thấy mùa xuân đẹp
Nắng lại về chăng?

(Nguyễn Văn Chương)



Sớm nay, sân có gì đẹp?

171

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Cá nhân/cặp:*

+ Quan sát 3 tranh, nói nội dung từng tranh. (Trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ gì?*) (Tranh 1: *Bạn nhận suất cơm*, Tranh 2: *Chào cờ đầu tuần,* Tranh 3: *Mẹ khuấy bột/ nấu bột, nấu ăn*.)

+ Đọc các câu dựa vào tranh để hiểu nội dung câu.

– *Cả lớp:* Thi chọn câu phù hợp với hình (nếu chuẩn bị được thẻ tranh và thẻ chữ).

+ Đại diện 1 – 2 cặp lên bảng đính câu với tranh thích hợp.

+ GV chốt lại đáp án đúng.

+ Tìm tiếng chứa vần mới học (*uân, uât, uây*) trong mỗi câu.

+ Phân tích cấu tạo và đọc trơn các tiếng chứa vần mới học (*uân, uât, uây*).

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* Quan sát GV viết các vần *uân, uât, uây* từ *sản xuất*; nghe GV nhắc cách viết chữ, nối chữ, điền dấu thanh.

– *Cá nhân:*

+ Quan sát chữ mẫu trên bảng lớp.

+ Viết bảng con (hoặc viết vở).

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu đoạn thơ ***Hoa cúc vàng*****.**

a) Quan sát tranh và đoán nội dung đoạn.

Cả lớp:

– Nói tên loài hoa trong tranh (hoa cúc).

– Đọc tên đoạn và đoán nội dung đoạn.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:* Nghe 1 – 2 HS đọc cả đoạn trước lớp; nghe GV đọc lại đoạn và đọc theo HD của GV.

– *Cặp/nhóm:* Luyện đọc nối tiếp từng dòng thơ, khổ thơ và cả đoạn thơ.

c) Đọc hiểu.

– *Cặp/nhóm:*

+ Một em đọc câu hỏi cuối đoạn, một em trả lời sau đó đổi vai. VD:

Sớm nay, sân có gì đẹp? (hoa cúc nở, nắng...)

+ Cùng nhận xét câu trả lời của nhau.

– *Cả lớp:*

+ Một số HS đọc cả đoạn trước lớp.

+ Nghe GV kể lại câu chuyện và nêu câu hỏi cuối đoạn (hoặc câu hỏi bổ sung) để trả lời.

+ Tìm các tiếng / từ chứa vần *uân, uât, uây*, có trong đoạn.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 17D uyên uyêt uyt

Mục tiêu

- HS đọc đúng vần *uyên, uyêt, uyt*; đọc đúng tiếng, từ ngữ, đoạn.
- Hiểu nghĩa từ ngữ qua tranh. Trả lời được câu hỏi về đoạn thơ.
- Viết đúng: *uyên, uyêt, uyt, chuyền*.
- Nhìn tranh, nói những điều em biết về công việc, hoạt động của các chú bộ đội (HĐ1).

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to các hoạt động của chú bộ đội HĐ1.
- Tranh và thẻ chữ phóng to HĐ đọc hiểu câu.
- Mẫu chữ phóng to/mẫu chữ viết trên bảng lớp /phần mềm HD HS viết chữ.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.
- *Tập viết 1*, tập một.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp/nhóm:* tự đặt câu hỏi và trả lời. VD:
+ *Tranh vẽ về ai? Họ đang làm những việc gì?*
+ *Kể thêm những hoạt động của các chú bộ đội mà em biết.*

(HS cần nói được: Vẽ tranh các chú bộ đội tập bắn súng, tuần tra bờ biển, chơi bóng chuyền, duyệt binh, dạy trẻ em học…).

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu các vần mới của bài; quan sát các vần *uyên, uyêt, uyt* được GV viết trên bảng lớp/ chiếu trên màn hình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Đọc tiếng, từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

■ Học vần ***uyên***:

+ Đọc tiếng *chuyền* (nhóm/cá nhân).
+ GV phân tích cấu tạo của tiếng *chuyền*: gồm âm đầu *ch*, vần *uyên* và thanh *huyền*.
+ GV phân tích cấu tạo vần *uyên* và đọc: *u – yê – nờ – uyên*; đọc trơn vần: *uyên*.
+ Đọc đánh vần tiếng: *chờ – uyên – chuyên – huyền – chuyền*; đọc trơn tiếng: *chuyền*; đọc trơn từ: *bóng chuyền*.

■ Học vần ***uyêt, uyt***:

– *Nhóm/cả lớp*: Học các vần và tiếng chứa vần *uyêt, uyt* tương tự như trên hoặc theo cách khác do GV tự tổ chức.

(GV hỗ trợ các HS hoặc các nhóm có HS học yếu học vần uyêt, tiếng có vần uyêt và từ *duyệt binh*; nghe GV giải thích nghĩa của từ *duyệt binh*).

b) Đọc tiếng, từ ngữ chứa vần mới.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện nhiệm vụ và làm mẫu (đọc từ ngữ, nêu vần mới).

– *Cá nhân:* Đọc từ ngữ trong 3 ô chữ còn lại, tìm tiếng có vần mới, đọc trơn vần mới.

– *Cặp:* Từng HS đọc các ô chữ và tìm tiếng chứa vần mới, đọc vần.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c



Thuyền đã cập bến.



Bố đi xe buýt.



Đêm nay trăng khuyết.

3 Viết

uyên uyết uyt chuyền

4 Đọc

Những con thuyền nhỏ

Những con thuyền nhỏ
Những con thuyền xanh
Trôi đi bập bềnh
Trên dòng sông nhỏ.

Những con thuyền đỏ
Làm bằng lá xanh
Những con thuyền xanh
Làm bằng lá đỏ.

Cuộc đời ấu thơ
Màu xanh màu đỏ
Những con thuyền nhỏ
Trên dòng sông mơ.

(Nguyễn Đức Toàn)



? *Những con thuyền bằng lá có màu gì?*

173

– *Cả lớp:* Một số HS đọc trơn các từ ngữ trong 4 ô chữ và chỉ vần mới, đọc vần mới.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

c) Đọc hiểu.

– *Nhóm/cặp:*
  + Quan sát 3 tranh, nói nội dung từng tranh (trả lời câu hỏi: Tranh vẽ gì?). (tranh 1: *Thuyền cập bến*, tranh 2: *Đi xe buýt*, tranh 3: *Trăng khuyết*)
  + Đọc câu dưới mỗi tranh.
– *Cả lớp:* Thi chọn câu đúng hình (nếu chuẩn bị được thẻ chữ và thẻ tranh).
  + Đại diện 1 – 2 cặp lên bảng đính câu với tranh thích hợp.
  + GV chốt lại đáp án đúng (tranh 1: *Thuyền đã cập bến*; tranh 2: *Bố đi xe buýt*; tranh 3: *Đêm nay trăng khuyết*).
  + Tìm tiếng chứa vần mới học trong mỗi câu.
  + Phân tích cấu tạo và đọc trơn các tiếng chứa vần mới học (*uyên, uyt, uyêt*).

HĐ3. Viết

– *Cả lớp:* Quan sát GV viết các vần *uyên, uyêt, uyt*, từ *chuyền*; nghe GV HD cách viết chữ, nối chữ, đặt dấu thanh.
– *Cá nhân:*
  + Quan sát chữ mẫu trên bảng lớp.
  + Viết bảng con (hoặc viết vở).
– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét viết vở (hoặc viết bảng con).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Đọc

Đọc hiểu đoạn thơ ***Những con thuyền nhỏ***.

a) Quan sát tranh và đoán nội dung đoạn.

Cả lớp:
  – Nói tên các vật trong tranh.
  – Đọc tên đoạn thơ.

b) Luyện đọc trơn.

– *Cả lớp:* Nghe 1 – 2 HS đọc cả đoạn thơ trước lớp; nghe GV đọc lại đoạn và đọc theo HD của GV.
– *Cặp/nhóm:* Luyện đọc nối tiếp 2 dòng thơ và từng khổ thơ.

c) Luyện đọc hiểu.

– *Cặp/nhóm:*
  + Một em đọc câu hỏi, một em trả lời sau đó đổi vai. VD:
  + Cùng nhận xét câu trả lời của nhau.
– *Cả lớp:*
  + Một số HS đọc cả đoạn thơ trước lớp.
  + Nghe GV nêu câu hỏi cuối đoạn (hoặc câu hỏi bổ sung) để trả lời.
  + Tìm các tiếng /từ chứa vần *uyên* có trong đoạn.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 17E

Vần ít dùng

Mục tiêu

- HS đọc đúng một số vần ít dùng: *uya, uyu, uya, uynh, uych, eng, ec, oeo*; đọc đúng tiếng, từ ngữ.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh SHS phóng to; tranh, ảnh, mô hình, băng hình… giúp HS hiểu nghĩa của các từ ngữ ít dùng trong bài học.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập một.



CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

1. *Đọc vần, từ ngữ*

– *Cả lớp:* Quan sát GV giới thiệu các từ ngữ chứa vần mới:

uya – đêm khuya	*eng – xẻng*
uyu – khúc khuỷu	*éc – téc nước*
uynh – phụ huynh	*khoeo chân*
uych – huỳnh huych	

2. *Đọc từ ngữ.*

Cả lớp:

– Đọc từ ngữ mới theo HD của GV. Chỉ các tiếng chứa vần mới.

– Nghe GV phân tích cấu tạo của các vần mới.

– Luyện đọc vần mới và đọc tiếng/từ chứa vần mới (đọc cá nhân/đọc theo cặp/nhóm).

(GV hỗ trợ HS yếu đọc và phân tích các vần mới)

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

Tuần 17

Tập viết

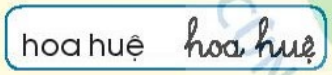
Mục tiêu

- Biết viết tổ hợp chữ ghi vần: *uê, uy, uơ, uân, uât, uây, uyên, uyêt, uyt*.
- Biết viết từ ngữ: *hoa huệ, luỹ tre, huơ vòi, chuẩn bị, sản xuất, bóng chuyền, duyệt binh, tuýt còi, trăng khuyết, phụ huynh, ngoe nguẩy*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường
- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường, thẻ từ: *uê, uy, uơ, uân, uât, uây, uyên, uyêt, uyt, hoa huệ, luỹ tre, huơ vòi, chuẩn bị, sản xuất, ngoe nguẩy, bóng chuyền, duyệt binh, tuýt còi, trăng khuyết, phụ huynh*.
- VD:





- Tranh ảnh *hoa huệ, luỹ tre, huơ vòi, chuẩn bị, sản xuất, bóng chuyền, duyệt binh, tuýt còi*.
- *Tập viết 1*, tập một; bút mực cho HS

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. *Chơi trò bỏ thẻ đọc từ.*

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi (tương tự như ở các bài trước).

– *Nhóm:* Từng nhóm HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của GV bằng các thẻ ghi từ.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. *Nhận diện các tổ hợp chữ cái ghi vần.*

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng vần và nhìn vào thẻ chữ ghi vần do GV chỉ rồi đọc theo: *uê, uy, uơ, uân, uât, uây, uyên, uyêt, uyt*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. *Viết chữ ghi vần.*

– *Cả lớp:* Nghe GV làm mẫu, hướng dẫn viết từng chữ ghi vần: *uê, uy, uơ, uân, uât, uây, uyên, uyêt, uyt* (mỗi vần viết 1 – 2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ);

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng vần.

** Sau hoạt động này GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. *Viết từ ngữ.*

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ ngữ và làm mẫu, hướng dẫn viết từng từ ngữ: *hoa huệ, luỹ tre, huơ vòi, chuẩn bị, sản xuất, bóng chuyền, duyệt binh, tuýt còi, trăng khuyết, phụ huynh, ngoe nguẩy* (mỗi từ ngữ viết 1 – 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ ngữ.

– *Cả lớp:* Xem triển lãm bài viết của các bạn trong lớp và chọn 3 bài viết đúng nhất, chữ rõ ràng và viết đúng kiểu, cỡ chữ.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 18 Ôn tập cuối Học kì I

Mục tiêu

- Đọc trơn từ, câu, đoạn ngắn. Củng cố cách ghép tiếng và đọc tiếng, từ, câu.
- Đọc và hiểu nghĩa của từ, câu, hiểu bài đọc dựa trên câu hỏi gợi ý
- Biết viết câu nói về một bức tranh.
- Thực hiện một bài kiểm tra cuối Học kì I.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 10 thẻ vần để HS thi ở HĐ1.
- Bảng ôn ở HĐ2a, 2b.
- Phiếu kiểm tra cuối Học kì I cho mỗi HS (in phiếu kiểm tra trong SHS ra giấy).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một.*


Bài 18 Ôn tập cuối Học kì I

1 Nghe – nói

Thi nói tên vật, con vật có chứa vần trong thẻ.

ao eo au âu êu
iu iêu yêu ưu ươu

2 Đọc

a) Đọc vần, từ ngữ.

A

Vần	ac	ăc	âc	oc	ôc
Từ ngữ	bác sĩ	mặc áo	giấc ngủ	mái tóc	con lốc

B

Vần	uc	iên	iêc	ach	ich
Từ ngữ	gia súc	gà chiên	cá diếc	chim khách	chích bông

175

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Nghe – nói

Thi nói tên vật, con vật có chứa vần trong thẻ.

Cả lớp:

– Nghe GV hướng dẫn cách thi: Đọc vần ghi trên thẻ, tìm từ có chứa vần trong thẻ. Có thể dựa trên hình ảnh có trong SHS.

– HS thi: Mỗi em lên bắt thẻ và tìm từ chứa vần có trong thẻ. Việc tìm từ chỉ được diễn ra trong thời gian các bạn HS đếm từ 1 đến 10. Sau thời gian đó, nếu HS không tìm được từ chứa vần trên thẻ thì bị coi là thua cuộc.

2. Đọc

a) Đọc vần, từ ngữ.

– *Cả lớp:* Theo dõi 1 – 2 bạn làm mẫu.

– *Nhóm:*

+ Mỗi HS đọc 3 vần và 3 từ theo hàng dọc trong bảng, tự sửa lỗi (nếu có). VD: *ac – bác sĩ; ăc – mặc áo; âc – giấc ngủ; oc – mái tóc,...*

+ Thi đọc vần và từ ngữ giữa các nhóm (mỗi nhóm 1 HS thi).

b) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu nội dung của 2 tranh: Bé trai dắt trâu/ Bà nhổ củ cải.

+ Nghe GV nêu cách làm: Đọc các từ đã cho, chọn từ cho mỗi chỗ trống ở từng câu rồi đọc câu đã đủ từ.

– *Nhóm:*

+ Cùng đọc từng từ, từng câu còn trống từ. Cùng chọn từ cho từng câu.

+ Mỗi HS đọc 1 câu. Thi đọc giữa các nhóm.

c) Đọc câu đố và giải đố.

Cả lớp:

– Nghe GV hướng dẫn cách giải đố: Mỗi HS xem từng tranh, đọc câu đố, đưa ra lời giải đố trong 1 phút cho mỗi câu đố sẽ thắng cuộc.

– HS tham gia chơi, đọc từ giải đố: *con kiến, đèn điện*

d) Ghép tiếng thành từ ngữ.

– HS nhận bảng nhóm có ghi nội dung HĐ2d.

– 2 – 3 HS trong nhóm đọc các tiếng ở bên trái rồi đọc các tiếng ở bên phải trong từng bảng. Nhóm trao đổi để ghép từng cặp tiếng tạo thành từ ngữ.

b) Chọn từ cho ô trống trong câu.

rau trâu



Cậu bé dắt ■.



Bà nhổ ■ cải.

c) Đọc câu đố và giải đố.

Con gì bé tí
Đi lại từng đàn
Kiếm được mồi ngon
Cùng tha về tổ?
Là con gì?





Cái gì bật sáng trong đêm
Làm cho nhà dưới, nhà trên sáng ngời?
Là cái gì?

d) Ghép tiếng thành từ ngữ.

ý	muốn	sân	mến
vườn	nước	phẳn	chơi
dẫn	rau	yêu	thường
phun	đường	biết	ơn

M: ý muốn

M: sân chơi

e) Đọc bài thơ.



?
Cò tắm gội ở đâu?

Cò biết ở sạch

Cò mải mê nhặt ốc
Chui giữa lách với lau
Đôi cánh cò trắng phau
Bị lấm đầy bùn đất!

Nhưng cò biết ở sạch
Vội vã bước ra sông
Cò tắm gội sạch bong
Lại tung bay trắng toát!

(Võ Quảng)

g) Đọc bài đồng dao.

Bắc kim thang

Bắc kim thang, cà lang bí rợ
Cột qua kèo là kèo qua cột
Chú bán dầu qua cầu mà té
Chú bán ếch ở lại làm chi
Con le le đánh trống thổi kèn
Con bìm bịp thổi tò tí te tò te.

?
Con le le làm gì?

Viết

a) Viết các vần, từ ngữ đã học từ bài 10A đến bài 17E.

b) Viết một câu về tranh sau:



– Thi ghép tiếng giữa các nhóm: Mỗi nhóm cử 2 HS đọc từ ngữ đã ghép ở bảng ghép bên trái và bảng ghép bên phải.

– Nghe GV chốt kết quả và nêu nhóm thắng cuộc.

e) Đọc bài thơ.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc mẫu và nhìn vào tranh trong SHS bài *Cò biết ở sạch*.

+ HS đọc tiếp nối từng câu cho đến hết bài.

– *Cá nhân:*

+ Đọc từng câu trong SHS.

+ 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.

+ Thi bắt thăm để đọc câu.

+ Nghe GV nêu câu hỏi, từng HS đọc lại bài thơ và trả lời câu hỏi.

+ Nghe GV nhận xét bài đọc và câu trả lời của từng HS.

+ 1 HS khá đọc cả bài thơ.

g) Đọc bài đồng dao (cách làm tương tự như ở hoạt động 2e).

3. Viết

a) Viết các vần, từ ngữ trong *Tập viết 1*, tập một (tuần 18).

b) Viết một câu về tranh.

– *Cả lớp:*

+ Xem tranh, 3 – 4 HS trả lời câu hỏi của GV: *Trong tranh có con gì? Nó đang làm gì?*

+ Nghe GV hướng dẫn viết câu: Viết lại câu trả lời. Chữ cái mở đầu câu cần viết hoa (theo mẫu GV viết trên bảng), kết thúc câu viết dấu chấm câu (HS có thể chưa viết hoa).

– *Cá nhân:*

+ Viết 1 câu đã trả lời vào vở.

+ Nghe GV nhận xét một số bài viết của bạn.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

PHIẾU KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

A – BÀI KIỂM TRA ĐỌC, NGHE VÀ NÓI
(15 phút)

1. Đọc các âm, vần.

ơ d th ngh it ương ay inh

2. Đọc các tiếng.

đa vượn tạch kính thú chùm chuột vương

3. Đọc đoạn đồng dao.

Tiếng chim



Tiếng con chim ri
Gọi dì gọi cậu
Tiếng con sáo sậu
Gọi cậu gọi cô
Tiếng con trích cồ
Gọi cô gọi chú
Tiếng con tu hú
Gọi chú gọi dì
Mau mau tỉnh dậy
Mà đi ra đồng.



4. Nói tên hai loài chim có trong đoạn đồng dao.

5. Nghe một trong hai câu hỏi sau rồi trả lời.
a) Nói tên hai loài chim em biết.
b) Em thích nhất loài chim nào?

B – BÀI KIỂM TRA VIẾT
(Làm bài ra giấy trong 30 phút)

1. Đọc các tiếng. Nối tiếng thành từ ngữ (theo mẫu).

cầu	Nam
cánh	trượt
Việt	chim
xe	đạp



2. Điền g hoặc gh vào chỗ trống.



con ....ấu



con .....ẹ

3. Tìm từ điền vào chỗ trống để thành câu.



Bạn ..... rau trong vườn.



Các chú công nhân ..... nhà.

4. Viết tiếp để hoàn thành câu:

Trăng tròn như quả bóng.

Trăng

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Hướng dẫn học sinh làm bài kiểm tra.

– Các bài tập 1, 2, 3, 4, 5 ở bài A: HS trực tiếp đọc và trả lời câu hỏi với GV.

– Bài B HS tự làm vào phiếu kiểm tra (GV phô tô Phiếu kiểm tra ở cuối SHS).

Tuần 18

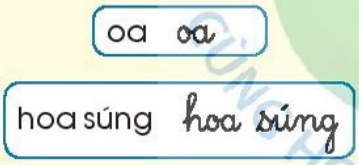
Tập viết

Mục tiêu

- Biết viết tổ hợp chữ ghi vần thuộc nhiều nhóm vần đã học từ tuần 10 đến tuần 17: *oa, oe, oai, oay, iêu, yêu, ươu, ong, ung, uông, ương, iêc, uôc, ươc.*
- Biết viết từ ngữ: *hươu sao, cuộc họp, hoa súng, rạp xiếc, ghế xoay, yểu điệu.*
- Biết viết đoạn thơ ngắn.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng mẫu các chữ cái tiếng Việt kiểu chữ viết thường.
- Bộ thẻ các chữ kiểu in thường và chữ viết thường: *oa, oe, oai, oay, iêu, yêu, ươu, ong, ung, uông, ương, iêc, uôc, ươc, hươu sao, cuộc họp, hoa súng, rạp xiếc, ghế xoay, yểu điệu.*
- VD:



- Tranh ảnh *hươu sao, cuộc họp, hoa súng, rạp xiếc, ghế xoay, cô gái yểu điệu.*
- *Tập viết 1*, tập một; bút mực cho HS.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Chơi trò chuyền thẻ đọc từ.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi (tương tự như ở các bài trước).

– *Nhóm:* Từng nhóm HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của GV bằng các thẻ từ.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Nhận diện các tổ hợp chữ cái ghi vần.

Cả lớp: Nghe GV đọc từng vần và nhìn vào thẻ chữ ghi vần do GV chỉ rồi đọc theo: *oa, oe, oai, oay, iêu, yêu, ươu, ong, ung, uông, ương, iêc, uôc, ươc.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết chữ ghi vần.

– *Cả lớp:* Nghe GV làm mẫu, hướng dẫn viết từng chữ ghi vần: *oa, oe, oai, oay, iêu, yêu, ươu, ong, ung, uông, ương, iêc, uôc, ươc* (mỗi vần viết 1 – 2 lần, nhớ điểm đặt bút ở từng chữ).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng vần.

** Sau hoạt động này, GV cho HS hoạt động thư giãn giữa giờ.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Viết từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc từng từ ngữ và làm mẫu, hướng dẫn viết từng từ ngữ *hươu sao, cuộc họp, hoa súng, rạp xiếc, ghế xoay, yểu điệu* (mỗi từ ngữ viết 1 – 2 lần).

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét một số bài viết.

HĐ5. Viết đoạn thơ ngắn.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc cả đoạn thơ:

Con ong chăm chỉ
Lưng nó cong cong
Đi khắp cánh đồng
Tìm hoa gây mật

+ 1 – 2 HS đọc cả đoạn thơ.

+ Nghe GV hướng dẫn viết chữ tiếp theo chữ hoa đầu mỗi dòng thơ.

– *Cá nhân:* Thực hiện viết từng dòng thơ và viết đủ đoạn thơ.

– *Cả lớp:* Xem triển lãm bài viết của các bạn trong lớp và chọn 3 bài viết đúng nhất, chữ rõ ràng và viết đúng kiểu, cỡ chữ.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 19A Tới trường

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Ngày em tới trường*.
- Viết đúng những từ mở đầu bằng *g / gh*. Chép đúng một đoạn văn.
- Nói được một điều em thích trong ngày đầu tiên tới trường.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Phiếu nhóm để chơi tiếp sức ở HĐ3b.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Nhóm:* Từng HS nói trong nhóm về điều em thích nhất trong ngày đầu tiên tới trường: Được gặp cô giáo mới, nhìn thấy chiếc trống trường, sân trường được trang trí cờ hoa, làm quen với bạn bè mới...

M: *Ngày đầu tiên tới trường tớ thấy cô giáo mặc áo dài thật đẹp.*

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS nói về điều em thích nhất trong ngày đầu tiên tới trường trước lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Quan sát tranh minh hoạ, đoán nội dung bài đọc. Nghe GV giới thiệu bài đọc.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ: *khai giảng, thầy giáo,...* (MB); *chín vàng, thơm hương,...* (MN).

– *Nhóm:* Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp 2 đoạn của bài.

– *Cả lớp:*

+ 2 – 3 cặp thi đọc trước lớp.

+ Nghe GV và các nhóm nhận xét HS của nhóm mình đọc.

+ Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Chọn đúng tranh vẽ.

Cá nhân:

– Từng HS đọc thầm đoạn 1 và quan sát các tranh minh hoạ.

– Một số HS trả lời thành câu: *Đường đến trường của Tí và chị Thắm có cánh đồng lúa chín vàng rất đẹp.*

– 2 – 3 HS chỉ vào tranh vẽ đúng cảnh đẹp trên đường đến trường của Tí.

Bài 19A Tới trường
CHỦ ĐIỂM TRƯỜNG EM

1 Nghe – nói

Kể cho bạn nghe điều em thích nhất trong ngày đầu tiên tới trường.





2 Đọc

Ngày em tới trường

1. Hôm nay chị Thắm dắt Tí đến trường mới. Qua cánh đồng thơm mùi lúa chín, chị nói với Tí:



– Thầy Thu sẽ dạy lớp em. Thầy dạy lớp 1 lâu năm nhất trường. Thầy sẽ đánh trống trong lễ khai giảng đấy!

Tí nghĩ: "Chắc thầy nghiêm lắm".

2. Trường thật náo nhiệt, cờ hoa rực rỡ. Tí đứng im ở chỗ dành cho học sinh lớp 1. Một giọng nói nhẹ nhàng bỗng cất lên:

– Em là học sinh lớp 1A phải không? Thầy dạy lớp 1A. Em tên là gì?

Tí chăm chú nhìn gương mặt hiền hậu, đôi mắt sáng của thầy, rồi mạnh dạn nói:

– Thưa thầy, em tên là Nguyễn Văn Thắng, không phải cu Tí ạ!

(*Theo* Lê Phương Liên)

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

? a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Chọn đúng cảnh đẹp trên đường Tí đến trường mới.





c) Bạn Tí có điều gì đáng khen trong ngày đầu tiên đến trường?

1 Đi cùng chị tới trường
2 Mạnh dạn giới thiệu tên mình
3 Đứng đúng chỗ dành cho lớp 1

3 Viết

a) Chép một đoạn trong bài *Ngày em tới trường* (từ *Tí chăm chú* ... đến hết).

b) Chọn *g, gh* cho ô trống.





■ặp ■ỡ

■i chép

■ỏ trống

bàn ■ế





Chép ba từ ngữ đã hoàn thành vào vở.

4 Nghe – nói

Ngày đầu tiên đi học, em nhớ nhất điều gì?

c) Nghe GV nêu yêu cầu c.

– *Nhóm:*

+ Từng nhóm cùng đọc các ý trả lời và trao đổi để chọn ý đúng.

+ Một số nhóm cử đại diện nói về những điều đáng khen của bạn Tí trong ngày đầu tiên tới trường theo gợi ý: *Tí tên thật là gì? Khi đi học, Tí đã nói gì với thầy giáo?,...*

– *Cả lớp:* Nghe GV chốt câu trả lời đúng (đáp án 2).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tập chép đoạn văn trong bài *Ngày em tới trường*.

– *Cá nhân:* 1 HS đọc cả đoạn văn. Từng HS viết các từ có chữ cái mở đầu viết hoa ra nháp: Nguyễn Văn Thắng, Tí, Thưa.

– *Cả lớp:* Từng HS chép đoạn văn vào vở theo HD: Đọc từng cụm từ và ghi nhớ, chép lại cụm từ đã ghi nhớ.

Tí chăm chú nhìn / gương mặt hiền hậu, / đôi mắt sáng của thầy, / rồi mạnh dạn nói:

– Thưa thầy,/ em tên là / Nguyễn Văn Thắng, / không phải cu Tí ạ!

+ Từng HS nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi.

+ Từng HS sửa lỗi của bài viết theo HD của GV.

+ Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

b) Thi *Tiếp sức* để luyện viết từ có âm đầu *g, gh*.

– *Cả lớp:* Nghe GV nói về mục đích chơi và HD cách chơi: chơi để luyện viết đúng từ có âm đầu viết bằng *g, gh*. Mỗi nhóm 4 là một đội. Cách chơi: Nhóm trưởng chơi đầu tiên, điền *g* hay *gh* vào chỗ trống trong từ đầu tiên sau đó chuyển phiếu cho bạn bên cạnh. Lần lượt mỗi bạn điền một từ cho đến hết. Đội điền đúng và nhanh nhất là đội thắng cuộc.

– *Nhóm:* Các nhóm 4 tham gia chơi.

– *Cả lớp:* Bình chọn nhóm thắng cuộc. Từng HS ghi các từ ngữ đã hoàn thành vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Cá nhân: 2 – 3 HS nói điều em nhớ nhất trong ngày đầu đi học: làm quen với bạn nào? được thầy cô bảo gì?

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 19B Ở trường thật thú vị

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Thư viện xanh*. Hiểu chi tiết quan trọng trong bài, thông tin chính của bài.
- Viết đúng những từ mở đầu bằng *ng / ngh*. Nghe viết đúng một đoạn văn.
- Nghe hiểu câu chuyện *Ếch xanh và nhái bén* và kể lại được một đoạn theo gợi ý.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Mỗi HS mang tới lớp một quyển sách thú vị các em đã đọc.
- Bản ghi âm và tranh minh hoạ truyện *Ếch xanh và nhái bén*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Nhóm 4:* Từng HS cho các bạn xem và nói trong nhóm về một cuốn sách thú vị em biết: chi tiết gây cười của truyện; tranh ảnh đẹp, sinh động; những con vật ngộ nghĩnh; bài học rút ra từ truyện; thông tin mới thú vị,...
M: *Đây là cuốn Dế Mèn phiêu lưu kí mình rất thích. Cuốn truyện có rất nhiều tranh ảnh ngộ nghĩnh về các con vật như dế, bọ ngựa,...*

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS chia sẻ về một cuốn sách thú vị em biết trước lớp. (Khuyến khích HS trao đổi sách của em với bạn để cùng khám phá những điều thú vị.)

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe – đọc

– *Cả lớp:* Quan sát tranh minh hoạ, đoán nội dung bài đọc. Nghe GV giới thiệu bài đọc.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *thư viện xanh, truyện tranh,...* (MB); *cuốn sách, giờ nghỉ,...* (MN).

– *Nhóm:* Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp 3 đoạn của bài.

– *Cả lớp:*
  + 2 – 3 nhóm thi đọc trước lớp.
  + Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Nghe GV nêu yêu cầu b.

Cá nhân:

– Từng HS đọc thầm đoạn 2 và quan sát các tranh minh hoạ.

– Một số HS trả lời. GV khuyến khích HS nói thành câu: *Thư viện xanh được đặt ở ngoài sân trường.*

c) Nghe GV nêu yêu cầu c.

Cặp:

– Chia sẻ với bạn điều em thích nhất về Thư viện xanh và giải thích lí do em thích.

– Một số nhóm nói về những điều em thích ở Thư viện xanh. GV khuyến khích HS nói thành câu có lời giải thích, ví dụ: *Em thích nhất được đọc sách dưới gốc cây vì ngồi dưới gốc cây rất mát.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Nghe – viết một đoạn trong bài *Thư viện xanh.*

– *Cá nhân:*
  + 1 HS đọc cả đoạn văn. Từng HS viết các từ có chữ cái mở đầu bằng *ng/ngh* ra nháp hoặc bảng con: *ngôi nhà.*
  + HS nghe và viết bài tập vào vở.

– *Cả lớp:*
  + Nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi và sửa lỗi.
  + Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

CỘNG ĐỒNG HỌC LIỆU PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Thư viện xanh được đặt ở đâu?

1 Ngoài sân trường

2 Trong phòng học

3 Ngoài công viên

c) Nói với bạn điều em thích nhất ở thư viện xanh.

3 Viết

a) Nghe – viết một đoạn trong bài *Thư viện xanh* (từ đầu đến *thân cây*).

b) Nhìn tranh, tìm từ chứa *ng*, *ngh*.







Viết các từ tìm được vào vở.

4 Nghe – nói

a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Ếch xanh và nhái bén





1 Thầy giáo ra đề bài gì cho ếch xanh và nhái bén?

2 Nhái bén kể chuyện gì?





3 Ếch xanh kể chuyện gì?

4 Vì sao ếch xanh được chọn đi thi kể chuyện?

b) Kể một đoạn câu chuyện.

b) Cùng chơi *Đuổi hình bắt chữ* để luyện viết từ có âm đầu *ng, ngh*.

– *Cả lớp*: Nghe GV nói về mục đích chơi và HD cách chơi: chơi để luyện viết đúng từ có âm đầu viết bằng *ng, ngh*. Quan sát tranh và viết từ có âm đầu *ng* hoặc *ngh* chỉ hoạt động của người trong tranh. Chơi theo nhóm 3. Cách chơi: Nhóm trưởng nhận thẻ tranh. Lần lượt giơ từng thẻ, yêu cầu các bạn trong nhóm quan sát và viết từ tìm được vào bảng con. Bạn nào viết đúng và đủ 3 từ là bạn thắng cuộc.

– *Nhóm:* Các nhóm 3 tham gia chơi. Bình chọn người thắng cuộc.

– *Cả lớp:* Từng HS ghi các tên viết đúng vào vở.

HĐ4. Nghe – nói

a) Nghe kể chuyện *Ếch xanh và nhái bén*.

1. Thầy giáo cóc cần chọn một học sinh đi thi kể chuyện ở trường. Ếch xanh và nhái bén kể hay hơn cả, hai bạn thi với nhau để chọn một bạn kể giỏi nhất. Đề bài của thầy là: "Em hãy kể một câu chuyện mà em thích nhất".

2. Nhái bén vốn có tài ăn nói và đối đáp nhanh. Nó kể lại cuộc đi chơi của mình qua ba hồ hoa súng vô cùng thú vị: Nào là trời xanh, nước biếc, hoa súng nở kín mặt hồ. Một mình nhái bén đuổi theo mấy chú cào cào, nô giỡn với bầy cá rô… Nhưng nhái bén không trả lời được câu hỏi của thầy giáo cóc vì những điều nó kể là do nó tự nghĩ ra.

3. Ếch xanh kể câu chuyện về bà ngoại. Bà đã già, lưng còng, tóc bạc, da nhăn nheo nhưng ngày nào bà cũng gãi lưng, hát ru, kể chuyện cổ tích để ru nó ngủ. Ếch xanh sợ bà kể chuyện nhiều sẽ mệt nên cố học cho giỏi để tự đọc truyện.

4. Các bạn nghe ếch xanh kể chuyện đều thấy xúc động, thương bà ngoại nó và thấy yêu nó hơn. Thầy cóc chọn ếch xanh là bạn kể giỏi nhất để đi thi.

(*Theo* Phong Thu)

Cả lớp:

– Nghe băng kể chuyện lần 1 và trả lời câu hỏi: *Câu chuyện có những nhân vật nào?*

– Nghe GV kể chuyện lần 2: GV sử dụng 4 tranh minh hoạ SHS phóng to kể lại từng đoạn câu chuyện lần 2.

– HD HS trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh để ghi nhớ nội dung chính của các đoạn câu chuyện.

b) Kể một đoạn câu chuyện *Ếch xanh và nhái bén*.

– *Nhóm:* 4 HS tập kể nối tiếp 4 đoạn câu chuyện trong nhóm.

– *Cả lớp:*

+ Đại diện 4 nhóm thi kể đoạn 3 hoặc 4 trước lớp.

+ Bình chọn cá nhân kể chuyện hay nhất.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

Bài 19C Đường đến trường

Mục tiêu

- Đọc đúng từ, câu thơ, đoạn thơ trong bài *Đi học*. Cảm nhận được vẻ đẹp trên đường tới trường của bạn học sinh trong bài thơ. Học thuộc một đoạn của bài thơ.
- Tô chữ hoa A, Ă, Â; viết từ có chữ hoa A, Ă, Â. Điền từ ngữ vào chỗ trống hoàn chỉnh câu nói về bức tranh.
- Nói về đường em đến trường.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Video bài hát *Đi học* (có chữ để hỗ trợ HS nhẩm thuộc lời bài hát).
- Mỗi HS 2 thẻ câu ở HĐ3b để HS điền vào ô trống.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.
- *Tập viết 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp:* 2 HS đóng vai hỏi đáp về điều em nhớ (hoặc thích) nhất trên đường đến trường.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS nói về điều em nhớ (hoặc thích) nhất trên đường đến trường.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp*: Quan sát tranh minh hoạ, đoán nội dung bài đọc. Nghe GV giới thiệu bài đọc.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *tre trẻ, râm mát,...* (MB); *lặng, giữa, cọ,...* (MN).

– *Nhóm:* Mỗi HS đọc một khổ thơ, đọc nối tiếp 3 khổ thơ của bài.

– *Cả lớp:*

+ 2 – 3 nhóm thi đọc trước lớp.
+ Nghe GV và các nhóm nhận xét HS của nhóm mình đọc.
+ Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Nghe GV nêu yêu cầu b.

Cá nhân:

– Từng HS đọc thầm khổ thơ thứ 3 và quan sát tranh minh hoạ. Khoanh tròn bằng bút chì vào chữ cái đặt trước ý em chọn.

– Một số HS trả lời. GV chốt đáp án đúng (dòng 3). GV khuyến khích HS nói thành câu: *Đường đến trường của bạn nhỏ có hương hoa thơm, suối chảy và cọ xoè bóng mát.*

c) Nghe GV nêu yêu cầu c.

– *Cặp:* Từng cặp trao đổi lí do em thích ngôi trường của bạn nhỏ trong bài.

CÙNG EM ĐẾN ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

? a) Đọc từng khổ thơ trong nhóm.

b) Khổ thơ 3 tả những gì trên đường đến trường?

1 Tả hương thơm, đồi vắng, nương rẫy

2 Tả hương thơm, rừng cây, suối trong

3 Tả hương rừng, suối trong, cọ xoè ô

c) Em có thích ngôi trường của bạn nhỏ trong bài thơ không? Vì sao?

d) Đọc thuộc một khổ thơ.

3 Viết

a) Tô và viết.

– Tô chữ hoa: A, Ă, Â.

– Viết: nước Anh.



b) Dựa vào câu chuyện *Ếch xanh và nhái bén*, tìm từ ngữ cho ô trống để hoàn thành câu.





Nhái bén kể đã đi qua ba hồ hoa súng, có trời xanh, ■.

Bà đã già, ■.

Viết các từ ngữ tìm được vào vở.

4 Nghe – nói

Nói những điều em thấy trên đường đến trường.

– *Cả lớp:* Một số HS chia sẻ trước lớp. GV khuyến khích HS nói thành câu: *Em thích ngôi trường của bạn nhỏ trong bài đọc vì nó nằm dưới rừng cây râm mát.*

d) Đọc thuộc một khổ thơ.

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu về bài hát được phổ nhạc: Bài thơ *Đi học* của nhà thơ Hoàng Minh Chính được nhạc sĩ Bùi Đình Thảo phổ nhạc. Tác giả có một số thay đổi nhỏ về lời bài thơ khi phổ nhạc. Các em lắng nghe nhạc để nhớ giai điệu, nhìn chữ để thuộc lời và nhẩm theo để học bài hát.

– *Nhóm:* Nhóm 3 HS hát; mỗi HS hát một đoạn để nhẩm thuộc lời và giai điệu bài hát.

– *Cả lớp:* 2 – 3 nhóm thi hát trước lớp. Bình chọn nhóm thuộc lời bài hát và hát đúng giai điệu.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tô và viết.

– *Cả lớp:*

+ Nhìn GV viết mẫu chữ hoa A, Ă, Â; từ ứng dụng: nước Anh.

+ Nghe GV HD cách tô chữ hoa, viết từ ứng dụng: chữ hoa A cao 5 li.

+ Nghe GV HD cách trình bày vở.

– *Cá nhân:* HS tô vào vở dưới sự HD của GV.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

b) Tìm từ ngữ cho ô trống để hoàn thành câu nói về bức tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu yêu cầu và HD cách làm:

+ Quan sát tranh, nhớ lại truyện *Ếch xanh và nhái bén* đã học ở bài trước.

+ Tìm từ ngữ cho ô trống để nói thành câu hoàn chỉnh. Viết từ ngữ vào thẻ để hoàn thành câu (VD: thẻ 1 điền "hoa súng, nước biếc", thẻ 2 điền "lưng còng tóc bạc").

– *Cặp:* HS nói thành câu dựa vào tranh.

– *Cả lớp:*

+ Một số HS nói trước lớp.

+ Nghe bạn và thầy cô nhận xét.

– *Cá nhân:* Viết các từ đã điền ở thẻ từ vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu yêu cầu.

– *Cá nhân:* 2 – 3 HS nói câu của mình trước lớp (VD: Đường em đến trường có nhiều cây).

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 19D Ngôi trường mới

Mục tiêu

- Đọc mở rộng một câu chuyện hoặc bài thơ về trường học.
- Viết đúng những từ mở đầu bằng *ng / ngh*. Nghe – viết một đoạn thơ.
- Viết 1 – 2 câu nói về trường em.
- Biết nói lên điều em thích về ngôi trường đang học hoặc về tình cảm của em với trường.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Mỗi nhóm một bộ 3 thẻ ghi tên các con vật ở HĐ2c.
- Một số câu chuyện, bài thơ viết về trường học.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

Bài 19D Ngôi trường mới

1 **Nghe – nói**

Nói những điều em thích về ngôi trường đang học.



2 **Viết**

a) Viết một hoặc hai câu nói về ngôi trường của em hoặc nói về tình cảm của em với trường.

b) Nghe – viết khổ 2 của bài thơ *Đi học*.

c) Chọn tên con vật viết đúng.

con ngan	con ngé	cá ngừ
con nghan	con nghé	cá nghừ







Chép các tên tìm được vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Nhóm:* Từng HS đặt câu hỏi nêu những điều em thích về trường em (VD: sân trường, vườn cây, cái trống,... cho bạn).

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS nói điều em thích về trường.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Viết

a) Viết 1 – 2 câu nói về ngôi trường của em hoặc tình cảm của em với trường.

– *Cả lớp:*

+ 1 HS đọc yêu cầu a)

+ Nghe GV hướng dẫn: Nếu nói về trường em thì có thể nói tên trường, điều em thích ở trường./ Nếu nói về tình cảm của em với trường thì có thể nói em yêu mến trường vì ở đó em có bạn bè, em được học, được vui chơi…

+ 2 – 3 HS nói trước lớp theo hướng dẫn.

– *Cá nhân:* Viết 1 – 2 câu theo hướng dẫn vào vở.

– *Cả lớp:*

+ 2 – 3 HS đọc câu đã viết.

+ Nghe GV nhận xét bài của bạn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

b) Nghe – viết khổ 2 của bài thơ *Đi học*.

– *Cá nhân:* Đọc cả khổ thơ, viết các từ ra nháp: Trường, Nắm, Cô, Dạy.

– *Cả lớp:*

+ Từng HS nghe GV đọc và viết vào vở.

+ Từng HS nghe GV đọc lại khổ thơ để soát lỗi và sửa lỗi.

+ Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

3 Đọc

a) – Tìm đọc câu chuyện hoặc bài thơ về trường học.

– Chia sẻ với bạn, người thân về nhân vật hoặc những câu thơ em thích.

b) Gợi ý bài đọc mở rộng:

Cái trống trường em



1. Cái trống trường em
Mùa hè cũng nghỉ
Suốt ba tháng liền
Trống nằm ngẫm nghĩ.

2. Buồn không hả trống
Trong những ngày hè
Bọn mình đi vắng
Chỉ còn tiếng ve?

3. Cái trống lặng im
Nghiêng đầu trên giá
Chắc thấy chúng em
Nó mừng vui quá!

4. Kìa trống đang gọi:
Tùng! Tùng! Tùng! Tùng!
Vào năm học mới
Giọng vang tưng bừng.

(*Theo* Thanh Hào)

? Đọc thuộc một khổ thơ em thích.

c) Thi chọn tên viết đúng cho mỗi bức tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV nói về mục đích chơi và HD cách chơi: chơi để luyện viết đúng từ có âm đầu viết bằng *ng/ngh*. Mỗi nhóm 4 là một đội. Cách chơi: Nhóm trưởng nhận 3 cặp thẻ, phát cho mỗi bạn trong nhóm 1 cặp thẻ. Mỗi bạn chọn trong cặp thẻ 1 từ viết đúng và gắn vào dưới tranh phù hợp trên bảng nhóm. Đội điền đúng và nhanh nhất là đội thắng cuộc.

– *Nhóm:* Các nhóm 4 tham gia chơi.

– *Cả lớp:* Bình chọn nhóm thắng cuộc. Từng HS ghi các tên viết đúng vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3. Đọc mở rộng

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn tìm câu chuyện hoặc bài thơ về trường học (tìm trong một số cuốn sách ở tủ sách của lớp, ở thư viện, tủ sách gia đình).

+ Nghe GV giao nhiệm vụ sau khi đọc: đọc cho bạn nghe những câu thơ em thích trong bài, nói với bạn nhân vật em thích trong truyện.

– *Cá nhân:* Đọc câu chuyện, bài thơ đã tìm được. HS có thể đọc bài *Cái trống trường em* trong SHS.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

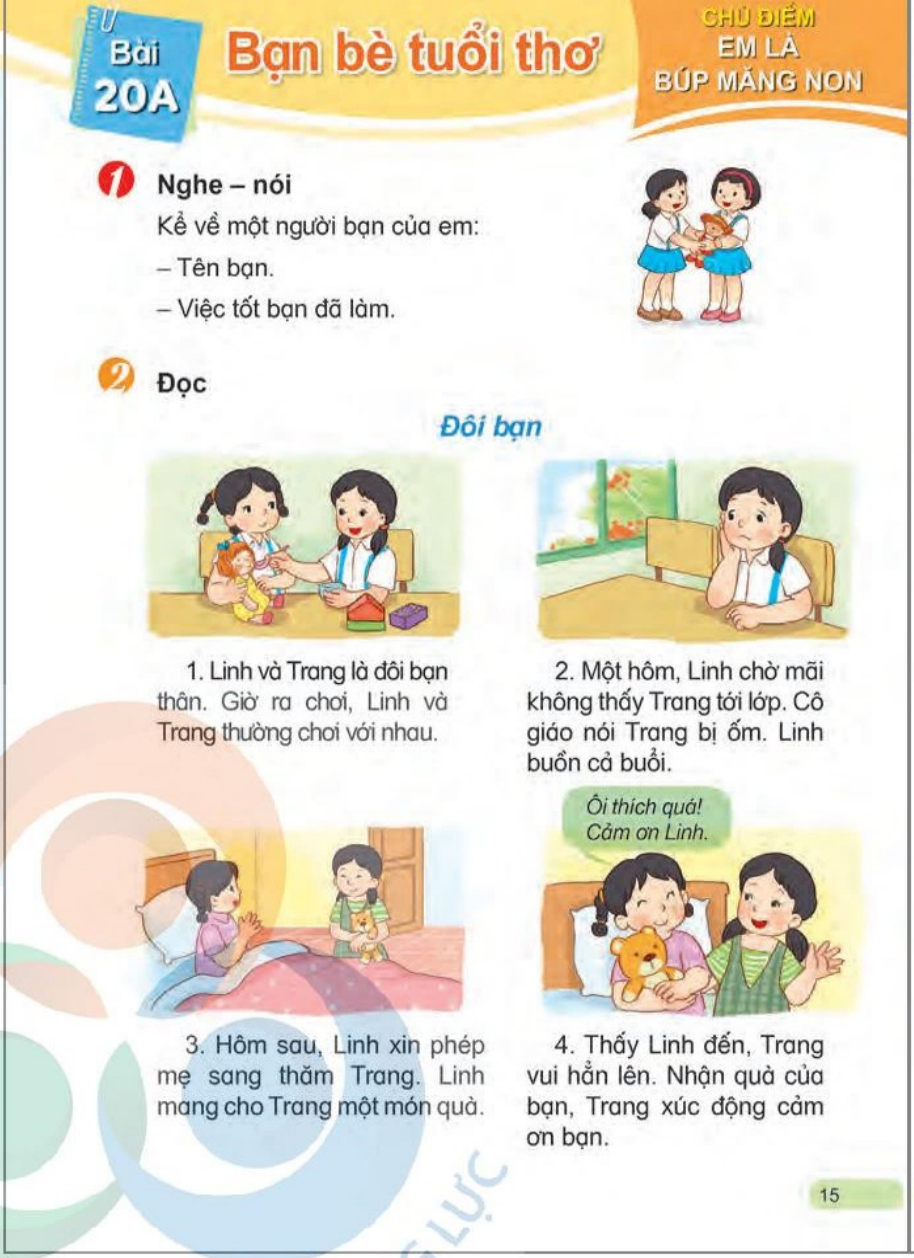
Bài 20A Bạn bè tuổi thơ

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Đôi bạn*. Kết hợp đọc chữ và xem tranh để hiểu chi tiết quan trọng, rút ra được bài học từ câu chuyện.
- Viết đúng những từ mở đầu bằng *c / k*. Chép đúng một đoạn văn.
- Kể một việc đã làm giúp bạn.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 4 thẻ chữ *c* và 4 thẻ chữ *k* cho mỗi đội chơi 4 hình: *cái kéo, cột điện, chim câu, con kiến*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp:* Từng HS nói trong cặp về người bạn của mình: tên của bạn, việc bạn làm cho mình.

M: *Tớ có bạn là Thanh. Bạn ấy thường rủ tớ đi học đúng giờ.*

– *Cả lớp:* 1 – 2 HS nói về bạn của mình trước lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu bài đọc là một câu chuyện có tranh minh hoạ từng đoạn (truyện tranh).

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* Luyện đọc đúng một số từ: *Linh, ra chơi* (MB), *bạn thân, cả buổi, mãi* (MN).

– *Nhóm:*

+ Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp các đoạn đến hết bài.

+ Thi đọc nối tiếp các đoạn giữa 4 nhóm: Mỗi nhóm cử 1 HS đọc một đoạn.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV và các nhóm nhận xét HS của nhóm mình đọc.

+ Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:* Nghe GV đặt câu hỏi:

Linh đến thăm và mang quà gì cho bạn? (2 – 3 HS nhìn tranh số 3 và trả lời).

c) Nghe GV nêu yêu cầu.

– *Cặp:* Từng cặp HS nói điều mình học được ở bạn Linh từ những gợi ý của GV.

– *Cả lớp*: 2 – 3 HS nói ý kiến trước lớp. GV ghi nhận một số ý kiến, VD: *Em học được ở bạn Linh tính rất yêu quý bạn. / Em học ở bạn Linh tính thương bạn bị ốm, muốn làm cho bạn vui,…*

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Nhìn tranh số 3 và cho biết Linh mang quà gì cho bạn?

c) Trong câu chuyện này, em học được điều gì tốt ở bạn Linh?

3 Viết

a) Chép đoạn 1 trong bài *Đôi bạn*.

b) Thi điền nhanh *c*, *k* vào các thẻ từ.

chim bồ ■âu ■ột điện

con ■iến cái ■éo






Chép ba từ ngữ đã hoàn thành vào vở.

4 Nghe – nói

Kể một việc em đã làm giúp bạn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Chép đoạn văn.

– *Cả lớp*: Nghe GV hoặc 1 HS đọc cả đoạn văn. Từng HS viết các từ có chữ cái mở đầu viết hoa ra nháp: Trang, Linh, Giờ.

– *Cá nhân:* Từng HS chép đoạn văn vào vở theo HD: Đọc từng cụm từ và ghi nhớ; chép lại cụm từ đã ghi nhớ. Có chép tên bài.

Linh và Trang / là đôi bạn thân./ Giờ ra chơi,/ Linh và Trang/ thường chơi với nhau.

+ Từng HS nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi và sửa lỗi.

+ Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

b) Chơi Thi tiếp sức để luyện viết từ có âm đầu *c, k*.

– *Cả lớp:* Nghe GV nói về mục đích chơi và HD cách chơi: chơi để luyện viết đúng từ có âm đầu viết bằng *c, k*.
Cách chơi: Lớp chia thành 2 đội. Mỗi đội cử từng HS lần lượt lên gắn thẻ từ vào chỗ trống trong từng tên. Đội gắn nhanh và đúng nhiều thẻ là đội thắng cuộc.

– *Nhóm:* 2 đội thực hiện chơi.

– *Cả lớp:* Bình chọn đội thắng cuộc.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu yêu cầu kể một việc làm giúp bạn. VD: rủ bạn đi học đúng giờ, cho bạn mượn bút,...

– *Cá nhân:* 2 – 3 HS kể, GV nhận xét.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

Bài 20B Bạn thích đồ chơi gì?

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Chọn đồ chơi*. Hiểu chi tiết quan trọng trong bài, thông tin chính của bài. Liên hệ với hiểu biết của cá nhân về một đồ chơi trong bài.
- Viết đúng những từ mở đầu bằng *c/k*. Nghe – viết một đoạn văn.
- Nghe kể câu chuyện *Vịt con đi học* và kể lại được một đoạn theo câu hỏi gợi ý và tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Một số đồ chơi của trẻ em như: ô tô cần cẩu, siêu nhân, đàn óc gan đồ chơi,....
- 6 thẻ từ để chơi ở HĐ 3 của SHS.
- Tranh phóng to HĐ 4.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.


Bài 20B Bạn thích đồ chơi gì?

1 Nghe – nói

Nói với bạn về một đồ chơi em thích nhất.

a) Tên đồ chơi.

b) Điều thú vị nhất của đồ chơi.

2 Đọc

Chọn đồ chơi

1. Sắp đến Tết rồi! Hùng được bố dẫn đi mua đồ chơi.

2. Cửa hàng đồ chơi rất rộng, có vô số mặt hàng với đủ các màu sắc. Hùng không thể rời mắt khỏi những đồ chơi mình yêu thích.

17

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS xem tranh gợi ý. Từng HS nói tên đồ chơi mình thích nhất.

– *Cá nhân:* 1 – 2 HS nói về đồ chơi mình thích và điều mình thích thú ở đồ chơi đó.

M: *Tớ thích chơi búp bê. Búp bê của tớ biết cười, biết khóc và biết đi.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu bài đọc nói về những đồ chơi các em nhỏ thường được cha mẹ mua cho dịp Tết năm mới.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Đọc từng đoạn.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS luyện đọc ngắt hơi ở câu dài. Cả lớp đọc đồng thanh ngắt hơi ở câu dài:

Hùng chọn một chiếc ô tô/có cần cẩu tự quay,/một bộ đồ chơi xếp hình.

– *Cá nhân / nhóm:*

+ Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp các đoạn đến hết bài.

+ Thi đọc nối tiếp các đoạn giữa 3 nhóm: mỗi nhóm cử 1 HS đọc một đoạn.

– *Cả lớp:* Nghe GV và các nhóm nhận xét HS của nhóm mình đọc. Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) *Cả lớp:* Đọc nhẩm đoạn 2 nêu tên đồ chơi Hùng chọn cho mình, cho bé Hoa.

c) *Nhóm:* Mỗi HS chọn một đồ chơi em biết trong bài rồi nói về cách chơi đồ chơi đó.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Nghe viết.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả đoạn văn.

– *Cá nhân:*

+ Viết ra nháp: Cửa, Hùng.

+ Chép đoạn văn vào vở theo lời GV đọc.

+ Nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi và sửa lỗi.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

3. Hùng chọn một chiếc ô tô có cần cẩu tự quay, một bộ đồ chơi xếp hình. Hùng còn chọn cho bé Hoa bộ con giống nhựa và cô búp bê váy hồng.

4. Tết năm nay hai anh em Hùng sẽ rất vui.

a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Kể tên:

– Đồ chơi Hùng chọn cho mình.

– Đồ chơi Hùng chọn cho bé Hoa.

c) Nói điều em biết về một đồ chơi trong bài.

Viết

a) Nghe – viết đoạn 2 trong bài *Chọn đồ chơi.*

b) Chọn thẻ từ viết đúng.



kính cận	cua bể
thước kẻ	chim công
vòng kường	mặc cệ

Chép ba từ ngữ tìm được vào vở.

Nghe – nói

a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Vịt con đi học





1 Vịt con dậy từ lúc nào? Trên đường đi học, vịt con làm gì?

2 Ở lớp, vịt con nói gì với cô giáo? Các bạn của vịt con nói gì?





3 Sau giờ học, cô giáo dạy các bạn làm gì? Cô dặn các bạn những gì?

4 Trên đường đi học về, vịt con kể cho mẹ những gì?

b) Kể một đoạn câu chuyện.

b) Chơi trò chọn thẻ từ.

– *Cả lớp:* Nghe GV nói về mục đích chơi và HD cách chơi: chơi để luyện viết đúng từ có âm đầu viết bằng *c, k*. Cách chơi: Theo nhóm, nhóm trưởng đọc to chữ *c* hoặc chữ *k*. Sau khi đọc chữ nào thì mỗi HS đặt thẻ từ có từ viết đúng chữ cái mở đầu là *c* hoặc *k* xuống. HS có số thẻ từ đúng nhiều nhất là người thắng cuộc.

– *Nhóm:* HS thực hiện chơi.

– *Cả lớp:* Từng nhóm nêu tên bạn thắng cuộc. Nghe GV xác nhận những thẻ từ viết đúng chữ mở đầu là *c, k*.

HĐ4. Nghe – nói

a) Nghe kể chuyện *Vịt con đi học*.

– *Cả lớp:*

+ Nhìn tranh, nghe GV kể chuyện theo từng tranh và trả lời câu hỏi dưới tranh. Làm như vậy cho đến hết câu chuyện.

+ 1 – 2 HS nói tên nhân vật (vịt con, cô giáo, mẹ).

b) Kể một đoạn câu chuyện.

– *Nhóm:* Mỗi nhóm chỉ kể 1 đoạn, cho 4 nhóm kể 4 đoạn khác nhau. Ở mỗi nhóm: Từng HS chỉ vào tranh, nghe bạn đọc câu hỏi dưới tranh để kể chuyện theo tranh đó.

– *Cả lớp:* Thi kể một đoạn câu chuyện.

+ Mỗi nhóm cử một bạn kể đoạn nhóm đã kể.

+ Bình chọn nhóm kể hay nhất (kể đúng và đủ chi tiết).

Văn bản kể chuyện

Vịt con đi học

1. Không cần đồng hồ báo thức, vịt con đã dậy từ sớm. Hôm nay là ngày đầu tiên vịt con đi học. Cô bé thích lắm, trên đường tới lớp cô vừa đi vừa hát.

2. Trường vịt con nằm trên bãi đất rộng. Lớp vịt con có nhiều bạn. Cô giáo hỏi tên từng bạn. Vịt con lễ phép: "Thưa cô, con là vịt con, con rất thích bơi lội". Các bạn trống choai, cún nâu và mèo khoang cũng lần lượt nói về mình.

3. Sau giờ học, cô giáo cho lớp tập thể dục, học múa hát. Cô dặn: bạn bè phải yêu mến, giúp đỡ nhau, phải ngoan ngoãn và vâng lời người lớn.

4. Ông mặt trời xuống núi, vịt mẹ đến đón vịt con. Trên đường về nhà, vịt con ríu rít kể cho mẹ nghe về cô giáo và các bạn của mình...

(Nguồn: *Tusachthantien.com*)

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

Bài 20C Em nói lời hay

Mục tiêu

- Đọc đúng từ, câu thơ, đoạn thơ trong bài *Lời chào đi trước*. Hiểu ý nghĩa của lời chào và lời khuyên dùng lời chào khi gặp nhau. Đọc thuộc một khổ thơ.
- Tô chữ hoa B, C. Điền từ ngữ vào chỗ trống nói về bức tranh để hoàn thành câu.
- Nói lời chào ông bà/ bố mẹ khi đi học về.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ để GV HD HS học thuộc lòng một đoạn thơ, HD thực hiện HĐ 2c.
- 2 mẫu chữ hoa phóng to: B, C để dạy HS viết chữ hoa.
- Bảng phụ ghi 2 câu có chỗ trống ở HĐ3b.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.
- *Tập viết 1*, tập hai.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS xem tranh gợi ý. Mỗi HS nói về một tranh: trong tranh bạn HS gặp ai, bạn nói gì?

– *Cặp:* Từng HS chỉ vào một tranh, đóng vai bạn nhỏ trong tranh, nói lời chào của bạn đó.

– M: (*tranh 1*) *A, chào Long!*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

Cả lớp:

– Nghe GV giới thiệu bài đọc nói về lời chào và ích lợi của những lời chào.

– Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ, dừng hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Nhóm:*

+ HS đọc một số từ ngữ dễ mắc lỗi phát âm theo mẫu (GV chọn), VD: *lời chào, lòng tốt,...* (MB); *kết bạn, chân thành,...* (MN).



Bài 20C Em nói lời hay

1 Nghe – nói

Đóng vai bạn trong tranh, nói lời chào.

2 Đọc

Lời chào đi trước

1. Đi đến nơi nào
Lời chào đi trước
Lời chào dẫn bước
Chẳng sợ lạc nhà
Lời chào kết bạn
Con đường bớt xa.

2. Lời chào là hoa
Nở từ lòng tốt
Là cơn gió mát
Buổi sáng đầu ngày
Như một bàn tay
Chân thành cởi mở…

3. Ai ai cũng có
Chẳng nặng là bao
Bạn ơi đi đâu
Nhớ mang đi nhé!
(*Theo* Nguyễn Hoàng Sơn)

20

+ HS đọc một số từ mới và nghe giải nghĩa từ ngữ: chân thành (thật lòng), cởi mở (thân thiện, vui vẻ với mọi người).

+ HS đọc trong nhóm, đồng thanh từng dòng thơ có nghỉ hơi ở sau mỗi dòng thơ, dừng hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ:

1. Đi đến nơi nào / *Lời chào đi trước /* *Lời chào dẫn bước /* *Chẳng sợ lạc nhà /* *Lời chào kết bạn /* *Con đường bớt xa //*	*2. Lời chào là hoa /* *Nở từ lòng tốt /* *Là cơn gió mát /* *Buổi sáng đầu ngày /* *Như một bàn tay* *Chân thành cởi mở…//*

+ Mỗi HS đọc một khổ thơ, đọc tiếp nối đoạn cho đến hết bài.

– *Cả lớp:* Thi đọc nối tiếp các khổ thơ giữa các nhóm.

b) Đọc hiểu.

– *Cả lớp:*

+ Nghe 1 HS đọc câu hỏi.

+ Nghe GV HD cách làm trên bảng phụ: cột bên trái là những câu thơ nói về lời chào, cột bên phải là ý nghĩa hoặc lợi ích

? a) Đọc từng khổ thơ trong nhóm.

b) Khổ thơ 1 khuyên em nên làm gì?

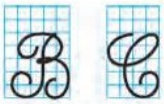
c) Đọc thuộc một khổ thơ.

3 Viết

a) Tô và viết.

– Tô chữ hoa: B, C.

– Viết: Cao Bằng.



b) Dựa vào câu chuyện *Vịt con đi học*, tìm từ ngữ cho ô trống để hoàn thành câu.

Vịt con: "Thưa cô, em là ■. Em thích ■ ".



Sau giờ học, cô giáo dạy các bạn ■.



Viết các từ ngữ tìm được vào vở.

4 Nghe – nói

Nói lời chào của em với bố mẹ hoặc ông bà khi đi học về.

của từng lời chào ở cột bên trái. Nhiệm vụ của HS: nối từng lời chào ở cột bên trái với ý nghĩa của nó ở cột bên phải.

Đi đến nơi nào *Lời chào đi trước* ①	*a. Chào để kết bạn cùng đi trên đường*
Lời chào dẫn bước *Chẳng sợ lạc nhà* ②	*b. Chào để làm quen*
Lời chào kết bạn *Con đường bót xa* ③	*c. Chào để hỏi đường đi*

– *Cá nhân:* 3 HS thực hiện nhiệm vụ này trên bảng phụ (1 – b, 2 – c, 3 – a)

GV chốt: Chào để làm quen, để kết bạn trên đường, để hỏi đường.

c) Đọc thuộc lòng.

– *Cả lớp:*

+ HS tìm tiếng cuối dòng thơ trong khổ thơ thứ nhất có vần giống nhau (bước – trước, nhà – xa).

+ Nghe GV HD cách đọc thuộc khổ thơ thứ nhất: Đọc thuộc từng câu, dựa vào từ có vần giống nhau ở câu trước và câu sau để nhớ câu tiếp theo:

Đi đến nơi nào	*Chẳng sợ lạc nhà*
Lời … đi trước	*Lời chào kết bạn*
Lời chào dẫn …	*Con đường bót …*

– *Nhóm:* HS luyện đọc thuộc khổ thơ thứ nhất.

– *Cả lớp*: Thi đọc thuộc khổ thơ thứ nhất giữa các nhóm.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tô và viết.

■ Tô chữ hoa.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD tô chữ hoa.

+ Chữ B hoa: cao 2 dòng rưỡi kẻ li.

+ Chữ C hoa: cao 2 dòng rưỡi kẻ li.

– *Cá nhân:* Tô chữ hoa 2 chữ B, 1 chữ C, vào vở tập viết.

■ Viết từ

– *Cả lớp:* Nghe GV HD viết từ có chữ mở đầu là chữ hoa B, C: Chú ý nối với chữ cái sau.

– *Cá nhân:* Viết từ *Cao Bằng* vào vở *Tập viết.*

b) Viết câu.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách làm: Nhớ lại câu chuyện *Vịt con đi học* ở bài trước, xem tranh, đọc câu để trống từ dưới tranh và tìm từ ngữ điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu nói về mỗi bức tranh.

– 2 – 3 HS thực hiện trên bảng phụ.

(Tranh 1 điền: *vịt con, bơi lội.*

Tranh 2 điền: *múa hát* hoặc *tập thể dục*).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu tình huống: *Khi đi học về, em chào ai? Em nói thế nào?*

– *Cá nhân:* 3 – 4 HS nói lời chào ông/bà, cha/mẹ khi đi học về.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

Bài 20D Giúp bạn vượt khó

Mục tiêu

- Đọc mở rộng một bài về chủ điểm *Em là búp măng non*.
- Nghe – viết một đoạn văn. Viết đúng những từ mở đầu bằng *g/gh*. Viết câu nói về việc làm tốt của bạn.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 4 bộ thẻ từ khác màu giấy ghi các từ để trống ở HĐ2c.
- Một số cuốn truyện hoặc thơ có bài về chủ điểm *Em là búp măng non* (trẻ em ngoan).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

Bài 20D Giúp bạn vượt khó

1 **Nghe – nói**

Nói về việc làm tốt của một bạn nhỏ trong tranh.



2 **Viết**

a) Viết một hoặc hai câu về một bức tranh ở hoạt động 1.

– Chọn một bức tranh em thích.

– Viết một hoặc hai câu về việc làm của một bạn nhỏ trong tranh.

b) Nghe – viết khổ 1 trong bài thơ *Lời chào đi trước*.

c) Chọn *g*, *gh* cho tên mỗi tranh.



■ế mây



■ấp giấy

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe đọc yêu cầu của HĐ 1 và nghe GV HD cách làm:

Xem từng tranh. Nói xem 1 bạn gặp khó khăn gì? Bạn kia làm gì để giúp bạn?

– *Nhóm:* 2 – 3 HS nói việc đã giúp đỡ bạn khi khó khăn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Viết

a) Viết câu.

– *Cá nhân:* Chọn 1 tranh ở HĐ1. Nói 1 – 2 câu về việc giúp bạn của bạn nhỏ trong tranh.

VD: *Bạn trai nhìn thấy em bé ngã xe đạp. Bạn đã dỗ em rồi nâng em dậy.*

– *Nhóm/cặp:* Đổi bài cho bạn để học hỏi nhau và giúp bạn sửa lỗi.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

b) Nghe – viết khổ 1 trong bài *Lời chào*.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả khổ thơ.

– *Cá nhân:*

+ Từng HS viết ra nháp các từ có chữ cái mở đầu viết hoa *Đi, Lời, Chẳng*.

+ Từng HS chép đoạn văn vào vở.

+ Từng HS nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi và sửa lỗi.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

c) Thi dán tên cho bức tranh để luyện viết đúng từ có âm đầu *g, gh*.

– *Cả lớp:* Nghe GV nói về mục đích cuộc thi và HD cách thi: Thi để luyện viết đúng từ có âm đầu viết bằng *g / gh*. Cách thi: Theo nhóm, trong mỗi nhóm, từng HS nhận thẻ rồi điền chữ *g*

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC





■i bài

■õ kẻng

Chép ba tên tranh đã hoàn thành vào vở.

Đọc

a) – Tìm đọc câu chuyện hoặc bài thơ nói về trẻ em.
– Chia sẻ với bạn hoặc người thân điều em thích trong bài đọc.

b) Gợi ý bài đọc mở rộng:

Cánh cam lạc mẹ



1. Cánh cam đi lạc mẹ
Gió xô vào vườn hoang
Giữa bao nhiêu gai góc
Lũ ve sầu kêu ran.

2. Chiều nhạt nắng trắng sương
Trời rộng xanh như bể
Tiếng cánh cam gọi mẹ
Khản đặc trên lối mòn.

3. Bọ dừa dừng nấu cơm
Cào cào ngưng giã gạo
Xén tóc thôi cắt áo
Đều bảo nhau đi tìm.

4. Khu vườn hoang lặng im
Bỗng râm ran khắp lối
Có điều ai cũng nói:
– Cánh cam về nhà tôi.

(*Theo* Ngân Vịnh)

? Đọc cho bạn nghe khổ thơ em thích.

hoặc *gh* vào thẻ, sau đó lên bảng dán thẻ đã điền dưới một tranh. Nhóm nào có số thẻ điền đúng nhiều nhất và dán thẻ đúng với tranh là nhóm thắng cuộc.

– *Nhóm:* HS thực hiện chơi: Điền *g* hoặc *gh* vào thẻ, dán thẻ vào dưới tranh trên bảng lớp.

– *Cả lớp:* Nghe GV xác nhận những thẻ viết đúng chữ mở đầu là *g* / *gh*; xác nhận nhóm thắng cuộc (theo màu thẻ). Từng HS ghi các tên viết đúng vào VBT.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3. Đọc mở rộng

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn tìm đọc truyện hoặc bài thơ về trẻ em trong một số cuốn sách do GV giới thiệu (tên sách, tên truyện, tên bài thơ về trẻ em trong mỗi cuốn sách).

+ Nghe GV nêu nhiệm vụ đọc mở rộng: đọc cho bạn một đoạn trong bài em thích.

– *Cá nhân* (làm ngoài giờ học): tự tìm sách đọc theo hướng dẫn. HS có thể đọc bài *Cánh cam lạc mẹ* sau đó chọn khổ thơ mình thích để đọc cho bạn nghe.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 21A Những thanh âm diệu kì

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Giọng hót chim sơn ca*. Hiểu nội dung câu chuyện, nói được nhân vật yêu thích và rút ra được bài học từ câu chuyện.
- Viết đúng những từ chứa vần *iu/ưu* hoặc *ai/ay/ây*. Chép đúng một đoạn văn.
- Nói một số điều về loài chim.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh ảnh hoặc đĩa hình về một số loài chim phục vụ cho HĐ1.
- 3 – 4 bộ thẻ từ ở mục (1) hoặc mục (2) cho HĐ3b.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Xem tranh ảnh hoặc đĩa hình về một số loài chim.

– *Cặp:* Từng HS nói về một loài chim mình biết theo gợi ý trong SHS. Một em hỏi, một em trả lời và đổi vai cho nhau. VD:

A: – Bạn thích chim gì?
B: – Tôi thích chim sáo.
A: – Chim sáo lông màu gì?
B: – Chim sáo lông màu đen.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu bài đọc là một câu chuyện nói về chim sơn ca.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:*

+ 2 – 3 HS đọc một số từ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ này: *suối, rực rỡ, róc rách,...* (MB); *cử, chuyền cành, bắt chước,...* (MN).

+ 2 – 3 HS đọc và ngắt hơi đúng câu trong SHS. Cả lớp đọc đồng thanh và ngắt hơi câu trên.

– *Cá nhân/nhóm:* Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp các đoạn đến hết bài.

– *Cả lớp:*

+ Thi đọc nối tiếp các đoạn giữa các nhóm. Mỗi nhóm cử 1 HS đọc một đoạn.

+ Nghe GV nhận xét các nhóm đọc.

Đọc hiểu

b) Thực hiện yêu cầu b.

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu yêu cầu b trong SHS.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Kể tên những vật hoà theo giọng hót của sơn ca.

c) Vì sao sơn ca có giọng hót hay?

1 Vì được mặt trời cho những tia nắng

2 Vì được học cô giáo hoạ mi

3 Vì bắt chước tiếng suối, tiếng cây cối

Viết

a) Chép đoạn 1 trong bài *Giọng hót chim sơn ca.*

b) Tìm từ ngữ viết đúng (chọn 1 hoặc 2).

(1)

cấp cứu | cái rìu



cái rừu | biu điện



bưu điện | cấp cíu

Chép các từ ngữ tìm được vào vở.

(2)

máy bay | nước chải



gà máy | gà mái



nước chảy | mái bai

Chép các từ ngữ tìm được vào vở.

Nghe – nói

Nói về một việc mà sơn ca đã làm để có giọng hót hay.

– 1 – 2 HS trả lời.

– Nghe GV chốt ý kiến đúng: *cỏ cây, hoa lá, dòng suối.*

c) Trả lời câu hỏi.

Nhóm:

– 1 HS đọc câu hỏi, từng HS tìm câu trả lời. Cả nhóm thống nhất câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm nêu kết quả thảo luận. GV chốt ý kiến đúng: câu trả lời 3.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Chép đoạn 1 trong bài *Giọng hót chim sơn ca.*

– *Cả lớp:* Nghe GV hoặc 1 HS đọc cả đoạn. Từng HS viết các từ có chữ cái mở đầu viết hoa ra nháp: *Sơn ca, Khi.*

– *Cá nhân:*

+ Từng HS chép đoạn văn vào vở theo hướng dẫn:

Sơn ca/ có giọng hót hay/ nhất khu rừng./ Khi sơn ca hót,/ cỏ cây,/ hoa lá,/ dòng suối/ rì rào hoà theo.

+ Từng HS nghe GV đọc lại đoạn viết để soát lỗi và sửa lỗi.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài tập chép của một số bạn.

b) Chơi trò *Chim bay, cò bay* để tìm từ viết đúng.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn chọn mục (1) hoặc mục (2).

+ Nghe GV hướng dẫn cách chơi: HS ở mỗi nhóm đứng thành vòng tròn, mỗi nhóm có 6 – 8 HS. Khi nghe GV hô từ viết đúng, HS đứng trong vòng tròn giơ thẻ từ viết đúng lên. Ai giơ thẻ từ viết sai sẽ bị cho ra ngoài vòng chơi.

– *Nhóm:* HS chơi trong nhóm: Mỗi em cầm 3 thẻ từ viết đúng và 3 thẻ từ viết sai để chơi. Nhóm này chơi xong mới đến nhóm khác chơi.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nhận xét từng nhóm. Nhìn GV gắn những thẻ từ viết đúng lên bảng.

+ Từng HS viết từ trong những thẻ từ viết đúng vào VBT.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Nói về một việc mà sơn ca đã làm để có giọng hót hay.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn tìm những việc làm của sơn ca để có giọng hót hay (VD: lắng nghe tiếng cây cối xào xạc, tiếng suối chảy róc rách...)

– *Cá nhân:* 2 – 3 HS nói việc làm của sơn ca.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 21B Nước có ở đâu?

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Nước ngọt và sự sống*. Biết thông tin chính của bài. Gọi tên được sự vật trong tranh ảnh thể hiện nội dung bài.
- Viết đúng những từ mở đầu bằng *ng/ngh*. Nghe – viết đúng một đoạn văn.
- Nghe kể câu chuyện *Những giọt nước tí xíu* và kể lại được một đoạn câu chuyện theo câu hỏi gợi ý và tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng nhóm để HS học ở HĐ1.
- 4 – 5 bộ thẻ hình có chữ để trống để học HĐ3b.
- 3 tranh kể chuyện trong SHS, 1 đĩa CD ghi âm lời kể chuyện *Những giọt nước tí xíu* (nếu có) cho hoạt động nghe kể chuyện.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS đọc yêu cầu trong SHS được GV viết lên bảng lớp; nghe GV hướng dẫn: HS ở mỗi nhóm viết những việc con người cần dùng nước vào bảng nhóm. Có thể xem tranh gợi ý trong SHS để viết.

– *Nhóm:* Mỗi HS nêu tên một việc mà người dùng nước cần làm vào bảng nhóm rồi treo lên bảng lớp.

– *Cả lớp:* Nghe GV tổng kết những việc mà con người cần dùng nước từ kết quả của các nhóm.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu bài đọc nói về nước ngọt cần cho đời sống con người như thế nào.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:*

+ 2 – 3 HS đọc một số từ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ này: *sông, suối, rửa ráy,...* (MB); *nước ngọt, tiết kiệm, vỡ,...* (MN).

+ Nghe GV giải nghĩa một số từ: *nước mặn* (nước có ở biển), *nước ngọt* (nước có ở sông, suối, hồ, ao, giếng), *tiết kiệm* (lấy nước đủ dùng, không lấy thừa).

+ 2 – 3 HS đọc và ngắt hơi đúng câu trong SHS (câu dài trong bài do GV chọn). Cả lớp đọc đồng thanh và ngắt hơi câu trên.

– *Cá nhân/nhóm:* Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp các đoạn đến hết bài.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét các nhóm đọc.

Đọc hiểu

b) Trả lời câu hỏi.

Cả lớp: Nghe GV nêu câu hỏi trong SHS. 1 – 2 HS trả lời. Nghe GV chốt câu trả lời đúng: *Nước ngọt có ở sông, suối, hồ, ao, giếng*.

c) Thực hiện yêu cầu c.

Nhóm: Mỗi HS chỉ vào một tranh, nói xem trong tranh có người nào, người ấy đang làm gì, việc làm đó có tiết kiệm nước không. VD: HS chỉ tranh 1 và nói: "Bạn đã khoá vòi nước vì thùng nước đã đầy". Từng HS viết tên việc làm tiết kiệm nước vào VBT.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Nghe – viết một đoạn văn.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc đoạn văn viết chính tả.

– *Cá nhân:*

+ Viết các từ có chữ cái mở đầu viết hoa ra nháp: *Chỉ, Khoá.*

+ Viết đoạn văn vào vở theo lời GV đọc: nghe từng cụm từ và ghi nhớ, chép lại cụm từ đã ghi nhớ.

+ Nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi và sửa lỗi.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết chính tả của một số bạn.

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC


a) Đọc từng đoạn trong nhóm.
b) Nước ngọt có ở đâu?
c) Nói tên việc làm để tiết kiệm nước trong mỗi hình sau:

Viết
a) Nghe – viết một đoạn trong bài *Nước ngọt và sự sống* (từ *Chỉ lấy đủ* … đến *ống nước vỡ*).
b) Chọn *ng*, *ngh* cho ô trống trong thẻ từ.

bé ■ủ | củ ■ệ | con ■ao | rau ■ót

Chép ba từ ngữ đã hoàn thành vào vở.

27

Nghe – nói
a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Những giọt nước tí xíu

1 Những giọt nước hợp lại thành gì? Mặt trời đã làm gì?

2 Vì sao có mây đen? Những giọt nước trong mây nhảy về đâu?

3 Vì sao mặt trời không dám coi thường những giọt nước?

b) Kể một đoạn câu chuyện.

28

b) Chơi trò *Bỏ thẻ* để viết đúng từ ngữ.

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu mục đích trò chơi là luyện viết đúng các từ ngữ có tiếng mở đầu là *ng/ngh*. Cách chơi: theo nhóm. Mỗi nhóm gồm 6 em ngồi thành vòng tròn. Nhóm cử một bạn cầm 4 thẻ từ đi bỏ sau lưng 4 bạn. Các bạn đưa tay ra sau lấy thẻ từ, viết vào chỗ trống chữ *ng* hoặc *ngh* trên thẻ của mình rồi đặt trước mặt.

– *Nhóm:* Cả nhóm xác nhận thẻ viết đúng; thẻ nào viết sai thì yêu cầu bạn sửa lại cho đúng. Cá nhân HS viết những từ ngữ viết đúng vào VBT.

HĐ4. Nghe – nói

a) Nghe kể câu chuyện *Những giọt nước tí xíu*.

Cả lớp:

– Nhìn tranh, nghe GV kể từng đoạn câu chuyện cho đến hết câu chuyện.

– Nhìn tranh, nghe GV kể lại câu chuyện theo từng tranh.1 – 2 HS trả lời câu hỏi của GV.

b) Kể một đoạn câu chuyện.

– *Nhóm:* Mỗi nhóm chỉ kể 1 đoạn. GV cho 3 nhóm kể 3 đoạn khác nhau. Ở mỗi nhóm, từng HS chỉ vào tranh, nghe bạn đọc câu hỏi dưới tranh để kể chuyện theo tranh đó.

– *Cả lớp:* Thi kể một đoạn câu chuyện:

+ Mỗi nhóm cử một bạn kể một đoạn mà nhóm đã kể.

+ Bình chọn nhóm kể hay nhất (kể đúng và đủ chi tiết).

Văn bản kể chuyện

Những giọt nước tí xíu

1. Có vô số giọt nước nhỏ tí xíu tập hợp lại thành một dòng sông. Mặt trời thấy vậy không vui. Thế là mặt trời chiếu ánh nắng chói chang để hút những giọt nước lên trời khiến cho nhiều giọt nước lo sợ sẽ không được trở về với dòng sông nữa.

2. Số giọt nước bị hút lên trời ngày càng nhiều. Chúng không còn cảm thấy cô đơn. Một hôm, có một giọt nước bé tí xíu hô thật to:

– Các bạn lại đây! Chúng ta cùng xích lại gần nhau!

Thế là các giọt nước ở trên trời tập hợp thành một đám mây đen trĩu nặng che lấp ánh nắng của mặt trời khiến cho mặt trời không thể ra oai với các giọt nước. Những giọt nước nhảy múa tưng bừng, chúng biến thành những hạt mưa nhảy xuống dòng sông, cánh đồng, vườn cây.

3. Từ đó, mặt trời không dám coi thường những giọt nước nhỏ nữa.

(Theo *108 câu chuyện nhỏ đạo lí lớn* – Ngọc Khánh dịch)

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

Bài 21C Trẻ thơ và trăng

Mục tiêu

- Đọc đúng từ, câu thơ, đoạn thơ trong bài *Trăng của bé*. Hiểu ý chính của bài thơ là bé yêu trăng, thấy trăng như bạn của bé.
- Tô chữ hoa D, Đ viết từ có chữ hoa D, Đ. Viết câu nói về trăng.
- Nói lời giới thiệu tranh tự vẽ về trăng.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Đĩa hình hoặc tranh ảnh về mặt trăng và hoạt động của trẻ em dưới trăng để học ở HĐ1.
- Mẫu chữ hoa D, Đ phóng to để tập viết ở HĐ3.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.
- *Tập viết 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn cách thi: *Xem đĩa VCD hoặc tranh ảnh về trăng. Nhớ xem trăng có hình gì? Ánh sáng của trăng có màu gì? Trên mặt trăng có hình gì? Mỗi nhóm cử một bạn nói 1 hoặc 2 – 3 điều em thích về trăng.*

+ HS xem đĩa VCD hoặc xem tranh ảnh.

– *Nhóm:* Từng HS nói điều mình thích về trăng. Cử bạn nói tốt nhất tham gia cuộc thi.

– *Cả lớp:* Đại diện các nhóm thi nói những điều em thích về trăng. HS bình chọn bạn nói hay nhất.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

Cả lớp:

– Nghe GV giới thiệu bài đọc là bài thơ nói về một bạn nhỏ nhìn và nghĩ về trăng.

– Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, nghỉ hơi sau mỗi nhịp thơ, dòng thơ, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn thơ. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:*

+ HS đọc một số từ ngữ dễ mắc lỗi phát âm theo mẫu (GV chọn), VD: *khuya, trốn,...* (MB); *chạy, khuya, vỗ cánh,...* (MN).

+ HS đọc cá nhân, đồng thanh từng dòng thơ, có nghỉ hơi ở sau mỗi dòng thơ, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn thơ:

1. Bé đi, / trăng đi cùng / Bé đứng, / trăng đứng ngó / Bé chạy, / trăng chạy thi / Bé ngồi, / trăng ngồi đó. //	2. Đến khuya, / bé đi ngủ / Trăng theo vào giấc mơ / Bé dìu trăng vỗ cánh / Bay giữa trời bao la. //

– *Nhóm:* Mỗi HS đọc một đoạn thơ, đọc nối tiếp từng đoạn đến hết bài.

– *Cả lớp:* HS thi đọc nối tiếp các đoạn thơ giữa các nhóm.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

? a) Đọc từng khổ thơ trong nhóm.

b) Khổ thơ số mấy nói về bé và trăng vào đêm khuya?

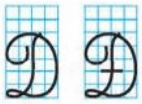
c) Đọc những câu thơ em thích trong bài.

3 Viết

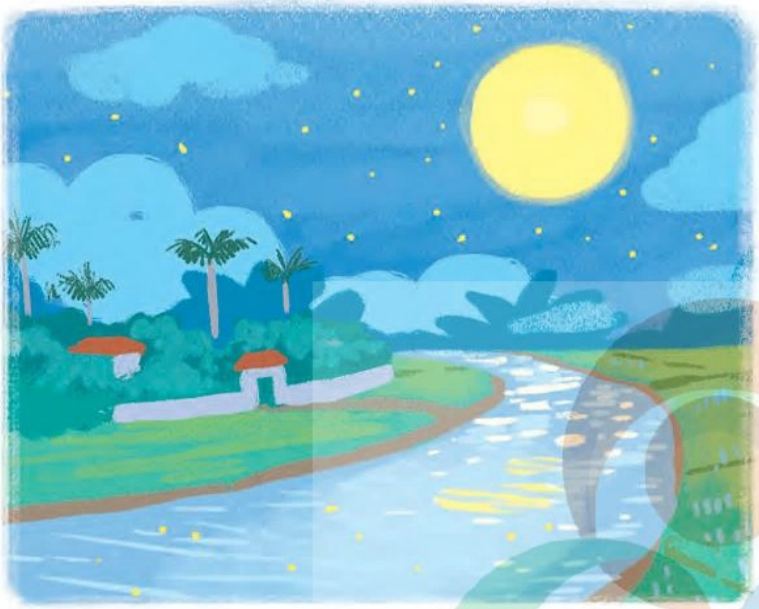
a) Tô và viết.

– Tô chữ hoa: D, Đ.

– Viết: Dương Đông.



b) Viết một câu nói về trăng.



4 Nghe – nói

Giới thiệu một bức tranh em vẽ về trăng.

Đọc hiểu

b) Trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn tìm khổ thơ có từ *khuya*. Đọc số của khổ thơ đó.

– *Cá nhân:* 2 – 3 HS trả lời. GV chốt ý kiến đúng (khổ 2).

c) Thực hiện yêu cầu.

Cá nhân: Mỗi HS chọn những câu thơ mình thích. 2 – 3 HS đọc những câu thơ đã chọn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tô và viết.

■ Tô chữ hoa D, Đ.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn tô chữ hoa D, Đ.

– *Cá nhân:* Tô chữ hoa D, Đ trong *Tập viết 1*, tập hai.

■ Viết từ.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn viết từ có chữ mở đầu là chữ hoa D, Đ. Chữ viết thường sau chữ hoa cần viết gần sát chữ hoa.

– *Cá nhân:* Viết từ *Dương Đông*.

b) Viết một câu nói về trăng.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn xem tranh trong SHS, 1 – 2 HS nói thấy gì trong tranh (Trên trời trăng có ánh sáng màu gì? Dưới đất cây cối, mặt nước có ánh trăng thì thế nào?)

– *Cá nhân:* Viết 1 – 2 câu nói về trăng vào vở. M: *Ánh trăng sáng quá*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Chọn tranh em vẽ về trăng (hoặc một bức vẽ khác).

– *Cá nhân:* Nói 1 câu về trăng trong tranh.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

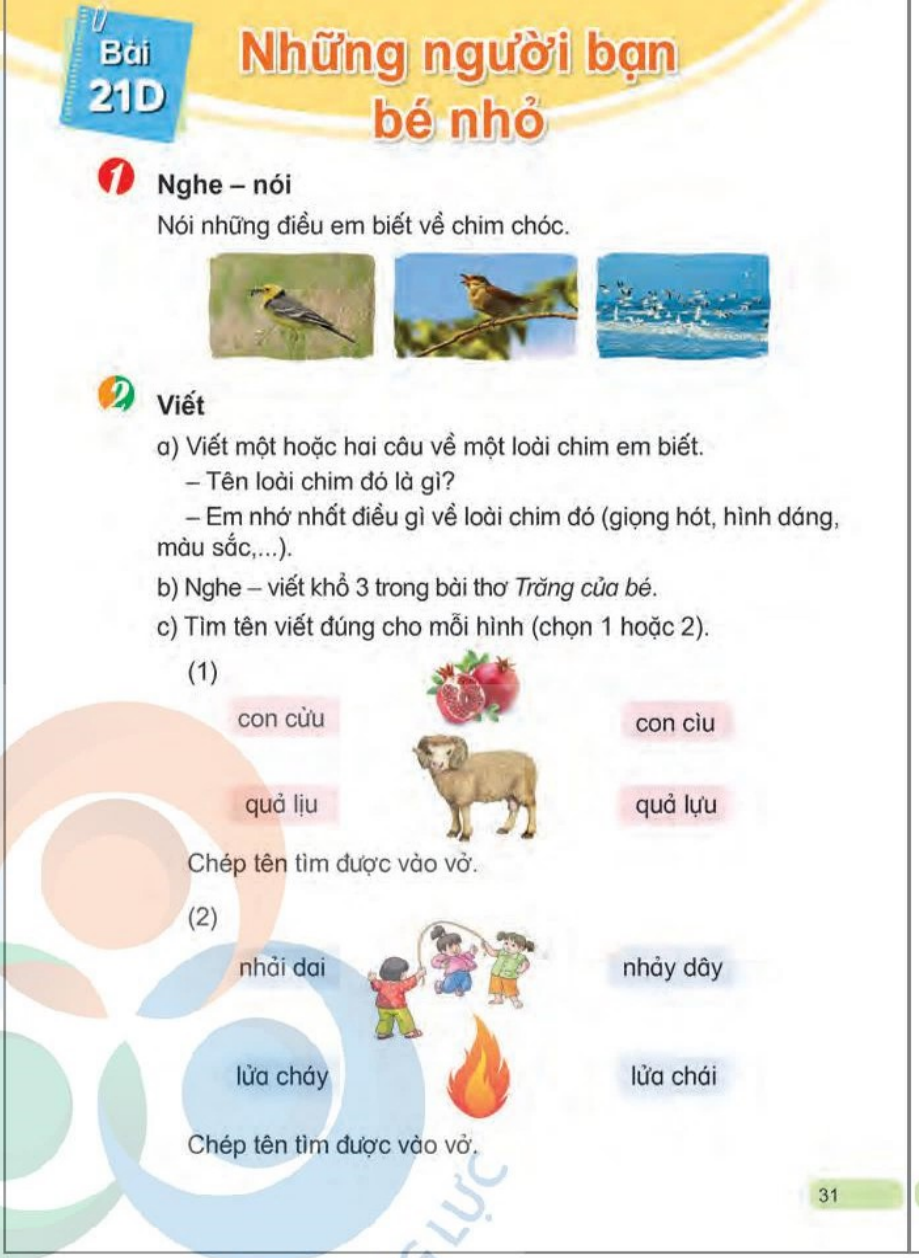
Bài 21D Những người bạn bé nhỏ

Mục tiêu

- Đọc mở rộng một câu chuyện hoặc bài thơ về thiên nhiên.
- Nghe – viết một đoạn văn. Viết đúng những từ có tiếng chứa vần *ai/ay/ây* hoặc *iu/ưu*. Viết 1 – 2 câu về loài chim.
- Nói một vài câu về loài chim.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh ảnh hoặc đĩa hình về một số loài chim có ích (chim bắt sâu, chim gõ kiến, chim hải âu báo bão trên biển, chim cảnh hót hay,...).
- 3 – 4 bộ thẻ từ để học ở HĐ2 (mỗi bộ một màu riêng).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Bài 21D Những người bạn bé nhỏ

1 **Nghe – nói**

Nói những điều em biết về chim chóc.

2 **Viết**

a) Viết một hoặc hai câu về một loài chim em biết.

– Tên loài chim đó là gì?

– Em nhớ nhất điều gì về loài chim đó (giọng hót, hình dáng, màu sắc,...).

b) Nghe – viết khổ 3 trong bài thơ *Trăng của bé*.

c) Tìm tên viết đúng cho mỗi hình (chọn 1 hoặc 2).

(1)

con cừu | con cìu

quả lịu | quả lựu

Chép tên tìm được vào vở.

(2)

nhải dai | nhảy dây

lửa cháy | lửa chái

Chép tên tìm được vào vở.

31

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp:

– HS xem đĩa VCD hoặc xem tranh ảnh.

– HS nói tên một số loài chim có trong tranh ảnh hoặc đĩa và nói xem mỗi loài chim đó làm gì có ích cho con người. VD: *Chim sâu bắt sâu cho cây, chim gõ kiến bắt kiến phá cây, chim hải âu báo bão cho người đi biển tránh, chim hoạ mi hót hay.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Viết

a) Viết 1 – 2 câu về loài chim.

– *Cặp:* Hỏi – đáp từng câu hỏi trong SHS VD: *Bạn biết chim gì? – Tớ biết chim sẻ/ Bạn nhớ nhất điều gì về chim sẻ? – Chim sẻ bé nhỏ và đáng yêu.*

– *Cá nhân:* Ghi lại câu trả lời của mình vào vở.

– *Cặp:* Đổi bài cho bạn để phát hiện lỗi và sửa lỗi.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

b) Nghe – viết khổ 3 trong bài thơ *Trăng của bé*

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả khổ thơ.

– *Cá nhân:*

+ Viết hoa các chữ đầu câu: Thức, Vôi.

+ Viết khổ thơ vào vở theo lời GV đọc: nghe từng cụm từ và ghi nhớ, chép lại cụm từ đã ghi nhớ.

+ Nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi và sửa lỗi.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

3 Đọc

a) – Tìm đọc một câu chuyện hoặc bài thơ về thiên nhiên.

– Chia sẻ với bạn, người thân về nhân vật hoặc những câu thơ em thích.

b) Gợi ý bài đọc mở rộng:

Chú chim sâu



1. Nghe hoạ mi hót, chim sâu hỏi bố mẹ:

– Sao bố mẹ sinh ra con là chim sâu mà không phải là hoạ mi?

– Tại sao con muốn trở thành hoạ mi? – Chim sâu mẹ hỏi.

– Vì con muốn có tiếng hót hay để được mọi người yêu quý.

– Con hãy cứ là chim sâu. Con hãy bắt thật nhiều sâu để bảo vệ cây cối thì mọi người cũng yêu quý con. – Chim sâu bố nói.

2. Chim sâu lớn lên. Nó bay tới những cành na trong vườn tìm bắt sâu. Nó vừa nghiêng nghiêng đầu tìm sâu vừa kêu "tích… tích…". Bỗng nó nghe thấy tiếng người cha nói với con gái:

– Loài chim sâu này có ích cho vườn cây lắm đấy.

(*Theo* Nguyễn Đình Quảng)

? Bài đọc giúp em biết gì về loài chim sâu?

c) Tìm đúng từ có vần *ưu/in* hoặc *ai/ay*.

Trò chơi: Chọn đúng từ chứa tiếng có vần đã học.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn chọn mục (1) hoặc mục (2) và cách chơi: Mỗi nhóm có một bộ thẻ từ, đọc từng thẻ từ, tìm thẻ từ viết đúng và đối chiếu xem thẻ đó nói về tranh nào thì dán thẻ dưới tranh đó.

– *Nhóm:* HS thực hiện chơi và bình chọn nhóm thắng cuộc là nhóm dán đúng nhiều tranh và nhanh nhất.

– *Cá nhân:* Viết các từ ngữ viết đúng trong thẻ từ vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3. Đọc mở rộng

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn tìm đọc truyện hoặc bài thơ về thiên nhiên (sách do GV giới thiệu ở tủ sách của lớp, thư viện, hoặc do GV chuẩn bị): tên một số truyện, bài thơ trong từng cuốn sách.

+ Nghe GV hướng dẫn nhiệm vụ sau khi đọc: nói với bạn hoặc người thân về nhân vật hoặc những câu thơ em thích trong bài đọc.

– *Cá nhân:* tự tìm sách và đọc theo hướng dẫn (HS có thể đọc bài gợi ý trong SHS rồi chia sẻ với bạn về bài đọc này. VD: Bài *Chú chim sâu* cho em biết chim sâu có ích vì nó bắt sâu cho cây).

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

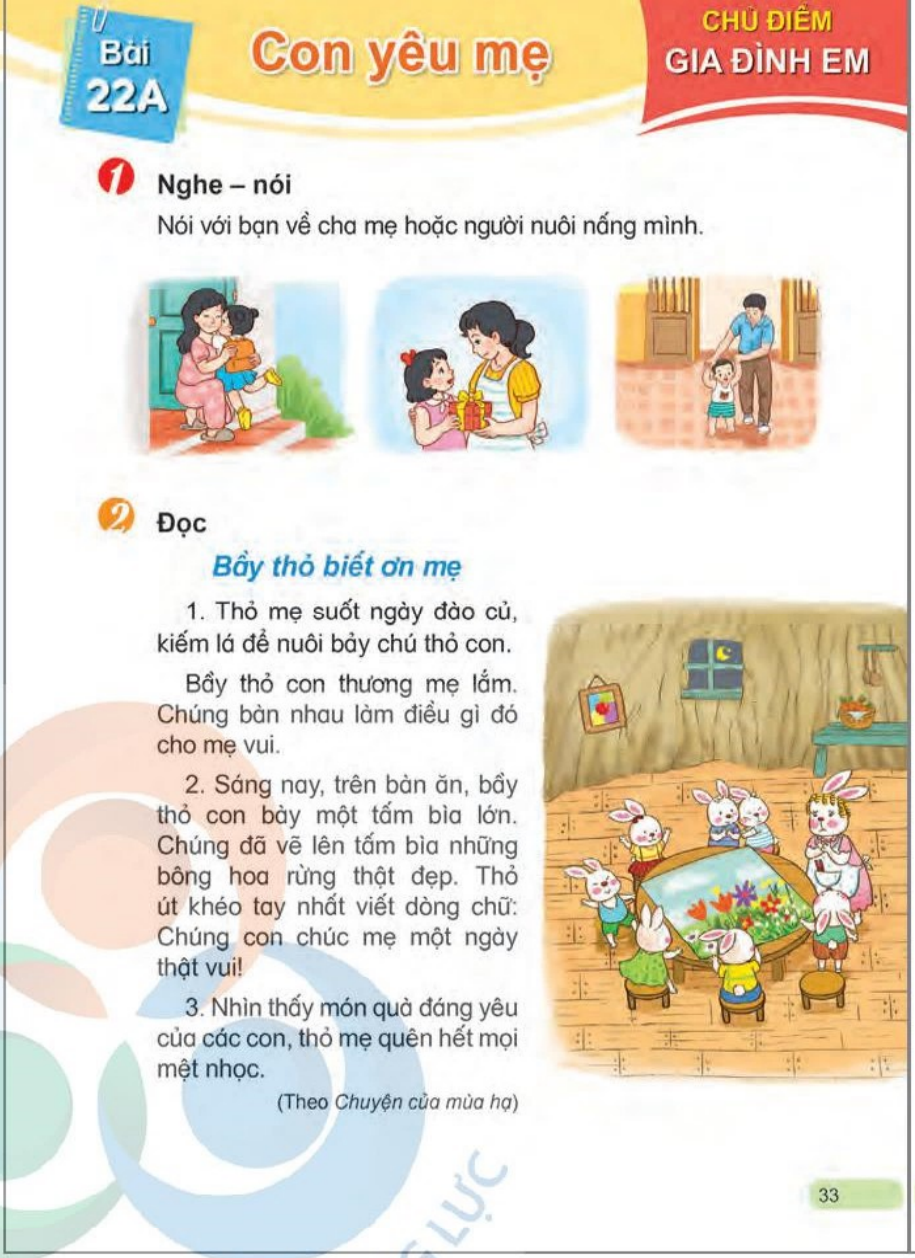
Bài 22A Con yêu mẹ

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Bầy thỏ biết ơn mẹ*. Kết hợp đọc chữ và xem tranh để hiểu nội dung câu chuyện, nói được suy nghĩ của nhân vật trong câu chuyện và bước đầu biết rút ra bài học từ câu chuyện.
- Viết đúng những từ mở đầu bằng *d / gi* và từ có vần *ai / ay / ây*. Chép đúng một đoạn văn.
- Nói được một số việc làm thể hiện lòng biết ơn cha mẹ.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 5 bộ thẻ hình củ cà rốt, trên đó viết các từ ngữ có để chỗ trống để điền *d* hoặc *gi* , VD: 1 củ cà rốt có chữ *quả ...ừa*, 1 củ cà rốt có chữ *quả ...âu*, 1 củ cà rốt có chữ *quả ...ừa*, 1 củ cà rốt có chữ *...ưa hấu*, 1 củ cà rốt có chữ *....á đỗ*.
- 4 – 6 bộ thẻ (hoặc phiếu học tập) để viết các từ ngữ có tiếng chứa vần *ai, ay, ây*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Bài 22A Con yêu mẹ

CHỦ ĐIỂM GIA ĐÌNH EM

1 **Nghe – nói**

Nói với bạn về cha mẹ hoặc người nuôi nấng mình.

2 **Đọc**

Bầy thỏ biết ơn mẹ

1. Thỏ mẹ suốt ngày đào củ, kiếm lá để nuôi bảy chú thỏ con.

Bầy thỏ con thương mẹ lắm. Chúng bàn nhau làm điều gì đó cho mẹ vui.

2. Sáng nay, trên bàn ăn, bầy thỏ con bày một tấm bìa lớn. Chúng đã vẽ lên tấm bìa những bông hoa rừng thật đẹp. Thỏ út khéo tay nhất viết dòng chữ: Chúng con chúc mẹ một ngày thật vui!

3. Nhìn thấy món quà đáng yêu của các con, thỏ mẹ quên hết mọi mệt nhọc.

(Theo *Chuyện của mùa hạ*)

33

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp:* Từng HS nói về những việc các bạn nhỏ đã làm được thể hiện trong tranh và nêu các việc cần làm để thể hiện tình yêu và lòng biết ơn đối với cha mẹ hoặc những người nuôi nấng mình.
VD: Tớ có thể rửa cốc chén / gấp quần áo/… để mẹ có thời gian nghỉ ngơi.

– *Cả lớp:* 1 – 2 HS nói trước lớp về những điều mình đã làm hoặc sẽ làm để thể hiện tình yêu và lòng biết ơn đối với cha mẹ hoặc những người nuôi nấng mình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu bức tranh minh hoạ bài đọc và giới thiệu bài đọc là một câu chuyện về mẹ con nhà thỏ.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Nghe GV HD cách đọc hoặc cách viết các từ ngữ dễ viết sai, lẫn. *VD: làm việc, sáng nay,...* (MB); *quần quật, suốt cả ngày,...* (MN).

– *Nhóm:*

+ Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp các đoạn đến hết bài.

+ Thi đọc nối tiếp các đoạn giữa 4 nhóm: mỗi nhóm cử 1 HS đọc một đoạn.

– *Cả lớp:* Nghe GV và các nhóm nhận xét HS của nhóm mình đọc. Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Nghe GV đặt câu hỏi: *Vì sao bầy thỏ con rất thương mẹ?*

– *Cá nhân:* Từng HS đọc thầm đoạn 1, xem lại tranh minh hoạ và tự trả lời câu hỏi.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

? a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Vì sao bầy thỏ con rất thương mẹ?

c) Theo em, thỏ mẹ sẽ nói gì khi nhận món quà của các con?

3 Viết

a) Chép đoạn 1 trong bài *Bầy thỏ biết ơn mẹ.*

b) Chọn *d*, *gi* cho ô trống trên mỗi thẻ từ.



Chép ba từ ngữ đã hoàn thành vào vở.

4 Nghe – nói

Nêu nhận xét của em về bầy thỏ.

– *Cả lớp:* Một số HS trả lời. GV chốt câu trả lời đúng: *Thỏ mẹ có 7 đứa con. Bầy thỏ con rất thương mẹ vì thỏ mẹ phải làm việc suốt cả ngày để nuôi các con.*

c) Nghe GV nêu yêu cầu c: *Theo em, thỏ mẹ sẽ nói gì khi nhận món quà của các con?*

– *Nhóm:* Từng em nêu ý kiến của mình (đoán thỏ mẹ sẽ nói gì khi nhận món quà của các con). Chọn các bạn đưa ra những câu nói hay.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS nói ý kiến trước lớp. Nghe GV nhận xét.

HS có thể viết lại câu trả lời của mình vào VBT.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Chép đoạn 1 trong bài *Bầy thỏ biết ơn mẹ.*

– *Cả lớp:* Nghe GV hoặc 1 HS đọc cả đoạn (đoạn 1).

– *Cá nhân:* Từng HS chép đoạn văn vào vở theo hướng dẫn: đọc từng cụm từ, ghi nhớ cụm từ đó để chép vào vở.

Thỏ mẹ suốt cả ngày đào củ / kiếm lá / để nuôi / bầy chú thỏ con.

Bầy thỏ con / thương mẹ lắm. / Chúng bàn nhau / làm điều gì đó / cho mẹ vui.

+ Từng HS nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi.
+ Từng HS sửa lỗi của bài viết theo hướng dẫn của GV.
+ Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

b) Chơi: Thu hoạch cà rốt để viết đúng *d / gi.*

– *Cả lớp:*
+ Nghe GV nói về mục đích chơi và hướng dẫn cách chơi: chơi để luyện viết đúng từ có âm đầu viết bằng *d, gi.* Cách chơi: lớp chia thành 4 – 6 đội (nhóm). Các nhóm nhận bộ thẻ để điền *d / gi* vào chỗ trống trong thẻ. Khi có hiệu lệnh mới được cầm bút điền *d / gi* vào thẻ. Đội nào hoàn thành nhanh và đúng nhiều thẻ là đội thắng cuộc.

– *Cả lớp:* Bình chọn đội thắng cuộc. Từng HS ghi 3 từ ngữ viết đúng vào VBT.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Nêu nhận xét của em về bầy thỏ.

– *Cặp:* Từng cặp HS nói ý kiến của mình. VD:
+ Việc làm của bầy thỏ con cho thấy chúng rất yêu mẹ, biết quan tâm đến mẹ, biết làm cho mẹ vui.
+ Việc làm của bầy thỏ con cho thấy chúng là những đứa con ngoan, những đứa con đáng yêu.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 22B Tập làm đầu bếp

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Làm thế nào để luộc trứng ngon?*; nhớ được các bước thực hiện công việc.
- Nghe và chép đúng một đoạn văn ngắn (khoảng 35 chữ). Viết đúng những từ có tiếng bắt đầu bằng *d / gi* hoặc *v / d*.
- Nghe hiểu câu chuyện *Dê con nghe lời mẹ* và kể lại được một đoạn của câu chuyện.
- Biết hỏi đáp về câu chuyện đã nghe.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Các bộ thẻ tranh minh hoạ 4 bước luộc trứng (HĐ4).
- Bộ tranh khổ lớn minh hoạ câu chuyện *Dê con nghe lời mẹ* (hoặc phần mềm dạy kể chuyện có tranh minh hoạ câu chuyện như trong SHS).
- 4 – 6 bộ phiếu làm bài tập chính tả (HĐ6).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.


Bài 22B Tập làm đầu bếp

1 Nghe – nói

Kể về các món ăn được làm từ trứng.

2 Đọc

Làm thế nào để luộc trứng ngon?

Những đầu bếp nhí có thể tự luộc trứng với các bước sau:

– Bước 1: Nhẹ nhàng đặt trứng vào nồi.

– Bước 2: Đổ nước lạnh vào nồi đủ ngập trứng. Có thể thêm vào một chút muối.

– Bước 3: Luộc trứng đến khi sôi thì cho lửa nhỏ, để thêm khoảng 5 phút nữa.

– Bước 4: Lấy trứng ra, ngâm vào nước lạnh một lúc, rồi mới bóc vỏ.

Nào, chúng mình hãy trổ tài để mời cả nhà món ăn ngon và bổ này nhé!

35

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp:* Quan sát tranh; từng HS nói về các món ăn được làm từ trứng mà mình biết.

– *Cả lớp:* 1 – 2 HS đại diện nhóm nói về những món ăn được làm từ trứng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu bài đọc (là một bài hướng dẫn cách nấu một món ăn rất dễ làm, có tranh minh hoạ cách làm ở từng bước).

+ Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi bước. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:*

+ 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *luộc trứng, nước lạnh,...* (MB); *hấp dẫn, các bước,...* (MN).

+ 2 – 3 HS luyện đọc ngắt hơi ở câu dài. Cả lớp đọc đồng thanh ngắt hơi ở câu dài.

– *Cá nhân/Nhóm:* HS đọc nối tiếp các bước luộc trứng.

– *Cả lớp:* Nghe GV và các nhóm nhận xét lẫn nhau. Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Nghe GV đặt câu hỏi (có thể chiếu bài tập trên màn hình): *Bài này nói về điều gì?* (1. Nói về những quả trứng. 2. Nói về cách luộc trứng. 3. Nói về món trứng luộc ngon.)

– *Cá nhân:* Chọn câu trả lời đúng.

– *Cả lớp:* Một số HS nêu câu trả lời mình chọn. GV chốt câu trả lời đúng (câu 2).

c) Nhìn tranh nêu cách làm.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách thực hiện (Mỗi bạn trong nhóm nhìn tranh minh hoạ 1 bước và nêu việc làm trong bước đó).

– *Cặp/nhóm:* Nhìn tranh minh hoạ 4 bước, nói lần lượt từng bước.

– *Cả lớp:* 4 HS chỉ tranh – nối tiếp nhau nêu cách làm trong từng bước trước lớp. Cả lớp nhận xét. (GV lưu ý HS: Nếu trứng lấy ra từ tủ lạnh, khi nước sôi nhớ đun thêm từ 8 – 10 phút.)

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Nghe – viết một đoạn trong bài *Làm thế nào để luộc trứng ngon?*

– *Cá nhân:* 1 HS đọc đoạn cần viết; viết các chữ viết hoa ra nháp: Bước, Nhẹ, Đổ, Có. (Có thể viết chữ in hoa)

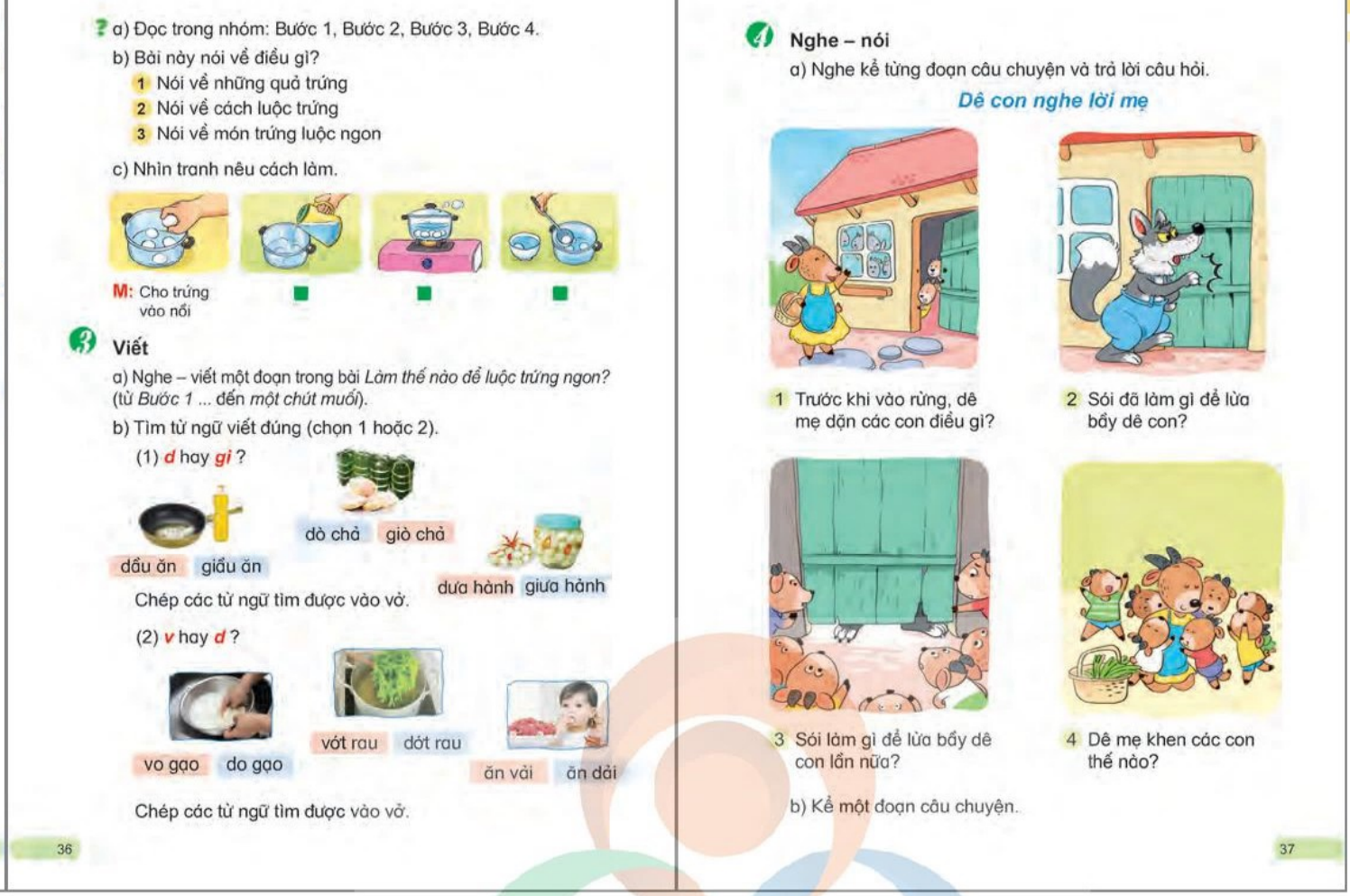
– *Cả lớp:* Đọc Bước 1 cho đến ... "nước luộc", quan sát cách viết dấu hai chấm sau chữ *Bước;* đọc từng cụm từ và ghi nhớ, chép lại cụm từ đã ghi nhớ.

+ Nghe GV đọc lại đoạn đã chép để soát lỗi.

+ Sửa lỗi của bài viết theo hướng dẫn của GV.

b) Tìm từ ngữ viết đúng.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn chọn mục a hoặc b; nghe GV hướng dẫn cách thực hiện: Từng HS làm


a) Đọc trong nhóm: Bước 1, Bước 2, Bước 3, Bước 4.

b) Bài này nói về điều gì?

1 Nói về những quả trứng
2 Nói về cách luộc trứng
3 Nói về món trứng luộc ngon

c) Nhìn tranh nêu cách làm.

M: Cho trứng vào nồi

Viết

a) Nghe – viết một đoạn trong bài *Làm thế nào để luộc trứng ngon?* (từ *Bước 1 ... đến một chút muối*).

b) Tìm từ ngữ viết đúng (chọn 1 hoặc 2).

(1) *d* hay *gi* ?

dầu ăn giầu ăn

dò chả giò chả

dưa hành giưa hành

Chép các từ ngữ tìm được vào vở.

(2) *v* hay *d* ?

vo gạo do gạo

vót rau dót rau

ăn vải ăn dải

Chép các từ ngữ tìm được vào vở.

36

Nghe – nói

a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Dê con nghe lời mẹ

1 Trước khi vào rừng, dê mẹ dặn các con điều gì?

2 Sói đã làm gì để lừa bẩy dê con?

3 Sói làm gì để lừa bẩy dê con lần nữa?

4 Dê mẹ khen các con thế nào?

b) Kể một đoạn câu chuyện.

37

bài cá nhân vào phiếu (đánh dấu X vào ô trống trước chữ viết đúng), sau đó đối chiếu theo cặp hoặc theo nhóm

– *Cả lớp:* 1 – 2 HS lên chữa bài trước lớp. Từng HS ghi các chữ viết đúng vào vở hoặc làm vào VBT.

HĐ4. Nghe – nói

a) Nghe kể chuyện *Dê con nghe lời mẹ*.

– *Nhóm:* Xem tranh và đoán nội dung câu chuyện: hỏi – đáp về các bức tranh; đoán sự việc trong mỗi tranh; đọc tên câu chuyện và đoán nội dung câu chuyện.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV kể câu chuyện (Lần 1), kết hợp nhìn tranh.
+ Tập nói lời đối thoại của dê mẹ với các chú dê con và đối đáp giữa chó sói với dê con.
+ Nghe GV kể (lần 2), tập kể theo / kể cùng GV; nghe câu hỏi của GV khi kể từng đoạn để trả lời câu hỏi.

b) Kể một đoạn câu chuyện.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện (nhóm / cả lớp tập kể lại 1 đoạn của câu chuyện).

– *Nhóm:* Mỗi nhóm chỉ kể 1 đoạn của câu chuyện.

– *Cả lớp:* Thi kể một đoạn câu chuyện.

+ Mỗi nhóm cử một bạn kể đoạn nhóm đã kể.
+ Bình chọn nhóm kể hay nhất (kể đúng và đủ chi tiết).

Văn bản kể chuyện ***Dê con nghe lời mẹ***

1. Ngày xưa, có một gia đình dê gồm dê mẹ và bảy chú dê con sống trong một ngôi nhà nhỏ ven rừng. Một hôm, dê mẹ phải vào rừng kiếm cỏ non, bèn gọi đàn con lại dặn dò: "Các con ở nhà nhớ khoá chặt cửa kẻo chó sói đến. Lúc về, mẹ sẽ gọi: "Dê con ngoan ngoãn / Mau mở cửa ra / Mẹ đã về nhà / Cho các con bú/, nghe đúng tiếng mẹ rồi mới được ra mở cửa, nhớ chưa!". Bảy chú dê con vâng lời mẹ đóng chặt cửa.

2. Chó sói nấp ở bụi cây gần đó nghe thấy lời dặn của dê mẹ. Nó đợi dê mẹ đi khỏi, liền đến gõ cửa và nói: "Dê con ngoan ngoãn / Mau mở cửa ra / Mẹ đã về nhà / Cho các con bú". Bảy chú dê con nhận ra giọng ồm ồm của chó sói nên không mở cửa.

3. Một lúc sau, chó sói lại đến và gõ cửa. Lần này nó giả giọng nhẹ nhàng hơn cho giống với giọng dê mẹ. Bầy dê con bắt chó sói phải cho xem bộ móng. Khi thấy bộ móng đen sì qua khe cửa, bầy dê biết đó là chó sói và đuổi đi ngay.

4. Vừa lúc đó, dê mẹ trở về. Dê mẹ cất giọng dịu dàng: "Dê con ngoan ngoãn / Mau mở cửa ra / Mẹ đã về nhà / Cho các con bú". Bầy dê con nhận ngay ra giọng nói của mẹ. Chúng mở cửa và ôm chầm lấy mẹ, kể cho mẹ nghe chuyện chó sói đến nhà. Dê mẹ khen các con ngoan ngoãn, biết nghe lời mẹ.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

Bài 22C Em yêu nhà em

Mục tiêu

- Đọc đúng từ, câu thơ, đoạn thơ trong bài *Ngôi nhà*. Nêu được những cảnh vật xung quanh ngôi nhà. Hiểu được tình cảm của bạn nhỏ đối với ngôi nhà của mình. Học thuộc một đoạn của bài thơ.
- Tô chữ hoa E, Ê ; viết từ có chữ hoa E, Ê.
- Biết hỏi – đáp về những điều mơ ước cho ngôi nhà của mình.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ để GV hướng dẫn HS học thuộc lòng một đoạn thơ.
- 2 mẫu chữ hoa phóng to: E, Ê để dạy HS tô chữ hoa
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai
- *Tập viết 1*, tập hai

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp: Đại diện mỗi nhóm nói về cảnh vật quanh ngôi nhà của mình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

Cả lớp:

– Nghe GV giới thiệu bài đọc nói về ngôi nhà ở một miền quê bình dị.

– Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ, dừng hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ. Đọc thầm theo GV.

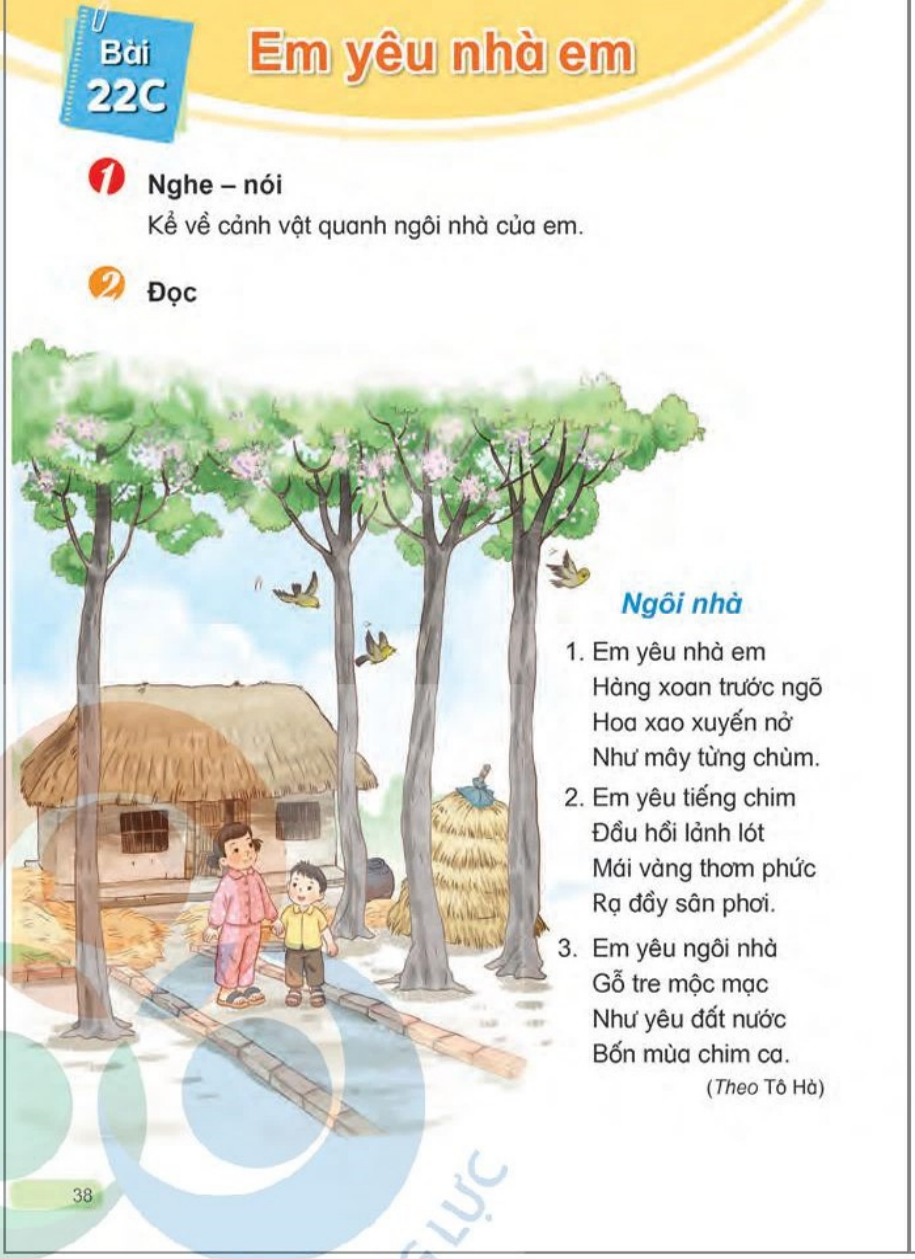
Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:*

+ HS đọc một số từ ngữ dễ mắc lỗi phát âm theo mẫu (GV chọn), VD: *hàng xoan, xao xuyến, lảnh lót,...* (MB); *tiếng chim, đất nước,...* (MN).

+ HS đọc một số từ mới và nghe giải nghĩa từ ngữ: lảnh lót (âm thanh cao, trong và âm vang); mộc mạc (giản dị, đơn giản).



1 **Nghe – nói**

Kể về cảnh vật quanh ngôi nhà của em.

2 **Đọc**

Ngôi nhà

1. Em yêu nhà em
Hàng xoan trước ngõ
Hoa xao xuyến nở
Như mây từng chùm.
2. Em yêu tiếng chim
Đầu hồi lảnh lót
Mái vàng thơm phức
Rạ đầy sân phơi.
3. Em yêu ngôi nhà
Gỗ tre mộc mạc
Như yêu đất nước
Bốn mùa chim ca.

(*Theo* Tô Hà)

38

+ HS đọc cá nhân, đồng thanh từng dòng thơ có nghỉ hơi ở sau mỗi dòng thơ, dừng hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ.

– *Nhóm:* Mỗi HS đọc một khổ thơ, đọc tiếp nối đoạn cho đến hết bài.

– *Cả lớp:* HS thi đọc giữa các nhóm, bình chọn nhóm đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Nghe GV nêu yêu cầu.

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu bài đọc và hướng dẫn HĐ.

– *Nhóm:*

+ 1 HS nêu câu hỏi thứ nhất (*Em thích nhất cảnh vật nào ở ngôi nhà của bạn nhỏ?*), từng bạn trong nhóm trả lời.

+ Một HS nêu yêu cầu thứ hai (*Tìm những câu thơ cho biết tình cảm của bạn nhỏ với ngôi nhà.*)

+ Các bạn trong nhóm thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* Một số HS thực hiện yêu cầu. Nghe các bạn và GV nhận xét.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

a) Đọc từng khổ thơ trong nhóm.

b) Em thích nhất cảnh vật nào ở ngôi nhà của bạn nhỏ?

c) Tìm những câu thơ cho biết tình cảm của bạn nhỏ với ngôi nhà.

d) Đọc thuộc một khổ thơ.

3 Viết

a) Tô và viết.

– Tô chữ hoa: E, Ê.

– Viết: Ê-đê.



b) Viết một câu về ngôi nhà của em.

4 Nghe – nói

Cùng bạn hỏi – đáp về ngôi nhà mình yêu thích.

M: – *Bạn thích ngôi nhà nào?*

– *Tôi thích ngôi nhà sàn.*



39

c) Đọc thuộc một khổ thơ.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách đọc thuộc 1 khổ thơ: HS được chọn khổ thơ mình yêu thích, đọc thuộc từng câu, hình dung cảnh vật ngôi nhà được nhắc đến trong khổ thơ.

– *Cá nhân:* HS luyện đọc từng câu để thuộc cả khổ thơ mình chọn.

– *Nhóm:* Từng em đọc khổ thơ mình đã thuộc.

– *Cả lớp:* Thi đọc thuộc 1 khổ thơ. Bình chọn những bạn đọc tốt.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tô và viết.

– Tô chữ hoa E, Ê.

+ *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách tô chữ hoa (về chiều cao chữ, về các nét của chữ): chữ E hoa, chữ Ê hoa.

+ *Cá nhân:* Tô chữ hoa E, Ê trong vở *Tập viết*.

+ *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn tô và viết từ có chữ mở đầu là chữ hoa E, Ê: Chữ viết sau chữ hoa cần viết gần sát chữ hoa.

– Viết: Ê-đê.

Cá nhân: Tô và viết từ *Ê-đê* vào vở *Tập viết*.

b) Viết câu.

– Viết một câu về ngôi nhà của em.

– Nghe GV gợi ý: Em có thể viết 1 câu nói về một trong những nội dung sau:

+ Ngôi nhà em ở đâu?

+ Ngôi nhà của em có gì đặc biệt?

+ Tình cảm của em đối với ngôi nhà.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Cùng bạn hỏi – đáp về ngôi nhà mình yêu thích.

– *Cả lớp:* Xem tranh minh hoạ, nghe GV hướng dẫn cách làm (cùng nhau hỏi – đáp trong nhóm về ngôi nhà yêu thích của bản thân).

– *Nhóm:* Mỗi HS trong nhóm nói lên ngôi nhà yêu thích của mình. Cả nhóm có thể nhận xét về ngôi nhà của bạn.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 22D Bố dạy em thế

Mục tiêu

- Đọc mở rộng một câu chuyện hoặc bài thơ về chủ điểm *Gia đình em* (nên là câu chuyện hoặc bài thơ nói về người cha).
- Nghe – viết 2 khổ thơ. Viết đúng những từ mở đầu bằng *r / d*. Viết được 1 – 2 câu về việc bố đã làm cho mình.
- Nói được các việc làm được thể hiện trong tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 4 – 6 phiếu học tập (hình tổ ong như SHS) để HS ghi các từ chứa tiếng bắt đầu bằng *d / r* (HĐ3 ở SHS).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

Bài 22D Bố dạy em thế

1 **Nghe – nói**

Kể những việc làm của bố bạn nhỏ trong mỗi tranh.





2 **Viết**

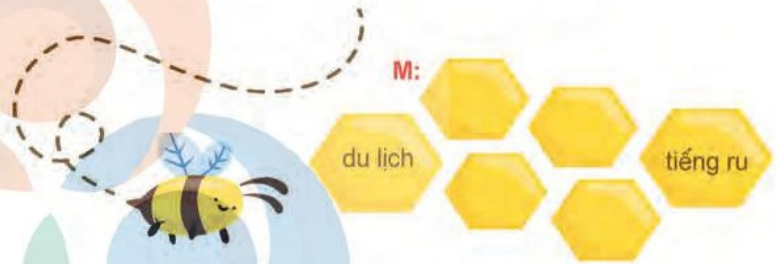
a) Viết một hoặc hai câu kể lại một việc bố em đã làm cho em.

– Bố đã làm việc gì?

– Em nghĩ gì về việc làm của bố?

b) Nghe – viết hai khổ thơ đầu của bài *Ngôi nhà*.

c) Chơi trò *Giúp ong mật xây tổ* bằng các từ chứa tiếng mở đầu là *d*, *r*.



Viết ba từ tìm được vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe đọc yêu cầu của HĐ1 và nghe GV hướng dẫn cách làm: Nhìn tranh, trả lời câu hỏi:

Những bức tranh nói về ai? (Nói về những việc làm của bố bạn nhỏ.)

– *Nhóm:* HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Viết

a) Viết 1 – 2 câu kể lại một việc bố em đã làm cho em.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách viết:

+ Nhớ lại những việc bố đã làm cho em.

+ Chọn kể 1 việc bố đã làm khiến em nhớ nhất hoặc khiến em vui nhất, cảm động nhất.

– *Cá nhân:*

+ Nêu suy nghĩ của em về việc làm của bố.

+ Viết ra nháp trước khi viết vào vở.

– Nghe GV nhận xét, góp ý bài làm.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

b) Nghe – viết.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc 2 khổ thơ.

– *Cá nhân:*

+ Từng HS viết ra nháp các từ có chữ cái mở đầu viết hoa.

+ Từng HS viết vào vở theo lời GV đọc: nghe từng cụm từ, ghi nhớ để viết cho đúng.

+ Từng HS nghe GV đọc lại để soát lỗi.

+ Từng HS sửa lỗi của bài viết theo hướng dẫn của GV.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

3 Đọc

a) – Tìm đọc một câu chuyện hoặc bài thơ về gia đình.
– Chia sẻ với người thân điều em thích trong bài đọc.

b) Gợi ý bài đọc mở rộng:

Món quà sinh nhật



1. Thấy mẹ mua hoa tặng bố nhân dịp sinh nhật, Nhàn nghĩ: "Mình cũng nên có quà tặng bố". Chợt em nhớ ra: "Bố thích ăn kem!".

2. Nhàn nhớ lại cách bà ngoại làm kem. Em xin bà một chai xi-rô dâu. Em pha nước vào xi-rô, rót vào các khuôn rồi để vào ngăn đá tủ lạnh.

3. Sáng hôm sau, em nói với bố:

– Con có món kem tặng bố ạ!

Nhàn mở tủ lấy kem. Ôi thôi! Chỉ thấy những viên nước đá màu đỏ trong suốt. Em buồn phát khóc.

4. Bố ôm Nhàn vào lòng và bảo:

– Con là món quà quý nhất của bố rồi.

? Vì sao Nhàn muốn tặng kem cho bố nhân dịp sinh nhật?

41

c) Chơi: Giúp ong mật xây tổ.

– *Cả lớp:* Nghe GV nói về mục đích cuộc thi và hướng dẫn cách thi: thi để luyện viết đúng từ có âm đầu viết bằng *d / r*. Cách thi: theo nhóm, trong mỗi nhóm, từng HS nhận thẻ / phiếu rồi viết từ ngữ chứa tiếng mở đầu bằng *d / r* vào thẻ, sau đó lên bảng gắn thẻ đã điền từ ngữ. Nhóm nào có số thẻ điền đúng nhiều nhất là nhóm thắng cuộc.

– *Nhóm:* HS thực hiện chơi: điền từ / từ ngữ chứa tiếng mở đầu bằng *d / r* vào thẻ, gắn thẻ trên bảng lớp.

– *Cả lớp:* Nghe GV xác nhận những thẻ viết đúng chữ mở đầu là *d / r*; xác nhận nhóm thắng cuộc.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3. Đọc mở rộng

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn:

+ Tìm đọc truyện hoặc bài thơ về chủ điểm *Gia đình em*, về sự yêu thương, chăm sóc con cái của cha mẹ.

+ Địa chỉ tìm sách: thư viện của trường, tủ sách của lớp, sách truyện ở nhà.

+ Nhiệm vụ sau khi đọc: Nói với người thân điều mình yêu thích trong bài đọc.

– *Cá nhân* (làm ngoài giờ học): Tìm sách đọc theo hướng dẫn của GV. (HS có thể đọc bài gợi ý *Món quà sinh nhật* trong SHS). Nói với bạn lí do bạn nhỏ trong câu chuyện muốn tặng kem cho bố nhân dịp sinh nhật.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 23A Theo bước em đến trường

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Bút và thước kẻ*; kết hợp đọc chữ và xem tranh để hiểu nội dung câu chuyện; nhận xét được hành động, suy nghĩ của từng nhân vật trong câu chuyện và rút ra được bài học từ câu chuyện.
- Viết đúng những từ mở đầu bằng *tr/ch* hoặc *v/d*. Chép đúng một đoạn văn.
- Biết giới thiệu các đồ dùng học tập.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 4 – 6 bộ thẻ (hoặc phiếu học tập) như minh hoạ ở HĐ3 (phần a hoặc b).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cặp:

– Quan sát tranh vẽ, nói tên các đồ vật trong tranh.

– Từng HS nói về những đồ dùng học tập đã được bố mẹ / người thân sắm sửa cho trước lúc bước vào năm học mới.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu tranh minh hoạ bài đọc và giới thiệu bài đọc là một câu chuyện kể về cuộc trò chuyện của những đồ dùng học tập.

– *Cá nhân*: Nghe GV đọc cả bài, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai: *im lặng, xin lỗi,...* (MB); *bạn nhỏ, đến trường,...* (MN).

– *Cá nhân:* Đọc các từ ngữ theo yêu cầu.

Bài 23A Theo bước em đến trường

1 Nghe – nói

Hỏi – đáp: Khi vào lớp 1, bạn được sắm sửa những gì để đi học?



2 Đọc

Bút và thước kẻ



1. Bút và thước kẻ cùng bạn nhỏ đến trường. Buổi học đầu tiên, bút nói với thước kẻ:

– Cậu chẳng có ích gì nhỉ? Tôi giúp bạn nhỏ viết từ nãy đến giờ.

2. Thước kẻ chỉ im lặng. Vừa lúc đó, bạn nhỏ cầm thước để kẻ hết bài. Bút không tự làm được, phải dựa vào thước kẻ.

3. Hiểu công việc của thước kẻ, bút nói:

– Xin lỗi cậu. Nếu không có cậu, mình không gạch được một đường thẳng như thế.

– Không có cậu, mình cũng không thể tự tạo ra đường thẳng đó đâu. – Thước kẻ nhẹ nhàng nói.

Từ đó, bút và thước kẻ trở thành bạn thân, cùng nhau giúp bạn nhỏ có vở sạch chữ đẹp.

(*Theo* Lê Luynh)

42

– *Nhóm:*

+ Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp 3 đoạn đến hết bài.

+ Thi đọc nối tiếp các đoạn giữa 3 nhóm: mỗi nhóm cử 1 HS đọc một đoạn.

– *Cả lớp:* Nghe GV và các nhóm nhận xét HS của nhóm mình đọc.

Đọc hiểu

b) Nghe GV đặt câu hỏi: *Lúc đầu, bút nhận xét thế nào về thước kẻ?*

– *Cá nhân:*

+ Từng HS đọc thầm đoạn 1 để trả lời câu hỏi.

+ Một số HS trả lời. GV chốt câu trả lời đúng: Lúc đầu cây bút cho rằng thước kẻ chẳng giúp ích gì cho bạn học sinh. (Vì chỉ có mỗi mình cây bút làm việc).

c) Nghe GV nêu câu hỏi c và hướng dẫn cách thực hiện (đọc đoạn 2, 3) để hiểu công việc và suy nghĩ của cây bút và thước kẻ. Dựa vào đó, HS trả lời các câu hỏi sau: *Em thích*

? a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Lúc đầu, bút nhận xét thế nào về thước kẻ?

c) Em học được gì ở bút hoặc thước kẻ?

3 Viết

a) Chép đoạn văn sau:

Lúc đầu, bút nghĩ rằng thước kẻ chẳng có ích gì. Về sau, bút đã hiểu phải có thước kẻ thì bút mới gạch được đường thẳng.

b) Chọn (1) hoặc (2).

(1) Chơi trò chơi *Câu cá:* Chọn từ ngữ viết đúng *ch*, *tr*.



Chép ba từ ngữ tìm được vào vở.

(2) Đặt tên cho tranh.



Viết ba tên tìm được vào vở.

4 Nghe – nói

Nói một câu về cách giữ gìn đồ dùng học tập.

cây bút hay thước kẻ? Em học được điều gì ở cây bút hoặc thước kẻ?

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tập chép đoạn văn.

– *Cả lớp:* Nghe GV hoặc 1 HS khá, giỏi đọc cả đoạn văn.

– Từng HS viết các từ có chữ cái đầu câu cần viết hoa ra nháp.

– *Cá nhân:* Từng HS chép đoạn văn vào vở theo hướng dẫn: đọc từng cụm từ, ghi nhớ cụm từ đó để chép vào vở.

Lúc đầu / bút nghĩ rằng / thước kẻ chẳng có ích gì. // Về sau, / bút đã hiểu / phải có thước kẻ / thì bút / mới gạch được đường thẳng.

+ Từng HS nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi.

+ Từng HS sửa lỗi của bài viết theo hướng dẫn của GV.

+ Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

b) Phần (1):

Bài tập chính tả chọn (1) hoặc (2).

– *Cả lớp:* Nghe GV nói về mục đích chơi và hướng dẫn cách chơi: *VD:* Chọn từ viết đúng âm đầu *ch/tr*. Cách chơi: Lớp chia thành 4 – 6 đội (nhóm). Từng nhóm chọn ra các thẻ chữ viết đúng chính tả (hoặc đánh dấu chữ viết đúng chính tả vào phiếu học tập (nếu có). Khi có hiệu lệnh của GV, các nhóm mới bắt đầu thực hiện yêu cầu. Đội nào hoàn thành nhanh và chọn đúng nhiều từ ngữ là đội thắng cuộc.

– *Cả lớp:* Bình chọn đội thắng cuộc. Từng HS viết các từ ngữ viết đúng vào vở.

Phần (2): Cách thực hiện tương tự Phần (1)

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Nói một câu về cách giữ gìn đồ dùng học tập.

– *Nhóm:* Từng em nêu ý kiến về cách giữ gìn đồ dùng học tập của mình. Cả nhóm nhận xét, góp ý.

– *Cả lớp:* Một vài em nói ý kiến của mình trước lớp.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

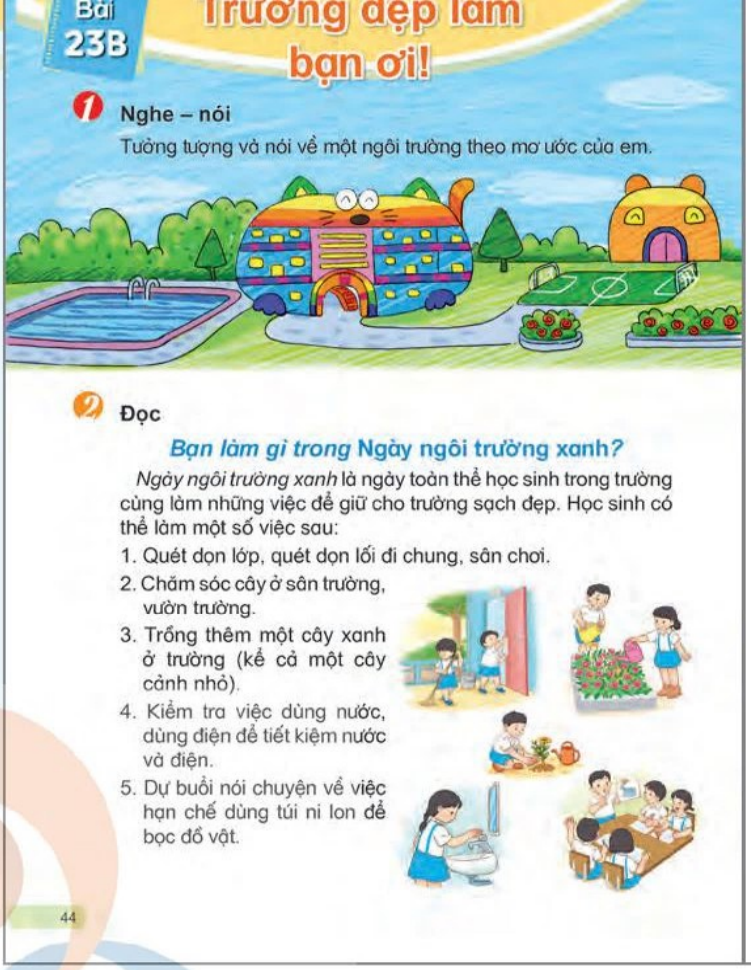
Bài 23B Trường đẹp lắm bạn ơi!

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Bạn làm gì trong Ngày ngôi trường xanh?*.
- Nghe – viết đúng một đoạn văn. Viết đúng những từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *tr/ch*; *v/d*.
- Nghe hiểu câu chuyện *Học trò của cô giáo chim khách* và kể lại được một đoạn của câu chuyện.
- Biết hỏi – đáp về những hoạt động giữ gìn trường, lớp sạch đẹp, về câu chuyện đã nghe.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bộ tranh khổ lớn minh hoạ câu chuyện *Học trò của cô giáo chim khách* (hoặc phần mềm dạy kể chuyện có tranh minh hoạ câu chuyện như trong SHS).
- 4 – 6 bộ phiếu học tập làm bài tập chính tả.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp:* Quan sát tranh ngôi trường, nhận xét về ngôi trường trong tranh; từng HS nói về ngôi trường mình mơ ước (giới thiệu tranh ngôi trường các em đã vẽ theo mơ ước của mình trong BT1 – VBT, nếu có).

– *Cả lớp:* 1 – 2 HS đại diện nhóm nói trước lớp về những điều đã trao đổi theo cặp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

Cả lớp:

– Nghe GV giới thiệu bài đọc (là bài hướng dẫn, giới thiệu các hoạt động HS có thể làm và nên làm cho ngôi trường của mình thêm sạch, đẹp).

– Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi việc. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:*

+ 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *xanh, sạch, chăm sóc,...* (MB); *vườn trường, tiết kiệm,...* (MN).

+ 2 – 3 HS luyện đọc ngắt hơi ở câu dài. Cả lớp đọc đồng thanh ngắt hơi ở câu dài.

– *Nhóm:* HS đọc nối tiếp các việc (5 việc) nêu trong bài đọc.

– *Cả lớp:*

+ Thi đọc nối tiếp các câu.

+ Nghe GV và các bạn nhận xét. Bình chọn các bạn đọc tốt.

Đọc hiểu

b) Nghe GV đặt câu hỏi.

– *Cá nhân:* Từng HS đọc thầm bài đọc và thực hiện yêu cầu b.

– *Cả lớp:* HS thực hiện yêu cầu b (có thể quan sát GV viết tóm tắt các việc HS đã nêu).

c) Nghe GV nêu yêu cầu c (HS trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm về các ích lợi của một công việc do nhóm lựa chọn và tập trả lời câu hỏi trong nhóm).

– *Nhóm:* Thực hiện các việc theo hướng dẫn của GV.

– *Cả lớp:* Một số HS đại diện nhóm lần lượt nêu tên công việc và ích lợi của công việc đó đối với việc giữ xanh, sạch, đẹp trường lớp. Nghe GV và các bạn nhận xét, bổ sung ý kiến.

– *Cá nhân:* Viết các việc bảo vệ môi trường khác học sinh có thể làm được / hoặc các việc HS trong trường đã làm.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Nghe – viết đoạn văn.

– *Cá nhân:* 1 HS đọc đoạn viết. Từng HS viết các từ có chữ cái mở đầu viết hoa ra nháp.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc đoạn văn. Nghe GV đọc từng cụm từ và ghi nhớ, chép lại cụm từ đã ghi nhớ.

+ Nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi và sửa lỗi.

+ Nghe GV nhận xét bài viết chính tả của một số bạn.

b) Chơi trò chơi *Đố bạn* để luyện viết đúng từ có âm đầu *ch/tr* hoặc *d/v*.

– *Cả lớp:* Nghe GV nói về mục đích của bài tập và hướng dẫn cách thực hiện: Từng HS làm bài cá nhân (chọn phần (1) hoặc (2) rồi chọn chữ thích hợp vào chỗ trống trong mỗi câu), sau đó đối chiếu theo cặp hoặc theo nhóm. (Nếu chuẩn bị được phiếu, HS làm bài cá nhân vào phiếu sau đó đối chiếu kết quả).

TRUNG TÂM HỌC LIỆU ĐỂ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

a) Đọc từng việc trong nhóm.

b) Kể những việc nêu trong bài học sinh có thể làm.

c) Nêu ích lợi của một việc làm em đã kể.

Viết

a) Nghe – viết.

Trong Ngày ngôi trường xanh, chúng ta hãy cùng nhau làm một số việc để giữ cho trường lớp xanh, sạch, đẹp. Vậy bạn định làm gì trong ngày này?

b) Trò chơi *Đố bạn* (chọn 1 hoặc 2).

(1) Chọn quả bóng ghi *ch*, *tr* cho ô trống.



■ăm làm　　■ồng cây

mong ■ờ　　■ả lời

■anh luận　　■e nắng

Chép ba từ ngữ đã hoàn thành vào vở.

(2) Chọn quả bóng ghi *d*, *v* cho ô trống.



■ậy sớm　　■un xới

giao ■iệc　　■ót rác

■ạy học　　quét ■ọn

Chép ba từ ngữ đã hoàn thành vào vở.

Nghe – nói

a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Học trò của cô giáo chim khách



1 Chích choè, chim sẻ và tu hú làm gì trong giờ học làm tổ?



2 Học xong, chích choè làm được một chiếc tổ như thế nào?



3 Sẻ và tu hú làm gì sau buổi học?



4 Cô giáo nhận xét thế nào về ba bạn?

b) Kể một đoạn câu chuyện.

– *Cả lớp:* 1 – 2 HS lên sửa bài trước lớp. Từng HS viết từ ngữ viết đúng vào vở hoặc làm vào VBT.

HĐ4. Nghe – nói

a) Nghe kể chuyện *Học trò của cô giáo chim khách.*

– *Nhóm:* Xem tranh và đoán nội dung câu chuyện: Hỏi đáp về các bức tranh; Mỗi bức tranh vẽ gì? Đoán sự việc trong mỗi tranh; Đọc tên câu chuyện và đoán nội dung câu chuyện.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV kể câu chuyện (lần 1), kết hợp nhìn tranh.

+ Tập nói lời đối thoại của các nhân vật trong từng đoạn của câu chuyện theo hướng dẫn của GV.

+ Nghe GV kể (lần 2), tập kể theo / kể cùng GV; nghe câu hỏi của GV khi kể từng đoạn để trả lời câu hỏi.

b) Kể một đoạn câu chuyện *Học trò của cô giáo chim khách.*

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện (cả nhóm / cả lớp tập kể lại 1 đoạn của câu chuyện).

– *Nhóm:* Mỗi nhóm chỉ kể 1 đoạn của câu chuyện. Ở mỗi nhóm: từng HS chỉ vào tranh, nghe bạn đọc câu hỏi dưới tranh để kể chuyện theo tranh đó.

– *Cả lớp:* Thi kể một đoạn câu chuyện.

+ Mỗi nhóm cử một bạn kể đoạn nhóm đã kể.

+ Bình chọn nhóm kể hay nhất (kể đúng và đủ chi tiết).

Văn bản kể chuyện

Học trò của cô giáo chim khách

1. Chích choè, chim sẻ và tu hú được mẹ đưa đến nhà cô giáo chim khách để học cách làm tổ. Cô giáo chim khách dạy rất tỉ mỉ. Chích choè chăm chú lắng nghe cô hướng dẫn cách làm. Chim sẻ và tu hú vừa học vừa trêu chọc nhau, bay nhảy lung tung.

2. Sau buổi học, cô giáo chim khách dặn các học trò về nhà làm tổ trong 10 ngày. Ngay hôm sau, chích choè đi kiếm cành khô, cỏ khô về làm một chiếc tổ xinh xắn.

3. Chim sẻ ham chơi, gần hết 10 ngày mới vội vàng nhặt mấy cọng cỏ khô nhét vào ống tre đầu hồi nhà cho xong việc. Tu hú thì lười, không chịu làm gì.

4. Cô chim khách đến thăm tổ của tu hú, tu hú ấp úng nói:

– Thưa cô, làm tổ khó quá, con không làm được.

Và cuối cùng tu hú không biết làm tổ, toàn đi đẻ nhờ. Nhìn chiếc tổ sơ sài của chim sẻ, cô cũng không vui. Ngắm chiếc tổ vừa chắc, vừa đẹp của chích choè, cô chim khách vui hẳn lên:

– Chích choè giỏi lắm!

(*Theo* Nguyễn Tiến Chiêm)

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

Bài 23C Chuyện ở trường ở lớp

Mục tiêu

- Đọc đúng từ, câu thơ, đoạn thơ trong bài *Chuyện ở lớp*. Nhận xét các việc làm của các bạn nhỏ khi ở lớp.
- Tô chữ hoa G, H; viết từ có chữ hoa G, H.
- Biết hỏi – đáp về những hoạt động, việc làm của HS ở trường, lớp.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bảng phụ để GV hướng dẫn HS học thuộc lòng một đoạn thơ.
- 2 mẫu chữ hoa phóng to: G, H.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.
- *Tập viết 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện (Trao đổi theo cặp / nhóm: xem tranh gợi ý và nói tên những hoạt động của HS được vẽ trong tranh; có thể nói thêm các hoạt động khác).

– *Cặp/nhóm:* Thực hiện theo GV hướng dẫn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

Cả lớp:

– Nghe GV giới thiệu bài đọc nói về cuộc trò chuyện của một bạn HS với mẹ khi đi học về.

– Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ, dừng hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cá nhân:*

+ HS đọc một số từ ngữ dễ mắc lỗi phát âm: *ở lớp, sáng nay,...* (MB); *đứng dậy, bôi bẩn,...* (MN).

+ HS đọc một số từ mới và nghe giải nghĩa từ ngữ (nếu có).

+ HS đọc cá nhân, đồng thanh từng dòng thơ, có nghỉ hơi ở sau mỗi dòng thơ, dừng hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ.

– *Nhóm:* Mỗi HS đọc một khổ thơ, đọc tiếp nối đoạn cho đến hết bài.

– *Cả lớp*: HS thi đọc nối tiếp các khổ thơ giữa các nhóm, bình chọn nhóm đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Nghe – trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:* Nghe GV hoặc 1 HS đọc câu hỏi thứ nhất và trao đổi cách thực hiện (trao đổi theo cặp, hỏi – đáp theo các câu hỏi trong sách, dựa vào nội dung khổ 1 và 2 của bài thơ để trả lời).

– *Cặp:* 1 bạn nêu lần lượt từng câu hỏi, 1 bạn trả lời, sau đó đổi vai.

c) Thảo luận tìm câu trả lời.

– *Nhóm:* Từng em trong nhóm đưa ra ý kiến của mình (*Đoán xem mẹ bạn nhỏ muốn khuyên điều gì qua hai câu thơ cuối bài?*); cả nhóm thống nhất ý kiến để trình bày trước lớp.

DẠY HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

a) Đọc từng khổ thơ trong nhóm.

b) Bạn Hùng làm gì ở lớp? Việc làm đó là việc tốt hay xấu?

c) Đoán xem mẹ bạn nhỏ muốn khuyên bạn ấy điều gì qua hai câu thơ cuối bài.

3 Viết

a) Tô và viết.

– Tô chữ hoa: G, H.

– Viết: Hà Giang.



b) Viết một câu kể về việc em đã làm ở lớp.

4 Nghe – nói

Kể cho bạn nghe về một chuyện ở lớp (bạn được khen, bạn bị nhắc nhở,...).



– *Cả lớp:* Nhiều HS phát biểu. GV nhận xét.

– *Cá nhân:* Viết câu trả lời của mình hoặc câu trả lời đã thống nhất cả lớp vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tô và viết.

■ Tô chữ hoa G, H

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách tô chữ hoa (về chiều cao chữ, về các nét của chữ).

– *Cá nhân:* Tô chữ hoa G, H vào vở tập viết.

■ Viết từ

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn viết từ có chữ mở đầu là chữ hoa G, H: Chữ viết sau chữ hoa cần viết gần sát chữ hoa.

– *Cá nhân:* Viết từ *Hà Giang* vào vở tập viết.

b) Viết một câu kể về việc em đã làm ở lớp.

– *Cặp:* hỏi – đáp với bạn về việc mình đã làm ở lớp: em tập thể dục, em học môn Toán...

– *Cá nhân:* Viết câu trả lời của mình vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Kể cho bạn nghe về một chuyện ở lớp.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách làm (Kể về một chuyện ở lớp cho bạn nghe).

– *Cặp / nhóm:* Từng bạn kể theo yêu cầu.

– *Cá nhân:* Viết nhận xét về việc làm tốt (chuyện vui ở lớp: các bạn được khen) hoặc viết nhận xét về việc làm chưa tốt (chuyện buồn: các bạn bị nhắc nhở) vào vở.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

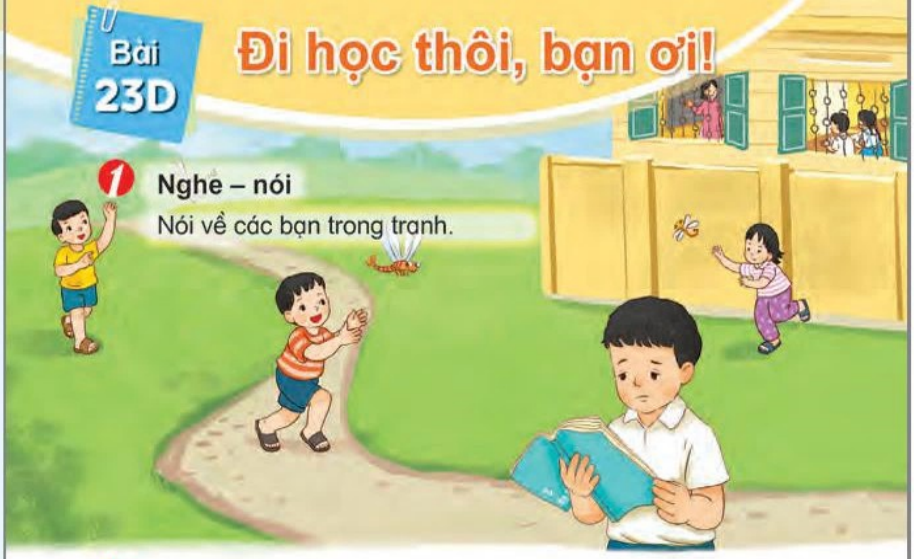
Bài 23D Đi học thôi, bạn ơi!

Mục tiêu

- Đọc mở rộng câu chuyện hoặc bài thơ về chủ điểm *Trường em* (nên là câu chuyện nói về ý thức học tập của HS).
- Nghe – viết một đoạn thơ. Viết đúng những từ chứa tiếng mở đầu *l/n* hoặc tiếng có *thanh hỏi/thanh ngã*.
- Nói được những hoạt động bổ ích ở trường.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 4 – 6 bộ phiếu học tập nhóm (HĐ3).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Bài 23D Đi học thôi, bạn ơi!

1 Nghe – nói

Nói về các bạn trong tranh.

2 Viết

a) Viết một hoặc hai câu về con đường em đến trường.

– Đường em đến trường xa hay gần?

– Em nhớ nhất điều gì về con đường đó?

b) Nghe – viết khổ 2 trong bài thơ *Chuyện ở lớp*.

c) Tìm tiếng ghép được với mỗi tiếng trong bảng (chọn 1 hoặc 2).

(1)

lắng	M: lắng nghe,...
nắng	M: nắng hè,...

Viết hai từ ngữ đã ghép vào vở.

(2)

vẻ	M: vẻ mặt,...
vẽ	M: vẽ tranh,...

Viết hai từ ngữ đã ghép vào vở.

49

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe đọc yêu cầu của HĐ1 và nghe GV hướng dẫn cách làm:

+ *Nhìn tranh, nói về các nhân vật và hành động của các nhân vật trong tranh.*

+ *Những hình ảnh trong tranh giúp em hiểu được điều gì nếu không được đi học?*

– *Nhóm:* HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Viết

a) Viết 1 – 2 câu về con đường em đến trường.

Cả lớp:

– Nghe GV nói đường đến trường là con đường thân thuộc nhất đối với HS. Em hãy viết 1 – 2 câu theo gợi ý trong SHS hoặc viết theo ý nghĩ của em.

– Viết ra nháp trước khi viết vào vở.

– Nghe nhận xét của GV.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

b) Nghe – viết khổ 2 trong bài *Chuyện ở lớp*.

– *Cả lớp*: Nghe GV đọc khổ thơ sẽ nghe – viết chính tả.

– *Cá nhân:*

+ Viết ra nháp các từ có chữ cái mở đầu viết hoa.

+ Viết đoạn văn vào vở theo lời GV đọc: nghe từng cụm từ, ghi nhớ để viết lại cho đúng.

+ Nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi.

+ Sửa lỗi của bài viết theo hướng dẫn của GV.

c) Làm bài tập chính tả: *Thi viết đúng, viết nhanh từ ngữ.*

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện theo nhóm: Mỗi bạn trong nhóm tìm một từ được ghép từ tiếng đã cho.

– *Nhóm:* Thực hiện yêu cầu theo hướng dẫn của GV.

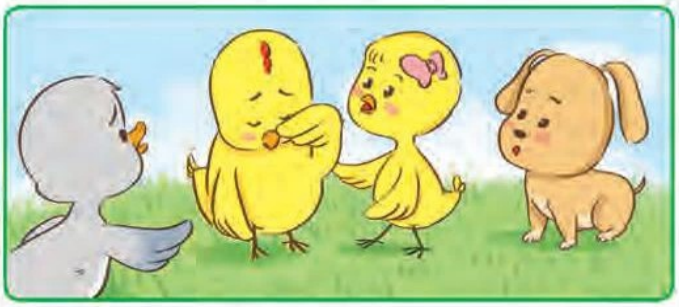
CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Đọc

a) – Tìm đọc một câu chuyện hoặc bài thơ về trường học.
– Chia sẻ với bạn về nhân vật hoặc những câu thơ em thích.

b) Gợi ý bài đọc mở rộng:

Gà con đi học



1. Gà mẹ gọi gà con dậy đi học. Gà con ngái ngủ:

– Con biết chữ rồi! O tròn như quả trứng gà!

Gà mẹ đi kiếm mồi. Gà con ngủ dậy, đi chơi lang thang.

2. Lớp gà con được đi cắm trại. Vịt xám chuyển giấy thông báo cho gà con. Gà con cầm tờ giấy, xoay ngược, xoay xuôi, chẳng hiểu gì.

3. Hôm cắm trại, cả lớp chờ mãi không thấy gà con đến. Các bạn ùa đi tìm. Thấy gà con đang khóc vì lạc đường, các bạn xúm lại hỏi:

– Sao cậu không đi cắm trại? Vịt xám đã đưa giấy thông báo cho cậu rồi mà!

4. Gà con giờ mới hiểu: hôm trước vịt xám đưa tờ thông báo đi cắm trại nhưng nó không đọc được.

(Theo *Chuyện kể mầm non*)

? Việc làm nào cho thấy gà con chưa biết đọc?

– *Cả lớp:* Nhóm nào tìm được nhiều từ nhất là nhóm thắng. GV xác nhận nhóm thắng cuộc. Từng HS viết các từ ngữ viết đúng vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3. Đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện nhiệm vụ.
+ Tìm đọc câu chuyện hoặc bài thơ nói về nhiệm vụ của HS ở trường, lớp, về việc học tập và tham gia các hoạt động của tổ, của lớp, của trường.
+ Nhiệm vụ sau khi đọc: Chia sẻ với bạn hoặc người thân về nội dung câu chuyện, bài thơ em đã đọc.

– *Cá nhân* (làm ngoài giờ học): Tìm sách đọc theo hướng dẫn của GV. (Có thể đọc bài gợi ý trong SHS). Nói với bạn hoặc người thân.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 24A Bạn trong nhà

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Nhận lỗi*. Kết hợp đọc chữ và xem tranh để hiểu nội dung câu chuyện, nhận xét được hành động, suy nghĩ của nhân vật trong câu chuyện và rút ra được bài học từ câu chuyện.
- Viết đúng những từ mở đầu bằng *r/d ; s/x*. Chép đúng một đoạn văn.
- Nói được một số điều về con vật nuôi trong nhà mình yêu thích.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Sưu tầm một số tranh ảnh sự vật có tên gọi chứa tiếng bắt đầu bằng *r/d ; s/x*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

1 **Nghe – nói**

Kể cho bạn nghe về một con vật nuôi trong nhà mà em yêu thích.



2 **Đọc**

Nhận lỗi



1. Nhà Minh Quân có chú mèo vàng rất ngoan. Cậu yêu nó lắm. Ngày chủ nhật, bố mẹ vắng nhà, Minh Quân và mèo vàng nô đùa thoả thích. Mải đùa nghịch, cậu gạt tay làm lọ hoa rơi xuống, vỡ tan tành.



2. Sợ bố mẹ mắng, nên khi bố mẹ vừa về đến nhà, Minh Quân đã vội nói:

– Bố ơi! Con mèo nghịch làm vỡ lọ hoa rồi.

Thế là bố phạt mèo vàng, xích nó lại và không cho nó ăn cá.

3. Tối đó, nghe tiếng mèo vàng kêu, Minh Quân không ngủ được. Cậu vùng dậy, chạy đến nói tất cả với bố, rồi xin bố tha lỗi và thả mèo vàng. Bố ôm Minh Quân vào lòng và khen:

– Con trai bố dũng cảm lắm!



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp:*

+ Quan sát tranh vẽ, nói tên các con vật được gọi là vật nuôi (được vẽ trong tranh).

+ Từng HS nói về những con vật được nuôi trong nhà mà mình yêu thích.

– *Cả lớp:* 1 – 2 HS nói trước lớp về vật nuôi mình yêu thích.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu bức tranh minh hoạ bài đọc và giới thiệu bài đọc là một câu chuyện về một bạn nhỏ và chú mèo của bạn ấy.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:*

+ 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai, VD: *la mắng, nô đùa,...* (MB); *ngày chủ nhật, thoả thích,...* (MN).

+ 2 – 3 HS đọc và ngắt hơi đúng ở các câu dài trong bài. VD: *Ngày chủ nhật, / bố mẹ vắng nhà / Minh Quân và mèo vàng/ nô đùa thoả thích.*

– *Nhóm:* Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp các đoạn đến hết bài.

– *Cả lớp:* 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn của bài. Nghe GV nhận xét.

Đọc hiểu

b) Nghe GV đặt câu hỏi: *Chuyện gì xảy ra khi Minh Quân và mèo vàng mải nô đùa?*

– *Cá nhân:*

+ Xem tranh, đọc thầm đoạn 1 để trả lời câu hỏi.

+ Một số HS trả lời. GV chốt câu trả lời đúng: *Minh Quân mải đùa nghịch với mèo vàng, cậu gạt tay làm lọ hoa rơi xuống, vỡ tan tành.*

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

a) Đọc từng đoạn câu chuyện trong nhóm.

b) Chuyện gì xảy ra khi Minh Quân và mèo vàng mải nô đùa?

c) Em học được đức tính gì ở bạn Minh Quân?

Viết

a) Chép đoạn văn sau:

Tối đó, nghe tiếng mèo vàng kêu, Minh Quân không ngủ được. Cậu vùng dậy, chạy đến nói tất cả với bố rồi xin bố tha lỗi và thả mèo vàng.



b) Thi tìm từ cho ô trống trong câu (chọn 1 hoặc 2).

(1) Từ bắt đầu bằng *r, d.*

– *Chậm như* ■.

– *Nắng tốt* ■ *mưa tốt lúa.*

Viết các từ tìm được vào vở.

(2) Từ bắt đầu bằng *s, x.*

– *Chậm như* ■.

– *Nhanh như* ■.

Viết các từ tìm được vào vở.

Nghe – nói

Đóng vai bạn Minh Quân nói lời xin lỗi bố.

c) Làm việc nhóm, lớp.

– 1 HS đọc câu hỏi: *Em học được đức tính gì ở bạn Minh Quân?*

– *Cặp:* Từng cặp HS nói ý kiến của mình. VD:
Em học được đức tính dũng cảm của Minh Quân.

– 2 – 3 HS nói ý kiến trước lớp. Nghe GV nhận xét.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tập chép đoạn văn.

– *Cả lớp:* Nghe GV hoặc 1 HS đọc cả đoạn văn cần viết.

– *Cá nhân:* Từng HS viết các từ có chữ cái đầu câu cần viết hoa ra nháp.

– *Cá nhân:* Từng HS chép đoạn văn vào vở theo HD: Đọc từng cụm từ, ghi nhớ cụm từ đó để chép vào vở.

Tối đó, / nghe tiếng mèo vàng kêu, / Minh Quân không ngủ được. / Cậu vùng dậy, / chạy đến nói tất cả với bố / rồi xin bố tha lỗi / và thả mèo vàng.

+ Từng HS nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi.

+ Từng HS sửa lỗi của bài viết theo HD của GV.

+ Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

b) Nhìn hình, tìm từ cho ô trống trong câu.

Phần (1)

– *Cả lớp:* Nghe GV nói về mục đích chơi và HD cách chơi: Chơi để luyện viết đúng từ có âm đầu viết bằng *r/d*. Gợi ý cách chơi: Lớp chia thành 4 – 6 đội (nhóm), từng nhóm làm bài tập ra giấy hoặc phiếu BT (nếu có). Khi có hiệu lệnh mới được cầm bút điền *r/d* vào thẻ. Đội nào hoàn thành nhanh và đúng là đội thắng cuộc.

– *Cả lớp:* Bình chọn đội thắng cuộc. HS ghi từ ngữ viết đúng vào VBT.

Phần (2): Cách thực hiện tương tự Phần (1).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Đóng vai bạn Minh Quân nói lời xin lỗi bố.

– *Nhóm:* Từng HS nói lời xin lỗi. Cả nhóm nhận xét.

– *Cả lớp:* Một vài em đóng vai nhân vật nói trước lớp.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 24B Những chuyến đi thú vị

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Lợi ích của việc đi bộ*; nhớ được các ích lợi của việc đi bộ.
- Nghe và viết đúng một đoạn văn ngắn. Viết đúng những từ có vần: *ươu / iêu; ao / au*.
- Nghe hiểu *Câu chuyện của măng non* và kể lại được một đoạn của câu chuyện. Biết hỏi – đáp về những HĐ đã tham gia, về câu chuyện đã nghe.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 1 bộ thẻ chữ và thẻ tranh minh hoạ cảnh bãi biển, vùng đồi núi, cảnh rừng; 4 thẻ chữ nêu 4 lợi ích của việc đi bộ.
- Bộ tranh khổ lớn minh hoạ *Câu chuyện của măng non* (hoặc phần mềm dạy kể chuyện có tranh minh hoạ câu chuyện như trong SHS).
- 4 – 6 bộ phiếu học tập làm bài tập chính tả.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp:* Quan sát tranh; từng HS nói về những hoạt động được trẻ em yêu thích trong những kì nghỉ. Nêu ích lợi của hoạt động mình yêu thích. Có thể nêu những hoạt động mình đã tham gia trong dịp hè.

– *Cả lớp:* 1 – 2 HS đại diện nhóm nói trước lớp về những điều đã trao đổi theo cặp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

Cả lớp:

– Nghe GV giới thiệu bài đọc (là một bài giới thiệu về ích lợi của việc đi bộ, có tranh minh hoạ cho từng ích lợi).

– Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi bước. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:*

+ 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai: *lợi ích, nghỉ lễ,...* (MB); *nhiều người, bãi biển,...* (MN).

+ 2 – 3 HS luyện đọc ngắt hơi ở câu dài. Cả lớp đọc đồng thanh ngắt hơi ở câu dài.

– *Nhóm:* HS đọc nối tiếp các ích lợi của việc đi bộ.

– *Cả lớp:*

+ Thi đọc nối tiếp các câu nêu ích lợi của việc đi bộ giữa 4 nhóm: mỗi nhóm cử 1 HS đọc câu nêu một ích lợi.

+ Nghe GV và các nhóm nhận xét lẫn nhau. Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) – *Cả lớp:* Nghe GV nêu yêu cầu b trao đổi và hướng dẫn HS.

– *Nhóm:*

+ Lần 1 (được nhìn sách): Lần lượt mỗi em nêu một ích lợi của việc đi bộ, cả nhóm nêu đủ 4 ích lợi.

+ Lần 2 (không nhìn sách): Cùng nhau nêu được đầy đủ 4 ích lợi của việc đi bộ.

– *Cả lớp:* 4 HS lần lượt nêu 4 ích lợi của việc đi bộ, GV ghi tóm tắt ích lợi của việc đi bộ lên bảng lớp theo lời phát biểu của từng HS.

c) Liên hệ bản thân.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách thực hiện (Mỗi bạn trong nhóm kể về chuyến đi bộ dài nhất của mình cùng người thân). HS có thể kể thời gian đi bộ là bao lâu, đi bộ ở đâu...

– *Cặp/ nhóm:* Lần lượt từng em chia sẻ ý kiến.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS kể trước lớp. Cả lớp nhận xét.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Nghe – viết đoạn văn.

– *Cá nhân:* 1 HS đọc đoạn cần viết. Từng HS viết các từ có chữ cái mở đầu viết hoa ra nháp (có thể viết chữ in hoa).

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc đoạn văn. Nghe GV đọc từng cụm từ và ghi nhớ, chép lại cụm từ đã ghi nhớ.

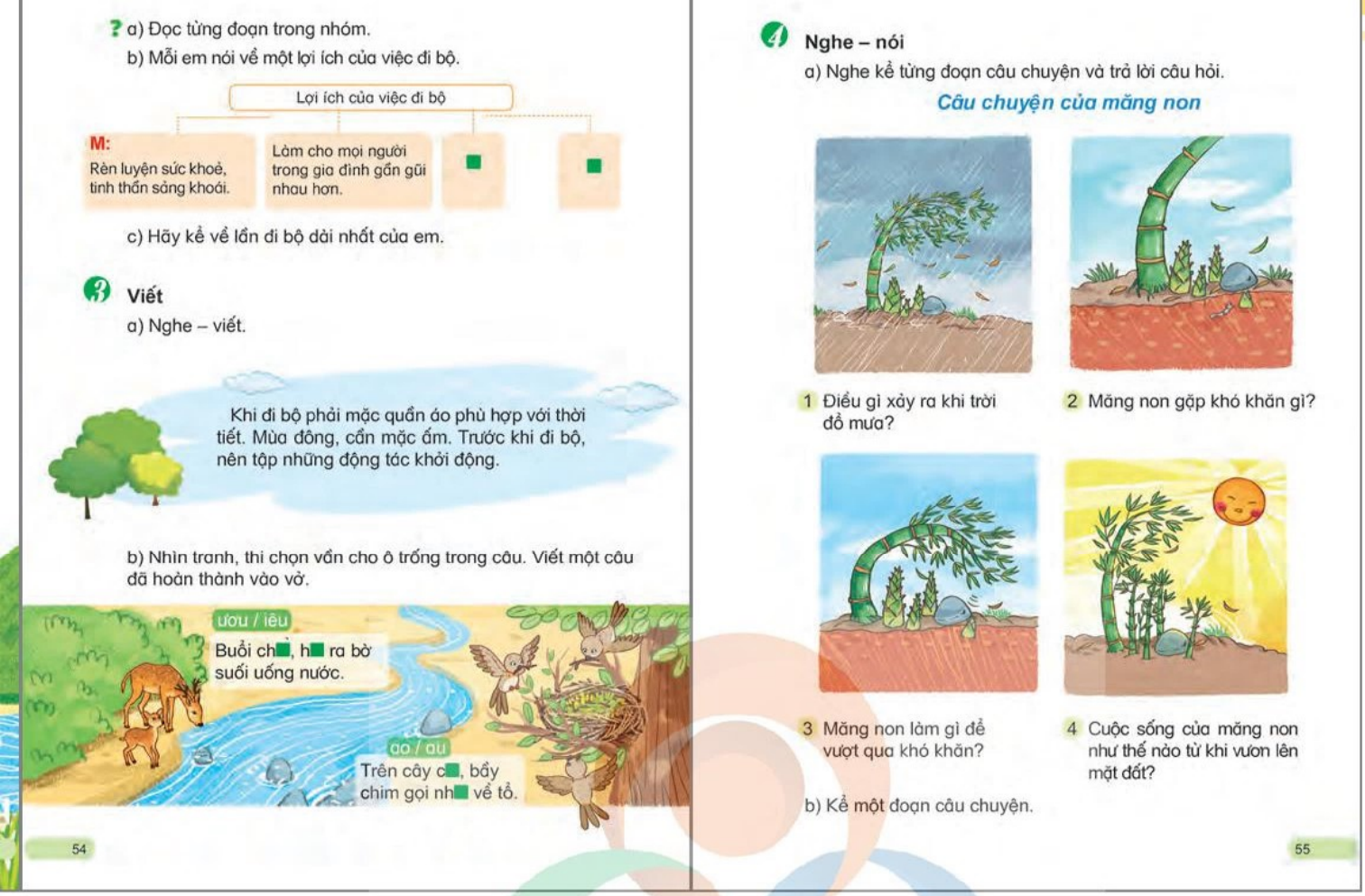
Khi đi bộ / phải mặc quần áo phù hợp / với thời tiết. / Mùa đông, / cần mặc ấm. / Trước khi đi bộ, / nên tập / những động tác khởi động.

+ Nghe GV đọc lại đoạn đã chép để soát lỗi.

+ Sửa lỗi của bài viết theo HD của GV.

+ Nghe GV nhận xét bài viết chính tả của một số bạn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC



? a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Mỗi em nói về một lợi ích của việc đi bộ.

Lợi ích của việc đi bộ

M: Rèn luyện sức khoẻ, tinh thần sảng khoái.

Làm cho mọi người trong gia đình gắn gũi nhau hơn.

c) Hãy kể về lần đi bộ dài nhất của em.

Viết

a) Nghe – viết.

Khi đi bộ phải mặc quần áo phù hợp với thời tiết. Mùa đông, cần mặc ấm. Trước khi đi bộ, nên tập những động tác khởi động.

b) Nhìn tranh, thi chọn vần cho ô trống trong câu. Viết một câu đã hoàn thành vào vở.

ươu / iêu

Buổi ch■, h■ ra bờ suối uống nước.

ao / au

Trên cây c■, bầy chim gọi nh■ về tổ.

54

Nghe – nói

a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Câu chuyện của măng non

1 Điều gì xảy ra khi trời đổ mưa?

2 Măng non gặp khó khăn gì?

3 Măng non làm gì để vượt qua khó khăn?

4 Cuộc sống của măng non như thế nào từ khi vươn lên mặt đất?

b) Kể một đoạn câu chuyện.

55

b) Chọn vần thích hợp cho ô trống trong câu.

Cả lớp:

– Từng HS làm bài cá nhân, sau đó đối chiếu theo cặp hoặc theo nhóm. (Nếu chuẩn bị được phiếu, HS làm bài cá nhân vào phiếu sau đó đối chiếu kết quả).

– 1 – 2 HS lên sửa bài trước lớp. Từng HS ghi chọn một câu đã hoàn thành viết vào vở.

HĐ4. Nghe – nói

a) Nghe kể *Câu chuyện của măng non*.

– *Nhóm:* Hỏi đáp về các bức tranh. / Mỗi bức tranh vẽ gì? / Đoán sự việc trong mỗi tranh. / Đọc tên câu chuyện và đoán nội dung câu chuyện.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV kể câu chuyện (lần 1), kết hợp nhìn tranh.

+ Tập nói lời đối thoại của các nhân vật trong từng đoạn của câu chuyện theo HD của GV.

+ Nghe GV kể (lần 2), tập kể theo/kể cùng GV; nghe câu hỏi của GV khi kể từng đoạn để trả lời câu hỏi.

b) Kể một đoạn *Câu chuyện của măng non*.

Cả lớp: Thi kể một đoạn câu chuyện.

– Mỗi nhóm cử một bạn kể đoạn nhóm đã kể.

– Bình chọn nhóm kể hay nhất (kể đúng và đủ chi tiết).

Văn bản kể chuyện

Câu chuyện của măng non

1. Tre mẹ sinh rất nhiều tre con. Khi tre con còn ngủ dưới đất, chúng được gọi là măng. Một ngày, nghe tiếng sấm ùng oàng, đám măng tỉnh giấc. Trời đổ mưa. Giọt mưa thấm xuống đất, đám măng non uống nước mưa thật no. Chúng cựa quậy, rồi nhô lên mặt đất.

2. Một chú măng non đang vươn lên mặt đất thì có cái gì đó đè nặng. Giun đất trườn qua, nói:

– Măng non ơi! Có một hòn đá to ở phía trên đầu bạn đấy!

– Thế à? Tớ biết làm sao bây giờ? – Măng non lo lắng hỏi.

– Bạn hãy tìm một lối khác để vươn lên. – Giun đất đáp:

3. Măng non lấy hết sức mình nhích lên phía trước, song càng nhích, nó càng mệt... Măng non bắt đầu thấy nản. Tre mẹ thấy vậy liền động viên:

– Con của mẹ! Hãy cố lên! Gặp khó khăn thì phải tìm cách vượt qua con ạ!

Măng non suy nghĩ và tìm ra được một cách. Nó men theo mạch nước mưa thấm xuống ra đến chỗ đất mềm. Măng non cố sức nhích lên: "A! Xuyên qua mặt đất rồi !"

4. Lên mặt đất, măng non hít không khí trong lành. Chim sẻ thấy vậy, reo lên: "Măng non ơi! Bạn giỏi quá!". Măng non rất vui và tự hào. Gặp ánh sáng mặt trời, anh chị em của măng non lớn lên rất nhanh. Chẳng bao lâu, măng non đã trở thành cây tre non đứng bên mẹ. Những cây tre nhỏ sẽ hợp thành một rừng tre mới.

(Sưu tầm)

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

Bài 24C Niềm vui tuổi thơ

Mục tiêu

- Đọc đúng từ, câu thơ, đoạn thơ trong bài *Bập bênh*. Nêu được những điều thú vị khi chơi bập bênh, đặc điểm của trò chơi bập bênh.
- Tô chữ hoa I, K; viết từ có chữ hoa I, K.
- Biết hỏi – đáp về những trò chơi trẻ em yêu thích.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 2 mẫu chữ hoa phóng to: I, K để dạy HS tô chữ hoa.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.
- *Tập viết 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách thực hiện (Trao đổi theo cặp/nhóm: Xem tranh gợi ý và nói tên những trò chơi được vẽ trong tranh; có thể nói tên trò chơi mình thích chơi nhất).

– *Cặp/ nhóm:* Thực hiện theo GV HD.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

Cả lớp:

– Nghe GV hỏi để trả lời câu hỏi (*Em đã chơi bập bênh bao giờ chưa?*); nghe GV giới thiệu bài đọc nói về trò chơi bập bênh.

– Nghe GV đọc cả bài (GV đọc rõ ràng, nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ, dừng hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ). HS đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cá nhân:*

+ HS đọc một số từ ngữ dễ mắc lỗi phát âm theo mẫu (GV chọn), VD: *lưng chừng, dềnh lên, bên này,...*(MB); *bập bênh, vẫy, trườn,...* (MN).

+ HS đọc một số từ mới và nghe giải nghĩa từ ngữ: *lưng chừng, lênh đênh.*

+ HS đọc cá nhân, đồng thanh từng dòng thơ có nghỉ hơi ở sau mỗi dòng thơ.

– *Nhóm:* Mỗi HS đọc một khổ thơ, đọc tiếp nối đoạn cho đến hết bài.

– *Cả lớp:* HS thi đọc nối tiếp các khổ thơ giữa các nhóm, bình chọn nhóm đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Nghe – trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:* Nghe GV hoặc 1 HS đọc câu hỏi, nhiều HS trả lời. (VD: Cái bập bênh được so sánh với cái thuyền và chiếc võng). GV có thể hỏi HS vì sao khi ngồi trên bập bênh và chơi bập bênh lại có cảm giác đang ngồi trên thuyền hoặc đang đu võng?

CHỦ ĐỘNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

a) Đọc từng khổ thơ trong nhóm.

b) Trong bài thơ, cái gì được so sánh với chiếc thuyền và chiếc võng?

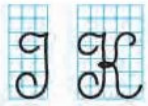
c) Em có thích chơi bập bênh không? Vì sao?

3 Viết

a) Tô và viết.

– Tô chữ hoa: I, K.

– Viết: I-rắc, Bắc Kinh.



b) Viết một câu về một trò chơi trong tranh.



4 Nghe – nói

Nói về một trò chơi em thích trong giờ ra chơi.

57

– *Cặp:* 1 HS nêu câu hỏi và 1 HS trả lời, sau đó đổi vai.

c) Hỏi – đáp: *Bạn có thích chơi bập bênh không? Vì sao?*

– *Cặp:* Từng em phát biểu suy nghĩ của mình.

– *Cả lớp:* Nhiều HS phát biểu. GV nhận xét.

– *Cá nhân:* Viết câu trả lời của mình vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tô và viết.

■ Tô chữ hoa I, K.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách tô chữ hoa (về chiều cao chữ, về các nét của chữ)

– *Cá nhân:* Tô chữ hoa I, K vào vở tập viết.

■ Viết từ

– *Cả lớp:* Nghe GV HD tô từ có chữ mở đầu là chữ hoa I, K: Chữ viết sau chữ hoa cần viết gần sát chữ hoa.

– *Cá nhân:* Viết từ: *I-rắc, Bắc Kinh* vào vở tập viết.

b) Viết một câu về một trò chơi trong tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn:

+ Nêu tên 3 trò chơi trong 3 tranh.

+ Em đã chơi hoặc thích trò chơi nào trong 3 trò chơi đó?

+ Viết câu về trò chơi em đã chơi hoặc thích chơi (VD: chơi kéo co rất vui).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Nói về một trò chơi em thích trong giờ ra chơi.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách làm (nói tên các trò chơi em thích, có thể nêu cách chơi...).

– *Cặp/nhóm:* Nói tên các trò chơi, cách chơi, cảm xúc khi chơi.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 24D Những bài học hay

Mục tiêu

- Đọc mở rộng câu chuyện hoặc bài thơ về chủ điểm *Em là búp măng non* (nên là câu chuyện giúp HS có được các kĩ năng sống, kĩ năng giao tiếp thân thiện).
- Nghe – viết một đoạn thơ. Viết đúng những từ chứa tiếng có vần *iêu / ươu; ao / au*.
- Hỏi – đáp và viết về những bài học mình thu nhận được từ cuộc sống hằng ngày.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 4 – 6 bộ thẻ tranh, phiếu học tập để HS học HĐ2c.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe đọc yêu cầu của HĐ 1 và nghe GV HD cách làm.

+ Nhìn tranh, nói về các nhân vật và hành động của các nhân vật trong tranh.

+ Những hình ảnh trong tranh giúp em hiểu được điều gì?

+ Kể về những điều mà ông bà, cha mẹ đã nhắc nhở em khi gặp gỡ, trò chuyện với người khác.

– *Nhóm:* HS thực hiện theo HD của GV.

(VD: Ông bà, cha mẹ em luôn nhắc nhở em phải chào hỏi lễ phép khi gặp người lớn; biết giúp đỡ người khác khi thấy họ gặp khó khăn,...)

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Viết

a) – *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn

– *Nhóm:*

+ Trả lời câu hỏi: Hai bạn nhỏ đi đâu? Trời hôm đó thế nào? Bạn gái nói gì với bạn trai?...

Bài 24D Những bài học hay

1 Nghe – nói

Kể những điều người thân đã nhắc nhở em khi gặp gỡ người khác.





2 Viết

a) Viết một hoặc hai câu về bức tranh.



b) Nghe – viết đoạn 2 trong bài *Bập bênh*.

c) Tìm đúng, tìm nhanh (chọn 1 hoặc 2).

(1) Tên vật, cây, con vật chứa vần *iêu*, *ươu* trong tranh.









Viết ba tên tìm được vào vở.

+ Em muốn viết điều gì về bức tranh.

– *Cá nhân:* Viết 1 – 2 câu theo ý của mình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

b) Nghe – viết đoạn 2 trong bài *Bập bênh*.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc đoạn thơ để nghe – viết chính tả.

– *Cá nhân:*

+ Viết ra nháp các từ có chữ cái mở đầu viết hoa.

+ Chép đoạn văn vào vở theo lời GV đọc: nghe từng cụm từ, ghi nhớ để chép lại cho đúng.

+ Nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi.

+ Sửa lỗi của bài viết theo HD của GV.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

c) Bài tập chính tả: *Thi tìm đúng, tìm nhanh?*

(1) – *Cả lớp:* Nghe GV nói về mục đích cuộc thi và HD cách thi: Thi để luyện viết đúng từ chứa tiếng có vần *iêu / ươu*. Cách thi: Theo nhóm, trong mỗi nhóm, từng HS nhận thẻ tranh,

(2) Các từ có vần *ao*, *au*.

Các từ có vần *ao* **M:** cao Các từ có vần *au* **M:** cau

Viết ba từ tìm được vào vở.

Đọc

a) – Tìm đọc một câu chuyện hoặc bài thơ nói về trẻ em.

– Chia sẻ với bạn hoặc người thân những điều em thích trong bài đọc.

b) Gợi ý bài đọc mở rộng:

Bài học đầu tiên của gấu con

1. Gấu mẹ dạy gấu con: "Làm sai điều gì, con phải xin lỗi. Được ai giúp đỡ, con phải cảm ơn".



2. Một hôm đang đi, gấu con va phải sóc, giỏ nấm của sóc văng ra. Gấu vội nhặt nấm bỏ vào giỏ và nói: "Cảm ơn sóc!".

Sóc ngạc nhiên: "Sao lại cảm ơn? Phải xin lỗi chứ!".

3. Lúc sau, mải nhìn khỉ leo trèo, gấu con ngã xuống hố.

– Cứu tôi với! – Gấu con kêu toáng lên.

Bác voi chạy đến, lấy vòi nhấc gấu con lên. Gấu con vội nói:

– Cháu xin lỗi bác!

– Sao cháu lại xin lỗi? Phải cảm ơn chứ!

Từ đó gấu con biết nói xin lỗi và cảm ơn đúng lúc.

(*Theo* Lê Bạch Tuyết)

? Vì sao sóc ngạc nhiên khi nghe gấu con cảm ơn?

sau đó viết tên sự vật trên thẻ tranh cho phù hợp. Nhóm nào viết đúng và viết nhanh nhất là nhóm thắng cuộc.

– *Nhóm:* Viết tên vật, cây, con vật vào thẻ tranh tại nhóm theo hiệu lệnh của GV.

– *Cả lớp:* GV xác nhận nhóm thắng cuộc. Từng HS ghi 3 từ ngữ tìm đúng vào vở.

(2) Cách tổ chức thực hiện tương tự như (1) (hoặc theo cách tổ chức sáng tạo của GV).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3. Đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ Tìm đọc một câu chuyện hoặc bài thơ nói về trẻ em.

+ Địa chỉ tìm sách: sách, truyện em có; sách ở tủ sách của lớp, thư viện của trường,...

+ Nhiệm vụ sau khi đọc: chia sẻ với bạn hoặc người thân điều em thích, điều em nhớ nhất trong bài đọc

– *Cá nhân* (làm ngoài giờ học): Tìm sách đọc theo hướng dẫn của GV. (HS có thể đọc bài gợi ý trong SHS). Nói với bạn về các nhân vật trong bài đọc.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

Bài 25A Những con vật đáng yêu

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Bồ câu và kiến vàng*; kết hợp đọc chữ và nhìn tranh, nhận biết được hai chi tiết quan trọng của câu chuyện (bồ câu cứu kiến vàng và kiến vàng cứu bồ câu) và ý nghĩa việc làm của bồ câu, kiến vàng.
- Viết đúng tiếng bắt đầu bằng *l / n* hoặc tiếng mang *thanh hỏi / thanh ngã*. Chép đúng đoạn 2 bài *Bồ câu và kiến vàng*.
- Biết kể về một số con vật.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 2 bộ tranh phóng to luyện chính tả mục a hoặc mục b, 2 bộ 8 thẻ chữ *l / n* hoặc thẻ *dấu hỏi / dấu ngã*.
- Vở bài tập có bài *Con quạ thông minh* hoặc một truyện đọc rộng về chủ điểm *Cuộc sống quanh em*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu yêu cầu: Từng cặp kể cho nhau nghe về các con vật đáng yêu mình biết (là con vật trong 4 bức tranh của HĐ1 hoặc con vật khác).

VD: *Đây là con chó. Nó rất đáng yêu. Nó biết ve vẫy đuôi mừng bạn nhỏ đi học về.*

– *Cặp:* Thay nhau kể theo mẫu.

– *Cả lớp:* Một vài cặp kể trước lớp; nghe GV nhận xét và dẫn dắt vào bài đọc.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu bài: Câu chuyện mà các em nghe cô (thầy) đọc sau đây kể về việc giúp nhau của bồ câu và kiến vàng. Câu chuyện gồm 4 đoạn, có tranh minh hoạ cho mỗi đoạn. Các em vừa nghe đọc, vừa nhìn tranh; chú ý cách đọc từng đoạn (chỗ ngắt hơi sau dấu phẩy, nghỉ hơi sau dấu chấm và ngừng lại sau mỗi đoạn).

Bài 25A Những con vật đáng yêu

1 Nghe – nói

Kể cho nhau nghe về những con vật đáng yêu.





2 Đọc

Bồ câu và kiến vàng



1. Kiến vàng ra bờ sông uống nước. Nước sông chảy xiết, kiến vàng trượt chân, bị nước cuốn trôi.



2. Bồ câu đậu trên cành cây vội gắp chiếc lá, thả xuống sông. Kiến vàng leo lên chiếc lá, thoát chết.



3. Ít ngày sau, một người đàn ông đến bên gốc cây, giương nỏ định bắn bồ câu.



4. Kiến vàng liền đốt vào chân người đàn ông. Đau quá, anh ta đánh rơi nỏ. Nghe tiếng động, bồ câu vụt bay đi.

(*Theo* Lép Tôn-xtôi)

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc chậm và đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *trượt chân, xuống sông,...* (MB); *kiến vàng, vụt bay, ...* (MN).

– *Nhóm:*

+ Đọc trơn; ngắt, nghỉ hơi đúng đoạn 4.
+ Đọc nối tiếp 4 đoạn trong nhóm (mỗi HS đọc một đoạn) đến hết bài, đọc tiếp các đoạn lần 2.
+ Đọc đồng thanh cả bài.

– *Cả lớp:*

+ Thi đọc nối tiếp các đoạn giữa 4 nhóm (Mỗi nhóm cử 1 bạn đọc một đoạn).
+ Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt.

Đọc hiểu

b) Trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu câu hỏi: *Sợ bồ câu trúng tên, kiến vàng đã làm gì?*

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

? a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Sợ bồ câu trúng tên, kiến vàng đã làm gì?

c) Em thích bồ câu hay kiến vàng? Vì sao?

3 Viết

a) Chép đoạn 2 trong bài *Bồ câu và kiến vàng*.

b) Chọn (1) hoặc (2).

(1) Chọn *l*, *n* cho ô trống.


cái ■ược


cốc ■ước


mặt ■ạ


chiếc ■á

Chép ba từ ngữ đã hoàn thành vào vở.

(2) Chọn *dấu hỏi*, *dấu ngã* cho chữ in đậm.


hộp **sưa**


sưa xe



quang cáo


quang đường

Chép ba từ ngữ đã hoàn thành vào vở.

4 Nghe – nói

Nói một câu về tình bạn của bồ câu và kiến vàng.

61

– *Cá nhân:*

+ Đọc thầm đoạn 3, đoạn 4 và tìm câu trả lời đúng câu hỏi.

+ Một vài HS trả lời. GV chốt câu trả lời đúng: *Sợ bồ câu trúng tên, kiến vàng đốt chân người đàn ông khiến anh ta bị đau, gây tiếng động để bồ câu biết và bay đi.*

c) Nêu ý kiến cá nhân.

– *Nhóm:*

+ Nghe GV nêu yêu cầu, cả nhóm trao đổi: *Ai thích bạn bồ câu, ai thích bạn kiến vàng và giải thích vì sao thích bạn đó.*

+ Từng cá nhân nêu ý kiến (VD: *Tôi thích bạn bồ câu vì bạn ấy đã nhanh trí cứu nguy cho kiến vàng; Tôi thích bạn kiến vàng vì bạn ấy đã nghĩ được cách gây tiếng động để bồ câu bay đi*).

– *Cá nhân:* Viết câu trả lời vào VBT.

– *Cả lớp*:

+ Nhóm trưởng trình bày ý kiến của các bạn trong nhóm.

+ GV nhận xét các nhóm và kết luận: *Trong câu chuyện, bồ câu và kiến vàng đều đáng yêu vì biết giúp bạn, biết làm việc tốt.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Chép đoạn 2 trong bài *Bồ câu và kiến vàng*.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc đoạn văn.

+ Từng HS viết các chữ có chữ cái viết hoa vào giấy (vở) nháp: *Bồ câu, kiến vàng, Thấy*.

– *Cá nhân:*

+ Từng HS chép đoạn văn vào vở theo HD: Đọc từng cụm từ và ghi nhớ, chép lại cụm từ đã ghi nhớ; chú ý đến dấu chấm câu.

Bồ câu / đậu trên cành cây / vội gắp chiếc lá, / thả xuống sông. / Kiến vàng / leo lên chiếc lá / thoát chết.

+ Từng HS nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi, sửa lỗi.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số HS và nêu những lỗi mà nhiều HS mắc phải.

b) Luyện tập chính tả.

– Chọn HĐ (1) hoặc HĐ (2):

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu mục đích và HD cách thi: Thi để nói và viết đúng *l* / *n* hoặc dấu hỏi / dấu ngã. Cách thi: Lập 2 đội, mỗi đội 4 người, nhận 4 thẻ *l* / *n* hoặc 4 dấu hỏi / dấu ngã; đội nào đặt thẻ đúng và nhanh là đội thắng.

– *Nhóm:* Nhận thẻ, nghe hiệu lệnh, thực hiện thi.

– *Cả lớp:*

+ Chọn đội thắng cuộc.

+ Đọc lại các từ ngữ đã đặt thẻ.

– *Cá nhân:* Làm BT trong VBT.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Nói một câu về tình bạn của bồ câu và kiến vàng.

– *Nhóm:* Từng em nêu ý kiến của mình và cử 1 bạn nói trước lớp.

– *Cả lớp:* Nghe đại diện các nhóm. GV nhận xét các ý kiến.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 25B Những bông hoa thơm

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Mùi thơm của hoa toả ra từ đâu?*; kết hợp đọc chữ và nhìn tranh; biết được mùi thơm của phần lớn các loài hoa toả ra từ đâu và cách ngửi hoa thế nào cho đúng.
- Viết đúng tiếng có âm đầu *c / k*. Chép đúng đoạn 3 bài *Mùi thơm của hoa toả ra từ đâu?*.
- Nghe hiểu câu chuyện *Bộ lông rực rỡ của chim thiên đường* và kể lại được một đoạn câu chuyện.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 2 bộ thẻ, mỗi bộ gồm 8 thẻ chữ chứa tiếng có âm đầu là *c / k*.
- 4 tranh phóng to.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nhìn GV treo tranh HĐ1, nghe GV nêu yêu cầu: *Ở mỗi bức tranh cô (thầy) treo trên bảng, các em đều nhìn thấy một bông hoa. Ai biết tên các bông hoa này, hãy nói cho cô (thầy) và các bạn biết.*
– *Cá nhân:* 4 HS chỉ tranh và nói tên từng bông hoa.
– *Cả lớp:*
+ Trả lời câu hỏi của GV: *Hoa hồng có thơm không? Hoa sen có thơm không? Hoa huệ có thơm không? Hoa bưởi có thơm không?*
+ Nghe GV nhận xét và hỏi tiếp: *Các em có biết mùi thơm của những bông hoa đó toả ra từ đâu không?* (Một vài HS trả lời.) *Muốn biết chính xác, hãy tìm hiểu bài đọc hôm nay.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:*
+ Nghe GV giới thiệu bài: *Bài mà cô (thầy) đọc cho các em nghe sau đây là một văn bản thông tin gồm 3 đoạn. Thông tin chính của bài thể hiện ở đoạn 2 và đoạn 3.*
+ Nghe GV đọc bài; HS chú ý cách đọc từng đoạn.
– *Cá nhân:* Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.
– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *toả ra, trong nhuỵ hoa,…* (MB); *nhiều loài hoa, nhuỵ hoa,…* (MN).
– *Cặp:*
+ Đọc trơn; ngắt, nghỉ hơi đúng đoạn 2.
+ Đọc nối tiếp 3 đoạn trong cặp đến hết bài, đọc nối tiếp lần 2.
– *Cả lớp:*
+ Thi đọc nối tiếp các đoạn của một số cặp.
+ Bình chọn cặp đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Trả lời câu hỏi.
– *Cả lớp*: Nghe 1 HS đọc câu hỏi thứ nhất và GV nêu yêu cầu: Các cặp trao đổi để chọn câu trả lời đúng.
– *Cặp:* Các cặp làm việc chọn câu trả lời đúng. Một vài cặp nêu câu trả lời (câu 2).
– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét câu trả lời đúng và yêu cầu các cặp trả lời câu hỏi thứ hai theo gợi ý của GV.
– *Cặp:* Hỏi – đáp: 1 em hỏi, 1 em trả lời.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Nghe – viết đoạn 3 bài *Mùi thơm của hoa toả ra từ đâu?*.
– *Cả lớp*:
+ Nghe GV đọc đoạn 3 bài *Mùi thơm của hoa toả ra từ đâu?* và nghe GV nhắc những lỗi HS thường mắc.
+ Đọc đoạn văn theo từng cụm từ.
– *Cá nhân:*
+ Từng HS nghe GV đọc đoạn văn và viết vào vở.
+ Từng HS nghe GV đọc lại để soát lỗi, sửa lỗi.
– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số HS và nêu các lỗi nhiều HS mắc phải.

b) Chọn từ ngữ viết đúng.
– *Cả lớp:* Nghe GV nêu mục đích thi: Tìm được những chữ viết đúng âm đầu *c / k*, ghi nhớ để viết đúng. Cách thi:
+ Lập 2 nhóm, mỗi nhóm 4 HS; mỗi HS nhận 1 thẻ chữ.
+ Nhìn GV đính thẻ tranh và nghe GV đọc các từ ngữ phù hợp với mỗi thẻ (GV đặt "nhà" ở 2 bên mỗi dãy thẻ tranh để HS 2 nhóm đặt thẻ chữ).

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG

a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Phần lớn các loài hoa có mùi thơm toả ra từ đâu?

1 Từ cánh hoa

2 Từ nhuỵ hoa

3 Từ phấn hoa

c) Ngửi hoa thế nào thì đúng cách?

Viết

a) Nghe – viết đoạn 3 của bài *Mùi thơm của hoa toả ra từ đâu?*.

b) Chọn từ ngữ viết đúng.

c k



cánh cổng



xâu kim



thổi cèn



cầm cờ

Chép từ ngữ tìm được vào vở.

63

Nghe – nói

a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Bộ lông rực rỡ của chim thiên đường





1 Thiên đường trao cho ai chiếc lá sồi đỏ?

2 Thiên đường cho ai cành hoa lau?





3 Thiên đường làm những gì giúp chim mai hoa?

4 Bầy chim đã làm gì giúp thiên đường khi mùa đông về?

b) Kể một đoạn câu chuyện.

64

+ Nghe GV phát lệnh:
  • Vào nhà viết đúng c. • Vào nhà viết đúng *k*.

– *Nhóm:* HS tham gia chơi.

– *Cả lớp:*
+ Nhận xét nhóm thắng cuộc.
+ Đọc các thẻ chữ theo nhà.
+ Đính đúng thẻ chữ dưới tranh (đại diện một nhóm đính thẻ chữ viết đúng *c*, đại diện một nhóm đính thẻ chữ viết đúng *k*).
+ Nhận xét thẻ chữ viết sai, sửa lại cho đúng.

HĐ4. Nghe – nói

a) Nghe kể chuyện *Bộ lông rực rỡ của chim thiên đường.*

– *Cả lớp:*
+ Nhìn tranh, nghe GV kể chuyện theo từng tranh:

1. Sắp sang đông, chim thiên đường muốn lót lại tổ. Nó bay đi rất xa và tìm được chiếc lá sồi đỏ thắm. Trên đường về, khi bay qua tổ sáo đen, sáo đen thấy lá sồi đẹp, ngỏ lời xin. Thiên đường vui vẻ tặng chiếc lá cho sáo đen.

2. Thiên đường bay tiếp. Nó kiếm được một cành hoa lau. Khi bay qua tổ gõ kiến, nghe tiếng gọi rối rít, thiên đường đậu lại. Thấy gõ kiến thích cành hoa lau, thiên đường không nỡ mang về.

3. Bay thêm nhiều chặng đường, thiên đường mới tìm được một cụm cỏ mật khô, vàng rượi. Về qua tổ chim mai hoa, thấy tổ trống tuềnh toàng, mà mai hoa thì đang ốm, thiên đường mủi lòng. Nó gài cụm cỏ vào tổ che gió cho bạn. Nhưng mai hoa vẫn rét run. Thiên đường lấy mỏ rứt từng túm lông trên ngực, lót thêm tổ cho mai hoa.

4. Mùa đông đến, thiên đường loay hoay sửa tổ. Nhưng khi thiên đường che kín được chỗ này thì lại hở chỗ kia. Bộ lông của nó xù lên, trông thật tội nghiệp. Chèo bẻo bay qua thấy thế, vội báo cho sáo sậu, gõ kiến, mai hoa, bói cá và các bạn chim khác đến sửa tổ cho thiên đường. Chèo bẻo còn cùng các bạn rứt một chiếc lông đẹp nhất của mình, góp lại và kết thành một chiếc áo nhiều màu sắc rực rỡ tặng chim thiên đường.

(*Theo* Trần Hoài Dương)

+ Nhìn tranh, nghe kể nối tiếp từng đoạn theo tranh và nghe câu hỏi ở mỗi đoạn; một vài HS trả lời mỗi câu hỏi; GV nhắc lại câu trả lời.

b) Kể một đoạn câu chuyện.

– *Cả lớp:* Nghe GV kể lại vắn tắt 3 đoạn đầu và yêu cầu làm việc nhóm – tập kể đoạn 4 của câu chuyện; sau đó thi kể giữa các nhóm.

– *Nhóm:*
+ Cùng trao đổi lời kể đoạn 4.
+ Một số bạn kể trong nhóm theo lời kể đã chọn.
+ Cử đại diện thi kể.

– *Cả lớp:*
+ Thi kể giữa đại diện các nhóm.
+ Bình chọn nhóm kể hay nhất.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

Bài 25C Giúp ích cho đời

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ ngữ, dòng thơ và khổ thơ của bài *Hạt mưa*; kết hợp đọc chữ và nhìn tranh, hiểu được ích lợi của hạt mưa và biết quý nguồn nước ngọt do mưa đem lại.
- Tô chữ hoa L, M; viết được 1 – 2 câu về ích lợi của mưa.
- Nghe – nói theo chủ điểm *Cuộc sống quanh em*: Biết hỏi – đáp về nội dung tranh, thể hiện được ý thức bảo vệ môi trường và tình yêu đối với các con vật.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 4 thẻ chữ: *uống, cày, cơm, cá*.
- Bảng phụ thể hiện chữ viết hoa (chữ nét mờ):
  + L, M
  + Mê Linh
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.
- *Tập viết 1*, tập hai.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS nhìn tranh HĐ1, nghe GV gợi ý: *Các em thấy gì ở mỗi bức tranh?*
– *Cặp:* Thay nhau hỏi – đáp theo nội dung tranh.
– *Cả lớp:*
  + Một vài cặp hỏi – đáp.
  + Nghe GV nhận xét về nội dung hỏi – đáp của các cặp và kết nối nội dung hỏi – đáp về bức tranh với bài đọc.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp: Cô (thầy) sẽ đọc cho các em nghe bài đồng dao Hạt mưa. Bài này gồm 2 khổ, có tranh minh hoạ* (GV vừa nói vừa đính tranh phóng to và chữ phóng to lên bảng). *Các em vừa nghe đọc, vừa nhìn tranh, chú ý cách đọc mỗi dòng thơ (cuối mỗi dòng ngắt hơi) và mỗi khổ thơ (cuối mỗi khổ thơ nghỉ và dừng hơi).*
– *Cá nhân:* Nghe GV đọc và đọc thầm theo GV.

Bài 25C Giúp ích cho đời

1 Nghe – nói

Nhìn tranh, nói về những nơi có nước.





2 Đọc

Hạt mưa

1. Tôi ở trên trời
Tôi rơi xuống đất
Tưởng rằng tôi mất
Chẳng hoá tôi không.

2. Tôi chảy ra sông
Nuôi loài tôm cá
Qua các làng xã
Theo máng theo mương
Cho người trồng trọt
Thóc vàng đầy cót
Cơm trắng đầy nồi
Vậy chớ khinh tôi
Hạt mưa hạt móc.

(Theo *Thơ ca bình dân*)

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.
– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *trên trời, tưởng rằng,...* (MB); *chảy ra, muôn loài,...* (MN).
– *Nhóm:*
  + Đọc nối tiếp 2 khổ thơ trong nhóm đến hết bài; đọc nối tiếp lần 2, lần 3.
  + Đọc đồng thanh cả nhóm.
– *Cả lớp:*
  + Thi đọc nối tiếp 2 khổ thơ đoạn giữa 2 nhóm (mỗi nhóm cử 1 bạn).
  + Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Thực hiện theo yêu cầu.
– *Cả lớp:*
  + Nghe GV nêu yêu cầu thực hiện việc kể tiếp sức – câu hỏi thứ nhất: Hãy đóng vai *hạt mưa* để kể về mình. Muốn vậy, trước hết chúng ta phải tìm được các từ ngữ trong bài để điền vào chỗ trống.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

a) Đọc từng đoạn thơ trong nhóm.

b) Tìm từ ngữ cho ô trống để hoàn thành câu.

1 Tôi là hạt mưa, tôi từ trên ■ tôi rơi xuống ■.

2 Tôi theo ■ đem nước cho người ■.

3 Tôi giúp cho người có ■ đầy cót, ■ đầy nồi.

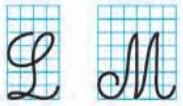
c) Bài thơ nói về lợi ích gì của hạt mưa?

3 Viết

a) Tô và viết.

– Tô chữ hoa: L, M.

– Viết: Mê Linh.



b) Viết một hoặc hai câu về việc làm của các bạn trong tranh.





4 Nghe – nói

Nhìn tranh, nói tiếp câu để hoàn thành bài đồng dao.



Lạy trời mưa xuống



Lấy nước tôi ...



Lấy ruộng tôi ...



Lấy bát ... đầy



Lấy khúc ... to

66

+ Một số HS tìm từ ngữ phù hợp:

1. .... trời ... đất
2. ... mương máng ... trồng trọt
3. ... thóc ... cơm ...

– *Nhóm*: Từng HS kể nối tiếp 3 câu (mỗi HS kể 1 câu).

c) Trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:*

+ Một số nhóm kể trước lớp.

+ Nghe GV nhận xét các nhóm và nêu cách thực hiện yêu cầu. Thảo luận, trả lời câu hỏi: *Bài thơ nói về lợi ích gì của hạt mưa?*

+ Các nhóm thảo luận.

+ Một vài nhóm nêu kết quả thảo luận.

+ Nghe GV kết luận: *Trong bài đồng dao này, qua việc hạt mưa tự kể về mình, chúng ta thấy điều được nói đến là ích lợi của hạt mưa. Nhờ có mưa, con người mới có nguồn nước ngọt để sinh sống.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tô và viết.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD tô chữ hoa L, M:

– *Cá nhân:*

+ Tô chữ hoa L, M trong vở tập viết.

+ Viết từ: Mê Linh.

b) Viết 1 – 2 câu về việc làm của các bạn trong tranh.

– Cả lớp: Nghe GV giao nhiệm vụ: *Các cặp quan sát tranh, thay nhau hỏi – đáp về việc làm của các bạn trong tranh.* (VD: *Các bạn nhỏ đang làm gì ở sân trường? Ai đang tưới hoa? Bạn nam đang làm gì?*...)

– *Cặp:* Hỏi – đáp theo gợi ý của GV.

– *Cá nhân:*

+ Viết 1 – 2 câu vào vở.

+ Nghe GV hỏi: Những việc làm nào của các bạn trong tranh thể hiện các bạn rất quan tâm đến môi trường sống của mình? (biết làm cho môi trường sạch, đẹp; biết gắn bó yêu thương các con vật).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Nhìn tranh, nói tiếp câu để hoàn thành bài đồng dao.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách tìm các từ ngữ để điền vào chỗ trống; quan sát kĩ từng bức tranh để chọn từ ngữ phù hợp. VD: *Ở bức tranh thứ hai, các em thấy người đàn ông đang uống nước, vậy từ cần điền phù hợp là từ uống phải không? Các em hãy làm việc nhóm tìm tiếp các từ ngữ để hoàn thành các dòng còn lại của bài đồng dao này.*

– *Nhóm:*

+ Thi tìm nhanh các từ ngữ cần điền. Nhóm nào tìm xong trước, hô xong.

+ Nhóm xong trước nêu kết quả, lên đính từ ngữ phù hợp dưới mỗi tranh tiếp theo: *cày, cơm đầy, cá to.*

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nhận xét nhóm thắng cuộc.

+ Cùng đọc bài đồng dao:

Lạy trời mưa xuống
Lấy nước tôi uống
Lấy ruộng tôi cày
Lấy bát cơm đầy
Lấy khúc cá to.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 25D Những con vật thông minh

Mục tiêu

- HS đọc mở rộng một câu chuyện hoặc bài thơ về chủ điểm *Cuộc sống quanh em*.
- Chép đoạn văn *Cá heo*. Viết đúng các tiếng có âm đầu *c / k*.
- Viết được câu nói về nội dung tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1.
- Tranh và chữ phóng to HĐ2c, 3 thẻ chữ c và 3 thẻ chữ k.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

Bài 25D Những con vật thông minh

1 **Nghe – nói**

Em biết những gì về loài cá heo?



2 **Viết**

a) Viết một câu về việc làm của con quạ trong mỗi bức tranh.



b) Chép đoạn văn sau:

Cá heo

Cá heo sinh con và nuôi con bằng sữa. Nó khôn hơn cả chó, khỉ. Có thể dạy nó canh gác bờ biển, dẫn tàu thuyền vào ra các cảng, săn lùng tàu thuyền giặc.

(*Theo* Lê Quang Long)

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nhìn GV treo tranh, nghe GV hỏi: *Ở lớp ta, em nào đã nhìn thấy cá heo? Em nào có thể kể một vài điều mình biết về cá heo cho cả lớp nghe?*

– *Cá nhân:* Một vài HS trả lời.

– *Cả lớp:* GV kể thêm: *Cá heo là loài cá bơi rất nhanh. Nó rất thông minh. Nó có thể học tiếng nói của con người, có thể thực hiện một số động tác phức tạp (cá heo diễn xiếc). Một chú cá heo ở Biển Đen đã cứu sống một phi công và được thưởng huân chương.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Viết

a) Viết một câu về việc làm của con quạ trong mỗi bức tranh.

– *Cả lớp:*

+ Nhìn GV treo 2 bức tranh phóng to của HĐ2a trên bảng, nghe GV giải thích: Hai bức tranh thể hiện nội dung một câu chuyện nói về những con vật thông minh mà ở đây là con quạ. Con quạ này khát nước. Nó đi tìm nước, và chỉ tìm được một chiếc lọ cổ cao có ít nước. Nó liền nghĩ ra cách nhặt sỏi cho vào lọ, để nước dâng cao. Thế là quạ đã có thể tha hồ uống.

+ Nghe GV nêu yêu cầu làm việc nhóm: Thi viết lời (ngắn gọn) cho 2 bức tranh thể hiện câu chuyện vừa nghe GV kể vắn tắt.

– *Nhóm:*

+ Trao đổi, viết lời cho mỗi bức tranh (VD: Gắp sỏi cho vào lọ là sáng kiến của quạ; có nước uống là phần thưởng cho sáng kiến của quạ; quạ tìm ra cách để nước dâng cao; quạ đã tự giải khát cho mình,...).

+ Cử đại diện nói tên đặt cho mỗi bức tranh.

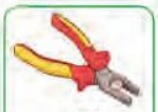
– *Cả lớp:*

+ Nghe các nhóm nêu kết quả.

+ Bình chọn nhóm đặt tên tranh hay nhất.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c) Thi tiếp sức: Đặt đúng *c*, *k* vào chỗ trống trong thẻ.


cái ■im


cái ■ặp


quả ■am


chơi ■éo co

Viết ba từ ngữ đã hoàn thành vào vở.

Đọc

a) – Tìm đọc một bài nói về loài vật.

– Chia sẻ với bạn hoặc người thân điều em thấy thú vị trong bài.

b) Gợi ý bài đọc mở rộng:

Quạ có thông minh hay không?



1. Loài quạ mỏ nhỏ biết cách ăn cả những quả có vỏ cứng. Chúng bay lên cao thả quả xuống. Gặp đá, đất cứng, vỏ sẽ vỡ, ruột quả lộ ra.

2. Những quả hạnh đào rụng bên đường, được ô tô nghiền vỡ cũng là món ăn cho quạ.

3. Dần dần, có những con quạ bắt chước cách này. Khi ô tô dừng trước đèn đỏ, mỗi con quạ nhả từ trong miệng ra một quả hạnh đào, thả trước bánh xe. Ô tô đi, các quả hạnh đào vỡ tan.

(Theo *Mười vạn câu hỏi vì sao*)

? Kể một việc làm của loài quạ trong bài mà em thích.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

b) Chép đoạn văn.

– *Cả lớp:* Nghe đọc đoạn văn *Cá heo*.

– *Cá nhân:*

+ Từng HS chép vào vở theo lời đọc của GV; nghe, chép từng cụm từ.

+ Từng HS nghe GV đọc lại đoạn văn để rà soát lỗi.

+ Từng HS sửa lỗi theo HD của GV.

– *Cả lớp:*

+ HS rà soát lỗi theo cặp.

– Nghe GV nhận xét bài viết của một số HS và nêu các lỗi nhiều HS mắc phải.

c) Thi tiếp sức: Đặt đúng *c* hoặc *k* vào chỗ trống trong thẻ.

– *Cả lớp:*

+ Nhìn GV đính tranh và chữ phóng to của HĐ2c trên bảng.

+ Nghe GV giải thích cách thi tiếp sức: Lập 2 đội thi, mỗi đội 2 HS; nhận các thẻ chữ *c*, *k*. Sau khi nghe hiệu lệnh bắt đầu, cá nhân của mỗi đội lên đặt (đính) thẻ vào chỗ trống phù hợp; đặt xong, về nhanh vị trí đứng của đội, người thứ hai tiếp tục…

+ Hai đội thi, đội nào đặt (đính) thẻ chữ *c*, *k* nhanh và đúng là đội thắng cuộc.

+ HS đọc các từ ngữ đã đặt (điền) âm đầu *c*, *k*.

+ Nghe GV nhắc nhở cách viết *c*, *k*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3. Đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn nhiệm vụ.

+ Tìm đọc đoạn, bài nói về những con vật có ở nước ta hoặc ở nước ngoài (em biết nhờ đọc sách, truyện).

+ Chia sẻ với bạn bè, người thân về đoạn, bài thơ đã đọc.

– *Cá nhân:*

+ Tìm sách, truyện theo hướng dẫn của GV.

+ Ghi chép lại điều em thấy hay trong đoạn văn bản đọc được.

+ Có thể đọc bài *Quạ có thông minh hay không?* trong SHS và nói điều em thích trong bài.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 26A Con không còn bé nữa

Mục tiêu

- Đọc đúng, đọc trơn câu, đoạn trong bài *Sẻ con đáng yêu*; kết hợp đọc chữ và nhìn tranh, nhận biết được những chi tiết quan trọng của câu chuyện (sẻ con tự kiếm rơm về lót tổ và dang đôi cánh bé nhỏ ủ ấm cho bố mẹ); hiểu được vì sao sẻ con được sẻ mẹ khen.
- Viết đúng từ có tiếng bắt đầu là *g / gh*. Chép đúng đoạn 4 bài *Sẻ con đáng yêu*. Viết tiếp được câu nói về bản thân khi khôn lớn.
- Kể được việc đã làm.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Hai bộ tranh và chữ phóng to; 6 thẻ chữ *g* và 6 thẻ chữ *gh*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV HD: *Các em hãy quan sát tranh và đọc những câu gợi ý để kể cho bạn nghe về những việc đã làm được bố mẹ, người thân khen.*
M: *Ở nhà, bố thường khen tôi biết giúp mẹ nấu cơm, biết nhường đồ chơi cho em, biết gấp quần áo, biết sắp xếp bàn học gọn gàng…*
– *Cặp:* Thay nhau kể việc mình làm được người thân khen.
– *Cả lớp:*
+ Một số HS kể trước lớp.
+ Nghe GV nhận xét; khen một số cá nhân và khen cả lớp đã làm được nhiều việc của một người con ngoan.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:*
+ Nghe GV giới thiệu bài: *Câu chuyện mà các em sẽ nghe sau đây kể về một người con ngoan – chú sẻ con. Các em vừa nhìn tranh vừa nghe đọc, chú ý chỗ ngắt, nghỉ.*
+ Nghe GV đọc chậm.

Bài 26A Con không còn bé nữa

CHỦ ĐIỂM GIA ĐÌNH EM

1 **Nghe – nói**

Kể cho bạn nghe những việc em làm được bố mẹ, người thân khen.



2 **Đọc**

Sẻ con đáng yêu



1. Sẻ con sống cùng bố mẹ trong chiếc tổ đơn sơ. Hằng ngày, sẻ mẹ và sẻ bố đi kiếm mồi, mang về cho sẻ con.

2. Một hôm, mặt trời đã lặn mà sẻ bố và sẻ mẹ vẫn chưa về. Trời trở gió, sẻ con gài lại mấy chiếc lá sắp rơi khỏi tổ cho kín gió hơn.

3. Một lúc sau, sẻ bố và sẻ mẹ bay về tổ, người run lên vì lạnh. Sẻ con dang đôi cánh nhỏ ôm bố mẹ.

4. Khi đã khoẻ lại, sẻ bố và sẻ mẹ thấy tổ chắc chắn hơn thì rất ngạc nhiên. Sẻ mẹ ôm sẻ con vào lòng và không ngớt lời khen.

(*Theo* Nguyễn Thanh Trang)

69

– *Cá nhân:* Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.
– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *sáng sớm, đơn sơ,...* (MB); *chiều tối, âu yếm,...* (MN).
– *Nhóm:*
+ Đọc trơn, chú ý ngắt, nghỉ hơi đúng đoạn 2 và 3.
+ Đọc nối tiếp các đoạn trong nhóm đến hết bài; đọc tiếp lần 2.
+ Đọc đồng thanh cả nhóm.
– *Cả lớp:*
+ Thi đọc đồng thanh giữa 4 nhóm, mỗi nhóm đọc một đoạn.
+ Bình chọn nhóm đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Trả lời câu hỏi.
– *Cặp:*
+ Đọc thầm đoạn 2, đoạn 3 và trả lời câu hỏi: *Sẻ con làm gì khi trời trở gió?* (GV có thể giải thích cho HS hiểu thế nào là "trở gió").

GIÁO ÁN ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

? a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Sẻ con làm gì khi trời trở gió?

c) Đóng vai sẻ mẹ, nói lời khen sẻ con.

3 Viết

a) Chép đoạn 4 trong bài *Sẻ con đáng yêu*.

b) Chọn *g*, *gh* cho ô trống trong thẻ từ.



bình ■ốm



■ế đầu



soi ■ương



chơi ■ép hình

Chép ba từ ngữ đã hoàn thành vào vở.

4 Nghe – nói

Nói câu kể về việc em giúp bố mẹ.

+ Đại diện một vài cặp nêu câu trả lời; GV chốt câu trả lời đúng:
  - *Khi trời trở gió, sẻ con gài lại mấy chiếc lá sắp rơi khỏi tổ cho kín hơn.*

c) Thực hiện yêu cầu.

– *Nhóm:* Thực hiện yêu cầu đóng vai sẻ mẹ, nói lời khen sẻ con.

– *Nhóm:*

+ Trao đổi, nêu ý kiến về câu nói của sẻ mẹ.
+ Từng em đóng vai.
+ Cả nhóm nhận xét, góp ý.

– *Cả lớp:*

+ Các nhóm cử bạn có lời nói hay nhất.
+ Nghe GV nhận xét và chốt: *Sẻ con làm được những việc lớn./ Sẻ con thật giỏi, thật đáng yêu.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Chép đoạn 4 bài *Sẻ con đáng yêu*.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc đoạn 4 bài *Sẻ con đáng yêu*, nhắc lại các chữ viết hoa, các chữ dễ viết sai.

– *Cá nhân:*

+ Từng HS chép đoạn văn vào vở theo HD: Đọc từng cụm từ và ghi nhớ, chép lại cụm từ đã ghi nhớ; chú ý dấu chấm câu.

Khi đã khoẻ lại,/ sẻ bố và sẻ mẹ,/ thấy tổ chắc chắn hơn,/ thì rất ngạc nhiên./ Sẻ mẹ / ôm sẻ con vào lòng / và không ngớt lời khen.

+ Từng HS nghe GV đọc lại đoạn văn để rà soát lỗi, sửa lỗi.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số HS và nêu những lỗi mà nhiều HS mắc phải.

b) Thi điền đúng *g* hoặc *gh* vào chỗ trống.

– *Cả lớp:*

+ Nhìn GV đính tranh và chữ phóng to trên bảng lớp và bảng phụ, nghe GV nêu cách thi:
  - Lập 2 đội, mỗi đội 4 em, mỗi em nhận 1 thẻ chữ *g* hoặc *gh*.
  - Nghe GV phát lệnh *Bắt đầu!* thì cầm thẻ, chạy nhanh đặt thẻ vào chỗ trống.
  - Đội nào đặt thẻ chữ đúng chỗ và nhanh hơn thì thắng cuộc.
+ Nghe GV nhận xét và nhắc lại cách viết *g, gh*.
+ Đọc các từ ngữ.
+ Chép 3 từ ngữ đã hoàn thành vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Nói câu kể về việc em giúp bố mẹ.

– *Nhóm:* Từng em kể bằng 1 – 2 câu.

– *Cả lớp:* Đại diện các nhóm kể trước lớp.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 26B Bữa cơm gia đình

Mục tiêu

- HS đọc đúng, đọc trơn câu, đoạn trong bài *Ăn thế nào cho đẹp?*; biết và hiểu thông tin của bài: Những điều nên làm và những điều không nên làm khi ăn.
- Viết đúng những tiếng có vần *oa* và vần *a* (sau âm đôi *qu*). Nghe – viết đúng đoạn *Ăn thế nào cho đẹp?*.
- Nghe hiểu câu chuyện *Cò mẹ dạy con tập bay* và kể lại được một đoạn câu chuyện.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Hai bộ tranh và thẻ chữ phóng to của HĐ3b.
- Tranh và thẻ chữ phóng to của HĐ4.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.


Bài 26B Bữa cơm gia đình

1 Nghe – nói

Kể cho nhau nghe về một bữa cơm gia đình.

Cháu mời ông bà ăn cơm ạ! ...

2 Đọc

Ăn thế nào cho đẹp?

Ăn cơm cùng gia đình là một niềm vui. Để bữa cơm gia đình thêm vui và thêm ngon, cần ghi nhớ những điều dưới đây.

1. Những điều nên:
– Đợi đủ mọi người mới ăn.
– Ngồi ăn ngay ngắn.
– Ăn chậm, nhai kĩ.
2. Những điều không nên:
– Để tiếng động phát ra khi nhai.
– Dùng đũa, thìa đảo bới thức ăn.
– Ăn quá nhiều một món ăn ngon.
– Vừa ăn vừa nói chuyện liên tục.
– Để thức ăn bỏ đi bừa bãi ra mâm.

71

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV HD thực hiện HĐ1: *Từng cặp, dựa vào câu hỏi gợi ý, kể cho nhau nghe về một bữa cơm gia đình.*
M: *– Ở nhà tôi, bữa tối là bữa cơm vui nhất trong ngày vì có đủ mọi người.*
– Ở bữa cơm gia đình, mọi người cùng chuẩn bị: người thì lấy bát đũa, người thì dọn bàn…
– Bố mẹ thường nhắc tôi phải rửa tay sạch sẽ trước khi ăn và phải mời mọi người rồi mới ăn.
– *Cặp:*
+ Theo HD của GV, kể cho nhau nghe về một bữa cơm của gia đình mình.
+ Một vài cặp cử đại diện kể.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:*
+ Nghe GV giới thiệu bài đọc: *Ăn uống là nhu cầu của cuộc sống. Ăn đủ chất chưa đủ. Phải ăn vừa đủ chất, vừa đảm bảo nét văn hoá khi ăn. Bài đọc sau đây sẽ nói về nét văn hoá đó.*
+ Nghe GV đọc bài *Ăn thế nào cho đẹp?*; chú ý chỗ ngắt, nghỉ, dừng hơi.
– *Cá nhân:* Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.
– *Cả lớp:*
+ 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *niềm vui, liên tục,...* (MB); *ngay ngắn, tiếng động...* (MN).
+ Đọc đồng thanh cả bài.
+ Một số HS đọc đoạn, chú ý ngắt, nghỉ hơi ở đoạn mở đầu.
– *Nhóm:* Đọc nối tiếp 3 đoạn trong nhóm: Đọc lần 2: đoạn (1) và đoạn (2).
– *Cả lớp:*
+ Thi đọc nối tiếp 2 đoạn giữa đại diện 2 nhóm.
+ Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Thực hiện yêu cầu.
– *Cặp:*
+ Thay nhau hỏi – đáp những điều nên làm khi ăn.
+ Thay nhau hỏi – đáp những điều không nên làm khi ăn.
– *Cả lớp:* Nghe một vài cặp hỏi – đáp về những điều nên làm và không nên làm khi ăn.
c) Đề xuất ý kiến.
– *Nhóm:*
+ Trao đổi, đề xuất thêm những điều nên làm khi ăn (M: *Mời mọi người khi ăn; Dọn dẹp bát đĩa sau khi ăn,…*).
+ Một vài nhóm nêu ý kiến trước lớp.
– *Cá nhân:* Nêu ý kiến của mình.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Nghe – viết đoạn văn.
– *Cả lớp:* Nghe GV đọc đoạn *Ăn thế nào cho đẹp?* và nghe GV nhắc những lỗi HS thường mắc phải. / Từng HS nghe GV đọc lại đoạn viết để soát và sửa lỗi (nếu có).
– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số HS và nêu những lỗi mà nhiều HS mắc phải.
b) Thi Tìm nhanh chữ viết sai.
– *Cả lớp:*
+ Nghe GV nêu mục đích của việc thi tìm nhanh chữ viết sai: giúp HS viết đúng những chữ có

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC


a) Đọc từng đoạn trong nhóm.
b) Nêu những điều nên hoặc không nên khi ăn.
c) Theo em, còn điều gì nữa nên làm khi ăn?

3 Viết

a) Nghe – viết.

Ăn thế nào cho đẹp?

– Không để phát ra tiếng động khi nhai.
– Không dùng đũa, thìa đảo bới thức ăn.
– Không để thức ăn bừa bãi ra mâm.

b) Thi tìm nhanh chữ viết sai.

Chép ba từ ngữ viết đúng vào vở.

72

4 Nghe – nói

a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Cò mẹ dạy con tập bay

1 Cò mẹ nói gì với đàn con?

2 Cò mẹ dạy các con tập bay như thế nào?

3 Cò con bị ngã nói gì với cò mẹ?

4 Vì sao chỉ sau ba ngày, cả đàn cò con biết bay?

(Theo *Truyện cổ An-đéc-xen chọn lọc*)

b) Kể một đoạn câu chuyện.

73

vần – *oa* và vần – *a* (sau âm đầu *qu*). Khi nghe đọc những tiếng có 2 vần này, HS có thể nhầm lẫn là chúng có vần *oa*.

+ Cách thi:
  - Lập 2 nhóm, mỗi nhóm 8 HS; mỗi HS nhận 1 thẻ chữ.
  - Nhìn GV đính 2 bộ thẻ tranh lên bảng, nghe GV đọc các từ ngữ.
  - Khi nghe GV phát lệnh: Ai có thẻ viết đúng đính dưới tranh phù hợp. / Ai có thẻ viết sai đứng ngoài, giơ thẻ viết sai cho cả lớp nhìn thấy. / Nhóm nào có bạn cầm thẻ viết sai giơ lên trước, nhóm đó thắng cuộc.

– *Nhóm:* HS tham gia thi.
– *Cả lớp:* Cùng sửa thẻ chữ viết sai. / Đọc lại các thẻ chữ. / Nghe GV lưu ý cách viết đúng.
– *Cá nhân:* Chép 3 từ ngữ viết đúng vào vở.

HĐ4. Nghe – nói

a) Nghe kể chuyện *Cò mẹ dạy con tập bay*.

– *Cả lớp:*
+ Nhìn tranh, nghe GV kể từng đoạn câu chuyện và cả câu chuyện.

1. Một hôm, cò mẹ nói với cò con:

– Khi nào trời trở rét, cò vạc sẽ bay về xứ nóng. Các con phải bay cho giỏi, mới theo được cả đàn cò vạc.

2. Thấy đàn cò con đã cứng cáp, cò mẹ dẫn chúng lên nóc nhà tập bay. Nhìn xuống dưới, cò con chỉ sợ ngã nhào. Cò mẹ động viên:

– Các con đừng sợ! Nhìn mẹ bay thử và nhớ lời mẹ dặn là khi bay, đầu phải ngẩng lên, chân phải duỗi thẳng ra.

3. Cò con tập bay theo mẹ. Lần đầu, có mấy chú cò bị ngã đau. Một trong những con bị ngã kêu lên:

– Con không bay về xứ nóng nữa đâu!

Cò mẹ nhẹ nhàng an ủi, động viên:

– Không sao đâu con ạ, về nhà mẹ xoa bóp cho. Phải cố gắng cho bằng anh em, bè bạn, con nhé!

4. Sáng hôm sau, cò con bị ngã đã theo mẹ và anh em đi tập bay. Nhờ cò mẹ kiên trì dạy con, chỉ sau 3 ngày, đàn cò con đã bay được những quãng đường dài.

(Theo *Truyện cổ An-đéc-xen chọn lọc*)

+ Nhìn tranh, nghe GV kể từng đoạn và HS trả lời câu hỏi ở mỗi đoạn.

b) Kể một đoạn câu chuyện.

– *Cả lớp:*
+ Nghe câu hỏi, một số HS chỉ vào tranh kể từng đoạn.
+ Nghe GV yêu cầu làm việc nhóm để tập kể đoạn 3 hoặc đoạn 4.

– *Nhóm:*
+ Cùng trao đổi lời kể đoạn 3 hoặc đoạn 4.
+ Tập kể trong nhóm theo lời kể đã chọn.
+ Cử đại diện thi kể.

– *Cả lớp:*
+ Thi kể giữa đại diện các nhóm.
+ Bình chọn nhóm kể hay nhất.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 26C Như những người bạn

Mục tiêu

- Đọc đúng, đọc trơn dòng thơ, khổ thơ của bài *Kể cho bé nghe*; nhận biết được sự gắn bó của những con vật, đồ vật với cuộc sống của con người và biết yêu quý những đồ vật, con vật đó.
- Tô chữ hoa N, O; viết được câu nói về con vật yêu thích.
- Nói được 1 – 2 câu về bức tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh và chữ phóng to HĐ1, HĐ2.
- Bảng phụ thể hiện chữ viết hoa (chữ nét mờ):
  + N, O
  + Ninh Bình, Ao Bà Om
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.
- *Tập viết 1*, tập hai.

Bài 26C Như những người bạn

1 **Nghe – nói**

Kể cho nhau nghe về những con vật, đồ vật mà mình yêu quý.



2 **Đọc**

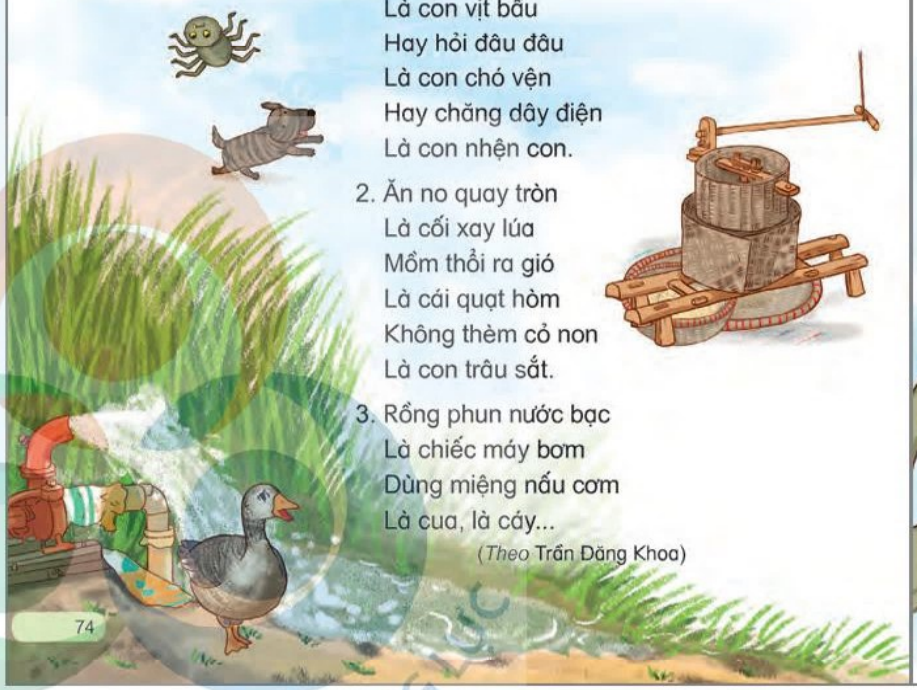
Kể cho bé nghe

1. Hay nói ầm ĩ
Là con vịt bầu
Hay hỏi đâu đâu
Là con chó vện
Hay chăng dây điện
Là con nhện con.

2. Ăn no quay tròn
Là cối xay lúa
Mồm thổi ra gió
Là cái quạt hòm
Không thèm cỏ non
Là con trâu sắt.

3. Rồng phun nước bạc
Là chiếc máy bơm
Dùng miệng nấu cơm
Là cua, là cáy...

(*Theo* Trần Đăng Khoa)



74

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS nhìn tranh HĐ1, nghe GV gợi ý: *Các em thấy các con vật, đồ vật nào trong tranh? Em yêu quý những con vật nào? Em hay dùng những đồ vật nào? Dựa vào những câu hỏi này, từng cặp kể cho nhau nghe về những con vật, đồ vật mà mình yêu quý.*

M: *Nhà tôi nuôi con chó khoang và con mèo tam thể. Chúng rất đáng yêu. Mỗi khi đi đâu về, con chó ngoe nguẩy cái đuôi mừng, con mèo chạy bám chân tôi hớn hở.*

– *Cặp:* Thay nhau kể về con vật, đồ vật mà mình yêu quý.

– *Cả lớp:*
  + Nghe 1 – 2 cặp kể.
  + Nghe GV dẫn dắt vào bài đọc.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu và đọc bài *Kể cho bé nghe*. Đoạn trích bài cùng tên của nhà thơ Trần Đăng Khoa. Trong đoạn trích, các em thấy có 3 khổ thơ. Các em vừa nghe đọc, vừa nhìn tranh, chú ý cách đọc ngắt hơi ở mỗi dòng thơ và nghỉ hơi cuối mỗi khổ thơ.

– *Cá nhân:* Vừa nghe đọc vừa đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *quay tròn, trâu sắt,...* (MB); *vịt bầu, xay lúa,...* (MN).

– *Nhóm:*
  + Đọc nối tiếp 3 khổ thơ đến hết bài, đọc nối tiếp lần 2.
  + Đọc đồng thanh cả nhóm từ đầu đến hết bài (nửa nhóm đọc câu lẻ, nữa nhóm đọc câu chẵn).

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

? a) Đọc từng khổ thơ trong nhóm.

b) Nói về việc làm của con vịt, con chó, con nhện, con cua.

c) Em thích con vật, đồ vật nào trong bài thơ? Vì sao?

d) Đọc thuộc một khổ thơ.

3 Viết

a) Tô và viết.



– Tô chữ hoa: N, O.

– Viết: Ninh Bình, Ao Bà Om.

b) Viết câu nói về con vật em yêu thích.

4 Nghe – nói

Nói một hoặc hai câu về bức tranh.



– *Cả lớp:*

+ Thi đọc 3 khổ thơ giữa 3 nhóm (mỗi nhóm cử 1 bạn).

+ Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Thực hiện theo yêu cầu.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV HD: Mỗi em nói về việc làm của một con vật (con vịt, con chó, con nhện, con cua).

+ Nghe các bạn đọc dòng thơ nói về con vật trong bài.

c) Trả lời câu hỏi.

– *Cá nhân:* Một số HS trả lời câu hỏi: *Em thích con vật, đồ vật nào trong bài thơ? Vì sao?*

d) Đọc thuộc một khổ thơ.

– *Nhóm:*

+ Chọn đọc thuộc lòng khổ thơ thứ nhất hoặc khổ thơ thứ hai.

+ Đọc nối tiếp một số lần trong nhóm.

+ Từng HS đọc thuộc lòng trong nhóm đoạn đã chọn.

– *Cả lớp:*

+ Thi đọc thuộc lòng giữa các nhóm (mỗi nhóm cử 1 bạn đại diện tham gia thi).

+ Bình chọn nhóm có bạn đọc thuộc lòng tốt nhất.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tô và viết.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD tô chữ hoa N, O.

– *Cá nhân:*

+ Tô chữ hoa N, O trong vở tập viết.

+ Viết từ: *Ninh Bình, Ao Bà Om.*

b) Viết câu nói về con vật em yêu thích.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách viết:

+ Nêu tên con vật.

+ Nêu đặc điểm nổi bật của con vật.

– *Cá nhân:* Viết câu của mình vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Nói 1 – 2 câu về bức tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu yêu cầu.

– *Nhóm:*

+ Từng em nói 1 – 2 câu về bức tranh.

+ Nhận xét, góp ý.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 26D

Cháu muốn ông bà vui

Mục tiêu

- Đọc đúng, đọc trơn câu, đoạn, bài đọc về chủ điểm *Gia đình em*.
- Nghe viết đúng một đoạn thơ. Viết đúng từ ngữ chứa tiếng có vần *oa*, vần *a* (sau âm đầu *qu*).
- Viết được 1 – 2 câu về việc làm giúp người thân.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1, HĐ2c.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

Bài 26D

Cháu muốn ông bà vui

1 **Nghe – nói**

Hỏi – đáp: Bạn nhỏ trong tranh làm việc gì cho ông bà?



2 **Viết**

a) Viết một hoặc hai câu kể lại việc em đã làm cho ông bà.

– Em đã làm việc gì?

– Ông bà nói gì về việc em làm?

b) Nghe – viết khổ 1 trong bài thơ *Kể cho bé nghe*.

c) Thi tìm từ ngữ viết đúng.



Chép ba từ ngữ tìm được vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu yêu cầu làm việc nhóm để trao đổi về những việc giúp ông bà của bạn nhỏ trong tranh và nói về những việc khác mà mỗi em làm cho ông bà.

– *Nhóm:*

+ Bạn nhỏ trong tranh làm gì giúp ông bà? (đọc báo cho ông bà nghe)

+ Mỗi em làm gì cho ông bà? (giúp ông bà rửa ấm chén; giúp ông bà tưới cây; giúp ông bà gấp quần áo,...)

– *Cả lớp:*

+ Nghe đại diện 1 – 2 nhóm trình bày.

+ Nghe GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và tiếp nối với bài đọc mới.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Viết

a) Viết 1 – 2 câu kể lại việc em đã làm cho ông bà.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn (đọc gợi ý trong sách) và viết về một việc mình đã làm.

– *Cá nhân:* Viết 1 – 2 câu vào vở.

– *Cả lớp:* Theo dõi GV sửa một số bài.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

b) Nghe – viết khổ 1 trong bài thơ *Kể cho bé nghe*.

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu nhiệm vụ.

– *Cá nhân:*

+ Từng HS viết vào vở theo lời đọc của GV – nghe, viết từng cụm từ.

+ Từng HS nghe GV đọc lại đoạn viết để rà soát lỗi.

+ HS sửa lỗi theo HD của GV.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Đọc

a) – Tìm đọc một câu chuyện hoặc bài thơ về gia đình.

– Chia sẻ với bạn, người thân về nhân vật hoặc những câu thơ em thích.

b) Gợi ý bài đọc mở rộng:

Cháu ngoan của bà



1. Bà nội của Lan đã già. Bà đau chân, phải chống gậy để đi cho vững. Lan thương bà lắm, bà cũng rất yêu quý Lan.

2. Mỗi buổi đi học về, Lan kể chuyện ở lớp, đọc thơ, đọc truyện cho bà nghe. Bà vui lắm, khen Lan: "Cháu của bà ngoan quá!".

3. Mùa đông đến, mẹ Lan lo đêm ngủ bà rét. Thấy vậy, Lan nói với mẹ:

– Con sẽ ngủ cùng bà, con ôm bà để bà ấm.

4. Thế là đêm nào Lan cũng ôm bà ngủ ngon lành. Với bà, mùa đông năm nay thật là ấm áp.

(*Theo* Mai Thị Minh Huệ)

? Kể một việc làm của Lan để cho bà vui.

77

– *Cả lớp:*

+ HS rà soát lỗi theo cặp.

+ Nghe GV nhận xét một số bài của HS và nêu những lỗi mà nhiều HS mắc phải.

c) Thi tìm từ ngữ viết đúng.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu mục đích thi: Tìm chữ viết đúng tiếng có vần *oan* và vần *an* (sau âm đầu *qu*).

+ Nghe GV nêu cách thi:

• Lập 2 đội, mỗi đội 6 HS, mỗi HS nhận 1 ngôi sao.

• Sau khi nghe GV phát lệnh, chạy lên đính ngôi sao vào những cánh hoa có chữ viết đúng. Cánh hoa nào có chữ viết sai thì đính ngôi sao đó ở ngoài cánh hoa.

• Đội nào đính đúng và nhanh là đội thắng cuộc.

+ 2 đội tham gia thi, đội thắng cử đại diện đọc các từ ngữ có chữ viết đúng; nêu nhận xét về chữ viết sai và cách sửa.

– *Cá nhân:* Chép 3 từ ngữ tìm được vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3. Đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn nhiệm vụ.

+ Tìm đọc một câu chuyện hoặc bài thơ về chủ điểm *Gia đình em* (về ông bà, bố mẹ, anh chị em).

+ Chia sẻ với bạn hoặc người thân về những điều đáng nhớ trong câu chuyện hoặc bài thơ.

– *Cá nhân:*

+ Tìm sách, truyện theo hướng dẫn.

+ Ghi chép rõ điều mình thích từ bài đọc. (HS có thể đọc bài gợi ý trong SHS: *Cháu ngoan của bà*. Nói điều em thích nhất trong bài.)

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ

Bài 27 Ôn tập giữa Học kì II

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong một số truyện, bài thơ đã học từ tuần 19 – tuần 26. Hiểu chi tiết quan trọng trong bài *Sói và sóc*. Đọc mở rộng một truyện, một bài thơ về những chủ điểm đã học (*Trường em, Em là búp măng non, Cuộc sống quanh em, Gia đình em*).
- Viết đúng những từ mở đầu bằng *c, k, g, gh, ng, ngh*. Nghe – viết đúng một đoạn thơ. Viết được tên cho bức tranh. Viết đúng câu trả lời cho câu hỏi. Tô đúng một số chữ hoa đã học từ tuần 19 – tuần 26.
- Kể được một đoạn câu chuyện *Sói và sóc* dựa vào bài đọc và tranh. Nói 1 – 2 câu về nhân vật em thích trong câu chuyện.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Các tờ thăm ghi tên những câu chuyện đã đọc ở HĐ 1, những bài thơ đã đọc ở HĐ6.
- Những thẻ hình để học ở HĐ 4.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. *Chơi trò* Bắt thăm *nói tên bài đọc và đọc bài.*

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách làm: Bắt thăm, mở thăm ra, mở SHS và đọc bài có tên trong tờ thăm.

– *Nhóm:* HS tự đọc bài theo tờ thăm trong nhóm (HS trung bình chỉ đọc 1 đoạn, HS khá, giỏi đọc cả bài).

Kể lại chi tiết em thích trong truyện, chia sẻ với bạn truyện em vừa đọc và nêu lí do em thích truyện đó.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách làm: Mỗi em chọn một việc làm của nhân vật em thích để kể lại. Một bạn kể xong, một bạn hỏi: *Bạn thích việc làm hoặc chi tiết nào nhất trong câu chuyện?* và yêu cầu bạn kể lại.

2. *Tô chữ hoa*

Tô chữ hoa từ tuần 19 – tuần 26 (tô 1 lần hết các chữ hoa trong vở Tập viết tuần 27, GV có thể chia số chữ để tô thành 2 lần: lần 1 ở HĐ2, lần 2 sau HĐ10).

3. *Nghe – viết khổ 2 trong bài thơ* Kể cho bé nghe.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả khổ thơ.

– *Cá nhân*

+ Viết hoa các chữ đầu câu ra nháp.

+ Nghe – viết khổ thơ vào vở.

+ Nghe GV đọc lại khổ thơ để soát lỗi và sửa lỗi.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

5 Viết tên cho một bức tranh dưới đây:







6 Chơi trò ***Hái hoa*** ôn các bài đọc.
Đọc bài có tên trong bông hoa.



79

4. *Thi viết đúng từ ngữ.*

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn mục đích và cách chơi: Luyện viết đúng các từ bắt đầu bằng *g / gh, ng / ngh, c / k*. Mỗi em bắt 2 thẻ hình, viết tên vật trong hình vào dưới thẻ đó rồi dán thẻ lên bảng nhóm. Cần viết đúng và nhanh.

– *Nhóm:* Thực hiện cuộc thi, từng HS bắt 2 thẻ hình, ghi tên của vật trong hình và dán kết quả lên bảng nhóm. Các nhóm xem kết quả của nhau và cùng GV chọn nhóm thắng cuộc.

– *Cá nhân:* Viết 3 từ tìm được vào VBT.

5. *Viết tên cho bức tranh.*

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách làm: Xem 3 tranh và chọn 1 tranh. Xem tranh vẽ ai, người đó làm gì. Dựa vào đó để đặt tên cho tranh: Tên có thể là nói về người và việc người đó làm. VD: Tên tranh 1: *Bà quạt cho cháu ngủ*. Tên tranh 2: *Bạn giúp em học bài,...*

– *Cá nhân:* Đặt tên cho 1 tranh và viết tên đã đặt cho tranh vào VBT.

6. *Chơi trò* Hái hoa *để ôn bài đọc.*

Nhóm: HS bắt thăm. Sau khi bắt thăm, từng HS mở thăm và SHS ra để đọc một bài thơ có tên trong tờ thăm.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

7 **Nghe đọc câu chuyện.**

Sói và sóc

1. Sóc đang chuyền trên cành cây, không may trượt chân rơi trúng vào sói đang ngủ dưới gốc cây.

2. Sói choàng dậy, tóm được sóc, đòi ăn thịt.

Sóc van xin:

– Xin ông thả cháu ra!

Sói nói:

– Tao thì lúc nào cũng buồn rũ cả người, còn nhà sóc chúng mày lúc nào cũng vui. Mày nói cho tao biết vì sao thì tao sẽ thả mày.



Sóc nói:

– Ông cứ thả cháu lên cây, cháu sẽ nói. Đứng ở đây thì cháu sợ ông quá.

3. Sói thả sóc ra. Sóc trèo tót lên cành cây rồi nói:

– Ông lúc nào cũng buồn vì ông luôn độc ác. Cái độc ác làm ông buồn. Còn nhà sóc vui vẻ vì chúng tôi hiền lành, luôn yêu mến mọi người.

(*Theo* Lép Tôn-xtôi)



7. ***Nghe đọc câu chuyện*** **Sói và sóc.**

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu bài đọc là một câu chuyện.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV. Xem tranh.

– *Cá nhân và nhóm:*

+ Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp các đoạn đến hết bài.

+ Thi đọc nối tiếp các đoạn giữa 3 nhóm: mỗi nhóm cử 1 HS đọc một đoạn.

8. ***Thi kể đoạn 2 của câu chuyện*** **Sói và sóc.**

– *Nhóm:*

+ 1 – 2 HS đọc lại đoạn 2.

+ HS kể đoạn 2 theo câu hỏi gợi ý:

1) *Khi sói đòi ăn thịt, sóc đã làm gì?*

2) *Sói đã nói gì với sóc?*

3) *Nghe sói nói, sóc nói gì? Sóc nói vậy để làm gì?*

+ 1 – 2 HS kể cả đoạn 2.

– *Cả lớp:* Đại diện 2 nhóm kể trước lớp. HS chọn nhóm kể tốt nhất.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

8 Kể đoạn 2 của câu chuyện *Sói và sóc.*

9 Viết câu trả lời: *Vì sao sói lúc nào cũng buồn?*

10 Nói về nhân vật em thích trong câu chuyện *Sói và sóc.*

HƯỚNG DẪN ĐỌC MỞ RỘNG

1. a) Đọc mở rộng một bài thơ về một trong những chủ điểm sau: *Trường em, Em là búp măng non, Cuộc sống quanh em, Gia đình em.*

b) Đọc cho bạn nghe những câu thơ em thích.

2. a) Đọc mở rộng một câu chuyện về một trong những chủ điểm sau: *Trường em, Em là búp măng non, Cuộc sống quanh em, Gia đình em.*

b) Nói với bạn về nhân vật hoặc điều em thích trong câu chuyện.



9. *Viết câu trả lời.*

– *Cá nhân:* Đọc yêu cầu của HĐ9, đọc lại đoạn 3 để tìm câu trả lời.

– *Cả lớp:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp. GV chốt câu trả lời đúng. (*Sói buồn vì lúc nào nó cũng độc ác.*)

– *Cá nhân:* HS viết câu trả lời vào VBT.

10. *Nói về nhân vật em thích trong câu chuyện* Sói và sóc.

– *Cặp: Hỏi – đáp: Bạn thích nhân vật nào trong câu chuyện? Vì sao bạn thích nhân vật đó?* Sau đó đổi vai để HS nào cũng được nêu ý kiến của mình,...

– *Cả lớp:* 1 – 2 HS nêu ý kiến trước lớp. VD: *Tôi thích sóc vì sóc thông minh,...*

HƯỚNG DẪN HỌC SINH ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm cuốn sách có bài thơ về một trong những chủ điểm *Trường em, Em là búp măng non, Cuộc sống quanh em, Gia đình em.*

– Đọc cả bài thơ.

– Nói những câu thơ em thích trong bài.

2. Tìm cuốn sách có câu chuyện về một trong những chủ điểm: *Trường em, Em là búp măng non, Cuộc sống quanh em, Gia đình em.*

– Đọc cả câu chuyện.

– Nói chi tiết hoặc nhân vật em thích trong câu chuyện.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 28A Bạn ở trường

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Cậu bé thần đồng*. Kết hợp đọc chữ và xem tranh để hiểu chi tiết, quan trọng rút ra được bài học từ câu chuyện.
- Viết đúng các từ: *quanh, toanh*. Chép đúng một đoạn văn.
- Nói 1 – 2 câu về bạn ở lớp.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Các thẻ chữ *quanh, qoanh, toanh, tuanh* để học HĐ3b.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Nhóm:* Từng HS nói trong nhóm việc làm của bạn nhỏ trong tranh và những điều em học tập được từ bạn: chăm học, biết giúp đỡ người khác, chơi thể thao giỏi,... Nhớ xem lớp mình có bạn nào làm việc giống bạn trong tranh và nói.

VD: *Bạn Lan học giỏi và hay giúp đỡ các bạn trong lớp.*

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS nói về những điều em học tập được từ một bạn học sinh trong lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Quan sát tranh minh hoạ, đoán nội dung bài đọc. Nghe GV giới thiệu bài đọc.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *nổi lên, nặn, ngoe nguẩy,...* (MB); *thần đồng, đỗ,...* (MN).

– *Cặp:* Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp 2 đoạn của bài.

– *Cả lớp:*

+ 2 – 3 cặp thi đọc trước lớp.
+ Nghe GV và các nhóm nhận xét HS của nhóm mình đọc.
+ Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Nghe GV nêu yêu cầu b.

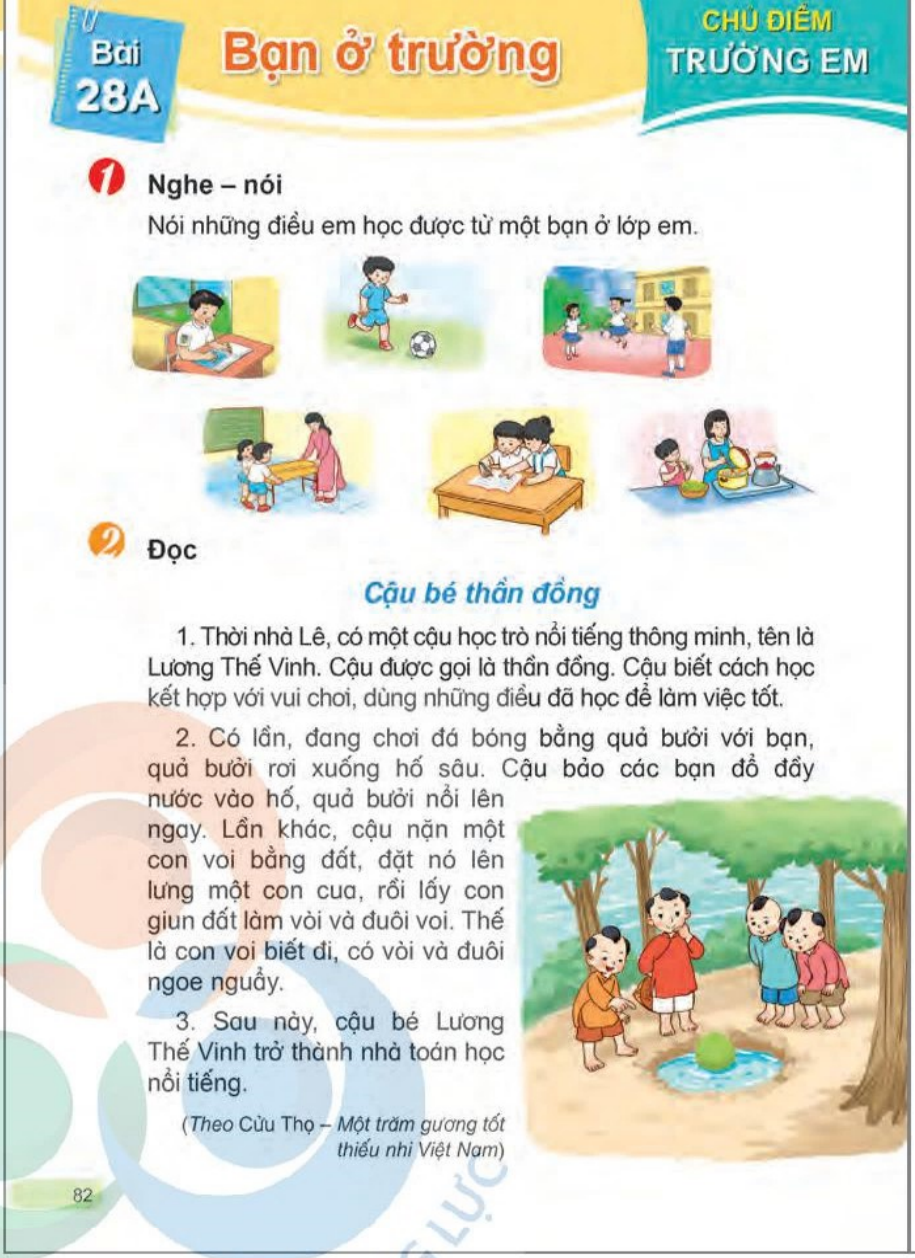
– *Cá nhân:* Từng HS quan sát các tranh và đọc thầm đoạn 2. Chọn tranh phù hợp.

– *Cặp:* Chia sẻ với bạn để chọn tranh đúng.

– *Cả lớp:* 2 – 3 cặp nêu ý kiến. HS và GV nhận xét, chốt đáp án đúng (tranh 1).

c) Nghe GV nêu yêu cầu c.

– Nhóm: Cùng trao đổi về điều nhận xét về cậu bé Lương Thế Vinh.



Bài 28A Bạn ở trường

CHỦ ĐIỂM TRƯỜNG EM

1 Nghe – nói

Nói những điều em học được từ một bạn ở lớp em.

2 Đọc

Cậu bé thần đồng

1. Thời nhà Lê, có một cậu học trò nổi tiếng thông minh, tên là Lương Thế Vinh. Cậu được gọi là thần đồng. Cậu biết cách học kết hợp với vui chơi, dùng những điều đã học để làm việc tốt.

2. Có lần, đang chơi đá bóng bằng quả bưởi với bạn, quả bưởi rơi xuống hố sâu. Cậu bảo các bạn đổ đầy nước vào hố, quả bưởi nổi lên ngay. Lần khác, cậu nặn một con voi bằng đất, đặt nó lên lưng một con cua, rồi lấy con giun đất làm vòi và đuôi voi. Thế là con voi biết đi, có vòi và đuôi ngoe nguẩy.

3. Sau này, cậu bé Lương Thế Vinh trở thành nhà toán học nổi tiếng.

(*Theo* Cửu Thọ – *Một trăm gương tốt thiếu nhi Việt Nam*)

82

CHỌN HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

? a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Chọn bức tranh nêu đúng việc làm của Lương Thế Vinh khi quả bưởi rơi xuống hố sâu.


1


2


3

c) Nói một câu nêu nhận xét của em về Lương Thế Vinh.

3 Viết

a) Chép một đoạn trong bài *Cậu bé thần đồng* (từ đầu đến *vui chơi*).

b) Thi chọn chữ viết đúng cho ô trống trong mỗi câu (quanh, qoanh, toanh, tuanh).

1 Quả bóng mới ■ lăn trên sân cỏ.

2 Ông em trồng hàng râm bụt xung ■ nhà.

4 Nghe – nói

Nói một hoặc hai câu về bạn bè của em ở lớp.

83

– Cả lớp:

+ Một số nhóm cử đại diện nói về những điều em nhận xét về cậu bé Lương Thế Vinh.

+ Chọn nhóm nói đúng và nói đủ ý theo yêu cầu của GV. GV khuyến khích HS nói thành câu: *Em thấy cậu bé Lương Thế Vinh rất thông minh.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Chép một đoạn trong bài *Cậu bé thần đồng*.

– *Cá nhân:* 1 HS đọc cả đoạn văn. Từng HS viết từ ngữ khó ra nháp: *ngoe nguẩy*.

– *Cả lớp:* Từng HS chép đoạn văn vào vở theo HD: đọc từng cụm từ và ghi nhớ, chép lại cụm từ đã ghi nhớ.

Thời nhà Lê,/ có một cậu học trò/ nổi tiếng thông minh,/ tên là Lương Thế Vinh./ Cậu được gọi/ là thần đồng./ Cậu biết cách học/ kết hợp với vui chơi.

+ Từng HS nghe GV đọc lại đoạn văn để soát và sửa lỗi.

+ Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

b) Chơi: *Ai nhanh, ai đúng?* để viết đúng các từ *quanh, toanh.*

– *Cả lớp:* Nghe GV nói về mục đích chơi và HD cách chơi: Chơi để ghi nhớ cách viết đúng các từ: *quanh, toanh*. Cách chơi: GV sẽ nêu từng câu. HS chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu bằng cách giơ thẻ chữ phù hợp.

– *Cá nhân:* Từng HS viết các từ viết đúng vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Nói 1 – 2 câu về bạn bè ở lớp.

– *Nhóm:* Trao đổi về bạn bè: cùng nhau làm gì? có yêu mến nhau không?...

– *Cá nhân:* 3 – 4 HS nói trước lớp.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét ý kiến.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

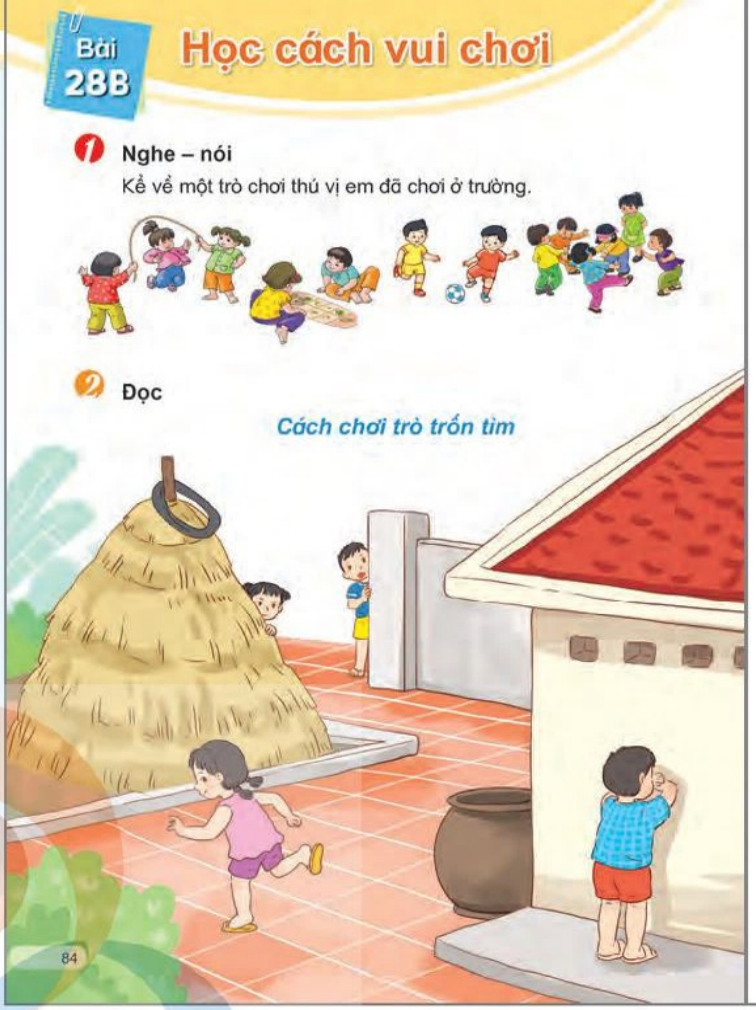
Bài 28B Học cách vui chơi

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Cách chơi trò trốn tìm*. Hiểu chi tiết quan trọng trong bài.
- Viết đúng các từ có âm đệm: *quen, nhoẻn, quét, nhoẹt*. Nghe viết đúng một đoạn văn.
- Nghe hiểu câu chuyện *Mèo con và quyển sách* và kể lại được một đoạn.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bản ghi âm và tranh minh hoạ câu chuyện *Mèo con và quyển sách*.
- Bộ tranh và thẻ từ hỗ trợ HS chơi ở HĐ3b.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Nhóm 4:* Từng HS nói trong nhóm về một trò chơi thú vị em đã được chơi ở trường: tên trò chơi, người chơi cùng, cách chơi, ích lợi của trò chơi,...

M: *Tớ thường cùng các bạn chơi đuổi bắt. Trò chơi rất vui và giúp chúng ta khoẻ khoắn hơn.*

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS chia sẻ về một trò chơi thú vị em đã được chơi trước lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Quan sát tranh minh hoạ, đoán nội dung bài đọc. Nghe GV giới thiệu bài đọc.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai: *oẳn tù tì, lượt* (MB).

– *Nhóm:* Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp 2 đoạn của bài, đoạn 2 có thể cho mỗi HS đọc một bước của trò chơi.

Đọc hiểu

b) Nghe GV nêu yêu cầu b.

Cá nhân:

– Từng HS đọc thầm đoạn 2, chọn 2 việc làm trong đoạn, trả lời câu hỏi b.

– 2 – 3 HS nói 2 việc đã chọn.

c) Nghe GV nêu yêu cầu c.

Cá nhân: HS nhớ các chỗ mình thường trốn ở lớp. 2 – 3 HS nói trước lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Nghe – viết một đoạn trong bài *Cách chơi trò trốn tìm.*

– *Cá nhân:* 1 HS đọc cả đoạn. Từng HS viết các từ viết hoa, từ khó ra nháp hoặc bảng con: *Bạn, lượt.*

– *Cả lớp:* Từng HS nghe GV đọc và viết đoạn văn vào vở.

+ Từng HS nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi và sửa lỗi.

+ Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

b) Thi tiếp sức: *Chọn từ ngữ phù hợp với tranh.*

– *Cả lớp:* Nghe GV nói về mục đích chơi và HD cách chơi: chơi để ghi nhớ cách viết đúng các từ: *quen, nhoẻn, quét, nhoẹt*. Quan sát tranh và chọn từ phù hợp với tranh.

– *Cá nhân:* Nhìn SHS, chọn từ phù hợp với tranh.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Chuẩn bị: Chỗ chơi ở ngoài sân hoặc trong lớp. Chọn bốn hoặc năm bạn để cùng chơi.
2. Cách chơi:
   – Cả nhóm cùng "Oẳn tù tì" để tìm ra bạn thua làm người bị bịt mắt trong lần chơi đầu tiên.
   – Bạn bị bịt mắt đếm to "5, 10, 15,... đến 100". Trong lúc nghe đếm, các bạn khác phải đi tìm chỗ trốn.
   – Bạn bị bịt mắt đếm xong, mở mắt đi tìm. Bạn nào bị tìm thấy thì phải bị bịt mắt ở lượt chơi tiếp theo.

(Theo *Trò chơi dân gian Việt Nam*)

a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Kể hai việc làm của bạn bị bịt mắt.

c) Khi chơi trốn tìm ở lớp, em có thể trốn ở đâu?

Viết

a) Nghe – viết một đoạn trong bài *Cách chơi trò trốn tìm* (từ *Bạn bị bịt mắt* ... đến hết bài).

b) Thi chọn từ ngữ phù hợp với tranh.

làm quen

nhoẻn cười

quét lớp

nhoè nhoẹt






Chép ba từ ngữ vào vở.

85

Nghe – nói

a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Mèo con và quyển sách




1 Mèo con làm gì với quyển sách mới?

2 Khi bác gà trống nhắc nhở, mèo con làm gì?




3 Mèo con mơ thấy gì?

4 Sau giấc mơ, mèo con hiểu ra điều gì?

b) Kể một đoạn câu chuyện.

86

– *Cả lớp:*
  + Chọn đại diện 2 đội, mỗi đội 4 HS tham gia chơi tiếp sức. Mỗi HS nối từ với tranh phù hợp.
  + Nghe bạn và thầy cô nhận xét. Đội nối đúng và nhanh là đội thắng cuộc.
– *Cả lớp:* Từng HS viết 3 từ ngữ vào vở.

HĐ4. Nghe – nói

a) Nghe kể chuyện *Mèo con và quyển sách.*

Văn bản kể chuyện

Mèo con và quyển sách

1. Mèo con có quyển sách mới rất đẹp. Chú ngắm nghía rồi xé quyển sách để gấp thành những con vật ngộ nghĩnh.

2. Bác gà trống đang kiếm mồi gần đó, nghiêm mặt nhắc:

– Cháu làm hỏng quyển sách rồi!

Mèo con cầm đồ chơi chạy đi. Chú nghĩ: "Mình xé quyển sách thôi mà bác gà trống cũng mắng mình".

3. Tối hôm đó, chú mơ thấy những bức tranh và những chữ cái hiện ra, chúng nói không làm bạn với chú nữa. Tỉnh dậy, mèo con tìm những mảnh giấy đã bị xé dán lại, đưa cho bác gà trống xem. Bác lắc đầu chán nản vì chú dán trang nọ lẫn sang trang kia.

4. Bác gà trống bảo:

– Sách vở là người bạn tốt, mang đến cho ta nhiều điều bổ ích. Cháu nên giữ gìn!

Mèo con ngượng nghịu:

– Cháu hiểu rồi ạ!

Từ đó, mèo con không xé sách nữa mà giữ gìn sách vở rất cẩn thận.

(Theo *Thư viện truyện kể mầm non*)

– *Cả lớp:*
  + Nghe băng kể chuyện lần 1 và trả lời câu hỏi: *Câu chuyện có những nhân vật nào?*
  + Nghe GV kể chuyện lần 2: GV sử dụng 4 tranh minh hoạ SHS phóng to kể lại từng đoạn câu chuyện lần 2.
  + HD HS trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh để ghi nhớ nội dung chính của các đoạn truyện.

b) Kể một đoạn câu chuyện.

– *Nhóm:* 4 HS tập kể nối tiếp 4 đoạn truyện trong nhóm.
– *Cả lớp:*
  + Đại diện 4 nhóm thi kể đoạn 4 trước lớp.
  + Bình chọn cá nhân kể chuyện hay nhất.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 28C Vui chơi ở trường

Mục tiêu

- Đọc đúng từ, câu thơ, đoạn thơ trong bài *Giờ ra chơi*. Cảm nhận được niềm vui của các bạn học sinh trong giờ chơi. Đọc thuộc một đoạn của bài thơ.
- Tô chữ hoa Ô, Ơ; viết từ có chữ hoa Ô, Ơ. Viết câu tả hình dáng nhân vật trong tranh.
- Nói về người bạn cùng chơi với em giờ ra chơi.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh ảnh, băng hình một số trò chơi phù hợp với đối tượng HS.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.
- *Tập viết 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp:* 2 HS hỏi đáp về bạn cùng chơi trong giờ ra chơi ở trường.

M: *Tớ thường chơi đuổi bắt cùng các bạn trong tổ tớ.*

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS nói về những bạn thường chơi với em trong giờ ra chơi ở trường.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Quan sát tranh minh hoạ, đoán nội dung bài đọc. Nghe GV giới thiệu bài đọc.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu sau mỗi khổ thơ. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *ra chơi, sân nắng,...* (MB); *lá bàng, vun vút,...* (MN).

– *Nhóm:* Mỗi HS đọc một khổ thơ, đọc nối tiếp 3 khổ thơ của bài.

– *Cả lớp:*

+ 2 – 3 nhóm thi đọc trước lớp.

+ Nghe GV và các nhóm nhận xét HS của nhóm mình đọc.

+ Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Nghe GV nêu yêu cầu b.

Cá nhân:

– Từng HS đọc thầm toàn bài để ghi nhớ tên các trò chơi có trong bài.

– Một số HS trả lời. GV khuyến khích HS nói thành câu: *Các trò chơi có trong bài là nhảy dây và đá cầu.*

c) Nghe GV nêu yêu cầu c.

– *Cặp:* Từng cặp nói về những điều thú vị mà trò chơi mang lại cho các bạn học sinh trong bài.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

? a) Đọc từng khổ thơ trong nhóm.

b) Kể tên các trò chơi có trong bài.

c) Các bạn học sinh cảm thấy thế nào khi chơi trò chơi?

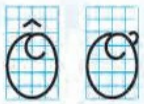
d) Đọc thuộc một khổ thơ em thích.

3 Viết

a) Tô và viết.

– Tô chữ hoa: Ô, Ơ.

– Viết: Ông Ích Khiêm.



b) Viết một câu nói về các bạn trong tranh.

M: Các bạn chơi rất vui.



4 Nghe – nói

Kể về một trò chơi em được thầy cô hoặc người thân hướng dẫn.

– *Cá nhân:* HS tô từng dòng vào vở tập viết.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

b) Viết một câu nói về các bạn trong tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV gợi ý: *Các bạn trong tranh đang làm những gì? Các bạn có vui không?*

– *Cá nhân:* Từng HS trả lời câu hỏi gợi ý rồi viết câu trả lời vào vở.

– *Cả lớp*: Một số HS chia sẻ trước lớp. GV khuyến khích HS nói thành câu: *Những trò chơi mang lại cho các bạn cảm giác vui vẻ, thoải mái,...*

d) Đọc thuộc một khổ thơ em thích.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD: Đọc lại bài thơ để chọn khổ thơ em thích và nhẩm thuộc. Em có thể nhẩm thuộc nhiều hơn một khổ thơ.

– *Cá nhân:* Đọc bài thơ, chọn khổ thơ em thích và tự nhẩm thuộc.

– *Nhóm:* Nhóm 3 HS, từng HS đọc thuộc khổ thơ mình thích.

– *Cả lớp:* Chia thành 2 đội, mỗi đội cử 1 HS thi đọc thuộc 1 khổ thơ của bài. Bình chọn nhóm thuộc bài thơ và đọc tốt nhất.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tô và viết.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách tô chữ hoa Ô, Ơ; viết từ ứng dụng *Ông Ích Khiêm.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

– *Nhóm:* Cùng nhớ về một trò chơi được thầy cô hướng dẫn chơi. Nêu tên trò chơi. Điều thú vị của trò chơi.

VD: *Thầy dạy em trò chơi cướp cờ. Trò chơi này giúp em chạy nhanh.*

– *Cá nhân:* 2 – 3 HS kể về trò chơi mình được hướng dẫn trước lớp.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT

Bài 28D Bài học bổ ích

Mục tiêu

- Đọc trơn mở rộng một câu chuyện hoặc bài thơ về trường học.
- Viết đúng các từ có âm đệm: *quạt, quát, hoạt*. Nghe – viết một đoạn văn. Viết 1 – 2 câu về bức tranh.
- Kể về nghề nghiệp em biết.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Một số tranh ảnh về nghề nghiệp hỗ trợ HS hoạt động khởi động.
- Một số câu chuyện, bài thơ về trường học.
- Bộ thẻ từ để học HĐ3c.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Nhóm:*

+ Từng HS nói với bạn về nghề nghiệp mình biết (có thể là nghề nghiệp của bố mẹ hoặc người thân của mình).

+ Các bạn trong nhóm có thể hỏi thêm về nghề nghiệp bạn kể.

– *Cả lớp:* 4 – 5 HS kể trước lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Viết

a) Viết 1 – 2 câu về việc làm của cô công nhân thu gom rác.

– *Cả lớp:* Xem tranh, hỏi – đáp hai câu hỏi trong SHS.

VD: *Cô công nhân làm gì? Cô công nhân thu gom rác. Việc làm đó có ích gì? Việc đó đã giữ cho đường phố sạch đẹp.*

– *Cá nhân:* HS viết 2 câu em đã trả lời vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

b) Nghe – viết khổ 2 trong bài thơ *Giờ ra chơi*.

– *Cá nhân:* Đọc cả khổ thơ, viết các từ sau ra nháp: Chỗ, Chơi, Tiếng, Chao.

– *Cả lớp:*

+ Từng HS nghe GV đọc và viết vào vở.

+ Từng HS nghe GV đọc lại khổ thơ để soát lỗi và sửa lỗi.

+ Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

c) Chọn tên viết đúng cho mỗi bức tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV nói về mục đích chơi và HD cách chơi: Chơi để ghi nhớ cách viết đúng các từ: *quạt, quát, hoạt*. Mỗi nhóm 3 là một đội. *Cách chơi*: Nhóm trưởng nhận 3 cặp thẻ từ, phát cho mỗi bạn trong nhóm 1 cặp thẻ. Mỗi bạn chọn trong cặp

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Đọc

a) – Tìm đọc một câu chuyện hoặc bài thơ nói về trường học.

– Chia sẻ với bạn điều em thích trong bài.

b) Gợi ý bài đọc mở rộng:

Chuyện đáng nhớ ở lớp



1. Hôm ấy cô giáo cho các bạn nói về bố mẹ của mình. Lan khoe ngay:

– Bố tớ là kĩ sư, mẹ tớ là giáo viên tiếng Anh. Mẹ dạy tớ chào mẹ bằng tiếng Anh.

2. Vinh kể:

– Bố mẹ tớ làm công nhân ở nhà máy bóng đèn. Bóng đèn ở nhà tớ sáng lắm!

3. Hà vui vẻ nói:

– Bố mẹ tớ là công nhân thu gom rác.

Trong lớp nhiều bạn cười ồ lên khiến Hà đỏ bừng mặt.

4. Cô giáo đến bên Hà và nhẹ nhàng nói:

– Bố mẹ của Hà đã góp công giữ cho đường phố sạch đẹp. Người làm nghề nào cũng đáng quý các em ạ.

? Chọn đoạn em thích trong câu chuyện rồi đọc cho bạn nghe.

thẻ 1 từ viết đúng và gắn vào dưới tranh phù hợp trên bảng nhóm. Đội điền đúng và nhanh nhất là đội thắng cuộc.

– *Nhóm:* Các nhóm 3 tham gia chơi.

– *Cả lớp:* Bình chọn nhóm thắng cuộc.

– *Cá nhân:* Từng HS ghi các tên viết đúng vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3. Đọc mở rộng

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn tìm câu chuyện hoặc bài thơ về trường học trong một số cuốn sách ở tủ sách của lớp, ở thư viện, tủ sách gia đình.

+ Nghe GV giao nhiệm vụ sau khi đọc: chọn đoạn em thích trong bài và đọc cho bạn nghe.

– *Cá nhân:* HS tìm và đọc bài theo hướng dẫn. HS có thể đọc bài *Chuyện đáng nhớ ở lớp* trong SHS.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 29A Nói dối hại thân

Mục tiêu

- HS đọc đúng và đọc trơn câu, đoạn trong bài *Cậu bé nói dối* kết hợp đọc chữ và nhìn tranh; hiểu được nội dung bài đọc.
- Viết đúng tiếng có vần *oe* và tiếng có vần *e* (sau âm đầu *qu*). Chép đúng một đoạn trong bài *Cậu bé nói dối*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1.
- Hai bộ tranh và thẻ chữ phóng to của HĐ3b, 2 giỏ để đựng thẻ chữ..
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp:

– Nhìn GV đính tranh và nghe GV gợi ý: *Trong tranh, người mẹ cùng hai con chuẩn bị làm gì? Chú ý các câu bóng nói của người anh, người em, người mẹ. Từ các câu nói này, đoán xem câu chuyện của hai anh em kết thúc ra sao?*

– Một số HS nêu ý kiến. Có thể là: *Vì câu mẹ nói, hai anh em sợ phải ở nhà nên sẽ cùng đi lấy thứ mình quên hoặc người anh lấy kính cho mình, lấy luôn mũ cho em; cũng có thể là người em lấy mũ cho mình, lấy luôn kính cho anh.*

– Nghe GV nhận xét: *Qua câu chuyện, các em thấy trong hai anh em, ai lười hơn ai? Cuối cùng, hai anh em vẫn phải đi lấy đồ dùng còn thiếu. Nếu ngay từ đầu, không ngại việc, nói dối để đẩy việc cho nhau, ba mẹ con đã đi chơi sớm hơn rồi.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu bài: *Cậu bé nói dối.*

1 Nghe – nói

Nhìn tranh, đoán xem câu chuyện giữa hai anh em kết thúc ra sao?



2 Đọc

Cậu bé nói dối



+ Nghe GV đọc chậm; chú ý cách thể hiện chỗ ngắt, nghỉ, dừng hơi.

– *Cá nhân:* Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *nói dối, đánh lừa,...* (MB); *ăn cỏ, nông dân,...* (MN).

– *Nhóm:*

+ Đọc trơn; ngắt, nghỉ hơi đúng đoạn.

+ Đọc nối tiếp 3 đoạn trong nhóm đến hết bài, đọc nối tiếp lần 2.

+ Đọc đồng thanh cả bài.

– *Cả lớp:*

+ Thi đọc nối tiếp các đoạn giữa 3 nhóm (Mỗi nhóm cử 1 bạn đọc 1 đoạn).

+ Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) – *Cả lớp:* Nghe GV đọc câu hỏi: *Vì sao các bác nông dân bực với cậu bé?* Hãy trao đổi trong cặp và thống nhất câu trả lời.

1. Một cậu bé chăn cừu đã nghĩ ra cách nói dối để đánh lừa mọi người. Khi đàn cừu của cậu đang ăn cỏ thì cậu kêu cứu:

– Cứu tôi với, có chó sói!

Các bác nông dân làm ở gần đó vội chạy đến. Nhưng họ chẳng thấy có chó sói. Họ bực cậu bé lắm.

2. Cậu bé làm như vậy mấy lần nữa. Lần nào những người bị cậu đánh lừa cũng tức giận.

3. Thế rồi một hôm, chó sói đến thật. Cậu bé cũng kêu cứu như mọi lần. Nhưng lần này không ai đến nữa. Chó sói chẳng sợ gì cả. Nó cắn chết cả đàn cừu của cậu bé.

(*Theo* Lép Tôn-xtôi)

? a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Vì sao các bác nông dân bực với cậu bé?

c) Nếu em là cậu bé, em nghĩ gì khi đàn cừu bị chó sói ăn thịt?

3 Viết

a) Chép một đoạn trong bài *Cậu bé nói dối* (từ *Thế rồi* ... đến *chẳng sợ gì cả*).

b) Tìm thẻ từ viết đúng.



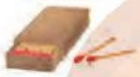
que tinh



hoa hoè



múa xoè



qoe diêm



khoe búp bê

Chép ba từ ngữ tìm được vào vở.

4 Nghe – nói

Vì sao không nên nói dối?

– *Cặp:*
+ Cùng đọc lại câu hỏi.
+ Xác định các chi tiết là lí do làm các bác nông dân bực với cậu bé.

– *Cả lớp:* Một số HS trả lời câu hỏi. Nghe GV nhận xét.

c) – *Nhóm:* Nghe GV nêu câu hỏi và yêu cầu từng HS đưa ra ý kiến của mình. Nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu.

– *Cả lớp:*
+ Các nhóm cử đại diện nêu ý kiến.
+ Nghe GV nhận xét.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Chép đoạn 1 bài *Cậu bé nói dối.*

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc đoạn cần chép.

– *Cá nhân:*
+ Đọc thầm đoạn văn theo từng cụm từ, chú ý các chữ viết hoa.
+ Chép đoạn văn vào vở.
+ Nghe GV đọc lại đoạn văn để soát và sửa lỗi.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số HS và nêu những lỗi nhiều HS mắc phải.

b) Thi: *Tìm nhanh thẻ từ viết đúng.*

– *Cả lớp:* GV hướng dẫn cách thi:
+ Lập 2 đội, mỗi đội 5 HS; mỗi HS nhận 1 thẻ từ.
+ Khi nghe GV phát lệnh: *Tìm* từ *viết đúng cho vào giỏ – Bắt đầu!*, 5 HS chạy nhanh, cho thẻ từ viết đúng vần *oe* và vần *e* (sau âm đầu *qu*) vào giỏ, thẻ từ viết sai để cạnh giỏ.

– *Nhóm (đội chơi):*
+ Trao đổi nhanh các từ viết đúng.
+ Chạy thật nhanh để thẻ từ viết đúng vào giỏ, thẻ từ viết sai để ngoài giỏ.

– *Cả lớp:*
+ Nhận xét nhóm thắng cuộc (để thẻ từ đúng và nhanh hơn).
+ Đọc các thẻ từ trong giỏ.
+ Đính đúng thẻ từ dưới tranh.
+ Nhận xét thẻ từ viết sai (*qoe diêm sửa là que diêm*).

– *Cá nhân:* Chép 3 từ ngữ tìm được vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Trả lời câu hỏi: *Vì sao không nên nói dối.*

– *Nhóm:* Các thành viên nêu ý kiến.

– *Cả lớp:*
+ Một số HS nêu ý kiến trước lớp.
+ GV nhận xét.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 29B Đi lại an toàn

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn câu, đoạn trong bài *Biển báo giao thông*; kết hợp đọc chữ và nhìn tranh; biết được ý nghĩa của biển báo giao thông và hiểu được việc phải nghiêm túc thực hiện những quy định trong biển báo mỗi khi tham gia giao thông.
- Viết đúng tiếng có vần *oan* và vần *an* (sau âm đầu *qu*).
- Nghe hiểu câu chuyện *Thánh Gióng* và kể lại được một đoạn câu chuyện.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ2.
- 2 bộ thẻ từ HĐ3b và 2 giỏ để đựng thẻ từ.
- Tranh phóng to và câu hỏi phóng to của HĐ4.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Bài 29B Đi lại an toàn

1 Nghe – nói

Hỏi – đáp về nội dung tranh.

Con ngã thế nào?

Con bị ngã vì không quan sát biển báo.

2 Đọc

Biển báo giao thông

1. Thấy anh Long về, mặt nhăn nhó, bé Liên hỏi:

– Anh sao thế?

– Anh bị ngã.

2. Long nói tiếp:

– Anh đi nhầm vào đường cấm đi ngược chiều nên bị bác đi xe máy va vào. Chú công an đứng gần đấy nâng anh dậy và bảo anh phải nhìn vào biển báo. Chú còn cho anh bản này về để đọc.

3. Long mở tờ giấy ra, đặt trên bàn. Bé Liên reo lên:

– A! Bộ biển báo giao thông!

Hai anh em cùng xem và ghi nhớ mấy biển báo thường gặp.

Cấm đi ngược chiều | Cấm xe đạp | Đường dành cho người đi bộ | Đường dành cho người đi bộ sang ngang

93

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn HS quan sát tranh HĐ1 trong SHS, đọc lời trong bóng nói.

– *Cặp:* Hỏi – đáp theo nội dung tranh (M: *Bạn thấy những ai trong tranh? – … thấy bố mẹ và hai người con. Mẹ hỏi gì người con trai? – … hỏi anh ấy ngã thế nào? Người con trai trả lời thế nào? – … bị ngã vì không quan sát biển báo.*

– *Cặp:* Một vài cặp hỏi – đáp trước lớp theo gợi ý của GV.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét về nội dung hỏi – đáp của các cặp và kết nối với bài đọc.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giới thiệu bài: Bài đọc hôm nay giúp các em hiểu được tầm quan trọng của biển báo giao thông và nhận biết 4 biển báo giao thông thường gặp.

+ Nghe GV đọc bài; chú ý cách đọc từng đoạn.

– *Cá nhân:* Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *reo lên, thế nào,…* (MB); *va vào, xe máy,…* (MN).

– *Nhóm:*

+ Đọc nối tiếp 3 đoạn, 2 lần.

+ Cả nhóm đọc đoạn 3, vừa đọc vừa chỉ vào từng biển báo.

+ Đọc nối tiếp các đoạn giữa các nhóm. Chú ý: Phần đọc biển báo cần kết hợp với chỉ tranh.

Đọc hiểu

b) – *Cặp :* Hỏi – đáp từng biển báo (vừa hỏi – đáp vừa chỉ vào tranh: *Đây là biển báo gì? – Đây là biển báo…*).

– *Cả lớp:* Một số cặp hỏi – đáp trước lớp.

c) Cùng tìm nhanh ra bạn đi đúng, bạn đi sai trong tranh (bạn gái đi đúng, bạn trai đi sai – không đi vào đường dành cho người đi bộ).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ 3: Viết

a) Nghe – viết một đoạn trong bài *Biển báo giao thông.*

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc cả đoạn trong bài *Biển báo giao thông* (từ *Anh đi nhầm …* đến *biển báo*) và nghe GV nhắc những lỗi HS thường mắc phải.

+ Nghe GV đọc từng cụm từ.

– *Cá nhân:*

+ Đọc thầm từng cụm từ theo GV và viết vào vở.

+ Từng HS nghe GV đọc lại để rà soát lỗi, sửa lỗi.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số HS và nêu những lỗi mà nhiều HS mắc phải.

b) Thi: *Chọn nhanh các thẻ từ viết đúng.*

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn: *Cô (thầy) có các thẻ từ, trong đó có thẻ viết đúng và có thẻ viết sai tiếng có vần oan và tiếng có vần an (sau âm đầu qu). Hãy tìm những thẻ viết đúng vào giỏ.*

+ 2 HS lên nhận mỗi người 6 thẻ, nghe GV phát lệnh, chạy nhanh cho thẻ từ viết đúng vào giỏ. HS nào đặt thẻ đúng và nhanh thì thắng cuộc.

a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Hỏi – đáp:

M:– Đây là biển báo gì?

– Đây là biển báo cấm đi ngược chiều.



c) Nhìn tranh, nói xem bạn nào đi đúng, bạn nào đi sai.



Viết

a) Nghe – viết một đoạn bài *Biển báo giao thông* (từ *Anh đi nhầm* ... đến *biển báo*).

b) Thi chọn thẻ từ viết đúng.

đoàn kết	hoàn thành	liên hoan
quan tâm	quảng khăn	qoảng khăn

Chép ba từ ngữ tìm được vào vở.

94

Nghe – nói

a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Thánh Gióng





1 Lúc nhỏ, Gióng có gì khác thường?

2 Nghe sứ giả truyền lệnh, Gióng đã nói gì với mẹ?





3 Những ai đã góp công nuôi Gióng thành tráng sĩ?

4 Vì sao Gióng được mọi người gọi là Thánh Gióng?

b) Kể một đoạn câu chuyện.

95

+ Đọc đồng thanh các thẻ từ viết đúng, nghe GV lưu ý các chữ có vần *an* viết sau âm đầu *qu*.
+ Nhận xét về thẻ từ viết sai (chữ *qoàng* trong *quàng khăn*) và nghe GV nhắc sau chữ *q* bao giờ cũng đi kèm *u*; *qu* là âm đầu và vần sau *qu* không thể là *oan / oang*, mà luôn là *an / ang*.

– *Cá nhân:* Viết vào vở 3 từ ngữ đã tìm được.

HĐ4. Nghe – nói

a) Nghe kể câu chuyện *Thánh Gióng*.

Cả lớp:

– Nhìn tranh, nghe GV kể chuyện theo từng tranh:

1. Ngày xưa, ở làng Gióng, có hai vợ chồng ông lão cao tuổi mới sinh được một cậu con trai. Cậu bé đã ba tuổi mà đặt đâu nằm đấy, cũng không biết nói, biết cười.

2. Thuở ấy, giặc Ân sang xâm lược nước ta. Vua cho sứ giả đi khắp nước tìm người tài giỏi ra đánh giặc cứu nước. Nghe tiếng loa của sứ giả, cậu bé bỗng nhiên ngồi dậy bảo mẹ ra mời sứ giả vào. Cậu nói với sứ giả: "Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt, một cái nón sắt và một áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này".

3. Từ hôm ấy, cậu bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa may xong đã chật. Vợ chồng ông lão không lo đủ nhưng dân làng đã góp cơm nuôi cậu.

4. Đúng hẹn, nhà vua đem ngựa, roi, nón và áo giáp đến. Cậu bé vươn vai biến thành một tráng sĩ. Tráng sĩ mặc áo giáp, đội nón, cầm roi, nhảy lên lưng ngựa; ngựa phun lửa, phi thẳng đến chỗ quân giặc. Đánh giặc hồi lâu, roi sắt bị gãy, tráng sĩ nhổ bụi tre bên đường quật vào lũ giặc. Đuổi đến chân núi Sóc thì giặc tan. Tráng sĩ cùng ngựa bay thẳng lên trời.

Từ đó, nhân dân ta tôn tráng sĩ là Thánh Gióng và lập đền thờ để ghi công ơn của ông.

– Nhìn tranh, nghe kể lại từng đoạn theo tranh và nghe câu hỏi ở mỗi đoạn; một vài HS trả lời mỗi câu hỏi; GV nhắc lại câu trả lời.

b) Kể một đoạn câu chuyện.

– *Cả lớp:*
+ Nghe GV đặt câu hỏi, HS kể lại từng đoạn.
+ Nghe GV nêu nội dung làm việc nhóm: Mỗi nhóm tập kể 1 đoạn (đoạn 2 hoặc đoạn 3), sau đó thi kể giữa các nhóm.

– *Nhóm:*
+ Cùng trao đổi lời kể đoạn 2 hoặc đoạn 3.
+ Một số bạn kể trong nhóm theo lời kể đã chọn.
+ Cử đại diện thi kể.

– *Cả lớp:*
+ Thi kể giữa đại diện các nhóm.
+ Bình chọn nhóm có bạn kể hay nhất.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

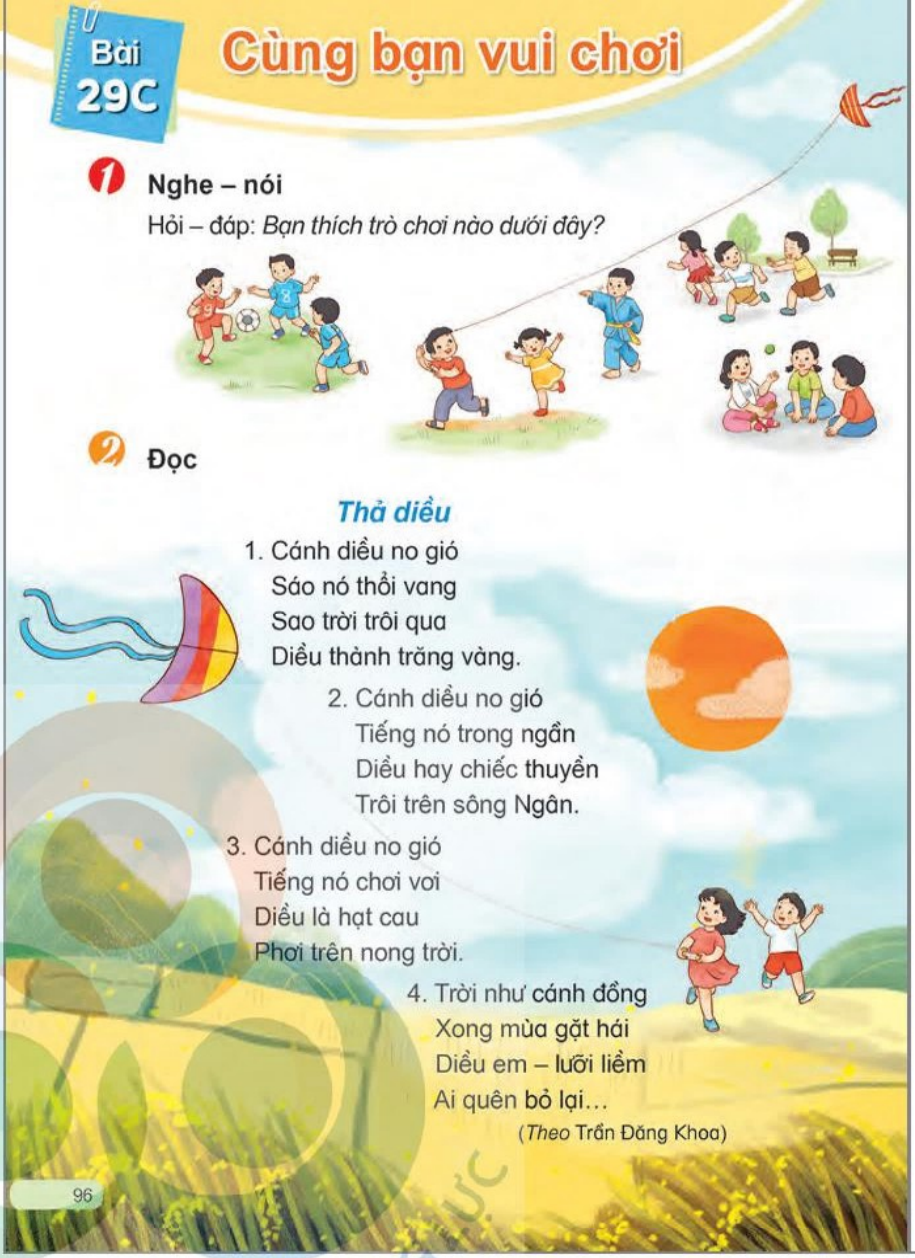
Bài 29C Cùng bạn vui chơi

Mục tiêu

- HS đọc đúng, đọc trơn dòng thơ, khổ thơ của bài thơ *Thả diều*; kết hợp đọc chữ và xem tranh; biết được niềm vui khi nghe thấy âm thanh và nhìn thấy hình ảnh của chiếc diều trong gió.
- Tô chữ hoa P, Q, viết từ có chữ hoa P, Q.
- Biết chọn từ ngữ để hoàn thành câu có tranh gợi ý.
- Tập làm phóng viên để hỏi – đáp về bạn lớp trưởng hoặc nhóm trưởng.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to HĐ1.
- Tranh và chữ phóng to HĐ2.
- Bảng phụ thể hiện chữ viết hoa:
  + P, Q
  + Phú Quốc
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.
- *Tập viết 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp:

– Hỏi – đáp: *Bạn thích trò chơi nào?* HS nhìn tranh HĐ1, nghe GV gợi ý: *Trong tranh, các bạn nhỏ đang chơi một số trò chơi. Hãy kể cho cả lớp nghe mình thích trò chơi nào trong các trò chơi này.*

– Một số HS kể trước lớp.

– Nghe GV nhận xét: *Tham gia trò chơi hay tham gia hoạt động làm cho cuộc sống của các em vui tươi hơn, bổ ích hơn, nên trong các em, ai cũng đều hoà mình vào các trò chơi, các hoạt động, phải không?*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu: *Cô (thầy) sẽ đọc cho các em nghe đoạn trích trong bài Thả diều của nhà thơ Trần Đăng Khoa. Các em vừa nghe đọc, chú ý cách đọc mỗi dòng thơ, mỗi khổ thơ (cuối mỗi dòng ngắt hơi, cuối mỗi khổ nghỉ và dừng hơi).*

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc và đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *trên nong trời, lưỡi liềm,...* (MB); *thổi vang, chiếc thuyền,...* (MN).

– *Nhóm:*

+ Đọc nối tiếp 4 khổ trong nhóm đến hết bài; đọc nối tiếp lần 2, lần 3.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

a) Đọc từng khổ thơ trong nhóm.

b) Tìm câu thơ tả âm thanh của cánh diều trong khổ thơ 2.

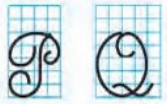
c) Đọc thuộc hai khổ thơ (tuỳ chọn).

3 Viết

a) Tô và viết.

– Tô chữ hoa: P, Q.

– Viết: Phú Quốc.



b) Viết lời khuyên của em cho cậu bé trong câu chuyện *Cậu bé nói dối.*



4 Nghe – nói

Nói một hoặc hai câu về trò chơi em thường chơi ở nhà.

+ Đọc đồng thanh cả nhóm, cả đoạn trích.

– *Cả lớp:*

+ Thi đọc nối tiếp 4 đoạn giữa 4 nhóm (mỗi nhóm cử 1 bạn).

+ Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) – *Cả lớp:* Nghe GV nêu câu hỏi b và hướng dẫn tìm câu trả lời.

– *Nhóm:*

+ Thảo luận và đưa ra câu trả lời.

+ Đại diện nhóm trả lời trước lớp.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.

c) Đọc thuộc 2 khổ thơ (tuỳ chọn).

– *Nhóm:* Đọc truyền điện để thuộc 1 khổ thơ (mỗi nhóm chọn 1 khổ).

– *Cả lớp:*

+ Thi đọc thuộc 2 khổ thơ giữa 4 nhóm (đọc đồng thanh).

+ Bình chọn nhóm đọc thuộc và đọc hay nhất.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tô và viết.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách tô chữ hoa P, Q.

– *Cá nhân:*

+ Tô chữ hoa P, Q.

+ Viết từ: *Phú Quốc*

b) Viết lời khuyên của em cho cậu bé trong câu chuyện *Cậu bé nói dối.*

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu yêu cầu: *Các em hãy viết lời khuyên cậu bé.*

+ Một số HS nêu ý kiến của mình.

– *Cá nhân:* Viết lời khuyên cho chàng lười vào vở.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nêu yêu cầu: Nói 1 – 2 câu về trò chơi em thường chơi ở nhà.

+ Nghe GV gợi ý: *Các em cần nêu tên trò chơi mình hay chơi, trò chơi đó chơi như thế nào?*

– *Nhóm:* Nhóm trưởng mời từng bạn nêu ý kiến.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS nói trước lớp. GV góp ý thêm về nêu cách chơi.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 29D Điều em ghi nhớ

Mục tiêu

- HS đọc trơn và đọc hiểu câu chuyện về chủ điểm *Em là búp măng non.*
- Nghe – viết đoạn văn *Không phá tổ chim.*
- Viết đúng các tiếng có vần *oang* hoặc vần *ang* (sau âm đầu *qu*).
- Nhìn tranh, viết được câu theo yêu cầu.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 4 thẻ vần *oang,* 4 thẻ vần *ang* và 4 thẻ tranh (HĐ2c).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

Bài 29D Điều em ghi nhớ

1 Nghe – nói

Trao đổi: *Bé trai đã chào ai, chưa chào ai?*



2 Viết

a) Viết về một bức tranh dưới đây:

– Chọn một bức tranh em thích.

– Viết một hoặc hai câu về việc làm của một người trong tranh.



b) Nghe – viết.

Không phá tổ chim

Thấy tôi bắt chim non ở tổ chơi, chị tôi nhẹ nhàng bảo:

– Chim non đang sống với mẹ. Lát nữa chim mẹ về, không thấy con, sẽ buồn lắm đấy.

(Theo *Quốc văn giáo khoa thư*)

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp:

– Nghe GV hướng dẫn: *Các em nhìn tranh, đọc kĩ các câu trong bóng nói và trả lời câu hỏi: Bé trai đã chào ai, chưa chào ai?*

– Đại diện một vài cặp trả lời câu hỏi: Bé trai chỉ chào chú, không chào người đi cùng.

– Nghe GV nhận xét ý kiến của các cặp, khen ý kiến nào đúng và nhắc nhở HS những điều cần ghi nhớ.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Viết

a) Viết về một bức tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn (chọn 1 tranh, quan sát kĩ để viết 1 – 2 câu về việc làm của 1 người trong tranh).

– *Cá nhân:* Viết câu vào vở theo yêu cầu và hướng dẫn của GV.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

b) Nghe – viết bài *Không phá tổ chim.*

– *Cả lớp:*

+ Nghe – viết bài *Không phá tổ chim.*

+ Nghe GV đọc cả bài 1 lần.

– *Cá nhân:*

+ Nghe GV đọc từng cụm từ và viết các cụm từ đó.

+ Nghe GV đọc lại bài để rà soát lỗi và sửa lỗi.

– *Cả lớp:*

+ HS rà soát lỗi theo cặp.

c) Thi chọn vần *oang*, *ang* cho ô trống dưới tranh.


kh■ thuyền


qu■ gánh


khăn qu■


áo ch■

Chép ba từ ngữ đã hoàn thành vào vở.

Đọc

a) – Tìm đọc một câu chuyện hoặc bài thơ về trẻ em.
– Chia sẻ với bạn, người thân về nhân vật hoặc những câu thơ em thích.

b) Gợi ý bài đọc mở rộng:



Họ nhà chim

Bồ các là bác chim ri
Chim ri là dì sáo sậu
Sáo sậu là cậu sáo đen
Sáo đen là em tu hú
Tu hú là chú bồ các
Bồ các là bác chim ri ...



Họ nhà quả

Lúa ngô là cô đậu nành
Đậu nành là anh dưa chuột
Dưa chuột cậu ruột dưa gang
Dưa gang cùng hàng dưa hấu
Dưa hấu là cậu lúa ngô
Lúa ngô là cô đậu nành ...

Chọn một bài đồng dao em thích rồi đọc cho người thân nghe.

+ Nghe GV nhận xét một số bài viết của HS và các lỗi mà nhiều HS mắc phải.

c) Chọn vần *oang* hoặc *ang* thích hợp với mỗi tranh.

– *Cả lớp:*

+ Nhìn GV đính tranh và chữ phóng to của HĐ2c trên bảng.
+ Nghe GV giải thích cách thi: Lập 2 đội, mỗi đội 4 HS, mỗi HS nhận 1 thẻ vần *oang* hoặc vần *ang*. Sau khi nghe hiệu lệnh *Bắt đầu!*, đại diện mỗi đội chạy nhanh đính vần vào chỗ trống trong các chữ. Đội nào đính xong trước và đính đúng vần là đội thắng cuộc.
+ HS đọc các từ ngữ đã đính vần, nghe GV nhắc nhở: sau âm đầu *qu* chỉ viết vần *ang*, không viết vần *oang*, mặc dù nghe đọc các tiếng chứa hai vần này rất giống nhau.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3. Đọc mở rộng

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn nhiệm vụ:

+ Tìm đọc đoạn, bài nói về chủ điểm *Em là búp măng non* (Về những điều trẻ em yêu thích, quan tâm hoặc cần ghi nhớ).
+ Giới thiệu tên câu chuyện, bài thơ về chủ điểm *Em là búp măng non* đã biết, đã đọc cho cả lớp.
+ Chia sẻ với bạn hoặc người thân về những điều thú vị, đáng nhớ trong bài đọc.

– *Cá nhân* (làm ngoài giờ học):

+ Tìm sách, truyện theo hướng dẫn.
+ Đọc bài về chủ điểm *Em là búp măng non* (HS có thể đọc hai bài đồng dao *Họ nhà chim* và *Họ nhà quả* trong SHS).
+ Nói với người thân, bạn bè về bài đã đọc.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 30A Tình yêu thương

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Chú sẻ con và bông hoa bằng lăng*. Nhận biết chi tiết quan trọng trong bài. Nêu nhân vật yêu thích trong câu chuyện nói được lí do vì sao yêu thích nhân vật đó.
- Viết đúng những từ chứa vần viết là *oăt/ăt* (trong trường hợp tiếng có âm đầu là qu và tiếng có âm đầu là các âm không phải qu). Chép đúng một đoạn văn.
- Kể một việc làm thể hiện sự quan tâm của bạn với em.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh ảnh hoặc đĩa hình về một số cây ăn quả, cây hoa, con vật nuôi gần gũi với HS.
- Thẻ từ để học HĐ3b.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

1 Nghe – nói

Nói tên cây, tên con vật em thường chăm sóc hoặc nhìn thấy.






2 Đọc

Chú sẻ con và bông hoa bằng lăng

1. Gần tổ sẻ con, có cây bằng lăng. Năm nay, bằng lăng nở hoa mà không vui. Vì bạn của bằng lăng là bé Thơ bị ốm phải đi bệnh viện.

2. Sẻ con hỏi mẹ:

– Bé Thơ không được xem cây bằng lăng nở hoa rồi, mẹ nhỉ.



Sẻ mẹ cười:

– Bằng lăng đã quyết giữ lại bông hoa cuối cùng đợi bé Thơ đấy.

3. Hôm sau, bông bằng lăng cuối cùng đã nở. Bông hoa cao hơn cửa sổ của bé. Bé Thơ nghĩ là mùa hoa đã qua.

4. Sẻ con rất thương bằng lăng và bé Thơ. Nó đậu xuống cành hoa. Bông hoa chúc xuống và ghé vào khung cửa sổ. Bé Thơ reo lên:

– Đẹp quá!

Sẻ con vui lắm.



(*Theo* Phạm Hổ)

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Xem tranh ảnh hoặc đĩa hình về một số loài cây, con vật gần gũi với HS.

– *Nhóm:* Từng HS nói về một loài cây, một con vật mình thường chăm sóc hoặc thường chơi với nó. VD: *Đây là con chó cún. Tớ hay chơi đùa với cún khi rảnh rỗi.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp*: Nghe GV giới thiệu bài đọc là một câu chuyện nói về tình bạn giữa chú sẻ con, bông hoa bằng lăng và một bạn nhỏ.

– *Cá nhân*: Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp*:

+ 2 – 3 HS đọc một số từ dễ phát âm sai, cả lớp đọc đồng thanh các từ này: *sẻ con, sẻ mẹ, bằng lăng, bệnh viện.*

+ 2 – 3 HS đọc và ngắt hơi đúng một số câu dài trong SHS (GV chọn). Cả lớp đọc đồng thanh và ngắt hơi những câu trên.

– *Cá nhân/nhóm:* Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp các đoạn đến hết bài.

– *Cả lớp:*

+ Thi đọc đoạn 2 hoặc đoạn 4 giữa các nhóm.

+ Nghe GV nhận xét các nhóm đọc.

Đọc hiểu

b) – *Cả lớp*: Nghe GV HD: Đọc lại đoạn 3 để biết bông hoa bằng lăng cuối cùng có ở tầm cửa sổ của bé Thơ không (Vị trí bông hoa ở trên cửa sổ, khiến bé Thơ không thấy được bông hoa. GV chỉ vào tranh để HS theo dõi). Từ đó HS có thể nói thành

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

? a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Vì sao bé Thơ không nhìn thấy bông hoa bằng lăng cuối cùng?

c) Em thích nhất bạn nào trong câu chuyện? Vì sao?

3 Viết

a) Chép đoạn 2 trong bài *Chú sẻ con và bông hoa bằng lăng.*

b) Thi chọn thẻ từ viết đúng.









loắt choắt	khô qoắt	nhọn hoắt	chỗ nguặt
loắt chuắt	khô quắt	nhọn huắt	chỗ ngoặt

Chép ba từ ngữ tìm được vào vở.

4 Nghe – nói

Kể một việc làm thể hiện sự quan tâm của bạn với em.

câu, ví dụ: *Bé Thơ không nhìn thấy bông hoa bằng lăng cuối cùng vì nó nằm cao hơn cửa sổ của bé.*

– *Cặp:* Từng HS nói lại ý đã được HD.

c) – *Nhóm:* HS nêu tên 3 nhân vật trong câu chuyện. Từng HS nêu nhân vật mình thích và nói lí do mình thích, Ví dụ: *Em thích nhân vật sẻ con vì sẻ con đã làm cho bé Thơ nhìn thấy bông hoa bằng lăng./ Em thích bé Thơ vì bé yêu hoa.*

– *Cả lớp:* Đại diện 2 nhóm nêu ý kiến trao đổi trước lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tập chép.

– *Cả lớp:* Nghe GV hoặc 1 HS đọc cả đoạn văn. Từng HS viết các từ có chữ cái viết hoa ra nháp: Bé, Thơ.

– *Cá nhân:* Từng HS chép đoạn văn vào vở theo HD: đọc từng cụm từ và ghi nhớ, chép lại cụm từ đã nhớ:

Sẻ Con hỏi mẹ: /

– Bé Thơ / không được xem / cây bằng lăng / nở hoa rồi, / mẹ nhỉ. / Sẻ mẹ cười: /

– Bằng lăng / đã quyết giữ lại / bông hoa cuối cùng / đợi bé Thơ đấy.

+ Từng HS nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi và sửa lỗi.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

b) Thi chọn thẻ từ viết đúng.

Cả lớp: Nghe GV hướng dẫn:

– Xem từng tranh và đọc từ gắn với mỗi tranh (tranh 1 – loắt choắt, tranh 2 – khô quắt, tranh 3 – chỗ ngoặt, tranh 4 – nhọn hoắt).

– Chọn từ viết đúng cho mỗi tranh.

– 4 HS thi chọn thẻ từ cho 4 tranh.

– GV chốt kết quả.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Kể về một việc làm thể hiện sự quan tâm của bạn với em.

Cả lớp:

– Nghe GV gợi ý: Những việc thể hiện sự quan tâm của bạn với em là bạn giúp em làm bài khó, thu đồ dùng học tập cuối buổi học...

– 2 – 3 HS nói trước lớp. GV nhận xét. VD: Bạn Nga nhặt giúp em chiếc bút em đánh rơi.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 30B Cuộc sống của các loài cây

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Măng tre*. Hiểu chi tiết quan trọng trong bài.
- Viết đúng những từ mở đầu là *ng, ngh*. Nghe – viết đúng một đoạn văn.
- Nói 1 – 2 câu về một loài cây. Nghe hiểu câu chuyện *Bí con thoát nạn* và kể lại được một đoạn câu chuyện.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Đĩa ghi hình một số loài cây để học ở HĐ1.
- Bộ thẻ chữ *ng, ngh* để học ở HĐ3b.
- 4 tranh kể chuyện (phóng to trong SHS). Đĩa CD ghi lời kể câu chuyện *Bí con thoát nạn* (nếu có) để học ở HĐ4.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Bài 30B Cuộc sống của các loài cây

1 Nghe – nói

Nói về một loài cây mà em biết.

2 Đọc

Măng tre

1. Đất trong vườn tre nhà em rắn như đá. Thế mà một sáng mùa xuân ấm áp, hàng chục mầm măng to bằng bắp chuối đội đất nhô lên tua tủa.

2. Những mầm măng vươn thẳng lên trời. Rồi một ngày có mưa nhỏ, những mầm măng này cứng lên thành thân cây, lớp vỏ bọc nhọn và cứng mở ra. Những cây măng lớn lên làm khóm tre to ra, lá tre bung ra xanh biếc giữa trời.

(*Theo* Nguyễn Phan Hách)

? a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Những mầm măng mọc lên vào mùa nào?

102

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* GV cho HS xem đĩa ghi hình về một số loài cây.

– *Cá nhân:* 2 – 3 HS nói về loài cây trong bài hát vừa nghe. VD: *Vườn nhà tôi có cây ổi. Cây ổi có quả rất ngon.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu bài đọc nói về một loài cây quen thuộc với các em: đó là cây tre khi còn non, lúc đó nó được gọi là măng.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:*

+ 2 – 3 HS đọc một số từ dễ phát âm sai, cả lớp đọc đồng thanh các từ này: *rắn, tre,...* (MB); *vỏ, mầm măng,...* (MN).

+ 2 – 3 HS đọc và ngắt hơi đúng câu trong SHS. Cả lớp đọc đồng thanh và ngắt hơi câu trên.

– *Cá nhân và nhóm:* Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp các đoạn đến hết bài. Đoạn 2 (*Những mầm măng* ... đến *giữa trời*).

– *Cả lớp:*

+ Thi đọc nối tiếp các đoạn giữa các nhóm: mỗi nhóm cử 1 HS đọc một đoạn.

+ Nghe GV nhận xét các nhóm đọc.

Đọc hiểu

b) *Cả lớp:*

– Nghe GV nêu câu hỏi trong SHS, HS đọc lại đoạn thứ nhất.

– 1 – 2 HS trả lời.

– Nghe GV chốt ý kiến đúng: *Những mầm măng mọc lên vào mùa xuân.*

c) – *Cả lớp:* Nghe GV HD HĐ: 3 tranh nêu quá trình cây măng lớn lên như đã nêu trong bài. Xem tranh nào tả cây măng lúc mới mọc, tranh nào tả cây măng đang lớn. tranh nào tả cây măng lớn thành cây tre. Xếp lại các số 1, 2, 3 cho mỗi tranh để thấy được sự lớn lên của mầm măng thành cây tre.

– *Nhóm:* Trao đổi, xem từng tranh vẽ sự lớn lên của cây măng, đánh số lại cho từng tranh.

– *Cả lớp:* 2 – 3 nhóm nêu kết quả. GV chốt câu trả lời đúng: lần lượt các tranh mang số là: 1, 3, 2.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Nghe – viết đoạn văn.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả đoạn văn.

– *Cá nhân:*

+ Viết từ có chữ cái viết hoa ra nháp: *Thế.*

+ Viết đoạn văn vào vở.

+ Nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi và sửa lỗi.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

c) Xếp lại các số 1, 2, 3 cho mỗi tranh để thấy được sự lớn lên của mầm măng.



1 2 3

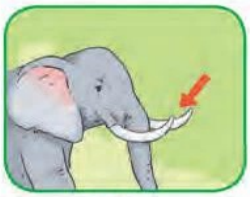
Viết

a) Nghe – viết một đoạn trong bài *Măng tre* (từ đầu đến *tua tủa*).

b) Chọn *ng*, *ngh* cho ô trống.



■ĩ ngơi



■à voi



■ôi sao



suy ■ĩ

Chép ba từ ngữ đã hoàn thành vào vở.

103

Nghe – nói

a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Bí con thoát nạn





1 Bé Quyên làm gì với hạt bí?

2 Ai đã gọi hạt bí thức dậy?





3 Khi tỉnh dậy, hạt bí con thay đổi thế nào? Bí con thích thú điều gì?

4 Bí con gặp điều gì nguy hiểm? Ai đã cứu bí con thoát nạn?

b) Kể một đoạn câu chuyện.

104

b) Chọn *ng* hoặc *ngh* cho ô trống.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn xem tranh, nói tên hoạt động, tên vật trong từng tranh. Chọn *ng* hoặc *ngh* cho chỗ trống ở từng từ chỉ vật, chỉ hoạt động dưới tranh.

– *Nhóm:* Trao đổi chọn thẻ chữ điền vào ô trống mỗi tranh.

– *Cá nhân:* Viết 3 từ ngữ tìm được vào vở.

HĐ4. Nghe – nói

a) Nghe kể chuyện *Bí con thoát nạn* và trả lời câu hỏi.

Cả lớp:

– Nhìn tranh, nghe GV kể chuyện theo từng tranh cho đến hết câu chuyện.

– Nhìn tranh, nghe GV kể lại câu chuyện theo từng tranh. 1 – 2 HS trả lời câu hỏi của GV sau khi nghe kể mỗi tranh, làm như vậy cho đến khi GV kể hết 4 tranh.

b) Kể một đoạn câu chuyện.

– *Nhóm:* Mỗi nhóm chỉ kể 1 đoạn. 4 nhóm kể 4 đoạn khác nhau. Ở mỗi nhóm: từng HS chỉ vào tranh, nghe bạn đọc câu hỏi dưới tranh để kể chuyện theo tranh đó.

– *Cả lớp:* Thi kể một đoạn câu chuyện.

+ Mỗi nhóm cử một bạn kể một đoạn nhóm đã kể (nhóm nào kể một đoạn câu chuyện của nhóm ấy).

+ Bình chọn nhóm kể hay nhất (kể đúng và đủ chi tiết).

Văn bản kể chuyện ***Bí con thoát nạn***

1. Bé Quyên gieo một hạt bí vào vườn. Bé chờ đợi ngày hạt nảy mầm.

2. Bí con ngủ một giấc dài trong lòng đất. Thế rồi, những hạt mưa xuân rơi đến chỗ bí con nằm và đánh thức nó:

– Dậy đi, bí con ơi! Mùa xuân đến rồi. Tất cả các chồi non đã thức dậy rồi, chỉ còn mỗi mình bạn là ngủ muộn đấy!

3. Bí con bừng tỉnh. Nó vươn vai rồi đội đất chui lên. Đầu tiên là hai chiếc lá mầm xinh xắn nhú lên. Nó thấy thế giới mới đẹp làm sao! Hoa rực rỡ khoe sắc dưới ánh mặt trời. Trên cây, đàn chim líu lo ca hát. Bí con cố kiễng chân lên để nhìn cho rõ. Mỗi lần kiễng chân, nó lại cao thêm một tí.

4. Bỗng một lão sâu rau gớm ghiếc lại gần. Hai cái răng nanh của lão trông như cái máy chém. Bí con khiếp sợ nhắm mắt, giơ chiếc lá non lên che mặt. Đúng lúc sâu rau định cắn bí con thì bàn tay bé Quyên đã gắp lão và vứt xuống ao.

Bé Quyên nói với bí con:

– Em đừng sợ gì nhé, chị sẽ bảo vệ em!

Cả vườn rau lao xao chúc mừng bí con thoát nạn.

(*Theo* Website Trường Mầm non Hạnh phúc, ngày 14/4/2014)

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

Bài 30C Lời của loài vật

Mục tiêu

- Đọc đúng từ, câu thơ, đoạn thơ trong bài *Dàn nhạc mùa hè*. Hiểu ý chính của bài thơ: có nhiều loài chim hót hay, tiếng hót của chim như lời hát đón chào mùa hè, HS yêu thích mùa hè đầy tiếng chim.
- Tô chữ hoa R, S; viết từ có chữ hoa R, S. Viết câu nói về hoạt động của con vật.
- Nói được tên các loài chim hót hay, nói các từ bắt chước tiếng kêu của một số con vật.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Một số tranh ảnh, đĩa ghi lại giọng hót hay của một số loài chim biết hót hay để học ở HĐ1.
- Mẫu chữ hoa R, S phóng to để học ở HĐ3a.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.
- *Tập viết 1*, tập hai.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV HD: nghe và xem đĩa VCD hoặc xem tranh ảnh về những loài chim hót hay. Nói tên từng loài chim đã xem.

– *Cả lớp:* 1 – 2 cặp nói trước lớp về một loài chim hót hay.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

Cả lớp:

– Nghe GV giới thiệu bài đọc nói về các tiếng hót hay của một số loài chim vào mùa hè.

– Nghe GV đọc cả bài. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:*

+ Đọc một số từ ngữ dễ mắc lỗi phát âm theo mẫu (GV chọn), VD: *nhạc trưởng, trầm, sóng đôi,...* (MB); *chạy, khuya, vỗ cánh,...* (MN).

+ Nghe GV giải thích nghĩa một số từ: *dàn nhạc* (những người cùng chơi đàn trong buổi biểu diễn), *nhạc trưởng* (người chỉ huy dàn nhạc), *nhị, hồ* (tên hai loại đàn cổ ở nước ta).

– *Nhóm:* Mỗi HS đọc một khổ thơ, nối tiếp nhau đến hết bài.

– *Cả lớp:* Thi đọc nối tiếp các khổ thơ giữa các nhóm; bình chọn nhóm đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) – *Cả lớp:*

+ Nghe GV HD cách chơi đóng vai: Mỗi em đóng vai là một con vật trong bài, sau đó tự nói về giọng hót hoặc tiếng kêu của mình theo ý nêu ở từng câu thơ, khổ thơ. Ví dụ: *Tôi là ve. Tiếng tôi bay ra từ hoa loa kèn.*

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

a) Đọc từng khổ thơ.

b) Nói tiếp từ ngữ tả tiếng của từng con vật.

– *Tôi là ve kim. Tiếng của tôi bay ra từ ...*

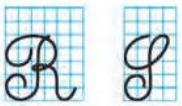
– *Tôi là chim tu hú. Tiếng của tôi như tiếng đàn ..., đàn ...*

– *Tôi là chim cu. Tiếng của tôi ...*

– *Tôi là chim sáo sậu. Tiếng của tôi ...*

c) Nói với bạn điều em thích nhất trong bài thơ.

3 Viết



a) Tô và viết.

– Tô chữ hoa: R, S.

– Viết: Phan Rang, Sa Pa.

b) Viết câu nói về hoạt động của con vật trong một tranh.





4 Nghe – nói

Nói những từ bắt chước tiếng kêu của một số con vật.

M: meo ... meo

– *Nhóm:* Thực hiện chơi đóng vai theo HD.

– *Cả lớp:* 1 – 2 nhóm đóng vai trước lớp.

c) – *Nhóm:* Từng HS chia sẻ xem mình thích nhất điều gì trong số những điều đã nêu trong bài.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS chia sẻ điều mình thích nhất trong bài thơ.

VD: *Tôi thích những câu thơ...*

Tôi thích hình ảnh ve là nhạc trưởng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tô và viết.

■ Tô chữ hoa

– *Cả lớp:* Nghe GV HD tô chữ hoa.

– *Cá nhân:* Tô chữ hoa R, S vào vở tập viết.

■ Viết từ

– *Cả lớp:* Nghe GV HD viết từ có chữ bắt đầu là chữ hoa R, S: Chữ viết sau chữ hoa cần viết gần sát chữ hoa.

– *Cá nhân:* Viết từ *Phan Rang, Sa Pa* vào vở tập viết.

b) Viết câu nói về hoạt động của con vật trong một tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn xem từng tranh. Nói xem con vật ở từng tranh làm gì.

– *Cặp:* Hỏi đáp về việc làm của con vật ở mỗi tranh. VD: Con gà làm gì sau khi đẻ trứng? Con chó làm gì khi có người lạ vào nhà.

– *Cá nhân:*

+ Chọn 1 tranh.

+ Viết câu về tranh đã chọn sau khi hỏi đáp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

– *Cả lớp*: Nghe GV hướng dẫn chơi trò bắt chước tiếng kêu của con vật (VD: con mèo kêu khi đòi ăn, con chó sủa khi có người lạ, con lợn kêu khi đòi ăn,...).

– *Cá nhân:* 3 – 4 HS nói tiếng kêu của con vật. Ai nói đúng được vỗ tay.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 30D Điều em muốn biết

Mục tiêu

- Đọc mở rộng một bài viết về loài vật.
- Nghe – viết hai khổ thơ. Viết đúng những từ chứa vần viết là *oay / uay*. (trong trường hợp vần *oay* đi sau âm *qu* và đi sau các âm không phải qu)
- Viết câu nói lại suy nghĩ hoặc tưởng tượng của em được gợi ra từ một tình huống.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Một số đồ dùng trong lớp học mà nhiều HS có thể chưa biết chúng dùng để làm gì (phích cắm điện, nam châm gắn đồ vật lên bảng, điều khiển tivi) để học ở HĐ1.
- 2 – 3 bộ thẻ từ, mỗi bộ một màu giấy riêng để học ở HĐ2c.
- Đĩa VCD ghi âm thanh tiếng chim hót và cảnh thiên nhiên nơi có chim hót để học ở HĐ2a.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

Bài 30D Điều em muốn biết

1 **Nghe – nói**

Hỏi bạn những điều em chưa biết về một đồ vật.



2 **Viết**

a) Viết điều em nghĩ đến hoặc tưởng tượng ra khi nghe tiếng chim hót.

M: Nghe tiếng chim hót líu lo, em nghĩ chúng đang nói chuyện.



b) Nghe – viết hai khổ thơ đầu của bài *Dàn nhạc mùa hè*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* HS xem một số vật thật do GV chuẩn bị và hình ảnh một số vật ở HĐ1 của SHS.

– *Cặp:* Từng HS chỉ vào một hình ở HĐ1 hoặc cầm một vật thật lên hỏi – đáp với bạn: *Cái này là cái gì? Nó dùng làm gì?* (HS có thể biết tên đồ vật và tác dụng của nó, HS cũng có thể không biết gì về đồ vật này thì GV giải thích). Ví dụ: Cái này là cái gì? – Đó là con chuột của máy tính. Nó dùng để làm gì? – Nó dùng để làm việc với máy tính.

– *Cả lớp:* 1 – 2 HS nêu đồ vật mình chưa biết.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Viết

a) Viết điều em suy nghĩ hoặc tưởng tượng.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn xem tranh và trả lời câu hỏi? Các bạn nhỏ đang làm gì? Nơi các bạn chơi có những cây gì? Trên cao có những con gì?

+ Nghe GV hướng dẫn tưởng tượng: dưới bóng cây các bạn vui chơi em nghe thấy những tiếng gì? Trên cao em nghe thấy gì từ bầy chim? Tiếng chim cho em biết chim đang nói gì?

– *Cá nhân:* 2 – 3 HS nói điều em tưởng tượng khi nghe tiếng chim hót.

VD: Nghe tiếng chim hót, em nghĩ chúng đang muốn trò chuyện với các bạn nhỏ đang chơi dưới gốc cây.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

b) Nghe – viết hai khổ thơ đầu của bài *Dàn nhạc mùa hè*.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c) Chơi trò *Bồ câu đưa thư* để tìm đúng từ cho ô trống trong đoạn văn.



Đu ■

Đu ■, đu ■, ngồi đu ■ là rất hay.
■■ tròn, ■ ■ tròn, em như bay.
Tay nắm chắc, tay nắm chắc, tôi với bạn cùng ■.

qoay quay xoay xuay

Chép hai từ đã tìm vào vở.

3 Đọc

a) – Tìm đọc một bài nói về loài vật.
– Chia sẻ với bạn hoặc người thân điều em thấy thú vị trong bài.

b) Gợi ý bài đọc mở rộng:

Thời gian ấp trứng của chim





Thời gian ấp trứng được tính từ ngày chim đẻ quả trứng cuối cùng đến ngày một con chim non ra đời. Các loài chim khác nhau thì có thời gian ấp trứng khác nhau. Những loài chim nhỏ, có trứng bé như chim sẻ, chỉ ấp trứng trong khoảng 11 ngày. Loài chim to như chim hải âu lớn cánh đen, có trứng to thì ấp trứng trong khoảng 80 ngày.

(Theo *10 vạn câu hỏi vì sao*)

? Nói với bạn điều em mới biết trong bài này.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả 2 khổ thơ.

– *Cá nhân*:

+ Viết từ: Tiếng.

+ Viết 2 khổ thơ vào vở.

+ Nghe GV đọc lại bài viết để soát lỗi và sửa lỗi.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

c) Chơi trò *Bồ câu đưa thư* để điền đúng từ cho lời bài hát.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách chơi: Đọc các thẻ từ và xác định từ ở thẻ nào viết đúng. Nghe GV đọc từng câu hát rồi chọn thẻ từ viết đúng cho chỗ trống trong câu hát và cử bạn làm bồ câu lên gắn thẻ từ vào từng chỗ trống.

– *Nhóm:* Nghe GV đọc từng câu và chọn thẻ từ đưa cho bạn chim bồ câu lên gắn vào chỗ trống trong câu (câu 1: *quay,* câu 2: *xoay,* câu 3: *quay)*.

– *Cả lớp:* Chọn nhóm thắng cuộc.

– *Cá nhân:* Viết: *quay, xoay* vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3. Đọc mở rộng

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn tìm đọc bài viết về loài vật trong sách khoa học cho trẻ em (Ví dụ: 10 vạn câu hỏi vì sao). Tìm tên bài nói về loài vật để đọc.

+ Nghe GV hướng dẫn nhiệm vụ sau khi đọc: nói với bạn hoặc người thân điều em thích hoặc điều em mới biết trong bài.

– *Cá nhân:* Chọn sách, chọn bài đọc theo hướng dẫn (HS có thể đọc bài gợi ý trong SHS: *Thời gian ấp trứng của chim.* Nói với bạn: Điều tớ mới biết trong bài này là chim sẻ chỉ ấp trứng 11 ngày).

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 31A Người thân một nhà

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Chú gấu con ngoan*. Kết hợp đọc chữ và xem tranh để hiểu chi tiết quan trọng, hiểu việc làm tốt của nhân vật trong câu chuyện.
- Viết đúng những từ bắt đầu bằng *ch / tr*. Chép đúng một đoạn văn.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 4 thẻ chữ *ch* và 4 thẻ chữ *tr* cho mỗi đội chơi, 4 thẻ có dấu thanh hỏi, 4 thẻ có dấu thanh ngã.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Bài 31A Người thân một nhà

CHỦ ĐIỂM GIA ĐÌNH EM

1 **Nghe – nói**

Kể cho bạn nghe về những người thân trong gia đình mình.

2 **Đọc**

Chú gấu con ngoan

1. Bác voi tới nhà gấu con chơi và cho gấu con một hũ mật ong. Gấu con thích lắm, rối rít cảm ơn bác.

2. Gấu con rót một cốc mật mang đến biếu ông nội. Ông tươi cười, xoa đầu gấu con và bảo:

– Ông cảm ơn gấu con.

3. Gấu con rót một cốc mật đưa cho mẹ. Gấu mẹ cảm động, ôm hôn gấu con và bảo:

– Con của mẹ ngoan quá!

4. Chỗ mật ong còn lại, gấu con mang cho gấu em. Gấu em thích quá, ôm lấy hũ mật, cười tít mắt. Thấy cả nhà vui, gấu con cũng vui theo.

(*Theo* Vân Nhi)

109

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp:* Từng HS mang ảnh chụp hoặc tranh vẽ (nếu có), nói trong cặp đôi về những người thân trong gia đình: gia đình có mấy người, tên tuổi và công việc của mỗi người, tình cảm của bạn với mọi người,...

M: *Gia đình tôi có 4 người: Bố tôi tên là Nam, năm nay bố tôi 31 tuổi, bố làm công nhân. Mẹ tôi tên là Mai, mẹ tôi 30 tuổi, mẹ làm thợ may. Đây là tôi. Đây là em bé của tôi. Em tên là Minh, em mới được 1 tuổi. Tôi rất yêu em Minh....*

– *Cả lớp:* 1 – 2 HS nói về gia đình của mình trước lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu bài đọc là một câu chuyện có tranh minh họa từng đoạn (truyện tranh *Chú gấu con ngoan*).

– *Cá nhân*: Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *rót, lấy, ông nội,...* (MB); *bác voi, khúc khích, quên,...* (MN).

– *Cá nhân/nhóm:*

+ Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp các đoạn đến hết bài.

+ Thi đọc nối tiếp các đoạn giữa 4 nhóm: mỗi nhóm cử 1 HS đọc một đoạn.

– *Cả lớp:* Nghe GV và các nhóm nhận xét HS của nhóm mình đọc. Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) – *Nhóm:* Đóng vai gấu con, ông nội, mẹ, gấu em và nói lời của từng vai khi gấu con rót từng cốc mật cho mọi người.

a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Nói lời của gấu ông, gấu mẹ khi được gấu con mời uống mật ong.

c) Theo em, vì sao gấu con đem mật ong cho ông, mẹ và em?

Viết

a) Chép đoạn 3 của bài *Chú gấu con ngoan*.

b) Chọn (1) hoặc (2).

(1) Chọn *ch*, *tr*:

■ăm sóc | ■iu mến | mong ■ờ | ■ông nom

Chép ba từ đã hoàn thành vào vở.

(2) Chọn *dấu hỏi*, *dấu ngã* cho chữ in đậm:

nung nịu | nuôi **dưỡng** | **cam** động | **đam** đang

Chép ba từ đã hoàn thành vào vở.

Nghe – nói

Kể một việc em đã làm ở nhà và được khen.



– *Cả lớp:* GV gọi 2 – 3 nhóm lên đóng vai cho cả lớp xem. Nhận xét nhóm, HS sắm vai hay, nói câu đúng.

c) – Nghe GV nêu yêu cầu c.

– *Cặp:* Trao đổi với bạn: Gấu con có tình cảm gì với ông, mẹ và em.

– *Cả lớp:* 2 – 3 cặp trả lời trước lớp. Nghe GV nhận xét.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Chép đoạn 3 của bài *Chú gấu con ngoan*.

– *Cá nhân:* 1 HS đọc cả đoạn văn. Từng HS viết các từ ra nháp: Gấu, rất, ngoan.

– *Cả lớp:* Từng HS chép đoạn văn vào vở theo HD: đọc từng cụm từ và ghi nhớ, chép lại cụm từ đã ghi nhớ.

Gấu con rót / một cốc mật đưa cho mẹ. / Gấu mẹ cảm động, / ôm hôn gấu con và bảo: /

– Con của mẹ ngoan quá.

+ Từng HS nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi.

+ Từng HS sửa lỗi của bài viết theo HD của GV.

+ Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

b) Thi: *Tiếp sức* để luyện viết đúng từ có âm đầu *ch/tr* hoặc từ có *dấu hỏi/dấu ngã*.

– *Cả lớp:* Nghe GV nói về mục đích chơi và HD cách chơi: Chơi để luyện viết đúng từ có âm đầu *ch/tr* hoặc từ có *thanh hỏi/thanh ngã*. Cách chơi: Lớp chia thành 2 đội, mỗi đội cử từng HS lần lượt lên gắn thẻ từ vào chỗ trống trong mỗi từ ngữ. Đội gắn nhanh và đúng nhiều thẻ là đội thắng cuộc.

– *Nhóm:* 2 đội thực hiện chơi.

– *Cả lớp:* Bình chọn đội thắng cuộc. Từng HS viết các từ viết đúng vào vở.

a) *chăm sóc, trìu mến, mong chờ, trông nom.*

b) *nũng nịu, nuôi dưỡng, cảm động, đảm đang.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Kể một việc em làm ở nhà và được khen.

– *Cả lớp:* Nghe GV nêu yêu cầu: Nhớ lại một việc mình làm ở nhà được khen.

– *Cá nhân:*

+ Thực hiện yêu cầu.

+ 2 – 3 em nói trước lớp.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 31B Nhớ những ngày vui

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, khổ thơ trong bài *Tết đang vào nhà*. Hiểu chi tiết quan trọng trong bài trả lời được câu hỏi đọc hiểu.
- Viết đúng những từ có tiếng bắt đầu *ch/tr*, từ có *dấu hỏi, dấu ngã*. Nghe – viết một đoạn văn.
- Nghe kể câu chuyện *Sự tích bông hoa cúc trắng* và kể lại được một đoạn câu chuyện.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 2 thẻ chữ *ch* và 2 thẻ chữ *tr*, 2 thẻ có *dấu hỏi,* 2 thẻ có *dấu ngã* cho mỗi đội chơi.
- Video clip hoặc tranh ảnh minh hoạ HĐ1, HĐ2, HĐ4.
- Băng, đĩa câu chuyện *Sự tích bông hoa cúc trắng*.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Bài 31B Nhớ những ngày vui

1 Nghe – nói

Kể lại những việc làm trong dịp Tết của gia đình em.

2 Đọc

Tết đang vào nhà

1. Hoa đào trước ngõ
Cười vui sáng hồng
Hoa mai trong vườn
Rung rinh cánh trắng.
2. Sân nhà đầy nắng
Mẹ phơi áo hoa
Em dán tranh gà
Ông treo câu đối.
3. Tết đang vào nhà
Sắp thêm một tuổi
Đất trời nở hoa.
(*Theo* Nguyễn Hồng Kiên)

? a) Đọc từng khổ thơ trong nhóm.
b) Kể tên những loài hoa nở vào dịp Tết.
c) Kể việc làm của mỗi người trong gia đình vào dịp Tết.
d) Đọc thuộc một khổ thơ.

111

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Chia nhóm, nhìn tranh minh hoạ để nhớ về những việc các em làm vào dịp Tết.
– *Nhóm:* Thảo luận, đại diện nhóm kể trước lớp các việc làm. VD đi chợ hoa, dọn dẹp, gói bánh chưng.
– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét câu trả lời.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu bài đọc.
– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.
– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *năm mới, mua sắm,...* (MB); *Nguyên đán, bánh chưng,...* (MN).
– *Cá nhân/nhóm:*
+ Mỗi HS đọc một đoạn; đọc nối tiếp các đoạn đến hết bài.
+ Thi đọc nối tiếp các đoạn giữa 3 nhóm: mỗi nhóm cử 1 HS đọc một đoạn.
– *Cả lớp:*
+ Nghe GV và các nhóm nhận xét HS của nhóm mình đọc.
+ Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Nghe GV nêu yêu cầu b.
Cá nhân:
– Từng HS đọc thầm khổ thơ 1 (GV có thể cho HS xem những clip ngắn về chợ hoa ngày Tết).
– Một số HS trả lời.

c) – *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn: Đọc khổ thơ 2, tìm việc làm của mỗi người vào dịp Tết.
– *Nhóm:* Thảo luận, đưa ra ý kiến đại diện nhóm trả lời.
– *Cả lớp*: Nghe GV nhận xét câu trả lời chốt đáp án đúng.

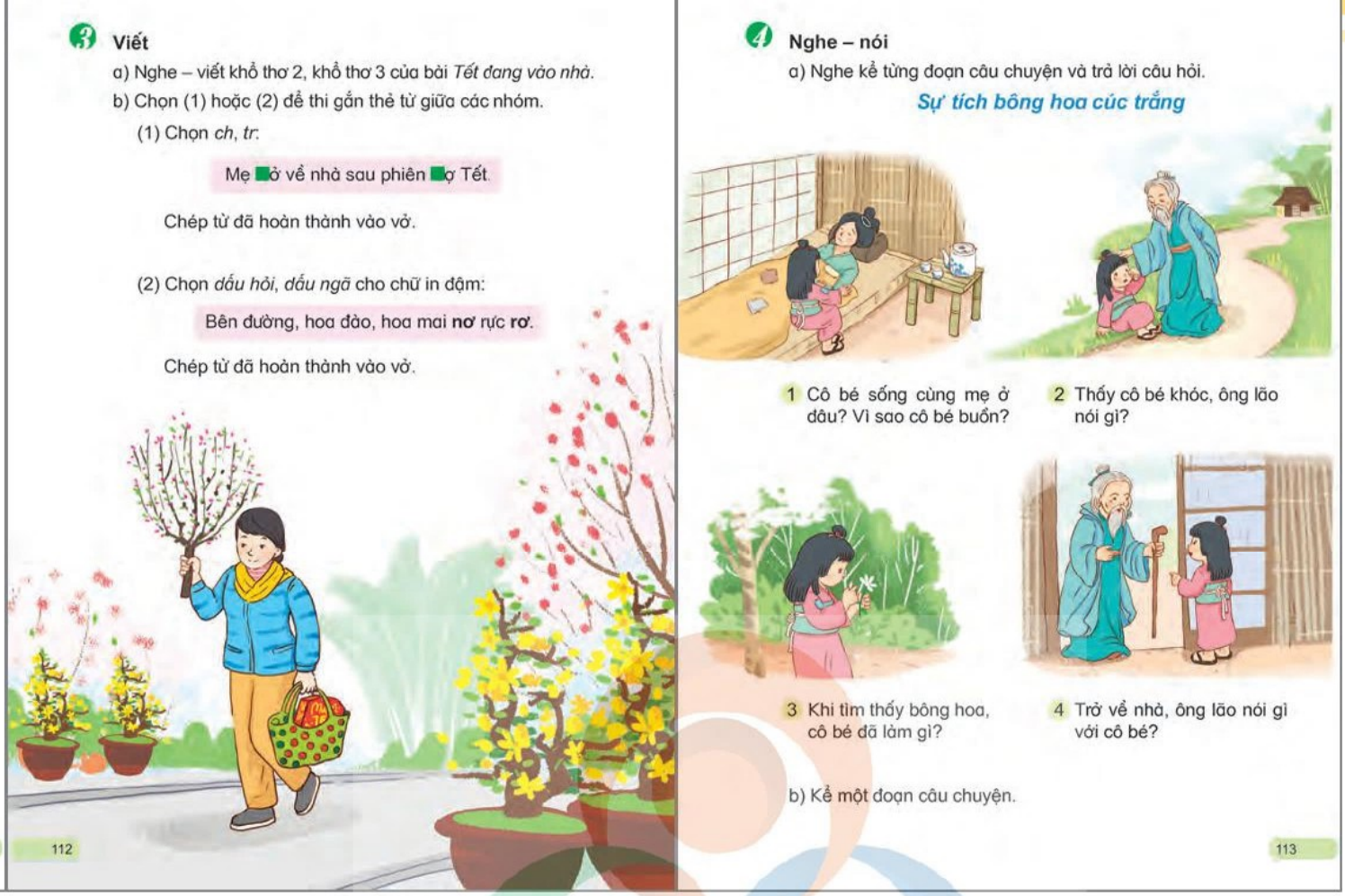
d) Đọc thuộc một khổ thơ.
– *Cả lớp*: Nghe GV nêu yêu cầu đọc thuộc 1 khổ thơ.
– *Nhóm*: Từng HS nhẩm và đọc thuộc một khổ. Đại diện nhóm đọc trước lớp.
– *Cả lớp*: Nghe GV nhận xét nhóm đọc thuộc và hay nhất.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Nghe – viết 2 khổ thơ trong bài *Tết đang vào nhà*.
– *Cả lớp:* Nghe GV đọc lại 2 khổ thơ cuối của bài thơ.
– *Cá nhân:* Viết các từ ngữ có chữ cái mở đầu viết hoa ra nháp: *Sân, Mẹ, Em, Ông, Tết, Sắp, Đất*.
– *Cả lớp*:
+ Nghe GV đọc, chép hai khổ thơ vào vở theo HD: đọc từng cụm từ.
+ Nghe GV đọc lại hai khổ thơ để soát lỗi và sửa lỗi.
+ Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

b) Thi điền *tr/ch* hoặc *dấu hỏi/dấu ngã* để luyện viết đúng từ.
– *Cả lớp:* GV cho HS quan sát tranh minh hoạ ở HĐ3b, gọi vài HS nói nội dung tranh. Cả lớp đọc thầm hai câu (1) và (2) ở HĐ3b.



3 Viết

a) Nghe – viết khổ thơ 2, khổ thơ 3 của bài *Tết đang vào nhà*.

b) Chọn (1) hoặc (2) để thi gắn thẻ từ giữa các nhóm.

(1) Chọn *ch*, *tr*:

Mẹ ■ở về nhà sau phiên ■ợ Tết.

Chép từ đã hoàn thành vào vở.

(2) Chọn *dấu hỏi*, *dấu ngã* cho chữ in đậm:

Bên đường, hoa đào, hoa mai **nơ** rực **rơ**.

Chép từ đã hoàn thành vào vở.

112

4 Nghe – nói

a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Sự tích bông hoa cúc trắng

1 Cô bé sống cùng mẹ ở đâu? Vì sao cô bé buồn?

2 Thấy cô bé khóc, ông lão nói gì?

3 Khi tìm thấy bông hoa, cô bé đã làm gì?

4 Trở về nhà, ông lão nói gì với cô bé?

b) Kể một đoạn câu chuyện.

113

– *Nhóm:* Mỗi nhóm cử từng bạn lần lượt lên gắn thẻ từ vào chỗ trống ở mỗi từ. Nhóm gắn nhanh và đúng nhiều thẻ là nhóm thắng cuộc (1) *trở*, *chợ*; (2) *nở*, *rỡ*.

– *Cả lớp*: Bình chọn nhóm thắng cuộc.

HĐ4. Nghe – nói

a) Nghe kể chuyện *Sự tích bông hoa cúc trắng*.

– *Cả lớp:*

+ Nghe băng kể câu chuyện *Sự tích bông hoa cúc trắng*.

+ Quan sát tranh, nghe GV kể lại từng đoạn câu chuyện.

– *Nhóm:*

+ HS quan sát tranh, trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh.

+ Đại diện mỗi nhóm lên chỉ tranh, trả lời câu hỏi.

1. *Cô bé sống cùng mẹ ở đâu? Vì sao cô bé buồn?* (Cô bé sống cùng mẹ trong túp lều tranh. Cô bé buồn vì mẹ cô bị bệnh nặng mà không có tiền mua thuốc.)
2. *Thấy cô bé khóc, ông lão nói gì?* (Ông lão nói: "Cháu hãy đến gốc cây cổ thụ to nhất trong rừng hái một bông hoa trên đó. Bông hoa có bao nhiêu cánh thì mẹ cháu sống được bấy nhiêu ngày.")
3. *Khi tìm thấy bông hoa, cô bé đã làm gì?* (Cô bé dùng tay xé dần mỗi cánh hoa lớn thành nhiều cánh hoa nhỏ để hi vọng mẹ được sống lâu hơn.)
4. *Trở về nhà, ông lão nói gì với cô bé?* (Ông lão nói với cô bé: "Mẹ của cháu khỏi bệnh rồi đấy. Đó chính là phần thưởng cho lòng hiếu thảo của cháu").

b) Kể một đoạn câu chuyện.

– *Nhóm:* HS kể cho nhau nghe trong nhóm, mỗi HS chỉ vào tranh kể 1 đoạn.

– *Thi kể chuyện giữa các nhóm:* Các nhóm cử đại diện thi kể một đoạn câu chuyện.

Sự tích bông hoa cúc trắng

1. Ngày xưa, có cô bé sống cùng mẹ trong túp lều tranh. Một ngày, mẹ cô bị bệnh nặng nhưng nhà nghèo không có tiền mua thuốc, cô bé buồn lắm.

2. Một lần, thấy cô đang ngồi khóc bên đường, một ông lão đi qua nói:

– Cháu hãy đến gốc cây cổ thụ to nhất trong rừng hái một bông hoa trên đó. Bông hoa có bao nhiêu cánh thì mẹ cháu sống được bấy nhiêu ngày.

3. Cô bé tìm thấy bông hoa. Cô đếm chỉ có năm cánh hoa. Chẳng nhẽ mẹ cô chỉ sống được bằng đấy ngày thôi sao? Cô liền dùng tay xé dần cánh hoa lớn thành những cánh hoa nhỏ. Bông hoa nhiều cánh đến mức không còn đếm được nữa.

4. Trở về nhà, cô bé thấy cụ già đứng ngay cửa, tươi cười nói với cô rằng:

– Mẹ của cháu khỏi bệnh rồi đấy. Đó chính là phần thưởng cho lòng hiếu thảo của cháu!

Từ đó người đời gọi bông hoa ấy là bông hoa cúc trắng để nói về lòng hiếu thảo của cô bé.

(Theo *Cổ tích Nhật Bản*)

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN

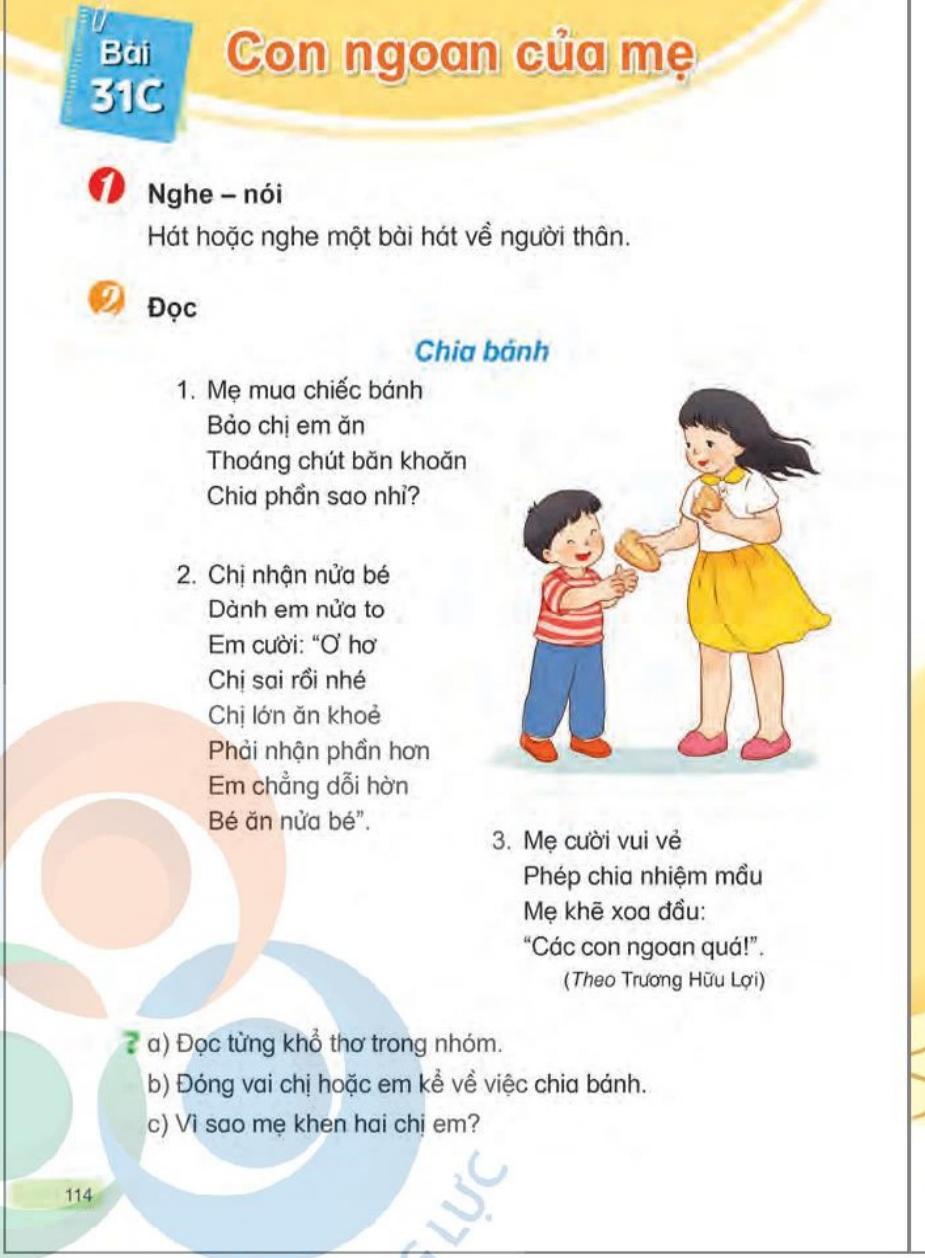
Bài 31C Con ngoan của mẹ

Mục tiêu

- Đọc đúng từ, câu thơ, đoạn thơ trong bài *Chia bánh*. Hiểu tình cảm của hai chị em thể hiện ở cách chia bánh.
- Tô chữ hoa U, Ư; viết từ có chữ hoa U, Ư. Viết được câu nói về việc làm của bạn nhỏ trong bức tranh. Hiểu từ ngữ nói về tình cảm gia đình.
- Nghe – nói về chủ điểm *Gia đình*.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Video clip hoặc tranh ảnh minh hoạ HĐ2, HĐ4.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.
- *Tập viết 1*, tập hai.



Bài 31C Con ngoan của mẹ

1 **Nghe – nói**

Hát hoặc nghe một bài hát về người thân.

2 **Đọc**

Chia bánh

1. Mẹ mua chiếc bánh
Bảo chị em ăn
Thoáng chút băn khoăn
Chia phần sao nhỉ?

2. Chị nhận nửa bé
Dành em nửa to
Em cười: "Ơ hơ
Chị sai rồi nhé
Chị lớn ăn khoẻ
Phải nhận phần hơn
Em chẳng dỗi hờn
Bé ăn nửa bé".

3. Mẹ cười vui vẻ
Phép chia nhiệm mầu
Mẹ khẽ xoa đầu:
"Các con ngoan quá!".

(*Theo* Trương Hữu Lợi)

? a) Đọc từng khổ thơ trong nhóm.
b) Đóng vai chị hoặc em kể về việc chia bánh.
c) Vì sao mẹ khen hai chị em?

114

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Hát hoặc nghe một bài hát về người thân.

– *Nhóm:* HS chọn bài hát mình thuộc: hát trong nhóm.
– *Cả lớp:* 1– 2 HS lên trình bày trước lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu bài đọc *Chia bánh* là một bài thơ có tranh minh hoạ từng đoạn.
– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi theo dòng. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

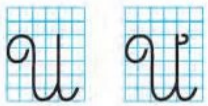
a) Để thực hiện yêu cầu.
– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *thoáng, băn khoăn,...* (MB); *chiếc bánh, vui vẻ,...* (MN).
– *Cá nhân:* Mỗi HS đọc một dòng, đọc nối tiếp các dòng đến hết bài (2 – 3 lượt).
– *Nhóm:*
+ Mỗi HS trong nhóm đọc 1 đoạn.
+ Thi đọc nối tiếp các đoạn giữa 3 nhóm: mỗi nhóm cử 1 HS đọc một đoạn.
– *Cả lớp:*
+ Nghe GV và các nhóm nhận xét HS của nhóm mình đọc.
+ Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Nghe GV nêu yêu cầu.
Cặp: Đóng vai chị và đóng vai em kể lại việc chia phần bánh.
c) Nghe GV nêu câu hỏi:
– *Cả lớp:* Nghe câu hỏi của GV.
Vì sao mẹ khen hai chị em?
– *Cặp:* Từng cặp HS nêu ý kiến từ những gợi ý của GV.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

3 Viết



a) Tô và viết.

– Tô chữ hoa: U, Ư.

– Viết: U Minh, Ứng Hoà.

b) Viết câu nói về việc làm của bạn nhỏ trong một tranh.





4 Nghe – nói

Kể một việc làm thể hiện sự quan tâm của em đối với người thân.



115

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS nói ý kiến trước lớp. GV ghi nhận một số ý kiến, ví dụ: *Mẹ khen vì hai chị em biết yêu thương, nhường nhịn nhau*. …

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tô và viết.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách viết, và quan sát GV viết mẫu trên bảng (hoặc trên vở ô li qua máy chiếu):

+ Chữ U, Ư

+ Chữ U Minh, Ứng Hoà.

– *Cả lớp:* Từng HS tô chữ hoa, viết từ theo HD.

+ Nghe GV nhận xét, sửa bài viết của một số bạn.

+ Từng HS sửa lỗi của bài viết theo HD của GV.

b) Viết một câu nói về việc làm của bạn nhỏ trong tranh.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD yêu cầu của HĐ3b.

– *Nhóm:*

+ HS quan sát, nêu nội dung tranh. HS lựa chọn và nói về việc làm của bạn nhỏ trong một tranh.

Tranh 1: *Xúc cho em ăn*. Tranh 2: *Rót nước cho bà uống*.

– *Cá nhân:* Từng HS viết câu theo tranh mình chọn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn yêu cầu. Nhớ lại một việc làm của em quan tâm đến người thân (ông, bà, bố, mẹ, cô...)

– *Cặp:* Trao đổi trong cặp. từng bạn kể lại việc làm của mình.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS kể lại việc làm của mình. Nghe GV nhận xét.

– *Cá nhân:* Viết câu trả lời của mình vào vở.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 31D Nhớ lời bố mẹ dặn

Mục tiêu

- Đọc trơn và đọc hiểu một câu chuyện thuộc chủ điểm *Gia đình*.
- Nghe – viết một đoạn văn. Viết đúng những từ mở đầu bằng *s/x, v/d*.
- Nói, viết về nhân vật trong tranh.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Thẻ từ và câu có chỗ trống để học HĐ2c.
- Chuẩn bị một số câu chuyện dành cho thiếu nhi thuộc chủ điểm *Gia đình* (Có thể tham khảo câu chuyện *Chú thỏ thông minh* trong VBT).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

Bài 31D Nhớ lời bố mẹ dặn

1 **Nghe – nói**

Ở nhà, bố mẹ thường dặn dò, chỉ bảo em điều gì? Kể cho bạn nghe.

2 **Viết**

a) Viết một câu về việc em đã làm theo lời bố mẹ dặn.

– Em đã làm việc gì theo lời dặn của bố mẹ?

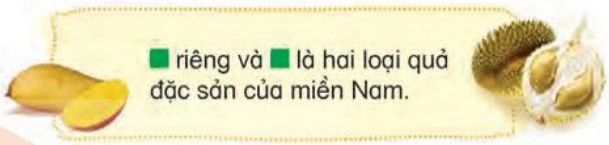
– Em cảm thấy thế nào sau khi làm xong việc đó?

b) Nghe – viết khổ 2 của bài thơ *Chia bánh*.

c) Chọn (1) hoặc (2) để chơi trò *Nhìn hình đoán chữ*.

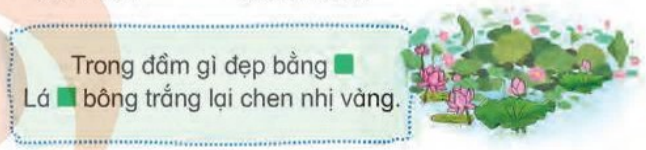
(1) Chọn từ cho ô trống trong câu.

– *xầu / sầu* – *xoài / soài*



■ riêng và ■ là hai loại quả đặc sản của miền Nam.

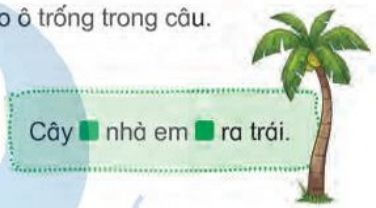
– *xen / sen* – *xanh / sanh*



Trong đầm gì đẹp bằng ■
Lá ■ bông trắng lại chen nhị vàng.

(2) Chọn từ cho ô trống trong câu.

– *vừa / dừa*



Cây ■ nhà em ■ ra trái.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cặp:* Từng HS kể cho bạn nghe ở nhà thường được bố, mẹ hoặc ông, bà,... chỉ bảo, dạy dỗ.

VD: *Mẹ tớ dặn: đi học phải về nhà ngay, không được la cà……*

– *Cả lớp:* 1 – 2 HS kể trước lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

a) Viết một câu về việc em đã làm theo lời bố mẹ dặn.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc câu hỏi gợi ý.

– *Nhóm:* Thảo luận, từng bạn trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:* 2 – 3 bạn đại diện trả lời. Nghe GV nhận xét.

– *Cá nhân:* Viết câu trả lời của mình vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

b) Nghe – viết khổ thơ 2 trong bài *Chia bánh*.

Cả lớp:

– Nghe GV đọc từng dòng thơ, từng HS viết khổ thơ vào vở theo HD.

– Nghe GV đọc lại khổ thơ để soát lỗi.

– Sửa lỗi của bài viết theo HD của GV.

– Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

c) Chơi: *Nhìn hình, đoán chữ* để luyện viết đúng từ có âm đầu *s / x* hoặc *v / d*.

– *Cả lớp:* Nghe GV nói về mục đích chơi và HD cách chơi: Chơi để luyện viết đúng từ có âm đầu viết bằng *s / x* hoặc *v / d*. Cách chơi: Lớp chia thành 2 đội. Cách chơi: Mỗi đội quan sát tranh (hoặc video clip), nhìn câu GV đưa ra, nêu nhanh tiếng thích hợp cần điền. Đội tìm được từ nhanh và đúng là đội thắng cuộc.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

– *dòng / vòng*



■ kênh lượn ■ quanh cánh đồng.

Đọc

a) – Tìm đọc một câu chuyện hoặc bài thơ về gia đình.

– Chia sẻ với người thân về nhân vật hoặc những câu thơ em thích.

b) Gợi ý bài đọc mở rộng:

Thỏ con thông minh

1. Thỏ con sống cùng mẹ. Chú thường chạy ra bờ sông uống nước. Trước khi đi, thỏ mẹ thường nhắc:

– Cáo cũng hay ra sông dạo chơi lắm đấy!



2. Một hôm, sau khi uống no bụng, thỏ con ngẩng lên đã thấy cáo đang tiến lại gần và nói:

– Thỏ con lên lưng anh cõng vào rừng chơi nào!

Thỏ con hơi chần chừ, nhưng nhớ lời mẹ dặn, chú nói:

– Em thích lắm nhưng để em về nhà lấy mũ đã.

3. Thỏ con chạy về nhà, chú kể lại chuyện gặp cáo với mẹ. Thỏ mẹ khen thỏ con thông minh.

4. Ngoài bờ sông, cáo ngờ nghệch đứng chờ mãi. Khi mặt trời lặn, nó không chờ được nữa, đành ôm cái bụng đói meo về rừng.

(Theo *Chuyện kể cho bé*)

Kể cho bạn nghe một việc làm của thỏ con mà em thích.

– *Nhóm:* 2 đội thực hiện chơi.

– *Cả lớp:* Bình chọn đội thắng cuộc. Từng HS ghi các từ vừa đoán vào vở:

a) *sầu, xoài, sen, xanh.*

b) *dừa, vừa.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3. Đọc mở rộng

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn tìm đọc truyện hoặc bài thơ về gia đình (sách do GV giới thiệu ở tủ sách của lớp, thư viện, hoặc do GV chuẩn bị): tên một số truyện, bài thơ trong từng cuốn sách.

+ Nghe GV hướng dẫn nhiệm vụ sau khi đọc: nói với bạn hoặc người thân về nhân vật hoặc những câu thơ em thích trong bài đọc.

– *Cá nhân:* tự tìm sách và đọc theo hướng dẫn (HS có thể đọc bài *Thỏ con thông minh* trong SHS rồi chia sẻ với bạn về bài đọc này).

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 32A Em lớn lên rồi

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Bộ áo của mèo mướp*. Kết hợp đọc chữ và xem tranh để hiểu chi tiết quan trọng, nói được suy nghĩ của nhân vật và rút ra được bài học từ câu chuyện.
- Viết đúng những từ có tiếng bắt đầu bằng *d/v, s/x*. Chép đúng một đoạn văn.
- Nói một vài câu về những việc đã làm để giúp gia đình.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Một số bộ thẻ từ cho HĐ3 (*quả dải, quả vải, dỏ cây, vỏ cây, đĩa sôi, đĩa xôi, sữa chua, xữa chua*).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.

1 **Nghe – nói**

Nói về những việc em đã làm để giúp đỡ gia đình.





2 **Đọc**

Bộ áo của mèo mướp



1. Các chị mèo khoang, mèo tam thể chuyển đến nhà mới. Mèo mướp buồn vì chẳng được ai mời đến nhà mới.



2. Mèo mướp hỏi mẹ:

– Có phải vì áo con xấu nên chẳng ai mời đến nhà không?

– Ồ không, vì con còn bé chưa biết bắt chuột.



3. Từ hôm đó, mèo mướp rất chăm tập luyện. Chẳng bao lâu, mèo mướp nhanh nhẹn tinh khôn hẳn lên.



4. Bác hàng xóm sang mời mèo mướp về nhà. Lúc này, mèo mướp đã hiểu: muốn sang nhà mới thì phải biết bắt chuột.

(*Theo* Phong Thu)

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Quan sát tranh, nghe GV giới thiệu một số việc làm để giúp đỡ gia đình của bạn nhỏ trong tranh (tưới cây, trông em, gấp quần áo,...).

– *Cặp:* Từng HS nói về việc mình đã làm để giúp đỡ gia đình.

M: *Tớ tưới cây giúp bố mẹ.*

– *Cả lớp*: 1 – 2 HS nói về việc đã làm để giúp đỡ gia đình trước lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu bài đọc là một câu chuyện có tranh minh hoạ từng đoạn.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *sang, luyện, lâu,...* (MB); *mèo khoang, buồn bã,...* (MN).

– *Cá nhân/nhóm:* Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp các đoạn đến hết bài; Thi đọc nối tiếp các đoạn giữa 4 nhóm: mỗi nhóm cử 1 HS đọc một đoạn.

– *Cả lớp:* Nghe GV và các nhóm nhận xét HS của nhóm mình đọc; Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) *Cả lớp:*

– Nghe GV nêu câu hỏi b trong SHS.

– 1 – 2 HS trả lời.

– Nghe GV chốt ý kiến đúng.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

? a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Vì sao lúc đầu mèo mướp chưa được mời đến nhà mới?

c) Nếu nuôi một con mèo thì em thích luyện cho nó làm gì?

3 Viết

a) Nghe – viết.

Một cô bé bắt được chú ve. Bố cô bé bảo:
– Đây là con ve vẫn ca hát buổi sáng đấy!
Cô bé nhớ lại khúc hát của ve sầu bèn thả ve ra.
(*Theo* Lép Tôn-xtôi)

b) Cùng chơi tìm thẻ từ viết đúng.



dỏ cây | đĩa xôi | quả vải



đĩa sôi | vỏ cây | sữa chua



quả dải | xữa chua



Chép ba từ ngữ tìm được vào vở.

4 Nghe – nói

Trong năm học lớp 1, em đã biết làm thêm việc gì?

c) Nghe GV nêu yêu cầu c.

– *Cả lớp:* Nghe GV gợi ý: *Em thích luyện cho con mèo làm gì?* (ngoan ngoãn hơn, ngủ đúng chỗ, chơi với em,...)

– *Cặp:* Từng cặp HS nói về con mèo mình thích từ những gợi ý của GV.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS nói ý kiến trước lớp. GV ghi nhận một số ý kiến, VD: *Em thích luyện cho mèo biết bắt chuột.*

Nghe GV nói về ý nghĩa bài học: Bạn mèo mướp ngoan, biết bắt chuột, biết làm việc có ích nên được yêu mến. Mỗi em tuy còn nhỏ nhưng cũng nên cố gắng làm những việc có ích, giúp đỡ gia đình, người thân,... để được mọi người yêu mến.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Nghe viết đoạn văn.

– *Cá nhân:* 1 HS đọc cả đoạn văn. Từng HS viết các từ có chữ cái mở đầu viết hoa ra nháp: Một, Bố, Đây, Cô.

– *Cả lớp:* Từng HS chép đoạn văn vào vở theo HD: đọc từng cụm từ và ghi nhớ, chép lại cụm từ đã ghi nhớ.

Một cô bé / bắt được chú ve. / Bố cô bé bảo:

– Đây là con ve / vẫn ca hát / buổi sáng đấy!

Cô bé nhớ lại / khúc hát của ve sầu / bèn thả ve ra.

+ Từng HS đọc lại đoạn văn để soát lỗi.
+ Từng HS sửa lỗi của bài viết theo HD của GV.
+ Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

b) Chơi: *Tìm từ đúng.*

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách chọn các đội chơi: Chia lớp thành 2 (hoặc 3 đội). Mỗi đội chọn 4 bạn tham gia chơi, từng đội quan sát các bộ thẻ từ được gắn trên bảng. Nghe hiệu lệnh, các đội thi chọn những thẻ có từ viết đúng chính tả *v/d, s/x*, mỗi đội được chọn 4 lần.

– *Cả lớp:* Đếm thẻ từ của từng đội thi. Đội chọn được đủ 4 thẻ có từ viết đúng chính tả nhanh nhất là đội thắng cuộc. HS ghi các từ viết đúng vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Trả lời câu hỏi: *Trong năm học lớp 1, em đã biết làm thêm việc gì?*

– *Nhóm:* Trao đổi trong nhóm về những việc em đã làm được.

– *Cá nhân:* 3 – 4 HS nói trước lớp về điều mình làm được.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 32B Làm thế nào để khoẻ mạnh?

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong bài *Bữa ăn trong ngày*. Hiểu chi tiết quan trọng trong bài. Gọi tên được sự vật trong hình thể hiện nội dung bài.
- Viết đúng những từ mở đầu bằng *tr / ch*. Viết đúng *dấu hỏi / dấu ngã*. Nghe – viết một đoạn văn.
- Nghe kể câu chuyện *Cóc thi tài với voi* và kể lại được một đoạn câu chuyện.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh phóng to câu chuyện ở HĐ4.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.



Bài 32B Làm thế nào để khoẻ mạnh?

1 Nghe – nói

Nói với bạn về một đồ ăn em yêu thích.

a) Tên đồ ăn.

b) Vì sao em thích đồ ăn đó?

2 Đọc

Bữa ăn trong ngày

1. Chúng ta cần ăn ba bữa trong ngày: bữa sáng, bữa trưa, bữa tối. Thức ăn chia làm ba lần tốt hơn so với dồn vào hai lần.

2. Bữa ăn cần đảm bảo có đủ các loại thức ăn: cơm (hoặc mì, ngô,...), thịt, tôm, cá, trứng, rau củ quả,...

3. Bữa trưa là bữa cần ăn nhiều nhất để con người có đủ sức khoẻ. Bữa tối nên ăn ít và không nên ăn muộn.

120

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Quan sát tranh trong SHS, nghe GV HD nói về đồ ăn: *Tên đồ ăn, vì sao em thích đồ ăn đó?* (tốt cho sức khoẻ, ngon, thơm, giòn,...).

– *Cặp:* Từng HS nói trong cặp về một đồ ăn yêu thích:
M: *Tớ thích ăn kem vì kem rất thơm ngon.*

– *Cả lớp:* 1 – 2 HS nói về đồ ăn yêu thích trước lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu bài đọc là một văn bản nói về cách ăn uống hợp lí.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *trong, sáng, trưa,...* (MB); *vào, nhiều,...* (MN).

– *Cá nhân/nhóm:* Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp các đoạn đến hết bài; Thi đọc nối tiếp các đoạn giữa 4 nhóm: mỗi nhóm cử 1 HS đọc một đoạn.

– *Cả lớp:* Nghe GV và các nhóm nhận xét HS của nhóm mình đọc; Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Nghe GV nói yêu cầu b.

Nhóm: Từng nhóm xem tranh và lựa chọn tranh có đồ ăn phù hợp cho bữa trưa. Một số nhóm cử đại diện nói về đồ ăn phù hợp cho bữa trưa. Chọn bạn nói đúng và nói đủ ý theo yêu cầu của GV.

c) Cùng chơi *Đối mặt*

– *Cả lớp:*

+ Mỗi nhóm chọn 2 bạn tham gia chơi. Các bạn chơi đứng thành vòng tròn trước lớp. Các bạn khác trong nhóm cổ vũ.

+ Chơi *Đối mặt* theo chủ đề bữa ăn tối. Mỗi bạn trong vòng tròn phải nói 1 câu về cách ăn bữa tối. Bạn nào không nói được sẽ bị loại khỏi cuộc chơi.

+ Bạn còn lại cuối cùng thuộc nhóm nào thì nhóm đó thắng cuộc.

– *Cá nhân:* HS viết lại câu nói về cách ăn bữa tối vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Nghe – viết đoạn văn.

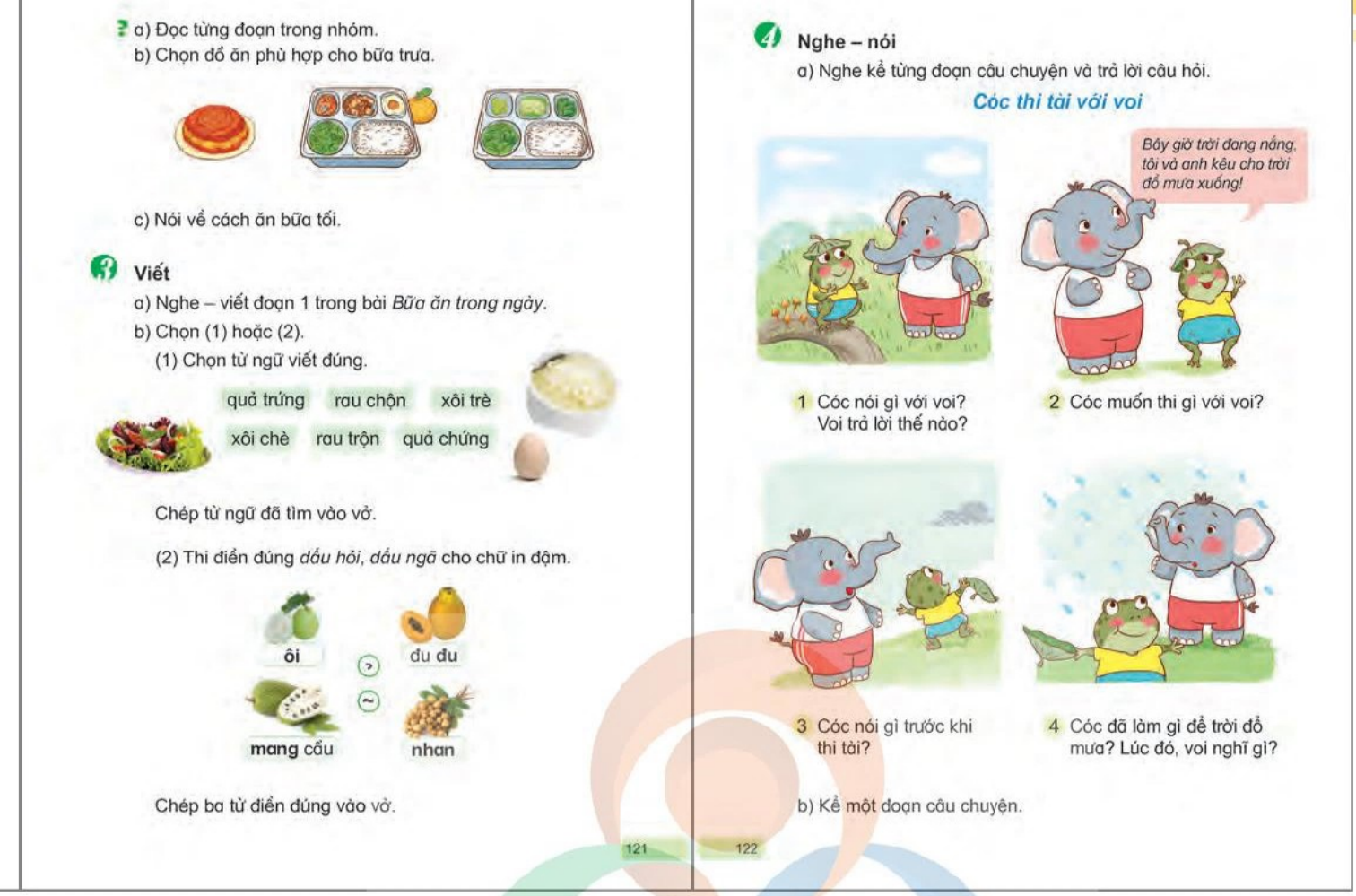
– *Cả lớp:* Nghe GV đọc đoạn văn lần 1, chú ý những chỗ GV ngắt nghỉ nghe GV HD cách viết đoạn văn, chú ý những chỗ viết hoa mở đầu câu: *chúng, thức,...*

– *Cả lớp:* HS nghe – viết đoạn văn vào vở theo HD: nghe từng cụm từ và ghi nhớ, viết lại cụm từ đã ghi nhớ.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi và sửa lỗi. Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

b) Viết đúng từ ngữ.

(1) Cùng chơi *Nhảy cóc*.



? a) Đọc từng đoạn trong nhóm.
b) Chọn đồ ăn phù hợp cho bữa trưa.

c) Nói về cách ăn bữa tối.

Viết

a) Nghe – viết đoạn 1 trong bài *Bữa ăn trong ngày*.

b) Chọn (1) hoặc (2).

(1) Chọn từ ngữ viết đúng.

quả trứng | rau chộn | xôi trẻ
xôi chè | rau trộn | quả chứng

Chép từ ngữ đã tìm vào vở.

(2) Thi điền đúng *dấu hỏi, dấu ngã* cho chữ in đậm.

ôi / đu đủ
mang cầu / nhan

Chép ba từ điền đúng vào vở.

121

Nghe – nói

a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Cóc thi tài với voi

Bây giờ trời đang nắng, tôi và anh kêu cho trời đổ mưa xuống!

1 Cóc nói gì với voi? Voi trả lời thế nào?

2 Cóc muốn thi gì với voi?

3 Cóc nói gì trước khi thi tài?

4 Cóc đã làm gì để trời đổ mưa? Lúc đó, voi nghĩ gì?

b) Kể một đoạn câu chuyện.

122

Cả lớp:

– Nghe GV HD chơi *Nhảy cóc*: Chọn 2 đội chơi, xếp thành 2 hàng dọc, số bạn trong mỗi đội bằng nhau. Nghe đọc các từ trong bảng, nếu thấy từ đúng thì nhảy lên phía trước, từ sai nhảy về phía sau. Bạn nào nhảy sai bị loại khỏi hàng.

– Nghe GV đọc từng từ, mỗi bạn trong các đội chơi tự quyết định từ đúng / sai và nhảy cóc.

– GV loại bạn nhảy sai ra khỏi hàng.

– Chọn đội có số bạn còn lại nhiều nhất là đội thắng cuộc.

– HS viết các từ đã tìm vào vở.

(2) Thi điền đúng *dấu hỏi/dấu ngã*.

– *Cả lớp:* Quan sát 2 bảng phụ ghi nội dung bài tập trên bảng lớp.

– *Nhóm:* Chọn 2 bạn đại diện 2 nhóm tham gia chơi.

– *Cả lớp:* Nghe hiệu lệnh, 2 bạn chơi điền đúng *dấu hỏi/dấu ngã* vào các từ còn thiếu để có từ đúng. Bạn nào điền đúng và nhanh là thắng cuộc. HS viết 3 từ điền đúng vào vở.

HĐ4. Nghe – nói

a) Nghe kể chuyện *Cóc thi tài với voi.*

– *Cả lớp:* Nghe GV kể chuyện lần 1: nghe kể từng đoạn câu chuyện, nghe kể cả câu chuyện.

– *Cá nhân:* Nghe GV kể chuyện lần 2, nhìn tranh phóng to treo trên bảng và trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh.

b) Kể một đoạn câu chuyện.

– *Nhóm:* Nghe bạn hỏi, chỉ vào tranh và tập kể lại từng đoạn.

– *Cả lớp:* Thi kể một đoạn câu chuyện giữa các nhóm. Chọn nhóm thắng cuộc.

Văn bản kể chuyện

Cóc thi tài với voi

1. Mỗi năm, các loài vật trong rừng lại tổ chức thi tài. Con vật nào cũng háo hức. Lần thi này, mỗi con được tự lựa chọn con vật thi tài cùng mình. Đến lượt cóc thi, cóc nhỏ bé muốn thi tài với voi. Cậu ta nói: "Tôi với cậu thử tài nhau xem sao."

Voi trả lời:

– Nhưng chúng mình thi gì nhỉ!

2. Cóc nói: "Bây giờ trời đang nắng, tôi và anh kêu cho trời đổ mưa xuống. Ai làm được thì thắng cuộc."

3. Voi đồng ý. Chú giơ vòi lên chuẩn bị gọi mưa. Cóc tự tin bảo voi: "Để tôi làm trước. Cậu xem nhé!"

4. Rồi cóc chép miệng, nghiến răng. Một chốc, quả nhiên có trận mưa rào. Voi thán phục, rồi vui vẻ chịu thua cóc.

(Phỏng theo *Truyện cổ nước Nam*)

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 32C Đồ chơi tuổi thơ

Mục tiêu

- Đọc đúng từ, câu, đoạn thơ trong bài *Nặn đồ chơi*. Hiểu tấm lòng của em bé trong bài.
- Tô chữ hoa T, V; viết từ có chữ hoa T, V.
- Nói – viết về đồ chơi em thích.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- 3 bộ tranh cho HĐ2.
- Bảng phụ viết câu cho HĐ3.
- Một số đồ chơi phù hợp với HS lớp 1 (gấu bông, ô tô đồ chơi, bộ xếp hình, bộ cờ cá ngựa).
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.
- *Tập viết 1*, tập hai.



Bài 32C Đồ chơi tuổi thơ

1 **Nghe – nói**

Nói về một đồ chơi yêu thích em tự làm.

2 **Đọc**

Nặn đồ chơi

1. Bên thềm gió mát
Bé nặn đồ chơi
Mèo nằm vẫy đuôi
Tròn xoe đôi mắt.

2. Đây là quả thị
Đây là quả na
Quả này phần mẹ
Quả này phần cha.

3. Đây chiếc cối nhỏ
Bé nặn thật tròn
Biếu bà đấy nhé
Giã trầu thêm ngon.

4. Đây là thằng chuột
Tặng riêng chú mèo
Mèo ta thích chí
Vểnh râu "meo meo".

(*Theo* Nguyễn Ngọc Ký)

123

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Quan sát tranh vẽ ở HĐ1, nghe GV HD: HS nhớ đến một đồ chơi em đã tự làm (đồ chơi bằng đất nặn, tranh xé dán,...), nói tên đồ chơi, một số đặc điểm của đồ chơi (đồ chơi có màu gì? làm bằng giấy, đất...?). Em làm gì để đồ chơi không bị hỏng?...

– *Cặp:* Từng cặp HS nói về đồ chơi tự làm.

– *Cả lớp:* Một số HS nói trước lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* Nghe GV giới thiệu bài đọc là một bài thơ có tranh minh hoạ.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc cả bài rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS đọc một số từ ngữ dễ phát âm sai. Cả lớp đọc đồng thanh các từ ngữ này: *tròn, là, trầu,...* (MB); *vẫy, vểnh, đuôi,...* (MN).

– *Cá nhân/nhóm:* Mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp các đoạn đến hết bài; thi đọc nối tiếp các đoạn giữa các nhóm: mỗi nhóm cử 1 HS đọc một đoạn.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV và các nhóm nhận xét HS của nhóm mình đọc.

+ Bình chọn nhóm có bạn đọc tốt nhất.

Đọc hiểu

b) Cùng chơi *Nối tranh.*

– *Nhóm:* Đọc thầm cả bài thơ, tìm ra nội dung các đoạn thơ; chia lớp làm 3 nhóm, mỗi nhóm cử 3 bạn tham gia chơi nối tranh.

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

? a) Đọc từng khổ thơ trong nhóm.

b) Chọn quả của bạn nhỏ cho từng người, từng con vật.








c) Em thấy bạn nhỏ trong bài đáng yêu ở điểm nào?

3 Viết

a) Tô và viết.

– Tô chữ hoa: T, V.

– Viết: Vũng Tàu.



b) Viết một câu về một đồ chơi em thích.

4 Nghe – nói

Nói về một đồ chơi em được tặng.

– *Cả lớp:*

+ Quan sát 3 bộ tranh được dán trên bảng lớp. Nghe hiệu lệnh, các bạn chơi nhanh tay đặt các tranh thành từng cặp đúng với nội dung bài học (đặt tranh vẽ quả thị, quả na bên cạnh tranh vẽ bố, mẹ; tranh vẽ chiếc cối bên cạnh tranh vẽ bà; tranh vẽ con chuột bên cạnh tranh vẽ con mèo).

+ Chọn nhóm nối đúng và nhanh.

c) Nghe GV đọc yêu cầu c.

– *Cả lớp:* Nghe câu hỏi HD của GV và trả lời:

+ *Bạn nhỏ đáng yêu ở điểm nào?* (Bạn nhỏ không nặn đồ chơi cho mình mà làm đồ chơi cho những người thân. Bạn nhỏ luôn nghĩ đến người thân, quan tâm và dành những điều tốt đẹp cho người thân.)

– *Cặp:* Từng cặp HS nói về điều mình học được từ những gợi ý của GV.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tô và viết.

■ Tô chữ hoa

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách tô chữ hoa.

– *Cá nhân:* Tô chữ hoa T, V vào vở tập viết.

■ Viết từ

– *Cả lớp:* Nghe GV HD viết từ có chữ mở đầu là chữ hoa T, V: Chữ viết sau chữ hoa cần viết gần sát chữ hoa.

– *Cá nhân:* Viết từ *Vũng Tàu* vào vở tập viết.

b) Viết một câu về đồ chơi em thích.

– *Cặp:* Trao đổi về đồ chơi mình thích với bạn.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS nói trước lớp.

– *Cá nhân:* Viết câu trả lời của mình vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Nói về 1 đồ chơi em được tặng.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn về đồ chơi (Em được tặng đồ chơi gì? Đồ chơi đó có đặc điểm gì về màu sắc, nguyên liệu, lợi ích).

– *Nhóm:* Nói về đồ chơi. Cử đại diện nói trước lớp.

– *Cả lớp:* Nghe HS các nhóm nói về đồ chơi GV ghi nhận một số câu (Em được tặng 1 con gấu bông. Bạn gấu có màu lông vàng rất đẹp).

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN HÀNG NGÀY

Bài 32D Tình bạn

Mục tiêu

- Đọc mở rộng một câu chuyện hoặc bài thơ về trẻ em.
- Viết 1 – 2 câu về việc em làm cùng bạn. Nghe – viết một đoạn thơ. Viết đúng những từ có tiếng chứa âm đầu *s* hoặc *x*, *v* hoặc *d*.
- Hỏi – đáp về hoạt động của trẻ em.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Tranh ảnh hoặc đĩa hình về một số hoạt động của trẻ em.
- 3 – 4 bộ thẻ từ để học ở HĐ2 (mỗi bộ một màu riêng).
- Một số cuốn truyện hoặc thơ có những truyện hoặc bài thơ về trẻ em.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.*

Bài 32D Tình bạn

1 **Nghe – nói**

Đôi bạn trong mỗi tranh đang làm gì?

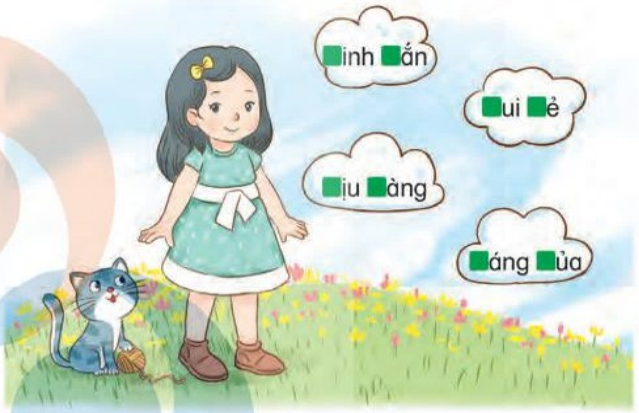


2 **Viết**

a) Viết một hoặc hai câu kể về việc em cùng làm với bạn.
- Em và bạn làm gì?
- Có bạn cùng làm, em thấy thế nào?

b) Nghe – viết hai khổ thơ đầu trong bài *Nặn đồ chơi*.

c) Chọn *s*, *x*, *v*, *d* cho ô trống để tạo thành từ tả bạn trong tranh.



Chép ba từ đã hoàn thành vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:* Nghe GV HD: Quan sát tranh vẽ trong HĐ1, nhớ đến người bạn thân của em, nói về những việc em thường làm cùng bạn (cùng nhau đi học, cùng chơi chung đồ chơi, cho nhau bánh kẹo,...)

– *Cặp:* Từng cặp nói về bạn thân theo gợi ý của cô (thầy).

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS nói về người bạn thân của mình trước lớp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Viết

a) Viết 1 – 2 câu kể về những việc em cùng làm với bạn.

– *Cặp:* Hỏi – đáp về từng câu hỏi trong SHS.

+ Nghe GV làm mẫu hỏi – đáp với 1 HS:

Bạn cậu tên là gì? – Bạn tớ tên là Mai.

Các bạn cùng nhau làm gì? – Chúng tớ cùng nhau đi học/ Chúng tớ cùng nhau chơi đồ chơi.

+ Hỏi – đáp theo hướng dẫn.

– *Cá nhân:* Ghi lại những câu đã trả lời trong hỏi – đáp với bạn vào vở.

– *Cặp:* Đổi bài cho bạn để phát hiện lỗi và sửa lỗi.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

b) Nghe – viết 2 khổ thơ đầu trong bài *Nặn đồ chơi*.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả đoạn thơ.

– *Cá nhân:*

+ Viết hoa các chữ đầu câu: Bên, Bé, Mèo, Tròn, Đây, Quả.

+ Viết đoạn thơ vào vở theo lời GV đọc.

+ Nghe GV đọc lại đoạn thơ để soát lỗi và sửa lỗi.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Đọc

a) – Tìm đọc một câu chuyện hoặc bài thơ về trẻ em.

– Chia sẻ với bạn, người thân về nhân vật hoặc những câu thơ em thích.

b) Gợi ý bài đọc mở rộng:

Cậu bé và chim hoạ mi



1. Mùa hè, Tuấn về quê chơi. Lúc trở về, Tuấn được cậu cho một chú chim hoạ mi nhốt trong chiếc lồng rất đẹp.

2. Tuấn đặt lồng chim gần cửa sổ. Hằng ngày, Tuấn cho chim ăn hạt kê và dế con. Nhưng từ hôm về nhà, hoạ mi không hót. Tuấn hỏi bố:

– Sao hoạ mi không hót? Hay nó bị ốm hả bố?

Bố Tuấn bảo:

– Nó nhớ tổ, nhớ mẹ đấy. Khi con nhớ nhà, nhớ mẹ, con có muốn hát không?

3. Tuấn hiểu ra. Cậu ngắm hoạ mi một lúc lâu rồi mở cửa lồng và nói:

– Hãy về với mẹ, với tổ ấm đi!

Hoạ mi nhìn cậu bé với ánh mắt biết ơn rồi bay vù ra khỏi lồng. Tuấn nghe thấy tiếng chú chim hót vang.

(*Theo* Phong Thu)

? Nói với bạn vì sao không nên nhốt chim vào lồng.

c) Viết từ đúng.

– *Cả lớp:* Nghe GV HD cách chơi *Tả bạn*: đọc từ trên các thẻ, lựa chọn *s/x, v/d* điền vào chỗ trống trên thẻ để tả bạn gái trong tranh, ai điền nhanh nhất là thắng cuộc.

– *Nhóm:* Thi điền từ, chọn người thắng cuộc. Trình bày kết quả trước lớp.

– *Cả lớp:* Nhận xét bài làm từng nhóm; chọn nhóm có kết quả tốt nhất.

– *Cá nhân:* HS ghi các từ viết đúng vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3. Đọc mở rộng

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn tìm đọc truyện hoặc bài thơ về trẻ em trong một số cuốn sách (sách do GV chuẩn bị hoặc sách có trong tủ sách của lớp, tủ sách ở thư viện): tên sách, tên một số truyện hoặc một số bài thơ về trẻ em trong mỗi cuốn sách.

+ Nghe GV hướng dẫn nhiệm vụ sau khi đọc mở rộng: chia sẻ với bạn hoặc người thân về nhân vật hoặc những câu thơ em thích.

– *Cá nhân (làm ngoài giờ học):* tự tìm sách đọc theo hướng dẫn của GV (HS có thể đọc bài gợi ý ngay trong SHS). Nói với bạn điều em biết về trẻ em (trò chơi của trẻ em, tình bạn của trẻ em...) trong bài đọc. Ví dụ: Bài *Cậu bé và chim hoạ mi* cho em biết hoạ mi hót rất hay và không nên nhốt chim vào lồng...

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

Bài 33A Những điều giản dị

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn câu, đoạn trong bài *Chiếc rễ đa tròn*. Hiểu ý nghĩa của chi tiết quan trọng và bài học rút ra từ câu chuyện.
- Viết đúng những từ mở đầu bằng *ch, tr*. Nghe – viết một đoạn văn.
- Kể những điều em biết về Bác Hồ.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Ảnh Bác treo ở lớp. Một số tranh ảnh về Bác Hồ với thiếu nhi.
- Bộ thẻ từ để học ở HĐ3b.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.*



Bài 33A Những điều giản dị

CHỦ ĐIỂM CUỘC SỐNG QUANH EM

1 **Nghe – nói**

Bạn biết gì về Bác Hồ?

2 **Đọc**

Chiếc rễ đa tròn

1. Sớm hôm ấy, Bác Hồ đi dạo trong vườn. Bác thấy một chiếc rễ đa nhỏ và dài nằm ngay dưới gốc cây đa. Bác nhặt chiếc rễ đa, cuốn nó thành một vòng tròn, rồi nói với chú bảo vệ:

– Chú trồng chiếc rễ này bằng cách vùi hai đầu rễ xuống đất.

Chú bảo vệ trồng theo ý Bác nhưng vẫn chưa rõ làm thế để làm gì.

2. Nhiều năm sau, chiếc rễ đa đã trở thành cây đa nhỏ có cành lá hình tròn. Các em thiếu nhi vào thăm nhà Bác thích chơi trò chui qua chui lại vòng lá ấy.

(Theo truyện *Bác Hồ kính yêu*)

127

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp:

+ Xem ảnh Bác Hồ treo ở lớp, tranh ảnh Bác Hồ với thiếu nhi.

+ 1 HS nói những điều em biết về Bác Hồ. VD: *Bác Hồ là vị Chủ tịch của nước ta. Bác rất yêu thiếu nhi.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

Cả lớp: Nghe GV đọc bài. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:*

+ Luyện đọc đúng từ ngữ: *rễ, cuốn.*

+ Đọc ngắt hơi câu trong bài (cá nhân, đồng thanh).

– *Nhóm:* Đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm. Thi đọc một đoạn giữa các nhóm.

Đọc hiểu

b) Trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:*

+ HS đọc câu hỏi b.

+ Nghe GV hướng dẫn đọc lại đoạn 2. Nói xem chiếc rễ đa tròn được trồng trước đây đã thành gì?

– *Nhóm:* Trao đổi để tìm câu trả lời. VD: Bác Hồ cho trồng chiếc rễ đa tròn để sau này nó thành cây đa có vòng lá hình tròn cho thiếu nhi chơi.

c) Thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* Nghe GV hỏi: *Việc Bác Hồ cho trồng chiếc rễ đa tròn cho trẻ em chơi cho thấy Bác có yêu quý trẻ em không?*

– *Nhóm:* Từng HS nói về việc Bác Hồ đã làm thể hiện tình cảm của Bác dành cho trẻ em.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

? a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Bác Hồ cho trồng chiếc rễ đa tròn để làm gì?

c) Nói về tình cảm của Bác Hồ dành cho trẻ em.

3 Viết

a) Nghe – viết một đoạn trong bài *Chiếc rễ đa tròn* (từ *Nhiều năm sau* … đến hết).

b) Tìm từ ngữ viết đúng.



Chép ba từ ngữ tìm được vào vở.

4 Nghe – nói

Cùng hát một bài hát về Bác Hồ.

VD: *Bác Hồ rất yêu trẻ em.*

Bác đã bắt nhịp cho các em nhỏ hát.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Nghe – viết đoạn văn.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả đoạn văn. Mỗi HS luyện viết tiếng có chữ hoa: Bác.

– *Cá nhân:*

+ Viết bài theo GV đọc.

+ Nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi và sửa lỗi.

+ Đổi bài cho bạn để cùng sửa lỗi.

b) Tìm từ ngữ viết đúng.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi trò *Hái lá:* HS đọc các thẻ từ hình lá và mỗi em chọn một thẻ từ viết đúng, tiếp đó em sau lên chọn tiếp thẻ từ khác.

– *Nhóm:* HS chơi theo đội. Lớp chia thành 2 đội. Đội thắng là đội có số thẻ viết đúng nhiều hơn.

– *Cá nhân:* Viết vào vở 3 từ ngữ viết đúng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Cả lớp: Nghe GV bắt nhịp rồi hát một bài về Bác Hồ (*Như có Bác trong ngày vui đại thắng, Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh,...*).

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

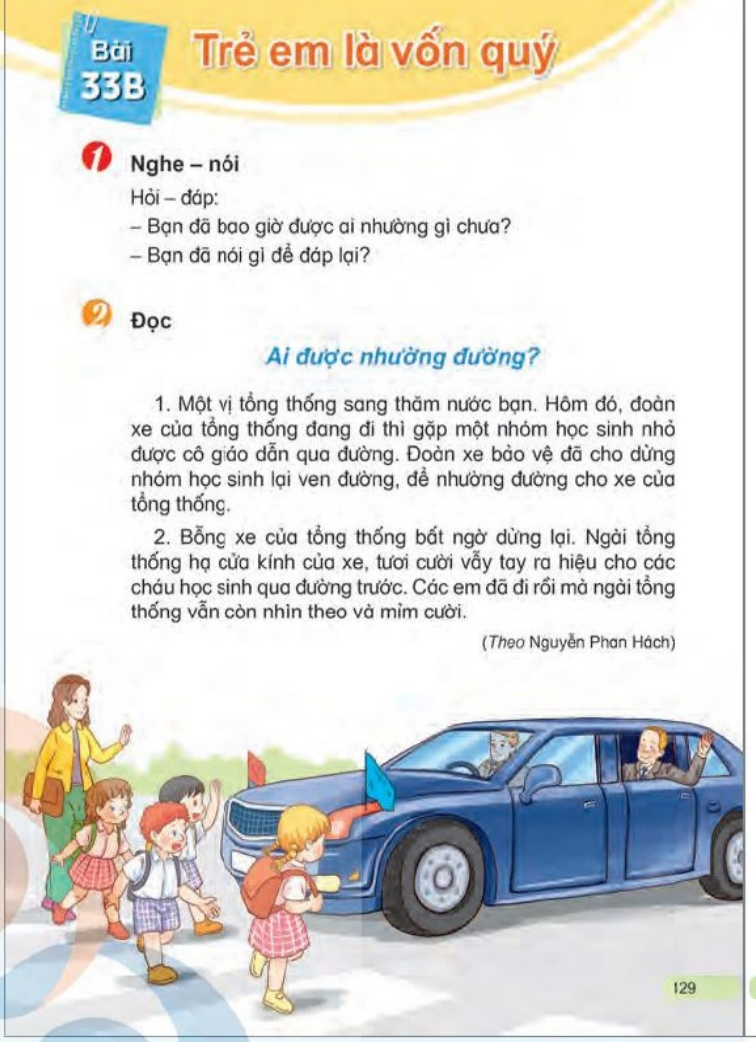
Bài 33B Trẻ em là vốn quý

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn câu, đoạn trong bài *Ai được nhường đường?*. Nhận biết chi tiết quan trọng, giải thích ý nghĩa của chi tiết trong câu chuyện.
- Viết đúng những từ mở đầu bằng *ch, tr;* từ có dấu hỏi, dấu ngã. Nghe – viết một đoạn văn.
- Kể một việc em đã được nhường. Nghe kể chuyện và trả lời câu hỏi. Kể một đoạn câu chuyện.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Một số tranh về người lớn nhường trẻ em. (VD: Chị cho em phần bánh to.)
- Bộ thẻ từ để học ở HĐ3b.
- Tranh phóng to ở HĐ4 để phục vụ tiết kể chuyện.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.*


Bài 33B Trẻ em là vốn quý

1 Nghe – nói

Hỏi – đáp:

– Bạn đã bao giờ được ai nhường gì chưa?

– Bạn đã nói gì để đáp lại?

2 Đọc

Ai được nhường đường?

1. Một vị tổng thống sang thăm nước bạn. Hôm đó, đoàn xe của tổng thống đang đi thì gặp một nhóm học sinh nhỏ được cô giáo dẫn qua đường. Đoàn xe bảo vệ đã cho dừng nhóm học sinh lại ven đường, để nhường đường cho xe của tổng thống.

2. Bỗng xe của tổng thống bất ngờ dừng lại. Ngài tổng thống hạ cửa kính của xe, tươi cười vẫy tay ra hiệu cho các cháu học sinh qua đường trước. Các em đã đi rồi mà ngài tổng thống vẫn còn nhìn theo và mỉm cười.

(*Theo* Nguyễn Phan Hách)

129

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:*

+ Mỗi HS nhớ lại xem mình đã có lần được ai nhường cho cái gì dựa trên câu hỏi gợi ý trong SHS. Nhớ lại mình đã nói gì khi được nhường.

+ 2 HS nói điều mình nhớ lại. VD: *Em được chị nhường cho cái cặp sách đẹp. Em đã cảm ơn chị.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

Cả lớp: Nghe GV đọc bài. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:*

+ Luyện đọc đúng từ ngữ: *tổng thống, nhường.*

+ Đọc ngắt hơi câu dài trong bài do GV chọn (cá nhân, đồng thanh).

– *Nhóm:* Đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm.

Đọc hiểu

b) Thực hiện yêu cầu.

Nhóm:

– HS đọc yêu cầu b, đọc lại đoạn thứ nhất.

– Mỗi HS nói tiếp câu còn trống để hoàn thành câu trong bài. 2 – 3 HS nói câu hoàn thành trước lớp.

GV chốt câu trả lời đúng: … *đoàn xe của tổng thống.*

c) Trả lời câu hỏi.

– 1 HS đọc câu hỏi c.

+ HS trao đổi trong nhóm và chọn câu trả lời. 2 – 3 HS đại diện nhóm nêu câu trả lời.

+ Nghe GV chốt câu trả lời đúng (câu 3).

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Nói tiếp để hoàn thành câu:

Nhóm học sinh khi qua đường đã gặp …

c) Vì sao ngài tổng thống lại nhường học sinh qua đường trước?

1 Vì ngài muốn nhìn thấy học sinh qua đường

2 Vì ngài thấy học sinh muốn sang đường trước

3 Vì ngài tổng thống yêu quý trẻ em

3 Viết

a) Nghe – viết một đoạn trong bài *Ai được nhường đường?* (từ *Một vị tổng thống …* đến *dẫn qua đường*).

b) Chọn (1) hoặc (2).

(1) Tìm từ có tiếng mở đầu là *ch, tr.*







Chép bốn từ đã tìm vào vở.

(2) Tìm từ ngữ viết đúng *dấu hỏi, dấu ngã.*

mỏ cò	chổi đót	rổ rau	tủ gỗ
cửa sổ	cái vòng	bát đũa	





Chép bốn từ ngữ đã tìm vào vở.

4 Nghe – nói

a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Chiếc rễ đa tròn




1. Bác Hồ đã làm gì với chiếc rễ đa nhỏ?
2. Sau này, chiếc rễ đa Bác cho trồng có gì thú vị?

b) Kể một đoạn câu chuyện.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Nghe – viết đoạn văn.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả đoạn văn. Mỗi HS luyện viết đúng các từ: tổng thống, Hôm.

– *Cá nhân:*

+ Nghe GV đọc và viết đoạn văn vào vở.

+ Nghe GV đọc lại đoạn văn để soát lỗi.

b) Tìm nhanh từ viết đúng.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn chọn mục (1) hoặc (2).

+ Nghe GV hướng dẫn chơi trò dán tên cho hình ở mục (1): Mỗi HS nghe GV nói tên vật thì viết tên đó ra rồi dán dưới hình. Làm như thế cho 5 hình.

+ Nghe GV hướng dẫn trò chơi cướp cờ cho mục (2): Từng HS lên cướp 1 thẻ từ. Ai cướp thẻ từ đúng là người thắng.

– *Cá nhân:* Viết vào vở 4 từ ngữ viết đúng.

HĐ4. Nghe – nói

a) Nghe kể chuyện *Chiếc rễ đa tròn* và trả lời câu hỏi.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV kể theo tranh thứ nhất, 1 – 2 HS trả lời câu hỏi dưới tranh.

+ Nghe GV kể theo tranh thứ hai, 1 – 2 HS trả lời câu hỏi dưới tranh.

b) Kể một đoạn câu chuyện.

+ Mỗi HS chọn 1 tranh để kể.

+ Mỗi HS nghe bạn đặt câu hỏi, nhìn tranh để kể đoạn câu chuyện đã chọn.

+ 2 nhóm cử đại diện thi kể 1 đoạn câu chuyện.

– *Nhóm:* Chọn một tranh để kể một đoạn câu chuyện theo gợi ý của tranh và câu hỏi.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 33C

Những con vật quanh em

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn câu, đoạn trong bài *Mời vào*. Nhận biết chi tiết quan trọng trong bài: đặc điểm của con vật, lợi ích của gió.
- Tô chữ hoa X, Y. Viết câu nói về con vật.
- Kể về con vật nuôi.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Một số tranh hoặc video clip về những con vật gần gũi với em.
- Mẫu chữ hoa X, Y.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.*
- *Tập viết 1, tập hai*



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Kể về những con vật nuôi trong nhà.

– *Cả lớp:*

+ 2 – 3 HS nói tên con vật mình yêu thích nuôi trong nhà và nói câu nêu lí do khiến em thích con vật đó.

VD: Em yêu chú chó xù nhà em vì chú có bộ lông rất đẹp.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

Cả lớp: Nghe GV đọc bài. Đọc thầm theo GV.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:*

+ Luyện đọc đúng từ ngữ: nai, thỏ, buồm, thuyền.

+ Đọc ngắt hơi ở cuối mỗi câu thơ trong bài (cá nhân, đồng thanh).

– *Nhóm:* Đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm.

Thi đọc một đoạn giữa các nhóm.

Đọc hiểu

b) Thực hiện nhiệm vụ b: Đóng vai.

– *Nhóm:*

+ HS đọc nhiệm vụ b, đọc lại đoạn 1.

+ Từng cặp HS đóng vai thỏ và nai để nói về đặc điểm của chúng: *Thỏ có tai dài, nai có gạc đẹp trên đầu.*

VD:

Nai: *Tôi là nai, tôi có cặp gạc đẹp lắm.*

Thỏ: *Tôi là thỏ, tôi có đôi tai thật là dài.*

– *Cặp đôi:* 2 cặp HS đóng vai trước lớp.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

? a) Đọc từng khổ thơ trong nhóm.

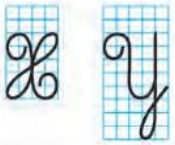
b) Đóng vai nai, thỏ, nói về đặc điểm của mỗi con vật được nêu trong bài.

M: *Tôi là thỏ. Tôi có hai cái tai dài.*

c) Nói về lợi ích của gió.

d) Đọc thuộc một khổ thơ.

3 Viết



a) Tô và viết.

– Tô chữ hoa: X, Y.

– Viết: Xuân Lộc, Ý Yên.

b) Viết câu nói về con thỏ hoặc con nai trong bài *Mời vào*.

4 Nghe – nói

Nói một hoặc hai câu về con vật trong tranh.



c) Nói về lợi ích của gió.

– HS đọc đoạn 2 và tìm những lợi ích của gió trong đoạn.

– 2 – 3 HS nói về lợi ích của gió: gió làm mát, gió đẩy thuyền buồm, gió rung lá cây,...

d) Đọc thuộc một khổ thơ.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách đọc thuộc một khổ thơ. HS được chọn khổ thơ mình yêu thích, đọc thuộc từng câu, nhớ đặc điểm của thỏ, nai,... ở khổ thơ 1 và 2.

– *Cá nhân:* Luyện đọc từng câu để thuộc khổ thơ mình chọn.

– *Nhóm:* Từng HS đọc khổ thơ mình đã thuộc.

– *Cả lớp:* Thi đọc thuộc một khổ thơ. Bình chọn những bạn đọc tốt.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tô và viết.

■ Tô chữ *X, Y.*

– *Cả lớp:*

+ Quan sát chữ X.

+ Nghe GV hướng dẫn cách tô chữ X.

– *Cá nhân:* Tô chữ hoa X trong vở *Tập viết. Làm tương tự như vậy với Y.*

■ Viết chữ *Xuân Lộc, Ý Yên.*

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét một số bài viết.

b) Viết câu nói về nai hoặc thỏ trong bài *Mời vào*.

– *Nhóm:* HS nói về một điểm nổi bật của con thỏ và một điểm nổi bật của con nai trong bài.

– *Cá nhân:*

+ Chọn một con nai hoặc thỏ. Viết lại câu em nói về đặc điểm con vật đã chọn. VD: Con thỏ có hai tai dài.

+ Đổi bài cho bạn để học tập bài của bạn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Nói 1 – 2 câu về con vật trong tranh.

– *Nhóm:* Từng HS nói thành câu trả lời cho những câu hỏi sau: *Trong tranh có con vật gì? Con vật đó làm gì?*

– *Cá nhân:* 3 – 4 HS nói về tranh: VD: *Con gà trống đang rướn cổ gáy.*

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 33D Quanh em có gì thú vị?

Mục tiêu

- Đọc mở rộng bài văn về loài vật. Nêu được chi tiết em thích trong bài.
- Viết đúng những từ có vần ít dùng: *uênh, oang, uêch, oac, oao, oam, oap, yêt, yêng*. Nghe – viết đoạn thơ.
- Nói những điều em biết về thời tiết.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Một số bài về loài vật để học ở HĐ3.
- Một số hình ảnh về hiện tượng mưa, gió, bão,...
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.*

Bài 33D Quanh em có gì thú vị?

1 **Nghe – nói**

Nói những điều em biết về nắng, mưa, gió,...






2 **Viết**

a) Viết một hoặc hai câu về thời tiết của ngày hôm nay.

– Hôm nay trời nắng hay mưa, nóng hay lạnh?

– Người ta làm gì để tránh nắng nóng hoặc tránh mưa, lạnh?




b) Nghe – viết hai khổ thơ đầu trong bài *Mời vào*.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Thi nói điều em biết về gió hoặc mưa, nắng, bão.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS tham gia thi, mỗi em nói về một hiện tượng thời tiết mình chọn. VD: Trời mưa to, em không đi học được./ Trời nắng to đi đâu cũng phải đội mũ,...

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Viết

a) Viết 1 – 2 câu về thời tiết của ngày hôm nay.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV giải thích từ *thời tiết* (là hiện tượng mưa, nắng, gió, bão, nóng, lạnh, khô, ẩm trong một ngày hoặc một số ngày).

+ HS quan sát bầu trời và nói xem thời tiết hôm nay có gì.

+ HS nói về việc em cần làm khi đi ra ngoài lúc này.

VD: *Hôm nay trời có nắng to. Em đi học phải đội mũ.*

+ 2 – 3 HS nói câu trả lời cho 2 câu hỏi gợi ý.

– *Cá nhân:* Viết 1 – 2 câu trả lời vào vở.

– *Cặp:* Đổi bài cho bạn để học hỏi.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c) Đọc và chép các từ ngữ sau:

huênh hoang | khuếch khoác | ngoao ngoao

oàm oạp | niêm yết | con yểng

Đọc

a) – Tìm đọc bài nói về loài vật.

– Chia sẻ với bạn hoặc người thân điều em thấy thú vị trong bài.

b) Gợi ý bài đọc mở rộng:

Vẹt châu Mĩ nhận ra nhau bằng cách nào?



Loài chim nhận ra nhau, trò chuyện với nhau bằng hình ảnh hoặc âm thanh. Loài vẹt ở châu Mĩ là một loài chim có màu lông sặc sỡ, sống thành từng đàn. Mỗi đàn vẹt khoác một bộ áo nhiều màu rực rỡ, có hoa văn trông như những bộ đồng phục riêng. Những vẹt con cùng đàn nhận ra nhau qua màu sắc của chiếc áo khoác đó. Nhờ vậy chúng tìm được đàn, không bị lạc.

(*Theo* En-giê-la Uyn-xơ)

? Nói điều em thích nhất ở loài vẹt châu Mĩ.

135

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

b) Nghe – viết 2 khổ thơ.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả 2 khổ thơ. Mỗi HS luyện viết tiếng có chữ hoa: *Tôi, Nếu*.

– *Cá nhân:*

+ Viết bài theo GV đọc.

+ Nghe GV đọc lại 2 khổ thơ.

+ Đổi bài cho bạn để cùng sửa lỗi.

c) Đọc và chép từ ngữ.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV đọc từng từ ngữ và đọc theo.

+ Nghe GV tách vần ở từng tiếng, đọc vần đã tách và đọc theo: *uênh, oang, uêch, oac, oao, oam, oap, yêt, yêng*.

– *Cá nhân:* Chép các từ ngữ trong SHS vào vở.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3. Đọc mở rộng

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn tìm bài viết về loài vật ở trong tủ sách lớp, thư viện trường.

+ Nghe GV hướng dẫn nhiệm vụ: đọc bài, chọn điều em thích trong bài để nói với bạn hoặc người thân.

– *Cá nhân:* Chọn bài và đọc bài theo HD. HS có thể đọc bài *Vẹt châu Mĩ nhận ra nhau bằng cách nào?* trong SHS và chia sẻ điều mình thích trong bài.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 34A Con xin lỗi

Mục tiêu

- Đọc đúng, đọc trơn câu, đoạn trong bài *Cậu bé lười học*. Biết được chi tiết quan trọng, rút ra được bài học từ câu chuyện.
- Viết đúng những từ mở đầu bằng *c, k*. Nghe – viết một đoạn văn.
- Kể lại một việc đã làm, nói lời xin lỗi.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bộ thẻ từ hình bông hoa để học viết đúng các từ ở HĐ3.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp:

– Xem tranh, 2HS nói về sự việc trong mỗi tranh.

– 1 – 2 HS kể một việc em đã làm khiến bố mẹ không vui (VD: trêu em bé, ngủ dậy muộn,...).

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* 1 – 2 HS nhìn tranh, đoán xem câu chuyện nói về ai, về việc làm của người đó. (VD: *Câu chuyện nói về một cậu bé lười học*)

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc bài, đọc thầm theo.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:*

+ Luyện đọc đúng từ: lười, lỗi (MB), bác sĩ (MN).

+ Đọc ngắt hơi câu trong bài (cá nhân, đồng thanh) do GV chọn.

– *Nhóm:* Từng HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm.

1 Nghe – nói

Kể một việc em làm khiến cha mẹ không vui.





2 Đọc

Cậu bé lười học



1. Thịnh là cậu bé lười học. Ở lớp nhiều lần cậu không làm bài. Một hôm, cô giáo mời mẹ Thịnh đến trường, bàn việc giúp cậu chăm học hơn.

Về nhà, mẹ nhẹ nhàng hỏi Thịnh:

– Vì sao ở lớp con không làm bài?

– Vì con chẳng nhìn thấy gì trên bảng cả.

2. Mẹ dẫn Thịnh đến phòng khám mắt. Bác sĩ kiểm tra và thấy mắt của cậu không sao cả. Dường như hiểu ý của mẹ Thịnh, bác sĩ cho cậu đeo một chiếc kính dày cộp.

3. Khi đeo kính vào, Thịnh không nhìn thấy gì nữa. Lúc cúi xuống, cậu không nhìn thấy cả chân mình. Sợ quá, Thịnh đành phải nhận là mình lười học.

(Theo *Chuyện của mùa xuân* – Trần Nguyên Huy dịch)

Đọc hiểu

b) Trả lời câu hỏi.

– *Nhóm:*

+ HS đọc câu hỏi b.

+ Trao đổi để thống nhất chọn câu trả lời đúng.

+ 2 – 3 nhóm nêu câu trả lời đã chọn.

+ Nghe GV chốt câu trả lời đúng (câu 2).

c) Thực hiện yêu cầu.

– *Cá nhân:*

+ HS đọc yêu cầu c.

+ Từng em trong nhóm nói lời khuyên bạn Thịnh.

+ 2 – 3 em nói một lời khuyên. (VD: Bạn cần chăm học, đừng nói dối để bố mẹ buồn.)

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Vì sao Thịnh nhận lỗi lười học?

1 Vì Thịnh bị mẹ hỏi về việc không làm bài

2 Vì Thịnh sợ phải đeo kính

3 Vì Thịnh không muốn nói dối

c) Mỗi em nói một lời khuyên bạn Thịnh.

3 Viết

a) Nghe – viết đoạn 3 trong bài *Cậu bé lười học*.

b) Chơi trò chơi *Chọn hoa cắm vào bình*.



Chép ba từ ngữ viết đúng vào vở.

4 Nghe – nói

Nói lời xin lỗi khi em mắc lỗi.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3: Viết

a) Nghe – viết đoạn văn.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả đoạn văn. Mỗi HS luyện viết tiếng có chứa chữ hoa: Khi, Sợ.

– *Cá nhân:*

+ Viết bài theo GV đọc.

+ Nghe GV đọc lại đoạn văn để soát và sửa lỗi.

+ Nghe GV nhận xét một số bài viết.

b) Viết đúng từ.

Chơi trò chọn hoa cắm vào bình.

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV nói mục đích của trò chơi là viết đúng từ mở đầu bằng *c, k*.

+ Nghe GV hướng dẫn cách chơi: Mỗi nhóm cử 1 HS chọn 1 bông hoa có từ viết đúng cắm vào bình. HS nối tiếp chọn hoa cắm bình.

– *Nhóm:* HS chơi trò chơi và gắn kết quả chơi lên bảng nhóm để lớp chọn nhóm thắng cuộc.

– *Cá nhân:* Chép vào vở 3 từ ngữ viết đúng.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Nói lời xin lỗi khi em mắc lỗi.

– *Cá nhân:*

+ Mỗi HS kể một việc mình đã làm khiến bố mẹ không vui (VD: Để đồ dùng bừa bộn trên giường hoặc trên bàn học), sau đó nói lời xin lỗi.

VD: *Con xin lỗi bố vì đã làm mất chìa khoá nhà ạ!*

+ Mỗi HS kể việc đã làm bạn không vui, sau đó nói lời xin lỗi.

VD: *Tớ xin lỗi vì đã làm rơi cặp của cậu.*

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 34B Biết ơn cha mẹ

Mục tiêu

- Đọc đúng, đọc trơn câu, đoạn trong bài *Đôi chân của bố*. Biết được chi tiết quan trọng trong câu chuyện qua việc trả lời câu hỏi *Vì sao*?.
- Viết đúng những từ mở đầu bằng *g, gh*. Nghe – viết đoạn văn.
- Kể một việc làm của cha mẹ để chăm sóc em. Nghe kể chuyện và trả lời câu hỏi, kể một đoạn câu chuyện.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Bộ thẻ từ để học viết đúng các từ; một vật thay cho cổng nhà để học ở HĐ3b.
- Tranh minh hoạ câu chuyện phóng to để học ở HĐ4.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.*



Bài 34B Biết ơn cha mẹ

1 Nghe – nói

Kể một việc làm chăm sóc em của cha mẹ.

2 Đọc

Đôi chân của bố

1. Mấy bạn trong lớp thỉnh thoảng bắt chước dáng đi tập tễnh của bố Giang, khiến Giang vừa tức vừa xấu hổ.

2. Sắp đến ngày Giang được nhận phần thưởng trong cuộc thi kể chuyện, cô giáo gửi giấy mời bố mẹ Giang đến dự. Giang nói với mẹ:

– Con chỉ muốn mẹ đến trường thôi.

3. Sau lễ trao thưởng, mẹ Giang nói:

– Hôm nay nếu bố đến dự, chắc bố vui lắm.

Rồi mẹ kể ngày Giang còn rất nhỏ, một lần Giang chạy vụt ra cổng. Đúng lúc đó, chiếc xe máy lao tới. Bố kịp chạy theo ôm lấy Giang. Giang được an toàn. Bố bị thương ở chân, phải đi tập tễnh suốt đời.

Nghe mẹ kể, Giang khóc nức nở:

– Bố ơi! Con xin lỗi bố.

(Theo *Người Do Thái dạy con* – Nguyễn Lư *biên dịch*)

138

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

– *Cả lớp:*

+ Xem tranh, 3 HS nói về sự việc trong mỗi tranh

+ 1– 2 HS kể một việc bố hoặc mẹ đã làm để chăm sóc em. (VD: *Buổi tối mẹ mắc màn cho tớ ngủ.*)

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cả lớp:* 1– 2 HS nhìn tranh đoán xem câu chuyện nói về ai, về việc làm của người đó.

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc bài, đọc thầm theo.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu:

– *Cả lớp:*

+ Luyện đọc đúng từ ngữ: *tập tễnh, thoát nạn, nghẹn ngào.*

+ Đọc ngắt hơi câu dài (do GV chọn) trong bài (cá nhân, đồng thanh).

Đọc hiểu

b) Trả lời câu hỏi.

– *Nhóm:*

– HS đọc câu hỏi b.

+ Trao đổi để thống nhất chọn câu trả lời đúng.

+ 2 – 3 nhóm nêu câu trả lời đã chọn.

+ Nghe GV chốt câu trả lời đúng (câu 2).

c) Thực hiện yêu cầu.

– HS đọc yêu cầu c.

– *Cả lớp:* Nghe GV gợi ý Giang có thể xin lỗi bố, có thể khoe với bố phần thưởng để bố vui,...

– *Cá nhân:* 3 HS nói lời của Giang.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Nghe – viết đoạn văn.

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc đoạn văn. Mỗi HS luyện viết đúng các từ: Rồi, Giang.

– *Cá nhân:*

+ Nghe – viết đoạn văn vào vở.

+ Nghe GV đọc lại đoạn văn để soát và sửa lỗi.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

a) Đọc từng đoạn trong nhóm.

b) Vì sao Giang chỉ muốn mẹ đến dự lễ phát thưởng?

1 Vì Giang chỉ yêu mẹ

2 Vì Giang ngại các bạn thấy bố đi tập tễnh

3 Vì Giang không muốn bố đi lại vất vả

c) Đoán xem Giang sẽ nói gì khi về nhà gặp bố.

Viết

a) Nghe – viết một đoạn trong bài *Đôi chân của bố* (từ *Rồi mẹ kể …* đến *an toàn*).

b) Chơi trò chơi *Mở cổng cho con vật, đồ vật qua cổng.*



Chép ba từ ngữ viết đúng vào vở.

Nghe – nói

a) Nghe kể từng đoạn câu chuyện và trả lời câu hỏi.

Đôi chân của bố



1. Ai cùng đến dự lễ phát thưởng ở trường với Giang?



2. Vì sao bố Giang phải đi tập tễnh?

b) Kể một đoạn câu chuyện.

b) Viết đúng từ: Chơi trò chơi *Mở cổng cho con vật, đồ vật qua cổng.*

- *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi: Mỗi nhóm cử 1 HS chọn 1 thẻ có từ viết đúng bỏ vào cổng. HS nối tiếp chọn thẻ từ bỏ vào cổng.
- *Nhóm:* HS chơi trò chơi và gắn kết quả chơi lên bảng nhóm để lớp chọn nhóm thắng cuộc.
- *Cá nhân:* Chép 3 từ ngữ viết đúng vào vở.

HĐ4. Nghe – nói

a) Nghe kể câu chuyện *Đôi chân của bố* và trả lời câu hỏi.

- *Cả lớp:*
  - + Nghe GV kể theo tranh thứ nhất, 1 – 2 HS trả lời câu hỏi dưới tranh.
  - + Nghe GV kể theo tranh thứ hai, 1 – 2 HS trả lời câu hỏi dưới tranh.

b) Kể một đoạn câu chuyện.

Nhóm: Chọn một tranh để kể một đoạn câu chuyện theo gợi ý của tranh và câu hỏi.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 34C Con yêu của cha mẹ

Mục tiêu

- Đọc đúng, đọc trơn câu, đoạn trong bài *Em là bông hồng nhỏ*. Hiểu được ý nghĩa của một câu thơ nêu ý chính của bài thơ.
- Tô chữ hoa A, M, N, Q, V (kiểu 2). Viết câu nói về người nuôi dưỡng em.
- Nói câu nêu việc em thích làm.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Đĩa CD hoặc VCD ghi bài hát *Em là bông hồng nhỏ* để học ở HĐ 2, một số bài hát về cha mẹ.
- Mẫu chữ hoa A, M, N, Q, V (kiểu 2) để học ở HĐ3a.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.*
- *Tập viết 1, tập hai.*



Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp: Nghe 1– 2 bài hát về cha mẹ và hát nhẩm theo.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Đọc

Nghe đọc

– *Cá nhân:* Nghe GV đọc bài, đọc thầm theo.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Cả lớp:* Đọc ngắt nhịp ở câu thơ, khổ thơ trong SHS (cá nhân, đồng thanh):

Em sẽ là / mùa xuân của mẹ

Em sẽ là / màu nắng của cha

Em đến trường / học bao điều lạ

Môi biết cười / là những nụ hoa.

– *Nhóm:* Đọc nối tiếp các khổ thơ.

Đọc hiểu

b) Trả lời câu hỏi.

– *Nhóm:*

+ HS đọc câu hỏi b.

+ Trao đổi để thống nhất chọn câu trả lời đúng.

+ 2 – 3 nhóm nêu câu trả lời đã chọn.

+ Nghe GV chốt câu trả lời đúng: *mùa xuân của mẹ, màu nắng của cha.*

c) Hát một đoạn bài hát.

– *Cả lớp:* Nghe lại bài hát *Em là bông hồng nhỏ.*

– *Nhóm:* Học hát đoạn thứ nhất, đoạn thứ hai để thuộc lời. Thi hát một đoạn giữa các nhóm.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

? a) Đọc từng đoạn thơ trong nhóm.

b) Bạn nhỏ trong bài thơ muốn là gì của cha, của mẹ?

c) Hát một đoạn bài *Em là bông hồng nhỏ*.

3 Viết

a) Tô chữ hoa: A, M, N, Q, V.



b) Viết một câu nói về người nuôi em khôn lớn.

4 Nghe – nói

Nói với bạn về một việc em thích làm ở nhà.



Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3. Viết

a) Tô chữ hoa A, M, N, Q, V (kiểu 2).

– *Cả lớp:*

+ Quan sát chữ mẫu A, M, N, Q, V (kiểu 2).

+ Nghe GV hướng dẫn cách tô chữ A, M, N, Q, V.

– *Cá nhân:* Tô chữ A, M, N, Q, V vào vở Tập viết.

– *Cả lớp:* Nghe GV nhận xét một số bài viết.

b) Viết câu nói về người nuôi em khôn lớn.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn chọn người em định viết (cha, mẹ, ông, bà,...) Nói về tính tình hoặc việc người đó làm để chăm sóc em.

– *Cá nhân:*

+ 2 – 3 HS nói về người nuôi em.

+ Từng em viết câu của mình vào vở. VD: Bố đưa em đi học hằng ngày./ Sáng nào mẹ cũng dậy sớm nấu xôi cho em ăn.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4. Nghe – nói

Cặp: Hỏi – đáp về việc em thích làm ở nhà. VD: Bạn thích làm gì ở nhà? – Tớ thích tưới cho cây hoa hồng.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Bài 34D Em được yêu thương

Mục tiêu

- Đọc mở rộng câu chuyện hoặc bài thơ về gia đình. Nêu được điều em thích trong bài.
- Viết đúng những từ mở đầu bằng d, gi. Nghe – viết một đoạn thơ. Viết câu nói về bức tranh.
- Nói về một điều bố mẹ đã dạy em.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Một số bài thơ, câu chuyện về chủ điểm gia đình để học ở HĐ3.
- Bộ thẻ từ để học ở HĐ2c.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.*



1 **Nghe – nói**

Hỏi – đáp về một điều bố đã dạy em.

2 **Viết**

a) Viết một hoặc hai câu về bức tranh.

– Tranh vẽ những ai?

– Bức tranh muốn nói điều gì về tình cảm gia đình?



b) Nghe – viết.

Gió từ tay mẹ

Quạt nan như lá
Chớp chớp lay lay
Quạt nan mỏng dính
Quạt gió rất dày.

Gió từ ngọn cây
Có khi còn nghỉ
Gió từ tay mẹ
Thổi suốt đêm ngày.

(Vương Trọng)



143

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Nghe – nói

Cả lớp:

- 1– 2 HS kể một việc bố đã làm để giúp em có thêm hiểu biết trong một chuyến đi chơi. (VD: *Khi đi nghỉ ở đảo Phú Quốc, bố chỉ cho em những con san hô rất đẹp. Bố bảo Phú Quốc là đảo to nhất nước ta.*)
- 1– 2 HS kể bố dạy em làm một việc ở nhà (VD: *Bố đã dạy em lau nhà bằng cây lau nhà mới mua).*

Tổ chức HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2. Viết

a) Viết 1 – 2 câu về bức tranh.

- *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn xem tranh, đọc các câu hỏi gợi ý rồi trả lời.
- *Cặp:* hỏi – đáp từng câu hỏi gợi ý.

VD: A – Tranh vẽ những ai?

B – Tranh vẽ bố, mẹ, em bé.

A – Tranh muốn nói điều gì về tình cảm gia đình?

B – Tranh cho em biết bố mẹ rất yêu thương bé.

- *Cá nhân:* Viết câu trả lời vào vở.
- *Cặp:* Đổi bài cho bạn để phát hiện lỗi và sửa lỗi.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

b) Nghe – viết đoạn thơ.

- *Cả lớp:* Nghe GV đọc cả đoạn thơ. Mỗi HS luyện viết tiếng có chứa chữ hoa: Quạt, Gió.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

c) Chọn từ ngữ viết đúng *d*, *gi*.

đôi dép	dá sách	con giao	quả dâu
đôi giép	giá sách	con dao	quả giâu

Chép ba từ ngữ tìm được vào vở.

Đọc

a) – Tìm đọc một câu chuyện hoặc bài thơ về gia đình.
– Chia sẻ với người thân điều em thích trong bài đọc.

b) Gợi ý bài đọc mở rộng:

Quà của bố



1. Bố em là bộ đội
Ở tận vùng đảo xa
Chưa lần nào về phép
Mà luôn luôn có quà.

2. Bố gửi nghìn cái nhớ
Gửi cả nghìn cái thương
Bố gửi nghìn lời chúc
Gửi cả nghìn cái hôn.

3. Bố cho quà nhiều thế
Vì biết em rất ngoan
Vì em luôn giúp bố
Tay súng thêm vững vàng.

(*Theo* Phạm Đình Ân)

? Bố gửi cho bạn nhỏ những quà gì?

144

– *Cá nhân:*

+ Viết bài theo GV đọc.

+ Nghe GV đọc lại đoạn thơ để soát và sửa lỗi.

+ Nghe GV nhận xét một số bài viết.

c) Viết đúng từ: Chơi trò bỏ thẻ từ mở đầu là *d* hoặc *gi*.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách chơi: HS chia thành 2 đội chơi, mỗi đội ngồi thành vòng tròn. Bạn đi bỏ thẻ sau lưng từng HS. Mỗi HS nhặt thẻ lên và đọc từ trên thẻ, nói xem từ đó viết đúng hay sai.

– *Nhóm:* HS chơi theo đội. HS nào nói sai thì bị loại ra ngoài vòng.

– *Cá nhân:* Chép vào vở 3 từ ngữ tìm được.

Tổ chức HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3. Đọc mở rộng

– *Cả lớp:*

+ Nghe GV hướng dẫn tìm đọc câu chuyện, bài thơ về gia đình trong tủ sách, thư viện.

+ Nghe GV giao nhiệm vụ: đọc bài, chia sẻ với bạn điều mình thích trong bài.

– *Cá nhân:* Đọc bài và chia sẻ theo hướng dẫn (hoặc có thể đọc bài thơ *Quà của bố* trong SHS).

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT.

Sử dụng VBT

Sau khi hoàn thành các HĐ trong SHS, HS có thể luyện tập những bài trong VBT.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

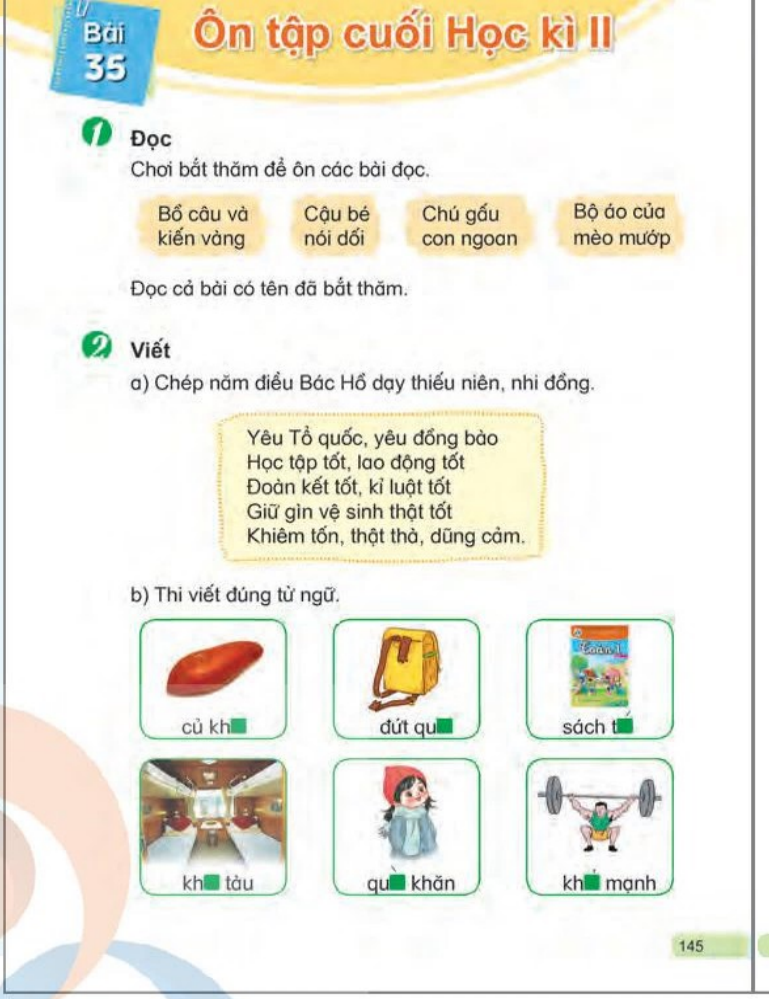
Bài 35 Ôn tập cuối Học kì II

Mục tiêu

- Đọc đúng và đọc trơn từ, câu, đoạn trong một số bài đọc là các câu chuyện đã học từ tuần 28 – tuần 34. Đọc hiểu bài thơ *Gửi lời chào lớp Một.*
- Viết đúng các từ mà vần *oai, oang, oan, oe* khi ở sau các âm đầu không phải là *qu* và viết đúng các từ mà vần có những âm đệm *oai, oang* khi ở sau *qu* (*uai, uang*). Chép đúng *năm điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng.* Viết tên cho bức tranh.
- Nói những điều em thấy vui khi học lớp 1.

Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Các tờ thăm ghi tên những bài đọc là câu chuyện đã học từ tuần 18 – tuần 34.
- Các thẻ hình ở HĐ2b.
- Phiếu kiểm tra in sẵn cho từng HS trong lớp.
- *Vở bài tập Tiếng Việt 1*, tập hai.


Bài 35 Ôn tập cuối Học kì II

1 Đọc

Chơi bắt thăm để ôn các bài đọc.

Bố câu và kiến vàng | Cậu bé nói dối | Chú gấu con ngoan | Bộ áo của mèo mướp

Đọc cả bài có tên đã bắt thăm.

2 Viết

a) Chép năm điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng.

Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào
Học tập tốt, lao động tốt
Đoàn kết tốt, kỉ luật tốt
Giữ gìn vệ sinh thật tốt
Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm.

b) Thi viết đúng từ ngữ.

145

Tổ chức HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ1. Đọc

Thi đọc bài trong nhóm.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách làm: bắt thăm, mở thăm ra, mở SHS và đọc bài có tên trong tờ thăm.

– *Nhóm:* HS tự đọc bài theo tờ thăm trong nhóm (HS trung bình chỉ đọc 1 đoạn, HS khá, giỏi đọc cả bài).

– *Cả lớp:* Mỗi nhóm cử 1 HS thi đọc bài đã bắt thăm.

HĐ2. Viết

a) Thực hiện yêu cầu.

Tập chép *5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng.*

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc 5 điều Bác Hồ dạy.

– *Cá nhân:*

+ Viết một số từ có chữ cái mở đầu viết hoa ra nháp: Yêu, Học,...

+ Chép 5 điều Bác Hồ dạy vào vở.

+ Nghe GV đọc lại bài để soát và sửa lỗi.

b) Thi viết đúng từ.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn mục đích và cách chơi: luyện viết đúng các từ có vần viết bằng *oai / uai, oan / uan, oang / uang, oe / ue*. Mỗi em bắt 1 thẻ hình, điền vần vào chỗ trống ở mỗi từ trong thẻ rồi dán thẻ lên bảng nhóm. Cần viết đúng và nhanh.

– *Nhóm:* Từng HS bắt 1 thẻ hình, ghi tên của vật trong hình và dán kết quả lên bảng nhóm. Các nhóm xem kết quả của nhau và cùng GV chọn nhóm thắng cuộc.

– *Cá nhân:* Từng HS viết 4 từ ngữ đã hoàn thành vào vở.

c) Viết tên cho bức tranh em chọn.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách làm: Xem 3 tranh và chọn 1 tranh. Xem tranh vẽ ai, người đó làm gì. Dựa vào tranh để đặt tên cho tranh: tên có thể là nói về người hoặc việc người đó làm. VD: Tên tranh số 2 có thể là *Nhảy dây* hoặc *Bạn chơi nhảy dây*.

– *Cá nhân:* Đặt tên cho 1 tranh và viết tên đã đặt cho tranh vào vở.

HĐ3. Nghe – nói

Trao đổi với bạn về những điều em thấy thích và thấy vui khi học lớp 1.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách làm: HS nhìn tranh ghi lại hình ảnh hoạt động của lớp; sau đó chọn một hoạt động em thấy thích và thấy vui để chia sẻ với bạn.

– *Nhóm:* Từng HS bắt thăm chia sẻ với bạn một điều mình thấy vui trong một năm học ở lớp 1.

– *Cả lớp:* 2 – 3 HS chia sẻ điều mình thấy vui khi học ở lớp 1 trước lớp.

VD: *Em rất vui khi được nhận phần thưởng trong cuộc thi hát về Bác Hồ.*

HĐ4. Đọc

Đọc nhẩm

– *Cả lớp:* Nghe GV đọc bài thơ và đọc nhẩm theo.

c) Chọn một tranh dưới đây rồi viết tên cho bức tranh đó.



3 Nghe – nói

Trao đổi với bạn về những điều em thấy vui thích khi học lớp 1.



4 Đọc

Gửi lời chào lớp Một

1. Lớp Một ơi! Lớp Một!
Đón em vào năm trước,
Nay giờ phút chia tay,
Gửi lời chào tiến bước!

2. Chào bảng đen cửa sổ
Chào chỗ ngồi, thân quen
Tất cả! Chào ở lại
Đón các bạn nhỏ lên.

3. Chào cô giáo kính mến
Cô sẽ xa chúng em...
Làm theo lời cô dạy,
Cô sẽ luôn ở bên.

4. Lớp Một ơi! Lớp Một!
Đón em vào năm trước,
Nay giờ phút chia tay,
Gửi lời chào tiến bước!

(Hữu Tưởng, phỏng theo *Ma-rút-xi-a đi học*, bản dịch của Khánh Như)



? a) Đọc từng khổ thơ trong nhóm.

b) Các bạn lớp Một đã gửi lời chào những ai, những vật gì?

c) Nêu những điều các em muốn hứa với cô giáo (thầy giáo) đã dạy em ở lớp Một.

5 Viết

a) Tô một số chữ hoa đã học từ bài 28C đến bài 34C.

b) Viết một hoặc hai câu kể về công việc thú vị mà các bạn lớp em đã làm.







– *Cá nhân:* Từng HS đọc nhẩm bài thơ theo chỉ dẫn của GV. GV gõ đánh dấu thời điểm HS đọc xong mỗi dòng để kiểm soát việc đọc của HS.

Đọc trơn

a) Để thực hiện yêu cầu.

– *Nhóm:* Từng HS đọc nối tiếp các khổ thơ trong nhóm.

– *Cả lớp:* Thi đọc 1 khổ thơ đầu hoặc 1 khổ thơ cuối giữa các nhóm.

Đọc hiểu

b) Trả lời câu hỏi.

– *Nhóm:*

+ 1 HS đọc câu hỏi b.

+ Mỗi HS tìm trong bài: người, đồ vật được các bạn lớp Một gửi lời chào.

+ Cả nhóm trao đổi để chọn câu trả lời đúng (chào bảng đen, cửa sổ, chỗ ngồi, cô giáo).

c) Thực hiện yêu cầu.

+ HS đọc yêu cầu c.

– *Nhóm:*

+ Mỗi em nêu một điều muốn hứa với thầy (cô) đã dạy em ở lớp Một.

+ Trao đổi để thống nhất một số điều nhóm muốn hứa với thầy (cô) lớp Một.

– *Cả lớp:* 1 – 2 nhóm nói những điều muốn hứa với thầy (cô) lớp Một

HĐ5. Viết

a) Tô chữ hoa đã học trong vở *Tập viết* tuần 35.

GV có thể cho HS tô 1 lần tất cả các chữ trong vở *Tập viết*, GV cũng có thể chia số chữ cần tô thành 2 lần: lần 1 trước HĐ4, lần 2 ở HĐ5.

b) Nhớ và kể 1 – 2 câu về một công việc thú vị mà các bạn trong lớp em đã làm.

– *Cả lớp:* Nghe GV hướng dẫn cách làm: Nhớ lại một việc làm em thấy thích thú trong năm học ở lớp 1. Kể với bạn về việc làm đó bằng 1 – 2 câu, trong đó nêu tên việc làm, những người tham gia, ích lợi của việc làm. VD: *Tớ thích trò chơi bịt mắt bắt dê. Tớ thích được bịt mắt vì như thế tớ tinh hơn.*

– *Cặp:* Từng HS nói về việc làm mình thích ở lớp 1.

– *Cả lớp:* 2 HS nói trước lớp điều mình thích làm ở lớp 1. HS nghe GV nhận xét bạn nói.

– *Cá nhân:* Từng HS viết câu đã nói.

Nghe GV dặn dò làm BT trong VBT và chuẩn bị làm bài kiểm tra miệng và kiểm tra viết cuối năm.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

PHIẾU KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

A – BÀI KIỂM TRA ĐỌC

(2 hoặc 3 phút cho mỗi học sinh)

Đọc to đoạn văn sau:

Vườn thú Thủ Lệ gồm nhiều khu: khu bò sát nuôi rắn, kì đà, cá sấu,... Khu này nằm gần hồ nước, có những hang thích hợp với đời sống từng loài. Khu chim chóc có công, trĩ, hạc, cò, sếu, hoạ mi, khướu,... Khu thú dữ gồm hổ, báo, sư tử, gấu,... với nhiều chuồng giống kiểu hang động.

B – BÀI KIỂM TRA VIẾT

(Làm bài ra giấy trong 60 phút)

1. Đọc câu chuyện sau rồi làm các bài tập.



Gấu con bị đau răng

1. Nhân dịp sinh nhật của gấu con, sóc nâu tặng gấu con một chùm nhãn to. Ong tặng gấu con một hũ mật ong thơm phức. Gấu con thích lắm. Nó ăn hết, không bỏ lại thứ nào. Ăn xong, nó lên giường đi ngủ.

2. Mấy hôm sau, gấu con thấy đau răng quá. Mẹ đưa gấu con đến bác sĩ hươu khám bệnh.

Bác sĩ hươu xoa đầu gấu con và nói:

– Cháu bị sâu răng rồi! Cháu ăn kẹo rồi đi ngủ, không đánh răng phải không?

148

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

HƯỚNG DẪN LÀM PHIẾU KIỂM TRA

1. Cả lớp

– Nghe GV nói về mục đích của bài tự kiểm tra: để luyện tập về đọc và viết.

– Nghe GV giới thiệu các bài tập trong bài kiểm tra:

+ Đoạn văn để đọc to (Bài A).

+ Câu chuyện để đọc hiểu (Bài B) kèm theo yêu cầu điền từ ngữ vào chỗ trống (câu a); trả lời câu hỏi trắc nghiệm (câu b – chỉ chọn 1 câu trả lời); viết lời khuyên dựa trên nội dung đã cho (câu c).

+ Bài viết đúng các từ ngữ (Bài tập 2) có chữ mở đầu là: *gi, k, c, ngh, gh*. Trước hết, HS phải xác định được tên, hoạt động, sau đó chọn từ có chữ phù hợp điền vào chỗ trống để có tên đầy đủ của vật, việc làm trong tranh.

+ Bài chính tả (Bài tập 3): Nghe – viết một đoạn văn.

+ Viết câu có gợi ý bằng tranh (Bài tập 4).

Gấu con cúi đầu im lặng vì bác sĩ đã nói đúng. Bác sĩ hươu lại nhẹ nhàng bảo:

– Bác sẽ gắp "con sâu" ra để cháu khỏi đau. Từ nay cháu đừng ăn nhiều đồ ngọt và phải đánh răng trước khi đi ngủ nhé!

a) Điền vào chỗ trống tên loại quả các bạn tặng gấu con.

– *Sóc nâu tặng gấu con:* .....

– *Ong tặng gấu con:* .....

b) Vì sao gấu con đau nhức răng?

1. Vì ăn nhiều đồ ngọt
2. Vì ăn nhiều đồ ngọt trước khi đi ngủ
3. Vì ăn đồ ngọt mà không đánh răng

c) Vào một buổi tối, bạn Nga ăn kem và bánh kẹo. Em hãy viết lời khuyên bạn Nga về việc cần làm sau đó.

2. Điền chữ còn thiếu vào chỗ trống để có tên đầy đủ của vật, việc làm trong tranh.



.....ường gỗ



.....ính .....ận



đứng .....iêm



.....i bài

3. Nghe – viết đoạn văn sau:

Nhân dịp sinh nhật của gấu con, sóc nâu tặng gấu con một chùm nhãn to. Ong tặng gấu con một hũ mật ong thơm phức. Gấu con rất vui và cảm ơn các bạn.

4. Viết một hoặc hai câu về người trong tranh.

Gợi ý: Trong tranh có ai, người đó đang làm gì?



– Nghe GV chỉ dẫn cách làm từ bài tập 1 đến các bài tiếp theo. Bài nào khó, chưa nghĩ ra cách làm đúng thì để lại để làm bài tiếp theo. Sau khi làm hết các bài rồi thì quay lại làm bài đã để lại, làm như vậy sẽ không lãng phí thời gian cho một bài và có đủ thời gian để làm các bài khác.

– Nghe GV chỉ dẫn cách trình bày bài: Chú ý viết hoa chữ đầu câu, không tẩy xoá làm bẩn bài (chỗ làm sai thì để trong ngoặc đơn).

2. Cá nhân

– Từng HS đọc to bài A trước GV. Sau khi tất cả HS đọc to xong thì cùng về chỗ làm bài viết. (60 phút)

– Hết thời gian làm bài, HS dừng bút.

– HS nghe GV chữa bài và đối chiếu với bài của mình.

– HS nộp bài đã tự sửa cho GV xem lại, nhận xét.

– HS đem bài về nhà báo cáo kết quả cho người thân.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO - PHẠM LAN ANH
Biên tập mĩ thuật: BÙI QUANG TUẤN
Thiết kế sách: THÁI MỸ DUNG
Trình bày bìa: BÙI QUANG TUẤN - PHÙNG DUY TÙNG
Minh họa: NGUYỄN THỊ THANH VÂN - NGUYỄN THẾ PHI - BÙI VIỆT DUY
NGUYỄN MAI HƯƠNG - NGUYỄN THỊ NGỌC THỦY - NGUYỄN THỊ HUẾ
Sửa bản in: PHẠM LAN ANH
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.

TIẾNG VIỆT 1 - SÁCH GIÁO VIÊN
Mã số: ...
In .....bản, (QĐ .....) khổ 20,5 x 28.5cm
Đơn vị in: ..... địa chỉ .....
Số QĐXB: ..../CXBIPH/ ... /GD
Số ĐKXB: /QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...
In xong nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...
Mã số ISBN: .....